TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

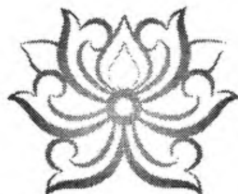
03

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

03

KINH TƯƠNG ƯNG BỘ

(Saṃyutta Nikāya)



Dịch giả

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC A-LA-HÁN CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
  - *Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN*
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
  - *Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN*
  - *Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam*
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
  - *Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN*
  - *Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội*
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
  - *Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam*

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



Cố vấn
- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa thượng Tiến sĩ THIỆN TÂM

Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

Tổng Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

Phó Tổng Biên tập
- Thượng tọa GIÁC GIỚI

Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

Ủy viên Biên tập
- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác…

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

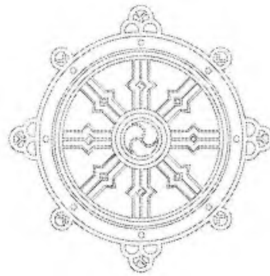
Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đồng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích Đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大蔵經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大蔵經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

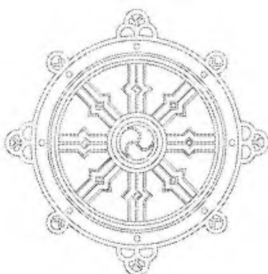
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

T*am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý, văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,...

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh những bản dịch từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

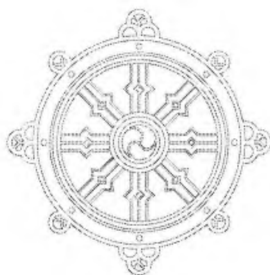
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Bộ này gồm tất cả 5 tập: ...

Tập I, bắt đầu dịch ngày 18-08-1974 đến ngày 03-05-1975 mới hoàn thành, mất hơn tám tháng.

Tập II, bắt đầu dịch ngày 19-06-1975, được hoàn thành ngày 18-10-1975, mất bốn tháng.

Tập III, bắt đầu dịch ngày 21-10-1975, được hoàn thành ngày 29-01-1976, mất ba tháng tám ngày.

Tập IV, được phiên dịch bắt đầu ngày 31-01-1976, hoàn thành ngày 01-06-1976, mất bốn tháng.

Tập V, bắt đầu ngày 20-06-1976 và hoàn thành ngày 22-09-1976, mất hơn ba tháng."

"Nếu chúng ta so sánh thời gian Bà Rhys Davids và Ông Woodquard đã dùng để dịch toàn bộ *Saṃyutta Nikāya* ra tiếng Anh là 14 năm (xin xem Lời giới thiệu tập V của Ông Rhys Davids), thì thời gian 1 năm 10 tháng của chúng tôi cũng có thể được xem là khá nhanh.

Nếu so sánh với hai bộ trước *Kinh Trường bộ* (*Dīgha Nikāya*) 4 tập, phải dịch mất 7 năm (1965-1972); *Kinh Trung bộ* (*Majjhima Nikāya*) 3 tập, phải mất 3 năm (1973-1975); thời *Kinh Tương ưng bộ* này chỉ mất 1 năm 10 tháng có thể xem là khá nhanh chóng. Sở dĩ chúng tôi hoàn thành tương đối mau chóng bản dịch này là do sau ngày đất nước thống nhất, chúng tôi được khỏi lo về trách nhiệm giáo dục thế học nên để toàn lực, toàn tâm và toàn thì giờ vào phiên dịch.

Trong khi chúng tôi phiên dịch tập này, chúng tôi sử dụng nguyên bản tiếng Pāli của Hội Pali Text Sociery. Nhưng rất tiếc, chúng tôi không có tập thứ III, thành ra phải sử dụng bản Pāli của Viện Đại học Nalanda bằng chữ Devanagari. Do vậy, không làm sao tránh được những khó khăn do những bản sai khác gây nên. Chúng tôi được sử dụng bản dịch tiếng Anh của Hội Pali Text Society và bản dịch Nam truyền Đại tạng kinh bằng chữ Nhật, nhưng không có thể so sánh với bản dịch tiếng Campuchia, tiếng Thái, hay tiếng Miến Điện, nên khó lòng tránh khỏi các khiếm khuyết… Về chú thích, chúng tôi trích dùng một số chú thích trong bản dịch của Hội Pali Text Society. Đúng lý, chúng tôi phải ghi chú

những sai khác căn bản giữa các kinh Pāli và các kinh Hán tạng tương đương, nhưng vì không có thì giờ nên đành gác lại, chờ sau khi hoàn thành năm bộ Kinh tạng Pāli.

Chúng tôi thấy rõ có ba khuyết điểm lớn trong sự phiên dịch hiện tại của chúng tôi. Thứ nhất là không thể tra cứu các bản dịch Miến Điện, Thái Lan và Campuchia hiện có mặt tại thư viện Viện Phật học Vạn Hạnh, vì lý do dễ hiểu là không có người giỏi các thứ tiếng trên giúp đỡ. Khuyết điểm thứ hai, chúng tôi chưa có thể so sánh với bộ *Tạp A-hàm kinh*, tức là bộ trong Hán tạng tương đương với bộ *Kinh Tương ưng* Pāli. Sự so sánh này sẽ làm nổi bật các điểm dị đồng giữa hai bộ. Những điểm tương đồng sẽ xác chứng phần giáo lý nguyên thủy mà hai bộ ấy tàng trữ. Những điểm dị biệt nói lên sự dị biệt của các học phái. Và đây là những tài liệu quan trọng, giúp chúng ta một mặt tìm hiểu được giáo lý nguyên thủy, một mặt cho thấy rõ sự phát triển của các học phái. Ngoài ra, hai bộ Pāli và Hán sẽ bổ sung cho nhau, làm sáng tỏ những đoạn tối nghĩa trong cả hai bộ và hai bộ sẽ bổ túc lẫn nhau rất là tốt đẹp. Nếu người phương Tây biết nhiều đến tạng Pāli, thì trái lại, họ biết rất mù mờ về Hán tạng, và những ai biết Hán tạng lại không biết đến Pāli. Đây có thể là một lãnh vực mà Phật giáo Việt Nam chúng ta có thể cống hiến cho nền văn học Phật giáo quốc tế, nếu chúng ta khôn khéo khai thác lãnh vực này. Khuyết điểm thứ ba của chúng tôi là không có thì giờ soạn các bản phụ lục, hoặc về địa danh, hoặc về nhân danh, hoặc về nội dung đã được đề cập đến trong bản dịch của chúng tôi, để giúp các học giả nghiên cứu. Chúng tôi rất tiếc là không có thì giờ và không có các phụ khảo có khả năng để giúp đỡ chúng tôi trong công trình này, một khuyết điểm mà chúng tôi chỉ có thể bổ túc sau này, khi hoàn thành phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pāli.

Chúng tôi xem sự nghiệp phiên dịch Kinh tạng như là một bổn phận phải làm đối với những ai được may mắn du học tại Ấn Độ. Gương của Ngài Pháp Hiển trong thế kỷ thứ IV, gương của Ngài Huyền Trang trong thế kỷ thứ VII, và gương của Ngài Nghĩa Tịnh trong cuối thế kỷ thứ VII cho chúng ta thấy, dịch kinh là một nhiệm vụ thiêng liêng phải làm, và đã làm thời phải làm cho đến nơi đến chốn. Lại nghĩ đến các vị đã dịch các kinh điển Sanskrit hay Prakrit ra chữ Hán, như Ngài Phật-đà-da-xá (Buddhayaśas) đã dịch bộ *Trường A-hàm kinh*, Ngài Tăng-già-đề-bà (Saṃghadeva) đã dịch bộ *Trung A-hàm kinh*, v.v… thời tự nhiên chúng tôi phải noi theo gương sáng của các Ngài, đóng góp một cách khiêm tốn vào sự nghiệp phiên dịch này.

Hơn nữa, chúng ta cũng không thể không nhắc đến một số chư Tăng Việt Nam đã du học và chiêm bái ở Ấn Độ. Như Ngài Vận Kỳ vào thế kỷ thứ VII, giỏi Phạn ngữ và Hán ngữ, đã từng du hành qua Java, Trung Quốc và Ấn Độ. Pháp sư Giải Thoát Thiên, tên chữ Phạn là Mokṣadeva đã qua Ấn Độ bằng đường thủy và viếng thăm Bồ-đề Đạo Tràng. Pháp sư Khuy Xung, tên chữ

Phạn là Citradeva qua Tích Lan rồi qua Ấn Độ, có đến Bồ-đề Đạo Tràng và Vương Xá rồi mệnh chung ở Trúc Lâm, Vương Xá. Pháp sư Huệ Diễm đi du hành ở Tích Lan và ở luôn tu học tại đấy. Pháp sư Trí Hành, người Ái Châu (Thanh Hóa), tên Phạn ngữ là Prajñādeva, đi Ấn Độ bằng thuyền. Ngài lên miền Bắc sông Hằng và tu tại chùa Tín Giả rồi tịch lúc 50 tuổi. Ngài Đại Thừa Đăng, tên chữ Phạn là Mahāyānapradīpa, xuất gia ở Dvārarati, Ấn Độ, sau đó về Trường An thọ giới Tỷ-kheo với Ngài Huyền Trang, rồi đi Tích Lan bằng đường biển tới Nam Ấn Độ, đi về phía Đông, cùng với Ngài Nghĩa Tịnh đi đến Phật học viện Nalanda, Bồ-đề Đạo Tràng, Vesāli rồi Kusinārā. Ngài mất tại chùa Parinirvāna ở Kusinārā tuổi chừng quá 60 (trích *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang). Chính vì nhớ đến công đức lớn lao của các vị tiền bối đã du hành qua Ấn Độ, cầu đạo và chiêm bái, mà chúng tôi tự nghĩ mình đã may mắn được tu học tại Tích Lan và Ấn Độ hơn 10 năm, nay về nước phải đóng góp một sự nghiệp gì cho quốc gia và đạo Phật, và vì vậy chúng tôi mới chọn lấy trách nhiệm phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pāli ra tiếng Việt.

Hơn nữa, chúng tôi cũng rất muốn đóng góp vào trách nhiệm xây dựng một *Đại tạng kinh Việt Nam* với những khả năng khiêm tốn của mình. Chúng tôi nghĩ đến một số học giả người Anh trong Hội Pali Text Society, khoảng độ 15 - 20 vị, trong khoảng không đầy 80 năm đã phiên dịch và in các nguyên bản *Aṭṭhakathā* (*Chú giải*) nữa. Phật tử Việt Nam chúng ta nói nhiều mà làm ít, nên mãi cho đến nay, gần 2.000 năm Phật sử mà vẫn chưa xây dựng được một *Đại tạng kinh Việt Nam*.

Chúng tôi lựa Kinh tạng Pāli để phiên dịch là có một dụng ý rõ rệt. Trong Kinh tạng có đủ cả Luật tạng (*Vinaya*), A-tỳ-đàm tạng (*Abhidhamma*) và Kinh tạng (*Suttanta*) chứa đựng nhiều lời dạy nguyên thủy nhất. Ngày nay, chúng ta phải đi tìm lại, thật sự đức Phật đã dạy những gì, khỏi phải qua những lăng kính, những giải thích của các học phái, khỏi phải chịu đựng những phát triển, những chế biến về mặt giáo lý cũng như pháp môn tu hành làm biến dạng và xuyên tạc những giáo lý và những pháp môn căn bản của đạo Phật. Đức Phật là một con người nhờ sự tu hành được giải thoát, đã bị biến thành một vị thần linh ban phước giáng họa, được siêu nhân hóa để trở thành một vị phi nhân. Các pháp môn tu hành là những phương pháp huấn luyện thân, huấn luyện tâm, huấn luyện trí đã trở thành những hình thức lễ nghi, bùa chú, phù phép, để cầu danh, cầu lợi."

"Vì vậy, chúng ta cần phải đọc những tài liệu nguyên thủy; và muốn vậy, chúng ta phải nghiên cứu Kinh tạng; và Kinh tạng này phải là Kinh tạng Pāli và tạng A-hàm. Việc phiên dịch Kinh tạng Pāli của chúng tôi cũng nằm trong chiều hướng này và cũng là một sự khuyến khích trực tiếp hay gián tiếp để Kinh tạng A-hàm được phiên dịch từ Hán tạng ra tiếng Việt."

"Chúng tôi không có thì giờ đi sâu vào nội dung của bộ *Kinh Tương ưng*

này, nhưng chúng tôi có thể nêu rõ ba đặc điểm của bộ này để cống hiến cho các học giả và các Phật tử.

Đặc điểm thứ nhất là các kinh điển trong bộ kinh này được phân loại theo từng vấn đề liên hệ với nhau (*saṃyutta*) như tên kinh được đặt ra. Ví như trong tập V, các kinh liên hệ đến bảy giác chi được sắp đặt trong chương *Tương ưng Giác chi* (*Bojjhaṅga Saṃyutta*); các kinh liên hệ đến bốn niệm xứ được sắp đặt trong chương *Tương ưng Niệm xứ* (*Satipaṭṭhāna Saṃyutta*). Như vậy, các kinh liên hệ chung một vấn đề đều được quy tụ trong một chương riêng biệt và như vậy rất dễ cho phần nghiên cứu và tìm hiểu. Quý vị muốn tìm hiểu về pháp môn *Ānāpānasati* (Niệm hơi thở vô, hơi thở ra), thời xin tìm tập V chương X, *Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở ra* (*Ānāpāna Saṃyutta*) là tìm ra ngay. Các kinh của *Kinh Tương ưng bộ* tương đối ngắn so với các kinh trong *Kinh Trường bộ*, hay *Kinh Trung bộ*, nhưng nhờ phân loại theo từng vấn đề tương ưng, nên mỗi vấn đề được đề cập dưới nhiều khía cạnh khác nhau, và được quy tụ trong một *Tương ưng* (*Saṃyutta*), rất tiện cho vấn đề nghiên cứu.

Đặc điểm thứ hai của bộ này là vấn đề định nghĩa từng danh từ, định nghĩa từng vấn đề và nhờ vậy đem lại một quan niệm rất rõ ràng, rất chính xác của từng vấn đề một. Chúng tôi xin đơn cử một ví dụ về bốn như ý túc.

"*Thế nào là như ý? Ở đây, vị Tỷ-kheo thực hiện nhiều thần thông... gọi là như ý. Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ý túc? Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến chứng được như ý, chứng đắc như ý. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc*" (tập V).

"*Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo nương tựa dục được định, được nhất tâm, đây gọi là dục định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh... Đối với các thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những pháp này được gọi là tinh cần hành. Như vậy, đây là dục, đây là dục định, và những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành*". Như vậy, "*chandasamādhi padhānasaṅkhārasamannāgata iddhipāda*", dịch là "Như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành" đã được định nghĩa rất rõ ràng. Ví dụ như vậy trong kinh này rất nhiều và vì vậy mà bộ kinh này giúp chúng ta nắm vững được định nghĩa của từng vấn đề, khỏi bị những sự lệch lạc xuyên tạc gây hiểu lầm về sau.

Đặc điểm thứ ba của bộ này là sự quy tụ gần như đầy đủ 37 pháp môn tu hành chính của đạo Phật, từ tám chánh đạo đến bảy giác chi, bốn niệm xứ, năm căn, năm lực, bốn chánh cần, bốn như ý túc, thiền niệm hơi thở vô hơi thở ra, đều được phân loại trong tập V của *Kinh Tương ưng bộ*. Cũng chính

nhờ phiên dịch tập V *Kinh Tương ưng bộ*, chúng tôi khám phá ra được pháp môn *Ānāpānasati* (Niệm hơi thở vô, hơi thở ra), một pháp tham thiền điều hòa thân, điều hòa hơi thở, điều hòa tâm, một pháp môn nằm trong bốn niệm xứ (*satipaṭṭhāna*), niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp; một pháp môn dùng hơi thở vô, hơi thở ra làm đối tượng hành trì, một pháp môn trong một hơi thở vừa phát triển niệm, vừa phát triển định, vừa phát triển tuệ, và như vậy tăng trưởng cả niệm căn, niệm lực, định căn, định lực, tuệ căn, tuệ lực. Pháp môn này đem giới thiệu với các Phật tử, được các Phật tử nhiệt liệt hưởng ứng hành trì. Chúng tôi rất tiếc là không có thì giờ để đi sâu vào nội dung và giới thiệu thêm cho quý vị những đóng góp về Chánh pháp của *Kinh Tương ưng bộ* này. Nhưng điều chúng tôi tin tưởng một cách chắc chắn rằng, với bốn bộ *Kinh Trường bộ*, *Kinh Trung bộ*, *Kinh Tương ưng bộ*, *Kinh Tăng chi bộ*, đã được phiên dịch và phổ biến, với *Kinh Tiểu bộ* đang được phiên dịch, chúng tôi có thể xem là đã xây dựng được những cơ sở căn bản cho một *Đại tạng kinh Việt Nam*, cống hiến cho các Phật tử và các học giả nghiên cứu đạo Phật những tài liệu học hỏi và nghiên cứu thật sự chính xác về nguyên thủy, hay gần nguyên thủy nhất của đạo Phật."

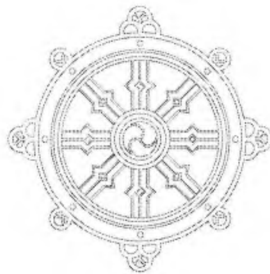
(*Lời Giới thiệu Kinh Tương ưng bộ,* tập I, 1977)

"Chúng tôi đã định nghĩa Phật giáo Nguyên thủy là Phật giáo trong thời đức Phật còn tại thế cho đến khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập diệt, khi đạo Phật chưa phân chia 18 hay 20 học phái, khi chưa chia thành Đại thừa, Tiểu thừa, khi chưa chia thành Bắc tông, Nam tông. Sự phân chia thành học phái chỉ là những đáp ứng của nhu cầu hoằng pháp, tùy thuộc cá tánh địa phương, liên hệ đến trí tuệ của các bậc Tổ sư hoằng pháp. Nhưng học phái nào, bộ phái nào cũng phải chấp nhận một số lý thuyết chủ yếu, một số giới luật căn bản, một số pháp môn tu hành truyền thống. Và chính những giáo lý chủ yếu ấy, những giới luật căn bản ấy, những pháp môn tu hành truyền thống ấy, tác thành Phật giáo Nguyên thủy. Số giáo lý căn bản ấy là gì, nếu không phải là 4 sự thật, 12 nhân duyên, vô ngã, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới… Số giới luật căn bản ấy là gì nếu không phải là Giới bổn (*Pātimokkha*), là hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chánh niệm tỉnh giác, chú tâm cảnh giác, thiểu dục tri túc. Những pháp môn truyền thống ấy là gì nếu không phải là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, là 4 niệm xứ, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo,… Vẫn biết có thể có những giải thích khác biệt đối với các giáo lý căn bản tùy thuộc theo học phái, nhưng dầu muốn giải thích thế nào đi nữa, cũng không thể tách rời khỏi những định nghĩa căn bản mà đức Phật đã giảng giải về những giáo lý này, nếu không thì sẽ bị rơi vào ngoại đạo ngay. Chắc cũng có một số người nói: "Các giáo lý này như 4 sự thật, 12 nhân duyên, lý vô ngã, chúng tôi đã hiểu rồi, đã thuộc làu rồi, cần gì phải nhắc đi nhắc lại". Vâng, quý vị có thể tưởng tri (*sanjānāti*) những giáo lý ấy, quý vị có thể thức tri (*vijānāti*) những giáo lý ấy, nhưng quý

vị không thể thắng tri (*abhijānāti*) những giáo lý ấy nếu quý vị chưa có trí tuệ (*paññā*), quý vị không có thể liễu tri (*parijānāti*) những giáo lý ấy nếu quý vị chưa đoạn trừ các lậu hoặc. Do vậy, vấn đề giáo lý nguyên thủy cần phải đặt ra một cách khẩn thiết để chúng ta cùng nhau tưởng tri, thức tri, thắng tri, tuệ tri và liễu tri những lời dạy căn bản của đức Phật.

Tư liệu về Phật giáo Nguyên thủy phần lớn nằm trong Kinh tạng A-hàm (*Āgama*) và Kinh tạng Pāli. Tuy vậy chỉ một số người đọc và hiểu được mà thôi, nhất là Kinh tạng Pāli, nên sự nghiên cứu về Phật giáo rất hạn chế. Ngày nay, chúng tôi giới thiệu ra quảng đại quần chúng những tư liệu này, với hy vọng những tư liệu này sẽ làm sống dậy một cao trào nghiên cứu giáo lý nguyên thủy. Chúng tôi tin tưởng rằng giáo lý nguyên thủy được tìm hiểu nhiều chừng nào thời càng giúp Phật tử chúng ta xích lại gần nhau hơn, không còn bị chia rẽ bởi các học phái, các hệ phái, và có như vậy chúng ta mới có cơ hội thắng tri, tuệ tri, và liễu tri những lời dạy nguyên thủy của đức Phật.

(*Lời Giới thiệu Kinh Tương ưng bộ*, tập III, 1982)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bv.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện tiền thân của đức Phật*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)
Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kvu.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)

M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nd.	*Niddesa (Nghĩa thích)*
NdA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Đạo luận)*
Patth.	*Paṭṭhāna (Luận Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích kinh tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết luận)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết luận)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*
ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūp.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*

VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)
Vin.	*Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)
Vism.	*Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo luận*)
Vv.	*Vimānavatthu* (*Thiên cung sự*)
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự*)
Yam.	*Yamaka* (*Luận Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)
Mhvu.	*Mahāvastu* (*Đại sự*)
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline* (*Luật tạng*)
BI.	*Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)
Cpd.	*Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)
DB.	*Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)
Expos.	*Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)
GS.	*Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)
KS.	*Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB.	*A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS.	*Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM.	*Questions of King Milinda* (*Mi-tiên vấn đáp*)
PC.	*Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethern* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N.	*Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經)
Tạp.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經)
Trung.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經)
Trường.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo*)
CPD.	*Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB.	*Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD.	*English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED.	*Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

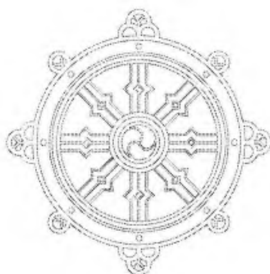
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	TL.	Tây lịch
tr.	trang	Sđd.	Sách đã dẫn
NXB.	Nhà Xuất bản		

HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ		

Tiếng Anh

AD. (*Anno Domini*)	Công nguyên
BC. (*Before Christ*)	trước Công nguyên
Cf. (*confer*)	Tham chiếu, so sánh
ed. (*by*)	biên tập (bởi)
etc. (*et cetera*)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (*following pages*)	trang kế tiếp/ các trang kế tiếp
ibid. (*ibidem*)	cùng trang đã dẫn/ như trên
n. (*note*)	chú thích
op. cit (*opere citato*)	sách đã dẫn
p./ pp. (*page/ pages*)	trang/ các trang
tr. (*by*)	dịch bởi
trans.	bản dịch
v. (verse)	câu kệ, bài thơ
vol./ vols. (*volume/ volumes*)	tập, quyển/ các tập, các quyển



DẪN LUẬN TƯƠNG ƯNG BỘ

Tương ưng bộ (*Saṃyutta Nikāya*) là bộ kinh thứ ba trong năm bộ *Nikāya* của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravāda). Theo tác phẩm *Diệu pháp yếu lược* (*Saddhammasaṅgaha*) của Ngài Dhammakitti Mahāsāmi, việc giữ gìn và truyền tụng *Tương ưng bộ* do Tôn giả Mahākassapa và nhóm đệ tử của Ngài thực hiện.[1]

1. Cấu trúc, những điểm đặc thù và vấn đề truyền bản

Theo *Chú giải Tương ưng bộ* của Luận sư Buddhaghosa trong tác phẩm *Sāratthappakāsinī*: "Ở đây, *Tương ưng bộ* được xác định có năm thiên: *Thiên Có kệ*, *Thiên Nhân duyên*, *Thiên Uẩn*, *Thiên Sáu xứ*, *Thiên Đại*. Số lượng kinh gồm có 7.762 bài kinh. Những bài kinh đó được kết tập vào từng nhóm tương ưng với nhau."[2] Cũng theo Ngài Buddhaghosa, sở dĩ được gọi là "*Tương ưng*" (*Saṃyutta*), vì: "Gồm nhiều nhóm tương đồng và liên hệ với nhau, là *Tương ưng bộ* tôn quý, do đức Phật tự giác ngộ và giảng thuyết, được sinh ra từ Tuệ phân tích."[3]

Trước hết, về hình thức trình bày. Theo truyền thống Phật giáo Theravāda, *Tương ưng bộ* được sắp xếp và trình bày theo hình thức năm tập hay còn gọi là năm thiên (*pañcavagga*). Đây là cấu trúc mang tính cội nguồn vì chúng từng xuất hiện trong *Chú giải* của Luận sư Buddhaghosa. Mặc dù hình thức của bộ kinh có sự thay đổi trong những ấn bản về sau, nhưng cách thức phân chia bộ kinh thành năm phần vẫn được giữ lại bằng những ghi chú cụ thể trong nội dung, tuân thủ theo truyền thống kết tập và san định thuở ban đầu. Ấn bản *Tương ưng bộ* với nguyên tác Pāli được chuyển thể sang mẫu tự La-tinh (*Roman Script*), do Hội Thánh điển Pāli (PTS) ấn hành từ năm 1884 đến 1898, đã tuân theo hình thức năm thiên này.

Thứ hai, về số lượng kinh và sự phân chia các nhóm *Tương ưng* (*Saṃyutta*). Theo ghi nhận của Ngài Buddhaghosa, *Tương ưng bộ* có 7.762 kinh. Theo sự kiểm đếm của tác giả Léon Feer (1830-1902) trong ấn bản Pāli do PTS ấn hành thì có 2.889 kinh. Theo sự đối chiếu và tính toán của

---

[1] Dhammakitti Mahāsāmi. *Saddhammasaṅgaha* (*Diệu pháp yếu lược*), tr. by Bhikkhu Indacanda, (Colombo: Sri Jayawardhanaramaya, 2003), tr. 19.

[2] *Sāratthappakāsinī*, Devatāsaṃyuttaṃ: Tattha saṃyuttāgamo nāma sagāthāvaggo, nidānavaggo, khandhakavaggo, saḷāyatanavaggo, mahāvaggoti pañcavaggo hoti. Suttato - ''Satta suttasahassāni, satta suttasatāni ca dvāsaṭṭhi ceva suttāni, eso saṃyuttasaṅgaho.''

[3] *Sāratthappakāsinī*, Ganthārambhakathā: Saṃyuttavaggapaṭimaṇḍitassa, saṃyuttaāgamavarassa; Buddhānubuddhasaṃvaṇṇitassa, ñāṇappabhedajananassa.

Bhikkhu Bodhi trong ấn bản năm 2000 thì có 2.904 kinh.[4] Trong bản dịch tiếng Việt *Tương ưng bộ* lần này, số lượng và trật tự kinh được sắp xếp lại tương ứng với bản Pāli của VRI, hay còn gọi là ấn bản của kỳ kiết tập kinh điển lần thứ 6 là 2.854 kinh.[5] Như vậy, phải chăng ấn bản *Tương ưng bộ* hiện đang lưu hành đã bị sót mất nhiều kinh so với nguyên bản có từ thời Ngài Buddhaghosa? Từ sự đối khảo từng đoạn *Tương ưng bộ* xuất hiện trong bản *Chú giải* của Ngài Buddhaghosa, Bhikkhu Bodhi đã xác quyết rằng, ấn bản hiện đang lưu hành không bị sót mất.[6] Sự sai sót về số lượng kinh theo Bhikkhu Bodhi có thể là do cách tính toán, liên quan đến cách mở rộng hoặc sự tách biệt giữa các bản kinh. Cụ thể như, trên những bản kinh chép bằng lá cọ Ola (*Palm Leaf Manuscripts*), không có các dấu hiệu phân biệt giữa bản kinh này với bản kinh khác.[7] Ngay như số lượng các nhóm *Tương ưng* giữa các truyền bản Pāli cũng có sự khác biệt. *Tương ưng bộ* theo ấn bản ngôn ngữ Miến Điện (*Burmese*) có 56 nhóm, thế nhưng ở ấn bản ngôn ngữ Tích Lan (*Sinhala*) chỉ có 54 nhóm. Sở dĩ có sự sai khác đó là vì trong ấn bản ngôn ngữ Tích Lan, nhóm *Tương ưng Minh kiến* (*Abhisamayasaṃyutta*) là phần phụ của nhóm *Tương ưng Nhân duyên* (*Nidānasaṃyutta*) và nhóm *Tương ưng Thọ* (*Vedanāsaṃyutta*) là phần phụ của nhóm *Tương ưng Sáu xứ* (*Saḷāyatanasaṃyutta*).[8]

Thứ ba, về vai trò và vị trí. *Tương ưng bộ* có một vị trí quan trọng và đặc thù trong năm bộ *Nikāya*. Vì lẽ, dựa trên tiêu chí tương ưng nên tập hợp được nhiều bản kinh có cùng nội dung, tính chất và cùng mối liên hệ vào một nhóm. Nhờ vậy, nội dung chứa đựng trong từng nhóm *Tương ưng* rất phong phú và sinh động so với những bản kinh khác. Cụ thể như, khi đề cập đến hành hoạt của Vua Pasenadi nước Kosala, *Tương ưng Kosala* (*Kosalasaṃyutta*) đã đề cập những nét chính, cô đọng, liên quan đến cuộc đời của vị vua này với nhiều bài kinh ngắn. Tương tự như vậy khi đề cập đến các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni hay chư thiên, ma quỷ… Nhờ tính tập hợp đó nên bộ kinh đã cung cấp rất nhiều tư liệu rõ ràng, chi tiết, khó có thể tìm thấy trong bốn bộ *Nikāya* còn lại. Ngoài ra, *Tương ưng bộ* còn chuyên chở những tư liệu liên quan đến những tín niệm, quan điểm triết học cổ xưa của Ấn Độ, xuất hiện trong các chương như *Tương ưng Chư thiên* (*Devatāsaṃyutta*), *Tương ưng Sakka* (*Sakkasaṃyutta*), *Tương ưng Thần mây* (*Valāhakasaṃyutta*), *Tương ưng Kiến* (*Diṭṭhisaṃyutta*), *Tương ưng*

---

[4] *The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Saṃyutta Nikāya*, tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 23f.

[5] https://www.tipitaka.org/. Phiên bản điện tử Pāḷi Tipiṭaka do Vipassana Research Institute (Ấn Độ) thực hiện được chúng tôi khảo cứu và trên cơ sở đó đánh số trong bản tiếng Việt.

[6] *The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Saṃyutta Nikāya*, tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 26. Cf. For the *Sāratthappakāsinī*, the *Saṃyutta Nikāya Commentary*, itself provides us with a check on the contents of the collection at our disposal, and from this it is evident that there are no suttas commented on by Buddhaghosa that are missing from the *Saṃyutta Nikāya* we currently possess.

[7] *The Connected Discourses of the Buddha, A Translation of the Saṃyutta Nikāya*, tr. by Bhikkhu Bodhi (Massachusetts: Wisdom Publications, 2000), p. 23.

[8] *Ibid.*, p. 54.

Nữ nhân (*Mātugāmasaṃyutta*), *Tương ưng Thôn trưởng* (*Gāmaṇisaṃyutta*). Điều đặc biệt đáng lưu tâm trong *Tương ưng Nữ nhân* (*Mātugāmasaṃyutta*), có đề cập đến những bổn phận cơ bản của người phụ nữ (*Strīdharma*) trong xã hội Ấn Độ cổ đại; và trong số những bổn phận đó, có những bổn phận vốn không thuộc về quan điểm của Phật giáo. Cụ thể như bản kinh khá ngắn với tiêu đề là *Một* (*Ekasutta* - *S*. IV. 246), đề cập đến mối quan hệ giữa nam và nữ, chi tiết gần tương tự với *Luật Manu* (*The Manusmṛiti* - V. 148).[9]

Thứ tư, về truyền bản. *Tương ưng bộ* trong nguyên tác Pāli có hai truyền bản quan trọng, thứ nhất là bản ngôn ngữ Miến Điện (*Burmese*) và thứ hai là bản ngôn ngữ Tích Lan (*Sinhala*). Theo đối khảo của học giả người Đức Oskar von Hinüber, hai truyền bản này tương đối độc lập, vì dường như đã có một số bài kinh được tiếp nhận từ hai nguồn khác nhau.[10] Từ hai truyền bản Pāli này, PTS mà cụ thể là Léon Feer (1830-1902) đã biên tập và chuyển thể sang ngôn ngữ La-tinh.

Tính đến nay, *Tương ưng bộ* đã được nhiều tác giả dịch trực tiếp từ Pāli sang Anh ngữ. Bản dịch *Tương ưng bộ* bằng Anh ngữ đầu tiên với tên gọi: *The Book of the Kindred Sayings* do Rhys Davids dịch tập I (1917), tập II (1922), và F. L Woodward dịch tập III (1925), tập IV (1927), tập V (1930). Ngoài ra, *Tương ưng bộ* cũng được nhiều tác giả như Bhikkhu Ñāṇamoli phiên dịch một số bài kinh chủ yếu, hoặc Bhikkhu Sujato đã dịch nguyên cả bộ kinh. Trong số những dịch phẩm về Anh ngữ của *Tương ưng bộ*, có thể nói rằng, bản dịch *Tương ưng bộ* từ Pāli sang Anh ngữ với tên gọi *The Connected Discourses of the Buddha: A Translation of the Saṃyutta Nikāya* của Bhikkhu Bodhi do Wisdom Publications ấn hành vào năm 2000, là một trong những bản dịch được giới học giả ghi nhận và đánh giá cao. Ngoài ra, trên trang nhà http://www.suttacentral.net/ hiện đang giới thiệu nhiều bài kinh thuộc *Tương ưng bộ* đã được dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới như Pháp, Đức, Ý, Na Uy, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hungary, Ba Lan, Nga, Nhật, Hoa, Thái Lan, Indonesia… và gồm cả tiếng Việt.

Bản dịch tiếng Việt *Tương ưng bộ* do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch, dựa trên nguyên tác Pāli và ấn bản tiếng Anh của PTS, được ấn hành lần đầu tiên vào năm 1982. Sau đó, bộ kinh này đã được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tái bản vào những năm 1993 và 2013.

---

[9] *Sacred Books of the East*, vol. 25, tr. by George Bühler (Oxford: Oxford University Press, 1886), p. 195. Cf. In childhood a female must be subject to her father, in youth to her husband, when her lord is dead to her sons; a woman must never be independent. Xem thêm *Tương ưng bộ* (*S*. V. 246): "Do đầy đủ một sức mạnh, này các Tỷ-kheo, người đàn ông tiếp tục chinh phục người đàn bà. Thế nào là một sức mạnh? Sức mạnh của người làm chủ (*issariyabalena*). Người đàn bà đã bị chinh phục bởi sức mạnh của người làm chủ, này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan sắc không che chở được, sức mạnh tài sản không che chở được, sức mạnh bà con không che chở được, sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở được" (HT. Thích Minh Châu dịch).

[10] Oskar von Hinüber, *Handbook of Pāli Literature* (Berlin: Walter de Gruyter, 1996), p. 36. Cf. According to *S*. V, p. vi, the Sinhalese and the Burmese manuscripts of Saṃyutta Nikāya almost look like copies of two different texts.

2. Tóm tắt về nội dung

2.1. *Thiên Có kệ* (*Sagāthāvagga*)

Thiên này có 11 *Tương ưng*. Trong đó, *Tương ưng Chư thiên* (*Devatāsaṃyutta*) và *Tương ưng Thiên tử* (*Devaputtasaṃyutta*) là hai *Tương ưng* đề cập về từng vị thiên tử hoặc nhiều vị thiên tử đã đến thỉnh đức Phật giảng pháp, hoặc nhờ đức Phật xác chứng về kiến thức Phật pháp của họ. Có những bài kinh ngắn trong hai *Tương ưng* này (*S*. I. 36, 39) đề cập đến những chân lý phổ quát của xã hội, không thuần túy Phật pháp.

Thứ ba, *Tương ưng Kosala* (*Kosalasaṃyutta*) đề cập đến những tâm tư, suy nghĩ, hành hoạt của vị Hoàng đế có những liên hệ mật thiết đến đức Phật và Tăng đoàn. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) là một vị vua có những nỗ lực rất lớn trong việc ứng dụng pháp Phật vào các mối quan hệ gia đình cũng như đường hướng trị nước, an dân.

Thứ tư, *Tương ưng Ác ma* (*Mārasaṃyutta*) và thứ năm *Tương ưng Tỷ-kheo-ni* (*Bhikkhunīsaṃyutta*) cùng đề cập đến một đối tượng biểu trưng cho năng lượng tiêu cực, đó là Ác ma. Theo *Tương ưng Ác ma*, ngay từ khi vừa mới giác ngộ, Ác ma đã theo đức Phật. Thậm chí có những giai đoạn Ác ma theo Ngài ròng rã đến bảy năm (*S*. I. 124) và đã dùng nhiều phương cách phá hoại nhưng không làm đức Phật lay động. Đối với các vị Tỷ-kheo-ni trong *Tương ưng Tỷ-kheo-ni*, Ác ma đã dùng nhiều cách thức, từ khuyến dụ, rủ rê, đến dọa nạt nhưng vẫn không làm cho các Tỷ-kheo-ni sợ hãi hay kinh hoàng.

Thứ sáu, *Tương ưng Phạm thiên* (*Brahmasaṃyutta*), Phạm thiên Sahampati xuất hiện đầu tiên sau khi đức Phật vừa mới thành đạo và cũng có mặt trong đêm đức Phật nhập Niết-bàn. Có lần, Phạm thiên đã thuyết pháp cho mẹ của một vị Tỷ-kheo, khuyên bà đừng cúng dường Phạm thiên Sahampati ở trên cao kia, tức là Ngài, mà hãy phụng kính vị Phạm thiên trước mặt, chính là Tỷ-kheo Brahmadeva đã chứng quả A-la-hán, vốn là con trai của bà (*S*. I. 141).

Thứ bảy, *Tương ưng Bà-la-môn* (*Brāhmaṇasaṃyutta*) đề cập đến những trở ngại, khó khăn trên bước đường hóa đạo của đức Phật khi gặp phải sự chống đối của giai cấp Bà-la-môn. Cũng trong *Tương ưng* này, đức Phật đã tái định nghĩa thế nào là sự thanh tẩy (*S*. I. 182), thế nào gọi là khất sĩ (*S*. I. 182), thế nào gọi là cày ruộng (*S*. I. 172), thế nào gọi là người hiền lành (*S*. I. 154)… Trong số những Bà-la-môn chống đối đó, có nhiều người sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, đã tỏ ngộ, phát nguyện xuất gia và chứng đắc Thánh quả.

Thứ tám, *Tương ưng Trưởng lão Vaṅgīsa* (*Vaṅgīsasaṃyutta*) đề cập đến khả năng thi phú của vị Tỷ-kheo cùng tên rất mực tài hoa. Tuy tài hoa là vậy nhưng Tỷ-kheo Vaṅgīsa vẫn bị vô số khổ đau do chưa hàng phục được vọng tâm. Từ khi gặp đức Phật và nỗ lực tu tập, Vaṅgīsa đã chuyển hóa tâm mình, chứng đắc Thánh quả và dùng khả năng riêng có để ca ngợi đức Phật và các vị Thánh Tăng bằng những vần kệ đi vào lòng người.

Thứ chín, *Tương ưng Rừng* (*Vanasaṃyutta*) và thứ mười là *Tương ưng Dạ-xoa* (*Yakkhasaṃyutta*) đề cập đến hai loại chúng sanh bậc cao là chư thiên (*devatā*) sống trong rừng và các loài dạ-xoa (*yakkha*) trong sự liên hệ với chúng Tỷ-kheo nói chung. Cụ thể như, có vị Tỷ-kheo thích ngửi hương sen nên thường đến bên bờ hồ để ngửi hoa sen. Khi ấy, có vị thiên trú ở rừng, ở cây đã khuyên Tỷ-kheo này bằng cách chỉ ra rằng, ngửi hương cũng là hình thức của trộm cắp (*S*. I. 204). Tương tự như vậy, dạ-xoa Sīvaka đã trấn an cư sĩ Cấp Cô Độc khi vị này lần đầu tiên đến Trúc Lâm để diện kiến đức Phật và chúng Tăng (*S*. I. 210). Bên cạnh đó, còn có những dạ-xoa bạo ác, không những hù dọa các vị Thánh đệ tử mà còn nhiều lần sách nhiễu đức Thế Tôn (*S*. I. 218).

Tương ưng thứ mười một là *Tương ưng Sakka* (*Sakkasaṃyutta*). *Tương ưng* này đề cập đến cuộc chiến dai dẳng giữa chư thiên và a-tu-la. Trong cuộc chiến này, có khi chư thiên thắng và ngược lại, tuy nhiên điều đáng ghi nhận là phẩm hạnh của chư thiên luôn được đề cao. Ngay như Thiên chủ Sakka, trong khi lui binh trốn chạy kẻ thù nhưng vẫn sợ xe của mình cán phải tổ chim non nên bảo người đánh xe né tránh (*S*. I. 224). Thậm chí đối với kẻ thù, Thiên chủ Sakka cũng không hề có sự gian trá (*S*. I. 225).

2.2. *Thiên Nhân duyên* (*Nidānavagga*)

Thiên này có 10 *Tương ưng* với khởi đầu là *Tương ưng Nhân duyên* (*Nidānasaṃyutta*). *Tương ưng Nhân duyên* trình bày các phương diện, các khía cạnh đặc thù của 12 nhân duyên. Bên cạnh việc trình bày về lý thuyết Duyên khởi (*S*. II. 25), *Tương ưng* này cũng đề cập đến những nội dung quan trọng như bốn loại thức ăn (*S*. II. 11-12), mười lực (*S*. II. 27), bốn vô sở úy (*S*. II. 28), cùng các khái niệm quan trọng về tâm, ý, thức (*S*. II. 94-95). Liên quan đến quan điểm của Phật giáo về vấn đề ăn uống, *Tương ưng* này cũng đưa ra ví dụ về việc ăn thịt đứa con rất sống động (*S*. II. 97).

Thứ hai, *Tương ưng Minh kiến* (*Abhisamayasaṃyutta*) chỉ cho sự thấy biết rõ ràng và đầy đủ về giáo pháp (*dhammābhisamaya*), có ý nghĩa to lớn như là chứng đắc Pháp nhãn (*S*. II. 133), và một khi thành tựu minh kiến sẽ đoạn tận khổ đau. Những ẩn dụ như đất trên móng tay và quả đất (*S*. II. 133), hòn sỏi và ngọn núi (*S*. II. 139)… là những so sánh sinh động nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa sâu rộng của minh kiến.

Thứ ba, *Tương ưng Giới* (*Dhātusaṃyutta*) đề cập đến cảnh giới, phạm vi, yếu tố, tính chất, chủng loại của nhiều sự vật, hiện tượng và kể cả con người cùng những thuộc tính của chúng. Đơn cử: "*Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí*" (*S*. II. 154).

Thứ tư, *Tương ưng Vô thỉ* (*Anamataggasaṃyutta*) đề cập đến sự luân hồi không có đầu mối của chúng sanh (*S*. II. 178). Trong mênh mang luân hồi đó,

khó có thể tìm thấy một ai chưa từng là người thân thuộc của mỗi chúng sanh (*S*. II. 189-90). Ngay như ngọn núi Vepulla (Tỳ-phú-la) ở Rājagaha (Vương Xá) này, ngoài tên gọi như đã biết thì còn có sáu tên gọi khác ở trong quá khứ xa xưa (*S*. II. 190).

Thứ năm, *Tương ưng Kassapa* (*Kassapasaṃyutta*) và thứ bảy là *Tương ưng Rāhula* (*Rāhulasaṃyutta*) đề cập về công hạnh riêng biệt của hai vị Thánh Tăng này. Với Kassapa, vị Thánh Tăng luôn biết đủ và kham khổ trong tứ sự cần dùng (*S*. II. 194). Đặc biệt, đức Phật đã từng ban y phấn tảo cho Tôn giả Kassapa và Tôn giả đã vô cùng quý trọng đặc ân này (*S*. II. 217). Với Tôn giả Rāhula, việc cần cầu học hỏi chính là mong mỏi thường trực của Tôn giả. Nhờ nhận thức và thực tập: "*Cái này không phải của tôi*, *cái này không phải là tôi*, *cái này không phải tự ngã của tôi*", nên Tôn giả Rāhula đã thành tựu quả vị giải thoát (*S*. II. 253).

Thứ sáu, *Tương ưng Lợi đắc*, *cung kính* (*Lābhasakkārasaṃyutta*) trình bày những đớn đau, khổ lụy do bị chi phối bởi lợi đắc, cung kính, danh vọng (*S*. II. 225). Ẩn dụ trùng ăn phân là một ẩn dụ có khả năng chấn động tâm thức (*S*. II. 228). Theo lời đức Phật, có kẻ không hề nói láo dù bị mua chuộc từ một đồng Nikkha cho đến một trăm đồng Nikkha, nhưng sẽ nói láo khi bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối. Hình ảnh cây chuối, cây tre, cây lau, con lừa sau khi sanh sản đều bị diệt vong là những ví dụ sinh động chỉ cho những chúng sanh bị cột trói bởi lợi đắc, cung kính và danh vọng (*S*. II. 241). Những ví dụ này cũng có mặt trong Luật tạng Pāli, chương bảy, *Cullavagga*.

Thứ tám, *Tương ưng Lakkhaṇa* (*Lakkhaṇasaṃyutta*) thuật lại những bài pháp thoại của Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) với Tôn giả Lakkhaṇa. Nội dung chính của những bài kinh này liên quan đến cảnh giới khổ đau của loài ngạ quỷ và Tôn giả Mahāmoggallāna đã chỉ ra do nguyên nhân gì phải thọ nhận khổ đau như vậy. Theo thống kê, có tất cả 21 loài khổ quỷ do Tôn giả Mahāmoggallāna trông thấy và đã kể lại với Tôn giả Lakkhaṇa.

Thứ chín, *Tương ưng Thí dụ* (*Opammasaṃyutta*) đề cập đến những ví dụ sinh động như ngôi nhà có nóc nhọn với hạnh không phóng dật (*S*. II. 262). *Tương ưng* này cũng ghi nhận về câu chuyện cái chốt trống Ānaka và sự pha trộn những yếu tố ngoại lai vào giáo pháp Phật (*S*. II. 266). Thậm chí hình ảnh con dã can còn được dùng làm ví dụ để chỉ cho vị Tỳ-kheo mê ngủ (*S*. II. 271). Đức Phật dạy rằng: "*Đây là sự chết*, *này các Tỳ-kheo*, *trong giới luật của bậc Thánh*, *tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục*" (*S*. II. 270).

Thứ mười, *Tương ưng Tỳ-kheo* (*Bhikkhusaṃyutta*) là *Tương ưng* cuối cùng trong *Thiên Nhân duyên* (*Nidānavagga*). Ở *Tương ưng* này, một vài hành trạng của các vị đệ tử như Kolita (Mahāmoggallāna), Upatissa (Sāriputta), Nanda… đã được đề cập với nhiều chi tiết đặc thù. Đơn cử như: "*Đối với Tôn giả Sāriputta*, *dầu cho bậc Đạo sư có biến hoại*, *trạng huống có đổi khác*, *cũng không khởi lên sầu*, *bi*, *khổ*, *ưu*, *não*" (*S*. II. 274).

2.3. *Thiên Uẩn* (*Khandhavagga*)

Thiên này có 13 *Tương ưng*, khởi đầu là *Tương ưng Uẩn* (*Khandhasaṃyutta*), là một trong những *Tương ưng* dài nhất của *Tương ưng bộ*. *Tương ưng Uẩn* chủ yếu đề cập đến năm uẩn và những liên hệ xung quanh năm uẩn này. Theo đức Phật, thân ngũ uẩn là gánh nặng (*S*. III. 25), là bất toàn, là khổ não: "*Ai mang cái thân này, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu*" (*S*. III. 1). "*Năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản*" (*S*. III. 100). Vì vậy, không có gì tốt đẹp khi cố níu kéo, chấp giữ thân năm uẩn này: "*Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị ma trói buộc, ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma*" (*S*. III. 73).

Thứ hai, *Tương ưng Rādha* (*Rādhasaṃyutta*). Trong *Tương ưng* này, đức Phật đã dùng nhiều phương cách, nhiều ví dụ để dạy cho Tôn giả Rādha đi từ chánh quán cho đến Niết-bàn (*S*. III. 188). *Tương ưng* này nêu dẫn định nghĩa về chúng sanh (*S*. III. 189) cũng như về sợi dây tái sanh (*bhavanetti*) (*S*. III. 190). Các pháp như vô thường, khổ, vô ngã... cũng được đức Phật tuần tự giảng cho Tôn giả Rādha.

Thứ ba, *Tương ưng Kiến* (*Diṭṭhisaṃyutta*) đề cập đến các loại kiến chấp của ngoại đạo. Điều đặc biệt nhất trong *Tương ưng* này là đã nêu dẫn quan điểm triết học về bảy thân (*sattime kāyā*) của Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-diên), vị giáo chủ của một trong sáu trường phái triết học ở thời đức Phật (*S*. III. 211).

Thứ tư, *Tương ưng Nhập* (*Okkantasaṃyutta*). Nhập ở đây mang nghĩa là đi vào, được sanh vào. Ở đây, những ai có lòng tin, có tín giải, biết chắc rằng sáu căn đều vô thường, biến hoại thì "*Vị ấy được gọi là tùy tín hành, đã nhập chánh tánh, đã nhập chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu*" (*S*. III. 225). Các kinh trong *Tương ưng* này chỉ là sự mở rộng về sáu trần, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ…

Thứ năm, *Tương ưng Sanh* (*Uppādasaṃyutta*). Sanh (*uppāda*) nghĩa là sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện... được trình bày theo nguyên tắc duyên sanh. Cụ thể như: "*Này các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của mắt là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết*" (*S*. III. 228). Sự sanh khởi của các căn còn lại cũng tương tự như vậy.

Thứ sáu, *Tương ưng Phiền não* (*Kilesasaṃyutta*). *Tương ưng* này định danh tùy phiền não và các phương diện khác của tùy phiền não (*S*. III. 232).

Thứ bảy, *Tương ưng Sāriputta* (*Sāriputtasaṃyutta*) mô tả quá trình tuần tự nhập và xuất chín định thứ đệ, từ Sơ thiền cho đến Diệt thọ tưởng định của Tôn giả Sāriputta (*S*. III. 235-238). Cũng trong *Tương ưng* này, nữ du sĩ Sūcimukhī đã cật vấn Tôn giả Sāriputta về mười cách ăn và được Tôn giả giải thích đầy đủ (*S*. III. 238).

Bốn *Tương ưng* như *Tương ưng Loài rồng* (*Nāgasaṃyutta*), *Tương ưng Kim Sí điểu* (*Supaṇṇasaṃyutta*), *Tương ưng Càn-thát-bà* (*Gandhabbakāyasaṃyutta*) và *Tương ưng Thần mây* (*Valāhakasaṃyutta*) trình bày về những cách sinh ra, sự khác biệt giữa các chúng sanh đặc thù này, cũng như do nhân duyên gì để sanh về các loài ấy. Trong những *Tương ưng* này, bên cạnh lời dạy của đức Phật còn chuyên chở những thông tin thuộc tín niệm văn hóa, triết học của xã hội Ấn Độ cổ đại.

Thứ mười hai, *Tương ưng Vacchagotta* (*Vacchagottasaṃyutta*) nêu dẫn các kiến chấp về thế giới và con người của du sĩ ngoại đạo Vacchagotta với những câu hỏi như: "*Thế giới là thường còn*" hay "*Thế giới là không thường còn*"; "*Thế giới hữu biên*" hay "*Thế giới vô biên*"; "*Sinh mạng và thân thể là một*" hay "*Sinh mạng và thân thể là khác*"; "*Như Lai có tồn tại sau khi chết*" hay "*Như Lai không tồn tại sau khi chết*"; "*Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết*" hay "*Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết*" (*S.* III. 257). Thật ra, *Tương ưng Vacchagotta* có nhiều điểm tương đồng với *Tương ưng Không thuyết* (*Abyākatasaṃyutta*) ở *Thiên Sáu xứ* (*Saḷāyatanavagga*).

Tương ưng cuối cùng của *Thiên Uẩn* là *Tương ưng Thiền* (*Jhānasaṃyutta*). Trong *Tương ưng* này đã khéo phân biệt giữa thiền định và thiền chứng (*samādhimūlakasamāpatti*) thông qua bốn hạng người tu tập (*S.* III. 265). Đồng thời, *Tương ưng Thiền* cũng chỉ rõ thế nào là thiện xảo về chỉ trú trong thiền định (*samādhimūlakaṭhiti*), thiện xảo về xuất khởi trong thiền định (*samādhimūlakavuṭṭhāna*), thiện xảo về sự thuần thục trong thiền định (*samādhimūlakakallita*).

2.4. *Thiên Sáu xứ* (*Saḷāyatanavagga*)

Thiên này có 10 *Tương ưng* với *Tương ưng* đầu tiên là *Tương ưng Sáu xứ* (*Saḷāyatanasaṃyutta*). Đây là *Tương ưng* dài thứ hai trong *Tương ưng bộ*. Nội dung của *Tương ưng* này đề cập đến tính chất vô thường, khổ, vô ngã trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đức Phật nói rằng: "*Ai ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ*" (*S.* IV. 13). "*Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức*" (*S.* IV. 67). Chính vì vậy, cần phải hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác, ngay trong hiện tại sống được an lạc, hoan hỷ và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc (*S.* IV. 175). Hình ảnh khúc gỗ trôi sông, nếu như không tấp vào bờ này hay bờ kia, không bị mục nát, không bị phi nhân nhặt lấy… tất sẽ trôi ra biển lớn. Cũng vậy, vị Tỷ-kheo không bị dính mắc bởi sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, tâm không chấp thủ… sẽ xuôi về Niết-bàn (*S.* IV. 179).

Thứ hai, *Tương ưng Thọ* (*Vedanāsaṃyutta*) đề cập đến ba thọ, gồm lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. "*Ba thọ này, do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản, lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên*" (*S.* IV. 215). Đức Phật khẳng định rằng: "*Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ*" (*S.* IV. 216).

Thứ ba, *Tương ưng Nữ nhân* (*Mātugāmasaṃyutta*) đề cập đến những đức tánh khả ý và không khả ý của người phụ nữ (*S*. IV. 238), những điểm đặc thù chỉ riêng có ở phụ nữ (*S*. IV. 239) và cả những tật xấu của phụ nữ như phẫn nộ, sân hận, tật đố, xan tham, biếng nhác… Ngoài ra, *Tương ưng* này cũng đề cập đến những tăng trưởng tốt đẹp dành cho phụ nữ (*S*. IV. 250). *Tương ưng Nữ nhân* đã chuyên chở một vài chi tiết không phải lời Phật dạy mà là những quan niệm, những định kiến của xã hội Ấn Độ cổ đại đối với phụ nữ.

Thứ tư, *Tương ưng Jambukhādaka* (*Jambukhādakasaṃyutta*) và thứ năm, *Tương ưng Sāmaṇḍaka* (*Sāmaṇḍakasaṃyutta*) ghi lại những lời dạy của Tôn giả Sāriputta với du sĩ ngoại đạo Jambukhādaka và Sāmaṇḍaka về những vấn đề như Niết-bàn và con đường dẫn đến Niết-bàn (*S*. IV. 251); thế nào là vị A-la-hán và con đường dẫn đến quả vị A-la-hán (*S*. IV. 251); phương cách điều hòa hơi thở và đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng (*S*. IV. 254); thế nào là thọ (*S*. IV. 255); thế nào là lậu hoặc, vô minh, khát ái, bộc lưu, chấp thủ (*S*. IV. 256-58)… đã được Tôn giả Sāriputta giảng giải thỏa đáng.

Thứ sáu, *Tương ưng Moggallāna* (*Moggallānasaṃyutta*) đề cập đến tứ thiền và tứ vô sắc định do Tôn giả Mahāmoggallāna giảng thuyết cho chúng Tỷ-kheo (*S*. IV. 262-68). Ngoài ra, *Tương ưng* này cũng ghi nhận sự kiện Tôn giả Mahāmoggallāna lên cõi trời Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam thiên) thuyết pháp cho chư thiên (*S*. IV. 269-80).

Thứ bảy, *Tương ưng Citta* (*Cittasaṃyutta*). Citta (Tâm) là tên riêng của một vị cư sĩ tại gia của đức Phật, có nhiều điều đặc dị, phi phàm. Vị cư sĩ này có những nét tương đồng với cư sĩ Duy-ma-cật trong kinh văn Hán tạng. Trước hết, sau khi đảnh lễ chư Tăng, cư sĩ Citta đã thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo (*S*. IV. 281). Có trường hợp, cư sĩ Citta đã giải thích bài kệ cho Trưởng lão Kāmabhu (*S*. IV. 291). Trong trường hợp khác, cư sĩ Citta đã luận biện với các vị Nigaṇṭha (*S*. IV. 297). Ở đây, sở dĩ có khả năng như thế vì cư sĩ Citta đã chứng đắc Tứ thiền (*S*. IV. 300). Ngay cả trong lúc lâm chung, vị cư sĩ này còn an ủi ngược lại những người thăm bệnh mà trong số đó có cả chư thiên ở rừng, ở cây và khiến cho tất cả thính chúng được giải thoát (*S*. IV. 302). *Tương ưng* này cũng ghi nhận về năng lực thuyết giảng và sức mạnh thần thông của hai vị Tỷ-kheo trẻ mới tu. Vị thứ nhất tên là Isidatta có khả năng thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo trưởng lão (*S*. IV. 285) và vị thứ hai là Tỷ-kheo Mahaka đã thực hành thần thông, khiến mưa rơi xuống để cúng dường sự mát mẻ đến các bậc Trưởng lão (*S*. IV. 288).

Thứ tám, *Tương ưng Thôn trưởng* (*Gāmaṇisaṃyutta*). Trong *Tương ưng* này, đức Phật hóa giải những định kiến sai lầm cho các vị thôn trưởng về các quan niệm như tàn bạo và hiền lành (*S*. IV. 305). Người làm kẻ khác loạn tâm, đam mê chơi bời sẽ bị đọa vào địa ngục Hý Tiếu (Pahāsa) (*S*. IV. 306). Đặc biệt, *Tương ưng* này nêu rõ sự khác biệt giữa cầu siêu theo quan điểm của Bà-la-môn và cầu siêu theo quan điểm của Phật giáo (*S*. IV. 311).

Thứ chín, *Tương ưng Vô vi* (*Asaṅkhatasaṃyutta*) định nghĩa thế nào là vô vi và con đường dẫn đến vô vi (*S.* IV. 360). *Tương ưng* này cũng liệt kê những tên khác nhau chỉ cho vô lậu (*S.* IV. 370).

Tương ưng thứ mười của *Thiên Sáu xứ* là *Tương ưng Không thuyết* (*Abyākatasaṃyutta*). *Tương ưng* này đề cập đến những câu hỏi mà không được Như Lai trả lời vì chúng không thiết thực với đương cơ của người hỏi (*S.* IV. 388). Điểm đặc thù trong *Tương ưng* này ghi nhận về trường hợp Tỷ-kheo-ni Khema thuyết pháp cho Vua Pasenadi (*S.* IV. 374). Vị trí của bài kinh này nên được xếp vào trong *Tương ưng Kosala* hoặc *Tương ưng Tỷ-kheo-ni* thì thích hợp hơn.

2.5. *Thiên Đại* (*Mahāvagga*)

Thiên Đại (*Mahāvagga*) có 12 *Tương ưng* với *Tương ưng Đạo* (*Maggasaṃyutta*) là *Tương ưng* đầu tiên. Ở *Tương ưng* này, đức Phật giải thích một nửa Phạm hạnh và toàn bộ Phạm hạnh cho Tôn giả Ānanda (*S.* V. 1). Những bài kinh kế tiếp, đức Phật trình bày, giải thích những phương diện khác nhau của Thánh đạo tám ngành, từ chánh kiến cho đến chánh định. "*Cái gì là giá chống đỡ cho tâm*? *Chính là Thánh đạo tám ngành*" (*S.* V. 20).

Thứ hai, *Tương ưng Giác chi* (*Bojjhaṅgasaṃyutta*). "*Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi*?" "*Vì chúng đưa đến giác ngộ, này các Tỷ-kheo, do vậy nên chúng được gọi là giác chi*" (*S.* V. 72). Nếu hành giả tu tập thuần thục theo bảy giác chi thì có thể đoạn trừ bệnh tật (*S.* V. 79-81). Vì sao vậy, vì bảy giác chi có khả năng đoạn trừ những cấu uế trong tâm cũng như muốn có vàng tinh luyện thì phải trừ sạch những cấu uế của vàng (*S.* V. 92). Như vậy: "*Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử, bảy giác chi cần phải tu tập*" (*S.* V. 139).

Thứ ba, *Tương ưng Niệm xứ* (*Satipaṭṭhānasaṃyutta*). *Tương ưng* này đề cập đến pháp tu bốn niệm xứ gồm thân, thọ, tâm, pháp. Pháp môn bốn niệm xứ được đức Phật khẳng định rằng: "*Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn*" (*S.* V. 141). Bốn niệm xứ cũng là nội dung tu tập được đức Phật huấn thị trong kỳ an cư cuối cùng tại làng Beluva thuộc thành Vesāli (*S.* V. 152). Theo đức Phật, bốn niệm xứ được tu tập là điều kiện cơ bản để Chánh pháp được tồn tại lâu dài (*S.* V. 172).

Thứ tư, *Tương ưng Căn* (*Indriyasaṃyutta*). "*Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm*? *Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo những pháp này là năm căn*" (*S.* V. 193). Hành giả khi tu tập, cần quán tín căn trong bốn chánh tín, tấn căn trong bốn chánh cần, niệm căn trong bốn niệm xứ, định căn trong bốn thiền, tuệ căn trong bốn Thánh đế (*S.* V. 196). Giữa căn và lực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. "*Cái gì là tín căn, này các Tỷ-kheo, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn… Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn*" (*S.* V. 219).

Thứ năm, *Tương ưng Chánh cần* (*Sammappadhānasaṃyutta*), gồm có bốn: “*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn chánh cần.*” *Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần*” (*S*. V. 224). Như vậy: “*Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử, bốn chánh cần này cần phải tu tập*” (*S*. V. 247).

Thứ sáu, *Tương ưng Lực* (*Balasaṃyutta*). “*Có năm lực này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực*” (*S*. V. 249). Nhờ tu tập năm lực này đến mức thuần thục sẽ hướng hành giả xuôi về Niết-bàn.

Thứ bảy, *Tương ưng Như ý túc* (*Iddhipādasaṃyutta*). “*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành*; *tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành*; *tu tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành*; *tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia*” (*S*. V. 254). “*Và do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác*” (*S*. V. 257).

Thứ tám, *Tương ưng Anuruddha* (*Anuruddhasaṃyutta*). *Tương ưng* này đề cập đến tư duy, sự thực hành và giảng thuyết của Tôn giả Anuruddha đối với bốn niệm xứ. Thậm chí gặp lúc bệnh tật, nhờ quán bốn niệm xứ nên khổ thọ về thân có khởi lên cũng không ảnh hưởng đến tâm (*S*. V. 302).

Thứ chín, *Tương ưng Thiền* (*Jhānasaṃyutta*). *Tương ưng* này đề cập về tứ thiền và những ví dụ liên quan nhằm làm sáng tỏ tứ thiền. Nhờ tu tập thuần thục và thành tựu tứ thiền nên năm thượng phần kiết sử được thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận (*S*. V. 309).

Thứ mười, *Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở ra* (*Ānāpānasaṃyutta*). Đây là pháp thiền tập với nhiều diệu dụng vì “*ngay trong hiện tại có thể chứng đắc Chánh trí, nếu còn dư y thì chứng quả Bất lai*” (*S*. V. 313). Duyên khởi pháp hành này bắt nguồn từ nhiều vị Tỷ-kheo sau khi tu pháp quán bất tịnh, đã nảy sinh sự chán ghét thân mình cùng cực nên có 30 vị Tỷ-kheo đã tự sát trong một ngày (*S*. V. 320). Từ thực tế đó, đức Phật đã dạy pháp hành này với sự khẳng định chắc chắn: “*Này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức*” (*S*. V. 320). Không

những vậy, trong một trường hợp khác, đức Phật tái khẳng định: "*Này các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú, người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú*" (*S*. V. 325).

Thứ mười một, *Tương ưng Dự lưu* (*Sotāpattisaṃyutta*). Khi một hành giả thành tựu niềm tịnh tín bất động đối với Phật, Pháp, Tăng và giới, hành giả đó thành tựu quả vị Dự lưu (*S*. V. 342). Dự lưu là Thánh vị đầu tiên trong bốn Thánh quả. Đạt được quả vị này, hành giả có thể tự tuyên bố về mình: "*Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác xứ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ*" (*S*. V. 358). Cũng trong *Tương ưng* này, đức Phật đưa ra định nghĩa thế nào là người cư sĩ: "*Ai quy y Phật, này Mahānāma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ*" (*S*. V. 395).

Thứ mười hai là *Tương ưng Sự thật* (*Saccasaṃyutta*). *Tương ưng* này lược thuyết, quảng thuyết các phương diện khác nhau của bốn chân lý cao thượng, bao gồm cả bài pháp quan trọng đầu tiên gọi là *Kinh Chuyển pháp luân* (*Dhammacakkappavattanasutta*) (*S*. V. 420).

3. Kết luận

Để giữ gìn sự toàn vẹn kho tàng Chánh pháp, các bậc Thánh đệ tử của đức Phật đã vận dụng nhiều phương cách khác nhau. Một trong những phương cách tối ưu nhằm bổ trợ cho sự ghi nhớ, đó là việc sắp xếp các kinh theo các chủ đề, sự vật, hiện tượng, con người… chung một mối liên hệ với một trật tự nhất định. Nhờ vậy, người tu học sẽ dễ dàng lưu giữ nhiều vấn đề do tính liên hệ gợi mở của chúng, vì đây là một trong những quy luật cơ bản của tư duy. Việc tổ chức, sắp xếp những bài kinh có những thuộc tính giống nhau vào thành từng nhóm như trong *Tương ưng bộ* là việc làm có khoa học mà Phật giáo đã thực hiện từ rất sớm.

Nhờ tính chất đặc thù đó nên đã có những nội dung liên hệ đến giáo pháp, đến đức Phật được ghi nhận đầy đủ và trình bày hết sức phong phú, khó có thể tìm thấy trong bốn bộ *Nikāya* còn lại. Không những vậy, *Tương ưng bộ* này còn giữ gìn được những tư liệu cổ xưa liên quan đến phong tục tập quán và quan điểm triết học trong xã hội Ấn Độ cổ đại. Qua đó gián tiếp khẳng định rằng, có những tư liệu, những lời dạy của đức Phật mang tính cổ xưa hoặc gần với nguyên thủy đã có mặt trong *Tương ưng bộ* này. Bên cạnh đó, sự tương đồng về những bài kệ giữa *Tương ưng bộ* và *Kinh Tập* cũng như hai tác phẩm thuộc Luật tạng Pāli là *Mahāvagga* và *Cullavagga*, đã góp phần bổ sung tính chân thực và tương đồng về phương diện văn bản.

Dịch phẩm *Tương ưng bộ* của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã trải qua ba lần tái bản. Trong ấn bản lần này, bộ kinh được bổ sung một số

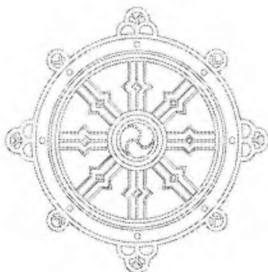
tiêu đề tương ứng với nguyên tác Pāli, một số phụ chú, trích dẫn tham chiếu Pāli, Hán văn, Anh văn và một vài nhuận sắc cần thiết, do các thành viên của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam được phân công thực hiện. Chúng tôi tin tưởng rằng, đây là một dịch phẩm tiếng Việt *Tương ưng bộ* khá hoàn thiện tính đến thời điểm hiện nay.

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ngày 19-9-2019

Cẩn chí

TT.TS. THÍCH MINH THÀNH

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



MỤC LỤC

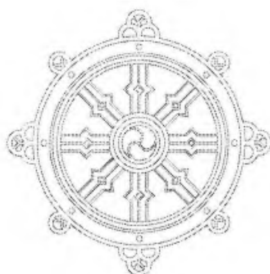
I. THIÊN CÓ KỆ

II. THIÊN NHÂN DUYÊN

III. THIÊN UẨN

IV. THIÊN SÁU XỨ

V. THIÊN ĐẠI



I. THIÊN CÓ KỆ
(*SAGĀTHĀVAGGA*)

1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN
(*DEVATĀSAṂYUTTA*)

I. PHẨM CÂY LAU (*NAḶAVAGGA*)

I. KINH BỘC LƯU (*Oghataraṇasutta*) (*S*. I. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả,[1] làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?

– Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

– Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

– Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt. Do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

[Vị thiên:]

Từ lâu, tôi mới thấy,
Bà-la-môn[2] tịch tịnh,
Không đứng, không bước tới,
Vượt chấp trước ở đời.

Vị thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo sư chấp nhận. Vị thiên ấy biết được: “Thế Tôn đã chấp nhận ta.” Vị ấy đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

II. KINH GIẢI THOÁT (*Nimokkhasutta*) (*S*. I. 2)

2. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn

---

[1] *Mārisa.* Ngài Buddhaghosa dùng từ này theo nghĩa *niddukkha*, tức là người không còn sầu muộn. Đây cũng là cách gọi nhau thân thiện giữa chư thiên.

[2] Brāhmaṇa: Một vị đã đoạn trừ hết phiền não.

vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả, Ngài có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh không?

– Này Hiền giả, Ta có biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh.

– Thưa Tôn giả, như thế nào Ngài biết giải thoát, thoát ly, viễn ly cho các chúng sanh?

– Hỷ, tái sanh đoạn tận,
Tưởng, thức được trừ diệt,
Các thọ diệt, tịch tịnh.
Như vậy này Hiền giả,
Ta biết sự giải thoát,
Thoát ly và viễn ly,
Cho các loại chúng sanh.

III. KINH ĐƯA ĐẾN ĐOẠN TẬN (*Upanīyasutta*)[3] (*S*. I. 2)

3. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

[Thế Tôn:]

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.

IV. KINH THỜI GIAN TRÔI QUA (*Accentisutta*)[4] (*S*. I. 3)

4. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

---

[3] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1000. 0262b03); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.138. 0427b06).

[4] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.139. 0427b24).

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến [chơn] an lạc.

[Thế Tôn:]

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.

V. KINH BAO NHIÊU CÁI CẮT ĐOẠN (*Katichindasutta*) (*S*. I. 3)

5. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Phải cắt đoạn bao nhiêu,
Phải từ bỏ bao nhiêu,
Tu tập thêm bao nhiêu,
Vượt qua bao trói buộc,
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bộc lưu?

[Thế Tôn:]

Phải cắt đoạn đến năm,
Phải từ bỏ đến năm,
Tu tập thêm năm pháp,[5]
Vượt qua năm trói buộc,[6]
Để được có danh xưng,
Tỷ-kheo vượt bộc lưu.

VI. KINH TỈNH GIÁC (*Jāgarasutta*) (*S*. I. 4)

6. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

---

[5] Năm pháp trong trường hợp này chỉ cho 5 lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực).

[6] Năm trói buộc là nói đến 5 hạ phần kiết sử (thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân) hoặc 5 thượng phần kiết sử (sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh).

Có bao pháp mê ngủ,[7]
Khi pháp khác tỉnh giác?
Có bao pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ?
Có bao nhiêu việc làm,
Đưa ta đến trần cấu?
Có bao nhiêu việc làm,
Khiến ta được thanh tịnh?

[Thế Tôn:]

Có năm pháp mê ngủ,
Khi pháp khác tỉnh giác.
Có năm pháp tỉnh giác,
Khi pháp khác mê ngủ.
Chính có năm việc làm,
Đưa ta đến trần cấu.
Chính có năm việc làm,
Khiến ta được thanh tịnh.

VII. KINH KHÔNG LIỄU TRI (*Appaṭividitasutta*) (*S*. I. 4)

7. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai với các pháp,
Không liễu tri thấu suốt,
Bị hướng dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.

[Thế Tôn:]

Những ai với các pháp,
Khéo liễu tri sáng suốt,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ chứng Chánh đẳng giác,
Họ liễu tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.

---

[7] Đoạn câu hỏi này nói đến 5 triền cái và 5 lực, chúng khiến cho hành giả mê ngủ hay tỉnh thức, ô nhiễm hay thanh tịnh.

VIII. KINH MÊ LOẠN (*Susammuṭṭhasutta*)[8] (*S*. I. 4)

8. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai đối các pháp,
Quá đắm say mê loạn,
Bị hướng dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.

[Thế Tôn:]

Những ai đối các pháp,
Không đắm say mê loạn,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo.
Họ chứng Chánh đẳng giác.
Họ liễu tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.

IX. KINH MONG MUỐN KIÊU MẠN (*Mānakāmasutta*)[9] (*S*. I. 5)

9. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Đối vị ưa kiêu mạn,[10]
Ở đây không điều phục,
Không trí tuệ sáng suốt,
Không định tĩnh nhiếp tâm,
Độc thân trú rừng núi,
Sống với tâm phóng dật,
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.

[Thế Tôn:]

Từ bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định,
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trược,

---

[8] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.570. 0154b05); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.165. 0435c05).

[9] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.996. 0261a13); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.133. 0426a24).

[10] *Māna* thường được dịch là sự kiêu mạn, còn ám chỉ cho tâm ảo tưởng hay tự phụ. Tâm con người thường rơi vào lỗi kiêu mạn này.

Độc thân trú rừng núi,
Với tâm không phóng dật,
Vị ấy vượt thoát khỏi,
Sự chi phối ma lực.

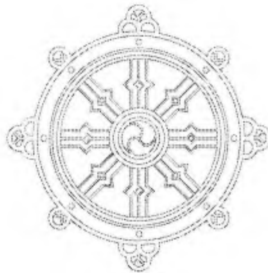
X. KINH RỪNG NÚI (*Araññasutta*)[11] (*S*. I. 5)

10. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thường sống trong rừng núi,
Bậc Thánh sống Phạm hạnh,
Mỗi ngày ăn một bữa,
Sao sắc họ thù diệu?

[Thế Tôn:]

Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp tới,
Sống ngay với hiện tại,
Do vậy sắc thù diệu.[12]
Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh rời cành.



[11] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.995. 0260c24); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.132. 0426a06).

[12] Sau khi ăn xong, các vị ấy tu thiền, chứng được nhất tâm, nhiếp phục mọi động niệm, tư tưởng trở nên rõ ràng và định tĩnh. Nhờ tâm các vị ấy an tịnh nhẹ nhàng, máu lưu thông, thân thể được thanh lọc, và nhờ vậy, da trở nên sáng chói, thù diệu.

II. PHẨM VƯỜN HOAN HỶ (*NANDANAVAGGA*)

I. KINH VƯỜN HOAN HỶ (*Nandanasutta*)[13] (*S*. I. 5)

11. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị thiên thuộc cõi trời Ba Mươi Ba, với chúng thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ,[14] thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bấy giờ, vị thiên ấy nói lên bài kệ này:

Chúng không biết đến lạc,
Nếu không thấy Hoan Hỷ,
Chỗ trú cả trời, người,
Cõi Ba Mươi Ba lừng danh.

Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị thiên khác đáp vị thiên ấy với bài kệ:

Kẻ ngu, sao không biết,
Vị Ứng Cúng đã nói:
"Mọi hành là vô thường,
Tự tánh phải sanh diệt,
Sau khi sanh chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc."

II. KINH VUI THÍCH (*Nandatisutta*)[15] (*S*. I. 6)

12. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Cha đối con vui thích,
Chủ với bò vui thích,

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.576. 0153c05); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.161. 0435a06); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.31.9. 0672b03).

[14] *Nandanā:* Vườn Hoan Hỷ ở Tam Thập Tam thiên, nơi Thiên chủ Sakka ngự trị. Chư thiên sống lâu ở đây, khi mạng chung tan biến như không khí, hay như ngọn đèn bị thổi tắt.

[15] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1004. 0263a14); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.142. 0428a16).

Người sanh y[16] vui thích,
Không sanh y không vui.

[Thế Tôn:]

Cha đối con sầu muộn,
Chủ với bò sầu muộn,
Người sanh y sầu muộn,
Không sanh y không sầu.

III. KINH KHÔNG AI BẰNG CON (*Natthiputtasamasutta*)[17] (*S.* I. 6)

13. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thương ai bằng thương con,
Của nào bằng bò nhà,
Sáng nào bằng mặt trời,
Nước nào hơn biển cả.

[Thế Tôn:]

Thương ai bằng thương mình,
Của nào bằng lúa gạo,
Sáng nào bằng trí tuệ,
Nước nào hơn mưa rào.

IV. KINH SÁT-ĐẾ-LỴ (*Khattiyasutta*)[18] (*S.* I. 6)

14. [Vị thiên:]

Giữa các loài hai chân,
Sát-lỵ là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Bò đực là tối thắng.
Trong các hàng thê thiếp,
Quý nữ là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Trưởng nam là tối thắng.

[Thế Tôn:]

Giữa các loài hai chân,
Chánh giác là tối thắng.
Giữa các loài bốn chân,
Thuần chủng[19] là tối thắng.

---

[16] *Upadhi* nghĩa là yếu tố căn bản dẫn dắt đi tái sanh.

[17] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1006. 0263b13); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.232. 0458c03).

[18] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1007. 0263b27); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.233. 0458c16).

[19] *Ājānīyo*. Nghĩa đen là sự hiểu biết, người thông thái. Ngài Buddhaghosa giải thích là người biết rõ nguồn gốc các pháp. Ở đây, thuật ngữ này chỉ cho con vật thông minh, thuần chủng như con ngựa của Vua Kutakanna.

Trong các hàng thê thiếp,
Nhu thuận là tối thắng.
Trong các hàng con trai,
Tôn kính là tối thắng.

V. KINH TIẾNG ĐỘNG RỪNG SÂU (*Saṇamānasutta*)[20] (*S*. I. 7)

15. [Vị thiên:]

Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động[21] tiếng rừng sâu,
Ta run, ta khiếp sợ.

[Thế Tôn:]

Nay là thời giữa trưa,
Loài chim nghỉ yên lặng,
Vang động tiếng rừng sâu,
Ta vui, Ta thích thú.

VI. KINH NGỦ GỤC, BIẾNG NHÁC (*Niddātandīsutta*)[22] (*S*. I. 7)

16. [Vị thiên:]

Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ,
Ở đây, đối chúng sanh,
Thánh đạo không hiển lộ.

[Thế Tôn:]

Ngủ gục, nhác, ngáp dài,
Không vui, ăn quá độ,
Với tinh tấn, đoạn chúng,
Thánh đạo được thanh tịnh.

VII. KINH KHÓ LÀM (*Dukkarasutta*)[23] (*S*. I. 7)

17. [Vị thiên:]

Khó làm, khó kham nhẫn,
Thiếu trí hành Sa-môn,
Chỗ kẻ ngu thối đọa,
Chỗ ấy đầy chướng ngại.

Bao ngày hành Sa-môn,
Nếu tâm không chế ngự,

---

[20] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1335. 0368b22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.355. 0490b03).

[21] *Saṇate*: Tiếng ồn ào của rừng, như gió thổi qua lá cây hay các cây cọ xát vào nhau.

[22] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.598. 0160a26); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.175. 0437c18).

[23] Bản tiếng Anh của PTS: *Hard to Fulfil* (or *the Tortoise*), nghĩa là *Khó làm* (hay *Con rùa*). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.600. 0160b27); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.174. 0437b29).

Mỗi bước phải sa đọa,
Nô lệ cho suy tư.

[Thế Tôn:]

Như rùa rút chân cẳng,
Trong mai rùa của mình.
Vị Tỷ-kheo cũng vậy,
Thâu nhiếp mọi suy tư,
Không tham dính[24] vật gì,
Không làm hại người nào,
Hoàn toàn thật tịch tịnh,
Không chỉ trích một ai.

VIII. KINH TÀM (*Hirīsutta*) (*S*. I. 7)

18. [Vị thiên:]

Người được tàm chế ngự,
Tìm được ai ở đời?
Ai biết ngăn chỉ trích,
Như ngựa hiền bóng roi?

[Thế Tôn:]

Người được tàm chế ngự,
Sống thường thường chánh niệm,
Vị ấy đạt kết quả,
Khổ đau được đoạn tận,
Bước những bước thăng bằng,
Trên đường không thăng bằng.

IX. KINH AM TRANH (*Kuṭikāsutta*) (*S*. I. 8)

19. [Vị thiên:]

Ngài không có am tranh,
Ngài không có tổ ấm,
Ngài không có dây giăng,
Ngài thoát khỏi hệ phược.

[Thế Tôn:]

Ta không có am tranh,
Ta không có tổ ấm,
Ta không có dây giăng,
Ta thoát khỏi hệ phược.

[Vị thiên:]

Con nói am là gì?
Nói tổ ấm là gì?

[24] Không dựa vào dục vọng, tà kiến.

Nói dây giăng là gì?
Nói hệ phược là gì?

[Thế Tôn:]

Ông nói am là mẹ,
Nói tổ ấm là vợ,
Nói dây giăng là con,
Nói hệ phược là ái.

[Vị thiên:]

Lành thay, Ngài không am!
Lành thay, không tổ ấm!
Lành thay, không dây giăng!
Lành thay, Ngài thoát phược!

X. KINH SAMIDDHI (*Samiddhisutta*)[25] (*S*. I. 8)

20. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Tapodārāma (tinh xá suối nước nóng).

Tôn giả Samiddhi, khi đêm đã gần tàn, thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, Tôn giả đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô.

Rồi một vị thiên, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến, đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Samiddhi:

Không hưởng, ông khất thực,
Nay khất thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khất thực,
Chớ uổng phí thời gian!

[Samiddhi:]

Thời ông, ta không biết,
Thời ta ẩn không hiện.
Không hưởng, ta khất thực,
Không uổng thời gian ta.

Rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với Tôn giả Samiddhi:

– Này Tỷ-kheo, ông còn trẻ tuổi, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuổi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Này Tỷ-kheo, hãy thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối!

– Này Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo

[25] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1078. 0281c03); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.17. 0379a23).

hiện tại. Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não (*bahupāyāsā*), nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối,[26] đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

– Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại, là pháp không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?

– Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia,[27] mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay ở Vương Xá, tại tinh xá Tapodārāma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

– Này Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Này Tỷ-kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến để nghe pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp vị thiên ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi đêm đã gần tàn, con thức dậy và đi đến suối nước nóng để tắm rửa. Sau khi tắm rửa, ra khỏi suối nước nóng, con đứng, đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Bạch Thế Tôn, rồi một vị thiên, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng suối nước nóng đi đến con; sau khi đến, đứng giữa hư không, vị ấy nói lên bài kệ này:

Không hưởng, ông khất thực,
Nay khất thực, không hưởng,
Hãy hưởng rồi khất thực,
Chớ uổng phí thời gian!

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời với vị thiên ấy bằng bài kệ:

Thời ông, ta không biết,
Thời ta ẩn không hiện,
Không hưởng, ta khất thực,
Không uổng thời gian ta.

Bạch Thế Tôn, rồi vị thiên ấy đứng xuống đất và thưa với con: "Này Tỷ-kheo, ông còn trẻ tuổi, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong độ tuổi thanh xuân mà đã xuất gia. Trong thời trẻ tuổi, ông không thọ hưởng các dục lạc. Này Tỷ-kheo, hãy

---

[26] *Akālika*: Vượt thời gian. Ngài Buddhaghosa lý giải rằng Thánh đạo đưa đến kết quả lập tức, không phải chờ thời gian.

[27] Tân Tỷ-kheo: Từ 1 đến 5 hạ; Trung tọa Tỷ-kheo: Từ 5 đến 9 hạ; Thượng tọa Tỷ-kheo: Từ 10 đến 20 hạ.

thọ hưởng các dục lạc của người đời, chớ có bỏ hiện tại mà chạy theo những gì bị thời gian chi phối!”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: “Này Hiền giả, ta không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Hiền giả, chính ta bỏ những gì bị thời gian chi phối để chạy theo hiện tại. Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói, các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói với con: “Và này Tỷ-kheo, như thế nào mà Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều sầu não, nguy hiểm ở đấy càng nhiều hơn? Như thế nào thuộc về hiện tại là pháp này, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu?”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với vị thiên ấy: “Này Hiền giả, tôi là người mới xuất gia, mới đến đây không bao lâu. Tôi không thể giải thích rộng rãi cho ông Pháp và Luật này. Nhưng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay ở Rājagaha, tại tinh xá Tapodārāma; hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho ông như thế nào, hãy như vậy thọ trì.”

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, vị thiên ấy nói với con: “Này Tỷ-kheo, không dễ gì cho chúng tôi được đến gặp bậc Thế Tôn ấy, một bậc được các chư thiên khác có đại uy lực đoanh vây. Này Tỷ-kheo, nếu Ngài đi đến bậc Thế Tôn ấy và hỏi ý nghĩa này, chúng tôi có thể đến để nghe pháp.”

Bạch Thế Tôn, nếu vị thiên ấy nói sự thật, thời vị ấy ở đây, không xa bao nhiêu.

Khi được nghe nói vậy, vị thiên ấy nói với Tôn giả Samiddhi như sau:

– Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Hãy hỏi đi, Tỷ-kheo! Tôi đã đến rồi.

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với vị thiên ấy:

Chúng sanh được hiểu biết,
Những điều được nói lên,
Và chấp trước thái độ,
Trên những điều được nói.
Nếu họ không liễu tri,
Những điều được nói lên,
Họ đi đến trói buộc,
Do thần chết chi phối.
Nếu họ liễu tri được,
Những điều được nói lên,
Họ không có tưởng tri,
Những điều được nói ra.
Đối với vị như vậy,
Lỗi lầm nhất định không.

Nếu như ông có biết,
Hãy nói lên, dạ-xoa.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!

[Thế Tôn:]

Bằng, thắng hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi.
Cả ba không dao động,
Bằng, thắng không khởi lên.
Nếu như ông có biết,
Hãy nói lên, dạ-xoa.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt. Lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu một cách rộng rãi những điều Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt!

[Thế Tôn:]

Hãy từ bỏ tính toán,[28]
Không chạy theo hư tưởng,
Từ bỏ mọi tham ái,
Đối danh sắc ở đời,
Vị ấy đoạn triền phược,
Không lo âu, không ái.
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tìm cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị ấy.
Nếu ông biết người ấy,
Hãy nói lên, dạ-xoa!

– Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa rộng rãi như sau:

Khắp thế giới chớ làm,
Điều ác thân, miệng, ý,
Từ bỏ mọi ái dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,
Vô bổ, không lợi ích.

---

[28] Theo *Chú giải*, *Sankhā* chỉ cho vị A-la-hán đã đoạn tận các tâm bất thiện tham, sân, si.

III. PHẨM KIẾM (*SATTIVAGGA*)

I. KINH KIẾM (*Sattisutta*) (*S*. I. 13)

21. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

[Vị thiên:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ ái dục.

[Thế Tôn:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia bỏ thân kiến.

II. KINH XÚC CHẠM (*Phusatisutta*) (*S*. I. 13)

22. [Vị thiên:]

Không xúc,[29] không có chạm,
Có xúc, [thời] có chạm,
Nên hại người không hại,
Tức có xúc, có chạm.

[Thế Tôn:]

Ai hại người không hại,
Người tịnh, không ô nhiễm,
Kẻ ngu hái quả ác,
Như ngược gió tung bụi.

III. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Jaṭāsutta*) (*S*. I. 13)

23. [Vị thiên:]

Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phược,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?

---

[29] Trong kinh này, xúc có hai nghĩa: Chủ động và thụ động, xúc chạm và bị xúc chạm, hành nghiệp và quả báo của nghiệp. Xem *Pss. Breth*. 783.

[Thế Tôn:]

Người trú giới có trí,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỷ-kheo ấy thoát triền.
Với ai đã từ bỏ,
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu Tận, Ứng Cúng,
Vị ấy thoát triền phược.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn tận, vô dư,
Đoạn chướng ngại, sắc tưởng,
Chỗ ấy triền phược đoạn.

IV. KINH CHẾ NGỰ Ý (*Manonivāraṇasutta*) (*S*. I. 14)

24. [Vị thiên:]

Chỗ nào ý chế ngự,
Chỗ ấy đau khổ tận.
Ý chế ngự hoàn toàn,
Thoát đau khổ hoàn toàn.

[Thế Tôn:]

Không nên chế ngự ý,
Hoàn toàn về mọi mặt.
Chớ có chế ngự ý,
Nếu tự chủ đạt được.
Chỗ nào ác pháp khởi,
Chỗ ấy chế ngự ý.

V. KINH VỊ A-LA-HÁN (*Arahantasutta*)[30] (*S*. I. 14)

25. [Vị thiên:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên."
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi."

[Thế Tôn:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,

---

[30] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.581. 0154b19); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.166. 0435c18).

Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên."
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi."
Vị ấy khéo biết rõ,
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.

[Vị thiên:]

Vị Tỷ-kheo La-hán,
Đã làm điều phải làm,
Các lậu được đoạn tận,
Thân này, thân tối hậu.
Có phải Tỷ-kheo ấy,
Đi gần đến kiêu mạn,
Khi vị ấy có nói:
"Chính tôi vừa nói lên."
Khi vị ấy có nói:
"Họ nói là của tôi?"

[Thế Tôn:]

Ai đoạn tận kiêu mạn,
Không còn những buộc ràng,
Mọi hệ phược kiêu mạn,
Được hoàn toàn đoạn tận.
Vị có trí sáng suốt,
Vượt khỏi mọi hư tưởng,
Vị ấy có thể nói:
"Chính tôi vừa nói lên."
Vị ấy có thể nói:
"Họ nói là của tôi."
Vị ấy khéo biết rõ,
Danh xưng ở thế gian,
Vì chỉ là danh xưng,
Vị ấy cũng danh xưng.

VI. KINH ÁNH SÁNG (*Pajjotasutta*)[31] (*S*. I. 15)

26. [Vị thiên:]

Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?

---

[31] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1310. 0360b17); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.309. 0478c16).

Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn biết lời giải đáp.

[Thế Tôn:]

Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng,[32]
Sáng này, sáng vô thượng.

VII. KINH NƯỚC CHẢY (*Sarasutta*) (*S*. I. 15)

27. [Vị thiên:]

Chỗ nào nước chảy ngược?
Chỗ nào nước xoáy dừng?
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư?

[Thế Tôn:]

Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không vững trú,
Do vậy nước chảy ngược,
Chỗ ấy nước xoáy dừng,
Chỗ ấy danh và sắc,
Được đoạn diệt, không dư.[33]

VIII. KINH GIÀU LỚN (*Mahaddhanasutta*) (*S*. I. 15)

28. [Vị thiên:]

Sát-đế-ly giàu lớn,
Tài sản, quốc độ lớn,
Luôn luôn ganh tỵ nhau,
Hưởng dục không biết ngán.
Giữa người sống khao khát,
Trôi theo dòng tái sanh,
Ai bỏ tật và ái,
Không khao khát giữa đời?

[Thế Tôn:]

Vị xuất gia bỏ nhà,
Bỏ con yêu, gia súc,

---

[32] Trong kinh này chỉ cho ánh sáng của trí tuệ, của sự hăng hái, tinh tấn, của sự tín thành và của lời đức Phật dạy.

[33] Trong trường hợp này chỉ cho Vô dư y Niết-bàn.

Bỏ tham và bỏ sân,
Và từ bỏ vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Không khao khát giữa đời.

IX. KINH BỐN BÁNH XE (*Catucakkasutta*) (*S.* I. 16)

29. [Vị thiên:]

Bốn bánh xe, chín cửa,[34]
Đầy uế, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ,
Ôi, thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?

[Thế Tôn:]

Cắt dây da buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú[35] sẽ như vậy.

X. KINH NHƯ CHÂN SƠN DƯƠNG (*Eṇijaṅghasutta*) (*S.* I. 16)

30. [Vị thiên:]

Chân như chân sơn dương,[36]
Vừa thon lại vừa mạnh,
Ăn uống có chừng mực,
Không tham lam, say đắm,
Như sư tử, voi rừng,
Độc hành, không dục vọng.
Sau khi đến, con hỏi,
Làm sao thoát khổ đau?

[Thế Tôn:]

Có năm dục ở đời,
Ý căn là thứ sáu,
Ở đây, bỏ ước muốn,
Như vậy thoát khổ đau.

---

[34] Thân với bốn uy nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) và chín lỗ (hai mắt, hai tai, hai mũi, một miệng, chỗ đại tiện, tiểu tiện).

[35] *Yātrā.* Xem *S.* I. 33; *KS.* I. 44, *Accharāsutta.*

[36] Đây là một tướng của bậc Đại nhân.

IV. PHẨM QUẦN TIÊN
(*SATULLAPAKĀYIKAVAGGA*)

I. KINH VỚI NGƯỜI THIỆN (*Sabbhisutta*) (*S*. I. 16)

31. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa,[37] sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tốt hơn, không xấu.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,[38]
Được tuệ, không gì khác.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,[39]
Không sầu giữa sầu muộn.

---

[37] *SA*. I. 43f: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng trong một kiếp về trước, những người này là thủy thủ của một chiếc tàu buôn. Khi ấy đang trên biển, họ gặp bão lớn, tàu sắp chìm, tất cả họ đều hốt hoảng, kinh sợ. Trong số họ, có một người ngồi yên lặng. Mọi người hỏi vị ấy: "Vì sao ông có thể bình tĩnh như vậy?" Vị ấy đã trả lời: "Chính vì nghĩ đến những việc thiện đã làm được trước đây, chắc chắn sẽ hạnh phúc khi tái sinh, nên không còn phải lo lắng gì". Những người trên tàu khẩn nài vị ấy giúp đỡ. Vị ấy chia họ thành bảy nhóm, mỗi nhóm 100 người và bảo họ xướng lớn trong mưa bão, nguyện thọ trì Năm giới. Họ tin tưởng giới luật, sự hành trì giới luật sẽ mang lại hạnh phúc cho họ và xác chứng những việc thiện họ đã làm. Sau đó họ thác sanh vào thiên giới của Thiên chủ Đế-thích (Sakka), mỗi người sống trong một tòa lâu đài bằng vàng (*S*. I. 9; *KS*. I. 15). Ngay khi được sanh vào cõi trời, họ biết rõ nhân quả hạnh phúc của mình nên đồng đến yết kiến đức Phật và tán thán vị Thầy vĩ đại của mình. Họ được gọi là Satullapā, theo ý nghĩa là từng nhóm 100 người xướng to giới luật.

[38] Xem *J*. V. 483.

[39] Xem *S*. I. 56 (kinh 102 ở dưới); *J*. V. 483.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Tỏa sáng giữa mọi người.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.

Rồi một vị thiên khác lại nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, trong tất cả các vị ấy, ai đã nói lên một cách tốt đẹp?

– Về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, quần tiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

II. KINH XAN THAM (*Maccharisutta*)[40] (*S.* I. 18)

32. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bố thí.
Ai ước mong công đức,
Có trí nên bố thí.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Điều kẻ xan tham sợ,
Nên không dám bố thí.
Sợ ấy đến với họ,

---

[40] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1288. 0354c20); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.286. 0473b23).

Chính vì không bố thí.
Điều kẻ xan tham sợ,
Chính là đói và khát,
Kẻ ngu phải cảm thọ,
Đời này và đời sau.

Vậy hãy chế xan tham,
Bố thí nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vững an trú,
Công đức trong đời sau.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Không chết giữa người chết,
Như thiện hữu trên đường,
San sẻ lương thực hiếm,
Thường pháp là như vậy.

Kẻ ít vui san sẻ,
Kẻ nhiều không muốn cho,
Bố thí từ kẻ khó,
Trị giá gấp ngàn lần.

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Khó thay sự đem cho,
Khó thay làm hạnh ấy.
Kẻ ác không làm theo,
Khó theo[41] pháp bậc lành!

Do vậy kẻ hiền, ác,
Sanh thú phải sai khác,
Kẻ ác sanh địa ngục,
Người lành lên cõi trời.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, trong tất cả các vị ấy, vị nào đã nói một cách tốt đẹp?

– Về vấn đề này, tất cả các ông đã nói một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời Ta nói:

Sở hành vẫn chơn chánh,
Dầu phải sống vụn vặt,
Dầu phải nuôi vợ con,
Với đồ ăn lượm lặt,[42]
Nhưng vẫn bố thí được,
Từ vật chứa ít ỏi,

---

[41] *Durannayo* = *Duranvayo*: Khó làm theo.
[42] *Chú giải*: Những bông lúa rơi vãi trên sàn đập lúa.

Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy.[43]

Rồi một vị thiên khác nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Vì sao họ bố thí,
Rộng lớn nhiều như vậy,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chơn bố thí?
Sao ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy?

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ này với vị thiên ấy:

Có những người bố thí,
Một cách bất bình thường,
Sau khi chém và giết,
Mới làm vơi nỗi sầu.
Sự bố thí như vậy,
Đầy nước mắt đánh đập,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ nghèo, chơn bố thí.
Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho,
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy.

III. KINH LÀNH THAY (*Sādhusutta*) (*S*. I. 20)

33. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bố thí.
Ai ước mong công đức,
Có trí nên bố thí.

[43] *Kalāṃ*. Theo nghĩa đen là một phần, một mẩu nhỏ.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiều, không muốn cho,
Bố thí từ kẻ khó,
Trị giá gấp ngàn lần.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!

Bố thí và đánh nhau,
Được nói là bằng nhau.
Một số ít kẻ lành,
Thắng xa số đông người.
Ví dầu cho có ít,
Nhưng cho với lòng tin,
Do vậy được an lạc,
Vì lợi ích cho người.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!

Ai là người bố thí,
Với tài sản hợp pháp,
Do nỗ lực tinh tấn,
Nhờ vậy thâu hoạch được.
Vị ấy vượt dòng sông,[44]
Thần chết Dạ-ma giới,

[44] *Vetaraṇī.* Chỉ cho sông địa ngục. Xem *J.* V. 266.

Sau khi chết được sanh,
Chỗ trú xứ chư thiên.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!

Bố thí có suy tư,
Bậc Thiện Thệ tán thán.
Bố thí cho những vị,
Đáng kính trọng ở đời,
Bố thí những vị ấy,
Được hưởng quả phước lớn,
Như hạt giống tốt đẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!
Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Lành thay sự tự chế,
Đối với các chúng sanh!

Giữa chúng sanh hữu tình,
Ai sống không làm hại,
Sợ người khác chỉ trích,
Không làm ác, bất thiện,
Họ khen kẻ nhút nhát,
Nên chẳng phải người hùng,

Chính sợ bị chỉ trích,
Người lành không làm ác.

Rồi một vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, lời nói ai được tốt đẹp?

– Về vấn đề này, tất cả các ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy, hãy nghe lời của Ta:

Bố thí với lòng tin,
Được tán thán nhiều mặt,
Có pháp hơn bố thí,
Pháp ấy là Đạo pháp.
Từ xưa, từ xa xưa,
Người lành, người chơn thiện,[45]
Với trí tuệ sáng suốt,
Đạt đến cảnh Niết-bàn.

IV. KINH CHÚNG KHÔNG PHẢI (*Nasantisutta*) (*S*. I. 22)

34. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Giữa loài người chúng ta,
Có các dục vô thường,
Ai hưởng chúng ở đời,
Bị chúng trói, chúng buộc.
Phóng dật đối với chúng,
Khó thoát ly với chúng,
Người nào khó thoát ly,
Bị thần chết chinh phục.
Họa từ dục vọng sanh,
Khổ từ dục vọng khởi,
Dục vọng được nhiếp phục,
Nhờ vậy họa nhiếp phục,
Tai họa được nhiếp phục,
Nhờ vậy khổ nhiếp phục.
Vật sai biệt ở đời,
Chúng không phải các dục,
Chính tư niệm tham ái,

---

[45] *Chú giải* viết như đức Phật Ca-diếp (Kassapa Buddha), đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Koṇāgamana Buddha) và chư Phật quá khứ khác.

Là dục vọng con người.
Vật sai biệt tồn tại,
Như vậy ở trên đời,
Do vậy bậc hiền trí,
Điều phục các dục vọng.[46]
Hãy từ bỏ phẫn nộ,
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,[47]
Hãy vượt qua tất cả,
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,
Khổ không thể đến được,
Với ai không có gì.
Hãy từ bỏ tính toán,
Không chạy theo hư tưởng,
Cắt đứt mọi tham ái,
Với danh sắc ở đời,
Vị ấy đoạn phiền trược,
Không lo âu, không ái.
Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau,
Ở cảnh giới chư thiên,
Hay tại mọi trú xứ,
Tìm cầu nhưng không gặp,
Vết tích của vị ấy.
[Họ tìm nhưng không thấy,
Vị giải thoát như vậy.]

[Tôn giả Mogharāja:]

Chư thiên và loài người,
Đời này hay đời sau,
Bậc Tối thượng loài người,
Lo hạnh phúc chúng sanh,
Họ đảnh lễ vị ấy,
Nên tán thán họ không?

[Thế Tôn:]

Này Mogharāja,
Cũng nên tán thán họ,
Họ đảnh lễ vị ấy,
Bậc giải thoát như vậy.

[46] Bài kệ này được viết trong *A*. III. 411.
[47] Xem *S*. I. 25 (kinh 36 ở dưới). Xem *Dh*. v. 221.

Này Tỷ-kheo khất sĩ,
Nếu họ biết Chánh pháp,
Đoạn trừ được nghi hoặc,
Họ trở thành giải thoát.

V. KINH UJJHĀNASAÑÑIKĀ (*Ujjhānasaññisutta*) (*S*. I. 23)

35. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Ujjhānasaññikā (Hiềm Trách thiên),[48] sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, các vị ấy đứng giữa hư không.

Rồi một vị thiên đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Những ai nói mình khác,
Với điều họ thực có,
Thời mọi vật thọ dụng,
Xem như do trộm cắp,
Chẳng khác kẻ gian manh,
Dùng lừa đảo trộm cắp.
Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Không làm, nói có làm,
Kẻ trí biết rõ họ.

[Thế Tôn:]

Những ai chỉ biết nói,
Hay chỉ biết nghe thôi,
Những hạng người như vậy,
Không thể nào tiến bộ.
Khó nhọc thay con đường,
Giúp kẻ trí giải thoát!
Nhờ thiền định thiêu cháy,
Mọi trói buộc quần ma.

Kẻ trí không làm vậy,
Sau khi biết thế tình,
Với trí, chứng Niết-bàn,
Vượt chấp trước ở đời.

Rồi các quần tiên ấy đứng xuống đất, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Đây là tội lỗi của chúng con, bạch Thế Tôn. Chúng con tạo tội lỗi vì ngu

---

[48] Theo Ngài Buddhaghosa, chư thiên này không ở một thế giới riêng. Họ được nghe Sa-môn Gotama tán thán đệ tử tu khổ hạnh hơn họ.

xuẩn, vì mê mờ, vì bất thiện. Chúng con nghĩ chúng con có thể công kích Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho chúng con, lỗi lầm này là lỗi lầm để gìn giữ trong tương lai.

Rồi Thế Tôn mỉm cười.

Các quần tiên ấy càng tức tối thêm và bay lên hư không.

Một vị thiên nói bài kệ này trước Thế Tôn:

Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phẫn, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.

[Thế Tôn:]

Nếu không có tội lỗi,
Ở đây không lầm lạc,
Hận thù không thể tiêu,
Do gì xem là thiện?

[Vị thiên:]

Với ai không tội lỗi?
Với ai không lầm lạc?
Ai không bị si mê?
Ai kẻ trí thường niệm?

[Thế Tôn:]

Như Lai, bậc Giác Ngộ,
Thương xót mọi hữu tình,
Nơi Ngài không tội lỗi,
Nơi Ngài không lầm lạc,
Ngài không bị si mê,
Ngài chánh trí thường niệm.
Ai không chịu chấp nhận,
Tội lỗi được phát lộ,
Nội phẫn, ưa sân hận,
Hận thù càng kiên chặt.
Ta không thích hận thù,
Ta nhận tội các ông.

VI. KINH LÒNG TIN (*Saddhāsutta*)[49] (*S*. I. 25)

36. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm) tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi rất nhiều quần tiên Satullapakāyikā, khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ

[49] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1286. 0354b11); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.284. 0473a07).

Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Tín là người thứ hai,
Là bạn của loài người,
Nếu không trú bất tín,
Được danh dự, xưng tán,
Sau khi bỏ thân này,
Được sanh lên thiên giới.

Rồi các vị thiên khác nói lên những bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy từ bỏ phẫn nộ,
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,
Hãy vượt qua tất cả,
Mọi kiết sử trói buộc.
Chớ có quá chấp trước,
Đối với danh sắc ấy,
Tham không thể đến được,[50]
Với ai không có gì.

Kẻ ngu không trí tuệ,
Mới đam mê, phóng dật,
Kẻ trí không phóng dật,
Như giữ tài vật quý.
Chớ đam mê, phóng dật,
Chớ đắm say ái dục,
Thiền tư, không phóng dật,
Đạt được tối thắng lạc.[51]

VII. KINH TỤ HỘI (*Samayasutta*)[52] (*S*. I. 26)

37. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

Rồi bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhāvāsa)[53] suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay ở giữa dân chúng Sakka, thành Kapilavatthu, tại Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tụ hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và

[50] Xem *S*. I. 25 (kinh 36 ở trên).
[51] Bài kệ này được xem là do Aṅgulimāla nói lên. Xem *M*. II. 105; *Thag*. v. 883.
[52] Tham chiếu: *Đại hội kinh* 大會經 (*T*.01. 0001.19. 0079b02); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1192. 0323a12); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.105. 0411a24).
[53] Thiên giới cao nhất ở sắc giới.

chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi chúng ta đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn."

Rồi chư thiên ấy, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước Thế Tôn.

Chư thiên ấy đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:

Đại hội tại Đại Lâm,
Chư thiên đồng tụ tập,
Chúng con đến pháp hội,
Đảnh lễ chúng Bất Thắng.

Rồi một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Tại đây chúng Tỷ-kheo,
Thiền định, tâm chánh trực,
Như chủ xe nắm cương,
Bậc Hiền hộ các căn.

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Như khóa gãy, chốt tháo,
Trụ bị đào, tham đoạn,
Sống thanh tịnh, vô cấu,
Có mắt, voi khéo điều.

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Những ai quy y Phật,
Sẽ không đọa ác thú,
Sau khi bỏ thân người,
Sẽ sanh làm chư thiên.

VIII. KINH MIẾNG ĐÁ VỤN (*Sakalikasutta*)[54] (*S*. I. 27)

38. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại vườn nai Maddakucchi.

Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bể đâm phải. Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não.

Rồi Thế Tôn cho trải áo Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chánh niệm tỉnh giác.

Rồi bảy trăm quần tiên Satullapakāyikā, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến,

---

[54] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1289. 0355a19); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.287. 0473c27).

đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên đọc lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Long Tượng! Và với tư cách bậc Long Tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú; Ngài chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Sư Tử! Và với tư cách bậc Sư Tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Lương Tuấn Mã! Và với tư cách bậc Lương Tuấn Mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu Vương! Và với tư cách bậc Ngưu Vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn Nại Kiên Cường! Và với tư cách bậc Nhẫn Nại Kiên Cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama thật là bậc Khéo Điều Phục! Và với tư cách bậc Khéo Điều Phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

Rồi một vị thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước Thế Tôn:

– Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một bậc Long Tượng như vậy, một bậc Sư Tử như vậy, một bậc Lương Tuấn Mã như vậy, một bậc Ngưu Vương như vậy, một bậc Nhẫn Nại Kiên Cường như vậy, một bậc Khéo Điều Phục như vậy, trừ phi là một người mù.

Các vị Bà-la-môn,
Tinh thông năm Vệ-đà,[55]
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chơn chánh được giải thoát,
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.

---

[55] Thường các vị kiết tập *Nikāya* nói đến ba tập Vệ-đà.

Bị khát ái chi phối,
Bị giới cấm trói buộc,
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chơn chánh được giải thoát,
Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.

Ở đời không nhiếp phục,
Kiêu mạn cùng các dục,
Tâm không được an tịnh,
Không tu tập thiền định,
Ở trong rừng cô độc,
Nhưng tâm tư phóng dật,
Vị ấy khó vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.

Nhiếp phục được kiêu mạn,
Khéo tu tập thiền định,
Tâm tư khéo an tịnh,
Giải thoát được viên mãn,
Ở trong rừng cô độc,
Tâm tư không phóng dật,
Vị ấy khéo vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.

IX. KINH CON GÁI ĐẦU CỦA PAJJUNNA
(*Paṭhamapajjunnadhītusutta*)[56] (*S*. I. 29)

39. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Kokanadā, con gái của Pajjunna, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nữ Kokanadā, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thượng thủ các chúng sanh,
Nay an trú Đại Lâm,
Tại thành Vesāli,

[56] Trong kinh viết tên cô là Kokanadā. Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Pajjunna's Daughter*, nghĩa là *Con gái của Pajjunna*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1274. 0350a26); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.272. 0469a17).

Hãy để con đảnh lễ,
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadā.

Từ trước con chỉ nghe,
Pháp do Ngài chứng ngộ,
Nhờ Pháp nhãn [vô thượng]
Ngày nay con có thể,
Biết được Chánh pháp ấy,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc Mâu-ni Chánh Giác.

Những ai kém trí tuệ,
Khinh bác, chống Thánh pháp,
Sẽ rơi vào địa ngục,
Mệnh danh Roruva,
Trải thời gian lâu dài,
Thọ lãnh nhiều thống khổ.

Những ai đối Thánh pháp,
Kham nhẫn, tâm tịch tịnh,
Từ bỏ thân làm người,
Viên mãn thân chư thiên.

X. KINH CON GÁI THỨ CỦA PAJJUNNA
(*Dutiyapajjunnadhītusutta*)[57] (*S*. I. 30)

40. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Cūlakokanadā, con gái của Pajjunna, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Cūlakokanadā, con gái của Pajjunna, nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

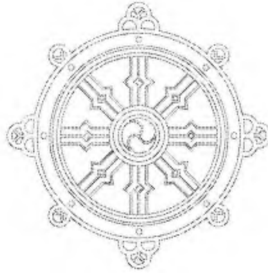
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadā,
Dung sắc như điện quang,
Nàng đã đến tại đây,
Đảnh lễ Phật và Pháp,
Nói kệ lợi ích này.

Dầu với nhiều pháp môn,
Con phân tích pháp này,

[57] Trong kinh viết tên cô là Culakokanadā. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1273. 0349c23); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.271. 0469a03).

Nhưng lược nghĩa con nói,
Theo ý con hiểu biết:

Ở đời chớ làm ác,
Cả ba thân, khẩu, ý,
Từ bỏ mọi thứ dục,
Chánh niệm, tâm tỉnh giác,
Không khổ hạnh ép xác,
Vô bổ, không lợi ích.



V. PHẨM THIÊU CHÁY (*ĀDITTAVAGGA*)

I. KINH THIÊU CHÁY (*Ādittasutta*)[58] (*S*. I. 31)

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên ấy nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Trong ngôi nhà thiêu cháy,
Vật dụng đem ra ngoài,
Vật ấy có lợi ích,
Không phải vật bị thiêu.

Cũng vậy, trong đời này,
Bị già chết thiêu cháy,[59]
Hãy đem ra bằng thí,
Vật thí khéo đem ra.

Có thí, có lạc quả,
Không thí, không như vậy.
Kẻ trộm, vua cướp đoạt,
Lửa thiêu đốt hủy hoại.
Khi giờ cuối cùng đến,
Bỏ thân, bỏ sở hữu.
Kẻ trí hiểu biết vậy,
Thọ dụng và bố thí,
Thí xong, thọ dụng xong,
Theo lực hành động ấy,
Không bị ai chỉ trích,
Vị ấy được sanh thiên.

II. KINH CHO GÌ? (*Kiṃdadasutta*)[60] (*S*. I. 32)

42. [Vị thiên:]

Cho gì là cho lực?

---

[58] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.87. 0403c12).
[59] Lửa: Chỉ cho 11 thứ lửa ở đời: Tham, sân, si, sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.
[60] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.998. 0261b17); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.135. 0426b27).

Cho gì là cho sắc?
Cho gì là cho lạc?
Cho gì là cho mắt?
Cho gì cho tất cả?
Xin đáp điều con hỏi.

[Thế Tôn:]

Cho ăn là cho lực.
Cho mặc là cho sắc.[61]
Cho xe[62] là cho lạc.
Cho đèn là cho mắt.
Ai cho chỗ trú xứ,
Vị ấy cho tất cả.
Ai giảng dạy Chánh pháp,
Vị ấy cho bất tử.

III. KINH ĐỒ ĂN (*Annasutta*) (*S*. I. 32)

43. [Vị thiên:]

Trời, người, cả hai loài,
Đều ưa thích ăn uống,
Vị dạ-xoa tên gì,
Lại không thích ăn uống?

[Thế Tôn:]

Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngừa xan tham,[63]
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Hữu tình vững an trú,
Công đức trong đời sau.

IV. KINH MỘT CĂN RỄ (*Ekamūlasutta*) (*S*. I. 32)

44. Một rễ, hai phương diện,
Ba uế, năm môi trường,
Biển lớn, mười hai họa,
Vực xoáy,[64] bậc Thánh siêu.

---

[61] *Chú giải*: Như người đẹp ăn mặc vụng về cũng trở thành xấu, và người xấu ăn mặc đẹp có thể trở thành đẹp.

[62] *Chú giải*: Đây gồm những phương tiện di động hay bất động như voi,... hay dù, giày dép, cây gậy, kiệu cáng,... vật và đường, bậc thang, cầu đường,... tàu bè.

[63] Xem *S*. I. 18 (kinh 32 ở trước).

[64] *Taṇhā*: Tham ái là câu trả lời cho vấn đề sâu xa này. "Gốc rễ" của tham ái chính là vô minh. "Hai phương diện" đó là các quan điểm cho rằng linh hồn là bất diệt hay có thời điểm phải biến mất. "Ba uế" hay bộ ba lậu hoặc là tham, sân, si. "Năm môi trường" là 5 dục. "Biển lớn" là tham ái, không biết thỏa mãn. "Mười hai họa" là 6 căn và 6 trần. Xem *Pss. Breth*. 418f.

V. KINH BẬC HOÀN TOÀN (*Anomasutta*) (*S*. I. 33)

45. Bậc viên mãn toàn diện,
Thấy được nghĩa bí huyền,[65]
Ban phát chân trí tuệ,
Thoát ly khỏi dục tạng,
Thấy được bậc Toàn Trí,
Bậc Thiện Tuệ (Trí Giác).
Vị Đại Thánh dẫn bước,
Trên con đường Thánh đạo.

VI. KINH THIÊN NỮ (*Accharāsutta*) (*S*. I. 33)

46. [Vị thiên:]

Thiên nữ[66] đoàn tụ hội,
Ngạ quỷ chúng tới lui,
Rừng ấy danh rừng si,
Làm sao có lối thoát?

[Thế Tôn:]

Đường ấy tên chơn trực,
Phương ấy danh vô úy,
Cỗ xe[67] gọi vô thanh,[68]
Với pháp luân khéo ráp,
Tàm là tấm ván dựa,[69]
Niệm là trướng màn xe,[70]
Ta nói vị đánh xe,
Tức là Chơn diệu pháp,
Và chính chánh tri kiến,
Mau chóng đi tiền phong.
Không kể nam hay nữ,
Đều dùng cỗ xe ấy,
Chính nhờ cỗ xe ấy,
Hướng tiến đến Niết-bàn.

---

[65] *Anomanāmaṃ*. Xem *Buddhist Birth stories*, 85; *Sn*. 27, 31. Theo Ngài Buddhaghosa, đây có nghĩa là không có khuyết phạm, hoàn toàn đầy đủ tánh tốt.

[66] Sự tích một vị Tỷ-kheo vì bắt chước bậc Đạo sư, tinh tấn tu tập quá mức nên bị chết thình lình khi đứng dựa vào một cây cột. Vì còn lậu hoặc, vị ấy sanh vào chư thiên Tam Thập Tam đứng dựa vào cây cột. Vị này được các thiên nữ ca múa chào đón như là Thiên chủ nhưng vẫn cứ tưởng mình là Tỳ-kheo, và khi được soi vào gương thần mới biết sự thật. Hết sức thất vọng, vị này cùng các thiên nữ đi đến yết kiến Thế Tôn, và chỉ trích các thú vui thiên giới với các bài kệ. Ngôi vườn tên Nandana (Hoan Hỷ), vị này đặt lại tên là Mohaca (Vô Minh). Xem *S*. I. 16 (kinh 29 ở trước).

[67] Xem *S*. IV. 291.

[68] Vô thanh, vì trục xe được gắn khít khao với ống xe nên không kêu. Trong *Chú giải*, Ngài Buddhaghosa giải thích con đường và cỗ xe là Bát chánh đạo.

[69] Để các chiến binh khỏi rơi ra ngoài xe. *Chú giải*: Đây chỉ cho tàm. Xem *S*. I. 7 (kinh 18 ở trước).

[70] *Chú giải*: Như da con sư tử.

VII. KINH TRỒNG RỪNG (*Vanaropasutta*) (*S*. I. 33)

47. [Vị thiên:]

Những ai ngày lẫn đêm,
Công đức luôn tăng trưởng,[71]
Trú pháp, Cụ túc giới,
Kẻ nào sanh thiên giới?

[Thế Tôn:]

Ai trồng vườn, trồng rừng,
Ai dựng xây cầu cống,
Đào giếng, cho nước uống.
Những ai cho nhà cửa,
Những vị ấy ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng.
Trú pháp, Cụ túc giới,
Những vị ấy sanh thiên.

VIII. KINH KỲ VIÊN (*Jetavanasutta*) (*S*. I. 33)

48. [Vị thiên:]

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.

[Thế Tôn:]

Nghiệp,[72] minh và tâm pháp,[73]
Giới và tối thắng mạng.
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.

[Vị thiên:]

Do vậy bậc hiền trí,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như Ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

---

[71] Công đức được tăng trưởng không phải vì vật cho mà chính vì lòng từ và sự phát tâm trước khi, trong khi và sau khi cho.

[72] Chỉ cho *cetanā*, tư tâm sở, rất quan trọng trong việc chi phối nghiệp.

[73] Chỉ cho *samādhi*, định.

IX. KINH XAN THAM (*Maccharisutta*) (*S*. I. 34)

49. [Vị thiên:]

Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khước từ,[74]
Tạo nên những chướng ngại,
Ngăn kẻ khác bố thí,
Đời này và đời sau,
Quả báo họ là gì?
Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thế Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thế Tôn đáp thế nào?

[Thế Tôn:]

Ở đời kẻ xan tham,
Keo kiết hay khước từ,
Tạo nên những chướng ngại,
Ngăn kẻ khác bố thí,
Bị tái sanh địa ngục,
Bàng sanh, Dạ-ma giới.

Nếu được sanh làm người,
Sanh gia đình nghèo khó,
Y, thực, dục, hỷ lạc,
Họ được rất khó khăn.
Điều kẻ ngu ước vọng,
Họ không thâu hoạch được,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh ác thú.

[Vị thiên:]

Nhờ những điều Ngài nói,
Chúng con được hiểu vậy.
Tôn giả Gotama,
Con xin hỏi câu khác.
Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Đời này và đời sau,
Quả báo họ là gì?

---

[74] Khước từ với lời nói: "Bạn đã cày, gieo hoặc gặt hái được gì? Chúng tôi không nhận được bất cứ thứ gì từ việc cho bạn. Nghỉ làm đi!"

Chúng con đến tại đây,
Chính muốn hỏi Thế Tôn,
Chúng con muốn được biết,
Thế Tôn đáp thế nào?

[Thế Tôn:]

Ở đây được thân người,
Từ tốn không xan tham,
Tin Phật và Chánh pháp,
Cùng tôn trọng chúng Tăng,
Họ chói sáng chư thiên,
Tại đấy họ tái sanh.

Nếu họ sanh làm người,
Họ sanh nhà phú gia,
Y, thực, dục, hỷ lạc,
Họ được không khó khăn.
Như các Tự Tại thiên,
Hân hoan được thọ hưởng,
Giữa vật dụng tài sản,
Được người khác quy tụ,
Quả hiện tại là vậy,
Đời sau sanh thiên giới.

X. KINH THỢ ĐỒ GỐM (*Ghaṭīkārasutta*)[75] (*S*. I. 35)

50. [Ghaṭīkāra:]

Được sanh Vô Phiền thiên,[76]
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.

[Thế Tôn:]

Vượt bùn, họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?

[Ghaṭīkāra:]

Họ là Upaka,
Và Palagaṇḍa,
Với Pukkusāti,
Hợp thành là ba vị.

[75] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.595. 0159b04); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.189. 0442b25).
[76] *Avihā*: Cõi thứ 12 trong 16 cõi thuộc Phạm thiên giới.

Lại thêm Bhaddiya,
Với Khaṇḍadeva,
Và Bāhuraggi,
Cùng với Siṅgiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên.

[Thế Tôn:]

Người nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy.
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương,
Pháp họ biết của ai,
Đoạn diệt hữu kiết sử?

[Ghaṭīkāra:]

Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,[77]
Được đoạn diệt, không dư,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây, từ nơi Ngài,
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.

[Thế Tôn:]

Lời nói người thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,
Pháp ông biết của ai,
Sao ông không nói được?

[Ghaṭīkāra:]

Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehaḷiṅga,
Và con được tên gọi,
Là Ghaṭīkāra.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,

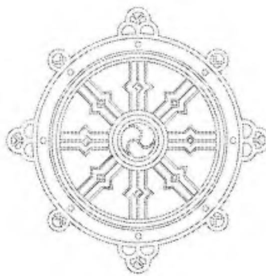
---

[77] Xem *S*. I. 13 (kinh 23 ở trước).

Phạm hạnh, không thế vật.
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời triền phược.

[Thế Tôn:]

Vậy này Bhaggava,[78]
Chính như ông vừa nói,
Thuở xưa, ông thợ gốm,
Tại Vehaḷiṅga,
Và ông được tên gọi,
Là Ghaṭīkāra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật.
Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thời xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.



[78] Tên của người thợ gốm ở Vương Xá. Xem *M.* III. 327.

VI. PHẨM GIÀ (*JARĀVAGGA*)

I. KINH GIÀ (*Jarāsutta*) (*S*. I. 36)

51. – Vật gì tốt đến già?
Vật gì tốt kiên trú?
Vật gì vật báu người?
Vật gì cướp khó đoạt?

– Giới là tốt đến già.
Tín là tốt kiên trú.
Tuệ, vật báu loài người.
Công đức,[79] cướp khó đoạt.

II. KINH KHÔNG GIÀ (*Ajarasāsutta*) (*S*. I. 36)

52. – Vật gì tốt không già?
Vật gì tốt trường cửu?
Vật gì vật báu người?
Vật gì cướp không đoạt?

– Giới là tốt không già.
Tín là tốt trường cửu.
Tuệ, vật báu loài người.
Công đức, cướp không đoạt.

III. KINH BẠN (*Mittasutta*) (*S*. I. 36)

53. – Ai bạn kẻ đi đường?
Ai bạn người ở nhà?
Ai bạn khi cần thiết?
Ai bạn cho đời sau?

– Bạn đường, bạn đi đường.
Bạn ở nhà là mẹ.
Bạn bè khi cần thiết,
Mới là bạn thường xuyên.
Công đức tự mình làm,
Là bạn cho đời sau.

---

[79] Xem *Kh*. VIII. 9. Trong *SA*. I. 93 viết rằng công đức là tư tâm sở (*puññacetanā*) thiện hành, nó thuộc phi vật chất nên trộm cướp không đoạt được.

IV. KINH CƠ SỞ (*Vatthusutta*) (*S*. I. 37)

54. – Vật gì, cơ sở[80] người?
Vật gì, bạn tối thượng (ở đời)?
Hữu tình gì trì mạng,
Y cứ vào địa đại?

– Con là cơ sở người.
Vợ là bạn tối thượng.[81]
Thần mưa[82] là trì mạng,
Y cứ vào địa đại.

V. KINH SANH NHÂN THỨ NHẤT (*Paṭhamajanasutta*) (*S*. I. 37)

55. – Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruổi?
Cái gì chịu luân hồi?
Cái gì người sợ hãi?

– Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.
Chúng sanh chịu luân hồi.
Đau khổ, người sợ hãi.

VI. KINH SANH NHÂN THỨ HAI (*Dutiyajanasutta*) (*S*. I. 37)

56. – Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruổi?
Cái gì chịu luân hồi?
Vì đâu, không giải thoát?

– Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.
Chúng sanh chịu luân hồi.
Vì khổ, không giải thoát.

VII. KINH SANH NHÂN THỨ BA (*Tatiyajanasutta*) (*S*. I. 38)

57. – Cái gì sanh thành người?
Cái gì luôn rong ruổi?
Cái gì chịu luân hồi?
Cái gì người nương tựa?

– Ái dục sanh thành người.
Chính tâm luôn rong ruổi.

---

[80] *Vatthu*, trong trường hợp này có nghĩa là nền tảng, cũng có nghĩa là chống đỡ, hỗ trợ.
[81] *Chú giải*: Có thể nói những bí mật không thể cho người khác biết.
[82] *Vuṭṭhiṃ bhūtā*: Các vị thần mưa.

Chúng sanh chịu luân hồi.
Chính nghiệp, người nương tựa.

VIII. KINH PHI ĐẠO (*Uppathasutta*) (*S.* I. 38)

58. – Cái gì gọi phi đạo?
Cái gì diệt ngày đêm?
Cái gì uế Phạm hạnh?
Cái gì tắm không nước?

– Tham dục gọi phi đạo.
Tuổi tác[83] diệt ngày đêm.
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Khiến loài người hệ lụy.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tắm không cần nước.

IX. KINH NGƯỜI BẠN (*Dutiyasutta*) (*S.* I. 38)

59. – Cái gì làm người bạn?[84]
Cái gì giáo hóa người?
Cái gì người ái lạc,
Giải thoát mọi khổ đau?

– Tín thành làm bạn người.
Trí tuệ giáo hóa người.
Người ái lạc Niết-bàn,
Giải thoát mọi khổ đau.

X. KINH NGƯỜI THI SĨ (*Kavisutta*) (*S.* I. 39)

60. – Vật gì nhân kệ tụng?
Vật gì làm tự cú?[85]
Vật gì kệ y cứ?
Vật gì kệ an trú?

– Âm vận nhân kệ tụng.
Văn tự làm tự cú.
Kệ y cứ đề danh.
Kệ an trú thi nhân.

---

[83] *Vayo* có nghĩa là "tuổi tác" trong thuật ngữ thời gian. Trong thành ngữ chúng ta sử dụng trong kinh này là "cuộc đời".
[84] Xem *S.* I. 22 (kinh 34 ở trước); *S.* I. 36 (kinh 51 và 52 ở trước).
[85] *Chú giải* lý giải từ ngữ làm thành câu (*pāda*) và câu làm thành kệ (*gāthā*).

VII. PHẨM THẮNG (*ADDHAVAGGA*)[86]

I. KINH DANH (*Nāmasutta*) (*S*. I. 39)

61. – Vật gì thắng tất cả?
Vật gì không số hơn?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?

– Danh vượt thắng tất cả.
Danh không số nào hơn.
Chính danh là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

II. KINH TÂM (*Cittasutta*) (*S*. I. 39)

62. – Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự não hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?

– Chính tâm dắt dẫn đời.
Chính tâm tự não hại.
Chính tâm là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

III. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*) (*S*. I. 39)

63. – Vật gì dắt dẫn đời?
Vật gì tự não hại?
Và có một pháp nào,
Mọi vật đều tùy thuộc?

– Chính ái dắt dẫn đời.
Chính ái tự não hại.
Chính ái là một pháp,
Mọi vật đều tùy thuộc.

[86] *Chú giải* viết *anvavagga* (không phải *addhavagga*) và giải thích *danh* (*nāma*) là vượt lên (*abhibhavati*) và là gọi tên (*anupatati*) cho tất cả mọi thứ. Không có chúng sanh nào hay vật nào không có tên gọi, cho đến một cái cây hay một loại khoáng sản, nếu không có tên, thời cũng gọi là vô danh (*anāmako*).

IV. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*S*. I. 39)

64. – Vật gì trói buộc đời?
Vật gì dẫn hành[87] đời?
Do đoạn trừ pháp gì,
Mới được gọi Niết-bàn?

– Chính hỷ[88] trói buộc đời.
Tầm cầu dẫn hành đời.
Do đoạn trừ khát ái,
Mới được gọi Niết-bàn.

V. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Bandhanasutta*) (*S*. I. 39)

65. – Vật gì triền phược đời?
Vật gì dẫn hành đời?
Do đoạn trừ pháp gì,
Mọi triền phược đoạn diệt?

– Chính hỷ triền phược đời.
Tầm cầu dẫn hành đời.
Do đoạn trừ khát ái,
Mọi triền phược đoạn diệt.

VI. KINH BỊ ÁP ĐẢO (*Attahatasutta*) (*S*. I. 40)

66. – Vật gì áp đảo đời?
Vật gì bao phủ đời?
Tên gì bắn trúng đời?
Bởi gì thường đốt nóng?

– Sự chết áp đảo đời.
Già nua bao phủ đời.
Tên ái bắn trúng đời.
Bởi dục, thường đốt nóng.

VII. KINH BỊ TREO CỘT (*Uḍḍitasutta*) (*S*. I. 40)

67. – Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?
Vật gì đóng kín đời?
Trên gì, đời an trú?

– Khát ái treo cột đời.
Già nua bao phủ đời.
Sự chết đóng kín đời.
Trên khổ, đời an trú.

---

[87] Theo *Chú giải*, *vicāraṇaṃ* nghĩa là chân đi của thế gian, chỉ cho cả số nhiều.
[88] *Nandi*. Xem *S*. I. 1, 2 (kinh 1, 2 ở trước).

VIII. KINH BỊ ĐÓNG KÍN (*Pihitasutta*) (*S*. I. 40)

68. – Vật gì đóng kín đời?
Trên gì, đời an trú?
Vật gì treo cột đời?
Vật gì bao phủ đời?

– Sự chết đóng kín đời.
Trên khổ, đời an trú.
Khát ái treo cột đời.
Già nua bao phủ đời.

IX. KINH ƯỚC MUỐN (*Icchāsutta*) (*S*. I. 40)

69. – Vật gì trói buộc đời?
Điều phục gì được thoát?
Vật gì được đoạn trừ,
Khiến mọi phược đoạn tận?

– Ước muốn trói buộc đời.
Điều phục dục được thoát.
Ước muốn được đoạn trừ,
Mọi triền phược đoạn tận.

X. KINH THẾ GIAN (*Lokasutta*) (*S*. I. 41)

70. – Trên gì, thế gian sanh?
Trên gì, được giao tiếp?
Thế gian chấp trước gì?
Trên gì, đời khổ não?

– Trên sáu, thế gian sanh.[89]
Trên sáu, được giao tiếp.
Thế gian chấp trước sáu.
Trên sáu, đời khổ não.

[89] Chỉ cho 6 căn, kể cả ý căn.

VIII. PHẨM ĐOẠN (*CHETVĀVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN DỨT (*Chetvāsutta*) (*S*. I. 41)

71. Nhân duyên ở Sāvatthi. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đồng đoạn dứt.
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phẫn nộ được lạc.
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,[90]
Pháp ấy, bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy không sầu,
Này Hiền giả thiên nhân.

II. KINH CỖ XE (*Rathasutta*) (*S*. I. 41)

72. [Vị thiên:]

Cỗ xe hiện tướng gì?
Ngọn lửa hiện tướng gì?
Vương quốc hiện tướng gì?
Phụ nữ hiện tướng gì?

[Thế Tôn:]

Cờ hiện tướng cỗ xe.
Khói hiện tướng ngọn lửa.
Vua hiện tướng vương quốc.
Chồng hiện tướng nữ nhân.

III. KINH TÀI SẢN (*Vittasutta*) (*S*. I. 42)

73. [Vị thiên:]

---

[90] Trong *Chú giải,* Ngài Buddhaghosa dùng minh họa "vị ngọt tuyệt vời của mật ong." Ngài giải thích cảm giác thích thú, thỏa mãn khởi lên khi đánh trả lại người đã làm hại mình. Bài kệ này được lặp lại ba lần trong *S*. I. 46 (kinh 84 ở sau); *S*. I. 160 (kinh 187 ở sau); *S*. I. 237 (kinh 267 ở sau).

– Tài sản gì ở đời,
Đối người là tối thượng?
Sự gì khéo tu trì,
Đưa đến chơn an lạc?
Vật gì ngọt tối thượng,
Trong tất cả vị ngọt?
Sống cuộc sống thế nào,
Được gọi sống tối thượng?

[Thế Tôn:]

Lòng tin ở đời này,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo tu trì,
Đưa đến chơn an lạc.
Sự thật ngọt tối thượng,
Trong tất cả vị ngọt.
Sống cuộc sống trí tuệ,
Được gọi sống tối thượng.

IV. KINH MƯA (*Vuṭṭhisutta*) (*S*. I. 42)

74. [Vị thiên:]

Vật gì được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng?
Vật gì được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng?
Vật gì thường bộ hành?
Vật gì thuyết tối thượng?

[Vị thiên khác:]

Hạt giống được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Cơn mưa được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.
Con bò thường bộ hành.
Con trai thuyết tối thượng.[91]

[Thế Tôn:]

Tuệ minh được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Vô minh được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.
Tăng-già thường bộ hành.
Đức Phật thuyết tối thượng.

[91] Người con "thuyết tối thượng" tức là người con không nói lời hại đến cha mẹ.

V. KINH KHỦNG BỐ (*Bhītāsutta*) (*S*. I. 42)

75. [Vị thiên:]

Vì sao ở đời này,
Rất nhiều người sợ hãi,
Dầu con đường đề cập,
Dưới hình thức sai biệt?
Con hỏi Gotama,
Bậc Trí Tuệ Sáng Suốt,
Phải an trú chỗ nào,
Khỏi sợ hãi đời sau?

[Thế Tôn:]

Hãy chánh trú lời, ý,
Thân nghiệp chớ làm ác.
Nếu an trú trong nhà,
Với tài sản dồi dào,
Hãy tín tâm, nhu hòa,
Chia tài sản, rộng rãi.
An trú bốn pháp này,
Không sợ hãi đời sau.

VI. KINH KHÔNG GIÀ (*Najīratisutta*) (*S*. I. 43)

76. [Vị thiên:]

– Ai già, ai không già?
Thế nào gọi phi đạo?
Vật gì chướng ngại pháp?
Vật gì đêm ngày diệt?
Vật gì uế Phạm hạnh?
Vật gì tắm không nước?
Đời bao nhiêu lỗ trống,
Trên ấy, tâm không trú?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Mong biết câu trả lời.

[Thế Tôn:]

– Sắc hữu tình bị già,
Danh tánh lại không già.
Tham dục gọi phi đạo.
Tham ái chướng ngại pháp.
Tuổi tác đêm ngày diệt.
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Đắm trước trong uế này,
Là toàn thể chúng sanh.

Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tắm không cần nước.
Sáu lỗ trống ở đời,
Trên ấy, tâm không trú.
Biếng nhác và phóng dật,
Uể oải, không tự chế,
Thụy miên và hôn trầm,
Cả sáu lỗ trống này,
Cần ly khai tất cả.

VII. KINH TÔN CHỦ (*Issariyasutta*) (*S*. I. 43)

77. [Vị thiên:]

– Vật gì chủ ở đời?
Hàng hóa gì tối thượng?
Vật gì làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời?[92]
Vật gì ở đời này,
Tác thành cõi địa ngục?
Ai đem đi, bị chặn?
Ai đem đi, được ưa?
Ai thường xuyên đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ?

[Thế Tôn:]

– Thế lực chủ ở đời.
Nữ nhân,[93] vật tối thượng.
Phẫn nộ làm rỉ sét,
Lưỡi kiếm ở trên đời.
Kẻ trộm ở đời này,
Tác thành cõi địa ngục.[94]
Trộm đem đi, bị chặn,
Sa-môn đem, được ưa.[95]
Sa-môn thường đi lại,
Được kẻ trí hoan hỷ.

VIII. KINH DỤC (*Kāmasutta*) (*S*. I. 44)

78. [Vị thiên:]

---

[92] Xem *Thag*. v. 1095. Ngài Buddhaghosa nói đến lưỡi kiếm của sự quán chiếu.

[93] *Chú giải*: Vì người nữ giữ một vai trò quan trọng; hoặc nói cách khác, từ người nữ, các vị Bồ-tát, quốc vương mới hiện hữu.

[94] *Abbuda*. Xem *S*. I. 167 (kinh 195 ở sau); *S*. I. 170 (kinh 196 ở sau).

[95] *Chú giải*: Nói đến thẻ nhận vật thực. Trao thẻ nhận vật thực chứng minh cho công đức cúng dường của tín chủ.

– Nghĩ lợi, không cho ai?
Con người từ bỏ gì?
Thiện gì nên thốt ra?
Ác gì nên ngăn chặn?

[Thế Tôn:]

Con người không cho mình.[96]
Không nên từ bỏ mình.[97]
Lời thiện, nên thốt ra.
Lời ác, nên ngăn chặn.

IX. KINH LƯƠNG THỰC (*Pātheyyasutta*) (*S*. I. 44)

79. [Vị thiên:]

– Cái gì cột lương thực?
Cái gì hút tài sản?
Cái gì lôi cuốn người?
Ở đời, khó bỏ gì?
Cái gì buộc phàm nhân,
Như chim bị bẫy sập?

[Thế Tôn:]

Lòng tin cột lương thực.
Thần tài hút tài sản.
Lòng muốn lôi cuốn người.
Ở đời, muốn (*icchā*) khó bỏ.
Ham muốn buộc phàm nhân,
Như chim bị bẫy sập.

X. KINH ÁNH SÁNG (*Pajjotasutta*) (*S*. I. 44)

80. [Vị thiên:]

– Vật gì chiếu sáng đời?
Vật gì thức tỉnh đời?
Ai cộng nghiệp với người?
Cử chỉ chúng là gì?

Ai nuôi kẻ nhác, siêng,
Như mẹ nuôi con cái?
Hữu tình gì trì mạng,
Y cứ vào địa đại?[98]

---

[96] *Chú giải*: Chỉ cho người nô lệ.

[97] *Chú giải*: Tức đối với sư tử, cọp... Hai trường hợp này không áp dụng cho vị Bồ-tát. Các tập *Jātaka* đề cập vị Bồ-tát liên quan với cả hai trường hợp.

[98] Xem *S*. I. 37 (kinh 54 ở trước).

[Thế Tôn:]

Trí tuệ chiếu sáng đời.
Chánh niệm thức tỉnh đời.
Bò cộng nghiệp với người,
Đường cày là con đường.
Mưa nuôi kẻ nhác, siêng,
Như mẹ nuôi con cái.
Mưa trì mạng chúng sanh,
Y cứ vào địa đại.

XI. KINH KHÔNG TRANH LUẬN (*Araṇasutta*) (*S*. I. 44)

81. [Vị thiên:]

Ai không tranh luận đời?
Ai sống không hoại diệt?
Ai rõ ham muốn đời?
Ai thường xuyên tự tại?
Ai an trú như vậy,
Cha, mẹ, anh kính lễ?
Ai dầu có hạ sanh,
Được Sát-lỵ tôn kính?

[Thế Tôn:]

Sa-môn không tranh đời.
Sa-môn sống không diệt.
Sa-môn rõ dục vọng.
Sa-môn thường tự tại.
Sa-môn trú như vậy,
Cha, mẹ, anh kính lễ.
Sa-môn dầu hạ sanh,
Được Sát-lỵ tôn kính.

2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ
(*DEVAPUTTASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT
(*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH KASSAPA THỨ NHẤT (*Paṭhamakassapasutta*)[1] (*S*. I. 46)

82. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử[2] Kassapa (Ca-diếp), sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kassapa bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ-kheo cho chúng con.

– Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy!

[Kassapa:]

Hãy học điều khéo nói,
Trong hạnh nghiệp Sa-môn,
Vắng lặng, ngồi một mình,
Với tâm tư an tịnh.

Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên tử Kassapa, sau khi được biết: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

II. KINH KASSAPA THỨ HAI (*Dutiyakassapasutta*)[3] (*S*. I. 46)

83. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1318. 0361c20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.317. 0480a12).

[2] Theo *Chú giải*, thiên tử chỉ cho con của các bậc chư thiên hạ phẩm, sinh ra từ bên hông. Nếu không biết tên, họ được gọi là devatā; nếu biết tên, được gọi là devaputta.

[3] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1318. 0361c20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.317. 0480a12).

Đạt được tâm sở nguyện.[4]
Sau khi biết cuộc đời,
Hưng thịnh và phế tàn,
Tâm thuần, không nương tựa,
Hưởng lợi quả như chơn.

III. KINH MĀGHA (*Māghasutta*)[5] (*S*. I. 47)

84. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Māgha,[6] sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Māgha nói với Thế Tôn bài kệ:

Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một pháp loại gì,
Ngài tán đồng đoạn đứt,
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phẫn nộ được lạc,
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy không sầu,
Này Thiên Vatrabhū.

IV. KINH MĀGADHA (*Māgadhasutta*) (*S*. I. 47)

85. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Māgadha nói lên với Thế Tôn bài kệ:

– Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.

– Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, mặt trời sáng chói.
Đêm, mặt trăng tỏ rạng.

---

[4] *Chú giải*: Tức là quả A-la-hán.

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1309. 0360b03); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.308. 0478c06).

[6] Māgha là một trong những tên gọi của Sakka, Thiên chủ của cõi trời thấp nhất, còn gọi cõi trời Tam Thập Tam. Vatra là một a-tu-la bị Sakka chinh phục.

Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này sáng vô thượng.

V. KINH DĀMALI (*Dāmalisutta*)[7] (*S*. I. 47)

86. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thiên tử Dāmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dāmali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Ở đây, Bà-la-môn,[8]
Tinh cần, không biếng nhác,
Đoạn trừ các dục vọng,
Nhờ vậy không tái sanh.

Thế Tôn bèn trả lời:

Ôi, này Dāmali,
Với vị Bà-la-môn,
Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.
Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân đứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tìm được chỗ chân đứng,
Khô ráo, vị ấy đứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị ấy không trôi giạt.
Vậy này Dāmali,
Ví dụ ấy là vậy.
Cũng vậy, Bà-la-môn,
Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu thiền định.
Vị ấy đã đạt được,
Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.

---

[7] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1311.0360c03); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.310. 0478c29).
[8] *Brāhmaṇa* (Bà-la-môn). Khái niệm "Bà-la-môn" trong đoạn kinh trên chỉ cho vị A-la-hán.

VI. KINH KĀMADA (*Kāmadasutta*)[9] (*S*. I. 48)

87. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Kāmada bạch Thế Tôn:

Khó làm, bạch Thế Tôn,
Thế Tôn, thật khó làm!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Họ làm việc khó làm.
Chính các vị Hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,
Biết đủ, đem an lạc.

[Kāmada:]

Biết đủ, bạch Thế Tôn,
Biết đủ, thật khó được!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Họ được điều khó được.
Những vị lòng ưa thích,
Tâm tư được điều tịnh,
Cả ngày và cả đêm,
Ý an lạc tu tập.

[Kāmada:]

Khó tịnh bạch Thế Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy, Kāmada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lưới tử thần,
Bậc Hiền Thánh đi tới.

[Kāmada:]

Khó đi, bạch Thế Tôn,
Con đường thật lồi lõm!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Bậc Hiền Thánh vẫn đi.
Trên con đường khó đi,

---

[9] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1313. 0361a01); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.312. 0479a28).

Và có nhiều lồi lõm,
Kẻ phàm phu vấp ngã,
Trên đường mất thăng bằng.
Con đường đối bậc Thánh,
Là con đường thăng bằng,
Bậc Thánh bước thăng bằng,
Trên đường mất thăng bằng.

VII. KINH PAÑCĀLACAṆḌA (*Pañcālacaṇḍasutta*)[10] (*S*. I. 48)

88. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Pañcālacaṇḍa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Dầu giữa những chướng ngại,
Bậc Đại Trí Chánh Giác,
Vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc Trí hiểu thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng,
Bậc Mâu-ni, Ẩn Sĩ.

Thế Tôn lên tiếng:

Pañcālacaṇḍa,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp,
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,
[Kiên trì không dao động],
Họ là bậc chơn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.

VIII. KINH TĀYANA (*Tāyanasutta*)[11] (*S*. I. 49)

89. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Tāyana, trước kia là ngoại đạo sư, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Tāyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Ôi, này Bà-la-môn,
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.[12]
Ẩn sĩ không đoạn dục,

[10] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1305. 0358b26); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.304. 0477a20).
[11] Tham khảo: *Dh*. v. 311, 312, 313, 314; *Thag*. v. 277.
[12] *Dh*. v. 383.

Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.
Như vụng nắm lá cỏ,
Có thể bị đứt tay,
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.

Thiên tử Tāyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay thiên tử Tāyana, trước kia là ngoại đạo sư, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Tāyana nói lên bài kệ này trước Ta:

Ôi, này Bà-la-môn,
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ẩn sĩ không đoạn dục,
Không chứng được nhất tâm.
Nếu làm việc nên làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.
Như vụng nắm lá cỏ,
Có thể bị đứt tay,

Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Tāyana nói như vậy. Nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy đọc bài kệ của Tāyana. Này các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tāyana. Này các Tỷ-kheo, bài kệ của Tāyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của Phạm hạnh.

IX. KINH CANDIMĀ (*Candimasutta*)[13] (*S.* I. 50)

90. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Candimā (Nguyệt) bị Rāhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Candimā tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn, vì thiên tử Candimā, nói lên bài kệ này cho Rāhu, vua a-tu-la:

Canda đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rāhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.

Rồi Rāhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Candimā. Như bị hốt hoảng, Rāhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rāhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:

– Vì sao, như hốt hoảng,
Rāhu thả Canda,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?

– Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.583. 0155a07); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.167. 0436a05).

X. KINH SŪRIYA (*Sūriyasutta*) (*S*. I. 51)

91. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Sūriya (Nhật) bị Rāhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Sūriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Đảnh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn, vì thiên tử Sūriya, nói lên bài kệ này cho Rāhu, vua a-tu-la:

Sūriya đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rāhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Sūriya.
Trong thế giới tối tăm,
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là dĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Rāhu, Ta nói:
Hãy thả Sūriya.

Rồi Rāhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Sūriya. Như bị hốt hoảng, Rāhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rāhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:

– Vì sao, như hốt hoảng,
Rāhu thả Sūriya,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?

– Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Sūriya.

II. PHẨM CẤP CÔ ĐỘC
(*ANĀTHAPIṆḌIKAVAGGA*)

I. KINH CANDIMASA (*Candimasasutta*) (*S*. I. 51)

92. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Candimasa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Họ sẽ đi an toàn,
Như thú vùng không muỗi,
Sau khi chứng thiền định,
Nhất tâm, niệm tỉnh giác.

[Thế Tôn:]

Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá phá rách lưới,
Sau khi chứng thiền định,
Tự chế, vượt lỗi lầm.

II. KINH VEṆḌU (*Veṇḍusutta*) (*S*. I. 52)

93. Đứng một bên, thiên tử Veṇḍu nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!

Thế Tôn nói: Veṇḍu!
Những ai thiền tu học,
Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.

III. KINH DĪGHALAṬṬHI (*Dīghalaṭṭhisutta*) (*S*. I. 52)

94. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi thiên tử Dīghalaṭṭhi, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dīghalaṭṭhi nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
Sau khi biết cuộc đời,
Sanh khởi rồi đoạn diệt,
Tâm thuần không chấp trước,
Hưởng lợi quả như chơn.[14]

IV. KINH NANDANA (*Nandanasutta*) (*S*. I. 52)

95. Đứng một bên, thiên tử Nandana nói bài kệ với Thế Tôn:

Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác Toàn Trí,
Con hỏi đấng Thế Tôn,
Với tri kiến vô ngại.[15]
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sầu khổ?
Người nào chư thiên lạy?

[Thế Tôn:]

Ai hộ trì giới luật,
Trí tuệ, tâm tu trì,
Chú tâm, vui thiền định,
Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận.
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu.
Vị ấy gọi trì giới,
Vị ấy gọi trí tuệ,
Vị ấy vượt sầu khổ,
Vị ấy chư thiên lạy.

V. KINH CANDANA (*Candanasutta*) (*S*. I. 53)

96. Đứng một bên, thiên tử Candana (Chiên-đàn) nói lên bài kệ với Thế Tôn:

---

[14] Xem *S*. I. 46 (kinh 83 ở trước).
[15] *Chú giải*: Khi đức Phật phóng hào quang, không có cây, núi nào có thể ngăn che ánh sáng được.

Làm sao vượt bộc lưu,
Ngày đêm vững, kiên trì?

[Thế Tôn:]

Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ, khéo định tĩnh,
Chí siêng năng dõng mãnh,
Vượt bộc lưu khó vượt.[16]

Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,
Đoạn tận hỷ, hữu ái,[17]
Không chìm xuống vực sâu.

VI. KINH VĀSUDATTA (*Vāsudattasutta*)[18] (*S*. I. 53)

97. Đứng một bên, thiên tử Vāsudatta nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.

[Thế Tôn:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ thân kiến.

VII. KINH SUBRAHMĀ (*Subrahmasutta*)[19] (*S*. I. 53)

98. Đứng một bên, thiên tử Subrahmā nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Tâm này thường sợ hãi,
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi,
Điều không mong lại khởi.
Nếu không có sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.

[Thế Tôn:]

Không ngoài hạnh giác chi,[20]
Không ngoài hộ trì căn,[21]

---

[16] Xem *S*. I. 165 (kinh 192 ở sau); *S*. I. 197 (kinh 222 ở sau). Xem *Pss. Breth*. 335.

[17] Chỉ cho 16 sắc giới thiên, từ Phạm thiên trở lên. Dục giới bao gồm những cảnh giới thấp hơn

[18] Bản tiếng Anh của PTS: *Sudatta*, phiên âm là Tu-đạt-đa.

[19] Theo *Chú giải*, thiên tử Subrahmā hưởng thiên lạc ở thiên giới thấp nhất, khi nghiệp quả hết phải sanh vào địa ngục. Vì vậy, vị ấy buồn rầu đến yết kiến đức Phật.

[20] *Bojjhā tapasā*: Đây có thể xem là thực hành 7 giác chi và 13 hạnh Đầu-đà.

[21] Xem *S*. I. 47 (kinh 84 ở trước).

Không ngoài bỏ tất cả,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.

Nói như vậy... rồi thiên tử biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH KAKUDHA (*Kakudhasutta*) (*S.* I. 54)

99. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāketa, rừng Añjana, tại Vườn Nai. Rồi thiên tử Kakudha,[22] sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Añjana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?

– Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?

– Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?

– Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?

– Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?

– Thật như vậy, này Hiền giả.

– Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao, nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?[23]

– Thật sự, này dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên.
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.

– Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,

[22] Vị này trước là thị giả của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vị ấy viên tịch trong khi ngồi thiền định và được sinh lên cõi Phạm thiên.

[23] *Aratī nābhikīrati*. Xem *Pss. Breth.* 261, n. 1.

Làm sao, ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao, nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

– Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sầu muộn.
Sầu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sầu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.

– Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sầu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.[24]

IX. KINH UTTARA (*Uttarasutta*) (*S*. I. 54)

100. Tại thành Vương Xá. Đứng một bên, thiên tử Uttara nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

[Thế Tôn:]

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

[24] Xem *S*. I. 1 (kinh 1 ở trước).

Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.[25]

X. KINH ANĀTHAPIṆḌIKA (*Anāthapiṇḍikasutta*) (*S*. I. 55)

101. Đứng một bên, thiên tử Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc)[26] nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.

Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.

Như Ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

Thiên tử Anāthapiṇḍika nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay có thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, vị thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước Ta:

Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đấng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,

[25] Xem *S*. I. 2 (kinh 3 ở trước).
[26] Xem *S*. I. 33 (kinh 46 ở trước).

Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.

Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.

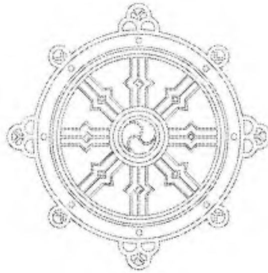
Như Ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, thiên tử ấy nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải vị thiên tử ấy là Anāthapiṇḍika? Gia chủ Anāthapiṇḍika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sāriputta?

– Lành thay! Lành thay! Này Ānanda, cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ānanda, ông đã đạt được. Này Ānanda, Anāthapiṇḍika là vị thiên tử ấy.



III. PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (*NĀNĀTITTHIYAVAGGA*)

I. KINH SIVA (*Sivasutta*) (*S.* I. 56)

102. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử Siva,[27] sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Siva nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Không sầu giữa sầu muộn.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chói sáng giữa quyến thuộc.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,

[27] *Siva* trong Kinh tạng có nghĩa là may mắn, hạnh phúc.

Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh thường hưởng lạc.

Rồi Thế Tôn đáp lại thiên tử Siva với bài kệ:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.

II. KINH KHEMA (*Khemasutta*) (*S*. I. 57)

103. Đứng một bên, thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Kẻ ngu không trí tuệ,[28]
Lấy ngã làm kẻ thù,
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đến quả đắng cay.

Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,
Với mặt đầy nước mắt,
Khóc lóc chịu quả báo.

Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoải mái,
Vị ấy hưởng quả báo.

[Thế Tôn:]

Biết điều lợi cho mình,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.

Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thăng bằng,
Leo lên đường lồi lõm,
Ưu tư nạn gãy trục.

Cũng vậy, bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Rơi vào miệng tử thần,
Ưu tư như gãy trục.

III. KINH SERĪ (*Serīsutta*) (*S*. I. 57)

104. Đứng một bên, thiên tử Serī[29] nói lên bài kệ với Thế Tôn:

[28] Xem *Dh*. v. 66-68.

[29] Xem *S*. I. 32 (kinh 43 ở trước). Ngài Buddhaghosa nói Serī là vua của hai nước Sindhu và Sodhika, tên thành là Roruva. Trong *J*. III. 470, thành này được gọi là Sovīra.

Cả hai loại trời, người,
Đều ưa thích ăn uống,
Có kẻ dạ-xoa nào,
Lại không thích ăn uống?

[Thế Tôn:]

Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau.

– Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói điều khéo nói như vậy:

Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau.

Bạch Thế Tôn, thuở xưa con là vị vua tên Serī ưa bố thí, là bậc thí chủ tán thán bố thí. Bạch Thế Tôn, tại bốn cửa thành, bố thí được phân phát nhân danh con cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khất.

Bạch Thế Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: "Đại vương thường hay bố thí, còn chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!"

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các cung phi cửa thành thứ nhất. Ở đây, các cung phi được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các Sát-đế-ly (*Khattiya*), chư hầu của con đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!"

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy

bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các chư hầu *Khattiya* cửa thành thứ hai. Ở đây, các chư hầu *Khattiya* được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, quân đội đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu *Khattiya* đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!"

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho quân đội cửa thành thứ ba. Ở đây, quân đội được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: "Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu *Khattiya* đã bố thí. Quân đội đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!"

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: 'Chúng ta hãy bố thí'?" Bạch Thế Tôn, con cho các Bà-la-môn gia chủ cửa thành thứ tư. Ở đây, các Bà-la-môn gia chủ được bố thí, và vật bố thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các cận thần của con đến thưa với con: "Nay Đại vương không còn vật bố thí nào để cho nữa."

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các người ấy như sau: "Này các ông, các thuế má thâu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bố thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khất."

Như vậy, bạch Thế Tôn, con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công đức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức, hay như là công đức quả, hay như là những điều kiện được sanh thiên giới.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy:

Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau.

IV. KINH GHAṬĪKĀRA (*Ghaṭīkārasutta*) (*S*. I. 60)

105. Đứng một bên, thiên tử Ghaṭīkāra nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Được sanh Vô Phiền thiên,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Siêu thoát đời ái trược.

[Thế Tôn:]

Vượt bùn, họ là ai,
Khó vượt lệnh thần chết,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên?

[Ghaṭīkāra:]

Họ là Upaka,
Và Phalagaṇḍa,
Với Pukkusāti,
Hợp thành là ba vị.
Lại thêm Bhaddiya,
Với Khaṇḍadeva,
Và Bāhuraggi,
Cùng với Piṅgiya,
Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư thiên.

[Thế Tôn:]

Ông nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết của ai,
Đoạn được hữu kiết sử?

[Ghaṭīkāra:]

Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không dư,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.
Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.

[Thế Tôn:]

Lời ông nói thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,

Pháp ông biết của ai,
Sao ông không nói được?

[Ghaṭīkāra:]

Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehaḷiṅga,
Và con được tên gọi,
Là Ghaṭīkāra.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật,
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trược.

[Thế Tôn:]

Vậy này Bhaggava,
Chính như ông vừa nói,
Thuở xưa, ông thợ gốm,
Tại Vehaḷiṅga,
Và ông được tên gọi,
Là Ghaṭīkāra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật.

Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.

V. KINH JANTU (*Jantusutta*) (*S.* I. 61)

106. Như vầy tôi nghe.

Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himalaya (Tuyết Sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. Họ tự cao, tự mãn, dao động, lắm mồm lắm miệng, ăn nói huyên thuyên,[30] thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn, các căn không chế ngự.

Rồi thiên tử Jantu, vào đêm Bố-tát, ngày rằm, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xưa,
Sống thật chơn an lạc,
Họ thật là đệ tử,
Bậc Đại Giác Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn,
Không ham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.

Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn, ăn rồi nằm,
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị.
Kẻ khác sống vất vưởng,
Không chỉ đạo, hướng dẫn,
Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.

Những ai sống phóng dật,
Vì họ con nói lên.
Những ai không phóng dật,
Chân thành, con đảnh lễ.

VI. KINH ROHITASSA (*Rohitassasutta*) (*S*. I. 61)

107. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

– Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

---

[30] *Uddhatā, unnaḷā, capalā, mukharā, vikiṇṇavācā*. Xem các vần kệ của Tôn giả Phussa trong *Thag*. v. 958. Xem *JPTS*. 1913-14 (*PugA*). 217.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới."

Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây Sa-la.[31]

Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới."

Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy; dầu cho con có bước dài đến như vậy; dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay nếm; dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện; dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cấu uế; dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình; dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình; tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vầy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy không có thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy."

– Này Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Này Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm,[32] có tưởng, có thức này, Ta tuyên bố thế giới,[33] nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

Bộ hành không bao giờ,
Đạt được thế giới tận,
Không được thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.

Do vậy mà thật sự,
Bậc Trí, Thế Gian Giải,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.

---

[31] P. Tāla; S. Tāla; H. 多羅 (đa-la), 栟櫚 (kiên-lư), 棕櫚 (tông-lư); E: The palmyra tree (cây cọ, cây thốt nốt). Giống cây này mọc rất nhiều ở Ấn Độ, Tích Lan, Campuchia, miền Nam Việt Nam… Bản dịch 5 bộ Nikāya do HT. Thích Minh Châu thực hiện đều phiên âm là Sa-la. Lưu ý, cây này khác với cây Sālā, nơi đức Phật đã nhập Niết-bàn.

[32] *Vyāma*, bằng độ dài của một người dang rộng hai tay ra.

[33] Ngài Buddhaghosa cho rằng thuật ngữ "thế giới" này là *satta-saṅkhāraloka* tức thế giới hiện tượng của chúng sinh hữu tình.

Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.

VII. KINH NANDA (*Nandasutta*)[34] (*S*. I. 62)

108. Đứng một bên, thiên tử Nanda nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Được hưởng cảnh an lạc.

[Thế Tôn:]

Thời gian [lặng] trôi qua,
Đêm [ngày] luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ lợi thế gian,
Được hưởng chơn tịch tịnh.

VIII. KINH NANDIVISĀLA (*Nandivisālasutta*) (*S*. I. 63)

109. Đứng một bên, thiên tử Nandivisāla nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Bốn bánh xe, chín cửa,[35]
Đầy uế, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bùn nhơ.
Ôi! Thưa bậc Đại Hùng,
Sanh thú người như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?

[Thế Tôn:]

Cắt dây da buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.

---

[34] Xem *S*. I. 3 (kinh 4 ở trước).
[35] Xem *S*. I. 16 (kinh 29 ở trước).

IX. KINH SUSIMA (*Susimasutta*) (*S.* I. 63)

110. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Đại đức Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, ông có hoan hỷ với Sāriputta không?

– Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Quảng tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Hỷ tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Tiệp tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Lợi tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Quyết trạch tuệ là Tôn giả Sāriputta.[36] Bạch Thế Tôn, Ít dục là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Biết đủ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Viễn ly là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Bất cộng trú là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Tinh cần tinh tấn là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Biện tài là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Cáo tội trung thực là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta.

Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta?

– Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda! Này Ānanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sāriputta? Này Ānanda, Hiền trí là Sāriputta. Này Ānanda, Đại tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Quảng tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Hỷ tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Tiệp tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Lợi tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Quyết trạch tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Ít dục là Sāriputta. Này Ānanda, Biết đủ là Sāriputta. Này Ānanda, Viễn ly là Sāriputta. Này Ānanda, Bất cộng trú là Sāriputta. Này Ānanda, Tinh cần tinh tấn là Sāriputta. Này Ānanda, Biện tài là Sāriputta. Này Ānanda, Nghe lời trung ngôn là Sāriputta. Này Ānanda, Cáo tội trung thực là Sāriputta. Này Ānanda, Chỉ trích ác pháp là Sāriputta. Này Ānanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sāriputta?

Rồi thiên tử Susima, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sāriputta, với đại chúng thiên tử đoanh vây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Susima bạch Thế Tôn:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sāriputta... Bạch Thế Tôn, Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si,

[36] *M.* 111, *Anupada Sutta* (*Kinh Bất đoạn*), *M.* III. 25, đoạn 93.

không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lần tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sāriputta... Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta?"

Rồi chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam,[37] chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo khéo đập, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như trong mùa thu, bầu trời[38] không một áng mây, khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như trong mùa thu, bầu trời không một áng mây, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm, khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Rồi thiên tử Susima nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Sāriputta:

Ngài Sāriputta,
Được mọi người xác nhận,
Là một bậc Hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Được Đạo sư tán thán.

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sāriputta cho thiên tử Susima:

Về Sāriputta,
Mọi người đều xác nhận,

---

[37] *Paṇḍu*: Hào quang của chư thiên tùy thời chiếu sáng rỡ với nhiều màu sắc tuyệt đẹp như màu vàng nghệ, vàng tươi, đỏ, trắng.

[38] *Deva*, trong kinh này, Ngài Buddhaghosa giải thích là *ākāsa*.

Là một bậc Hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Như người khéo điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuần thục.

X. KINH CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (*Nānātitthiyasāvakasutta*) (*S.* I. 65)

111. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở thành Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi rất đông thiên tử, là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư[39] như: Asama, Sahali, Ninka, Ākoṭaka, Veṭambarī và Māṇavagāmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Asama nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Pūraṇa Kassapa:

Ở đây nếu có người,
Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyên bố như vậy,
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.

Rồi thiên tử Sahali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Makkhali Gosāla:

Khổ hạnh và yểm ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Từ bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người.
Thăng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,
Các tội phạm như vậy.

Rồi thiên tử Ninka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Nigaṇṭha Nātaputta:

Vị Tỷ-kheo yểm ly,
Sáng suốt theo tế hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,

[39] Họ tin tưởng ở nghiệp, nhờ thiện nghiệp được sanh lên thiên giới và đồng ý xuống thế gian để tán thán bậc Đạo sư của họ.

Chỉ nói điều nghe thấy,[40]
Không phạm điều lỗi lầm.

Rồi thiên tử Ākoṭaka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về các ngoại đạo sư:

Các ngoại đạo sư này,
Như Pakudhaka Kātiyāna,
Cùng với Nigaṇṭha,
Kể cả Makkhali,
Và cả Pūraṇa,
Mỗi vị là Đạo sư,
Chúng đệ tử của mình,
Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc chân nhân.

Rồi thiên tử Veṭambarī nói lên bài kệ này với thiên tử Ākoṭaka:

Con dã can ghê tởm,
Có tru sủa thế nào,
Làm sao sánh bằng được,
Tiếng rống con sư tử.
Lõa thể nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vạy,
Làm sao sanh thiện nhân?

Rồi Ác ma nhập vào thiên tử Veṭambarī nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Tu khổ hạnh yểm ly,
Sống viễn ly hành xác,
Đắm say trong sắc pháp,
Hoan lạc, mê thiên giới,
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chơn chánh,
Đưa đến đời về sau.

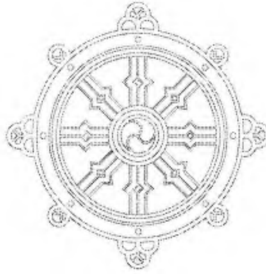
Rồi Thế Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Phàm những sắc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diệu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc ấy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bẫy mồi,
Quăng ra để diệt cá.

---
[40] Xem *M.* II. 31.

Rồi thiên tử Māṇavagāmiya[41] nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Thế Tôn:

Trong tất cả ngọn núi,
Ở tại Vương Xá thành,
Ngọn núi Vipula,
Được gọi là tối thắng.
Trong dãy núi Tuyết Sơn,
Ngọn Bạch Sơn tối thắng.
Giữa các loại không hành,
Mặt trời là tối thắng.
Giữa các loại thủy lộ,
Đại dương là tối thắng.
Trong các loài tinh tú,
Mặt trăng là tối thắng.
Giữa thiên giới, địa giới,
Phật được gọi tối thượng.



[41] *Chú giải*: Trước đây là thị giả của đức Phật.

3. TƯƠNG ƯNG KOSALA
(*KOSALASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH TUỔI TRẺ (*Daharasutta*) (*S.* I. 68)

112. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala (Kiều-tát-la) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

– Thưa Đại vương, nếu có ai có thể nói một cách chơn chánh là mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái,[1] được quần chúng tôn sùng như các ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Belaṭṭhiputta, Pakudha Kaccāyana, Ajita Kesakambalī. Khi con hỏi các vị ấy: "Ngài có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?", thời họ đã trả lời, không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi, sanh sau đẻ muộn và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

– Thưa Đại vương, có bốn loại trẻ nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì đó là trẻ nhỏ. Thế nào là bốn?

Thưa Đại vương, *Khattiya* trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thưa Đại vương, con rắn còn nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là còn nhỏ. Thưa Đại vương, ngọn lửa nhỏ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là nhỏ. Thưa Đại

---

[1] *Titthakarā*: Ngoại đạo sư. *Tittha* chỉ cho chỗ sông cạn có thể lội qua, hoặc một tín ngưỡng. Xem *JPTS*. 1913-14, p. 17, n. 5.

vương, Tỷ-kheo trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ.

Thưa Đại vương, bốn loại trẻ nhỏ này không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là nhỏ.

Thế Tôn nói như vậy. Bậc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

Sanh dòng Sát-đế-ly,
Thuộc quý tộc, danh xưng,
Chớ khinh thường là trẻ,
Chớ miệt thị là nhỏ.
Vị Sát-đế-ly ấy,
Đến thời lên ngôi vua,
Làm chúa tể loài người,
Trị vì cả quốc độ.
Vị ấy nếu phẫn nộ,
Dùng vương phạt gia hình.
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né vị ấy.

Ở làng hay là rừng,
Có thấy rắn bò qua,
Chớ khinh thường rắn nhỏ,
Chớ miệt thị rắn nhỏ,
Cao thấp hình sai biệt.
Rắn sống đầy nhiệt khí,[2]
Bị tấn công, nó cắn,
Kẻ ngu cả nam nữ.
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né loài rắn.

Lửa cháy đầy khát vọng,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Chớ khinh thường lửa nhỏ,
Chớ miệt thị lửa nhỏ.
Lửa được đồ bén cháy,
Liền cháy to, cháy lớn,
Bị tấn công, lửa đốt,
Kẻ ngu cả nam nữ.
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né lửa cháy.

---

[2] *Tejasi, tejasā*: Sức nóng của ngọn lửa, tạm dịch là nhiệt khí.

Khu rừng bị lửa đốt,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Sau nhiều đêm và ngày,
Rễ mầm lại mọc lên.

Còn Tỷ-kheo trì giới,
Nồng cháy với nhiệt tình,
Nhưng không con không cái,
Không của cải truyền thừa,
Không con, không thừa tự,
Như thân cây Sa-la.

Do vậy người Hiền trí,
Tự thấy hạnh phúc mình,
Đối với rắn và lửa,
Danh xưng Sát-đế-ly,
Vị Tỷ-kheo trì giới,
Với bốn vị kể trên,
Hãy biết cách cư xử,
Chơn chánh và tốt đẹp.

Khi nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

II. KINH NGƯỜI (*Purisasutta*) (*S.* I. 70)

113. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Thế Tôn; sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thế Tôn, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy?

– Thưa Đại vương, có ba loại pháp khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Thế nào là ba? Tham pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Sân pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Si pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Ba pháp ấy, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

Thế Tôn nói như vậy...

Tham, sân, si [ba pháp],
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã,
Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,[3]
Tự tác thành trái cây.

III. KINH GIÀ CHẾT (*Jarāmaraṇasutta*)[4] (*S*. I. 71)

114. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có cái gì sanh mà không già và không chết không?

– Thưa Đại vương, không có cái gì sanh mà không già và không chết.

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Sát-đế-ly là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Bà-la-môn là những bậc đại phú; dầu cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, cho đến các vị Tỷ-kheo, những bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống,[5] đã đạt được mục đích tối hậu, đã đoạn được hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí; cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.

Xe vua[6] dầu mỹ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại.
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ chân pháp không già,
Bậc Chân, Trí nói vậy.

IV. KINH THÂN ÁI (*Piyasutta*) (*S*. I. 71)

115. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này

---

[3] *Taca* và *sāra*: Vỏ cây và lõi cây.
[4] Bản tiếng Anh của PTS: *The King*, nghĩa là *Vua*.
[5] *Chú giải*: Năm uẩn, mười phiền não, các dục được các vị A-la-hán xem là phiền não.
[6] Xem *Dh*. v. 151.

khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã là thân ái? Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?" Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

"Những ai sống với thân làm ác, sống với miệng nói ác, sống với ý nghĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Dầu họ có nói: 'Tự ngã là thân ái của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ cũng làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù.

Những ai sống với thân làm thiện, sống với miệng nói thiện, sống với ý nghĩ thiện, đối với họ, tự ngã là thân ái. Dầu cho họ có nói: 'Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi', nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thân ái làm cho kẻ thân ái, tự ngã của họ cũng làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái."

– Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương! Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm ác... Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù. Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm thiện... Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Nếu những ai biết được,
Tự ngã là thân ái,
Họ sẽ không liên hệ,
Với các điều ác hạnh.

Kẻ làm điều ác hạnh,
Khó được chơn hạnh phúc,
Bị thần chết[7] cầm tù,
Từ bỏ thân làm người.
Kẻ có nghiệp như vậy,
Cái gì là của mình?
Lấy cái gì đem đi?
Cái gì theo dõi họ,
Như bóng theo dõi hình?[8]
Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai là của họ,
Như bóng theo dõi hình,
Cả hai theo dõi họ.

[7] *Antaka*: Người làm cho chấm dứt, chỉ cho tử thần hay Māra. Xem *Pss. Sis.* 59, 62.
[8] Xem *Dh.* v. 2.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau.
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứ cho người.[9]

V. KINH TỰ BẢO HỘ (*Attarakkhitasutta*) (*S.* I. 72)

116. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã được bảo vệ? Đối với những ai, tự ngã không được bảo vệ?" Và rồi, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, đối với những người ấy tự ngã không được bảo vệ. Dầu cho họ được tượng binh bảo vệ, hay được mã binh bảo vệ, hay được xa binh bảo vệ, hay được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên, đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ.

Và những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, đối với những người ấy tự ngã được bảo vệ. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên, đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ.

– Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương! Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm ác... đối với những người ấy tự ngã không được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên, đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ.

Thưa Đại vương, những ai sống với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, đối với những người ấy tự ngã được bảo vệ. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên, đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Lành thay bảo vệ thân!
Lành thay bảo vệ lời!
Lành thay bảo vệ ý!
Lành thay tổng bảo vệ!

---

[9] Xem *S.* I. 91 (kinh 131 ở sau); *S.* I. 93 (kinh 133 ở sau).

Kẻ liêm sỉ bảo vệ,
Tổng quát và cùng khắp,
Vị ấy có tên gọi,
Là vị được bảo vệ.

VI. KINH THIỂU SỐ (*Appakasutta*) (*S*. I. 73)

117. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác."

– Thật sự là vậy, thưa Đại vương! Thật sự là vậy, thưa Đại vương! Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào, lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản quý báu, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Loài người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục.
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời,
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con nai,
Không thấy đặt bẫy sập.
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.

VII. KINH XỬ KIỆN (*Aḍḍakaraṇasutta*) (*S*. I. 74)

118. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con ngồi trong pháp đường[10] [để xử kiện], con thấy chính các vị Sát-đế-lỵ đại phú; các Bà-la-môn đại phú; các gia chủ đại phú, phú

[10] *Atthakaraṇa. Chú giải* giải thích *aṭṭa*, nghĩa là việc tố tụng, hoặc cái đài để người đứng xem xử kiện.

hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nhân duyên các dục, đã dụng ý nói lời vọng ngôn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nay ta đã chán ngấy xử kiện. Nay hãy để cho vị hiền diện[11] được có danh tiếng nhờ tài xử kiện."

– Thưa Đại vương, các vị Sát-đế-ly đại phú; các vị Bà-la-môn đại phú; các vị gia chủ đại phú, phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nhân duyên các dục, đã dụng ý nói lên lời vọng ngôn. Do vậy, họ sẽ gánh chịu bất lợi, đau khổ trong một thời gian dài.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Loài người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục.
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời,
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con cá,
Không thấy đặt bẫy lưới.
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.

VIII. KINH MALLIKĀ (*Mallikāsutta*) (*S.* I. 75)

119. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala có mặt với Hoàng hậu Mallikā (Mạt-ly), trên lầu thượng.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với Hoàng hậu Mallikā:

– Này Mallikā, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

– Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

– Này Mallikā, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng với Hoàng hậu Mallikā và con nói với Hoàng hậu Mallikā: "Này Mallikā, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

---

[11] P. *Bhadramukha*, H. 賢面, nghĩa đen là vị có khuôn mặt, tướng mạo hiền thiện, nghĩa bóng là vị có uy đức. Quần chúng kính phục và tiến cử vị có uy đức ấy làm người lãnh đạo, nắm cán cân công bằng, xử kiện. *SA*. I. 140 viết *senāpati*, nghĩa là viên tướng lĩnh, tổng chỉ huy.

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikā trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?"

Nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikā: "Này Mallikā, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta."

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này, trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.

IX. KINH TẾ ĐÀN (*Yaññasutta*)[12] (*S.* I. 75)

120. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn.

Và có những người nô tỳ, hay những người phục dịch, hay những người lao công, bị hình phạt thúc đẩy, bị sợ hãi thúc đẩy, với nước mắt đầy mặt, than khóc và làm các công việc chuẩn bị [cho lễ tế đàn].

Rồi rất nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala tổ chức một đại lễ tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn. Và có những người nô tỳ, hay những người phục dịch, hay những người lao công, bị hình phạt thúc đẩy, bị sợ hãi thúc đẩy, với nước mắt đầy mặt, than khóc và làm các công việc chuẩn bị cho lễ tế đàn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ:

Lễ cúng ngựa, cúng người,
Quăng cọc, rượu chiến thắng,[13]
Không chốt cửa, đại lễ,
Chúng không phải quả lớn.

[12] Tham chiếu: *Tạp* 雜 (*T.*02. 0099.1234. 0338a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T.*02. 0100.61. 0394c26).

[13] Lễ "Uống rượu chiến thắng", xem *QKM*. II. 16, n. 3. Lễ "Quăng cọc" được giải thích là làm lễ xây dựng điện thờ nơi cọc gỗ quăng rơi xuống. Lễ "Không chốt cửa" nói lên ý mọi người tín cẩn lẫn nhau.

Chỗ nào có giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh không đi.

Tế đàn không rộn ràng,
Cúng dường được thường hằng,
Không có sự giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh sẽ đi.

Bậc trí tế như vậy,
Tế đàn vậy, quả lớn.
Ai tế lễ như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu,
Là tế đàn vĩ đại,
Được chư thiên hoan hỷ.

X. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Bandhanasutta*) (*S.* I. 76)

121. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala đang bắt trói một số đông người; một số người bị trói bằng dây thừng, một số người bị gông cùm, một số người bị dây xích lại.

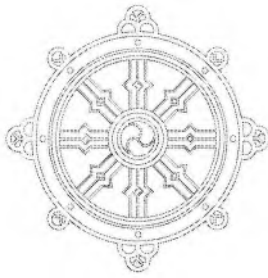
Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, họ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala bắt trói một số đông người; một số người bị trói bằng dây thừng, một số người bị gông cùm, một số người bị dây xích lại.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Bậc có trí nói rằng,
Trói vậy không vững chắc,
Trói bằng sắt, dây gai,
Kềm kẹp bằng gỗ mộc.
Đam mê các dục lạc,
Với châu báu, trang sức,
Và tâm tư tưởng vọng,
Hướng về con, về vợ.
Bậc có trí nói rằng,
Trói vậy thật vững chắc,
Dầu trói buộc trì xuống,

Tế nhị và khó thoát.
Các vị chơn xuất gia,
Cắt đứt chúng làm đôi,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi dục lạc.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH BẢY VỊ BỆN TÓC (*Sattajaṭilasutta*) (*S*. I. 77)

122. Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi, Pubbārāma (Đông Viên), tại lâu đài Migāramātu[14] (Lộc Tử Mẫu giảng đường).

Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, và đến ngồi tại mái hiên phía cửa ngoài.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Nigaṇṭha,[15] bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các dụng cụ khất sĩ[16] đang đi ngang qua, cách Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chắp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Nigaṇṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thưa chư Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala."

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Nigaṇṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy đã đi qua không lâu liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị hướng đến A-la-hán đạo?

– Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ, trong khi còn sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, quen dùng các loại Chiên-đàn ở xứ Kāsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc hướng đến A-la-hán đạo.

Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải thiếu trí tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải cùng chung một nghề mới biết được sự thanh tịnh của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải thiếu trí tuệ.

---

[14] Chỉ cho Visākhā, vị đại tín chủ của Tăng đoàn.

[15] Các Nigaṇṭha chỉ mặc y phục trắng, một tấm y dài, miếng vải thắt lưng dài hơn đến đầu gối hoặc dài hơn.

[16] Đồ châm lửa, bình nước, kim và bình bát. Xem *DB*. I. 125.

Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải thiếu trí tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải đàm đạo mới biết được trí tuệ của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải thiếu trí tuệ.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải thiếu trí tuệ."

Bạch Thế Tôn, có những người trinh thám này của con, những người trinh sát, sau khi đi trinh sát một nước, họ đến gặp con. Trước hết, họ thu thập tin tức rồi con mới công bố.

Bạch Thế Tôn, ở đây, những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc đồ vải trắng, họ được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy mới nói lên bài kệ:

Không phải do sắc tướng,
Biết rõ được con người,
Không phải nhìn thoáng qua,
Đặt được lòng tin cậy.
Dưới bộ áo đạo đức,
Với hình tướng tự chế,
Những kẻ sống buông thả,
Sống phây phây đời này.

Như bông tai bằng đất,
Giả dạng bông tai thật,
Như nửa tiền bằng đồng,
Được sơn phết lớp vàng.
Một số sống che đậy,
Ẩn kín dưới bề ngoài,
Nội thân thật bất tịnh,
Mặt ngoài giả mỹ diệu.

II. KINH NĂM VUA (*Pañcarājasutta*) (*S.* I. 79)

123. Nhân duyên tại Sāvatthi. Một thời, năm vị vua, với Vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đang thọ hưởng, được cung cấp và được đoanh vây với năm dục công đức.[17] Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa các vị ấy: "Dục nào tối thượng?"

---

[17] *Kāma*, trong trường hợp này không phải chỉ cho đối tượng của các căn mà chỉ cho các cảm thọ liên hệ đến các căn và người vui thích các cảm thọ ấy. Xem *Cpd.* 81, n. 2.

Ở đây, có người nói: "Sắc là dục tối thượng", có người nói: "Tiếng là dục tối thượng", có người nói: "Hương là dục tối thượng", có người nói: "Vị là dục tối thượng", có người nói: "Xúc là dục tối thượng." Và các vua ấy không thể thuyết phục nhau về vấn đề này.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala nói với các vua ấy:

– Chư Tôn giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến hãy hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các vua ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala.

Rồi năm vua ấy, với Vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, năm vua chúng con đang thọ hưởng, được cung cấp, được đoanh vây với năm dục công đức. Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Dục nào là tối thượng?" Có người nói: "Sắc là dục tối thượng", có người nói: "Tiếng là dục tối thượng", có người nói: "Hương là dục tối thượng", có người nói: "Vị là dục tối thượng", có người nói: "Xúc là dục tối thượng." Bạch Thế Tôn, dục nào là tối thượng?

– Thưa Đại vương, tùy theo cùng độ ưa thích mà Ta nói rằng dục ấy là tối thượng trong năm dục công đức. Và thưa Đại vương, các sắc ấy đối với một số người, được ưa thích; các sắc ấy đối với một số người, không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với các sắc pháp, tâm viên ý mãn; không có muốn các sắc pháp nào khác hơn, các sắc pháp nào tốt đẹp hơn các sắc pháp ấy; thời đối với vị này, các sắc pháp ấy là tối thượng, các sắc pháp ấy là vô thượng.

Thưa Đại vương, các tiếng ấy... các hương ấy... các vị ấy... Thưa Đại vương, các xúc ấy đối với một số người, được ưa thích; các xúc ấy đối với một số người, không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với xúc pháp, tâm viên ý mãn; không có ý muốn các xúc pháp nào khác hơn, các xúc pháp nào tốt hơn các xúc pháp ấy; thời đối với vị này, các xúc pháp ấy là tối thượng, các xúc pháp ấy là vô thượng.

Lúc bấy giờ, có cư sĩ Candanaṅgalika đang ngồi trong hội chúng ấy. Rồi cư sĩ Candanaṅgalika từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y lên một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một tư tưởng khởi lên nơi con. Bạch Thiện Thệ, một tư tưởng khởi lên nơi con.

Thế Tôn nói:

– Này Candanaṅgalika, hãy nói lên tư tưởng ấy.

Rồi cư sĩ Candanaṅgalika, trước mặt Thế Tôn, tán thán với một bài kệ thích nghi:

Giống như hoa sen đỏ,
Nực thơm mùi hương dịu,
Sáng sớm tinh sương nở,
Với hương hoa ứ đọng.
Hãy xem Aṅgīrasa,
Chói hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời sáng chói,
Giữa hư không bao la.

Rồi năm vị vua ấy đắp năm áo lên trên mình cư sĩ Candanaṅgalika.

Nhưng cư sĩ Candanaṅgalika đắp năm áo ấy lên trên thân Thế Tôn.

III. KINH ĐẠI THỰC (*Doṇapākasutta*) (*S*. I. 81)

124. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala thường ăn bữa ăn thịnh soạn.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala sau khi ăn xong, no đủ, thỏa thích, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết Vua Pasenadi nước Kosala đã ăn xong, no đủ, thỏa thích, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

Con người thường chánh niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chừng mực, ít thọ khổ,
Già chậm, tuổi thọ dài.

Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Sudassana đứng sau lưng Vua Pasenadi nước Kosala.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala gọi thanh niên Sudassana:

– Này Sudassana, hãy đi đến và học thuộc lòng bài kệ từ Thế Tôn và trong khi dọn ăn cho ta hãy đọc lên bài kệ ấy. Ta sẽ luôn cấp thường nhật cho ông một trăm đồng tiền.

– Thưa vâng, Đại vương.

Thanh niên Sudassana vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn, và trong khi dọn cơm cho Vua Pasenadi nước Kosala, đọc lên bài kệ này:

Con người thường chánh niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chừng mực, ít thọ khổ,
Già chậm, tuổi thọ dài.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala tuần tự hạn chế, cho đến chỉ ăn nhiều nhất là một nāḷika.[18]

[18] Cái ống, cái thố đựng thức ăn.

Vua Pasenadi sau một thời gian, thân thể được khỏe mạnh, tự tay thoa bóp chân tay và nói lên lời cảm hứng sau đây: "Ôi, thật sự Thế Tôn đã thương tưởng nghĩ đến lợi ích cho ta, cả hai đời hiện tại và vị lai!"

IV. KINH NÓI VỀ CHIẾN TRANH THỨ NHẤT
(*Paṭhamasaṅgāmasutta*) (*S*. I. 83)

125. Nhân duyên tại Sāvatthi. Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi.

Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi."

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha.

Rồi Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, tấn công Vua Pasenadi nước Kosala. Trong cuộc chiến ấy, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, chiến thắng Vua Pasenadi nước Kosala. Bị chiến bại, Vua Pasenadi nước Kosala lui về tại kinh đô Sāvatthi.

Rồi một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Đi khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, họ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Kāsi." Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, rồi Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, chiến thắng Vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, bị chiến bại, Vua Pasenadi nước Kosala rút lui về kinh đô của mình là Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, là ác hữu, là ác bạn lữ, là ác giao du. Và này các Tỷ-kheo, Vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện giao du. Và này Tỷ-kheo, hôm nay, trong đêm này, Vua Pasenadi nước Kosala trải một đêm đau khổ của người bại trận.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Thắng trận sanh thù oán,
Bại trận nếm khổ đau,

Ai bỏ thắng, bỏ bại,
Tịch tịnh, hưởng an lạc.

V. KINH NÓI VỀ CHIẾN TRANH THỨ HAI
(*Dutiyasaṅgāmasutta*) (*S*. I. 84)

126. Rồi Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi (lần thứ hai).

Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi."

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha.

Rồi Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và bắt sống vua ấy.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai, nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và chỉ tha cho vua ấy mạng sống."

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh… và chỉ tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi một số lớn vị Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, mang y bát và đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, họ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi." Rồi bạch Thế Tôn, Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và Vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và bắt sống vua ấy. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai, nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua

Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và chỉ tha cho vua ấy mạng sống." Bạch Thế Tôn, rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại lại hại người.

Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi.
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.

Sát người, bị người sát,
Thắng người, bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Não người, người não lại,
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại lại hại người.

VI. KINH MALLIKĀ (*Mallikāsutta*)[19] (*S*. I. 86)

127. Nhân duyên tại Sāvatthi. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi một người đi đến Vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kề bên tai Vua Pasenadi nước Kosala: "Thưa Đại vương, Hoàng hậu Mallikā đã sinh hạ được một người con gái."

Khi nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết Vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thán phục.

Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *The Daughter*, nghĩa là *Người con gái*.

Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc.

VII. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamādasutta*) (*S.* I. 86)

128. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau?

– Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau.

– Bạch Thế Tôn, pháp ấy là gì, có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau?

– Bất phóng dật, thưa Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau. Thưa Đại vương, cũng như con voi, trong tất cả loài hữu tình có chân, tóm thâu tất cả đặc tướng của chân trong bàn chân của nó;[20] và bàn chân của voi được xem là đệ nhất về phương diện to lớn trong tất cả loại chân. Cũng vậy, thưa Đại vương, bất phóng dật là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai lợi ích: Lợi ích đời này và lợi ích đời sau.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ai ước nguyện tuổi thọ,
Không bệnh, có diệu sắc,
Được sanh lên thiên giới,
Sanh nơi nhà quý tộc,
Phải liên tục tăng thượng,
Tinh tấn không dừng nghỉ.
Người hiền trí tán thán,
Hạnh lành không phóng dật,
Đối với những người trí,
Làm các hạnh công đức.

Người trí không phóng dật,
Được cả hai lợi ích.
Lợi ích nào đời này,
Lợi ích nào đời sau.
Người kiên trì thành tựu,
Được gọi bậc hiền trí.

[20] Một ví dụ thường được dùng chỉ cho trí tuệ. Xem *M.* I. 184.

VIII. KINH THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*)[21] (*S*. I. 87)

129. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con ngồi yên tĩnh một mình, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du; không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du."

– Như vậy là phải, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, pháp được Ta khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du; không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du.

Một thời, thưa Đại vương, Ta ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại một thị trấn của các vị Sakka.

Rồi thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ānanda đến chỗ Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Đại vương, Tỷ-kheo Ānanda bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, phân nửa đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du."

Khi được nghe nói vậy, thưa Đại vương, Ta nói với Tỷ-kheo Ānanda: "Này Ānanda, không phải vậy. Này Ānanda, không phải vậy. Thật sự, này Ānanda, toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du. Này Ānanda, đối với vị Tỷ-kheo là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

Và Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả ly. Như vậy, này Ānanda, là vị Tỷ-kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

Và chính theo pháp môn này, này Ānanda, ông cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống Phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du?

Này Ānanda, chính vì Ta y cứ, làm bạn với thiện hữu, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Và chính theo pháp môn này, này Ānanda, ông cần phải

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *Diligence*, nghĩa là *Tinh cần*.

hiểu như thế là toàn phần đời sống Phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du."

Do vậy, này Đại vương, cần phải học như sau: "Tôi sẽ là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du." Như vậy, này Đại vương, Đại vương cần phải học. Này Đại vương, để Đại vương có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các vị Sát-đế-ly chư hầu sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các binh chủng sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các dân chúng ở thị trấn và quốc độ sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật."

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời tự ngã được che chở, hộ trì; nội cung được che chở, hộ trì; kho tàng được che chở, hộ trì.

Người ước mong tài sản,
Phải liên tục tăng thượng.
Người hiền trí tán thán,
Hạnh lành không phóng dật.
Đối với những người lành,
Làm các hạnh công đức.

Người hiền không phóng dật,
Được cả hai lợi ích,
Lợi ích trong đời này,
Lợi ích cả đời sau.
Kẻ anh hùng được gọi
Là bậc chơn hiền trí,
Nếu biết nắm chụp lấy
Hạnh phúc cho chính mình.

IX. KINH KHÔNG CÓ CON THỨ NHẤT (*Paṭhamaaputtakasutta*) (*S*. I. 89)

130. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, vào buổi trưa[22] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sāvatthi bị mệnh chung, và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy, đồ ăn của triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua[23] ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

– Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương! Một kẻ không phải chân nhân (*asappuriso*), thưa Đại vương, dầu cho có được tài sản lớn cũng không đem lại an lạc cho mình; không đem lại an lạc cho cha mẹ; không đem lại an lạc cho vợ con; không đem lại an lạc cho các người phục vụ, cho các người làm công; không đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, không thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy nếu không thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa sẽ cướp đoạt, hay trộm cắp cướp đoạt, hay bị lửa đốt, hay bị nước cuốn trôi, hay bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng.

Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước tại chỗ vắng người, với nước trong suốt, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước tinh khiết, với bờ bến tốt đẹp và khả ái nhưng không có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước ấy không được thọ dụng chơn chánh sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng. Cũng vậy, thưa Đại vương, một kẻ không phải chân nhân, dầu cho có được tài sản lớn cũng không đem lại an lạc cho mình... Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng.

Và bậc chân nhân, thưa Đại vương, có được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình; đem lại an lạc cho cha mẹ; đem lại an lạc cho vợ con; đem lại an lạc cho người phục vụ, cho người làm công; đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy được thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa không cướp đoạt, hay trộm cắp không cướp đoạt, hay không bị lửa đốt, hay không bị nước cuốn trôi, hay không bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa

[22] *Divā divassa*. Xem *J*. II. 1; *Vin*. III. 241.
[23] *Kaṇājaka*. Xem *J*. I. 228; *Vin*. III. 9.

Đại vương, các tài sản nếu thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước không xa làng mạc hay thị trấn, với nước trong suốt, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước tinh khiết, với bờ bến tốt đẹp và khả ái. Và có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước ấy được thọ dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm. Cũng vậy, thưa Đại vương, một bậc chân nhân khi được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình... Sự việc là như vậy, các tài sản được sử dụng chơn chánh, sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

Như nước trong tươi mát,
Nằm tại chỗ không người,
Không người uống, người dùng,
Đi đến chỗ tổn giảm.
Cũng vậy là tài sản,
Kẻ hạ liệt có được,
Không tự mình thọ hưởng,
Lại không cho một ai.

Kẻ trí tuệ sáng suốt,
Tài sản thâu hoạch được,
Biết thọ dụng, phục vụ,
Với bà con, đoàn thể,
Trở thành như Ngưu vương,
Nuôi dưỡng và giúp đỡ,
Vô tội khi bị chết,
Được sanh lên thiên giới.

X. KINH KHÔNG CÓ CON THỨ HAI (*Dutiyaaputtakasutta*) (*S.* I. 91)

131. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, giữa trưa, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu lại giữa trưa như thế này?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sāvatthi bị mệnh chung. Và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy, đồ ăn của vị triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

– Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương! Thưa Đại vương, vị triệu phú gia chủ ấy thuở xưa, đã bố thí đồ ăn khất thực cho một vị Bích-chi Phật tên là Tagarasikhī. Vị ấy nói: "Hãy bố thí cho vị Sa-môn!" Nói xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi bỏ đi. Nhưng về sau, vị ấy hối tiếc, nói rằng:

"Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn đồ ăn khất thực này." Và hơn nữa, vị ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy có bố thí đồ ăn khất thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikhī, do kết quả hành động ấy, vị ấy được sanh bảy lần lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Do kết quả dư hưởng còn lại, vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở Sāvatthi này.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy sau khi bố thí về, lại hối tiếc nói rằng: "Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn đồ ăn khất thực này." Do kết quả của hành động ấy, tâm của vị ấy hướng về các món ăn không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các đồ mặc không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các xe cộ không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về sự thọ hưởng năm dục công đức không được tốt đẹp.

Thưa Đại vương, vì triệu phú gia chủ ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì tài sản của người ấy; do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị nung nấu ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm. Do kết quả dư hưởng còn lại, gia tài không con bảy lần phải nhập vào công khố của vua. Thưa Đại vương, đối với triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chứa cất thêm. Và nay, thưa Đại vương, triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong địa ngục Mahāroruva.

– Bạch Thế Tôn, như vậy triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahāroruva?

– Thưa Đại vương, như vậy triệu phú gia chủ đã sanh vào địa ngục Mahāroruva.

Lúa, tài sản, vàng bạc,
Hay mọi vật sở hữu,
Nô tỳ và lao công,
Các mạng sống tùy thuộc,
Vị ấy phải ra đi,
Không đem theo được ai,
Tất cả phải bỏ lại,
Khi ra đi một mình.

Chỉ có các hành động,
Về thân, miệng và ý,
Mới thật thuộc vị ấy,
Mang theo khi ra đi,
Nghiệp ấy theo vị ấy,
Như bóng không rời hình.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.[24]

[24] Xem *S.* I. 96 (kinh 133 ở sau).

III. PHẨM THỨ BA (*TATIYAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI (*Puggalasutta*) (*S*. I. 93)

132. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có bốn loại người này có mặt, hiện diện ở đời.

Thế nào là bốn? Sống trong bóng tối hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.[25]

Thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện như gia đình người Chiên-đà-la, hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đổ rác.[26] Người ấy nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn, mặc; và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân, hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp; không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thưa Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hắc ám này đến hắc ám khác, hay từ vết máu đỏ này đến vết máu đỏ khác, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối.[27]

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh trong gia đình hạ tiện như gia đình người Chiên-đà-la, hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đổ rác. Người ấy nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn, mặc; và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp; không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói

[25] Xem *A*. II. 85.
[26] Rathakāra: Người làm xe, làm da. Pukkusa: Người đổ rác, đổ bông.
[27] Xem *A*. II. 85 về bốn loại người này.

thiện, ý nghĩ thiện, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thưa Đại vương, ví như một người từ đất leo lên kiệu, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào. Người ấy có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, nhiều tiền của, ngũ cốc;[28] và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều.[29] Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví như, thưa Đại vương, một người từ lầu leo xuống thân voi, hay từ thân voi leo xuống lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo xuống chiếc kiệu, hay từ chiếc kiệu leo xuống đất, hay từ đất leo xuống lòng đất tối tăm, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối.

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-ly đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào. Người ấy có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều vật dụng tiện nghi, có nhiều tiền của, ngũ cốc; và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ví như, thưa Đại vương, một người từ chiếc kiệu này bước qua chiếc kiệu khác, hay từ lưng ngựa này bước qua lưng ngựa khác, hay từ thân voi này bước qua thân voi khác, hay từ lầu này bước qua lầu khác, thưa Đại vương, Ta nói người ấy với ví dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Thưa Đại vương, những người như vậy có mặt, hiện diện trong đời.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

> Đại vương, người nghèo đói,
> Bất tín và xan tham,

---

[28] Xem *S.* I. 71 (kinh 114 ở trước).

[29] *Chú giải*: Trái với màu da như cột nhà cháy.

Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, thiếu lễ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ lỵ
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Không cho, làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Sanh địa ngục hãi hùng.
Ôi, Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh bóng tối,
Và hướng đến bóng tối.

Đại vương, người nghèo đói,
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Tu học hạnh thăng bằng,
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiên giới.
Ôi, Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh bóng tối,
Nhưng hướng đến ánh sáng.

Đại vương, người hào phú,
Bất tín và xan tham,
Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, không lễ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ lỵ
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Không cho, làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.

Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Phải sanh vào địa ngục.
Ôi, Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đến bóng tối.

Đại vương, người hào phú,
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón
Sa-môn, Bà-la-môn,
Cùng các khất sĩ khác.
Tu học hạnh hòa bình,
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiên giới.
Ôi, Nhân chủ, người vậy,
Được gọi sanh ánh sáng,
Và hướng đến ánh sáng.

II. KINH TỔ MẪU (*Ayyikāsutta*) (*S*. I. 96)

133. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

– Đại vương đi từ đâu lại giữa trưa như thế này?

– Bạch Thế Tôn, Tổ mẫu của con mệnh chung, già nua, tuổi tác đã đến tuổi trưởng thượng, đã đạt đến tuổi thọ, đã mệnh chung khi được một trăm hai mươi tuổi.

Bạch Thế Tôn, con rất ái luyến và quý mến Tổ mẫu. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một voi báu, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho voi báu để Tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một ngựa báu, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho ngựa báu để Tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một thôn làng tốt đẹp, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho thôn làng tốt đẹp để Tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con có thể được cho một quốc độ, hay để Tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho quốc độ để Tổ mẫu con khỏi chết.

– Tất cả chúng sanh, thưa Đại vương, đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

– Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã khéo nói: "Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết."

– Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương! Tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết. Ví như, thưa Đại vương, tất cả đồ gốm do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ấy đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể. Cũng vậy, thưa Đại vương, tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Mọi chúng sanh sẽ chết,
Mạng sống, chết kết thúc,
Tùy nghiệp, họ sẽ đi,
Nhận lãnh quả thiện ác,
Ác nghiệp, đọa địa ngục,
Thiện nghiệp, lên thiên giới.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.[30]

III. KINH THẾ GIAN (*Lokasutta*) (*S*. I. 98)

134. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú?

– Thưa Đại vương, có ba pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

Thế nào là ba? Thưa Đại vương, tham là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, si là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

Thưa Đại vương, ba pháp này ở đời, khi khởi lên đem lại bất lợi, đau khổ, bất an trú.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Tham, sân, si, [ba pháp]
Là ác tâm cho người,

---

[30] Xem *S*. I. 91 (kinh 131 ở trước).

Chúng di hại tự ngã,
Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,[31]
Tự tác thành trái cây.

IV. KINH CUNG THUẬT (*Issattasutta*) (*S.* I. 98)

135. Nhân duyên tại Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:[32]

– Chỗ nào, bạch Thế Tôn, bố thí cần phải đem cho?

– Thưa Đại vương, tại chỗ nào mà tâm được hoan hỷ.

– Bạch Thế Tôn, chỗ nào cho được quả lớn?

– Thưa Đại vương, câu: "Chỗ nào bố thí cần phải đem cho", khác với câu: "Chỗ nào cho được quả lớn." Thưa Đại vương, cho người trì giới được quả báo lớn. Cho người không giữ giới không được như vậy. Về vấn đề này, thưa Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương, Đại vương thấy thích hợp như thế nào, hãy trả lời câu hỏi ấy như vậy.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, ở đây, Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang bày binh bố trận. Rồi một thanh niên Sát-đế-lỵ đến, không có học tập, không có huấn luyện, không có thực tập, không có phục vụ, rụt rè, sợ hãi, run sợ hay bỏ chạy. Đại vương có giữ lại người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con không giữ lại người ấy và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.

– Rồi một thanh niên Bà-la-môn, không có học tập... Rồi một thanh niên *Vessa* (thương gia) đến... Rồi một thanh niên *Sudda* (Thủ-đà) đến, không có học tập... và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, ở đây, Đại vương đang lâm chiến, và cuộc giao tranh đang bày binh bố trận. Rồi một thanh niên Sát-đế-lỵ đến, có học tập, có huấn luyện, có thực tập, có phục vụ, không rụt rè, không sợ hãi, không run sợ, không bỏ chạy. Đại vương có giữ lại người ấy không, và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con giữ lại người ấy. Và một người như vậy có lợi ích cho con.

– Rồi một thanh niên Bà-la-môn đến, có học tập... Rồi một thanh niên *Vessa* đến... Rồi một thanh niên *Sudda* đến... và một người như vậy có ích lợi gì cho Đại vương không?

---

[31] Xem *S.* I. 70 (kinh 113 ở trước).

[32] *Chú giải* giải thích cuộc hội đàm này giữa công chúng với sự hiện diện của rất nhiều ngoại đạo sư. Những vị này cho rằng họ vượt trội hơn tất cả, danh tiếng của họ còn lớn hơn danh tiếng của đức Phật. Họ khuyến khích mọi người hãy cúng dường cho họ và các đệ tử của họ. Vua Pasenadi đã thỉnh đức Phật đến để làm rõ.

– Bạch Thế Tôn, con ủng hộ người ấy và một người như vậy có lợi ích cho con.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, dầu cho một người có xuất gia từ một gia đình nào, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy đoạn trừ năm chi và hội đủ năm chi. Bố thí cho một người như vậy có quả báo lớn.

Thế nào là năm chi được đoạn trừ? Tham dục được đoạn trừ, sân được đoạn trừ, hôn trầm thụy miên được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi được đoạn trừ. Năm chi này được đoạn trừ.

Thế nào là năm chi được hội đủ? Vô học Giới uẩn được hội đủ, Vô học Định uẩn được hội đủ, Vô học Tuệ uẩn được hội đủ, Vô học Giải thoát uẩn được hội đủ, Vô học Giải thoát tri kiến uẩn được hội đủ. Năm chi này được hội đủ.

Chính một người như vậy, năm chi được đoạn trừ, năm chi được hội đủ. Bố thí cho người như vậy được quả báo lớn.

Thế Tôn nói như vậy... rồi bậc Đạo sư lại nói thêm:

Vị vua đang lâm chiến,
Sẽ giữ lại thanh niên,
Cung thuật được thiện xảo,
Dõng mãnh đầy khí lực.
Nhà vua không tuyển chọn,
Theo tiêu chuẩn thọ sanh.
Cũng vậy, người có trí,
Kính lễ bậc hạ sanh,
Bậc này sống Thánh hạnh,
Nhẫn nhục và hiền hòa.[33]

Hãy làm cốc thoải mái,
Dựng nhà cho Đa văn,
Rừng khô,[34] làm bể nước,
Hiểm trở, mở đường đi.

Với tâm tư thanh tịnh,
Hãy cho kẻ trực tâm,
Cho đồ ăn, đồ uống,
Cho vải mặc, trú xá.

Như mây giông gầm thét,
Chớp sáng trăm đầu mây,

[33] *SA*. I. 166: *Khantisoraccanti ettha khantīti adhivāsanakhanti, soraccanti arahattaṃ*. Ngài Buddhaghosa giải thích *khantisoracca* là "Nhẫn nhục và hiền hòa". Trong trường hợp này, "nhẫn nhục" có nghĩa là nhẫn nại, chịu đựng và "hiền hòa" là tâm hiền thiện của bậc Thánh, bậc A-la-hán. Xem *D*. III. 213; *A*. I. 94.

[34] *Papañca vivane*. *SA*. I. 166: *Vivaneti araññaṭṭhāne, nirudake araññe*, được giải thích là khu rừng không có nước.

Nước mưa ào ào xuống,
Tràn đầy đất thấp cao.

Cũng vậy, bậc thiện tín,
Đa văn, dọn đồ ăn,
Thỏa mãn kẻ khất sĩ.
Kẻ trí tâm hoan hỷ,
Phân phát vật ăn uống,
Nói: "Cho, hãy đem cho!"
Như vậy la, gầm, thét,
Mưa móc như thần mưa.

Các công đức to lớn,
Do bố thí mang lại,
Đem mưa ân, mưa móc,
Trên những người bố thí.

V. KINH VÍ DỤ HÒN NÚI (*Pabbatūpamasutta*) (*S.* I. 100)

136. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thế Tôn nói với Vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại giữa trưa thế này?

– Bạch Thế Tôn, con rất bận rộn với những sự việc của các vua chúa. Các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ, và chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào, ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy, người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm."

Rồi một người thứ hai đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín, đáng tin cậy, người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm." Như vậy, thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?

– Như vậy, bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh làm các hạnh lành, làm các công đức?

– Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

– Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (*gati*), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có những Đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến tài chánh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

– Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

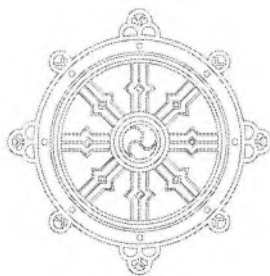
Thế Tôn nói như vậy... và bậc Đạo sư nói thêm:

Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chết
Di chuyển đến hữu tình,

Giai cấp Sát-đế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la,
Người đổ rác, đổ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.

Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản,
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.
Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.

Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau hưởng phước trời.[35]



[35] *Chú giải* giải thích Vua Pasenadi đi yết kiến đức Phật, bị bọn cướp mai phục ở rừng Andha. Vua biết được cho bắt tên cướp và bêu thây ở bến đường. Vì vua có hành động này nên đức Phật không đặt thẳng vấn đề mà chỉ khuyên vua một cách gián tiếp.

4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA
(*MĀRASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT
(*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH KHỔ HẠNH (*Tapokammasutta*)[1] (*S.* I. 103)

137. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ.

Rồi Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh ấy. Tốt lành thay, thật sự Ta được giải thoát khỏi khổ hạnh không liên hệ đến lợi ích ấy! Tốt lành thay, Ta kiên trì, chánh niệm, chứng đạt Bồ-đề!"

Rồi Ác ma, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Từ bỏ pháp khổ hạnh,
Giúp thanh niên trong sạch,
Không tịnh, nghĩ mình tịnh,
Đi ngược thanh tịnh đạo.

Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Biết được pháp khổ hạnh,
Được xem là bất tử,[2]
Pháp ấy không lợi ích,
Không đem lợi ích nào,
Như chèo và bánh lái,
Chiếc thuyền trên đất cạn.[3]
Giới, Định và Trí tuệ,
Con đường hướng Chánh giác,
Ta tu tập hạnh ấy,
Đạt được tối thắng tịnh.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Penance and Works*, nghĩa là *Khổ hạnh và nghiệp*.
[2] *Chú giải* viết là *Amaraṃ* thế cho *Aparaṃ*. Tu khổ hạnh để được bất tử.
[3] Ngài Buddhaghosa viết là *Dhammani,* dịch là khu rừng không có nước. *Phiyāritta*: Chèo và bánh lái.

Này kẻ Tử ma kia,[4]
Ông bị bại trận rồi.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

II. KINH VOI CHÚA XUẤT HIỆN (*Hatthirājavaṇṇasutta*)[5] (*S*. I. 103)

138. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, dưới cây Ajapāla Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột một.

Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền biến hình thành con voi chúa to lớn và đi đến Thế Tôn.

Và đầu con voi ví như hòn đá đen lớn,[6] ngà của nó ví như bạc trắng tinh, vòi của nó ví như đầu cái cày lớn.

Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Ông luân hồi dài dài,
Hình thức tịnh, bất tịnh.
Thôi vừa rồi, Ác ma,
Ông đã bị bại trận.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH TỊNH (*Subhasutta*) (*S*. I. 104)

139. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, dưới cây Ajapāla Nigrodha, khi Ngài vừa giác ngộ. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột một.

Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thế Tôn.

Sau khi đến, hiện lên những hình tướng cao, thấp, tịnh, bất tịnh, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Ông luân hồi dài dài,
Hình thức tịnh, bất tịnh.
Thôi vừa rồi, Ác ma,
Ông đã bị bại trận.

---

[4] Xem *S*. I. 71 (kinh 115 ở trước).

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *The Wonder Elephant*, nghĩa là *Con voi kỳ diệu*.

[6] *Ariṭṭhaka*: Một loại đá màu xám xanh hay nâu.

Những vị thân, khẩu, ý,
Khéo hộ trì chế ngự,
Này kẻ Ác ma kia,
Những vị ấy như vậy,
Không bị ông chi phối,
Không phải đệ tử ông.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IV. KINH BẪY SẬP THỨ NHẤT (*Paṭhamamārapāsasutta*) (*S*. I. 105)

140. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chư thiên đọa xứ), Lộc Uyển. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, chính nhờ như lý tác ý, chính nhờ như lý chánh tinh cần, Ta chứng đạt Vô thượng giải thoát, Ta chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Vậy này các Tỷ-kheo, các ông cũng phải với như lý tác ý, như lý chánh tinh cần, chứng đạt Vô thượng giải thoát, chứng ngộ Vô thượng giải thoát.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Ngài còn bị trói buộc,
Trong bẫy sập của ma,
Bởi những dây dục lạc,[7]
Cả thiên giới, nhân giới.
Ngài đang bị cột chặt,
Trong triền phược của ma,
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.

[Thế Tôn:]

Ta đã được giải thoát,
Khỏi bẫy sập của ma,
Thoát khỏi dây dục lạc,
Cả thiên giới, nhân giới.
Ta đã được giải thoát,
Khỏi triền phược của ma,
Này kẻ tử ma kia,
Ông đã bị bại trận.

---

[7] *SA*. I. 172: *Kāmaguṇasaṅkhātā* (cái gọi là dục lạc).

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

V. KINH BẪY SẬP THỨ HAI (*Dutiyamārapāsasutta*) (*S*. I. 105)

141. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), Lộc Uyển. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta đã được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các Tỷ-kheo, các ông cũng được giải thoát khỏi tất cả bẫy sập ở thiên giới và nhân giới. Này các Tỷ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa! Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh! Có các chúng sanh, sanh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu Chánh pháp.[8] Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ đi đến Uruvelā, thị trấn Senānigama để thuyết pháp.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Ngài còn bị trói buộc,
Trong bẫy sập của ma,
Bởi những dây dục lạc,
Cả thiên giới, nhân giới.
Ngài đang bị cột chặt,
Trong triền phược của ma,
Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.

[Thế Tôn:]

Ta đã được giải thoát,
Khỏi bẫy sập của ma,
Thoát khỏi dây dục lạc,
Cả thiên giới, nhân giới.
Ta đã được giải thoát,
Khỏi triền phược của ma,
Này kẻ Tử ma kia,
Ông đã bị bại trận.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

---

[8] Xem *DB*. II. 32.

VI. KINH CON RẮN (*Sappasutta*) (*S*. I. 106)

142. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong bóng đêm tối, và trời đang mưa từng hột một.

Rồi Ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, bèn biến thành con đại xà vương và đi đến Thế Tôn.

Thân của nó to lớn ví như một chiếc thuyền đẽo ra từ một thân cây. Cái mang của nó ví như cái khay đan của người nấu rượu. Mắt của nó ví như cái đĩa bằng đồng của nước Kosala.[9] Lưỡi của nó le ra từ miệng ví như mũi tên chớp sáng lòe khi trời mưa gió sấm sét. Tiếng hơi thở vô, hơi thở ra của nó ví như bệ thổi của người thợ rèn.

Rồi Thế Tôn biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ này với Ác ma:

Quý thay bậc Mâu-ni,
Sống trong nhà không tịch,
Biết chế ngự tự ngã,
Tại đấy vị ấy trú,
Sống từ bỏ tất cả,
Với hạnh tu tương xứng.
Nhiều loại thú bộ hành,
Nhiều sự vật khủng khiếp,
Nhiều ruồi, muỗi, độc xà,
Không mảy may rung động,
Sợi lông bậc Mâu-ni,
Sống trong nhà không tịch.
Dầu trời nứt, đất động,
Dầu muôn loài khủng bố,
Dầu bị giáo, đao, tên,
Quăng ném vào ngực Ngài,
Chư Phật không tạo nên,
Những căn cứ sanh y.[10]

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. KINH THỤY MIÊN (*Supatisutta*) (*S*. I. 107)

143. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Thế Tôn, sau khi đã đi kinh hành ngoài trời một phần lớn của đêm, khi

---

[9] *Chú giải*: Như cái đĩa của Vua Pasenadi dùng.
[10] Ngài Buddhaghosa giải thích sanh y là năm uẩn.

đêm đã gần mãn, Ngài rửa chân, bước vào tinh xá và nằm xuống phía hông bên phải theo thế nằm của con sư tử, hai chân gác lên nhau,[11] chánh niệm tỉnh giác và nghĩ đến lúc thức dậy.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Sao Ngài còn nằm ngủ,
Sao Ngài vẫn nằm ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy,
Như kẻ chết nằm co?[12]
Nghĩ rằng nhà trống không,
Nên Ngài ngủ như vậy,
Sao Ngài ngủ như vậy,
Khi mặt trời đã mọc?

[Thế Tôn:]

Khi không còn tham ái,
Với lưới triền, nọc độc,
Người vậy được giải thoát,
Không bị dẫn nơi nào.
Ác ma! Bậc Giác Ngộ,
Mọi sanh y diệt tận,
Vị ấy nếu có ngủ,
Các ông làm được gì?

Rồi Ác ma biết được... liền biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH HOAN HỶ (*Nandatisutta*) (*S*. I. 107)

144. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Cha sung sướng vì con,
Người chăn sướng vì bò,
Người sướng vì sanh y,
Không sanh y không sướng.

[Thế Tôn:]

Cha sầu vì con cái,
Người chăn sầu vì bò,
Người sầu vì sanh y,
Không sanh y không sầu.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

---

[11] Xem *S*. I. 27 (kinh 38 ở trước).

[12] *SA*. I. 175 viết là *dubbhago*, nghĩa là người bị không may như chết hay bất tỉnh.

IX. KINH TUỔI THỌ THỨ NHẤT (*Paṭhamaāyusutta*) (*S*. I. 108)

145. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài người ở đời này, rồi phải ra đi trong tương lai! Hãy làm điều lành! Hãy sống Phạm hạnh! Không có gì sanh ra lại không bị tử vong! Này các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Loài người thọ mạng dài,
Người lành chớ âu lo,
Bú sữa no, hãy sống,
Tử vong đâu có đến.

[Thế Tôn:]

Loài người thọ mạng ngắn,
Người lành phải âu lo,
Như cháy đầu,[13] hãy sống,
Tử vong rồi phải đến.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

X. KINH TUỔI THỌ THỨ HAI (*Dutiyaāyusutta*) (*S*. I. 108)

146. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đây, Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài người ở đời này, rồi phải ra đi trong tương lai! Hãy làm điều lành! Hãy sống Phạm hạnh! Không có gì sanh ra lại không bị tử vong! Này các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Ngày đêm không trôi qua,
Thọ mạng không chấm dứt,
Thọ mạng người xoay vần,
Như vành theo trục xe.

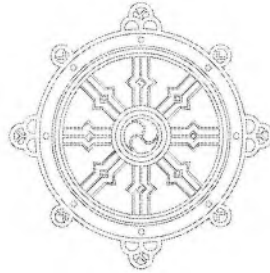
---

[13] Xem *S*. I. 13 (kinh 21 ở trước).

[Thế Tôn:]

Ngày đêm có trôi qua,
Thọ mạng có chấm dứt,
Mạng người phải khô cạn,
Như suối nhỏ đầu non.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.



II. PHẨM THỨ HAI
(*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH HÒN ĐÁ (*Pāsāṇasutta*) (*S*. I. 109)

147. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi giữa trời, trong bóng đêm tối, và trời mưa từng hột một.

Rồi Ác ma muốn làm Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cho nổ tung những tảng đá lớn không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ với Ác ma:

Dầu ông làm chấn động,
Toàn bộ núi Linh Thứu,
Cũng không làm rung động,
Bậc Giác Ngộ, Giải Thoát.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

II. KINH CON SƯ TỬ (*Kinnusīhasutta*) (*S*. I. 106)

148. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn xung quanh có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này xung quanh có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt đại chúng ấy."

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Sao Ngài lại rống lên,
Rống như loài sư tử,
Vô úy không sợ hãi,
Trước hội chúng đông đảo?
Nay Ngài có địch thủ,
Chớ nghĩ Ngài thắng trận!

[Thế Tôn:]

Bậc Đại Hùng rống lên,
Vô úy trước đại chúng,

Như Lai chứng mười lực,[14]
Vượt tham ái ở đời.[15]

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH PHIẾN ĐÁ (*Sakalikasutta*) (*S*. I. 110)

149. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại vườn nai Maddakucchi.

Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá gây thương tích.[16] Thế Tôn cảm xúc khốc liệt, toàn thân đau đớn, nhói đau, đau nhức mãnh liệt, không thích thú, không vừa ý. Và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu không để tâm tư buồn nản. Rồi Thế Tôn gấp y Tăng-già-lê lại làm bốn, nằm nghiêng bên phải theo thế nằm của con sư tử, chân này gác lên chân kia, chánh niệm, tỉnh giác.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Sao Ngài uể oải nằm,
Hay tìm thơ, tìm vận,
Phải chăng việc sai biệt,
Không chờ đợi Ngài làm?[17]
Phải một mình cô độc,
Trên ghế giường nằm, ngồi,
Với gương mặt ngái ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy?

[Thế Tôn:]

Ta không uể oải nằm,
Không tìm thơ, tìm vận,
Mục đích Ta đã đạt,
Đâu có sầu muộn gì!
Ta nằm ngồi một mình,
Trên ghế giường vắng lặng,
Yên tĩnh Ta nằm nghỉ,
Tâm từ thương chúng sanh.

Những kẻ ngực bị đâm,
Hổn hển, tim dồn dập,
Vẫn tìm được giấc ngủ,
Dầu bị thương tích nặng.
Sao Ta lại không ngủ,
Khi không bị thương tích.

---

[14] Mười lực được đề cập trong *M*. I. 69f; *A*. V. 33f.
[15] Xem *S*. I. 1 (kinh 1 ở trước).
[16] Xem *S*. I. 27 (kinh 38 ở trước).
[17] Xem *A*. III. 59, 62.

Khi thức không âu lo,
Khi ngủ chẳng sợ hãi,
Ngày đêm không khởi lên
Phiền não bận lòng Ta.
Ta không thấy tai hại
Một chỗ nào trên đời,
Do vậy Ta nằm nghỉ,
Tâm từ thương chúng sanh.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IV. KINH THÍCH HỢP (*Patirūpasutta*) (*S*. I. 111)

150. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Ekasālā. Lúc bấy giờ, Thế Tôn xung quanh có đại chúng cư sĩ đoanh vây, đang thuyết pháp.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này, xung quanh có đại chúng cư sĩ đoanh vây, đang thuyết pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt đại chúng này."

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Thật không chút thích hợp,
Để Ngài giảng dạy người,
Giữa người thuận, kẻ nghịch,
Chớ dính vào việc ấy.[18]

[Thế Tôn:]

Với lòng từ, thương tưởng,
Bậc Giác Ngộ dạy người,
Giữa người thuận, kẻ nghịch,
Như Lai chơn giải thoát.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

V. KINH Ý (*Mānasasutta*) (*S*. I. 111)

151. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Mọi hành tung của ý,
Là bẫy sập trên không,
Chính với bẫy sập ấy,
Ta trói buộc lấy Ngài,

[18] *SA*. I. 177 viết *laggi*, nghĩa là không rơi vào giữa thuận hay nghịch, giữa tham đắm hay ác cảm.

Này vị Sa-môn kia,
Ngài chưa thoát khỏi ta.

[Thế Tôn:]

Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Làm tâm ý ưa thích,
Ta không ưa muốn chúng,
Ta vượt thoát ngoài chúng.
Này kẻ tử ma kia,
Ông đã bị bại trận.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VI. KINH BÌNH BÁT (*Pattasutta*) (*S*. I. 112)

152. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp.[19]

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về năm thủ uẩn; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt các Tỷ-kheo ấy."

Lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời để phơi cho khô.

Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy.

Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, con bò đực này sẽ làm bể các bình bát.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, nó không phải con bò đực. Nó chính là Ác ma muốn đến làm mờ mắt các ông.

Và Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Cái ấy không phải tôi,
Cái ấy không của tôi,
Như vậy đây ly tham,
Ly tham vậy, tâm an,
Mọi kiết sử siêu thoát,
Dầu tìm mọi xứ sở,
Ma quân không gặp được.[20]

---

[19] Xem *D*. II. 204; *A*. II. 116.
[20] Xem *M*. I. 140.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. KINH SÁU XÚC XỨ (*Chaphassāyatanasutta*)[21] (*S*. I. 112)

153. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, chỗ Trùng Các giảng đường.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về sáu xúc xứ; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các vị Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về sáu xúc xứ; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và làm mờ mắt các Tỷ-kheo ấy."

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, Ác ma hét lên một tiếng to lớn, khủng khiếp, dễ sợ, như đất bị nứt vỡ.

Rồi một Tỷ-kheo nói với một Tỷ-kheo khác:

– Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, hình như quả đất này bị nứt vỡ.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, không phải đất nứt vỡ. Đó là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các ông.

Rồi Thế Tôn biết được: "Đây là Ác ma", liền nói bài kệ cho Ác ma:

Sắc, thanh, vị và hương,
Cùng toàn bộ xúc, pháp,
Là thế vật rùng rợn,
Làm mê loạn ở đời.
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Chánh niệm, vượt khỏi chúng,
Vượt thế lực Ác ma,
Như mặt trời sáng chói.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH ĐOÀN THỰC (*Piṇḍasutta*) (*S*. I. 113)

154. Một thời, Thế Tôn trú ở Magadha, tại làng Bà-la-môn tên là Pañcasālā.

Lúc bấy giờ, tại làng Bà-la-môn tên là Pañcasālā, lễ trao đổi tặng vật giữa nam nữ thanh niên đang được diễn ra.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng Bà-la-môn Pañcasālā để khất thực.

---

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *The Sphere of Sense*, nghĩa là *Xứ* (*cảnh giới của căn*).

Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn gia chủ ở Pañcasālā bị Ác ma xâm nhập (*anvāviṭṭhā*) và quyết định: "Chớ để Sa-môn Gotama nhận được đồ ăn khất thực!"

Rồi Thế Tôn đi vào làng Bà-la-môn tên Pañcasālā để khất thực với bình bát rửa sạch như thế nào, cũng đã trở về cùng với bình bát được rửa sạch như vậy.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, Ngài có nhận được đồ ăn khất thực không?

– Này Ác ma, có phải ông làm cho Ta không nhận được đồ ăn khất thực?

– Vâng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đi vào làng Bà-la-môn Pañcasālā một lần thứ hai nữa.[22] Và tôi sẽ làm để Thế Tôn nhận được đồ ăn khất thực.

[Thế Tôn:]

Ác ma làm điều ác,
Để tấn công Như Lai,
Này Ác ma, vì sao,
Ông có thể nghĩ rằng,
Điều ác ông hại Ta,
Sẽ không có kết quả?

Chúng ta sống sung sướng,
Những người không có gì,
Như chư thiên Quang Âm,
Có hào quang sáng chói,
Lấy hỷ làm đồ ăn.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. KINH NGƯỜI NÔNG PHU (*Kassakasutta*) (*S.* I. 114)

155. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỳ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỳ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp.

Rồi Ác ma suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho các vị Tỳ-kheo về các vấn đề liên hệ đến Niết-bàn; khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỳ-kheo ấy hết sức chú tâm, hết sức chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama để làm mờ mắt các Tỳ-kheo ấy."

Rồi Ác ma biến hình thành một người nông phu, mang trên vai một cái cày lớn, tay cầm một cây gậy đâm bò, đầu bù tóc rối, mặc đồ vải gai, chân lấm bùn nhơ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, Ngài có thấy con bò đực không?

[22] Một âm mưu để nhục mạ đức Phật và đức Phật biết nên Ngài không đi.

– Nhưng này Ác ma, con bò đực đối với ông là gì?

– Này Sa-môn, mắt là của ta, sắc là của ta, thức xứ do mắt xúc chạm là của ta. Này Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta?

Này Sa-môn, tai là của ta, tiếng là của ta...

Này Sa-môn, mũi là của ta, hương là của ta...

Này Sa-môn, lưỡi là của ta, vị là của ta...

Này Sa-môn, thân là của ta, xúc là của ta...

Này Sa-môn, ý là của ta, pháp là của ta, thức xứ do ý xúc chạm là của ta. Này Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta?

– Này Ác ma, mắt là của ông, sắc là của ông, thức xứ do mắt xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mắt, không có sắc, không có thức xứ xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

Này Ác ma, tai là của ông, tiếng là của ông, thức xứ do tai xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có tai, không có tiếng, không có thức xứ do tai xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

Này Ác ma, mũi là của ông, hương là của ông, thức xứ do mũi xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có mũi, không có hương, không có thức xứ do mũi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

Này Ác ma, lưỡi là của ông, vị là của ông, thức xứ do lưỡi xúc chạm là của ông. Này Ác ma, chỗ nào không có lưỡi, không có vị, không có thức xứ do lưỡi xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

Này Ác ma, thân là của ông, xúc là của ông, thức xứ do thân xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có thân, không có xúc, không có thức xứ do thân xúc chạm, thời chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

Này Ác ma, ý là của ông, pháp là của ông, thức xứ do ý xúc chạm là của ông. Và này Ác ma, chỗ nào không có ý, không có pháp, không có thức xứ do ý xúc chạm, thời này Ác ma, chỗ ấy không có hành xứ của ông, này Ác ma.

[Ác ma:]

Sự vật được Ngài nói:
"Cái này là của tôi."
Và những người đã nói:
"Cái này là của tôi."
Nếu ở đây có ý,
Đối với sự vật ấy,
Như vậy này Sa-môn,
Ngài không thoát khỏi ta.

[Thế Tôn:]

Sự vật được ông nói:
"Cái này không của tôi."
Và những người đã nói:

"Chúng không phải là tôi."
Này Ác ma, như vậy,
Ông có biết được chăng,
Cho đến ông không thấy,
Con đường của Ta đi.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

X. KINH THỐNG TRỊ (*Rajjasutta*) (*S*. I. 116)

156. Một thời, Thế Tôn ở Kosala, dưới chân Tuyết Sơn, tại một am thất nhỏ trong rừng.

Trong khi Thế Tôn thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Có thể chăng cai trị mà không giết hại, không để người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp?"

Rồi Ác ma, biết được tâm tư Thế Tôn như vậy, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp.

– Này Ác ma, ông thấy gì mà ông nói với Ta như vậy: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị không giết hại, không khiến người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sầu muộn, không khiến người sầu muộn một cách đúng pháp?"

– Bạch Thế Tôn, bốn như ý túc đã được Thế Tôn tu tập; làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Và bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn muốn Tuyết Sơn, vua các loài núi, trở thành vàng, Thế Tôn có thể quyết định như vậy, và ngọn núi có thể trở thành vàng.

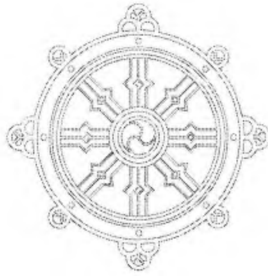
[Thế Tôn:]

Dầu cho cả ngọn núi,
Trở thành toàn vàng ròng,
Cho đến hóa gấp đôi,
Cũng không thỏa mãn được,
Tham vọng của một người.
Biết vậy để hành trì,
Ai thấy rõ đau khổ,
Và nguyên nhân đau khổ,
Làm sao người như vậy,
Có khuynh hướng ái dục?
Sau khi biết sanh y,[23]

[23] Xem *KS*. I. 9, n. 6.

Là ràng buộc ở đời,
Người biết vậy nên học,
Giải trừ mọi buộc ràng.

Rồi Ác ma biết được: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.



III. PHẨM THỨ BA (*TATIYAVAGGA*)

I. KINH ĐA SỐ (*Sambahulasutta*) (*S.* I. 117)

157. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa các vị Sakka, tại Silāvatī.

Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sống không xa Thế Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Rồi Ác ma biến hình thành một Bà-la-môn, với búi tóc lớn, mặc áo bằng da con linh dương, già yếu, lưng còm như xà nhà, hơi thở hổn hển,[24] tay cầm gậy bằng gỗ Udumbara, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo:

– Chư Đại đức xuất gia quá trẻ, niên thiếu, tóc còn đen nhánh,[25] trong tuổi thanh xuân, trong thời trẻ tuổi của tuổi đời, không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối.

– Này Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối và chạy theo hiện tại. Này Bà-la-môn, Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, tai họa ở đấy càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, và chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.

Khi nghe nói vậy, Ác ma cúi đầu,[26] le lưỡi,[27] trên trán hiện ra ba đường nhăn, quay lưng chống gậy bỏ đi.

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không xa Thế Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Rồi bạch Thế Tôn, một người Bà-la-môn, với búi tóc lớn, mặc áo bằng da con linh dương, già yếu, lưng còm như xà nhà, hơi thở hổn hển, tay cầm gậy bằng gỗ Udumbara, đi đến chúng con; sau khi đến, nói với chúng con như sau: "Chư Đại đức xuất gia quá trẻ, niên thiếu, tóc còn đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong thời trẻ tuổi của tuổi đời, không thọ hưởng các dục. Chư Đại đức hãy thọ hưởng các ái dục của con người, chớ có bỏ hiện tại để chạy theo những gì bị thời gian chi phối."

---

[24] *J.* I. 160 viết là ngáy.

[25] Xem *S.* I. 8 (kinh 20 ở trước).

[26] *SA.* I. 182 viết Ác ma cúi gằm mặt, cằm đụng vào ngực.

[27] Le lưỡi lên trên, xuống dưới, le lưỡi qua cả hai bên.

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, chúng con nói với Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ hiện tại và chạy theo những gì bị thời gian chi phối. Và này Bà-la-môn, chúng tôi bỏ những gì bị thời gian chi phối và chạy theo hiện tại. Này Bà-la-môn, Thế Tôn đã nói các dục bị thời gian chi phối, nhiều khổ đau, nhiều phiền não, tai họa ở đây càng nhiều hơn. Còn pháp này thuộc về hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng và chỉ người trí mới tự mình giác hiểu."

Khi nghe nói vậy, người Bà-la-môn ấy cúi đầu, le lưỡi, trên trán hiện ra ba đường nhăn, chống gậy rồi ra đi.

– Này các Tỷ-kheo, người ấy không phải là Bà-la-môn, chính là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các ông.

Rồi Thế Tôn biết được ý nghĩa này, ngay khi ấy nói lên bài kệ:

Ai thấy rõ khổ đau,
Và nguyên nhân đau khổ,
Làm sao người như vậy,
Có khuynh hướng các dục?
Sau khi biết sanh y,
Là ràng buộc ở đời,
Người biết vậy nên học,
Giải trừ mọi buộc ràng.

II. KINH SAMIDDHI (*Samiddhisutta*) (*S.* I. 119)

158. Một thời, Thế Tôn ở giữa các vị Sakka, tại Silāvatī.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi sống không xa Thế Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Rồi Tôn giả Samiddhi, trong khi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi những vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện pháp!"

Rồi Ác ma, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Tôn giả Samiddhi, liền đi đến Tôn giả Samiddhi. Sau khi đến, không xa Tôn giả Samiddhi, Ác ma hét lên tiếng hét to lớn, rùng rợn, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.[28]

Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con sống không xa Thế Tôn, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Bạch Thế Tôn, trong khi con thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là

[28] Xem *S.* I. 112 (kinh 153 ở trước).

bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi ta được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi các vị đồng Phạm hạnh với ta là những bậc trì giới và hành trì thiện pháp!" Khi ấy, bạch Thế Tôn, không xa con, một tiếng hét to lớn, rùng rợn khởi lên, khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.

– Này Samiddhi, không phải quả đất vỡ tung đâu. Đó là Ác ma đã đến để làm mờ mắt ông. Này Samiddhi, ông hãy đến tại chỗ ấy và sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

Lần thứ hai, Tôn giả Samiddhi tại chỗ ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Lần thứ hai, trong khi Tôn giả Samiddhi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi bậc Đạo sư của ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác! Thật lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta, khi... và hành trì thiện pháp!" Lần thứ hai, Ác ma biết được tư tưởng của Tôn giả Samiddhi... khiến người ta nghĩ như là quả đất vỡ tung.

Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Ta với lòng tín ngưỡng,
Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiền định.
Dầu ông tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo Samiddhi đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH GODHIKA (*Godhikasutta*) (*S*. I. 120)

159. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại Kāḷasilā.

Rồi Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát. Rồi Tôn giả Godhika lại thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy.

Lần thứ hai, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và chứng được Nhất thời tâm giải thoát. Và lần thứ hai, Tôn giả Godhika lại thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy.

Lần thứ ba, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

Lần thứ tư, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

Lần thứ năm, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

Lần thứ sáu,[29] Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát. Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika cũng thối thất Nhất thời tâm giải thoát ấy.

Lần thứ bảy, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được Nhất thời tâm giải thoát.

Rồi Tôn giả Godhika suy nghĩ: "Cho đến lần thứ sáu, ta bị thối thất Nhất thời tâm giải thoát. Vậy nay ta hãy đem lại con dao."[30]

Rồi Ác ma biết được tâm tư của Tôn giả Godhika, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Ôi, bậc Đại Anh Hùng!
Ôi, bậc Đại Trí Tuệ!
Ngài chói sáng hào quang,
Thần lực và danh xưng.
Ngài vượt qua tất cả
Mọi sân hận, hãi hùng,
Con chân thành đảnh lễ,
Dưới chân bậc Pháp Nhãn.

Ôi, bậc Đại Anh Hùng!
Bậc Chinh Phục Tử Thần!
Đệ tử Ngài muốn chết,
Đang suy nghĩ đến chết,
Ôi, bậc Chói Hào Quang!
Hãy ngăn chặn vị ấy.

Làm sao, bạch Thế Tôn,
Vị đệ tử của Ngài,
Hoan hỷ trong giáo lý,
Lại không chứng Hữu học,
Còn muốn đoạt mạng sống.
Ôi, danh vọng thế gian!

Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

Rồi Thế Tôn được biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Như vậy là sở hành,
Của bậc Đại Anh Hùng,
Không còn nuôi ước vọng,
Tạo thêm dòng sinh mạng,

[29] *Chú giải*: Vì sao vị ấy thối thất 6 lần? Vì bệnh nội thương.
[30] Ý chỉ cho việc tự tử, quyên sinh. Xem *Pss. Breth.* 214.

Đoạn tận ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.[31]

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến sườn núi Isigili, Kāḷasilā, tại chỗ thiện nam tử Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với một số đông Tỷ-kheo đi đến sườn núi Isigili, Kāḷasilā, và Thế Tôn thấy từ đằng xa, Tôn giả Godhika đang nằm trên giường, với hai vai mở rộng [bị thương hay co quắp lại].

Lúc bấy giờ, một làn khói đen đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy làn khói đen ấy đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy như vậy.

– Này các Tỷ-kheo, đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở đâu?" Và này các Tỷ-kheo, thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.

Rồi Ác ma tay cầm thất huyền cầm màu vàng, đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ:

Trên, dưới và bề ngang,
Bốn phương, các phương giữa,
Ta tìm nhưng không gặp,
Godhika đi đâu.

[Thế Tôn:]

Vị Anh hùng kiên chí,
Thường thiền lạc, thiền tư,
Ngày đêm đầy nhiệt tình,
Nhưng sự sống không tham,
Chiến thắng quân thần chết,
Tái sanh không đi đến,
Chinh phục ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.

Còn kẻ bị sầu muộn,
Từ nách rơi huyền cầm,
Dạ-xoa bị thất vọng,
Liền biến mất tại chỗ.

[31] Xem *S*. I. 15 (kinh 29 ở trước).

IV. KINH BẢY NĂM ĐI THEO (*Sattavassānubandhasutta*) (*S*. I. 122)

160. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā,[32] trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây Ajapāla Nigrodha.

Lúc bấy giờ, Ác ma đi theo Thế Tôn trong suốt bảy năm,[33] với hy vọng tìm cho được lỗi lầm, nhưng tìm không được.

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Với tâm tư sầu muộn,
Ngài thiền tư trong rừng,
Vì tài sản hao mòn,
Hay vì thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng,
Ngài đã gây tội phạm,
Sao Ngài không làm thân,
Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể,
Làm bạn với một ai?

[Thế Tôn:]

Mọi sầu căn nhổ sạch,
Không tội phạm, Ta thiền,
Không sầu muộn, Ta thiền.
Mọi hữu ái, đoạn tận,
Vô lậu, Ta thiền định,
Này bà con phóng dật!

[Ác ma:]

Sự vật được Ngài nói:
"Cái này là của tôi."
Và những người đã nói:
"Cái này chính là tôi."
Nếu ở đây móng ý,
Đối với sự vật ấy,
Như vậy này Sa-môn,
Ngài không thoát khỏi ta.

[Thế Tôn:]

Sự vật được ông nói:
"Cái này không của tôi."
Và những người đã nói:
"Họ không phải là tôi."

---

[32] Xem *S*. I. 103 (kinh 138 ở trước).

[33] *Chú giải*: Sáu năm trước khi thành đạo và một năm sau thành đạo.

Hãy hiểu biết như vậy,
Này kẻ Ác ma kia!
Cho đến ông không thấy,
Con đường của Ta đi.

[Ác ma:]

Nếu Ngài chứng ngộ được,
Đường an toàn bất tử,
Ngài hãy đi một mình,
Sao lại dạy người khác?

[Thế Tôn:]

Người đi đến bờ kia,
Họ hỏi nước bất tử,
Được hỏi, Ta trả lời,
Cảnh giới Vô dư y.

– Bạch Thế Tôn, ví như một hồ nước không xa làng hay thị trấn, tại đấy có một con cua.[34] Rồi bạch Thế Tôn, nhiều người con trai hay người con gái, từ làng hay thị trấn ấy đi ra, đi đến hồ nước ấy. Sau khi đến, họ kéo con cua ấy lên khỏi nước và đặt nó trên đất liền. Bạch Thế Tôn, khi nào con cua ấy thò ra cái càng nào, những người con trai hay những người con gái ấy, lấy gậy hay lấy miếng sành chặt đứt, bẻ gãy hay đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con cua ấy, với mọi càng bị chặt đứt, bẻ gãy, đập nát, không thể bò xuống hồ nước ấy nữa. Ví như lúc trước có những lộn xộn, mâu thuẫn, xuyên tạc gì đã được Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập nát. Và nay, bạch Thế Tôn, với hy vọng tìm cho được lỗi lầm, con không thể đến gần Thế Tôn được.

Rồi Ác ma, trước mặt Thế Tôn, trong nỗi niềm thất vọng, nói lên bài kệ này:

Như quạ liệng hư không,
Thấy đá như miếng mỡ,
Tưởng rằng sẽ tìm được,
Miếng gì mềm và ngon.
Không tìm được gì ngon,
Liền từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Thất vọng ta bỏ đi,
Giã từ Gotama.

V. KINH CON GÁI CỦA MA VƯƠNG (*Māradhītusutta*)[35] (*S.* I. 124)

161. Rồi Ác ma, sau khi nói lên những bài kệ ấy trước mặt Thế Tôn, từ chỗ ấy bỏ đi, rồi ngồi kiết-già trên đất, không xa Thế Tôn, im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, câm miệng, lấy chiếc gậy cào trên đất.

---

[34] Xem *M.* I. 234.

[35] Bản tiếng Anh của PTS: *The Daughters*, nghĩa là *Những người con gái*.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Ác ma; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Ác ma:

Cha thân yêu, sao cha
Lại thất vọng như vậy?
Vì ai, vì người nào,
Khiến cha phải sầu muộn?
Chúng con với ái dục,
Sử dụng như bẫy mồi,
Sẽ buộc chặt họ lại,
Như buộc chặt voi rừng,
Và dẫn họ đến cha,
Khiến họ quy phục cha.

[Ác ma:]

Bậc La-hán, Thiện Thệ,
Bậc Chánh Giác ở đời,
Không dễ dùng ái dục,
Khéo nhiếp phục vị ấy.
Vị ấy đã vượt qua,
Lãnh vực của Ác ma,
Do vậy ta sầu não,
Buồn phiền đến cực độ.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: "Sở thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta hãy biến hình thành một trăm thiếu nữ."

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục, sau khi biến hình thành từng trăm thiếu nữ, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi qua phía một bên và suy nghĩ như sau: "Sở thích của con người cao thấp khác nhau. Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm thiếu phụ chưa sanh con."

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục, sau khi biến thành từng trăm thiếu phụ chưa sanh con, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh một con. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh một con, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thưa Sa-môn, chúng con xin hầu hạ dưới chân Ngài.

Nhưng Thế Tôn không chú ý đến, vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh hai con. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ đã sanh hai con, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ trung niên. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm thiếu phụ trung niên, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái... Vậy chúng ta hãy biến hình thành từng trăm, từng trăm phụ nữ lớn tuổi. Rồi các ma nữ Khát Ái... sau khi biến hình thành từng trăm, từng trăm phụ nữ lớn tuổi, đi đến Thế Tôn... vì Ngài đã giải thoát vô thượng, đoạn tận mọi sanh y.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi qua một bên và nói như sau:

– Cha chúng ta nói rất đúng sự thật:

Bậc La-hán, Thiện Thệ,
Bậc Chánh Giác ở đời,
Không dễ dùng ái dục,
Khéo nhiếp phục vị ấy.
Vị ấy đã vượt qua,
Quyền lực của Ác ma,
Do vậy ta sầu não,
Buồn phiền đến cực độ.

Nếu chúng ta tấn công với phương tiện này, một Sa-môn hay Bà-la-môn nào chưa ly ái dục, người ấy sẽ bể tim, hay miệng hộc máu nóng, hay bị loạn tâm, hay bị cuồng ý. Ví như một cây lau xanh bị gặt hái sẽ héo hắt, khô cằn, tiều tụy; cũng vậy, người ấy sẽ héo hắt, khô cằn, tiều tụy.

Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, liền đứng một bên. Đứng một bên, ma nữ Khát Ái nói lên bài kệ[36] với Thế Tôn:

---

[36] Xem *S.* I. 122 (kinh 160 ở trước).

Với tâm tư sầu muộn,
Ngài thiền tư trong rừng,
Vì tài sản hao mòn,
Hay vì thèm tài sản?
Có thể tại xóm làng,
Ngài đã gây tội phạm,
Sao Ngài không làm thân
Với bà con xóm giềng?
Sao Ngài không có thể
Làm bạn với một ai?

[Thế Tôn:]

Với mục đích đạt thành,
Với thân tâm an tịnh,
Ta chiến thắng quân binh,
Hình sắc lạc, khả ái.
Ta độc tọa thiền tư,
Chứng ngộ chơn an lạc,
Do vậy giữa chúng sanh,
Ta không bạn một ai.
Làm bạn với một ai,
Đối với Ta không cần.

Rồi ma nữ Bất Lạc nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Làm sao vị Tỷ-kheo,
Sống giữa nhiều chướng ngại,
Đã vượt năm bộc lưu,
Lại gắng vượt thứ sáu?[37]
Làm sao thiền tư được,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị ấy,
Không bắt vị ấy được?

[Thế Tôn:]

Với thân được khinh an,
Với tâm khéo giải thoát,
Không còn các sở hành,[38]
Chánh niệm, không tham trước,
Biết rõ được Chánh pháp,
Không tầm, tu thiền định.

[37] Buddhaghosa giải thích là sự nguy hiểm do 5 căn và ý căn, hay do 5 hạ phần kiết sử và 5 thượng phần kiết sử.
[38] *Asaṅkharāna*: Không làm các hành động về thân, miệng, ý thuộc thế tục.

Không phẫn nộ, vọng niệm,
Không thụy miên, giải đãi,
Như vậy vị Tỷ-kheo,
Sống giữa nhiều chướng ngại,
Đã vượt năm bộc lưu,
Lại gắng vượt thứ sáu.
Như vậy tu thiền tư,
Giữa rất nhiều dục tưởng,
Được giữ ngoài vị ấy,
Không bắt vị ấy được.

Rồi ma nữ Tham Dục nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Đoạn tận được khát ái,
Sống giữa các chúng đoàn,
Phần lớn các chúng sanh,
Chắc chắn sẽ sống vậy.
Vị không tham trước này,
Sống từ bỏ đám đông,
Đoạn tận, dẫn quần sanh,
Thoát khỏi Ma vương quốc.

[Thế Tôn:]

Thật vậy, chư Đại Hùng,
Thật vậy, chư Như Lai,
Với Chơn vi diệu pháp,
Hướng dẫn mọi quần sanh.
Được Chánh pháp hướng dẫn,
Dầu có ganh tức gì,
Không thể không biết vậy.

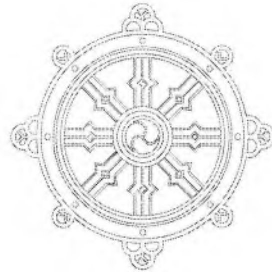
Rồi các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục đi đến Ác ma.

Và Ác ma thấy các ma nữ Khát Ái, Bất Lạc và Tham Dục từ xa đi lại. Thấy vậy, Ác ma liền nói lên bài kệ:

Các ngươi thật kẻ ngu,
Lấy cành sen phá đá,
Lấy móng tay đào núi,
Lấy răng nhai sắt thép.
Các ngươi thật giống người,
Lấy đầu húc đá tảng,
Cố gắng tìm chân đứng,
Trong vực thẳm thâm sâu.
Các ngươi thật giống người,
Lấy ngực đâm lao nhọn.

Thất vọng, các người đến,
Giã từ Gotama.

Trong áo xiêm lòe loẹt,
Con gái ma, chúng đến,
Khát Ái và Bất Lạc,
Cùng với nàng Tham Dục.
Bậc Đạo sư quét sạch,
Các con gái Ác ma,
Như thần gió quét sạch,
Các cây lá rơi rụng.



5. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO-NI
(*BHIKKHUNĪSAṂYUTTA*)

I. KINH ĀḶAVIKĀ (*Āḷavikāsutta*) (*S*. I. 128)

162. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tỷ-kheo-ni Āḷavikā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để tìm sự yên tĩnh viễn ly.

Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Āḷavikā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ yên tĩnh viễn ly, nên đi đến Tỷ-kheo-ni Āḷavikā và nói lên bài kệ:

Đời không có xuất ly,
Sống viễn ly làm gì?
Hãy trọn hưởng dục lạc,
Chớ hối hận về sau!

Tỷ-kheo-ni Āḷavikā suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Āḷavikā suy nghĩ: "Chính Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn làm ta từ bỏ yên tĩnh viễn ly nên đã nói lên bài kệ đó."

Tỷ-kheo-ni Āḷavikā biết được: "Đấy là Ác ma", liền nói lên bài kệ:

Ở đời có xuất ly,[1]
Nhờ trí tuệ, ta chứng.
Này bà con phóng dật,[2]
Biết sao được pháp ấy?[3]
Ái dục như kiếm thương,
Đài chém đầu các uẩn.
Điều ông gọi dục lạc,
Ta gọi là bất lạc.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Āḷavikā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

---

[1] *SA*. I. 189: *Nissaraṇanti nibbānaṃ* (Niết-bàn).
[2] Xem *S*. I. 122 (kinh 160 ở trước).
[3] *Padaṃ*: Con đường và đích đến.

II. KINH SOMĀ (*Somāsutta*) (*S*. I. 129)

163. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Somā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày. Sau khi đi sâu vào rừng, nàng ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Somā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Somā; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Somā:

Địa vị[4] khó chứng đạt,
Chỉ Thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt?

Tỷ-kheo-ni Somā suy nghĩ: "Ai đã nói bài kệ này? Người hay không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Somā suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm cho ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ đó."

Tỷ-kheo-ni Somā biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu?
Ai tự mình tìm hỏi:
"Ta, nữ nhân, nam nhân,
Hay ta là ai khác?"
Xứng nói chuyện Ác ma,
Ác ma thật cân xứng.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Somā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

III. KINH KISĀGOTAMĪ (*Kisāgotamīsutta*)[5] (*S*. I. 129)

164. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī,[6] vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī; sau khi đi đến, liền nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī:

---

[4] *Ṭhānaṃ* chỉ cho địa vị và cơ hội. Ngài Buddhaghosa giải thích là quả A-la-hán.
[5] Bản tiếng Anh của PTS viết *Gotamī*.
[6] Kisāgotamī, cô được đặt tên này vì lúc nhỏ cô rất ốm và thiếu máu.

Sao nàng như mất con,
Một mình, mặt ứa lệ.
Hay một mình vào rừng,
Để tìm đàn ông nào?

Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ đó."

Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Con hại đã qua rồi,
Đàn ông đã chấm dứt,
Ta không sầu, không khóc,
Ta sợ gì các ông?
Khắp nơi hỷ, ái đoạn,
Khối mê ám nát tan,
Chiến thắng quân thần chết,
Vô lậu, ta an trú.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Kisāgotamī đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IV. KINH VIJAYĀ (*Vijayāsutta*) (*S.* I. 130)

165. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Vijayā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Vijayā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi xuống dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Vijayā sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Vijayā; sau khi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vijayā:

Nàng vừa trẻ, vừa đẹp,
Ta vừa trẻ, vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Nàng cùng ta vui hưởng.

Tỷ-kheo-ni Vijayā suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Vijayā suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ đó."

Tỷ-kheo-ni Vijayā biết được: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,[7]
Làm cho ý đam mê,
Ta nhường lại Ác ma,
Ta đâu có cần chúng.
Với thân bất tịnh này,
Dễ hư hoại mong manh,
Ta bực phiền, tủi hổ,
Dục ái được đoạn tận.
Chúng sanh hưởng sắc giới,
Chúng vọng vô sắc giới,
Thiền chứng an tịnh ấy,[8]
Mọi nơi, mê ám diệt.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vijayā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

V. KINH UPPALAVAṆṆĀ (*Uppalavaṇṇāsutta*) (*S.* I. 131)

166. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā, vào buổi sáng, đắp y... và đứng dưới gốc cây Sa-la có trổ hoa.

Ác ma muốn làm cho Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā.

Sau khi đến, Ác ma nói lên bài kệ này với Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā:

Này nàng Tỷ-kheo-ni,
Dưới gốc cây Sa-la,
Đang nở nụ trăm hoa,
Nàng đến đứng một mình,
Nhan sắc nàng tuyệt đẹp,
Không ai dám sánh bằng!
Tại đây nàng đã đến,
Trong tư thế như vậy,
Nàng ngu dại kia ơi,
Không sợ cám dỗ sao?

Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay là không phải người?"

Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ đó."

---

[7] Xem *S.* I. 111 (kinh 151 ở trước).

[8] *Santā samāpatti.* Ngài Buddhaghosa giải thích rằng hành giả thành tựu tám tầng thiền này vẫn còn luân chuyển trong vòng sinh tử, vì chưa đạt được quả vị Vô sanh (A-la-hán).

Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời với bài kệ:

Trăm ngàn người cám dỗ,
Có đến đây như ông,
Mảy lông ta không động,
Ta không gì sợ hãi.
Ác ma, ta không sợ,
Ta đứng đây một mình.

Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng các ông.
Ta đứng giữa hàng mi,
Ông không thấy ta được.

Với tâm khéo nhiếp phục,
Thần túc khéo tu trì,
Ta thoát mọi trói buộc,
Ta đâu có sợ ông!

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VI. KINH CĀLĀ (*Cālāsutta*) (*S.* I. 132)

167. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Cālā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Cālā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Cālā; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo-ni Cālā:

– Này Tỷ-kheo-ni, nàng không vui thích gì?

– Này Hiền giả, ta không vui thích sanh.

[Ác-ma:]

Sao nàng không thích sanh?
Sanh ra được hưởng dục.
Ai dạy Tỷ-kheo-ni:
"Chớ có vui thích sanh"?

[Cālā:]

Sanh ra rồi phải chết,
Đã sanh thấy khổ đau,
Kiết sử trói gia hại,
Do vậy không thích sanh.
Đức Phật thuyết giảng pháp,
Khiến vượt khỏi tái sanh,
Đoạn trừ mọi khổ não,

Giúp ta trú chân thật.
Chúng sanh hưởng sắc giới,
Chúng vọng vô sắc giới,
Nếu không biết đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Cālā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VII. KINH UPACĀLĀ (*Upacālāsutta*) (*S*. I. 133)

168. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Tỷ-kheo-ni Upacālā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Upacālā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến và ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Upacālā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến, nói với Tỷ-kheo-ni Upacālā:

– Này Tỷ-kheo-ni, nàng muốn tái sanh tại chỗ nào?

– Ta không muốn tái sanh tại một chỗ nào cả, này ông.

[Ác-ma:]

Chư thiên Ba Mươi Ba,
Dạ-ma, Đâu-suất thiên,
Chư vị Hóa Lạc thiên,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Nàng hãy hướng tâm này,
Đến cảnh giới chư thiên,
Rồi nàng được tái sanh,
Hưởng an lạc cảnh ấy.

[Upacālā:]

Chư thiên Ba Mươi Ba,
Dạ-ma, Đâu-suất thiên,
Chư vị Hóa Lạc thiên,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Vì ái dục trói buộc,
Lại bị ma chinh phục.

Toàn thế giới cháy đỏ,
Toàn thế giới hỏa thiêu,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.

Không rung, không dao động,

Không hệ lụy, phàm phu,
Chỗ nào ma không đến,
Chỗ ấy ta vui thích.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Upacālā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH SĪSUPACĀLĀ (*Sīsupacālāsutta*) (*S*. I. 133)

169. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Sīsupacālā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Sīsupacālā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến và ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Rồi Ác ma đi đến Tỷ-kheo-ni Sīsupacālā; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo-ni Sīsupacālā:

– Này Tỷ-kheo-ni, nàng có thích thú tà giáo[9] của ai không?

– Này ông, ta không thích thú tà giáo của ai cả.

[Ác ma:]

Vì ai nàng trọc đầu,
Hiện tướng nữ Sa-môn?
Nàng không thích tà giáo,
Vậy nàng tu cho ai,
Này kẻ ngu muội kia?

[Sīsupacālā:]

Những kẻ tin tà kiến,
Thuộc ngoại đạo tà giáo,
Ta không thích pháp họ,
Ta không giỏi pháp họ.

Có dòng họ Thích-ca,
Đản sanh Phật vô tỷ,
Ngài chinh phục tất cả,
Ngài đại phá chúng ma,
Tại mọi chỗ, mọi nơi,
Không ai chiến thắng Ngài.
Ngài giải thoát hoàn toàn,
Không bị gì triền phược,
Bậc Pháp Nhãn thấy khắp.

Tất cả nghiệp đoạn diệt,
Giải thoát, diệt sanh y.

---

[9] *Pāsaṇḍa* có nguồn gốc chính xác từ *pāsā*, chỉ cho ngụy giáo như những cạm bẫy.

Thế Tôn, Đạo Sư ta,
Ta thích giáo pháp Ngài.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Sīsupacālā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

IX. KINH SELĀ (*Selāsutta*) (*S*. I. 134)

170. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Selā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Selā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Selā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến Tỷ-kheo-ni Selā. Sau khi đến, Ác ma nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Selā:

Bởi vì bong bóng này,[10]
Được tạo tác làm ra,
Ai là người sáng tạo,
Bong bóng như huyễn này?
Từ đâu bong bóng sanh?
Đi đâu bong bóng diệt?

Rồi Tỷ-kheo-ni Selā suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

Rồi Tỷ-kheo-ni Selā suy nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ ấy."

Rồi Tỷ-kheo-ni Selā được biết: "Đây là Ác ma", nên trả lời Ác ma với bài kệ:

Bong bóng như huyễn này,
Không phải tự ngã làm,
Sự vật bạc phước này,
Không phải người khác làm.
Do nhân duyên quy tụ,
Sự vật được hình thành.
Do nhân duyên tán ly,
Sự vật bị tiêu diệt.

Hột giống gieo vào ruộng,
Được nảy mầm, sinh lộc,
Khi nhiễm thấm cả hai,
Vị đất và khí ướt.

---

[10] *SA*. I. 194: *Bimbanti attabhāvaṃ sandhāya vadati* ("Hình dáng" là từ sự hợp thành cá nhân người ấy). Trong trường hợp này chỉ cho 5 uẩn.

Cũng vậy uẩn và giới,
Cùng với sáu xứ này,
Do nhân duyên quy tụ,
Chúng sẽ được hình thành.
Do nhân duyên tán ly,
Chúng bị hoại, tiêu diệt.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Selā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

X. KINH VAJIRĀ (*Vajirāsutta*) (*S*. I. 134)

171. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tỷ-kheo-ni Vajirā, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tỷ-kheo-ni Vajirā đi đến rừng Andha để nghỉ ban ngày; sau khi đi sâu vào rừng Andha, đến và ngồi dưới một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Vajirā run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến nàng từ bỏ thiền định, liền đi đến, nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Vajirā:

Do ai, hữu tình này,
Được sanh, được tạo tác?
Người tạo hữu tình này,
Hiện nay ở tại đâu?
Từ đâu hữu tình sanh?
Đi đâu hữu tình diệt?

Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirā suy nghĩ: "Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?"

Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirā lại suy nghĩ: "Chính là Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn khiến ta từ bỏ thiền định nên đã nói lên bài kệ này."

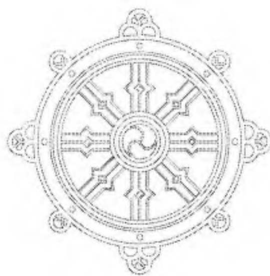
Rồi Tỷ-kheo-ni Vajirā biết được: "Đây là Ác ma", liền trả lời Ác ma với bài kệ:

Sao ông lại nói hoài,
Đến hai chữ chúng sanh?
Phải chăng, này Ác ma,
Ông rơi vào tà kiến?
Đây quy tụ các hành,
Chúng sanh được hình thành.

Như bộ phận quy tụ,
Tên xe được nói lên.
Cũng vậy, uẩn quy tụ,
Thông tục gọi chúng sanh.

Chỉ có khổ được sanh,
Khổ tồn tại, khổ diệt,
Ngoài khổ, không gì sanh,
Ngoài khổ, không gì diệt.

Rồi Ác ma biết được: "Tỷ-kheo-ni Vajirā đã biết ta", buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.



6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN
(*BRAHMASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH PHẠM THIÊN THỈNH CẦU (*Brahmāyācanasutta*)[1] (*S*. I. 136)

172. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Uruvelā,[2] trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo.

Rồi Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cư,[3] tư tưởng sau đây được khởi lên:

"Pháp này do Ta chứng được thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người có trí mới cảm nhận. Còn quần chúng này ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thì thật khó thấy định lý này, tức là Y tánh duyên khởi pháp. Thật khó thấy định lý này, tức là tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được từ bỏ, ái tận, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, như vậy thật mệt mỏi cho Ta,[4] như vậy thật bực phiền cho Ta."

Rồi những bài kệ vi diệu này, từ trước chưa từng được nghe, được Thế Tôn nói lên:

Pháp Ta chứng khó khăn,
Sao nay Ta nói lên?
Tham, sân chi phối ai,
Khó chứng ngộ pháp này.
Pháp này đi ngược dòng,
Vi diệu và thâm sâu,
Khó thấy, rất vi tế.
Những ai ưa ái dục,
Bị vô minh bao phủ,
Rất khó thấy pháp này.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *The Entreaty*, nghĩa là *Thỉnh cầu*.

[2] Xem *S*. I. 103 (kinh 137 ở trước). Kinh này giống với đoạn câu chuyện Phạm thiên trong *Vin*. I. 84f; gần giống với một đoạn trong kinh *D*. II. 29f.

[3] Ngài Buddhaghosa nói tuần thứ 8 sau khi đức Phật thành đạo.

[4] Đây có thể chỉ cho thân, vì đối với đức Phật, tâm không còn bị chán nản, mệt mỏi.

Thế Tôn với suy tư như vậy, tâm hướng về thụ động không muốn thuyết pháp.

Rồi Phạm thiên Sahampati biết được tâm tư Thế Tôn nhờ tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Thật sự thế giới bị tiêu diệt, thật sự thế giới bị diệt vong, nếu tâm Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hướng về thụ động, không muốn thuyết pháp!"

Rồi Phạm thiên Sahampati, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi thẳng; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại, nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe, những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp.

Phạm thiên Sahampati nói lên như vậy. Nói xong như vậy, vị ấy lại nói thêm như sau:

Tại xứ Magadha,
Thuở trước có hiện ra,
Tà pháp không thanh tịnh,
Do uế tâm sussy diễn.[5]
Mở cửa bất tử này,
Để họ được nghe pháp,
Do bậc Thánh vô uế,
Đã chơn chánh giác ngộ.

Như đứng trên tảng đá,
Tại đỉnh một núi cao,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình.
Cũng vậy, Ngài Thiện Thệ,
Leo lên lầu Chánh pháp,
Biến Nhãn không sầu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sầu khổ,
Bị sanh già áp bức.

Anh Hùng, hãy đứng lên,
Bậc ChiếnThắng Chiến Trường,
Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách,
Đấng Thoát Ly Nợ Nần,

[5] Theo Ngài Buddhaghosa, đây chỉ cho 6 ngoại đạo sư.

Thế Tôn hãy thuyết pháp,
Bộ hành khắp thế gian,
Có người nhờ được nghe,
Sẽ thâm hiểu diệu nghĩa.

Rồi Thế Tôn biết được lời thỉnh cầu của Phạm thiên, vì lòng thương xót đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn.

Thế Tôn trong khi nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Ví như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị làm vấy bẩn. Cũng vậy, Thế Tôn trong khi với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; một số thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của các hành động lỗi lầm.

Thấy vậy, Ngài trả lời cho Phạm thiên Sahampati với những bài kệ:

Hãy rộng mở cho họ,
Cửa trường sanh bất tử!
Hỡi những ai có tai,
Hãy giải thoát tà tín,
Ý thức sự nguy hại!
Ta sẽ có thuyết giảng
Pháp tốt đẹp vi diệu,
Giữa nhân loại, chúng sanh,
Ôi Phạm thiên Sahampati!

Rồi Phạm thiên Sahampati biết được: "Ta đã tạo ra cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", nên đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

II. KINH CUNG KÍNH (*Gāravasutta*) (*S*. I. 139)

173. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha, khi Ngài mới thành đạo.

Và Thế Tôn, trong khi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên:[6]

[6] *Chú giải*: Chỉ cho tuần thứ năm. Xem *S*. I. 136 (kinh 172 ở trước).

“Thật là khó khăn, sống không có cung kính, không có vâng lời! Vậy Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn.”

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: “Với mục đích làm cho đầy đủ Giới uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác! Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa các Sa-môn và Bà-la-môn, giữa loài trời hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với Giới uẩn cụ túc, tốt đẹp hơn Ta mà Ta có thể cung kính, tôn trọng và sống y chỉ.

Với mục đích làm cho đầy đủ Định uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác...

Với mục đích làm cho đầy đủ Tuệ uẩn chưa được đầy đủ...

Với mục đích làm cho đầy đủ Giải thoát uẩn chưa được đầy đủ...

Với mục đích làm cho đầy đủ Giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào một Sa-môn hay Bà-la-môn khác! Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, giữa loài trời hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với Giải thoát tri kiến uẩn tốt đẹp hơn Ta mà Ta có thể cung kính, tôn trọng và sống y chỉ.

Với pháp này, Ta đã được chánh đẳng giác, Ta hãy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ pháp này!”

Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

Rồi Phạm thiên Sahamapati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thế Tôn ấy cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào [Chánh] pháp. Bạch Thế Tôn, trong thời vị lai, các vị ấy sẽ thành A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Thế Tôn ấy sẽ cung kính, tôn trọng và sẽ sống y chỉ vào [Chánh] pháp. Bạch Thế Tôn, mong rằng trong thời hiện tại, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác cũng cung kính, tôn trọng và sống y chỉ vào [Chánh] pháp.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy; sau khi nói như vậy, lại nói thêm như sau:

Chư Phật thời quá khứ,
Chư Phật thời vị lai,
Và đức Phật hiện tại,
Đoạn sầu muộn nhiều người.

Tất cả các vị ấy,
Đã, đang và sẽ sống,

Cung kính và tôn trọng,
Pháp chơn chánh vi diệu.
Pháp nhĩ là như vậy,
Đối với chư Phật-đà.

Do vậy muốn lợi ích,
Ước vọng làm đại nhân.
Hãy cung kính, tôn trọng
Pháp chơn chánh vi diệu.
Hãy ghi nhớ giáo pháp
Chư Phật Chánh Đẳng Giác!

III. KINH BRAHMADEVA (*Brahmadevasutta*) (*S.* I. 141)

174. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, con một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Brahmadeva sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng đắc, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Và Tôn giả Brahmadeva trở thành một vị A-la-hán.

Rồi Tôn giả Brahmadeva, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Trong khi bộ hành thứ lớp khất thực ở Sāvatthi, Tôn giả Brahmadeva đi đến nhà người mẹ của mình.

Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên.

Rồi Phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva này thường làm lễ cúng dường Phạm thiên. Vậy ta hãy đến bà ấy và làm cho bà chấn động."

Rồi Phạm thiên Sahampati, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trong nhà mẹ Tôn giả Brahmadeva.

Rồi Phạm thiên Sahampati đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này với nữ Bà-la-môn, mẹ Tôn giả Brahmadeva:

Ôi! Nữ Bà-la-môn,
Phạm thiên giới rất xa,
Chính bà thường cúng dường,
Cho chính Phạm thiên ấy.

Món cúng dường như vậy,
Không món ăn Phạm thiên.
Người bập bẹ làm gì,
Chưa biết Phạm thiên đạo?[7]

Này nữ Bà-la-môn,
Brahmadeva này,
Là con trai của bà,
Ngài đoạn mọi sanh y,
Chứng pháp siêu thiên giới,
Khất sĩ, không sở hữu,
Không nuôi dưỡng một ai.
Vị ấy nay đã đến,
Nhà bà để khất thực,
Xứng đáng được cúng dường,
Thâm hiểu các Thánh điển,
Các căn khéo tu tập,
Nhơn, thiên xứng cúng dường.

Vất ngoài mọi tà ác,
Thoát ly mọi nhiễm ô,
Ngài đi, tìm độ thực,
Lắng dịu mọi ưu phiền.
Về sau, Ngài không có,
Về trước, Ngài cũng không.
Vắng lặng, không mù quáng,
Không phiền, không đắm say.
Ngài bỏ rơi gậy gộc,
Đối kẻ yếu, người mạnh.
Mong Ngài được thọ hưởng,
Món thượng vị bà dâng.

Không bị ác quân phá,
Tâm tư thuần lắng dịu.
Như voi thuần, Ngài đi,
Thoát ly mọi ái dục.
Vị Tỷ-kheo trì giới,
Tâm tư khéo giải thoát,
Hãy mời Ngài thọ hưởng,
Thượng vị bà cúng dường.

---

[7] Theo *Chú giải*, các vị Phạm thiên sống được nhờ Hoan Hỷ thiền (*Sappītikajjhānena*) và con đường chứng được thế giới của họ là Thiện thiền (*Kusalajjhānāni*). Xem *S.* I. 113 (kinh 154 ở trước).

Bà hãy dâng cúng dường,
Lên Ngài, bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng bà cúng dường.
Hãy làm điều phước đức,
Dành an lạc đời sau.

Này nữ Bà-la-môn,
Nay bà đã thấy Ngài.
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lưu.[8]

Bà hãy dâng cúng dường
Lên Ngài, bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng bà cúng dường.
Bà đã làm công đức,
Dành an lạc đời sau.

Này nữ Bà-la-môn,
Nay bà đã thấy Ngài,
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lưu.

IV. KINH PHẠM THIÊN BAKA (*Bakabrahmasutta*) (*S*. I. 142)

175. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Phạm thiên Baka[9] khởi lên ác tà kiến như sau: "Đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khác."

Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên Baka. Như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana (Thắng Lâm) và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

Phạm thiên Baka thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Hãy đến đây, Tôn giả! Đón chào mừng Tôn giả! Thưa Tôn giả, đã từ lâu Tôn giả tạo ra cơ hội này, tức là đến đây. Thưa Tôn giả, đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khác hơn.

[8] Xem *S*. I. 1 (kinh 1 ở trước).
[9] Xem *M*. I. 328.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Phạm thiên Baka:

– Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ở đây, cái vô thường lại nói là thường. Cái không thường hằng lại nói là thường hằng. Cái không thường trú lại nói là thường trú. Cái không viên mãn lại nói là viên mãn. Cái không bất động lại nói là bất động. Và ở đây có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi; lại nói ở đây không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và có pháp giải thoát khác nữa, lại nói là không có pháp giải thoát nào khác.

[Baka:]

Này Ngài Gotama,
Bảy hai công đức nghiệp,
Chúng ta ngự thế giới,
Chinh phục sanh và già,
Đây đời sống cuối cùng,
Thâm hiểu Thánh Vệ-đà,
Đạt được Phạm thiên vị,
Nhiều người lễ bái[10] ta.

[Thế Tôn:]

Ngắn thay đời sống này,
Thọ mạng đâu có dài,
Chỉ có ông, Baka,
Nghĩ rằng thọ mạng dài.
Ta biết thọ mạng ông,
Này Brahmā như vậy,
Khoảng trăm ngàn năm dư.[11]

[Baka:]

Nếu Ngài là Thế Tôn,
Thấy được sự bất tận,
Ngài vượt qua, chinh phục,
Sanh già và sầu muộn,
Giới hạnh thuở xưa ấy,
Nào ích gì cho con,
Hãy nói lên cho con,
Để con biết rõ ràng.

[Thế Tôn:]

Có khá đông, nhiều người,
Khát nước và nhiệt não,
Quá khứ ông cho uống,

---

[10] *Asmābhijappanti*: Chắp tay hướng về chúng tôi, tán thán và mong được như chúng tôi.
[11] *Nirabbuda*: Một con số rất lớn.

Và cứu độ nhiều người.
Chính giới ấy, hạnh ấy
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

Tại bờ sông Sơn Dương,
Khi quần chúng bị bắt,
Ông giải thoát cho họ,
Ông dắt trốn kẻ tù.
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

Khi giữa dòng sông Hằng,
Có thuyền bị công hãm,
Bởi loại rắn bạo ngược,
Muốn nuốt sống loài người,
Với sức mạnh thần lực,
Ông chinh phục, giải cứu.
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

Ta với tên Kappa,
Một thời đệ tử ông,
Ta được ông xác nhận,
Bậc thông minh trí tuệ.
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

[Baka:]

Chắc chắn Ngài được biết,
Thọ sanh con như vậy,
Ngài cũng biết người khác,
Vì Ngài, bậc Giác Ngộ.
Như vậy oai đức Ngài,
Chói sáng là như vậy,
Hào quang Ngài sáng chói,
An trú Phạm thiên giới.

V. KINH MỘT VỊ PHẠM THIÊN KHÁC (*Aññatarabrahmasutta*)[12] (*S.* I. 144)

176. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, một Phạm thiên khác có khởi lên một ác tà kiến như sau: "Không một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể đến ở đây."

Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên ấy. Như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra trong Phạm thiên giới ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna[13] khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở đâu?"

Mahāmoggallāna, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi kiết-già giữa hư không về phía Đông, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn, toàn thân phun lửa.

Rồi Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở đâu?" Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Mahākassapa thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana, hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahākassapa ngồi kiết-già giữa hư không về phía Nam, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn, toàn thân phun lửa.

Rồi Mahākappina (Đại Kiếp-tân-na) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở đâu?"

Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Mahākappina thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Mahākappina ngồi kiết-già giữa hư không về phía Tây, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn, toàn thân phun lửa.

Rồi Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà) khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang trú ở đâu?" Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Tôn giả Anuruddha thấy Thế Tôn đang ngồi kiết-già giữa hư không, trên đầu Phạm thiên ấy, toàn thân phun lửa. Thấy vậy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang

---

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Another False Opinion*, nghĩa là *Tà kiến khác*.

[13] Bốn vị đệ tử thượng thặng, về thần lực - Mahāmoggallāna, khổ hạnh - Mahākassapa, thuyết pháp - Mahākappina và Thiên nhãn - Anuruddha.

duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Rồi Tôn giả Anuraddha ngồi kiết-già giữa hư không về phía Bắc, trên đầu vị Phạm thiên ấy, phía dưới Thế Tôn, toàn thân phun lửa.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói lên bài kệ với Phạm thiên ấy:

Này Hiền giả, hôm nay,
Người còn giữ tà kiến
Như tà kiến của ông,
Đã gìn giữ thời xưa.
Ông có thấy hào quang
Siêu việt Phạm thiên giới?

[Phạm thiên:]

Này thân hữu, nay tôi,
Không còn giữ tà kiến,
Như tà kiến của tôi,
Đã gìn giữ thời xưa.
Tôi có thấy hào quang,
Siêu việt Phạm thiên giới,
Làm sao tôi chấp nhận:
"Tôi là thường, là hằng!"

Rồi Thế Tôn, sau khi làm cho Phạm thiên ấy dao động, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất tại Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Jetavana.

Rồi Phạm thiên ấy gọi một Phạm thiên chúng:

– Này Tôn giả, hãy đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahāmoggallāna: "Thưa Tôn giả Moggallāna, bậc Thế Tôn ấy có những vị đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả Moggallāna, Kassapa, Kappina và Anuruddha?"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Phạm thiên chúng ấy vâng đáp Phạm thiên ấy và đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna.

Sau khi đến, vị ấy thưa với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Thưa Tôn giả Moggallāna, bậc Thế Tôn ấy có những đệ tử nào khác, cũng có thần lực, cũng có uy đức như các Tôn giả Moggallāna, Kassapa, Kappina, Anuruddha?

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói lên bài kệ với Phạm thiên chúng ấy:

Chứng Ba minh thần lực,
Khéo đọc hiểu tâm người,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Đệ tử Phật rất nhiều.

Rồi Phạm thiên chúng ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahāmoggallāna nói, đi đến Đại Phạm thiên; sau khi đến, nói với vị Đại Phạm thiên ấy:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

Chứng Ba minh thần lực,
Khéo đọc hiểu tâm người,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Đệ tử Phật rất nhiều.

Phạm thiên chúng ấy nói như vậy. Vị Đại Phạm thiên kia hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên chúng ấy.

VI. KINH PHẠM THIÊN GIỚI (*Brahmalokasutta*)[14] (*S*. I. 146)

177. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

Rồi hai Bích-chi Phạm thiên Subrahmā và Suddhāvāsa đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, họ đứng mỗi người dựa vào một cột cửa.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā nói với Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa:

– Này Tôn giả, nay không phải thời để hầu thăm Thế Tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh vào buổi trưa. Và có một Phạm thiên giới phồn vinh và thịnh vượng, tại đấy có Phạm thiên an trú, sống phóng dật. Này Tôn giả, hãy đi đến Phạm thiên giới ấy; sau khi đến, hãy làm cho Phạm thiên ấy dao động.

– Thưa vâng, thân hữu.

Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa vâng đáp Bích-chi Phạm thiên Subrahmā.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā và Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa, như một lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, các vị này biến mất trước mặt Thế Tôn và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

Phạm thiên này thấy các Phạm thiên kia từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với các vị Phạm thiên kia:

– Này chư Tôn giả, chư Tôn giả từ đâu đến?

– Này Tôn giả, chúng tôi đến, sau khi được diện kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này Tôn giả, Tôn giả nên đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Khi nghe nói vậy, Phạm thiên này không để ý đến lời nói ấy, tự mình biến hình thành một ngàn thân, rồi nói với Bích-chi Phạm thiên Subrahmā:

– Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

– Này Tôn giả, ta có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

– Này Tôn giả, thần lực và uy đức của ta như vậy, thời ta còn phải đi hầu thăm một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác để làm gì?

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Infatuation*, nghĩa là *Phóng dật*.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā tự thân biến hình thành hai ngàn thân rồi nói với Phạm thiên kia:

– Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

– Này Tôn giả, tôi có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

– Này Tôn giả, Thế Tôn có đại thần lực và đại uy đức, thắng hơn ông và ta nữa. Này Tôn giả, Tôn giả hãy đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

Rồi Phạm thiên kia nói lên bài kệ với Bích-chi Phạm thiên Subrahmā:

Ba hàng Kim Sí điểu,[15]
Và bốn hàng thiên nga,
Năm hàng trăm hổ cái
Rực rỡ và sáng chói,
Cung điện này chiếu diệu,
Bừng sáng cả Bắc phương.

[Bích-chi Phạm thiên Subrahmā:]

Dầu cho cung điện ông,
Rực rỡ và chói sáng,
Chiếu diệu cả vòm trời,
Bừng sáng cả Bắc phương.
Bậc Thiện Thệ sáng suốt,
Thấy nguy hiểm trong sắc,
Luôn luôn phải biến hoại,
Nên không ái lạc sắc.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā và Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa, sau khi làm vị Phạm thiên ấy dao động, liền biến mất tại chỗ ấy.

Và vị Phạm thiên ấy, sau một thời gian, đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

VII. KINH KOKĀLIKA (*Kokālikasutta*) (*S.* I. 148)

178. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā và Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā, vì Tỷ-kheo Kokālika nói lên bài kệ trước mặt Thế Tôn:

Ai là người có trí,
Biết nhận xét phân tích,
Lại muốn đem ước lượng,
Bậc siêu vượt ước lượng?

---

[15] Kim Sí điểu (*Supaṇṇā*), một loại Thần điểu (*Garuḷa*, *Garuḍa*).

Ta nghĩ kẻ phàm phu,
Bị hạn chế bao vây,
Làm sao ước lượng được,
Bậc siêu vượt ước lượng?

VIII. KINH KATAMODAKA TISSA (*Katamodakatissasutta*) (*S*. I. 148)

179. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā và Bích-chi Phạm thiên Suddhāvāsa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmā vì Tỷ-kheo Katamodaka Tissa nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Ai là người có trí,
Biết nhận xét phân tích,
Lại muốn đem ước lượng,
Bậc siêu vượt ước lượng?
Ta nghĩ người vô trí,
Bị hạn chế bao vây,
Làm sao ước lượng được,
Bậc siêu vượt ước lượng?

IX. KINH PHẠM THIÊN TURŪ (*Turūbrahmasutta*)[16] (*S*. I. 149)

180. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Kokālika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

Rồi Bích-chi Phạm thiên Turū khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokālika.

Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokālika:

– Này Kokālika, hãy đặt tin tưởng vào Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có giới hạnh tốt!

– Ông là ai, này Hiền giả?

– Ta là Bích-chi Phạm thiên Turū.

– Này Hiền giả, phải chăng ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả Bất lai. Vậy ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của ông như thế nào?

[Turū:]

Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.

---

[16] Còn được gọi là Bà-la-môn Tudu. Bản tiếng Anh của PTS, SuttaCentral.net, DPPN đều viết Brahma Tudu.

Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình.
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.

Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!
Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.

Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.

X. KINH KOKĀLIKA (*Kokālikasutta*) (*S*. I. 149)

181. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Tỷ-kheo Kokālika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kokālika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sāriputta và Moggallāna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokālika:

– Này Kokālika, chớ có nói như vậy! Này Kokālika, chớ có nói như vậy! Này Kokālika, hãy đặt tin tưởng vào Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có giới hạnh tốt![17]

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokālika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy nhưng Sāriputta và Moggallāna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

[17] *SA*. I. 215: *Pesalāti piyasīlā*, có nghĩa là từ ái trong giới hạnh.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokālika:

– Này Kokālika, chớ có nói như vậy! Này Kokālika, chớ có nói như vậy! Này Kokālika, hãy đặt tin tưởng vào Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có giới hạnh tốt!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokālika bạch Thế Tôn:

– ... Họ bị ác dục chi phối.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tỷ-kheo Kokālika:

– ... Sāriputta và Moggallāna có giới hạnh tốt!

Rồi Tỷ-kheo Kokālika từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

Tỷ-kheo Kokālika ra đi không được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụt nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh. Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn. Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng hột Kolaṭṭhi (hột cây Jujube, cây táo). Từ hột Kolaṭṭhi, chúng lớn lên bằng hột Kolama. Từ hột Kolama, chúng lớn lên bằng hột Āmala. Từ quả Āmala, chúng lớn lên bằng quả Beḷuva chưa chín. Từ quả Beḷuva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả Billa. Từ hình lớn bằng quả Billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mủ.

Rồi Tỷ-kheo Kokālika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokālika sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sāriputta và Moggallāna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung, Tỷ-kheo Kokālika phải sanh vào địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sāriputta và Moggallāna.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung. Và bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sāriputta và Moggallāna." Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ ấy.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng?

– Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

– Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng một ví dụ?

Thế Tôn đáp:

– Có thể được, này Tỷ-kheo. Này Tỷ-kheo, ví như có một bao hột đậu mè, nặng hai mươi khārika,[18] theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi khārika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao hụt do phương tiện ấy, so sánh [với tuổi thọ] ở địa ngục Abhuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abhuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ababa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ababa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Aṭaṭa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Aṭaṭa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ahaha. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục Kumuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Xanh (Uppala). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Trắng (Puṇḍarīka). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen Trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng. Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokālika sanh tại địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với tôn giả Sāriputta và Moggallāna.

Thế Tôn giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ giảng xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.

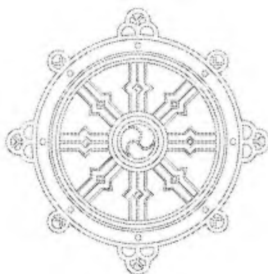
Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do nơi miệng của mình.
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.

Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,

[18] Theo *Chú giải*, đây là một đơn vị đo lường. Kosala từ 1 patha trở lên, gấp 4 lần sự đo lường Magadha, 20 khārika = 1 khāri, hay sức chở của xe đầy đậu mè.

Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!
Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.

Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH SANAṄKUMĀRA (*Sanaṅkumārasutta*) (*S*. I. 153)

182. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), trên bờ sông Sappinī.

Rồi Phạm thiên Sanaṅkumāra (Thường Hình Đồng tử), khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng bờ sông Sappinī, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sanaṅkumāra nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Sát-đế-lỵ tối thắng,
Giữa người tin giai cấp.
Vị đầy đủ trí, đức,
Tối thắng giữa nhơn, thiên.[19]

Phạm thiên Sanaṅkumāra nói như vậy và bậc Đạo sư chấp nhận.

Rồi Phạm thiên Sanaṅkumāra biết được: "Thế Tôn đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy.

II. KINH DEVADATTA (*Devadattasutta*) (*S*. I. 153)

183. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, trên núi Linh Thứu, khi Devadatta bỏ đi không bao lâu.[20]

Rồi Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Devadatta:

Cây chuối bị trái giết,
Cũng vậy cây tre, lau.
Danh vọng giết kẻ ác,
Như thai giết con la.[21]

III. KINH ANDHAKAVINDA (*Andhakavindasutta*) (*S*. I. 154)

184. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi ở ngoài trời, trong bóng đêm, trong khi trời mưa từng hột một.

---

[19] Xem *D*. III. 93; *M*. I. 358.

[20] Devadatta đưa 500 Tỷ-kheo đi cùng đến Gayāsīsa. Xem *Vin*. III. 256.

[21] *Assatarī*. Xem *S*. II. 241; *A*. II. 73.

Rồi Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Andhakavinda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng!
Hãy sống đời giải thoát,
Từ bỏ các kiết sử!
Nếu tại đấy không đạt
Điều ông ưa, ông thích,
Hãy sống giữa chúng Tăng,
Hộ trì, giữ chánh niệm,
Và bộ hành khất thực,
Nhà này đến nhà khác,
Các căn được hộ trì,
Thận trọng, giữ chánh niệm!
Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng,
Thoát ly mọi sợ hãi,
Vô úy, sống giải thoát!
Những chỗ có rắn độc,
Có điện chớp, sấm vang,
Trong đêm đen tối mịt,
Vị Tỷ-kheo lặng ngồi,
Không run, không hoảng sợ,
Lông tóc không dựng ngược,
Chính mắt con thấy vậy,
Không phải chỉ nghe đồn.
Chính trong một Phạm hạnh,
Ngàn người thoát tử thần,
Hơn năm trăm Hữu học,
Mười, mười lần một trăm,
Tất cả chúng Dự lưu,
Khỏi sanh loại bàng sanh.
Còn các vị còn lại,
Theo con đều hưởng phước,[22]
Con đếm không kể xiết,
Sợ rơi vào vọng ngữ.

---

[22] Những vị này tuy chưa đạt được quả vị Nhập lưu nhưng nhờ thân cận với các vị đã đạt được quả vị Nhập lưu nên cũng có công đức.

IV. KINH ARUṆAVATĪ (*Aruṇavatīsutta*) (*S*. I. 155)

185. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthī...

Ở đấy, Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là Aruṇavā. Này các Tỷ-kheo, kinh đô Vua Aruṇavā này tên là Aruṇavatī. Này các Tỷ-kheo, gần kinh đô Aruṇavatī, Thế Tôn Sikhī,[23] bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác an trú.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử xuất chúng, thượng túc, tên là Abhibhū và Sambhava.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi Tỷ-kheo Abhibhū:

"Này Bà-la-môn, chúng ta hãy đi đến một Phạm thiên giới cho đến thời dùng bữa ăn."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhū vâng đáp Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác và Tỷ-kheo Abhibhū, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, hai vị biến mất ở kinh đô Aruṇavatī và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhū:

"Này Bà-la-môn, hãy nói bài pháp cho Phạm thiên này, cho Phạm Phụ thiên và cho Phạm Chúng thiên."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Tỷ-kheo Abhibhū vâng đáp Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuyên thuyết bài pháp cho Phạm thiên ấy, cho Phạm Phụ thiên và cho Phạm Chúng thiên, khích lệ, làm cho họ phấn khởi, làm cho họ hoan hỷ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên cảm thấy xúc phạm, bực bội, tức tối và nói rằng: "Thật là chưa từng thấy, thật là kỳ lạ! Làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo sư?"

Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhū: "Này Bà-la-môn, Phạm thiên, Phạm Phụ thiên, và Phạm Chúng thiên ấy cảm thấy xúc phạm, bực bội, tức tối, nói rằng: 'Thật là chưa

[23] Đức Phật thứ hai trong bảy đức Phật.

từng thấy, thật là kỳ lạ! Làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo sư?' Vậy này Bà-la-môn, hãy làm cho Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên càng dao động bội phần hơn nữa."

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhū vâng đáp Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hiện thân thuyết pháp, tàng thân thuyết pháp, hiện nửa thân dưới không hiện nửa thân trên thuyết pháp, hiện nửa thân trên không hiện nửa thân giữa thuyết pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên, tâm khởi lên hy hữu, kỳ diệu nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là kỳ diệu, đại thần lực và đại uy lực của vị Sa-môn!"

Rồi Tỷ-kheo Abhibhū bạch Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, con xác nhận đã nói lời này giữa chúng Tỷ-kheo: 'Này chư Hiền giả, đứng ở Phạm thiên giới, tôi có thể khiến cho ngàn thế giới nghe được tiếng của tôi.'"

"Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn, ông hãy đứng ở Phạm thiên giới và làm cho ngàn thế giới nghe được tiếng nói của ông!"

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhū vâng đáp Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đứng ở Phạm thiên giới và nói lên bài kệ này:

Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dấn thân Phật giáo,
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chòi lá!
Ai trong Pháp, Luật này,
An trú, không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo Abhibhū, sau khi làm cho Phạm thiên, Phạm Phụ thiên và Phạm Chúng thiên dao động, như lực sĩ... biến mất ở Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Aruṇavatī.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác gọi các vị Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo, các ông có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới nói lên không?"

"Bạch Thế Tôn, chúng con có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

"Này các Tỷ-kheo, như thế nào các ông nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên?"

"Bạch Thế Tôn, chúng con nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên như sau:

Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dấn thân Phật giáo,
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chòi lá!
Ai trong Pháp, Luật này,
An trú, không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau.

Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con đã nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

"Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các ông đã được nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhū đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

Thế Tôn đã nói như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

V. KINH BÁT-NIẾT-BÀN (*Parinibbānasutta*) (*S.* I. 157)

186. Một thời, Thế Tôn ở Kusinārā, tại Upavattana, trong rừng cây Sa-la, giữa dân chúng Mallā, giữa hai cây Sa-la trong khi Ngài nhập Niết-bàn.

Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên các ông, hãy tinh tấn, chớ phóng dật! Các pháp hữu vi là vô thường. Đây là những lời cuối cùng của Như Lai.

Rồi Thế Tôn vào định Sơ thiền. Ra Sơ thiền, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tư, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Diệt thọ tưởng định.

Ra Diệt thọ tưởng định, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tư, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Sơ thiền. Ra Sơ thiền, Ngài vào Thiền thứ hai. Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba. Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ tư. Ra Thiền thứ tư, Thế Tôn liền nhập diệt.[24]

Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Phạm thiên Brahmā nói lên bài kệ:

[24] Xem *D.* 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*). Điểm sai khác là không nói đến quả đất rung động, và trong kinh này, Ngài Ānanda nói trước Ngài Anuruddha.

Mọi sinh vật ở đời,
Từ bỏ thân năm uẩn,
Bậc Đạo Sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt Luân trên đời,
Như Lai, đấng Hùng Lực,[25]
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.

Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ:

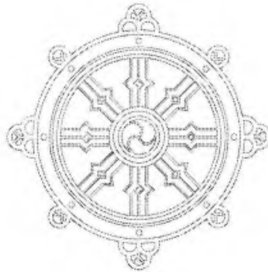
Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Tịnh chỉ chúng, an lạc.

Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Tôn giả Ānanda nói lên bài kệ:

Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật lông tóc dựng ngược,
Bậc Thắng Tướng đầy đủ,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt!

Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Tôn giả Anuruddha (A-nậu-lâu-đa) nói lên bài kệ:

Không thở ra, thở vào,
Tâm trú vào chánh định,
Không tham ái, tịch tịnh,
Bậc Biến Nhãn diệt độ.
Với tâm an, bất động,
Ngài cảm thọ lâm chung,
Như đèn sáng chợt tắt,
Tâm giải thoát Niết-bàn.



---

[25] Xem *S.* I. 113 (kinh 154 ở trước).

7. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN
(*BRĀHMAṆASAṂYUTTA*)

I. PHẨM A-LA-HÁN (*ARAHANTAVAGGA*)

I. KINH DHANAÑJĀNĪ (*Dhanañjānīsutta*) (*S*. I. 160)

187. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn Dhanañjānī, vợ một người Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, có lòng tín thành đối với Phật, Pháp và Tăng.

Rồi nữ Bà-la-môn Dhanañjānī, trong khi bưng cơm cho Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, hứng khởi thốt lên ba lần lời cảm hứng:

"Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!"

"Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!"

"Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác!"

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja nói với nữ Bà-la-môn Dhanañjānī:

– Như vậy, trong mọi thời, mọi dịp, kẻ hạ tiện này nói lời tán thán vị Sa-môn trọc đầu ấy. Này kẻ hạ tiện kia, ta sẽ luận phá bậc Đạo sư của ngươi.

– Thưa Bà-la-môn, tôi thấy trong thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn hay Bà-la-môn, giữa chư thiên hay loài người, không một ai có thể luận phá Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy này Bà-la-môn, ông hãy đi. Sau khi đi, ông sẽ biết.

Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja nói lên bài kệ[1] với Thế Tôn:

> Đoạn vật gì được lạc?
> Đoạn vật gì không sầu?
> Có một pháp loại gì,

---

[1] Các bài kệ này được nói đến ở trên, *S*. I. 41 (kinh 71 ở trước); *S*. I. 47 (kinh 84 ở trước).

Ngài tán đồng đoạn dứt,
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phẫn nộ, được lạc
Đoạn phẫn nộ, không sầu,
Phẫn nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy, bậc Hiền Thánh,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy, không sầu,
Này Bà-la-môn kia.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia với Tôn giả, xin cho con được thọ Đại giới!

Và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới.

Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa."

Và Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. KINH PHỈ BÁNG (*Akkosasutta*) (*S*. I. 161)

188. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Ông phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja:

– Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm ông không?

– Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm tôi.

– Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Ông có sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm không?

– Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm.

– Nhưng này Bà-la-môn, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về ai?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về lại chúng tôi.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng, nhiếc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng, gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn, chúng tôi không thâu nhận sự việc ấy từ ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông. Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại ông. Này Bà-la-môn, ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn, thời như vậy, này Bà-la-môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông! Này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại ông!

[Thế Tôn:]

Với vị không phẫn nộ,
Phẫn nộ từ đâu đến?
Sống chế ngự, Chánh mạng,
Giải thoát nhờ Chánh trí,
Vị ấy sống như vậy,
Đời sống được tịch tịnh.

Những ai phẫn nộ lại,
Kẻ đã phẫn nộ mình,
Do việc phẫn nộ ấy,
Ác hại nặng nề hơn.

Ai không phẫn nộ lại,
Kẻ đã phẫn nộ mình,
Người ấy đủ thắng trận,
Một trận rất khó thắng.

Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người,
Và kẻ đã phẫn nộ,
Tự hiểu, lắng nguôi dần.

Bậc Y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người.

Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama và được thọ Đại giới.

Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama và được thọ Đại giới.

Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Akkosaka Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa."

Và Tôn giả Akkosaka Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. KINH ASURINDAKA (*Asurindakasutta*) (*S.* I. 163)

189. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Bà-la-môn Asurindaka Bhāradvāja nghe như sau: "Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Phẫn nộ, không hoan hỷ, vị ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Rồi Bà-la-môn Asurindaka Bhāradvāja nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, ông đã bị chinh phục! Này Sa-môn, ông đã bị chinh phục!

[Thế Tôn:]

Kẻ ngu nghĩ mình thắng,
Khi nói lời ác ngữ,
Ai biết chịu kham nhẫn,
Kẻ ấy thật thắng trận.

Những ai phẫn nộ lại,
Kẻ đã phẫn nộ mình,

Do việc phẫn nộ ấy,
Ác hại nặng nề hơn.

Ai không phẫn nộ lại,
Kẻ đã phẫn nộ mình,
Người ấy đủ thắng trận,
Một trận rất khó thắng.

Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người,
Và kẻ đã phẫn nộ,
Tự hiểu, lắng nguội dần.

Bậc Y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Asurindaka Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Bà-la-môn Asurindaka Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Asurindaka Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa.”

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH BILAṄGIKA (*Bilaṅgikasutta*) (*S*. I. 164)

190. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Bà-la-môn Bilaṅgika Bhāradvāja được nghe: “Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja đã xuất gia với Sa-môn Gotama, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”

Phẫn nộ, không hoan hỷ, vị ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, giữ yên lặng, đứng một bên.

Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Bà-la-môn Bilaṅgika Bhāradvāja, liền nói lên bài kệ cho Bà-la-môn Bilaṅgika Bhāradvāja:

Ai hại người hiền thiện,
Thanh tịnh, không cấu nhiễm,
Ác hạnh được chín muồi,
Phản lại hại người ngu,
Chẳng khác gì ngược gió,
Lại tung vãi bụi trần.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bilaṅgika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Bà-la-môn Bilaṅgika Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bilaṅgika Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa."

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. KINH BẤT HẠI (*Ahiṃsakasutta*) (*S.* I. 164)

191. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Ahiṃsaka Bhāradvāja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ahiṃsaka Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Con là Ahiṃsaka, thưa Tôn giả Gotama. Con là Ahiṃsaka, thưa Tôn giả Gotama.

[Thế Tôn:]

Danh phải tương xứng người,
Người phải là bất hại.
Ai với thân, miệng, ý,
Không làm hại một ai,
Ai không hại người khác,
Người ấy thật bất hại.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Ahiṃsaka Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Bà-la-môn Ahiṃsaka Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Ahiṃsaka Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa."

Và Tôn giả Ahiṃsaka Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. KINH JAṬĀ (*Jaṭāsutta*) (*S*. I. 165)

192. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Jaṭā Bhāradvāja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jaṭā Bhāradvāja nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Nội triền và ngoại triền,
Chúng sanh bị triền phược,
Con hỏi Gotama,
Ai thoát triền phược này?

[Thế Tôn:]

Người có trí, trú giới,
Tu tập tâm và tuệ,
Nhiệt tâm và thận trọng,
Tỷ-kheo ấy thoát triền.
Với ai đã từ bỏ,
Tham sân và vô minh,
Bậc Ứng Cúng lậu tận,
Vị ấy thoát triền phược.
Chỗ nào danh và sắc
Được đoạn tận, vô dư,
Đoạn chướng ngại sắc tưởng,
Chỗ ấy triền phược đoạn.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jaṭā Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH SUDDHIKA (*Suddhikasutta*) (*S*. I. 165)

193. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Suddhika Bhāradvāja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Suddhika Bhāradvāja nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Không Bà-la-môn nào,
Dầu giữ giới, khổ hạnh,
Có thể được thanh tịnh,
Dầu ở thế giới nào.
Chỉ vị Minh Hạnh Túc,
Mới có thể thanh tịnh.
Không một quần chúng nào
Ngoài vị hành như vậy.

[Thế Tôn:]

Dầu lẩm bẩm nhiều chú,
Nhưng không vì thọ sanh,
Được gọi Bà-la-môn,
Nội ô nhiễm bất tịnh,
Y cứ trên lừa đảo.
Người thuộc Sát-đế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la,
Kẻ đổ phẩn, đổ rác,
Tinh cần và tinh tấn,
Thường dõng mãnh tấn tu,[2]
Đạt được Tịnh tối thắng,
Bà-la-môn nên biết!

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Suddhika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Xin cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

---

[2] Xem *S*. I. 53 (kinh 96 ở trước).

Bà-la-môn Suddhika Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Suddhika Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời sống này nữa."

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. KINH NGƯỜI THỜ LỬA (*Aggikasutta*) (*S.* I. 166)

194. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, Veḷuvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một món ăn gồm gạo và sữa đông được sửa soạn cho Bà-la-môn Aggika Bhāradvāja để vị này sắp đặt: "Tôi sẽ tế lửa, tôi sẽ làm lễ cúng dường lửa."

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rājagaha để khất thực. Trong khi đi khất thực thứ lớp ở Rājagaha, Thế Tôn đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggika Bhāradvāja; sau khi đến, Thế Tôn đứng một bên.

Bà-la-môn Aggika Bhāradvāja thấy Thế Tôn đi khất thực đến, thấy vậy, liền nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Vị đầy đủ Ba minh,
Thiện sanh và nghe nhiều,
Minh hạnh được trọn vẹn,
Hãy thọ món ăn này!

[Thế Tôn:]

Dầu lẩm bẩm nhiều chú,
Nhưng không vì thọ sanh,
Được gọi Bà-la-môn,
Nội ô nhiễm bất tịnh,
Y cứ trên lừa đảo.
Người biết được tiền kiếp,
Thấy thiên giới, ác thú,
Đoạn diệt được tái sanh,
Thắng trí, bậc Mâu-ni,
Đầy đủ Ba minh này,
Ba minh, Bà-la-môn,
Minh hạnh được đầy đủ,
Hãy thọ món ăn này.

– Mong Tôn giả thọ lãnh món ăn này! Tôn giả Gotama thật là bậc Bà-la-môn!

[Thế Tôn:]

Ta không có hưởng thọ,[3]
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chân thật niệm Chánh pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Dao động được lắng dịu.
Với những bậc như vậy,
Ăn uống phải cúng dường,
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.

Được nghe như vậy, Bà-la-môn Aggika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

Và Tôn giả Aggika Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

IX. KINH SUNDARIKA (*Sundarikasutta*) (*S.* I. 167)

195. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân tộc Kosala, trên bờ sông Sundarikā.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja tế lửa trên bờ sông Sundarikā, làm lễ cúng dường lửa.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja sau khi tế lửa, làm lễ cúng dường lửa xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhìn xung quanh tất cả bốn phương và nghĩ: "Ai có thể hưởng thọ món ăn cúng tế còn lại này?"

Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja thấy Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây, đầu được bao trùm, thấy vậy, tay trái cầm món ăn cúng tế còn lại, tay phải cầm bình nước[4] đi đến Thế Tôn.

Và Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja liền tháo đồ trùm ở đầu.

Và Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nghĩ: "Đầu vị này trọc, vị này là người trọc đầu", nghĩ vậy, muốn trở lui.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja lại suy nghĩ: "Trọc đầu ở đây, một số Bà-la-môn cũng như vậy. Vậy ta hãy đến và hỏi vấn đề thọ sanh."

---

[3] Xem *S.* I. 167 (kinh 195 ở sau).

[4] *Kamaṇḍalu*: Bình nước có vòi dài của người tu sĩ để uống nước mà không chạm vào môi.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thọ sanh là gì, Tôn giả?

[Thế Tôn:]

Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về sở hành.
Tùy theo mọi thứ củi,
Ngọn lửa được sanh khởi.
Dầu thuộc nhà hạ tiện,
Bậc Ẩn sĩ tinh cần,[5]
Được xem như thượng sanh.[6]
Biết tàm quý, trừ ác,
Điều thuận bởi chân lý,
Thuần thục trong hành trì,
Thông đạt các Thánh kinh,[7]
Phạm hạnh được viên thành.
Tế vật đã đem lại,
Hãy cầu khẩn vị ấy,
Lễ tế làm đúng thời,
Vị ấy xứng cúng dường.

[Sundarika:]

Vật cúng này của con,
Thật sự khéo cúng dường,
Nay con đã thấy được,
Bậc sáng suốt như Ngài.
Con không thấy một ai,
Có thể sánh được Ngài,
Không có người nào khác,
Thọ hưởng vật cúng này.
Tôn giả Gotama,
Hãy thọ hưởng vật cúng.
Ngài thật Bà-la-môn,
Là bậc đáng tôn trọng.

[Thế Tôn:]

Ta không có hưởng thọ,
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.

---

[5] *Dhitimā*, được giải thích là tinh tấn.
[6] *Ājānīya*, áp dụng cho voi, bò hay ngựa được huấn luyện thuần thục.
[7] *Vedantagū*: Người thông thạo các tập Vệ-đà một cách rốt ráo.

Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chân thật niệm Chánh pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt.
Đoạn tận các lậu hoặc,
Trạo hối được lắng dịu,
Với những bậc như vậy,
Cơm nước phải cúng dường,
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.

– Vậy thưa Tôn giả Gotama, con phải cho ai vật cúng còn lại này?

– Này Bà-la-môn, trong toàn thế giới chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, trong chúng Sa-môn và Bà-la-môn, trong thế giới chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai ăn vật cúng còn lại này có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử Như Lai. Này Bà-la-môn, vậy này Bà-la-môn, hãy quăng vật cúng còn lại này tại chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm xuống nước, nơi không có loài hữu tình.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nhận chìm vật cúng còn lại ấy vào trong nước, nơi không có loài hữu tình.

Vật cúng ấy khi được quăng vào trong nước liền xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên. Ví như lưỡi cày đốt nóng cả ngày, khi bỏ vào trong nước, bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên; cũng vậy, vật cúng còn lại ấy khi được quăng vào trong nước bèn xì lên, sôi lên, phun hơi và phun khói lên.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng một bên. Thế Tôn nói lên bài kệ cho Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang đứng một bên:

Này Bà-la-môn kia,
Chớ có nghĩ gì tịnh!
Sự sắp đặt củi lửa,
Như vậy chỉ bề ngoài.
Bậc Thiện nhân dạy rằng,
Người ấy không thanh tịnh,
Với những ai chỉ muốn
Thanh tịnh mặt bên ngoài.
Này Bà-la-môn kia,
Ta từ bỏ củi lửa,
Ta chỉ nhen nhúm lên,
Ngọn lửa từ nội tâm,

Ngọn lửa thường hằng cháy,
Thường nồng cháy nhiệt tình.
Ta là bậc La-hán,
Ta sống đời Phạm hạnh.

Này Bà-la-môn kia,
Người mang ách kiêu mạn,
Phẫn nộ là khói hương,
Vọng ngôn là tro tàn,
Lưỡi là chiếc muỗng tế,
Tâm là chỗ tế tự,
Tự ngã là ngọn lửa.

Còn người khéo điều phục,
Chánh pháp là ao hồ,
Giới là bến nước tắm,
Không cấu uế, trong sạch,
Được thiện nhân tán thán;
Là chỗ bậc có trí,
Thường tắm, trừ uế tạp.
Khi thân thể trong sạch,
Họ qua bờ bên kia.

Chánh pháp là chân lý,[8]
Tự chế là Phạm hạnh,
Chính con đường Trung đạo,[9]
Giúp đạt tối thắng vị,
Đảnh lễ bậc Trực Tâm,
Ta gọi Tùy pháp hành.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!...

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. KINH BAHUDHĪTI (*Bahudhītarasutta*) (*S*. I. 170)

196. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bị mất mười bốn con bò đực.

Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja trong khi đi tìm những con bò đực ấy, đi đến khu rừng kia; sau khi đến, thấy Thế Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lưng giữ thẳng và để chánh niệm trước mặt.

---

[8] Trong trường hợp này, "chân lý" có nghĩa là lời nói chân thật.

[9] Theo Ngài Buddhaghosa, Trung đạo không chỉ có nghĩa là con đường tránh xa dục lạc và khổ hạnh, mà còn chỉ cho con đường tránh xa thường kiến và đoạn kiến. Xem *DB*. I. 27, 46.

Thấy vậy, Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Với vị Sa-môn này,
Không có mười bốn bò,
Không thấy đã sáu hôm,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không có ruộng mè hư,
Một hai lá cây mè,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không kho trống, không chuột,
Chạy chơi và múa nhảy,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không tấm nệm bảy tháng,
Tràn đầy những chí rận,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không bảy gái quả phụ,
Hoặc một con, hai con,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không vợ đen, mặt rỗ,
Lấy chân thúc đánh thức,
Do vậy được an lạc.

Với vị Sa-môn này,
Không kẻ nợ buổi sáng,
Mắng nhiếc: "Hãy trả đi!"
Do vậy được an lạc.

[Thế Tôn:]

Bà-la-môn, với Ta,
Không có mười bốn bò,
Không thấy đã sáu hôm,[10]
Do vậy Ta an lạc.
Bà-la-môn, với Ta,
Không có ruộng mè hư,

---

[10] Xem *S.* I. 170.

Một hai lá cây mè,
Do vậy Ta an lạc.

Bà-la-môn, với Ta,
Không kho trống, không chuột,
Chạy chơi và múa nhảy,
Do vậy Ta an lạc.

Bà-la-môn, với Ta,
Không tấm nệm bảy tháng,
Tràn đầy những chí rận,
Do vậy Ta an lạc.

Bà-la-môn, với Ta,
Không bảy gái quả phụ,
Hoặc một con, hai con,
Do vậy Ta an lạc.

Bà-la-môn, với Ta,
Không vợ đen, mặt rỗ,
Lấy chân thúc đánh thức,
Do vậy Ta an lạc.

Bà-la-môn, với Ta,
Không kẻ nợ buổi sáng,
Mắng nhiếc: "Hãy trả đi!"
Do vậy Ta an lạc.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, cho con được thọ Đại giới.

Rồi Bà-la-môn Bhāradvāja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhāradvāja ở một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. PHẨM CƯ SĨ (*UPĀSAKAVAGGA*)

I. KINH KASIBHĀRADVĀJA (*Kasibhāradvājasutta*) (*S*. I. 172)

197. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Magadha, trên Nam Sơn, tại làng Bà-la-môn tên Ekanāḷā.

Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, và Bà-la-môn Kasibhāradvāja sắp đặt sẵn sàng khoảng năm trăm cái cày.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nông trường của Bà-la-môn Kasibhāradvāja.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhāradvāja đang phân phát đồ ăn.

Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, rồi đứng một bên. Bà-la-môn Kasibhāradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên để khất thực, thấy vậy, bèn nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, tôi cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Này Sa-môn, ông hãy cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, ông ăn.

– Này Bà-la-môn, Ta cũng có cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn.

– Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cái gậy đâm, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Tuy vậy, Tôn giả Gotama lại nói như sau: "Này Bà-la-môn, Ta cũng có cày và gieo mạ; sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn."

Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Ông nói là nông phu,
Ta không thấy ông cày.
Người nông phu được hỏi,
Hãy lên tiếng trả lời,
Sao chúng tôi biết được,
Ông thật sự có cày?

[Thế Tôn:]

Lòng tin là hạt giống,
Trì giới là mưa móc,
Trí tuệ đối với Ta,
Là cày và ách mang,
Tàm chính là cán cày,
Ý căn là dây cột,

Chánh niệm đối với Ta,
Là lưỡi cày, gậy đâm.
Thân hành được hộ trì,
Khẩu hành được hộ trì,
Đối với các món ăn,
Bụng Ta dùng vừa phải.
Ta nhổ lên tà vạy,
Với chơn lý sự thật,
Hoan hỷ trong Niết-bàn,
Là giải thoát của Ta.
Tinh tấn đối với Ta,
Là khả năng mang ách,
Đưa Ta tiến dần đến,
An ổn khỏi ách nạn,
Đi đến, không trở lui,
Chỗ Ta đi, không sầu.
Như vậy cày ruộng này,
Đưa đến quả bất tử,
Sau khi cày cày này,
Mọi đau khổ được thoát.

– Hãy ăn, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama thật là người nông phu! Tôn giả Gotama cày, sự cày đưa đến quả bất tử.

[Thế Tôn:]

Ta không có hưởng thọ,[11]
Vì tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đối vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chơn thật đối với pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại sĩ vẹn toàn,
Cúng dường phải khác biệt,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Trạo hối được lắng dịu,
Với những bậc như vậy,
Cơm nước phải cúng dường.
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.

[11] Xem *S.* I. 166f.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kasibhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối cho người có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

II. KINH UDAYA (*Udayasutta*) (*S.* I. 173)

198. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Udaya.

Bà-la-môn Udaya lấy cơm đổ đầy bình bát của Thế Tôn.

Lần thứ hai, Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Bà-la-môn Udaya...

Lần thứ ba, Bà-la-môn Udaya lấy cơm đổ đầy bình bát của Thế Tôn và nói với Thế Tôn:

– Tham lam[12] là Sa-môn Gotama, đến đi đến lại nhiều lần!

[Thế Tôn:]

Nhiều lần và nhiều lần,
Chúng gieo vãi hạt giống.
Nhiều lần và nhiều lần,
Trời mưa đi, mưa lại.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người nông phu cày ruộng.
Nhiều lần và nhiều lần,
Lúa gạo đến quốc độ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Hành khất lại xin ăn.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ lại bố thí.
Nhiều lần và nhiều lần,
Thí chủ sau khi cho.
Nhiều lần và nhiều lần,
Được đi đến thiên giới.
Nhiều lần và nhiều lần,
Người làm sữa vắt sữa.
Nhiều lần và nhiều lần,

[12] *SA*. I. 257: *Pakaṭṭhakoti rasagiddho*, tham vị.

Bò con tìm bò mẹ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Mệt sức và lao khổ.
Nhiều lần và nhiều lần,
Kẻ ngu nhập bào thai.
Nhiều lần và nhiều lần,
Lại sanh rồi lại chết.
Nhiều lần và nhiều lần,
Họ mang đến nghĩa địa.
Họ được đường giải thoát,
Không đưa đến tái sanh.
Bậc Đại Trí, Đại Tuệ,
Không sanh đi, sanh lại.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Udaya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

III. KINH DEVAHITA (*Devahitasutta*) (*S*. I. 173)

199. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh về phong khí và Tôn giả Upavāṇa[13] là thị giả Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Upavāṇa:

– Này Upavāṇa, ông có biết làm sao cho Ta nước nóng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Upavāṇa vâng đáp Thế Tôn, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Devahita; sau khi đến, đứng im lặng một bên.

Bà-la-môn Devahita thấy Tôn giả Upavāṇa đứng im lặng một bên, bèn nói lên bài kệ với Tôn giả Upavāṇa:

Tôn giả đứng im lặng,
Trọc đầu, choàng Đại y,
Ông muốn gì, cầu gì?
Ông đến để xin gì?

[Tôn giả:]

Bậc La-hán, Thiện Thệ,
Hiện bị bệnh phong khí,
Nếu đây có nước nóng,
Hãy dâng bậc Đại Thánh!
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài đã được cúng dường.
Xứng đáng được tôn kính,

[13] Xem *DB*. II. 151; *Pss. Breth*. 350.

Ngài đã được tôn kính.
Xứng đáng được cung kính,
Ngài đã được cung kính.
Vì Ngài, tôi muốn được,
Nước nóng để đem về.

Rồi Bà-la-môn Devahita bảo một người lấy đòn gánh, gánh nước nóng và một bình đường mật dâng cho Tôn giả Upavāṇa.

Rồi Tôn giả Upavāṇa đi đến Thế Tôn, dùng nước nóng tắm cho Thế Tôn, dùng đường mật pha với nước nóng dâng lên Thế Tôn dùng.

Và bệnh phong khí của Thế Tôn được nhẹ bớt.

Rồi Bà-la-môn Devahita đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Devahita nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Chỗ nào người thí chủ,
Xứng đáng nên bố thí?
Chỗ nào sự bố thí,
Đưa đến quả báo lớn?
Cúng dường phải thế nào?
Cung kính phải thế nào?

[Thế Tôn:]

Ai biết được đời trước,[14]
Thấy thiên giới, ác thú,
Đoạn diệt được tái sanh,
Thắng trí, bậc Mâu-ni,
Nên bố thí vị ấy,
Bố thí được quả lớn,
Cúng dường phải như vậy,
Cung kính phải như vậy.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Devahita bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH MAHĀSĀLA (*Mahāsālasutta*)[15] (*S.* I. 176)

200. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi một Bà-la-môn đại phú, dáng bộ tiều tụy, đắp y thô xấu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với vị Bà-la-môn đại phú đang ngồi xuống một bên:

---

[14] Xem *S.* I. 166 (kinh 194 ở trước).
[15] Đại phú gia hay y choàng thô.

– Này Bà-la-môn, sao dáng bộ ông tiều tụy? Sao ông đắp y thô xấu?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, bốn đứa con trai của con, chúng âm mưu với vợ của chúng, trục xuất con ra khỏi nhà.

– Vậy này Bà-la-môn, hãy đọc thuộc bài kệ này, và khi nào quần chúng hội họp trong thính đường và cả các người con cùng ngồi họp, hãy đọc lên bài kệ:

Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
Chống tôi và đuổi tôi,
Chẳng khác gì bầy chó,
Xua đuổi một con lợn.
Ác độc và lỗ mãng,
Chúng gọi tôi: "Cha thân",
Chúng thật quỷ dạ-xoa,
Đội lốt là con tôi.
Và chúng trục xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già suy nhược,
Bị tẩn xuất chuồng ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy, chặn bò dữ,
Chặn được loại chó dữ,
Chỗ tối, dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm nơi đứng,
Với sức mạnh chiếc gậy,
Vấp ngã, đứng dậy được.

Bà-la-môn đại phú ấy học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn. Khi quần chúng tụ hội tại thính đường và giữa các người con đang ngồi họp, vị ấy đọc lên bài kệ:

Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
Chống tôi và đuổi tôi,
Chẳng khác gì bầy chó,
Xua đuổi một con lợn.
Ác độc và lỗ mãng,
Chúng gọi tôi: "Cha thân",

Chúng thật quỷ dạ-xoa,
Đội lốt là con tôi.
Và chúng trục xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già, suy nhược,
Bị tẩn xuất chuồng ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Với gậy, chặn bò dữ,
Chặn được loài chó dữ,
Chỗ tối, dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm nơi đứng.
Với sức mạnh chiếc gậy,
Vấp ngã, đứng dậy được.

Rồi những người con Bà-la-môn đại phú ấy, dắt người cha về nhà, tắm rửa và mỗi người đắp cho cha một bộ áo.

Rồi Bà-la-môn đại phú ấy cầm một bộ áo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng con Bà-la-môn, có dâng cúng sở phí[16] cho bậc Đạo sư. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận sở phí cho bậc Đạo sư của chúng con.

Và Thế Tôn vì lòng từ chấp nhận.

Rồi Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH MĀNATTHADDHA (*Mānatthaddhasutta*) (*S*. I. 177)

201. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn tên Mānatthaddha trú ở Sāvatthi. Vị này không cung kính mẹ, không cung kính cha, không cung kính đạo sư, không cung kính huynh trưởng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp, có đại chúng đoanh vây.

Rồi Bà-la-môn Mānatthaddha suy nghĩ như sau: "Sa-môn Gotama nay đang thuyết pháp có đại chúng đoanh vây. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama nói chuyện với ta, ta cũng sẽ nói chuyện với Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama không nói chuyện với ta, ta cũng sẽ không nói chuyện với Sa-môn Gotama."

---

[16] *Ācariyadhana*: Phí thù lao cho người thầy.

Rồi Bà-la-môn Mānatthaddha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền đứng một bên và im lặng.

Và Thế Tôn không nói chuyện với Bà-la-môn ấy.

Bà-la-môn Mānatthaddha suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này không biết gì hết", bèn muốn trở về.

Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Bà-la-môn Mānatthaddha, liền nói lên bài kệ với Bà-la-môn Mānatthaddha:

Hỡi này Bà-la-môn,
Kiêu mạn không có tốt,
Ở đây không có ai,
Bà-la-môn nên biết.
Ông đến, mục đích gì,
Hãy nói lên cho biết?

Bà-la-môn Mānatthaddha suy nghĩ: "Sa-môn Gotama biết tâm tư của ta", cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, lấy miệng hôn chân Thế Tôn, lấy tay thoa vuốt và nói lên tên của mình:

– Tôn giả Gotama, con là Mānatthaddha. Tôn giả Gotama, con là Mānatthaddha.

Rồi đại chúng ấy tâm khởi lên kinh ngạc vi diệu: "Thật là vi diệu, thưa Ngài! Thật là hy hữu, thưa Ngài! Bà-la-môn Mānatthaddha không bao giờ cung kính mẹ, không bao giờ cung kính cha, không bao giờ cung kính đạo sư, không bao giờ cung kính huynh trưởng, nay lại hạ mình tột cùng như vậy trước Sa-môn Gotama."

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Mānatthaddha:

– Thôi vừa rồi Bà-la-môn. Hãy đứng dậy và ngồi lại trên ghế của ông! Lòng tín thành của ông đối với Ta từ đâu đến?

Rồi Bà-la-môn Mānatthaddha, sau khi ngồi trên ghế của mình, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Đối ai không nên kiêu?
Đối ai nên kính trọng?
Đối ai nên tôn kính?
Cúng dường ai, tốt lành?

[Thế Tôn:]

Với mẹ và với cha,
Với anh nhiều tuổi hơn,
Với thầy là thứ tư,
Không nên sanh kiêu mạn.
Nên kính trọng vị ấy,
Nên tôn kính vị ấy,
Cúng dường họ, tốt lành.

Các bậc A-la-hán,
Thanh lương, lậu hoặc đoạn,
Việc nên làm đã làm,
Hãy nhu thuận, diệt mạn,
Bậc Vô thượng tôn ấy,
Ông thật nên đảnh lễ!

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mānatthaddha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH PACCANĪKA (*Paccanīkasutta*) (*S*. I. 179)

202. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn tên là Paccanīkasāta ở tại Sāvatthi.

Rồi Bà-la-môn Paccanīkasāta suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Sa-môn Gotama, và Sa-môn Gotama có nói điều gì, ta sẽ nói lời phản ngược lại."

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang đi kinh hành ngoài trời.

Rồi Bà-la-môn Paccanīkasāta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn đang đi kinh hành:

– Này Sa-môn, hãy thuyết pháp!

[Thế Tôn:]

Không thuyết pháp với ông,
Này Paccanīka,
Tâm ông thật ô uế,
Và đầy những thù hận,
Làm sao biết tốt đẹp,
Làm sao nói tốt đẹp!
Ai nhiếp phục thù hận,
Nhiếp phục tâm chống đối,
Từ bỏ mọi sân tâm,
Vị ấy biết tốt đẹp,
Vị ấy nói tốt đẹp.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Paccanīkasāta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH NAVAKAMMIKA (*Navakammikasutta*) (*S*. I. 179)

203. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Navakammika Bhāradvāja đang làm công việc tại khu rừng ấy.

Bà-la-môn Navakammika thấy Thế Tôn ngồi kiết-già dưới gốc cây Sa-la, lưng thẳng và để niệm trước mặt.

Thấy vậy, vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Ta thích làm việc về củi gỗ tại khu rừng này. Còn Sa-môn Gotama thời thích làm việc gì?"

Rồi Bà-la-môn Navakammika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Nay ông làm việc gì,
Trong rừng cây Sa-la,
Khiến ông sống một mình,
Vui gì ông tìm được,
Tỷ-kheo Gotama?

[Thế Tôn:]

Ta không phải làm gì,
Trong khu rừng Sa-la.
Với Ta, rễ đã cắt,
Cả khu rừng rậm rạp.[17]
Như vậy Ta được thoát,
Mọi rừng rú chông gai.
Tâm Ta không bị đâm,
Một mình sống an lạc,
Đoạn trừ mọi bất mãn,
Sống thích thú hoan hỷ.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Navakammika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH KAṬṬHAHĀRA (*Kaṭṭhahārasutta*) (*S.* I. 180)

204. Một thời, Thế Tôn sống ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên lượm củi, đệ tử của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja, đi đến khu rừng ấy.

Sau khi đến, họ thấy Thế Tôn ngồi kiết-già trong khu rừng ấy, lưng thẳng và để niệm trước mặt. Thấy vậy, họ liền đi đến Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja.

Sau khi đến, họ nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja:

– Tôn giả có biết không, tại một khu rừng kia, có vị Sa-môn ngồi kiết-già, lưng thẳng và để niệm trước mặt?

[17] Trong trường hợp này, *visūkaṃ* không có nghĩa là trò múa rối như *D.* I. 6; chữ Sanskrit là *viśvaṅk* có nghĩa là phát triển rộng.

Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja cùng với các thanh niên ấy đi đến khu rừng và thấy Thế Tôn tại khu rừng ấy, đang ngồi kiết-già, lưng thẳng và để niệm trước mặt. Thấy vậy, họ liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Trong khu rừng thâm u,
Nhiều dễ sợ khủng khiếp,
Rừng trống không, hoang vắng,
Ngài vào sâu một mình,
Thân bất động, kiên trì,
Đẹp đẽ và uy nghi.

Này Tỷ-kheo, Ngài thiền
Với tâm tư định tĩnh.
Ở đây không ca hát,
Ở đây không nói năng,
Cô độc trong rừng sâu,
Bậc Thánh nhân an trú.
Như vậy đối với con,
Thật kỳ diệu, hy hữu!

Khi Ngài sống một mình,
Hoan hỷ trong rừng vắng.
Con nghĩ, Ngài ước nguyện,
Đồng sanh làm thân hữu,
Với bậc Thế giới chủ,[18]
Tại vô thượng tam thiên.[19]
Vậy sao bậc Tôn giả,
Không bỏ rừng hoang vắng,
Tu khổ hạnh ở đây,
Để đạt Phạm thiên quả?

[Thế Tôn:]

Phàm có ước vọng gì,
Hay những ái lạc gì,
Những gì kẻ phàm phu,
Thường chấp trước các giới,
Các tham ái[20] khởi lên,
Từ gốc rễ vô minh,
Tất cả Ta đoạn tận,
Trừ cả gốc lẫn rễ.

---

[18] *SA*. I. 265: Lokādhipati có nghĩa là Đại Phạm thiên.

[19] Phạm thiên giới có ba chúng: Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên. Xem *Vbh*. 424.

[20] *Pajappitā*. *Jappati* nghĩa đen là lẩm bẩm, thèm muốn, khát khao; thêm vào tiếp đầu ngữ '*pa*' trở thành đồng nghĩa với *lobha* hay *taṇhā* nghĩa là tham ái.

Nay Ta không ước nguyện,
Không tham ái, chấp trước,
Đối với tất cả pháp,
Ta thấy đều thanh tịnh.
Đạt được Chánh đẳng giác,
Và mục đích tối thượng,
Ta tu tập thiền định,
Vắng lặng, không sợ hãi.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!.. từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH MĀTUPOSAKA (*Mātuposakasutta*)[21] (*S.* I. 181)

205. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Mātuposaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Mātuposaka nói với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy, tôi có làm đúng trách nhiệm không?

– Này Bà-la-môn, ông làm như vậy là làm đúng trách nhiệm. Này Bà-la-môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp; sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, lại nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức.

Người nào theo thường pháp,
Nuôi dưỡng mẹ và cha,
Chính do công hạnh này,
Đối với cha, với mẹ,
Nhờ vậy, bậc hiền trí,
Trong đời này tán thán.
Sau khi chết, được sanh,
Hưởng an lạc chư thiên.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mātuposaka bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

X. KINH BHIKKHAKA (*Bhikkhakasutta*) (*S.* I. 182)

206. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Bhikkhaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên

[21] *Mātuposaka:* Nuôi dưỡng mẹ.

những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, con là người khất thực và Tôn giả cũng là người khất thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

[Thế Tôn:]

Không phải ai xin ăn,[22]
Cũng gọi là khất sĩ,
Nếu chấp trì độc pháp,
Không còn gọi Tỷ-kheo.
Ai sống ở đời này,
Từ bỏ các phước báo,
Đoạn trừ mọi ác pháp,
Hành trì theo Phạm hạnh,
Sống đời sống chánh trí,
Vị ấy xứng "Tỷ-kheo."

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XI. KINH SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*) (*S*. I. 182)

207. Nhân duyên tại Sāvatthi. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Saṅgārava trú ở Sāvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh].

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Tôn giả đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Saṅgārava trú ở Sāvatthi, là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến trú xứ của Bà-la-môn Saṅgārava.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Saṅgārava; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Bà-la-môn Saṅgārava đang ngồi một bên:

---

[22] Xem *Dh*. v. 266, 267.

– Có đúng sự thật chăng, này Bà-la-môn, ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]?

– Thưa đúng vậy, Tôn giả Gotama!

– Này Bà-la-môn, nhằm mục đích lợi ích gì, ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh]?

– Ở đây, Tôn giả Gotama, ban ngày tôi làm ác nghiệp gì, buổi chiều tôi tắm để gột sạch ác nghiệp ấy; buổi tối tôi làm ác nghiệp gì, buổi sáng hôm sau tôi tắm để gột sạch ác nghiệp ấy. Tôn giả Gotama, do nhằm mục đích như vậy, tôi là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều tôi sống theo hạnh xuống nước [để tắm cho thanh tịnh].

[Thế Tôn:]

Chánh pháp là ao hồ,
Giới là bến nước tắm,
Không cấu uế, trong sạch,
Được thiện nhân tán thán,
Là chỗ bậc có trí,
Thường tắm, trừ uế tạp,
Khi thân thể trong sạch,
Họ qua bờ bên kia.[23]

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XII. KINH KHOMADUSSA (*Khomadussasutta*) (*S*. I. 184)

208. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Khomadussa.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào thị trấn Khomadussa để khất thực.

Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa đang tụ họp tại hội trường để giải quyết một vài vấn đề, và trời đang mưa nhỏ hột.

Rồi Thế Tôn đi đến hội trường ấy.

Các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa thấy Thế Tôn từ xa đi đến.

Thấy vậy, họ bèn nói:

– Những Sa-môn đầu trọc ấy là ai? Và họ có thể biết gì về quy tắc của hội trường?

---

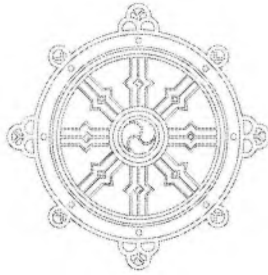
[23] Xem *S*. I. 167 (kinh 195 ở trước).

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa:

Không thể có hội trường,
Nếu không có thiện nhân;[24]
Không thể có thiện nhân,
Nếu không nói đúng pháp.
Những ai đã đoạn trừ,
Cả tham, sân và si,
Nói lên lời đúng pháp,
Họ mới thật thiện nhân.

Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.



[24] *SA*. I. 267: *Santoti paṇḍitā sappurisā*, nghĩa là thiện nhân, bậc trí.

8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VAṄGĪSA
(*VAṄGĪSASAṂYUTTA*)

I. KINH XUẤT LY (*Nikkhantasutta*) (*S.* I. 185)

209. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Vaṅgīsa[1] trú ở Āḷavī, tại ngôi đền ở Aggāḷava, cùng với Tôn giả Nigrodha Kappa,[2] là vị Giáo thọ sư.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa là tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, được ở lại để coi ngôi tinh xá.[3]

Rồi một số đông phụ nữ, sau khi trang điểm, đi đến khu vườn Aggāḷava để xem tinh xá.

Tôn giả Vaṅgīsa thấy các phụ nữ ấy, tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?"

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm cho thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Với ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tâm tư nay chạy loạn,
Khởi lên từ đen tối.
Con nhà bậc thượng lưu,
Thiện xảo trong cung pháp,
Ngàn người bắn tứ phía,
Vẫn không bỏ chạy loạn.
Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hơn, đông hơn,
Sẽ không não loạn ta,
Vì ta trú Chánh pháp,

[1] Xem *Pss. Breth.* 395.
[2] Xem *Pss. Breth.* 408.
[3] Vì là năm đầu mới thọ Đại giới, không khéo léo khi dùng y, bát nên các trưởng lão để lại giữ tinh xá, dù, dép...

Chính ta từng được nghe,
Phật, Dòng Họ Mặt Trời,
Thuyết giảng Niết-bàn đạo,
Ở đây ta ưa thích.
Nếu ta trú như vậy,
Ác ma, ông có đến,
Sở hành ta là vậy,
Ông đâu thấy đường ta.

II. KINH BẤT LẠC (*Aratisutta*) (*S*. I. 186)

210. Một thời, Tôn giả Vaṅgīsa trú ở Āḷavī, tại ngôi đền ở Aggāḷava cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nigrodha Kappa sau khi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá và không ra khỏi tinh xá cho đến chiều hay ngày mai.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục quấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?"

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ta[4] bỏ lạc, bất lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục.
Ai thoát khỏi rừng tham,
Thoát ly mọi tham dục,
Ly tham không đắm trước,
Xứng danh chơn Tỷ-kheo.

Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Mọi vật đều biến hoại,
Mọi sự đều vô thường,
Ai hiểu biết[5] như vậy,
Sở hành sẽ chơn chánh.

Chúng sanh thường chấp trước,

---

[4] Xem *S*. I. 179 (kinh 203 ở trước).
[5] *Muttatā*. *Thag*. viết *mu(t)antā*, được giải thích là sau khi hiểu.

Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy, nghe,
Họ ngửi, nếm, xúc chạm.[6]
Ở đây, ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô,
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

Đối với sáu pháp trần,
Thuộc vọng tưởng phi pháp,
Phàm phu thường chấp trước,
Chấp thủ và tham đắm.
Tỷ-kheo không phiền não,
Không nói lời ác ngữ,
Sáng suốt, tâm thường định,
Không dối trá, thận trọng,
Thoát ly mọi tham ái.

Vị Mâu-ni chứng đạt,
Cảnh Niết-bàn tịch tịnh,
Chờ đón thời mệnh chung,
Với tâm tư vắng lặng,
Thanh thoát nhập Niết-bàn.

III. KINH NGƯỜI TỪ ÁI (*Pesalasutta*)[7] (*S*. I. 187)

211. Một thời, Tôn giả Vaṅgīsa trú ở Āḷavī, tại đền Aggāḷava, cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa thường hay khinh miệt các vị Tỷ-kheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của mình.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng ta khinh miệt các vị Tỷ-kheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của ta.”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, tự hối trách mình, liền ngay khi ấy nói lên những bài kệ này:

Đệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Và cũng từ bỏ luôn,
Con đường đến kiêu mạn.
Nếu hoàn toàn đắm say,
Trong con đường kiêu mạn,

---

[6] Xem *Pss. Breth*. 398, n. 9. Trong trường hợp này, *paṭighe* có nghĩa là ngửi và nếm, *mute* có nghĩa là xúc.
[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Disdaining the Kindly*, nghĩa là *Khinh thường người tốt*.

Sẽ tự mình hối trách,
Trong thời gian lâu dài.

Những ai khinh khi người,
Với khinh khi, kiêu mạn,
Đi con đường kiêu mạn,
Sẽ đọa lạc địa ngục.
Những người ấy sầu khổ,
Trong thời gian lâu dài,
Do kiêu mạn dắt dẫn,
Phải sanh vào địa ngục.

Tỷ-kheo không bao giờ
Phải sầu muộn, buồn thảm.
Thắng lợi trên chánh đạo,
Sở hành được chân chánh,
Vị ấy được thọ hưởng,
Danh dự và an lạc,
Chơn thực được danh xưng,
Là bậc hưởng pháp lạc.

Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, tinh tấn,
Đoạn trừ mọi triền cái,
Sống thanh tịnh trong sạch,
Và đoạn tận kiêu mạn,
Hoàn toàn, không dư thừa,
Chấm dứt mọi phiền não,
Với trí tuệ quang minh,
Ngài được xem là bậc
Sống tịch tịnh an lạc.

IV. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*S.* I. 188)

212. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực với Tôn giả Vaṅgīsa là Sa-môn thị giả.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa nói lên bài kệ với Tôn giả Ānanda:

Dục ái đốt cháy tôi,
Tâm tôi bị thiêu cháy.
Thật là điều tốt lành,
Đệ tử Gotama,

Vì lòng từ thương tưởng,
Nói pháp tiêu lửa hừng!

[Ānanda:]

Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt.
Hãy bỏ chấp tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục!
Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy hoài!
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân niệm trú,
Hành nhiều hạnh yểm ly!
Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sâu kiêu mạn,
Hạnh ông được an tịnh!

V. KINH KHÉO NÓI (*Subhāsitasutta*) (*S.* I. 188)

213. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Đầy đủ bốn đức tánh, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói lời thiện thuyết, không nói lời ác thuyết; nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; nói lời ái ngữ, không nói lời ác ngữ; nói lời chơn ngữ, không nói lời phi chơn. Đầy đủ bốn đức tính này, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Bậc Thiện Nhân dạy rằng:
Thứ nhất là thiện thuyết.
Thứ hai, nói đúng pháp,
Chớ nói lời phi pháp.
Thứ ba, nói ái ngữ,
Chớ nói lời ác ngữ.

Thứ tư, nói chơn thực,
Chớ nói lời phi chơn.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con! Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con!

Thế Tôn nói:

– Này Vaṅgīsa, ông hãy nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lại không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.

Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời ấy là ái ngữ.

Các lời nói chơn thực,
Là lời nói bất tử,
Như vậy là thường pháp,
Từ thuở thật ngàn xưa.

Bậc Thiện Nhân được xem,
An trú trên chơn thực,
Trên nghĩa và trên pháp,
Lời đồn là như vậy.

Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật lời nói tối thượng.

VI. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*) (*S.* I. 189)

214. Một thời, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta, với bài pháp thoại đang tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch. Và các vị Tỷ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Tôn giả Sāriputta với bài pháp thoại đang

tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch. Và các vị Tỷ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Tôn giả Sāriputta, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích đáng."

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Tôn giả Sāriputta và nói với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, một cảm nghĩ đến với tôi. Hiền giả Sāriputta, một cảm nghĩ đến với tôi.

– Mong rằng Hiền giả Vaṅgīsa nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Tôn giả Sāriputta, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Ngài Sāriputta,[8]
Là bậc Đại trí tuệ.
Chính Ngài đang thuyết pháp,
Cho các vị Tỷ-kheo.

Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi.
Như âm thanh vi diệu,
Của loại chim Sāli.[9]
Tạo ra nhiều cảm hứng,
Cho người nghe Ngài giảng.

Lời Ngài giảng tuôn trào,
Tiếng Ngài nghe ngọt lịm,
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu;
Chúng Tỷ-kheo lắng nghe,
Tâm phấn khởi, hoan hỷ.

VII. KINH TỰ TỨ (*Pavāraṇāsutta*) (*S*. I. 190)

215. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Pubbārāma (Đông Viên), Migāramātupāsāda (Lộc Mẫu giảng đường), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn, nhân ngày trăng tròn Bố-tát Tự tứ, Ngài ngồi giữa trời, xung quanh chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền bảo các Tỷ-kheo:

---

[8] Mẹ Ngài tên là Rūpasārī, tên gia đình là Upatissa.
[9] *Sāḷikā* = *Sālikā*: Chim cưỡng, chim sáo.

– Này các Tỳ-kheo, nay Ta mời các ông nói lên, các ông có điều gì chỉ trích Ta hay không, về thân hay về lời nói?

Được nghe như vậy, Tôn giả Sāriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Thế Tôn về thân hay về lời nói. Bạch Thế Tôn, con đường chưa sanh khởi, Thế Tôn làm cho sanh khởi; con đường chưa được rõ biết, Thế Tôn làm cho rõ biết; con đường chưa được thuyết giảng, Thế Tôn thuyết giảng. Thế Tôn biết đạo, hiểu đạo, thiện xảo về đạo. Và bạch Thế Tôn, các đệ tử nay là những vị sống hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau. Và bạch Thế Tôn, con xin mời Thế Tôn nói lên, Thế Tôn có điều gì chỉ trích con hay không, về thân hay về lời nói?

– Này Sāriputta, Ta không có gì chỉ trích ông về thân hay về lời nói. Này Sāriputta, ông là bậc Đại trí. Này Sāriputta, ông là bậc Quảng trí. Này Sāriputta, ông là bậc Tốc trí. Này Sāriputta, ông là bậc Tiệp trí. Này Sāriputta, ông là bậc Nhuệ trí. Này Sāriputta, ông là bậc Thể nhập trí. Này Sāriputta, ví như trưởng tử, con Vua Chuyển Luân Vương, chơn chánh vận chuyển bánh xe đã được vua cha vận chuyển; cũng vậy, này Sāriputta, ông chơn chánh chuyển vận Pháp luân vô thượng đã được Ta chuyển vận.

– Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không có gì chỉ trích con về thân hay về lời nói, vậy bạch Thế Tôn, đối với khoảng năm trăm Tỳ-kheo này, Thế Tôn có gì chỉ trích hay không, về thân hay về lời nói?

– Này Sāriputta, đối với khoảng năm trăm Tỳ-kheo này, Ta không có gì chỉ trích về thân hay về lời nói. Này Sāriputta, trong khoảng năm trăm Tỳ-kheo này, sáu mươi Tỳ-kheo là bậc Tam minh, sáu mươi Tỳ-kheo là bậc chứng được Sáu thắng trí,[10] sáu mươi Tỳ-kheo là bậc Câu phần giải thoát, và các vị còn lại là bậc Tuệ giải thoát.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn nói:

– Này Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỳ-kheo họp,
Bậc Thánh cắt kiết phược,
Vô phiền, đoạn tái sanh.

[10] Xem *S.* I. 166 (kinh 194 ở trước); *S.* I. 144 (kinh 176 ở trước).

Như Vua Chuyển Luân Vương,
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.

Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Tam minh,
Sát hại được tử thần.
Những vị này hầu hạ,
Bậc Thắng Trận Chiến Trường,
Chủ Lữ Hành[11] Vô Thượng.

Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng.[12]
Xin chí thành đảnh lễ,
Bậc Nhổ Tên Khát Ái!
Xin tâm thành cung kính,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời!

VIII. KINH MỘT NGÀN VÀ NHIỀU HƠN (*Parosahassasutta*) (*S.* I. 192)

216. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cùng đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, đang thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng."

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Này Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

[11] *Chú giải*: Vị ấy được sinh ra trong cỗ xe Bát chánh đạo.

[12] *Palāpo*. Theo Ngài Buddhaghosa, từ này có nghĩa "trống không" và "ác", cũng có nghĩa là nói năng lộn xộn.

Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết pháp vô cấu,
Niết-bàn, không sợ hãi.

Họ nghe pháp vô cấu,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Chánh Giác chói sáng.
Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long Tượng,
Bậc Ẩn Sĩ tối thắng,
Trong các vị Ẩn Sĩ!

Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.
Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư.

Ôi bậc Đại Anh Hùng!
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vaṅgīsa,
Đảnh lễ dưới chân Ngài.

– Này Vaṅgīsa, những bài kệ này của ông, có phải ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

– Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con không phải suy nghĩ từ trước, mà được khởi lên tại chỗ.

– Vậy này Vaṅgīsa, hãy cho khởi nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Vaṅgīsa vâng đáp Thế Tôn và nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ chưa được suy nghĩ từ trước:

Thắng ác ma, tà đạo,
Ngài sống chướng ngại đoạn.
Hãy thấy bậc Giải Thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Phân tích thành từng phần,
Hắc, bạch pháp phân minh.

Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Mục đích giúp mọi người,
Vượt qua dòng bộc lưu,

Chính trên pháp bất tử,
Được Ngài thường tuyên thuyết.
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú không thối chuyển.

Bậc Tạo Dựng Quang Minh,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ.
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy?
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đảnh lễ, tu học.

IX. KINH KOṆḌAÑÑA (*Koṇḍaññasutta*) (*S.* I. 193)

217. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Tôn giả Aññā Koṇḍañña (Kiều-trần-như), sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình:

– Bạch Thế Tôn, con là Koṇḍañña. Bạch Thiện Thệ, con là Koṇḍañña.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Tôn giả Aññā Koṇḍañña này, sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: ‘Bạch Thế Tôn, con là Koṇḍañña. Bạch Thiện Thệ, con là Koṇḍañña.’ Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Aññā Koṇḍañña.”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y về một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Này Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Koṇḍañña:

Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Koṇḍañña,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.

Thực hành lời Sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả Ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.

Đại uy lực Ba minh,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Koṇḍañña,
Đảnh lễ chân Đạo Sư.

X. KINH MOGGALLĀNA (*Moggallānasutta*) (*S*. I. 194)

218. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn,[13] cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên),[14] với tâm của mình biết được tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Thế Tôn nay trú ở Rājagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahāmoggallāna, với tâm của mình được biết tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahāmoggallāna."

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Này Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahāmoggallāna:

Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,

---

[13] Xem *S*. I. 120 (kinh 159 ở trước).

[14] Về thần lực của Moggallāna, xem *S*. I. 144 (kinh 176 ở trước); *S*. I. 149 (kinh 180, 181 ở trước).

Bậc Thánh Giả, Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.

Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.

Như vậy họ hầu hạ,
Mâu-ni Gotama,
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.

XI. KINH GAGGARĀ (*Gaggarāsutta*) (*S*. I. 195)

219. Một thời, Thế Tôn ở Campā,[15] trên bờ hồ Gaggarā với đại chúng Tỳ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn trú ở Campā, trên bờ hồ Gaggarā với đại chúng Tỳ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng."

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Này Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán:

Như mặt trăng giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh, không cấu uế.
Cũng vậy, Ngài thật là
Đại Mâu-ni Hiền Thánh!
Danh xưng Ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

---

[15] Campā là kinh đô xứ Aṅga, nay là Bhagalpur.

XII. KINH VAṄGĪSA (*Vaṅgīsasutta*) (*S*. I. 196)

220. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa chứng quả A-la-hán không bao lâu, thọ hưởng giải thoát lạc, ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Thuở trước ta mê thơ,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này, thành này,
Qua làng khác, thành khác.
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Tín thành ta sanh khởi.

Ngài thuyết pháp cho ta,
Về uẩn, xứ và giới.
Sau khi nghe Chánh pháp,
Ta bỏ nhà xuất gia.

Vì hạnh phúc số đông,
Vì thấy đạo hành đạo,[16]
Cho Tỷ-kheo Tăng Ni,
Bậc Mâu-ni giác ngộ.

Ngài đã chấp nhận con,
Được thành đạo với Ngài.
Con chứng đạt Ba minh,
Hành trì theo Phật dạy.

Con biết được đời trước,
Chứng Thiên nhãn thanh tịnh,
Ba minh, thần thông lực,
Chứng đạt Tha tâm thông.

---

[16] *Niyāmagataddasā* được giải thích là chứng được và thấy được. *Niyāma* là con đường, phương pháp đưa đến giải thoát. Xem *PC*. 177, n. 1.

9. TƯƠNG ƯNG RỪNG
(*VANASAṂYUTTA*)

I. KINH VIỄN LY (*Vivekasutta*) (*S.* I. 197)

221. Như vầy tôi nghe.

Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy, trong lúc đi nghỉ ban ngày, khởi lên những tư tưởng ác, bất thiện, liên hệ đến gia đình.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên những bài kệ với vị Tỷ-kheo này:

Ông ước muốn viễn ly,
Đã sống trong rừng núi,
Nay tâm ông vọng động,
Rong ruổi theo ngoại giới.
Ông đối mặt với ông,
Hãy chế ngự lòng dục.
Nhờ vậy, ông hạnh phúc,
Thoát ly được tham ái.

Hãy từ bỏ bất mãn,
Sống an trú chánh niệm,
Ông thành người hiền thiện,
Được chúng tôi tán thán.[1]
Trừ bụi trần[2] địa ngục,
Thật rất khó vượt qua,
Ông chớ vận chuyển theo,
Các bụi trần dục vọng.

Như chim, thân dính bụi,
Rung thân khiến bụi rơi,
Cũng vậy vị Tỷ-kheo,

---

[1] *Chú giải* viết *sārayāmase*, được hiểu theo nghĩa "đối với vị có chánh niệm và người có trí, chúng ta tùy hỷ"; hoặc nghĩa "giới luật của người hiền thiện, thời chúng ta tán thành".

[2] *Pātāla*. Xem *S.* I. 32 (kinh 44 ở trước); *S.* I. 124 (kinh 161 ở trước). *Raja*: Bụi, sự nhơ bẩn.

Tinh cần, trú chánh niệm,
Vùng vẫy khiến rơi rớt,
Những bụi đời dính thân.

Tỷ-kheo ấy được vị thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

II. KINH SĂN SÓC (*Upaṭṭhānasutta*) (*S*. I. 197)

222. Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy đang ngủ ban ngày.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

Tỷ-kheo, hãy thức dậy,
Sao ông hãy còn nằm?
Ông được lợi ích gì,
Trong giấc ngủ của ông?
Kẻ bệnh, kẻ trúng tên,
Bị đánh[3] sao ngủ được?
Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tín ấy cần phát triển,
Chớ để ngủ chinh phục.

[Vị Tỷ-kheo:]

Các dục là vô thường,
Chỉ kẻ ngu say đắm.
Đã giải thoát triền phược,
Không còn bị ái trước,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?

Đã nhiếp phục dục ái,
Vượt thoát lưới vô minh,
Với Chánh trí thanh tịnh,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?

Với minh phá vô minh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Không sầu, không ưu não,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?

---

[3] *Ruppati:* Bị chọc tức, bị phá phách, đánh phá đồ vật.

Tinh tấn và nhiệt tâm,
Thường dõng mãnh cầu tiến,
Hướng vọng đến Niết-bàn,
Hạnh xuất gia như vậy,
Sao để dục nhiệt não?

III. KINH KASSAPAGOTTA (*Kassapagottasutta*)[4] (*S*. I. 198)

223. Một thời, Tôn giả Kassapagotta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Kassapagotta, trong khi nghỉ ban ngày, khuyên dạy một người thợ săn.[5]

Một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Kassapagotta:

Trên sườn núi cheo leo,
Người thợ săn đang trèo,
Là hạng người thiếu trí,
Không sáng suốt, ngu si.
Tỷ-kheo có khuyên dạy,
Thật uổng phí thời gian,
Ta nghĩ làm như vậy,
Tự tỏ thiếu trí tuệ.

Có nghe cũng không hiểu,
Có nhìn cũng không thấy,
Dầu cho có thuyết pháp,
Kẻ ngu không thấy đích.

Tôn giả Kassapa,
Nếu ông có cầm tay
Cho đến mười bó đuốc,
Người ấy không thấy được,
Các sắc pháp đối diện,
Vì người ấy không mắt.

Tôn giả Kassapagotta được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

IV. KINH ĐA SỐ (*Sambahulasutta*)[6] (*S*. I. 199)

224. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Kassapa of the Kassapas* (or *The Trapper*), nghĩa là *Kassapa thuộc dòng họ Kassapa* (hay *Thợ săn*).
[5] *Cheta*: Người thợ săn đặt bẫy. Người thợ săn đang đuổi con nai thời Kassapa can thiệp, phản đối lối sống độc ác này.
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Many of Them* (or *On Tour*), nghĩa là *Đa số* (hay *Du hành*).

Các Tỷ-kheo ấy an cư mùa mưa xong, sau ba tháng, bắt đầu đi du hành.

Một vị thiên trú ở khu rừng ấy, không thấy các Tỷ-kheo ấy, liền than van, ưu buồn, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Hôm nay tâm của ta,
Cảm thấy không vui vẻ,
Khi thấy nhiều chỗ ngồi,
Trống không, không có người.
Những bậc Đa văn ấy,
Thuyết pháp thật mỹ diệu,
Đệ tử Gotama,
Hiện nay đang ở đâu?

Khi nghe nói vậy, một vị thiên khác đáp lại bằng bài kệ cho vị thiên ấy:

Họ đi Magadha,
Họ đi Kosala,
Và một số vị ấy,
Đi đến đất Vajjī.
Như nai thoát bẫy sập,
Chạy nhảy khắp bốn phương,
Tỳ-kheo không nhà cửa,
Sống giải thoát như vậy.

V. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*S.* I. 199)

225. Một thời, Tôn giả Ānanda trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda sống quá bận rộn bởi nhiều liên hệ với cư sĩ.[7]

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy thương xót Tôn giả Ānanda, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Ānanda. Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Ānanda:

Ông đã quyết lựa chọn,
Đời sống dưới gốc cây,
Tâm ông quyết nhập một
Với mục đích Niết-bàn.
Cù-đàm, hãy thiền tư,
Và sống chớ phóng dật!
Đối với ông, ích gì,
Tạp thoại vô vị ấy?

Tôn giả Ānanda được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

VI. KINH ANURUDDHA (*Anuruddhasutta*) (*S.* I. 200)

226. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

---

[7] Sự việc xảy ra sau khi đức Phật nhập Niết-bàn và trước khi Tôn giả Ānanda chứng đắc quả vị A-la-hán. Các cư sĩ đến hỏi Tôn giả về việc đức Phật nhập Niết-bàn khiến Tôn giả trở nên quá bận rộn.

Rồi một thiên nữ ở chúng Tāvatiṃsa tên là Jālinī, đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha.

Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Anuruddha:

Hãy hướng tâm tư ông,
Vào đời trước của ông,
Giữa Tam Thập Tam thiên,
Mọi ái dục thành tựu,
Và ông được chói sáng,
Giữa thiên nữ đoanh vây.

[Anuruddha:]

Bất hạnh thay thiên nữ,
Họ kiên trú thân kiến.
Cũng bất hạnh, họ sanh,
Bị thiên nữ chinh phục.

[Jālinī:]

Họ chưa biết hạnh phúc,
Chưa thấy Nandana,
Trú xứ các thiên nam,
Danh xưng giới Tam Thập.

[Anuruddha:]

Kẻ ngu, bà không biết,
Lời nói bậc La-hán,
Mọi hành là vô thường,
Phải chịu luật sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.
Hiện nay đối với ta,
Không còn chỗ trú xứ,
Trên cảnh giới chư thiên.
Ôi này Jālinī!
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay tái sanh không còn.

VII. KINH NĀGADATTA (*Nāgadattasutta*) (*S.* I. 200)

227. Một thời, Tôn giả Nāgadatta trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nāgadatta đi vào làng quá sớm và trở về quá chiều.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tôn giả Nāgadatta, muốn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Nāgadatta.

Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Nāgadatta:

Nāgadatta này,
Đi vào làng quá sớm,
Và khi từ làng về,
Thường đi về quá muộn.

Ông sống quá liên hệ,
Với các hàng cư sĩ,
Bị vấn vương quá nhiều,
Những cảm thọ khổ lạc.

Ta sợ kẻ bạt mạng,
Nāgadatta này,
Lại bị trói, bị buộc,
Trong gia đình thế sự.

Chớ để mình rơi vào,
Cường lực của tử thần,
Làm sao tránh né được,
Khỏi Ác ma chi phối!

Tôn giả Nāgadatta được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

VIII. KINH GIA PHỤ (*Kulagharaṇīsutta*)[8] (*S.* I. 201)

228. Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sống thân mật quá đáng[9] đối với một gia đình.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, vì thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác vị ấy, biến hình thành gia phụ của gia đình ấy và đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tỷ-kheo ấy:

Trên bờ sông, cửa chợ,[10]
Tại trạm nghỉ lộ trình,
Dân chúng thường tập hợp,
Tranh luận liền khởi lên.
Giữa ta và giữa ông,
Có gì là sai khác?

[Vị Tỷ-kheo:]

Nhiều tiếng qua tiếng lại,
Bậc khổ hạnh kham nhẫn,
Chớ cảm thấy bực phiền,
Chớ phát sinh nhiễm trước!

---

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *The Housewife* (or *Engrossed*), nghĩa là *Gia phụ* (hay *Say đắm*).

[9] *SA*. I. 294: *Ajjhogāḷhappattoti ogāhappatto* (gia đình này quá hoan hỷ với cử chỉ uy nghi của vị Tỷ-kheo nên quan tâm và mời vị này đến nhà).

[10] *Santhāne*, chỉ cho chỗ nghỉ ngơi (*vissamānaṭṭhane*) gần cổng thành, chỗ các hàng quán được bày biện.

Ai bị tiếng rối loạn,
Như nai trong rừng rú,
Được gọi là khinh tâm,
Khó tu hành thành tựu.

IX. KINH VAJJIPUTTA (*Vajjiputtasutta*) (*S.* I. 201)

229. Một thời, một Tỷ-kheo Vajjiputtaka trú ở Vesāli, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, một cuộc lễ được tổ chức suốt đêm ở Vesāli.

Tỷ-kheo ấy được nghe tiếng nhạc khí, tiếng cồng,... đánh lên, tiếng ồn ào khởi lên, liền than thở, nói lên ngay lúc ấy bài kệ này:

Chúng ta sống một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,[11]
Lăn lóc trong rừng sâu.

Trong đêm tối hân hoan,
Như hiện tại đêm nay,
Ai sống đời bất hạnh,
Như chúng ta hiện sống?

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, có lòng thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ:

Ông sống chỉ một mình,
Trong khu rừng cô độc,
Như khúc gỗ lột vỏ,
Lăn lóc trong rừng sâu.

Rất nhiều người thèm muốn,
Đời sống như ông vậy,
Như kẻ đọa địa ngục,
Thèm muốn sanh thiên giới.

Rồi Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

X. KINH TỤNG ĐỌC (*Sajjhāyasutta*)[12] (*S.* I. 202)

230. Một thời, một Tỷ-kheo sống giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy trước kia siêng năng tụng kinh rất nhiều, sau một thời gian, trở thành thụ động, im lặng, an phận.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, không được nghe pháp từ Tỷ-kheo ấy, liền đi đến vị ấy.

[11] *Chú giải*: Không có áo quần trang sức nên như một khúc gỗ bị quăng bỏ.

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Diligence* (or *Doctrine*), nghĩa là *Tinh cần* (hay *Pháp*).

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

Này Tỷ-kheo, sao ông
Sống chung các Tỷ-kheo,
Lại không chịu tụng đọc
Các kinh điển, pháp cú?

Ai nghe thuyết Chánh pháp,
Tâm sanh được tịnh tín,
Và ngay đời hiện tại,
Được mọi người tán thán.

[Vị Tỷ-kheo:]

Trước kia đối pháp cú,
Ta tha thiết tìm hiểu,
Cho đến khi chứng được,
Quả vị bậc Ly dục.
Từ khi chứng ly dục,
Mọi thấy, nghe, xúc cảm,
Nhờ trí tuệ hiểu biết,
Đều được bỏ một bên.
Chính các bậc Hiền thiện,
Giảng dạy là như vậy.

XI. KINH TƯ DUY BẤT CHÁNH (*Akusalavitakkasutta*) (*S*. I. 203)

231. Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy khi đang nghỉ ban ngày, khởi lên những tư duy ác, bất thiện như dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

Rồi vị thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót Tỷ-kheo ấy, muốn lợi ích, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo:

Ông tác ý bất chánh,
Nên say đắm tư duy,
Hãy từ bỏ bất chánh,
Hãy tư duy chơn chánh.

Nương tựa Phật, Pháp, Tăng,
Giữ giới, không thối chuyển,
Ông chắc chắn chứng đạt,
Hân hoan và hỷ lạc.
Với hân hoan sung mãn,
Ông chấm dứt khổ đau.

Rồi Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

XII. KINH GIỮA TRƯA (*Majjhanhikasutta*)[13] (*S*. I. 203)

232. Một thời, một Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy đi đến Tỷ-kheo ấy.

Sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Tỷ-kheo ấy:[14]

Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Khiến ta run, hoảng sợ.

[Vị Tỷ-kheo:]

Nay chính giờ giữa trưa,
Chim chóc đậu im lặng,
Rừng lớn vang tiếng động,
Hoan hỷ đến với ta.

XIII. KINH KHÔNG CHẾ NGỰ CÁC CĂN (*Pākatindriyasutta*)[15] (*S*. I. 203)

233. Một thời, rất nhiều Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng nọ, cống cao, ngạo mạn, ồn ào, lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót các Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến các Tỷ-kheo.

Sau khi đến, vị thiên ấy nói lên những bài kệ với các Tỷ-kheo:

Xưa sống thật an lạc,
Chúng đệ tử Cù-đàm,
Không tham tìm món ăn,
Không tham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.

Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn, ăn rồi nằm,
Thèm khát vật nhà người.

Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị,
Vất vưởng, không hướng dẫn,
Họ sống như ngạ quỷ.

---

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Noontide* (or *Resounding*), nghĩa là *Giữa trưa* (hay *tiếng động*).

[14] Xem *S*. I. 7 (kinh 15 ở trước).

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Uncontrolled* (or *Very Many Brethren*), nghĩa là *Không chế ngự* (hay *Nhiều Tỷ-kheo*).

Những ai sống phóng dật,
Vì họ, con nói lên;
Những ai không phóng dật,
Chân thành con đảnh lễ.

Các Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

XIV. KINH KẺ TRỘM HƯƠNG (*Gandhatthenasutta*)[16] (*S.* I. 204)

234. Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi xuống hồ nước và ngửi bông sen hồng.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tỷ-kheo.

Sau khi đến, vị thiên ấy liền nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo:

Hoa này từ nước sanh,
Không cho ông ngửi trộm,
Như vậy một loại trộm,
Ta gọi ông trộm hương,
Này thân hữu của ta.

[Vị Tỷ-kheo:]

Không lấy đi, không bẻ,
Đứng xa ta ngửi hoa,
Vậy do hình tướng gì,
Được gọi là "trộm hương?"

Ai đào rễ củ sen,
Ăn dùng các loại sen,
Do các hành động ấy,
Sao không gọi trộm hương?

[Vị thiên:]

Người ti tiện độc ác,[17]
Như vải nhớp vú em,
Với hạng người như vậy,
Lời ta không liên hệ.
Nhưng chính thật cho ông,
Chính lời ta tương ưng.
Với người không cấu uế,
Thường hướng cầu thanh tịnh.
Với kẻ ác nhìn thấy,

---

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *The Red Lotus Blossom or White Lotus*, nghĩa là *Sen hồng hay sen trắng*.

[17] *Ākiṇṇaluddda*: Theo *Phụ chú giải,* đây có nghĩa là thô cứng (*ākiṇṇa*) và độc ác (*ludda*).

Nhỏ như đầu sợi lông,
Vị ấy xem thật lớn,
Như đầu mây[18] trên trời.

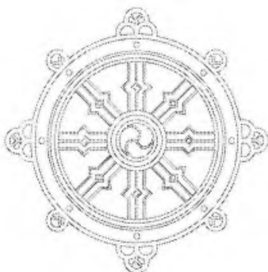
[Vị Tỷ-kheo:]

Thật sự này dạ-xoa,
Ông biết ta, thương ta,
Hãy nói lại với ta,
Khi thấy ta như vậy!

[Vị thiên:]

Ta không tùy thuộc ông,
Ông cũng không làm bậy,
Này Tỷ-kheo nên biết,
Ông có thể sanh thiên.

Vị Tỷ-kheo ấy được vị thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.



[18] Theo *Chú giải*, *abbhāmattaṃva* có nghĩa là như đầu ngọn mây (*valāhakakūṭamattaṃ viya*).

10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA
(*YAKKHASAMYUTTA*)

I. KINH INDAKA (*Indakasutta*) (*S.* I. 206)

235. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), núi Inda, tại trú xứ của dạ-xoa Indaka.

Rồi dạ-xoa Indaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Chư Phật, Ngài dạy rằng:
Sắc không phải sinh mạng,
Vậy sao sinh mạng này,
Lại có trong thân này?

Từ đâu xương thịt đến,
Trong thân thể hiện tại?
Làm sao sinh mạng này,
Gá dính trong thai tạng?

[Thế Tôn:]

Trước tiên kalala,
Rồi từ kalala,
Abbuda có mặt;
Rồi từ abbuda,
Pesī (thịt mềm) được sanh ra.
Pesī sanh ghana (thịt cứng),
Rồi đến pasākha (chi tiết),
Tóc, lông và các móng,
Tiếp tục được sanh ra.

Những gì người mẹ ăn,
Đồ ăn, đồ uống nào,
Con người trong bụng mẹ,
Ở đấy, lấy nuôi dưỡng.

II. KINH SAKKA (*Sakkanāmasutta*) (*S.* I. 206)

236. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi dạ-xoa tên Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Thật không tốt lành gì,
Một Sa-môn như Ngài,
Đã đoạn mọi triền phược,
Đã sống chơn giải thoát,
Lại tiếp tục giảng dạy,
Những kẻ khác tu học.

[Thế Tôn:]

Này dạ-xoa Sakka,
Dầu vì lý do gì,
Loài người sống chung nhau,
Không một lý do nào,
Xứng đáng bậc trí tuệ.
Với lòng từ lân mẫn,
Nếu với tâm tín thành,
Giảng dạy những người khác.
Do vậy không hệ lụy,
Vì lòng từ lân mẫn.

III. KINH SŪCILOMA (*Sūcilomasutta*) (*S.* I. 207)

237. Một thời, Thế Tôn ở Gayā, trên hòn đá Ṭaṅkita, tại trú xứ của dạ-xoa Sūciloma.

Lúc bấy giờ, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma[1] đi ngang qua, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi dạ-xoa Khara nói với dạ-xoa Sūciloma:

– Đây là một Sa-môn.

– Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả, hay ít nhất cho đến khi ta biết được Sa-môn hay Sa-môn giả.

Rồi dạ-xoa Sūciloma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền nghiêng thân về phía Thế Tôn.

Thế Tôn liền tránh né thân của mình.

Dạ-xoa Sūciloma nói với Thế Tôn:

– Có phải Sa-môn sợ ta?

– Này Hiền giả, Ta không sợ ông. Nhưng xúc chạm với ông là điều tồi tệ (*pāpaka*).

– Này Sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

– Này Hiền giả, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với

[1] Theo *Chú giải*, dạ-xoa Sūciloma có lông như mũi kim, lông dựng ngược và há miệng rất dễ sợ, còn dạ-xoa Khara có vảy như vảy cá sấu.

chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai có thể làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân Ta, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như ông muốn.

[Dạ-xoa:]

Tham dục và sân hận,
Do nhân gì sanh khởi?
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Từ đâu được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như quạ được bầy trẻ,[2]
Thả bay rồi kéo lại?

[Thế Tôn:]

Tham dục và sân hận,
Do nhân này sanh khởi.
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đây sanh.
Từ đây được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Như quạ được bầy trẻ,
Thả bay rồi kéo lại.
Chính do tham ái sanh,
Chính do tự ngã sanh,
Như cây Nigrodha (cây Bàng),
Rễ từ thân cây sanh.
Phàm phu bám ác dục,
Như dây leo khắp rừng.
Những ai hiểu biết được,
Do nhân ấy sanh khởi,
Họ diệt trừ nhân ấy.
Hãy nghe, này dạ-xoa,
Họ vượt bộc lưu này,
Bộc lưu thật khó vượt,
Từ trước chưa vượt qua,
Không còn phải tái sanh.

IV. KINH MAṆIBHADDA (*Maṇibhaddasutta*) (*S.* I. 208)

238. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ Maṇimālaka, tại một trú xứ của dạ-xoa Maṇibhadda.

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích ví dụ này như sau: Mấy đứa trẻ cột một đầu dây vào chân con quạ, một đầu dây cột vào ngón tay của chúng, khi con quạ bay lên thì chúng kéo giật lại; cũng vậy, tâm bất thiện do tự tâm chúng ta khởi lên, lại cũng được tâm thức của chúng ta điều phục lại.

Rồi dạ-xoa Maṇibhadda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Lành thay, thường chánh niệm!
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù được giải thoát.

[Thế Tôn:]

Lành thay, thường chánh niệm!
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.
Với ai trọn ngày đêm,
Tâm ý lạc, bất hại,
Từ tâm mọi hữu tình,
Vị ấy không thù hận.

V. KINH SĀNU (*Sānusutta*) (*S*. I. 209)

239. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Sānu, con trai một nữ cư sĩ, bị dạ-xoa ám ảnh.

Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và mùng tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát,
Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh.
Và chính ta được nghe,
Vị La-hán nói vậy.
Nay ta thấy Sānu,
Bị dạ-xoa ám ảnh.

[Dạ-xoa trong thân Sānu:]

Ngày mười bốn, mười lăm,
Và mùng tám nửa tháng,
Cả ngày lễ đặc biệt,
Khéo tu tám trai giới,
Tuân trì lễ Bố-tát,
Những ai sống Phạm hạnh,
Dạ-xoa không ám ảnh.
Điều này người được nghe,
La-hán nói là đúng.

Ngươi nói với Sānu,
Có trí và sáng suốt,
Đây là lời dạ-xoa:
Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật;
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Ông không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy,
Chạy một mạch, chạy dài.

[Sānu được khỏi ám ảnh:]

Này mẹ, người ta khóc,
Là khóc cho người chết,
Hay khóc cho người sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Này mẹ, người thấy con,
Hiện có mặt, đang sống,
Vậy sao mẹ khóc con,
Này người mẹ thân yêu?

[Bà mẹ:]

Người ta khóc cho con,
Là khóc khi con chết,
Hay khóc khi con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết.

Nay con được kéo ra,
Khỏi than hừng đỏ rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chăng?
Nay con được thoát ra,
Khỏi địa ngục đau khổ,
Con còn muốn rơi vào,
Cõi địa ngục ấy chăng?

Hãy rong ruổi đời con,
Ta chúc con hạnh phúc;

Hãy sống như thế nào,
Không làm ai bực phiền!
Đồ vật thoát lửa cháy,
Con muốn đốt lại chăng?

VI. KINH PIYAṄKARA (*Piyaṅkarasutta*) (*S.* I. 209)

240. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc pháp cú.

Một nữ dạ-xoa, mẹ của Piyaṅkara, dỗ cho con nín như sau:

Này Piyaṅkara,
Chớ có sanh tiếng động!
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
Những lời về pháp cú.
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.
Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
Tự học tập giới luật,
Chúng ta thoát ngạ quỷ.

VII. KINH PUNABBASU (*Punabbasusutta*) (*S.* I. 209)

241. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

Rồi một nữ dạ-xoa, mẹ Punabbasu, dỗ các con nín như sau:

Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp,
Đạo Sư, Tối Thượng Phật.
Thế Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triền phược,
Mẹ đối với pháp ấy,
Thật cực kỳ ái lạc.

Đời ái lạc con mình,
Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.

Con hay chồng dầu thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe Diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.

Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chết,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chết.
Mẹ muốn nghe pháp ấy,
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.

[Punabbasu:]

Thưa mẹ, con không nói,
Uttarā nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc,
Vì không biết Diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa nhân, thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ, thân tối hậu,
Bậc Pháp Nhãn thuyết pháp.

[Bà mẹ:]

Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ẵm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô Thượng Phật.
Này Punabbasu,
Hãy sống chơn an lạc!
Nay ta được sống lại,
Thấy được chơn Thánh đế.
Này con Uttarā,
Hãy nghe theo lời ta!

VIII. KINH SUDATTA (*Sudattasutta*) (*S*. I. 210)

242. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại rừng Sīta.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã đến Rājagaha để làm một vài công việc.

Cư sĩ Anāthapiṇḍika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến Thế Tôn.

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thế Tôn." Như vậy với ý nghĩ đi yết kiến đức Phật, ông Anāthapiṇḍika nằm ngủ. Trong đêm, ông ấy thức dậy ba lần, tưởng rằng trời đã sáng.

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika đi đến cửa nghĩa địa (*sīvathika*), và có những phi nhân mở cửa.

Và khi ông ra khỏi thành phố, ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. Ông sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược và muốn đi trở về.

Rồi dạ-xoa Sīvaka ẩn hình, lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!

Rồi với Anāthapiṇḍika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra, và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hẳn xuống.

Lần thứ hai... (như trên)...

Lần thứ ba, với Anāthapiṇḍika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra, và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anāthapiṇḍika muốn trở lui. Lần thứ ba, dạ-xoa Sīvaka ẩn hình lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thối bước!

Rồi với Anāthapiṇḍika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu bớt.

Rồi Anāthapiṇḍika đi đến rừng Sīta, đi đến Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

Thế Tôn thấy Anāthapiṇḍika từ xa đi đến; khi thấy vậy, từ chỗ kinh hành đi xuống và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Anāthapiṇḍika:

– Hãy đến đây, Sudatta!

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika nghĩ: "Thế Tôn kêu tên ta", rồi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng?

[Thế Tôn:]

Bà-la-môn tịch tịnh,
Luôn luôn ngủ an lạc,
Không đèo bồng dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ái trước đoạn diệt,
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tịnh, ngủ an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.

IX. KINH SUKKĀ THỨ NHẤT (*Paṭhamasukkāsutta*) (*S*. I. 212)

243. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkā có đại chúng đoanh vây, đang thuyết pháp.

Rồi một dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkā, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Rājagaha, và ngay lúc ấy nói lên những bài kệ này:

Này người Vương Xá thành,
Các người đã làm gì,
Mà nay lại nằm dài,
Như say vì rượu ngọt,
Không hầu hạ Sukkā,
Đang thuyết pháp bất tử.
Pháp ấy không trở lui,[3]
Cam lồ không lưng vơi.[4]

[3] *Chú giải*: Vì quá đầy đủ nên không phải đi trở lui để uống lại.
[4] *Chú giải*: Cam lồ tự tạo ra, không cần dùng vật ở ngoài.

Ta nghĩ người trí tuệ,
Uống nước [cam lồ] ấy,
Chẳng khác một đám mưa,
Đối với kẻ lữ hành.

X. KINH SUKKĀ THỨ HAI (*Dutiyasukkāsutta*) (*S.* I. 212)

244. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Veḷuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkā.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkā, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này đến ngã ba khác ở Rājagaha, và ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
Chắc hưởng nhiều công đức,
Đã cúng dường món ăn,
Dâng cúng lên Sukkā,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi triền phược.

XI. KINH CĪRĀ (*Cīrāsutta*) (*S.* I. 213)

245. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cīrā.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cīrā, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xá, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
Chắc hưởng nhiều công đức,
Đã cúng dường tấm y,
Dâng cúng lên Cīrā,
Một vị đã giải thoát,
Tất cả mọi khổ ách.

XII. KINH ĀḶAVIKA (*Āḷavakasutta*) (*S.* I. 213)

246. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Āḷavī, tại trú xứ của dạ-xoa Āḷavaka.

Rồi dạ-xoa Āḷavaka đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến liền nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ hai, dạ-xoa Āḷavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ ba, dạ-xoa Āḷavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ tư, dạ-xoa Āḷavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Này Hiền giả, Ta không đi ra! Hãy làm gì ông nghĩ là phải làm!

– Này Sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu hỏi. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

– Này Hiền giả, Ta không thấy một ai ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người có thể làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như ông muốn.

[Dạ-xoa:]

Cái gì đối người đời,
Là tài sản tối thượng?
Cái gì khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng?
Phải sống như thế nào,
Được gọi sống tối thượng?

[Thế Tôn:]

Lòng tin đối người đời,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc.
Chân lý giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng.
Phải sống với trí tuệ,
Được gọi sống tối thượng.

[Dạ-xoa:]

Làm sao vượt bộc lưu?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao siêu khổ não?
Làm sao được thanh tịnh?

[Thế Tôn:]

Với tín, vượt bộc lưu.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn, siêu khổ não.
Với trí, được thanh tịnh.

[Dạ-xoa:]

Làm sao được trí tuệ?
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh xưng?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sầu khổ?

[Thế Tôn:]

Ai tin tưởng Chánh pháp
Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chơn an lạc),
Khéo học, không phóng dật,
Minh nhãn khéo phân biệt,
Nhờ hành trì như vậy,
Vị ấy được trí tuệ.
Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,
Phấn chấn, thích hoạt động,
Như vậy được tài sản.
Chơn thật đạt danh xưng.

Bố thí kết bạn hữu,
Đời này qua đời khác,
Như vậy không sầu khổ.
Tín nam gia chủ nào,
Tìm cầu bốn pháp này,
Chơn thực và chế ngự,
Kiên trì và xả thí,
Vị ấy sau khi chết,
Không còn phải sầu khổ,
Đời này qua đời khác,
Sau chết, không sầu khổ.
Ta muốn ông đến hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Có những pháp nào khác,
Tốt hơn bốn pháp này:
Chơn thực và chế ngự,
Xả thí và kham nhẫn.

[Dạ-xoa:]

Làm sao nay ta hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi nay ta được biết,
Nguyên nhân của đời sau.
Phật đến Āḷavī,
Thật lợi ích cho ta.
Nay ta được biết rõ,
Cho gì được quả lớn,
Nên ta sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ Phật Chánh Giác,
Cùng đảnh lễ Chánh pháp,
Các vị chứng Pháp tánh.

11. TƯƠNG ƯNG SAKKA
(*SAKKASAMYUTTA*)

PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH SUVĪRA (*Suvīrasutta*) (*S*. I. 215)

247. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các asura (a-tu-la) tấn công chư thiên. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

"Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

"Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Suvīra:

"Này Suvīra thân yêu, các asura ấy tấn công chư thiên. Này Suvīra thân yêu, hãy đi nghênh đánh các asura."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Suvīra vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Suvīra:

Không nỗ lực, tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,
Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Suvīra:]

Kẻ nhác, không nỗ lực,
Và không làm việc gì,
Mọi ước vọng thành đạt,
Hướng tối thượng là gì?

[Sakka:]

Kẻ nhác, không nỗ lực,
Chứng được tối hậu lạc.
Suvīra hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Suvīra:]

Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chứng lạc ấy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?

[Sakka:]

Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường ấy hướng Niết-bàn,
Suvīra, hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy!

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh tấn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyết như vậy; nỗ lực, tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ.

II. KINH SUSĪMA (*Susīmasutta*) (*S*. I. 217)

248. Trú ở Sāvatthi.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa các a-tu-la tấn công chư thiên. Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma:

"Này Susīma thân yêu, các a-tu-la ấy tấn công chư thiên. Này Susīma thân yêu, hãy đi nghênh đánh các a-tu-la."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Susīma vâng đáp Thiên chủ Sakka, nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi thiên tử Susīma... nhưng phóng dật, không chịu làm gì.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với thiên tử Susīma:

Không nỗ lực tinh cần,
Vẫn đạt được an lạc,
Susīma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susīma:]

Kẻ nhác không nỗ lực,
Và không làm được gì,
Mọi dục (*kāma*) đều thành đạt,
Hướng tối thượng là gì?

[Sakka:]

Kẻ nhác không nỗ lực,
Chứng được tối hậu lạc,
Susīma hãy đi,
Giúp ta đạt pháp ấy.

[Susīma:]

Này Thiên chủ Sakka,
Không làm, chứng lạc ấy,
Không sầu, không nhiệt não,
Hướng tối thượng là gì?

[Sakka:]

Nếu không có làm gì,
Thời không có tái sanh,
Đường ấy hướng Niết-bàn,
Susīma, hãy đi,
Giúp ta đạt quả ấy.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy, sống nhờ quả công đức của mình, trị vì và cai trị chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sẽ là người tán thán nỗ lực và tinh

tấn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông làm cho sáng chói vị ấy khi các ông xuất gia trong Pháp, Luật khéo thuyết như vậy; nỗ lực, tinh cần, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng những gì chưa chứng, để ngộ những gì chưa ngộ.

III. KINH DHAJAGGA (*Dhajaggasutta*)[1] (*S*. I. 218)

249. Ở Sāvatthi. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư thiên và các asura.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

"Này thân hữu, khi các ông lâm chiến, nếu sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên; lúc ấy, các ông hãy nhìn nơi đầu ngọn cờ của ta. Khi các ông nhìn lên đầu ngọn cờ của ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của ta, thời hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa. Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, hãy ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna.[2] Khi các ông ngó lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên cũng sẽ bị tiêu diệt."

Này các Tỷ-kheo, khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên chủ Sakka, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Pajāpati, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Varuṇa, hay khi họ nhìn lên đầu ngọn cờ của Thiên vương Īsāna, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược được khởi lên có thể sẽ biến diệt và sẽ không biến diệt.

Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì Thiên chủ Sakka chưa đoạn diệt tham, chưa đoạn diệt sân, chưa đoạn diệt si, còn nhát gan, hoảng hốt, hoảng sợ, hoảng chạy.[3]

Và này các Tỷ-kheo, Ta nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, khi các ông đi vào

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *The Top of the Banner*, nghĩa là *Đầu ngọn cờ*.

[2] Ba vị Thiên vương Pajāpati, Varuṇa, Īsāna được đề cập đến trong *D.*13, *Tevjja Sutta* (*Kinh Tam minh*).

[3] Xem *S*. I. 98 (kinh 135 ở trước).

rừng, đi đến gốc cây hay đi đến nhà trống, nếu run sợ, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, trong khi ấy hãy niệm nhớ đến Ta: 'Ngài là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.'"

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Ta, hãy niệm nhớ đến Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu."

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến Pháp, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Nếu các ông không niệm nhớ đến Pháp, hãy niệm nhớ đến chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn đáng được kính lễ, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở trên đời."

Này các Tỷ-kheo, khi các ông niệm nhớ đến chúng Tăng, thời sợ hãi, hoảng hốt, hay lông tóc dựng ngược có khởi lên sẽ bị tiêu diệt.

Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã ly tham, ly sân, ly si, không nhát gan, không hoảng hốt, không hoảng sợ, không hoảng chạy.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói tiếp:

Này các vị Tỷ-kheo,
Trong rừng hay gốc cây,
Hay tại căn nhà trống,
Hãy niệm bậc Chánh Giác,
Các ông có sợ hãi,
Sợ hãi sẽ tiêu diệt.

Nếu không tư niệm Phật,
Tối thượng chủ ở đời,
Và cũng là bậc vương,
Trong thế giới loài người,
Vậy hãy tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết.

Nếu không tư niệm Pháp,
Hướng thượng, khéo tuyên thuyết,
Vậy hãy tư niệm Tăng,
Là phước điền vô thượng.

Vậy này các Tỷ-kheo,
Như vậy tư niệm Phật,
Tư niệm Pháp và Tăng,
Sợ hãi hay hoảng hốt,
Hay lông tóc dựng ngược,
Không bao giờ khởi lên.

IV. KINH VEPACITTI (*Vepacittisutta*)[4] (*S*. I. 220)

250. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thế Tôn thuyết như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, cuộc chiến xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la gọi các a-tu-la: "Này các thân hữu, trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt, nếu các a-tu-la thắng và chư thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi dắt vị ấy đến trước mặt ta, trong thành của các a-tu-la."

Còn Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam:

"Này các thân hữu, trong trận chiến giữa chư thiên và các loài a-tu-la rất là khốc liệt, nếu chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại, hãy trói Vepacitti, vua các a-tu-la [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi dắt vị ấy lên trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)."

Nhưng này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại.

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam trói a-tu-la vương Vepacitti [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka, trong giảng đường Sudhamma.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, khi Thiên chủ Sakka đi vào và đi ra khỏi giảng đường Sudhamma, vua các a-tu-la, Vepacitti bị trói [hai] tay, [hai] chân và thứ năm là cổ, nhiếc mắng, mạ lỵ Thiên chủ Sakka với những lời thô ác, độc ngữ.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Này Thiên chủ Sakka,
Có phải là ông sợ,
Hay vì ông yếu hèn,
Nên mới phải kham nhẫn,
Khi ông nghe ác ngữ,
Từ Vepacitti?

[Sakka:]

Không phải vì sợ hãi,

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Vepacitti* (or *Forbearance*), nghĩa là *Vepacitti* (hay *Kham nhẫn*).

Không phải vì yếu hèn,
Mà ta phải kham nhẫn,
Với Vepacitti.
Sao kẻ trí như ta,
Lại liên hệ người ngu?

[Mātali:]

Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trị.
Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.

[Sakka:]

Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ đối trị người ngu,
Biết kẻ khác phẫn nộ,
Giữ niệm tâm an tịnh.

[Mātali:]

Hỡi này Vāsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lỗi lầm,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vì sợ ta, nó nhẫn"
Kẻ ngu càng hăng tiết,[5]
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.

[Sakka:]

Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi[6] tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.
Không mạnh cho là mạnh,
Ấy sức mạnh kẻ ngu.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng.

---

[5] *Ajjhāruhati*: Nổi lên, leo lên.
[6] *Sadattha*: Lợi ích của chính mình.

Người giận, mình giận lại,
Ác hại nặng nề hơn.[7]
Người giận, mình không giận,
Được thắng trận khó thắng.
Sống lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,
Giữ niệm, tâm an tịnh.
Là y sĩ cả hai,
Chữa mình và chữa người.
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka ấy đã tự nuôi sống với quả công đức của mình, đã ngự trị và cai trị chư thiên Tam Thập Tam thiên, sẽ nói lời tán thán nhẫn nhục và nhu hòa.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các ông hãy làm chói sáng Pháp, Luật này bằng cách khi xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, hãy thực hành kham nhẫn và nhu hòa.

V. KINH THẮNG LỢI NHỜ THIỆN NGỮ (*Subhāsitajayasutta*) (*S*. I. 222)

251. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, một trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la (*asura*).

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

"Này Thiên chủ, hãy để ai khéo nói, người ấy thắng."

"Này Vepacitti, hãy để ai khéo nói, người ấy thắng."

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên và các a-tu-la sắp lập ra một hội đồng và nói:

"Hội đồng này sẽ phán xét ai khéo nói, ai không khéo nói."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

"Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ."

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:

"Này Vepacitti, ở đây, ông là vị lớn tuổi hơn. Này Vepacitti, hãy nói lên bài kệ."

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, vua các a-tu-la, Vepacitti, nói lên bài kệ này:

Kẻ ngu càng nổi khùng,
Nếu không người đối trị,

---

[7] Xem *S*. I. 161 (kinh 188 ở trước); *S*. I. 163 (kinh 189 ở trước).

Vậy với hình phạt nặng,
Kẻ trí trị người ngu.

Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, còn chư thiên thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

"Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ."

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

Như vậy theo ta nghĩ,
Chỉ chế ngự người ngu,
Biết kẻ khác phẫn nộ,
Giữ niệm, tâm an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:

"Này Vepacitti, hãy nói lên bài kệ."

[Vepacitti:]

Hỡi này Vāsava,
Sự kham nhẫn như vậy,
Ta thấy là lầm lỗi,
Khi kẻ ngu nghĩ rằng:
"Vì sợ ta, nó nhẫn."
Kẻ ngu càng hăng tiết,
Như bò thấy người chạy,
Càng hung hăng đuổi dài.

Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la tán thán bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, còn chư thiên thời im lặng.

Rồi Vepacitti, vua các a-tu-la, nói với Thiên chủ Sakka:

"Này Thiên chủ, hãy nói lên bài kệ."

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này:

Hãy để nó suy nghĩ,
Như ý nó mong muốn,
Nghĩ rằng ta kham nhẫn,
Vì ta sợ hãi nó.
Trong tư lợi tối thượng,
Không gì hơn kham nhẫn.
Người đầy đủ sức mạnh,
Chịu nhẫn người yếu kém,
Nhẫn ấy gọi tối thượng,
Thường nhẫn kẻ yếu hèn.

Không mạnh cho là mạnh,
Ấy sức mạnh kẻ ngu.
Người mạnh hộ trì pháp,
Không nói lời phản ứng,
Người giận, mình giận lại,
Ác hại nặng nề hơn.
Người giận, mình không giận,
Được thắng trận khó thắng.
Sống lợi ích cả hai,
Lợi mình và lợi người,
Biết kẻ khác tức giận,
Giữ niệm, tâm an tịnh.
Là y sĩ cả hai,
Chữa mình và chữa người.
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không giỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên tán thán bài kệ của Thiên chủ Sakka, còn các a-tu-la thời im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, hội đồng chư thiên và a-tu-la nói như sau:

"Những bài kệ của Vepacitti, vua các a-tu-la, nói lên là những lời bạo lực, những lời đao kiếm, đưa đến đấu tranh, bất hòa, gây hấn.

Còn những bài kệ của Thiên chủ Sakka nói lên là những lời không thuộc bạo lực, những lời không thuộc đao kiếm, không đưa đến đấu tranh, không đưa đến bất hòa, không đưa đến gây hấn. Thắng lợi đã về Thiên chủ Sakka, nhờ khéo nói."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thắng lợi về Thiên chủ Sakka nhờ khéo nói.

VI. KINH TỔ CHIM (*Kulāvakasutta*) (*S.* I. 224)

252. Ở Sāvatthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, giữa chư thiên và các a-tu-la xảy ra cuộc chiến rất ác liệt.

Này các Tỷ-kheo, trong cuộc chiến ấy, các a-tu-la thắng trận, còn chư thiên bại trận.

Này các Tỷ-kheo, chư thiên bại trận thời lui về phương Bắc, còn các a-tu-la đuổi theo họ.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với người đánh xe Mātali:

Hỡi này Mātali,
Hãy giữ cho gọng xe,
Tránh khỏi các tổ chim,

Giữa các cây bông gòn.
Thà trao mạng sống ta,
Cho các a-tu-la,
Còn hơn khiến các chim,
Trở thành không tổ ấm!

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka, liền đánh xe trở lui, cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo.

Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ: "Nay cỗ xe có ngàn con tuấn mã kéo của Thiên chủ Sakka đã trở lui. Lần thứ hai, chư thiên sẽ tiến đánh các a-tu-la." Nghĩ vậy, họ sợ hãi lui vào trong thành phố a-tu-la.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka lại thắng trận, nhờ theo Chánh pháp.

VII. KINH KHÔNG GIAN TRÁ (*Nadubbhiyasutta*) (*S*. I. 225)

253. Ở Sāvatthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka trong khi thiền tịnh độc cư, khởi lên ý nghĩ sau đây: "Dầu ai là kẻ thù của ta, đối với họ, ta không có gian trá."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua của các a-tu-la, với tâm của mình biết tâm của Thiên chủ Sakka, liền đi đến Thiên chủ Sakka.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thấy Vepacitti, vua các a-tu-la, từ xa đi đến; thấy vậy, liền nói với Vepacitti, vua các a-tu-la:

"Hãy đứng lại, này Vepacitti, ông đã bị bắt."

"Này thân hữu, tâm của ông trước như thế nào, chớ có bỏ tâm ấy!"

"Này Vepacitti, ông có thể thề:[8] 'Ta không bao giờ gian trá.'"

[Vepacitti:]

Ác báo do vọng ngôn,
Ác báo do báng Thánh,[9]
Ác báo do phản bạn,[10]
Ác báo do vong ân.[11]
Này Sujampati,
Ai gian trá với ông,
Người ấy sẽ thọ lãnh,
Các ác báo như vậy.

---

[8] *Sapassu. SA*. I. 345 viết: "Ta không có gian trá, thề với ngươi như thế".
[9] Xem *S*. I. 149 (kinh 181 ở trước).
[10] Xem *Mahākapi Jātaka* (số 407).
[11] Ví dụ như trường hợp của Devadatta.

VIII. KINH VUA A-TU-LA VEROCANA

(*Verocanaasurindasutta*)[12] (*S*. I. 225)

254. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa và ngồi thiền tịnh.

Rồi Thiên chủ Sakka và A-tu-la vương Verocana đi đến Thế Tôn; sau khi đến liền đứng, mỗi người dựa vào một cột cửa.

Rồi A-tu-la vương Verocana nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.

[Sakka:]

Mọi người phải tinh tấn,
Cho đến đích thành tựu.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.

[Verocana:]

Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.
Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Chính Verocana,
Đã nói lời như vậy.

[Sakka:]

Tất cả loại chúng sanh,
Tự có mục đích mình,
Tại chỗ này, chỗ kia,
Tùy theo sự thích ứng.
Món ăn khéo chế biến,
Làm thỏa mãn mọi loài.

---

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Verocana*, *Lord of Asuras* (or *Aims*), nghĩa là *Verocana - Vua của các a-tu-la* (hay *Các mục đích*).

Khi mục đích thành tựu,
Thời chiếu diệu chói sáng.
Không gì tốt đẹp hơn,
So sánh với kham nhẫn.

IX. KINH CÁC ẨN SĨ Ở RỪNG (*Araññāyatanaisisutta*)[13] (*S*. I. 226)

255. Ở Sāvatthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau trong những chòi lá trong rừng.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka và Vepacitti, vua các a-tu-la, đi đến các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

Rồi này các Tỷ-kheo, Vepacitti, vua các a-tu-la, sau khi mang giày ống (hia), cầm đao kiếm, có lọng che, đi vào am thất bằng cửa chính, không hữu nhiễu mà đi ngang qua mặt các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy.

Này các Tỷ-kheo, còn Thiên chủ Sakka thời cởi giày ống, giao kiếm cho người khác, xếp lọng, đi vào am thất bằng cửa phụ, đứng phía sau các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, chắp tay vái chào.

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Mùi hương các ẩn sĩ,
Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ,
Được gió thổi mang đi,
Từ đó thổi đến người.
Ôi! Vị có ngàn mắt,
Mùi hương các ẩn sĩ,
Không được cho thanh tịnh,
Này vị vua chư thiên.

[Sakka:]

Mùi hương các ẩn sĩ,
Đã lâu ngày tu hành,
Xuất phát từ thân họ,
Hãy được gió mang đi,
Như vòng hoa nhiều loại,
Được trang sức trên đầu.
Chư Tôn giả, chúng tôi
Ước mong được hương ấy,
Không gì ở nơi đây,

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Forest Seers* (or *Perfume*), nghĩa là *Các ẩn sĩ ở rừng* (hay *Hương thơm*).

Làm chư thiên ghê tởm.[14]

X. KINH CÁC ẨN SĨ Ở BỜ BIỂN (*Samuddakasutta*)[15] (*S*. I. 227)

256. Ở Sāvatthi.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá trên bờ biển.

Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, một trận chiến xảy ra giữa chư thiên và các a-tu-la rất ác liệt.

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy suy nghĩ như sau: "Chư thiên sống như pháp, các a-tu-la sống phi pháp. Chúng ta có thể nguy hiểm từ phía a-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô úy."

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A-tu-la vương Sambara.

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với A-tu-la vương Sambara:

Các ẩn sĩ chúng tôi,
Đến với Sambara,
Để xin Ngài bảo đảm,
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Những người đang sợ hãi,
Được khỏi phải sợ hãi!

[Sambara:]

Ẩn sĩ như các ông,
Không thể có vô úy.
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các ông xin vô úy,
Ta cho sự sợ hãi.

[Các ẩn sĩ:]

Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sợ hãi,
Ta nhận vậy từ ông,
Trọn đời, ông sợ hãi!

---

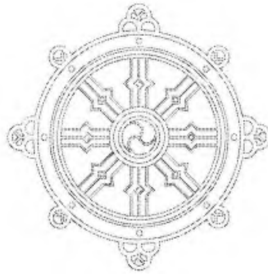
[14] Giới hương được giải thích trong *Dh*. v. 54; mùi hương loài người khiến chư thiên ghê tởm. Xem *DB*. II. 355.

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Seers of the Seaside* (or *Sambara*), nghĩa là *Các ẩn sĩ ở bờ biển* (hay *Sambara*).

Tùy hột giống đã gieo,
Ông gặt quả như vậy.
Làm thiện được quả thiện,
Làm ác bị quả ác.
Giống đã gieo và trồng,
Ông sẽ hưởng kết quả.

Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, sau khi thốt lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chòi lá trên bờ biển.

Này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Sambara bị các ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy chú nguyện như vậy, trong đêm ấy thức dậy hoảng hốt ba lần.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH THIỆN HẠNH (*Vatapadasutta*)[16] (*S*. I. 228)

257. Tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người,[17] vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Bảy thiện hạnh là gì?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thực. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn làm người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc trưởng thượng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ.
Với con người như vậy,
Chư thiên Tam Thập Tam,
Gọi là bậc Chân nhân.

II. KINH THIÊN CHỦ SAKKA (*Sakkanāmasutta*) (*S*. I. 229)

258. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavā.

---

[16] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Gods*, nghĩa là *Chư thiên*. Ngoài ra, kinh này trong bản tiếng Anh của PTS còn viết *The Rules*, nghĩa là *Cấm giới*.
[17] Xem *S*. I. 216 (kinh 247 ở trước); *Kulāvaka Jātaka* (số 31).

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được tên là Purindada.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn (*sakkaccaṃ*), do vậy được tên là Sakka.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vāsava.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được tên là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt).

Này các Tỷ-kheo, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ a-tu-la tên là Sujā, do vậy được tên là Sujampati.

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Thế nào là bảy thiện hạnh?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc trưởng thượng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ.
Với con người như vậy,
Chư thiên Tam Thập Tam,
Gọi là bậc Chân nhân.

III. KINH MAHĀLI (*Mahālisutta*) (*S*. I. 230)

259. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Mahāli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāli, người Licchavi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thấy Thiên chủ Sakka không?

– Này Mahāli, Ta có thấy Thiên chủ Sakka.

– Bạch Thế Tôn, có thể vị ấy tương tự giống Sakka. Bạch Thế Tôn, thật khó thấy Thiên chủ Sakka.

– Này Mahāli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Sakka. Và Ta biết các pháp ấy.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghavā.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được gọi là Purindada.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí một cách trọn vẹn, do vậy được gọi là Sakka.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được gọi là Vāsava.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị ấy có thể trong một thời gian rất ngắn, suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được gọi là Sahassakkha (Ngàn Con Mắt).

Này Mahāli, Sakka trở thành người chồng của một thiếu nữ a-tu-la là Sujā, do vậy được gọi là Sujampati.

Này Mahāli, Thiên chủ Sakka thống lãnh và trị vì Tam Thập Tam thiên, do vậy được gọi là Thiên chủ.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh, Sakka được địa vị Sakka.

Thế nào là bảy thiện hạnh?

Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng bậc trưởng thượng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói lời hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm ly cấu uế và xan tham, tôi sống trong gia đình với tâm bố thí, với tay sạch sẽ, hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các yêu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi có phẫn nộ, tôi sẽ mau chóng dẹp trừ phẫn nộ ấy.

Này Mahāli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy thiện hạnh. Nhờ chấp trì bảy thiện hạnh này, Sakka được địa vị Sakka.

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc trưởng thượng,
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng xan tham,
Là con người chân thực,
Nhiếp phục được phẫn nộ.
Với con người như vậy,
Chư thiên Tam Thập Tam,
Gọi là bậc Chân nhân.

IV. KINH NGƯỜI NGHÈO (*Daḷiddasutta*) (*S.* I. 231)

260. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một người ở tại thành Vương Xá này; người ấy nghèo khó, bần cùng,[18] khốn khổ.

Người ấy chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ.

Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.

Ở đây, này các vị Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: "Thật là kỳ lạ! Thật là chưa từng có! Thiên tử này thuở xưa làm người, nghèo khó, bần cùng, khốn khổ. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng."

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở Tam Thập Tam thiên: "Này chư thân hữu, chớ có bực tức với vị thiên tử này. Này chư thân hữu, vị thiên tử này trước kia làm người, chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ. Người ấy do chấp trì lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, chấp trì giới, chấp trì văn, chấp trì thí, chấp trì tuệ nên sau khi thân hoại mạng

[18] Ngài Buddhaghosa giải thích *kapaṇa* là người được người khác thương hại.

chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này, và cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng."

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ai tín thành Như Lai,
Bất động, khéo an trú;
Ai giữ giới thuần thiện,
Được bậc Thánh tán thán;
Ai tín thành chúng Tăng,
Chơn trực và chánh kiến,
Được gọi: "Không phải nghèo",
Đời sống không hư vọng.
Do vậy người có trí,
Phải nhớ lời Phật dạy,
Tín thành và trì giới,
Tri kiến đúng Chánh pháp.[19]

V. KINH KHẢ ÁI, KHẢ LẠC (*Rāmaṇeyyakasutta*) (*S.* I. 232)

261. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, địa cảnh nào khả ái, khả lạc?

[Thế Tôn:]

Các cảnh vườn mỹ diệu,[20]
Các khu rừng mỹ diệu,
Các ao sen khéo xây,
Được loài người khả ái,
Thật sự chỉ đáng giá,
Chỉ một phần mười sáu.
Tại làng hay tại rừng,
Chỗ đất thấp hay cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Địa cảnh ấy khả ái.

VI. KINH TỔ CHỨC LỄ TẾ ĐÀN (*Yajamānasutta*) (*S.* I. 232)

262. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

[19] Trong *Chú giải*, Ngài Buddhaghosa giải thích *pasāda* (niềm tin) là có niềm tin đối với Phật, Pháp, Tăng. *Dhammadassana* (thấy pháp) trong kinh này có nghĩa là hiểu rõ Bốn Thánh đế. Xem *A.* II. 57.
[20] *Cetyā* trong nghĩa sai khác, dị biệt, có nhiều màu sắc.

Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Loài người lễ tế đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Chỗ nào sự bố thí,
Được quả báo thật lớn?

[Thế Tôn:]

Ai thành tựu bốn Đạo,
Ai chứng đắc bốn Quả,[21]
Tăng chúng ấy chơn trực,
Giới, Định, Tuệ đầy đủ.
Loài người lễ tế đàn,
Chúng sanh mong công đức.
Ai làm các công đức,
Đưa đến sự tái sanh,
Bố thí cho chúng Tăng,
Được quả báo thật lớn.[22]

VII. KINH ĐẢNH LỄ ĐỨC PHẬT (*Buddhavandanāsutta*)[23] (*S.* I. 233)

263. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang nghỉ trưa thiền tịnh.

Rồi Thiên chủ Sakka và Phạm thiên Sahampati[24] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi người đứng dựa vào một cột cửa.

Rồi Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Đứng lên bậc Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Đã đặt gánh nặng xuống,
Không mắc nợ một ai.
Bộ hành khắp thế giới,
Tâm Ngài khéo giải thoát,
Chẳng khác gì mặt trăng,
Trong đêm rằm chói sáng.

Phạm thiên Sahampati:

– Này Thiên chủ, kính lễ Như Lai không phải như vậy. Và này Thiên chủ, kính lễ Như Lai phải như thế này:

---

[21] Xem *S.* I. 98 (kinh 135 ở trước); *KS.* I. 281, n. 2.
[22] Xem *S.* I. 75 (kinh 120 ở trước); *S.* I. 100 (kinh 136 ở trước).
[23] Bản tiếng Anh của PTS: *Worship*, nghĩa là *Đảnh lễ*.
[24] Xem *S.* I. 136 (kinh 172 ở trước).

Đứng lên bậc Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường,
Lãnh đạo đoàn lữ hành,
Không mắc nợ một ai.
Bộ hành khắp thế giới,
Thế Tôn hãy thuyết pháp,
Có những người sẽ hiểu.

VIII. KINH ĐẢNH LỄ HÀNG CƯ SĨ (*Gahaṭṭhavandanāsutta*)[25] (*S.* I. 234)

264. Tại Sāvatthi. Ở đây... Thế Tôn nói:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

"Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:

"Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời."

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay và đảnh lễ các phương hướng.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Bậc Tam minh lễ Ngài,
Tất cả Sát-đế-ly,
Ở trên cõi đất này,
Cũng đều đảnh lễ Ngài,
Kể cả Bốn Thiên Vương,
Bậc danh xưng Tam Thập.
Dạ-xoa ấy tên gì,
Vị mà Ngài đảnh lễ,
Này Thiên chủ Sakka?

[Sakka:]

Bậc Tam minh lễ ta,
Tất cả Sát-đế-ly,
Ở trên cõi đất này,
Cũng đều đảnh lễ ta,

[25] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (265, 266) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Sakka's Worshipping*, nghĩa là *Thiên chủ Sakka đảnh lễ*.

Kể cả Bốn Thiên Vương,
Bậc danh xưng Tam Thập.
Nhưng ta chỉ đảnh lễ,
Bậc thành tựu giới luật,
Lâu ngày tu thiền định,
Chơn chánh hạnh xuất gia,
Thành đạt và chứng được,
Cứu cánh chơn Phạm hạnh.
Ngoài ra các gia chủ,
Làm công đức, giữ giới,
Nuôi dưỡng vợ đúng pháp,
Các cư sĩ như vậy,
Ta cũng sẽ đảnh lễ,
Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối thượng,
Sakka, Ngài đảnh lễ.
Những vị Ngài đảnh lễ,
Tôi cũng đều đảnh lễ,
Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
Vua Sujampati,
Đảnh lễ các phương xong,
Lên xe, dẫn đi đầu.

IX. KINH ĐẢNH LỄ BẬC ĐẠO SƯ (*Satthāravandanāsutta*) (*S*. I. 235)

265. Ở Sāvatthi, tại Jetavana.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

"Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Sakka:

"Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Nay Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời."

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay kính lễ Thế Tôn.

Rồi Mātali, người đánh xe nói lên những bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Thiên, nhân kính lễ Ngài,
Hỡi này Vāsava!
Dạ-xoa ấy tên gì,
Vị mà Ngài đảnh lễ,
Này Thiên chủ Sakka?

[Sakka:]

Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Đời này với chư thiên,
Bậc Đạo Sư tối thượng,
Vị ấy ta đảnh lễ,
Hỡi này Mātali!
Những vị đã đoạn trừ,
Tham, sân và vô minh,
Bậc Lậu Tận, La-hán,
Vị ấy ta đảnh lễ.
Bậc Điều Phục Tham Sân,
Vượt khỏi màn vô minh,
Hoan hỷ đoạn tái sanh,
Các bậc thuộc Hữu học,
Không phóng dật, tu học,
Vị ấy ta đảnh lễ,
Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối Thượng,
Sakka, Ngài đảnh lễ.
Những vị Ngài đảnh lễ,
Tôi cũng đều đảnh lễ,
Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
Vua Sujampati,
Đảnh lễ Thế Tôn xong,
Lên xe, dẫn đi đầu.

X. KINH ĐẢNH LỄ CHÚNG TĂNG (*Saṅghavandanāsutta*) (*S*. I. 235)

266. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Ở đây... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Mātali:

"Này Mātali thân, hãy thắng ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe. Chúng ta hãy đi đến vườn cảnh để ngắm cảnh."

"Thưa vâng, Tôn giả."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe Mātali vâng đáp Thiên chủ Sakka. Sau khi thắng một ngàn con ngựa khéo huấn luyện vào cỗ xe, vị ấy liền báo với Thiên chủ Sakka:

"Thưa Ngài, ngàn con ngựa khéo huấn luyện đã được thắng vào cỗ xe. Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời."

Này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chắp tay đảnh lễ chúng Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, rồi người đánh xe Mātali nói lên bài kệ với Thiên chủ Sakka:

Họ phải đảnh lễ Ngài,
Những người thân bất tịnh,
Chìm sâu trong thi thể,
Bị đói khát giày vò,
Có gì Ngài ưa thích,
Đối những vị xuất gia?
Hãy nói cho được biết,
Sở hành các ẩn sĩ,
Nhờ vậy chúng tôi nghe,
Được tiếng nói của Ngài,
Hỡi này Vāsava!

[Sakka:]

Hỡi này Mātali!
Đối những vị xuất gia,
Điều khiến ta ưa thích,
Khi họ từ làng về,
Họ đi không tham vọng,
Vựa lúa không cất chứa,
Không ghè, không nồi niêu.
Những gì họ tìm kiếm,
Có người khác sẵn sàng.
Do vậy họ nuôi sống,
Theo cung cách tốt đẹp.
Họ là bậc hiền trí,
Khuyên nhủ lời tốt đẹp,
Hay họ giữ im lặng,
Trong tư thế trầm tĩnh.
Chư thiên chiến tu-la,

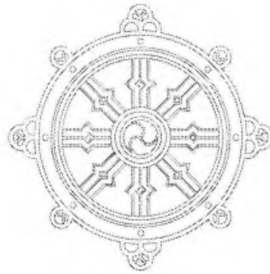
Loài người cũng gây chiến,
Hỡi này Mātali!
Không chiến giữa gây chiến,
Trầm tĩnh giữa đao gậy,
Không chấp giữa chấp trước,
Vậy ta kính lễ họ,
Hỡi này Mātali!

[Mātali:]

Phải, tôi cũng được nghe,
Ở đời bậc Tối thượng,
Sakka, Ngài đảnh lễ.
Những vị Ngài đảnh lễ,
Tôi cũng đều đảnh lễ,
Ôi này Vāsava!

[Thế Tôn:]

Maghavā nói vậy,
Vua Sujampati,
Đảnh lễ Tăng chúng xong,
Lên xe, dẫn đi đầu.



III. PHẨM THỨ BA
(*TATIYAVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN DỨT (*Chetvāsutta*)[26] (*S*. I. 237)

267. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Đoạn vật gì được lạc?
Đoạn vật gì không sầu?
Có một loại pháp gì,
Ngài tán đồng đoạn dứt,
Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phẫn nộ được lạc.
Đoạn phẫn nộ không sầu.
Phẫn nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng,
Pháp ấy, bậc Hiền Thánh,
Tán đồng sự đoạn dứt.
Đoạn pháp ấy, không sầu,
Hỡi này Vāsava!

II. KINH XẤU XÍ (*Dubbaṇṇiyasutta*) (*S*. I. 237)

268. Ở Sāvatthi, tại Jetavana. Tại đây... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to (*okoṭimaka*) đến ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: "Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Tên dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to lại đến ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka."

Này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên càng bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng đẹp hơn, càng dễ nhìn, càng dễ thương bấy nhiêu.

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, nói với Thiên chủ Sakka:

---

[26] Bản tiếng Anh của PTS: *What Must We Slay*? nghĩa là *Chúng ta phải đoạn dứt thứ gì*? Kinh này được đề cập đến 4 lần. Xem *S*. I. 41 (kinh 71 ở trước); *S*. I. 47 (kinh 84 ở trước); *S*. I. 160 (kinh 187 ở trước).

"Ở đây, này Tôn giả, có một dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to đến ngồi trên chỗ ngồi của Ngài. Ở đây, này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên bực tức, chán ghét, phẫn uất: 'Thật kỳ lạ thay! Thật là chưa từng có! Dạ-xoa này xấu xí, thấp lùn, bụng to lại đến ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka.' Nhưng này Tôn giả, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên càng bực tức, chán ghét, phẫn uất bao nhiêu, thời dạ-xoa xấu xí, thấp lùn, bụng to ấy càng tốt đẹp, càng dễ nhìn và càng dễ thương bấy nhiêu. Thưa Tôn giả, có phải dạ-xoa ấy sẽ trở thành dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ?"

Rồi này các Tỳ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ ấy; sau khi đến, đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phải quỳ trên đất, chắp tay vái dạ-xoa nuôi dưỡng bằng phẫn nộ và nói lên tên của mình ba lần: "Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka. Thưa Tôn giả, tôi là Thiên chủ Sakka."[27]

Này các Tỳ-kheo, Thiên chủ Sakka càng nói lên tên của mình bao nhiêu, thời dạ-xoa ấy càng trở thành xấu xí, thấp lùn, bụng to bấy nhiêu; và sau khi trở thành càng xấu xí, càng thấp lùn, bụng to hơn, vị ấy biến mất tại chỗ ấy.

Này các Tỳ-kheo, Thiên chủ Sakka, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình, làm cho hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Tâm ta không dễ dàng,
Để cho bị thất trận,
Không dễ bị lôi kéo,
Trong xoáy nước phẫn nộ.
Người biết đã từ lâu,
Ta không còn phẫn nộ,
Phẫn nộ không chân đứng,
Một chỗ nào trong ta.
Ta không nói ác ngữ,
Vì phẫn nộ giận hờn,
Và không có khen tặng,
Những đức tánh của ta,[28]
Thấy được lợi ích mình,
Ta tự thân chế ngự.

III. KINH ẢO THUẬT CỦA SAMBARA (*Sambarimāyāsutta*) (*S.* I. 238)

269. Tại Sāvatthi… Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỳ-kheo, thuở xưa A-tu-la vương Vepacitti bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

---

[27] Xem *S.* I. 77 (kinh 122 ở trước).

[28] Câu này có thể có hai nghĩa: Chớ có nói lên lời tán thán đức tánh của tôi và tôi không làm trái với lòng tin của tôi.

Rồi này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đi đến A-tu-la vương Vepacitti để hỏi thăm tình trạng bệnh hoạn.

Này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti từ đằng xa trông thấy Thiên chủ Sakka đi đến; thấy vậy, liền nói với Thiên chủ Sakka:

"Này Thiên chủ, hãy chữa bệnh cho tôi."

"Này Vepacitti, hãy nói tôi biết ảo thuật của Sambara."

"Này Tôn giả, hãy chờ tôi hỏi ý kiến các a-tu-la."

Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti hỏi ý kiến các a-tu-la:

"Chư Tôn giả, tôi có nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambara không?"

"Thưa Tôn giả, Ngài không nên nói cho Thiên chủ Sakka ảo thuật của Sambara."

Rồi này các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Vepacitti nói lên bài kệ này với Thiên chủ Sakka:

Ông thuộc dòng Magha,
Là Sakka, Thiên chủ,
Là chồng của Sujā,
Ảo thuật dắt dẫn đến,
Vực sâu của địa ngục,
Tại đấy Sambara,
Đã sống một trăm năm.

IV. KINH PHẠM TỘI (*Accayasutta*)[29] (*S.* I. 239)

270. Ở Sāvatthi...

Lúc bấy giờ, hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Ở đây, một Tỷ-kheo phạm tội, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai Tỷ-kheo cãi lộn nhau. Một Tỷ-kheo phạm tội. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy phát lộ tội phạm là tội phạm trước mặt Tỷ-kheo kia. Tỷ-kheo kia không chấp nhận.

– Này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là ngu si: Một vị không thấy phạm tội là phạm tội, một vị không chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ-kheo, hai vị Tỷ-kheo này là ngu si.

Này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo này là sáng suốt: Một vị thấy phạm tội là phạm tội, một vị chấp nhận phát lộ tội phạm đúng pháp. Này các Tỷ-kheo, hai vị Tỷ-kheo này là sáng suốt.

[29] Bản tiếng Anh của PTS: *Gentleness at Offence*, nghĩa là *Tha thứ lỗi lầm*.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư thiên ở Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

Hãy nhiếp phục phẫn nộ,
Giữ tình bạn không phai.
Không đáng mắng, chớ mắng.
Không nên nói hai lưỡi.
Phẫn nộ đối người ác,
Như núi đè bẹp người.

V. KINH KHÔNG PHẪN NỘ (*Akkodhasutta*)[30] (*S*. I. 240)

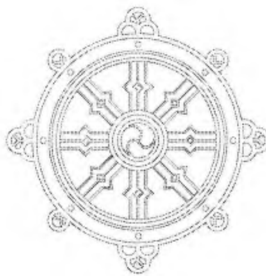
271. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka, để làm hòa dịu chư Thiên ở Tam Thập Tam thiên tại hội trường Sudhamma, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

Chớ để lòng phẫn nộ,
Nhiếp phục chi phối người!
Chớ để lòng sân hận,
Đối trị với sân hận!
Không phẫn nộ, vô hại,
Bậc Thánh thường an trú.
Phẫn nộ đối người ác,
Như núi đè bẹp người.



[30] Bản tiếng Anh của PTS: *Mildness* (and *Kindness*), nghĩa là *Hòa nhã* (và *Tử tế*).

II. THIÊN NHÂN DUYÊN
(*NIDĀNAVAGGA*)

12. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN (*NIDĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM PHẬT-ĐÀ (*BUDDHAVAGGA*)

I. KINH DUYÊN KHỞI (*Paṭiccasamuppādasutta*)[1] (*S*. II. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), trong vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tập khởi.

Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là đoạn diệt.

Thế Tôn nói như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *The Teaching*, nghĩa là *Giáo giới*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.5. 0797b14).

II. KINH PHÂN BIỆT (*Vibhaṅgasutta*)[2] (*S*. II. 2)

2. Trú ở Sāvatthi (Xá-vệ)…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích[3] cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong,[4] các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu? Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ? Này các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thủ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái? Này các Tỷ-kheo, có sáu ái thân này: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ái.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc thân này: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

---

[2] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.298. 0085a11).

[3] *Vibhajissāmi. Vibhaji*: Phân chia, phân phái. Tăng đoàn của đức Phật về sau phân chia thành *Phân Biệt bộ* (*Vibhajjavādins*) hay *Phân Tích bộ*. Tham chiếu: *M*. II. 197, *Subha Sutta*; *PC*. xxxviii, xlf.

[4] *Maccu maraṇaṃ. Chú giải* giải thích *maccu* là chết, có liên hệ đến tái sanh, nhưng không theo quan điểm Đoạn kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra, đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là danh sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có ba hành này: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn của toàn bộ khổ uẩn này.

III. KINH CON ĐƯỜNG (*Paṭipadāsutta*) (*S*. II. 4)

3. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo? Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo.

IV. KINH VIPASSĪ (*Vipassīsutta*)[5] (*S*. II. 5)

4. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trước khi Ngài giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát đã

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.366. 0101a16).

khởi lên tư tưởng sau đây: "Thật sự thế giới này bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?" Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt, già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sanh có mặt? Do duyên gì, sanh sanh khởi?" Sau khi như lý tư duy, này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hữu có mặt nên sanh có mặt. Do duyên hữu, sanh sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hữu có mặt? Do duyên gì, hữu sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thủ có mặt nên hữu có mặt. Do duyên thủ, hữu sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thủ có mặt? Do duyên gì, thủ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do ái có mặt nên thủ có mặt. Do duyên ái, thủ sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, ái có mặt? Do duyên gì, ái sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thọ có mặt nên ái có mặt. Do duyên thọ, ái sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thọ có mặt? Do duyên gì, thọ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do xúc có mặt nên thọ có mặt. Do duyên xúc, thọ sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, xúc có mặt? Do duyên gì, xúc sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sáu xứ có mặt nên xúc có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sáu xứ có mặt? Do duyên gì, sáu xứ sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên sáu xứ có mặt. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, danh sắc có mặt? Do duyên gì, danh sắc sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc có mặt. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có

mặt, thức có mặt? Do duyên gì, thức sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hành có mặt nên thức có mặt. Do duyên hành, thức sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hành có mặt? Do duyên gì, hành sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh, hành sanh khởi."

Như vậy, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

"Tập khởi, tập khởi", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassī, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt? Do cái gì diệt nên sanh diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hữu không có mặt nên sanh không có mặt. Do hữu diệt nên sanh diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên hữu không có mặt? Do cái gì diệt nên hữu diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thủ không có mặt nên hữu không có mặt. Do thủ diệt nên hữu diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên thủ không có mặt? Do cái gì diệt nên thủ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do ái không có mặt nên thủ không có mặt. Do ái diệt nên thủ diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên ái không có mặt? Do cái gì diệt nên ái diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thọ không có mặt nên ái không có mặt. Do thọ diệt nên ái diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên thọ không có mặt? Do cái gì diệt nên thọ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do xúc không có mặt nên thọ không có mặt. Do xúc diệt nên thọ diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có

mặt nên xúc không có mặt? Do cái gì diệt nên xúc diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sáu xứ không có mặt nên xúc không có mặt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên sáu xứ không có mặt? Do cái gì diệt nên sáu xứ diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt nên sáu xứ không có mặt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nên danh sắc không có mặt? Do cái gì diệt nên danh sắc diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt nên danh sắc không có mặt. Do thức diệt nên danh sắc diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nên thức không có mặt? Do cái gì diệt nên thức diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do hành không có mặt nên thức không có mặt. Do hành diệt nên thức diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Bồ-tát Vipassī lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt nên hành không có mặt? Do cái gì diệt nên hành diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, Bồ-tát Vipassī nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt."

Như vậy, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

"Đoạn diệt, đoạn diệt", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, với Bồ-tát Vipassī, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

V. KINH SIKHĪ (*Sikhīsutta*) (*S*. II. 9)

5. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Sikhī (Thi-khí), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

VI. KINH VESSABHŪ (*Vessabhūsutta*) (*S*. II. 9)

6. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vessabhū (Tỳ-xá-phù), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

VII. KINH KAKUSANDHA (*Kakusandhasutta*) (*S*. II. 9)

7. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Kakusandha (Câu-lưu-tôn), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

VIII. KINH KOṆĀGAMANA (*Koṇāgamanasutta*) (*S*. II. 9)

8. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Koṇāgamana (Câu-na-hàm), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

IX. KINH KASSAPA (*Kassapasutta*) (*S*. II. 9)

9. Rồi này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp), bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... (như trên).

X. KINH GOTAMA (*Gotamasutta*)[6] (*S*. II. 9)

10. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật sự thế giới này bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly, thoát khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly, thoát khỏi già và chết."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy,[7] nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt, già chết có mặt. Do duyên sanh, già chết sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... Do duyên gì hành sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi."

Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

"Tập khởi, tập khởi", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diệt?" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt nên sanh không có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... Do cái gì diệt nên hành diệt?"

---

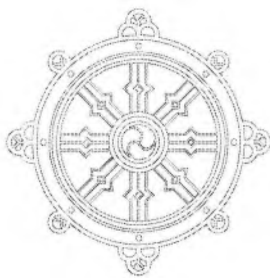
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Gotama the Great Seer of the Sakyas*, nghĩa là *Gotama - bậc Trí tuệ vĩ đại của dòng họ Thích-ca.*

[7] *Yoniso, yoni:* Có nghĩa là trung tâm, lỗ rún. *Chú giải* giải thích là phương tiện. *Yoniso* có nghĩa chú ý vào phương tiện, nguyên nhân.

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: "Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt."

Như vậy, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

"Đoạn diệt, đoạn diệt", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.



II. PHẨM ĐỒ ĂN (*ĀHĀRAVAGGA*)

I. KINH CÁC LOẠI ĐỒ ĂN (*Āhārasutta*)[8] (*S*. II. 11)

11. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), trong vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn[9] này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? [Một là] đoàn thực[10] hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực,[11] bốn là thức thực.[12] Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

Và này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Bốn loại đồ ăn này do ái làm nhân, do ái tập khởi, do ái tác sanh, do ái làm cho hiện hữu.

Ái này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Ái do thọ làm nhân, do thọ tập khởi, do thọ tác sanh, do thọ làm cho hiện hữu.

Thọ này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thọ do xúc làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc tác sanh, do xúc làm cho hiện hữu.

Xúc này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Xúc do sáu xứ làm nhân, do sáu xứ tập khởi, do sáu xứ tác sanh, do sáu xứ làm cho hiện hữu.

Sáu xứ này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Sáu xứ do danh sắc làm nhân, do danh sắc tập khởi, do danh sắc tác sanh, do danh sắc làm cho hiện hữu.

Danh sắc này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Danh sắc do thức làm nhân, do thức tập khởi, do thức tác sanh, do thức làm cho hiện hữu.

---

[8] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.371. 0101c25); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.29.3-4. 0656a29-0656c09)

[9] *Āhārā*. *Āhar* là đem đến, mang tới. *Chú giải* giải thích *Āhārā là paccayā*, vì các *paccayā* đem quả đến. *A*. V. 136 viết có 10 món ăn.

[10] *Chú giải* giải thích không có ý nghĩa gì trong thứ tự các món ăn.

[11] Theo *Chú giải*, *manosañcetanā*, chỉ cho món ăn bồi dưỡng cho dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

[12] *Viññāṇa āhārā:* Thức thực. Theo *Chú giải*, *cuticitta* (tử tâm) là tâm cuối cùng của đời sống, hành động đưa đến *paṭisandhicitta* (kiết sanh thức), là quả cho giai đoạn đầu tiên mọi đời sống mới.

Thức này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Thức do hành làm nhân, do hành tập khởi, do hành tác sanh, do hành làm cho hiện hữu.

Các hành này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu? Các hành này do vô minh làm nhân, do vô minh tập khởi, do vô minh tác sanh, do vô minh làm cho hiện hữu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

II. KINH MOḶIYAPHAGGUNA (*Moḷiyaphaggunasutta*)[13] (*S*. II. 12)

12. Trú tại Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh. Thế nào là bốn? [Một là] đoàn thực hoặc thô hoặc tế, hai là xúc thực, ba là tư niệm thực, bốn là thức thực. Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại, hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Moḷiyaphagguna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ai ăn thức thực?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có ai ăn." Nếu Ta nói: "Có kẻ ăn", thời câu hỏi: "Có ai ăn?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, thức thực là cho ai?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Thức thực là duyên cho sự sanh thành, cho sự tái sanh trong tương lai. Khi cái ấy hiện hữu, có mặt, thời sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt."

– Bạch Thế Tôn, ai cảm xúc?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ cảm xúc." Nếu Ta nói: "Có kẻ cảm xúc", thời câu hỏi: "Ai cảm xúc?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gì, xúc sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi."

– Bạch Thế Tôn, ai cảm thọ?

Thế Tôn đáp:

---

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.372. 0102a12).

– Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có người cảm thọ." Nếu Ta có nói: "Có người cảm thọ", thời câu hỏi "Ai cảm thọ?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thọ sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi."

– Bạch Thế Tôn, ai khát ái?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ khát ái." Nếu Ta nói: "Có kẻ khát ái", thời câu hỏi "Ai khát ái?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gì, ái sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên ái, thủ sanh khởi."

– Bạch Thế Tôn, ai chấp thủ?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ chấp thủ." Nếu Ta nói: "Có kẻ chấp thủ", thời câu hỏi "Ai chấp thủ?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy nên nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thủ sanh khởi?", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do duyên thủ, hữu sanh khởi." ... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng này Phagguna, do ly tham, đoạn diệt một cách hoàn toàn sáu xúc xứ nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

III. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*)[14] (*S.* II. 14)

13. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ già chết, không biết rõ già chết tập khởi, không biết rõ già chết đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...; không biết rõ các hành, không biết rõ các hành tập khởi, không biết rõ các hành đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết rõ già chết,

[14] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.353. 0099b02).

biết rõ già chết tập khởi, biết rõ già chết đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt;... biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...; biết rõ các hành, biết rõ các hành tập khởi, biết rõ các hành đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

IV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI
(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S.* II. 15)

14. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ những pháp này, không biết rõ những pháp này tập khởi, không biết rõ những pháp này đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

Những pháp gì họ không được biết rõ? Những pháp gì họ không được biết rõ tập khởi? Những pháp gì họ không được biết rõ đoạn diệt? Những pháp gì họ không được biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt?

Họ không biết rõ già chết; họ không biết rõ già chết tập khởi; họ không biết rõ già chết đoạn diệt; họ không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Họ không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Họ không biết rõ các hành... Họ không biết rõ các pháp này; họ không biết rõ những pháp này tập khởi; họ không biết rõ những pháp này đoạn diệt; họ không biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết rõ được những pháp này, biết rõ được những pháp này tập khởi, biết rõ được những pháp này đoạn diệt, biết rõ được con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

Họ biết rõ pháp gì? Họ biết rõ những pháp gì tập khởi? Họ biết rõ những pháp gì đoạn diệt? Họ biết rõ con đường đưa đến những pháp gì đoạn diệt?

Họ biết rõ già chết; họ biết rõ già chết tập khởi; họ biết rõ già chết đoạn diệt; họ biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt. Họ biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Họ biết rõ các hành; họ biết rõ các hành tập khởi; họ biết rõ các hành đoạn diệt; họ biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt. Họ biết rõ những pháp này; họ biết rõ những pháp này tập khởi; họ biết rõ những pháp này đoạn diệt; họ biết rõ con đường đưa đến những pháp này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại có thể với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

V. KINH KACCĀNAGOTTA (*Kaccānagottasutta*)[15] (*S*. II. 16)

15. Trú ở Sāvatthi (Xá-vệ). Rồi Tôn giả Kaccānagotta (Ca-chiên-diên thị) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccānagotta bạch Thế Tôn:

– "Chánh kiến, chánh kiến", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là chánh kiến?

– Này Kaccāna, thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này: Có và không có.[16]

Này Kaccāna, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Này Kaccāna, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.

Này Kaccāna, chấp thủ phương tiện và bị thiên kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy. Và ai với tâm không trú trước, không chấp thủ phương tiện ấy; không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy; không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: "Đây là tự ngã của tôi." Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccāna, là chánh kiến.

"Tất cả là có", này Kaccāna, là cực đoan thứ nhất. "Tất cả là không có", là cực đoan thứ hai.

Xa lìa hai cực đoan ấy, này Kaccāna, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo.

Vô minh duyên hành. Hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VI. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (*Dhammakathikasutta*)[17] (*S*. II. 17)

16. Tại Sāvatthi... Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là vị thuyết pháp?

---

[15] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.301. 0085c17); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.262. 0066b06).

[16] *Chú giải* giải thích những ai thấy có sự đoạn diệt của sự vật thì chấp đoạn, những ai thấy được có sự tập khởi của sự vật thì chấp thường.

[17] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.363-365. 0100c04-0101a06).

– Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

Nếu Tỷ-kheo thực hành về yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yểm ly, ly tham, đoạn diệt già chết, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... (như trên). Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp.

Nếu Tỷ-kheo thực hành về yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành các pháp và tùy pháp.

Nếu Tỷ-kheo giải thoát, không còn chấp thủ mọi yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vậy là đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong đời sống hiện tại.

VII. KINH LÕA THỂ KASSAPA (*Acelakassapasutta*)[18] (*S.* II. 18)

17. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rājagaha để khất thực.

Lõa thể Kassapa thấy Thế Tôn từ xa đi đến. Sau khi thấy, lõa thể Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

– Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

– Này Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

Lần thứ hai, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

– Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

– Này Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

Lần thứ ba, lõa thể Kassapa... (như trên). Chúng ta đã vào trong làng.

Khi được nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

– Nhưng không phải chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama nhiều chuyện.

– Vậy hãy hỏi đi, này Kassapa, như ông muốn.

---

[18] Bản tiếng Anh của PTS: *The Unclothed* (*Ascetic*), nghĩa là *Lõa thể* (*Đạo sĩ*). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.302. 0086a04); *Phật vị A-chi-la Ca-diếp tự hóa tác khổ kinh* 佛為阿支羅迦葉自化作苦經 (*T.*14. 0499. 0768b19).

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do tự mình làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Kassapa.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do người khác làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Kassapa.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do mình làm ra và do người khác làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Kassapa.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, khổ do tự nhiên sanh?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Kassapa.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ không có?

– Này Kassapa, không phải khổ không có. Khổ có, này Kassapa.

– Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy khổ?

– Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khổ. Này Kassapa, Ta biết khổ. Này Kassapa, Ta thấy khổ.

– Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải tự mình làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa." Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải do người khác làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa." Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa." Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra, khổ do tự nhiên sanh?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa." Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khổ không có?" Ngài trả lời: "Không phải khổ không có. Khổ có, này Kassapa." Được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy khổ?" Ngài trả lời: "Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khổ. Này Kassapa, Ta biết khổ. Này Kassapa, Ta thấy khổ." Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên cho con về khổ; bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết cho con về khổ!

– Một người làm và chính người làm ấy cảm thọ [kết quả]. Này Kassapa, như ông gọi ban đầu: "Khổ do tự mình làm ra", như vậy có nghĩa là thường kiến.

Một người khác làm và một người khác cảm thọ. Này Kassapa, như vậy đối với người bị cảm thọ, được xảy ra như: "Khổ do người khác làm ra", như vậy có nghĩa là đoạn kiến.

Này Kassapa, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo. Vô minh duyên hành, hành duyên thức... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập

khởi. Nhưng do ly tham và đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Khi được nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, con xin xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ Đại giới.

– Này Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, nếu chúng Tăng đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

– Bạch Thế Tôn, nếu ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm; sau khi sống biệt trú bốn năm nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng cho con xuất gia, cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và lõa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới.

Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia chơn chánh đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong đời sống hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị này chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."[19]

Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. KINH TIMBARUKA (*Timbarukasutta*)[20] (*S*. II. 22)

18. Trú ở Sāvatthi. Rồi du sĩ Timbaruka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Timbaruka bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ tự mình làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Timbaruka.

---

[19] *Chú giải* giải thích về sau không có danh sắc tương tự nữa.
[20] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.303. 0086b24).

– Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc, khổ do người khác làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Timbaruka.

– Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải lạc, khổ do tự mình làm ra và do người khác làm ra?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Timbaruka.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, vậy có phải lạc, khổ do tự nhiên sanh?

Thế Tôn đáp:

– Không phải vậy, này Timbaruka.

– Thưa Tôn giả Gotama, vậy có phải không có lạc, khổ?

– Này Timbaruka, không phải không có lạc, khổ. Này Timbaruka, có lạc, khổ.

– Nếu vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc, khổ?

– Này Timbaruka, không phải Ta không biết, không thấy lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc, khổ.

– Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ do tự mình làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Timbaruka." Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ do người khác làm ra?" Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Timbaruka." Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ do tự mình làm ra và do người khác làm ra?" Ngài đáp: "Không phải vậy, này Timbaruka." Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ không phải do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, có phải lạc, khổ do tự nhiên sanh?" Ngài đáp: "Không phải vậy, này Timbaruka." Được hỏi: "Thưa Tôn giả Gotama, có phải lạc, khổ không có?" Ngài đáp: "Này Timbaruka, không phải không có lạc, khổ, này Timbaruka, có lạc, khổ." Được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy lạc, khổ?" Ngài đáp: "Này Timbaruka, không phải Ta không biết, không thấy lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta biết lạc, khổ. Này Timbaruka, Ta thấy lạc, khổ." Vậy Tôn giả Gotama hãy nói lên cho con về lạc, khổ. Vậy Tôn giả Gotama hãy thuyết cho con về lạc, khổ!

– "Sự cảm thọ và người cảm thọ là cùng một người."[21] Này Timbaruka, như ông nói ban đầu: "Lạc, khổ do tự mình làm ra", Ta nói không phải vậy.

"Cảm thọ và người cảm thọ là khác nhau", này Timbaruka, như vậy đối với người bị cảm thọ: "Lạc, khổ do người khác làm ra", Ta nói không phải vậy.

Này Timbaruka, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên các hành

---

[21] *Sā vedanā, so vedayati*: Cảm thọ và người cảm thọ. *SA*. II. 36 giải thích *so vediyati* là cảm thọ như là kết quả, còn *sā vedanā* là cảm thọ như là nhân.

diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Timbaruka bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... (như trên). Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH BẬC HIỀN VÀ KẺ NGU (*Bālapaṇḍitasutta*)[22] (*S*. II. 23)

19. Trú tại Sāvatthi...

– Đối với kẻ ngu, này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người ngu cảm thọ lạc, khổ.

Đối với bậc Hiền, này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân này được khởi lên như sau: Chỉ có thân này và danh sắc ở ngoài. Như vậy là bộ hai này. Duyên bộ hai này có xúc, có sáu xứ. Do cảm xúc bởi chúng, hoặc một trong hai, người Hiền cảm thọ lạc, khổ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có gì phân biệt, có gì sai khác, có gì dị biệt giữa bậc Hiền và kẻ ngu?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn nói lên cho chúng con ý nghĩa lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy và bị tham ái hệ phược, thân này của người ngu được sanh khởi. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận; tham ái ấy, người ngu không tận trừ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ngu không sống Phạm hạnh, không chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người ngu khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác.[23] Do đi đến một thân khác, người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi đau khổ."

Và này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân người hiền trí được sanh khởi. Vô minh ấy, người hiền trí đoạn tận; tham ái ấy, người hiền trí tận trừ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người hiền trí sống Phạm hạnh, vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người hiền trí khi thân hoại

---

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *The Wise Man* (*Compared*) *with the Fool*, nghĩa là *Bậc Trí* (*so sánh*) *với kẻ ngu*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.294. 0083c23).

[23] *Chú giải* giải thích như là một người đi đến một thân tái sanh khác.

mạng chung không đi đến một thân khác. Do không đi đến một thân khác, vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Vị ấy thoát khỏi đau khổ."

Này các Tỷ-kheo, đây là sự phân biệt, đây là sự sai khác, đây là sự dị biệt giữa bậc hiền trí và người ngu.

X. KINH DUYÊN (*Paccayasutta*)[24] (*S*. II. 25)

20. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông lý Duyên khởi và các pháp Duyên sanh. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, già chết khởi lên. Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy.[25] Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt định lý ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển minh thị.

Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, nên có già chết; do duyên hữu, này các Tỷ-kheo, nên có sanh; do duyên thủ, này các Tỷ-kheo, nên có hữu; do duyên ái, này các Tỷ-kheo, nên có thủ; do duyên thọ, này các Tỷ-kheo, nên có ái; do duyên xúc, này các Tỷ-kheo, nên có thọ; do duyên sáu xứ, này các Tỷ-kheo, nên có xúc; do duyên danh sắc, này các Tỷ-kheo, nên có sáu xứ; do duyên thức, này các Tỷ-kheo, nên có danh sắc; do duyên các hành, này các Tỷ-kheo, nên có thức; do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, nên có hành. Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt tánh ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển minh thị.

Do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, có các hành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là như tánh, bất hư vọng tánh, bất dị như tánh, y duyên tánh ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lý Duyên khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Duyên sanh? Già chết, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

---

[24] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.292. 0084b12).

[25] Bốn danh từ này được *Chú giải* giải thích như sau: "*Thitāvasā dhātūti*", lý Duyên sanh này luôn như vậy, không có sanh, già, chết nào mà không có nhân duyên. Hai đoạn kế tiếp, Thế Tôn chỉ dạy về duyên. Do duyên nên các pháp khởi lên tồn tại, do vậy nên gọi là pháp trú tánh ấy. Các duyên quyết định hay an trú các pháp, do vậy được gọi là pháp quyết định tánh. Các duyên của sanh… là các duyên đặc biệt, và các duyên đặc biệt được gọi là y duyên tánh.

Sanh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

Hữu, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

Thủ, này các Tỷ-kheo... Ái, này các Tỷ-kheo... Thọ, này các Tỷ-kheo... Xúc, này các Tỷ-kheo... Sáu xứ, này các Tỷ-kheo... Danh sắc, này các Tỷ-kheo... Thức, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

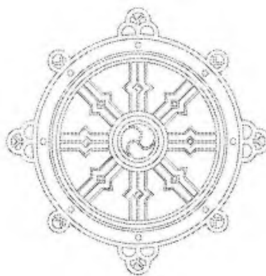
Vô minh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp Duyên sanh.

Do vì, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý Duyên khởi này và các pháp Duyên sanh này, nên chắc chắn vị ấy không chạy theo quá khứ [với những câu hỏi]: "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt trong quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước ta đã là gì, và trong quá khứ ta là gì?"

Hay không chạy theo tương lai [với những câu hỏi]: "Ta có mặt trong tương lai? Ta không có mặt trong tương lai? Ta sẽ làm gì trong tương lai? Ta có mặt như thế nào trong tương lai? Hay trước ta là gì, và trong tương lai ta sẽ là gì?"

Hay nay các vị ấy sẽ khởi lên những nghi ngờ về tự mình trong hiện tại như sau: "Ta hiện có mặt? Ta hiện không có mặt? Ta hiện là gì? Ta hiện có mặt như thế nào?" Sự kiện như vậy không xảy ra.

Vì sao? Vì rằng vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý Duyên khởi này cùng với các pháp Duyên sanh này.



III. PHẨM MƯỜI LỰC
(*DASABALAVAGGA*)

I. KINH MƯỜI LỰC (*Dasabalasutta*)[26] (*S*. II. 27)

21. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, đầy đủ bốn vô sở úy, tự nhận vị trí Ngưu vương,[27] rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, chuyển pháp luân[28] và nói rằng: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt."

Như vậy, do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.

Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

II. KINH MƯỜI LỰC THỨ HAI (*Dutiyadasabalasutta*)[29] (*S*. II. 28)

22. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt…

Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng[30] được cắt đoạn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, với pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thể bắt đầu tinh tấn [hành trì và nguyện]. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn. Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân; dầu thịt, máu trở thành khô cạn; mong rằng tinh tấn lực sẽ được kiên trì để chứng đắc những gì

---

[26] Mười lực và 4 vô sở úy được giải thích rõ ràng trong *S*. I. 109; *M*. I. 69. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.3. 0776a18).
[27] *Chú giải*: Vị trí tối thượng, tối tôn, vị trí chư Phật quá khứ.
[28] Thường viết là *Dhammacakka*. Trong kinh này và trong *M*. I. 69 được viết là *Brahmacakka*.
[29] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.348. 0098a13).
[30] *Chinnapilotika*: Có quần áo cắt may sẵn. Xem *J*. I. 220.

chưa chứng đắc, nhờ trượng phu lực, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dõng.[31]

Khổ thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm! An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp và mục đích lớn được viên mãn!

Này các Tỷ-kheo, không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng. Này các Tỷ-kheo, phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng. Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn lên để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trống không, mà có kết quả, có thành tích (*saudrayā*). Và những vật dụng chúng ta thọ dụng như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh, dầu cho những thứ này là khiêm tốn (*vokāro*), đối với chúng ta sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, thấy được tự lợi là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, khi thấy lợi tha là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật. Hay này các Tỷ-kheo, thấy lợi cả hai, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

III. KINH DUYÊN (*Upanisasutta*) (*S*. II. 29)

23. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, đối với người biết; này các Tỷ-kheo, đối với người thấy; Ta nói các lậu hoặc được đoạn diệt, không phải đối với người không biết, không phải đối với người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào đối với người biết, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tưởng... đây là hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người biết; như vậy, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, trong đoạn diệt ấy, trí về đoạn diệt, Ta nói rằng trí ấy có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của trí về đoạn diệt là gì? Giải thoát là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng giải thoát có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của giải thoát là gì? Ly tham là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ly tham có duyên, không phải không có duyên.

---

[31] Xem *S*. II. 275 (kinh 237 ở sau); *M*. I. 481; *A*. I. 50.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của ly tham là gì? Yểm ly là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng yểm ly có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của yểm ly là gì? Tri kiến như chơn là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tri kiến như chơn có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của tri kiến như chơn là gì? Định là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng định có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của định là gì? Lạc là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lạc có duyên, không phải không có duyên.

Này các Tỷ-kheo, duyên của lạc là gì? Khinh an là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khinh an có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của khinh an là gì? Hỷ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của hỷ là gì? Hân hoan[32] là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hân hoan có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của hân hoan là gì? Lòng tin là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lòng tin có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của lòng tin là gì? Khổ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khổ có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của khổ là gì? Sanh là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng sanh có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của sanh là gì? Hữu là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hữu có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của hữu là gì? Thủ là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng thủ có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của thủ là gì? Ái là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ái có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của ái là gì? Thọ là câu trả lời... (như trên)...

Xúc là câu trả lời...

Sáu xứ là câu trả lời...

Danh sắc là câu trả lời...

Thức là câu trả lời...

Hành là câu trả lời. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hành có duyên, không phải không có duyên.

Và này các Tỷ-kheo, duyên của hành là gì? Vô minh là câu trả lời.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ

[32] Theo *Chú giải*, *pāmojja* nghĩa là hân hoan (nhẹ nhàng hơn *pīti*).

duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chơn; tri kiến như chơn duyên yểm ly; yểm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi, trời mưa nặng hạt và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy thời ao nhỏ được tràn đầy; ao nhỏ được tràn đầy thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn được tràn đầy thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy thời biển lớn, đại dương được tràn đầy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chơn; tri kiến như chơn duyên yểm ly; yểm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

IV. KINH NGOẠI ĐẠO SƯ (*Aññatitthiyasutta*) (*S.* II. 32)

24. Trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Tôn giả Sāriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khất thực.

Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ: "Thật là quá sớm để vào Vương Xá khất thực. Ta hãy đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo."

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi xuống một bên:

– Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Sa-môn Gotama thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Sa-môn Gotama tuyên bố, chúng tôi không xuyên tạc Sa-môn Gotama không đúng sự thực, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích?

– Chư Hiền giả, Thế Tôn đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, này chư Hiền, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, này chư Hiền, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Và những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

Tôn giả Ānanda nghe câu chuyện giữa Tôn giả Sāriputta với các du sĩ ngoại đạo ấy.

Rồi Tôn giả Ānanda đi khất thực ở Vương Xá xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda đem tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Sāriputta và các du sĩ ngoại đạo trình bày lên Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Ānanda! Sāriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ānanda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên).

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Ānanda, một thời, Ta trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi này Ānanda, vào buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khất thực.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đi vào Vương Xá để khất thực. Vậy Ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo."

Rồi này Ānanda, Ta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, Ta nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Ta ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Ta đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Gotama, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Ở đây, Tôn giả Gotama thuyết như thế nào? Chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Tôn giả Gotama tuyên bố, chúng tôi không xuyên tạc Tôn giả Gotama không đúng sự thật, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích?

Khi được nghe nói vậy, này Ānanda, Ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

– Này chư Hiền, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, chư Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, chư Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Làm sao tất cả nghĩa được nói chỉ trong một câu? Bạch Thế Tôn, nếu nghĩa này được nói rộng ra, nghĩa này sẽ sâu thẳm và có vẻ được xem là sâu thẳm.[33]

– Vậy này Ānanda, ông hãy trình bày nghĩa ấy ở đây.

– Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, già chết lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Già chết, thưa các Tôn giả, lấy sanh làm nhân, lấy sanh tập khởi, lấy sanh tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Sanh, thưa các Tôn giả, lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Hữu, thưa các Tôn giả, lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, thủ lấy gì làm nhân... ái lấy gì làm nhân... thọ lấy gì làm nhân... (như trên)..." Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, xúc lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Xúc, thưa các Hiền giả, lấy sáu xứ làm nhân, lấy sáu xứ tập khởi, lấy sáu xứ tác sanh, lấy sáu xứ làm hiện hữu. Thưa các Hiền giả, do sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn các xúc xứ, xúc được đoạn diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

V. KINH BHŪMIJA (*Bhūmijasutta*)[34] (*S*. II. 37)

25. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Bhūmija, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhūmija thưa Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm. Hiền giả Sāriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do người khác làm. Hiền

[33]. Xem *S*. II. 92 (kinh 60 ở sau); *D*. II. 50.
[34] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.343. 0093b25).

giả Sāriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm và do người khác làm. Hiền giả Sāriputta, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh.

Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Thế Tôn thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, chúng tôi không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp chúng tôi trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích?

– Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói lạc, khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, này Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, này Hiền giả, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

Tôn giả Ānanda được nghe chuyện này giữa Tôn giả Sāriputta với Tôn giả Bhūmija.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda đem tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Sāriputta với Tôn giả Bhūmija bạch lên Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay! Này Ānanda, Sāriputta trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh. Này Ānanda, Ta nói rằng khổ là do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn Ta có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh; lạc, khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, này Ānanda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp,

tuyên bố lạc, khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện ấy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố lạc, khổ không do tự mình làm, không do người khác làm; lạc, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện ấy không xảy ra.

Này Ānanda, chỗ nào có thân, do nhân thân tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Chỗ nào có lời nói, này Ānanda, do nhân khẩu tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Chỗ nào có ý, này Ānanda, do nhân ý tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc, khổ. Và do duyên vô minh, hoặc tự mình, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

Hoặc tự mình, này Ānanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ānanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ānanda,... (như trên). Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các khẩu hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

Hoặc tự mình, này Ānanda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Hoặc do người khác, này Ānanda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

Hoặc với ý thức rõ ràng, này Ānanda,... (như trên). Hoặc không với ý thức rõ ràng, này Ānanda, làm các ý hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

Này Ānanda, những pháp này đều bị vô minh chi phối. Này Ānanda, với ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh; thân ấy không có, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ; khẩu ấy không có, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ; ý ấy không có, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ. Chúng không phải là đồng ruộng... chúng không phải là căn cứ... chúng không phải là xứ[35]... chúng không phải là luận sự, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc, khổ.

VI. KINH UPAVĀṆA (*Upavāṇasutta*) (*S*. II. 41)

26. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Upavāṇa (Ưu-ba-ma-na) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavāṇa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm. Bạch Thế Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do người khác làm. Bạch Thế Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Bạch Thế Tôn, lại có những Sa-môn, Bà-la-

[35] *Chú giải* giải thích 3 danh từ này là đồng ruộng để phát triển, là căn cứ để xây dựng, là căn cứ vào một nguyên nhân.

môn tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng con trả lời như thế nào để đáp đúng lời Thế Tôn tuyên bố, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, pháp chúng con trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích?

– Này Upavāṇa, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật, pháp được trả lời là thuận pháp, và không một vị đồng pháp nào muốn cật vấn có thể tìm được lý do để chỉ trích.

Ở đây, này Upavāṇa, những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ do tự mình làm ra; khổ ấy chính do duyên xúc. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ không do mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

Ở đây, này Upavāṇa, những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào... (như trên). Những Sa-môn, Bà-la-môn nào tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn có thể tự cảm thọ không cần đến xúc; sự kiện như vậy không xảy ra.

VII. KINH DUYÊN (*Paccayasutta*) (*S*. II. 42)

27. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên). Như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

Do sanh khởi, già chết khởi; do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?... (như trên).[36]

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có ba hành này: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

Do vô minh khởi, hành khởi; do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến sự đoạn diệt các hành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Này các Tỷ-kheo, do vị Thánh đệ tử biết duyên như vậy, duyên tập khởi như vậy, duyên đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến đoạn diệt như vậy; này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đạt đến Diệu pháp này, thấy được Diệu pháp này, đã đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

VIII. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*)[37] (*S*. II. 43)

28. Trú ở Sāvatthi… Tại đây...

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hiểu rõ già chết, hiểu rõ già chết tập khởi, hiểu rõ già chết đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến già chết; hiểu rõ sanh...hiểu rõ hữu... hiểu rõ thủ... hiểu rõ ái... hiểu rõ thọ... hiểu rõ xúc... hiểu rõ sáu xứ... hiểu rõ danh sắc... hiểu rõ thức... hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt như vậy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

Do sanh khởi, già chết khởi; do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh... (như trên). Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu... Này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ... Này các Tỷ-kheo, thế nào là ái... là thọ... là xúc... là sáu xứ... là danh sắc... là thức...?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành, này các Tỷ-kheo: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Ba hành này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành.

---

[36] Xem *S*. II. 1.

[37] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.355. 0099c04).

Do vô minh khởi nên hành khởi, do vô minh diệt nên hành diệt. Đây chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến hành đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết rõ già chết như vậy, biết rõ già chết tập khởi như vậy, biết rõ già chết đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt như vậy.

Do biết rõ sanh như vậy... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... Do biết rõ hành như vậy, biết rõ hành tập khởi như vậy, biết rõ hành đoạn diệt như vậy, biết rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là đạt tri kiến, đạt kiến, đã đạt đến Diệu pháp này, thấy được Diệu pháp này, đã đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*)[38] (*S*. II. 46)

29. Trú ở Sāvatthi… Tại đây...

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không hiểu rõ già chết, không hiểu rõ già chết tập khởi, không hiểu rõ già chết đoạn diệt, không hiểu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không hiểu rõ sanh... (như trên)... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không hiểu rõ hành, không hiểu rõ hành tập khởi, không hiểu rõ hành đoạn diệt, không hiểu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy cũng không thể ngay trong đời sống hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào hiểu rõ già chết, hiểu rõ già chết tập khởi, hiểu rõ già chết đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; hiểu rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hiểu rõ hành, hiểu rõ hành tập khởi, hiểu rõ hành đoạn diệt, hiểu rõ con đường đưa đến hành đoạn diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 47)

30. Trú ở Sāvatthi… Tại đây...

---

[38] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.354. 0099b19).

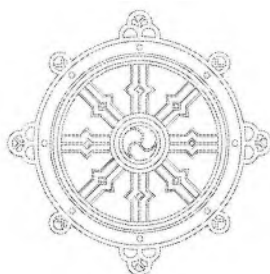
– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chết, không biết già chết tập khởi, không biết già chết đoạn diệt, không biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua già chết và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra.

Không biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức...

Không biết hành, không biết hành tập khởi, không biết hành đoạn diệt, không biết con đường đưa đến hành đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy không xảy ra.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chết, biết già chết tập khởi, biết già chết đoạn diệt, biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt, họ chắc chắn vượt qua già chết và an trú; sự kiện như vậy có xảy ra.

Biết sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... biết hành; biết hành tập khởi; biết hành đoạn diệt; biết con đường đưa đến hành đoạn diệt; họ chắc chắn vượt qua các hành và an trú; sự kiện như vậy có xảy ra.



IV. PHẨM KAḶĀRA – VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ (*KAḶĀRAKHATTIYAVAGGA*)

I. KINH SANH (*Bhūtasutta*)[39] (S. II. 47)

31. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, trong *Pārāyana*,[40] đoạn "Các câu hỏi của Ajita", có bài:

Thuần thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này thân hữu!

Này Sāriputta, lời nói tóm tắt này, ý nghĩa cần phải được nhận hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta giữ im lặng.[41]

Lần thứ hai, Thế Tôn gọi Tôn giả Sāriputta... (như trên). Lần thứ hai, Tôn giả Sāriputta giữ im lặng.

Lần thứ ba, Thế Tôn gọi Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, trong *Pārāyana*, đoạn "Các câu hỏi của Ajita", có bài:

Thuần thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này thân hữu!

Này Sāriputta, lời nói tóm tắt này, ý nghĩa cần phải được nhận hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

Lần thứ ba, Tôn giả Sāriputta giữ im lặng.

– Này Sāriputta, ông có thấy "cái này được sinh thành"? Này Sāriputta, ông có thấy "cái này được sinh thành"?

---

[39] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.345. 0095b10).

[40] Xem phần cuối trong *Kinh tập* (*Nipāta Sutta*).

[41] *Chú giải* giải thích sự phân vân của Tôn giả Sāriputta không phải do vấn đề được hỏi mà chính vì chưa hiểu ý đức Đạo sư muốn dạy về uẩn, xứ, giới hay lý Duyên khởi. Khi đức Phật gợi ý với chữ *bhūta* (sinh vật, hữu tình), Tôn giả Sāriputta dùng chữ *sambhava* để trả lời. *Sam* có nghĩa là tiếp tục hay sự tăng cường. Xem *M.* I. 260.

– "Cái này được sinh thành", bạch Thế Tôn, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt sự tục sanh do một loại đồ ăn.

Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt. Như vậy, bạch Thế Tôn, là bậc Hữu học.

Và bạch Thế Tôn, như thế nào là thuần thục pháp hữu vi? Bạch Thế Tôn, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ (*anupādā*). Như vậy, bạch Thế Tôn, là thuần thục pháp hữu vi.

Như vậy, bạch Thế Tôn, như đã được nói trong *Pārāyana*, đoạn "Các câu hỏi của Ajita", có bài:

Thuần thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này thân hữu!

Bạch Thế Tôn, lời nói tóm tắt này, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay! Lành thay! "Cái này được sinh thành", này Sāriputta, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy lại thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn.

Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt của một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt, vị ấy thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt. Như vậy, này Sāriputta, là bậc Hữu học.

Và này Sāriputta, như thế nào là thuần thục pháp hữu vi? Này Sāriputta, vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành"; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ "cái này được sinh thành", do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

Vị ấy thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ do sự đoạn diệt một loại đồ ăn, cái được sinh thành ấy phải bị đoạn diệt; do sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sự vật phải bị đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ. Như vậy, này Sāriputta, là thuần thục pháp hữu vi.

Như vậy, này Sāriputta, như đã được nói trong *Pārāyana*, đoạn "Các câu hỏi của Ajita", có bài:

Thuần thục pháp hữu vi,
Ở đây nhiều Hữu học,
Trí tuệ những vị ấy,
Trong uy nghi của họ,
Hãy đáp lời ta hỏi,
Nói lên, này thân hữu!

Này Sāriputta, lời nói tóm tắt này cần hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

II. KINH KAḶĀRA (*Kaḷārasutta*) (*S.* II. 50)

32. Trú ở Sāvatthi.

Rồi Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya (dòng Sát-đế-ly) đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Moḷiyaphagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục. Vậy vị Tôn giả ấy đã không tìm được sự an ổn trong Pháp và Luật này. Vậy Tôn giả Sāriputta đã đạt được sự an ổn trong Pháp và Luật này?

– Này Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì.

– Này Hiền giả, còn đối với tương lai?

– Tôi không có băn khoăn, này Hiền giả.

Rồi Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya bạch Thế Tôn:

– Con được biết, bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta tuyên bố được chánh trí như sau: "Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Sāriputta: "Hiền giả Sāriputta, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta: "Bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Này Sāriputta, có đúng sự thật chăng là ông có tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy.

– Vậy với pháp môn nào, này Sāriputta, thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố?

– Bạch Thế Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy."

– Nếu họ có hỏi ông, này Sāriputta: "Ông biết như thế nào, này Sāriputta, ông thấy như thế nào mà ông tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Được hỏi vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Nếu họ có hỏi con, bạch Thế Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

"Vì rằng, này Hiền giả, trong [danh từ] tận diệt, ta hiểu được là sự tận diệt của nhân, chính do nhân ấy 'sanh' sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong [danh từ] tận diệt, ta mới biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, sanh lấy gì làm

nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Sanh lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Hữu lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, thủ lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?"... (như trên).

Và này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, ái lấy thọ làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hữu." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Làm sao, này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc ấy (*nandī*) không tồn tại?" Được hỏi vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

"Này Hiền giả, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, ba cảm thọ này vô thường, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại."

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Pháp môn [phương tiện] này, này Sāriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: "Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ."

Này Sāriputta, nếu ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sāriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh

đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa'?" Được hỏi vậy, này Sāriputta, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sāriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

"Do tự giải thoát,[42] chư Hiền giả, do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy, các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy, và ta không chấp nhận tự ngã.[43]"

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Pháp môn [phương tiện] này, này Sāriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: "Những cái gì được vị Sa-môn gọi là lậu hoặc, ta không còn nghi ngờ gì nữa, chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa."

Nói vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá.

Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi Thế Tôn đi chẳng lao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ [trả lời] câu hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau:

"Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác.

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác.

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác.

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn hai đêm, hai ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn hai đêm, hai ngày...

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn ba đêm, ba ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn ba đêm, ba ngày...

[42] *SA*. II. 63: *Ajjhattaṃ vimokkhāti ajjhattavimokkhena* (Sự giải thoát tự thân chính là sự giải thoát từ bên trong).

[43] Đây là hình thức chơi chữ trong *Vin*. II. 13: "Như vậy, này các Tỷ-kheo, các bậc Thánh nói lên trí tuệ của mình. Các vị ấy tuyên bố sự kiện (*attha*), nhưng không mang tự ngã (*attā*) vào."

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bốn đêm, bốn ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn bốn đêm, bốn ngày...

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn năm đêm, năm ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn năm đêm, năm ngày...

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn sáu đêm, sáu ngày... ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn sáu đêm, sáu ngày...

Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bảy đêm, bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn bảy đêm, bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn [phương tiện] sai khác."

Rồi Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kaḷāra Khattiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta đã rống lên tiếng rống con sư tử như sau: "Này chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất, mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ [trả lời] câu hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: 'Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm... cho đến trọn đêm và trọn ngày... cho đến trọn hai... trọn ba... trọn bốn... trọn năm... trọn sáu... trọn bảy đêm, bảy ngày... với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác.'"

– Này các Tỷ-kheo, pháp giới ấy (*dhammadhātu*) được Sāriputta khéo thành đạt. Do khéo thành đạt pháp giới ấy, nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác. Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày… Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm và hai ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm, hai ngày… Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả ba đêm, ba ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến cả ba đêm, ba ngày… Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm, bốn ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm, bốn ngày... Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm, năm ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm, năm ngày... Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm, sáu ngày… Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho

đến trọn sáu đêm, sáu ngày... Nếu Ta hỏi Sāriputta về ý nghĩa này trọn bảy đêm, bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác, Sāriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn bảy đêm, bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

III. KINH NHỮNG CĂN BẢN CỦA TRÍ (*Ñāṇavatthusutta*)[44] (*S*. II. 56)

33. Ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn mươi bốn căn bản của trí?

Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, trí về con đường đưa đến già chết diệt.

Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt.

Hữu trí, hữu tập trí, hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt.

Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt.

Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí về con đường đưa đến ái diệt.

Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt.

Xúc trí, xúc tập trí, xúc diệt trí, trí về con đường đưa đến xúc diệt.

Sáu xứ trí, sáu xứ tập trí, sáu xứ diệt trí, trí về con đường đưa đến sáu xứ diệt.

Danh sắc trí, danh sắc tập trí, danh sắc diệt trí, trí về con đường đưa đến danh sắc diệt.

Thức trí, thức tập trí, thức diệt trí, trí về con đường đưa đến thức diệt.

Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bốn mươi bốn căn bản của trí.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc về chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, hủ bại, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể hoại diệt, vứt bỏ; đây gọi là chết. Như vậy, đây là già; đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy,[45] biết già chết tập

[44] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.356. 0099c19).
[45] Xem *S*. II. 43 (kinh 28 ở trước).

khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy, biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy.

Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập (*pariyogāḷhena*), hướng dẫn thái độ của mình đối với quá khứ và tương lai.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ (*abhijānissanti*) già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy, như hiện nay Ta vậy.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ già chết, sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy, như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí[46] của vị ấy.

Này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí: Pháp trí và tùy trí; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến (*diṭṭhisampanno*), đạt kiến, đã đi đến Diệu pháp này, đã thấy Diệu pháp này, đã đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (*nibbedhikapañño*), đã đứng gõ vào cửa bất tử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức?...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có ba hành, này các Tỷ-kheo: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

Do vô minh tập khởi, hành tập khởi; do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến hành diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử biết hành như vậy, biết hành tập khởi như vậy, biết hành diệt như vậy, biết con đường đưa đến hành diệt như vậy, đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập, hướng dẫn thái độ của mình đối với quá khứ và tương lai.

---

[46] *Anvaye ñāṇaṃ*: Tùy hành trí hay Loại trí. *Chú giải* giải thích rằng luôn huân tập sự quán chiếu thuần thục đạt đến trạng thái tĩnh tại, cũng còn gọi là Trí phản tỉnh (*paccavekkhana ñāṇaṃ*).

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ các hành, đã hiểu rõ hành tập khởi, đã hiểu rõ hành diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến hành diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy, như hiện nay Ta vậy.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ các hành, sẽ hiểu rõ hành tập khởi, sẽ hiểu rõ hành diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến hành diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy, như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí của vị ấy.

Này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh, thuần tịnh hai loại trí: Pháp trí và tùy trí, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Thánh đệ tử đạt tri kiến, đạt kiến, đã đi đến Diệu pháp này, thấy Diệu pháp này, đầy đủ Hữu học trí, đã đầy đủ Hữu học minh, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

IV. KINH NHỮNG CĂN BẢN CỦA TRÍ THỨ HAI
(*Dutiyañāṇavatthusutta*)[47] (*S*. II. 59)

34. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông bảy mươi bảy căn bản của trí. Hãy nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy mươi bảy căn bản của trí?

Trí biết rằng già chết do duyên sanh; trí biết rằng không có sanh thời không có già chết. Trí biết rằng trong quá khứ già chết cũng do duyên sanh; trí biết rằng không có sanh thời không có già chết. Trí biết rằng trong tương lai già chết cũng do duyên sanh; trí biết rằng không có sanh thời sẽ không có già chết. Phàm khi nào có trí về trú pháp, chỗ ấy cũng có trí tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp.

Trí biết rằng sanh do duyên hữu...

Trí biết rằng hữu do duyên thủ...

Trí biết rằng thủ do duyên ái...

Trí biết rằng ái do duyên thọ...

Trí biết rằng thọ do duyên xúc...

Trí biết rằng xúc do duyên sáu xứ...

Trí biết rằng sáu xứ do duyên danh sắc...

Trí biết rằng danh sắc do duyên thức...

Trí biết rằng thức do duyên hành...

Trí biết rằng hành do duyên vô minh; trí biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biết rằng trong quá khứ hành cũng do duyên vô minh; trí

[47] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.357. 0099c27).

biết rằng không có vô minh thời không có hành. Trí biết rằng trong tương lai hành cũng sẽ do duyên vô minh; trí biết rằng không có vô minh thời sẽ không có hành. Phàm khi nào có trí về trú pháp, thời cũng có trí về tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy mươi bảy căn bản của trí.

V. KINH DO DUYÊN VÔ MINH (*Avijjāpaccayasutta*)[48] (*S*. II. 60)

35. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên vô minh có hành; do duyên hành có thức... Như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là già chết? Và già chết này là của ai?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là già chết, và già chết này là của ai?" Hay này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Già chết là khác và người già chết là khác." Hai câu này nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên sanh nên có già chết."

– Bạch Thế Tôn, thế nào là sanh, và sanh này là của ai?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là sanh, và sanh này là của ai?" Hay này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Sanh là khác và người sanh là khác." Hai câu này có nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên hữu nên có sanh."

– Bạch Thế Tôn, thế nào là hữu, và hữu này của ai?

Thế Tôn nói:

– Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là hữu, và hữu này của ai?" Hay này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Hữu khác và người có hữu này khác." Hai câu này nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên thủ nên có hữu."

– Bạch Thế Tôn, thế nào là thủ và thủ này của ai?... (như trên)...

– ... "Do duyên ái nên có thủ."... "Do duyên thọ nên có ái."... "Do duyên

[48] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.297. 0084c11).

xúc nên có thọ."... "Do duyên sáu xứ nên có xúc."... "Do duyên danh sắc nên có sáu xứ."... "Do duyên thức nên có danh sắc."... "Do duyên hành nên có thức."

– Bạch Thế Tôn, thế nào là các hành, và các hành này là của ai?

Thế Tôn đáp:

– Câu hỏi không thích hợp. Này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là các hành, và các hành này là của ai?" Hay này Tỷ-kheo, ai mà nói: "Các hành là khác và người có các hành này là khác." Hai câu này nghĩa là một, chỉ có văn sai khác. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo [và nói]: "Do duyên vô minh nên có các hành."

Này Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận (hý luận), dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là già chết và già chết này là của ai?", hay: "Già chết là khác và người có già chết là khác", hay: "Sinh mạng và thân thể là một", hay: "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho tương lai không thể sanh khởi.

Này Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là sanh và sanh này là của ai?", hay: "Sanh là khác và người có sanh là khác", hay: "Sinh mạng và thân thể là một", hay: "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến trong tương lai không thể sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...].

Thế nào là hữu...

Thế nào là thủ...

Thế nào là ái...

Thế nào là thọ...

Thế nào là xúc...

Thế nào là sáu xứ...

Thế nào là danh sắc...

Thế nào là thức...

Này các Tỷ-kheo, do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào [sẽ được đoạn tận...]. Như câu hỏi: "Thế nào là các hành và các hành này là của ai?", hay: "Các hành là khác và người có các hành này là khác", hay: "Sinh mạng và thân thể là một",

hay: "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả đều được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho trong tương lai không thể sanh khởi.

VI. KINH DO DUYÊN VÔ MINH THỨ HAI
(*Dutiyaavijjāpaccayasutta*)[49] (*S*. II. 63)

36. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên vô minh nên có các hành. Do duyên hành nên có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là già chết và già chết này của ai?" Hay này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Già chết là khác và người có già chết là khác." Hai câu này đồng nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng là khác, thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan ấy Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo, nói rằng: "Do duyên sanh có già chết."

Thế nào là sanh?...

Thế nào là hữu?...

Thế nào là thủ?...

Thế nào là ái?...

Thế nào là thọ?...

Thế nào là xúc?...

Thế nào là sáu xứ?...

Thế nào là danh sắc?...

Thế nào là thức?...

Này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Thế nào là các hành và các hành này là của ai?" Hay này các Tỷ-kheo, ai mà nói: "Các hành là khác và người có các hành này khác." Hai câu này đồng nghĩa, chỉ có văn sai khác. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là một", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào có [tà] kiến: "Sinh mạng và thân thể là khác", chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này các Tỷ-kheo, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo, nói rằng: "Do duyên vô minh có các hành."

Do sự đoạn diệt, ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các tạp luận, dị thuyết, xuyên tạc liên hệ ấy hay bất cứ loại nào...

Thế nào là già chết?...

Thế nào là sanh?...

Thế nào là hữu?...

Thế nào là thủ?...

---
[49] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.297. 0084c11).

Thế nào là ái?...

Thế nào là thọ?...

Thế nào là xúc?...

Thế nào là sáu xứ?...

Thế nào là danh sắc?...

Thế nào là thức?...

"Thế nào là các hành và các hành này là của ai?", hay: "Các hành là khác và người có các hành là khác", hay: "Sinh mạng và thân thể là một", hay: "Sinh mạng và thân thể là khác", tất cả những loại liên hệ này được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể hiện hữu, khiến cho trong tương lai không thể sanh khởi.

VII. KINH KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG (*Natumhasutta*)[50] (*S*. II. 64)

37. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, thân thể này không phải của các ông, không phải của người khác.

Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do sắp đặt, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khứ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đa văn khéo léo, chơn chánh suy nghiệm định lý Duyên khởi như sau:

"Cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là do duyên vô minh có các hành; do duyên hành có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt; do các hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

VIII. KINH TƯ TÂM SỞ (*Cetanāsutta*)[51] (*S*. II. 65)

38. Nhân duyên tại Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, cái chúng ta tư niệm, tư lường, có ngầm ý (*anuseti*), thời cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú.[52] Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng nên trong tương lai tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai nên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường nhưng nếu có ngầm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên có mặt thời thức có an trú. Do thức ấy an trú, tăng trưởng nên trong

---

[50] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.358. 0100a12); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.295. 0084a24).

[51] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.360. 0100b02).

[52] Ngài Buddhaghosa xem thức (*viññāṇa*) ở đây là nghiệp thức (*kammaviññāṇa*).

tương lai tái hữu sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu có mặt trong tương lai nên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai nên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

IX. KINH TƯ TÂM SỞ THỨ HAI (*Dutiyacetanāsutta*) (*S*. II. 66)

39. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, chúng ta tư lường, chúng ta có ngầm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc. Do duyên danh sắc nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ... ái... thủ... hữu... sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường nhưng có ngầm ý, thời cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức có an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có sự hạ sanh danh sắc. Do duyên danh sắc nên có sáu xứ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng nên danh sắc không hạ sanh. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

X. KINH TƯ TÂM SỞ THỨ BA (*Tatiyacetanāsutta*)[53] (*S*. II. 66)

40. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, cái gì chúng ta tư niệm, cái gì chúng ta tư lường, cái gì chúng ta có ngầm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên có mặt nên thức an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên hướng về. Do có thiên hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

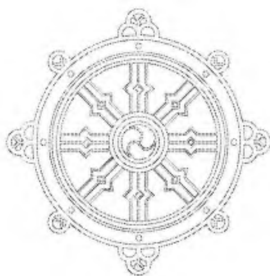
Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, nhưng chỉ có ngầm ý, thời cái ấy là sở duyên cho thức an trú. Do sự có mặt của sở duyên nên thức an trú. Do thức ấy an trú và tăng trưởng nên có thiên hướng về.

---

[53] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.360. 0100b02).

Do có thiên hướng về nên có sự đi đến tái sanh. Do có sự đi đến tái sanh nên có từ bỏ và sanh khởi. Do có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có ngầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Do sở duyên không có mặt nên thức không có an trú. Do thức ấy không an trú, không tăng trưởng nên không có thiên hướng về. Do không có thiên hướng về nên không có đi đến tái sanh. Do không có sự đi đến tái sanh nên không có từ bỏ và sanh khởi. Do không có từ bỏ và sanh khởi nên trong tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.



V. PHẨM GIA CHỦ (*GAHAPATIVAGGA*)

I. KINH NĂM SỢ HÃI HẬN THÙ (*Pañcaverabhayasutta*)[54] (*S*. II. 68)

41. Trú ở Sāvatthi.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

– Khi nào, này gia chủ, vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; khi nào được đầy đủ bốn Dự lưu chi; khi nào Thánh lý[55] nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu [của ta]."

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được nhiếp phục?

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người nói láo, vì duyên nói láo đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do người đắm say rượu men rượu nấu, vì duyên

---

[54] *Pañca bhayāni verāni*. *Vera* là thù nghịch, vốn xuất phát từ chữ *Vīra* là anh hùng. Kinh này giống kinh trong *A*. V. 152.

[55] *Ñāya*. Chữ này thường đi theo chữ *dhamma* và *kusala* có nghĩa là sự thật, đồng nghĩa với *kalyāṇadhammatā*, *kusaladhammatā* (thiện tánh). Ngài Buddhaghosa giải thích lý Duyên khởi và Bát chánh đạo đều sử dụng thuật ngữ *ñāya*.

đắm say rượu men rượu nấu đưa đến trong hiện tại, sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt đắm say rượu men rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiếp phục.

– Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu."

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được tôn kính, đáng được hiến dâng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời."

Vị ấy đầy đủ các giới đức được bậc Thánh quý mến, không bị bể vụn, không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do,[56] được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến thiền định, bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

Thế nào là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh; do cái này diệt, cái kia diệt."

... do duyên vô minh có hành; do duyên hành có thức... (như trên). Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Đây là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập.

Này gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù này; khi nào đầy đủ bốn Dự lưu chi này; khi nào Thánh lý này nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu [của ta]."

---

[56] *Bhujissa*. Xem *DB*. II. 85.

II. KINH NĂM SỢ HÃI HẬN THÙ THỨ HAI

(*Dutiyapañcaverabhayasutta*) (*S.* II. 70)

42. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; đầy đủ bốn Dự lưu chi; và khi nào Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu của ta."

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được nhiếp phục?

Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người sát sanh...

Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người lấy của không cho...

Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người sống tà hạnh trong các dục...

Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người nói láo...

Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi hận thù do người đắm say rượu men rượu nấu...

Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiếp phục.

Thế nào là bốn Dự lưu chi được đầy đủ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động đối với Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới đức được bậc Thánh quý mến...

Bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

Thế nào là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo chánh tư duy định lý Duyên khởi như sau:... Đây là Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập.

Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi hận thù; được đầy đủ bốn Dự lưu chi; Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập; khi ấy, vị ấy nếu muốn, có thể tự mình tuyên bố cho mình: "Ta là người đoạn diệt được địa ngục; đoạn diệt được bàng sanh; đoạn diệt được ngạ quỷ; đoạn diệt được cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, ta không còn bị đọa lạc, ta đã được quyết định, Chánh đẳng giác là mục tiêu tối hậu của ta."

III. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*S.* II. 71)

43. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng sự tập khởi và sự đoạn diệt của khổ. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?

Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên xúc khởi, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi.

Do duyên tai và các tiếng...

Do duyên mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt.

Do duyên lỗ tai và các tiếng nên nhĩ thức sanh khởi...

Do duyên mũi và các hương nên tỷ thức sanh khởi...

Do duyên lưỡi và các vị nên thiệt thức sanh khởi...

Do duyên thân và các xúc nên thân thức sanh khởi...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt.

IV. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*) (*S*. II. 73)

44. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới tập khởi.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ... do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức khởi lên, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi, do ba cái tụ hội nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

V. KINH ÑĀTIKA (*Ñātikasutta*) (*S*. II. 74)

45. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Ñātika, trong căn nhà gạch.

Rồi Thế Tôn, trong khi độc cư thiền tịnh, tuyên thuyết pháp môn này:

– Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn

diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Do duyên lỗ tai và các tiếng...

Do duyên lỗ mũi và các hương...

Do duyên lưỡi và các vị...

Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp nên ý thức sanh khởi; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Lúc bấy giờ, một vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm Thế Tôn. Thế Tôn thấy vị Tỷ-kheo đang đứng nghe trộm. Sau khi thấy, Thế Tôn nói với vị Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, ông có nghe pháp môn này không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, ông hãy học pháp môn này. Này Tỷ-kheo, ông hãy học thuộc lòng pháp môn này. Này Tỷ-kheo, pháp môn này liên hệ đến mục đích và căn bản Phạm hạnh.

VI. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN KHÁC (*Aññatarabrāhmaṇasutta*)[57] (*S*. II. 75)

46. Trú tại Sāvatthi. Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động là người cảm thọ?[58]

– Này Bà-la-môn, người hành động là người cảm thọ, ấy là một cực đoan.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động khác, người cảm thọ khác?

– Người hành động khác và người cảm thọ khác, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Thế Tôn thuyết pháp theo Trung đạo.

Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức; do duyên thức nên có danh sắc... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi được nghe nói vậy, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

---

[57] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.300. 0085c03).

[58] Xem *S*. II. 22 (kinh 18 ở trước); *S*. II. 37 (kinh 25 ở trước).

VII. KINH JĀṆUSSOṆI (*Jāṇussoṇisutta*)[59] (*S*. II. 76)

47. Trú ở Sāvatthi. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?[60]

– Này Bà-la-môn, tất cả đều có, ấy là một cực đoan.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?

– Này Bà-la-môn, tất cả đều không có, ấy là cực đoan thứ hai. Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo.

Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức... (như trên). Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh ấy một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!...

VIII. KINH PHÁI THUẬN THẾ (*Lokāyatikasutta*) (*S*. II. 77)

48. Trú ở Sāvatthi. Rồi một Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều có?

– Này Bà-la-môn, tất cả đều có, là chấp kiến thứ nhất của thế gian.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều không có?

– Tất cả đều không có, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ hai của thế gian.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là một?

– Tất cả đều là một, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ ba của thế gian.

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải tất cả đều là nhiều?

– Tất cả đều là nhiều, này Bà-la-môn, là chấp kiến thứ tư của thế gian.

Này Bà-la-môn, từ bỏ các cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo con đường Trung đạo.

Do duyên vô minh nên có hành; do duyên hành nên có thức... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi nghe nói vậy, vị Bà-la-môn thuộc phái Thuận Thế bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... Con xin trọn đời quy ngưỡng.

---

[59] Vị này thường hay đàm luận với Thế Tôn; ông rất giàu có và học rộng, trú ở Manasākata, Kosala.

[60] Xem *S*. II. 16 (kinh 15 ở trước); *D*. I. 166-72.

IX. KINH THÁNH ĐỆ TỬ (*Ariyasāvakasutta*)[61] (*S.* II. 77)

49. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu?[62] Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt, sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?"

Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên theo người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do duyên vô minh nên có hành. Do duyên hành nên có thức. Do duyên thức nên có danh sắc... Do duyên sanh nên có già chết. Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này."

Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, cái gì không hiện hữu? Do cái gì diệt, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, danh sắc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sáu xứ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, xúc không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thọ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, ái không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thủ không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, hữu không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?"

Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên theo người khác, ở đây có trí như sau: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt, thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt, xúc không hiện hữu. Do xúc không có mặt, thọ không hiện hữu. Do thọ không có mặt, ái không hiện hữu. Do ái không có mặt, thủ không hiện hữu. Do thủ không có mặt, hữu không hiện hữu. Do hữu không có mặt, sanh không hiện hữu. Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu." Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này.

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử này được gọi là kiến đạt... (như trên)... đã đứng gõ vào cửa bất tử.[63]

---

[61] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.350. 0098b22).

[62] Các câu: "Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu?" "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu?" chỉ có trong bản Miến Điện.

[63] Xem *S.* II. 42 (kinh 27 ở trước); *S.* II. 43 (kinh 28 ở trước); *S.* II. 56 (kinh 33 ở trước).

X. KINH THÁNH ĐỆ TỬ THỨ HAI (*Dutiyaariyasāvakasutta*) (*S*. II. 79)

50. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩ như sau: “Có phải, do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu? Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu? Do cái gì có mặt, sáu xứ hiện hữu? Do cái gì có mặt, xúc hiện hữu? Do cái gì có mặt, thọ hiện hữu? Do cái gì có mặt, ái hiện hữu? Do cái gì có mặt, thủ hiện hữu? Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu?”

Rồi này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do vô minh có mặt, hành hiện hữu. Do hành có mặt, thức hiện hữu. Do thức có mặt, danh sắc hiện hữu. Do danh sắc có mặt, sáu xứ hiện hữu. Do sáu xứ có mặt, xúc hiện hữu. Do xúc có mặt, thọ hiện hữu. Do thọ có mặt, ái hiện hữu. Do ái có mặt, thủ hiện hữu. Do thủ có mặt, hữu hiện hữu. Do hữu có mặt, sanh hiện hữu. Do sanh có mặt, già chết hiện hữu.” Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự sanh khởi của thế giới này.

Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như sau: “Có phải, do cái gì không có mặt, cái gì không hiện hữu? Do cái gì diệt, cái gì diệt? Do cái gì không có mặt, các hành không hiện hữu? Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu... (như trên). Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?”

Này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: “Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu. Do các hành không có mặt, thức không hiện hữu. Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do danh sắc không có mặt, sáu xứ không hiện hữu. Do sáu xứ không có mặt, xúc không hiện hữu... (như trên). Do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu.” Vị ấy hiểu biết như vậy. Như vậy là sự đoạn diệt của thế giới này.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như thật biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của thế giới này như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là kiến đạt. Vị ấy thấy Diệu pháp này, vị ấy đầy đủ trí của bậc Hữu học, vị ấy đầy đủ minh của bậc Hữu học, đã nhập được Pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ, là vị đã đứng gõ vào cửa bất tử.

VI. PHẨM KHỔ (*DUKKHAVAGGA*)[64]

I. KINH TƯ LƯỜNG (*Parivīmaṃsanasutta*)[65] (*S*. II. 80)

51. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tư lường, phải tư lường như thế nào để chơn chánh diệt khổ một cách trọn vẹn?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm điểm tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Nếu Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời nói này, sau khi nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đang tư lường, tư lường như sau: "Sự đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết; sự đau khổ này lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?"

Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: "Sự đau khổ nhiều loại và đa dạng này khởi lên trên đời như già và chết; sự đau khổ này lấy sanh làm nhân, lấy sanh làm tập khởi, lấy sanh làm tác sanh, lấy sanh làm hiện hữu. Do sanh có mặt, già chết hiện hữu; do sanh không có mặt, già chết không hiện hữu."

Và vị ấy biết già chết, biết già chết tập khởi, biết già chết đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị tùy pháp hành.[66] Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt già chết.

---

[64] Bản tiếng Anh của PTS: *The Tree Suttas,* nghĩa là *Các kinh nói về cây*.

[65] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.292. 0082c18).

[66] *Anudhammacārī*. Xem *S*. II. 18 (kinh 16 ở trước).

Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: “Sanh lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm tác sanh, lấy gì làm hiện hữu. Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu? Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu?” Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: “Sanh lấy hữu làm tập khởi, lấy hữu làm tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu. Do hữu có mặt, sanh hiện hữu; do hữu không có mặt, sanh không hiện hữu.”

Và vị ấy biết sanh, biết sanh tập khởi, biết sanh đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến sanh đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị Tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt sanh.

Tư lường thêm nữa, vị ấy tư lường như sau: “Còn hữu này, do cái gì làm nhân? Còn thủ này, do cái gì làm nhân? Còn ái này, do cái gì làm nhân? Còn thọ này, do cái gì làm nhân? Còn xúc này... Còn sáu xứ này... Còn danh sắc này... Còn thức này... Còn các hành này, do cái gì làm nhân, cái gì tập khởi, cái gì tác sanh, cái gì làm hiện hữu? Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu? Do cái gì không có mặt, các hành không hiện hữu?”

Tư lường như vậy, vị ấy biết như sau: “Các hành lấy vô minh làm nhân, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm tác sanh, lấy vô minh làm hiện hữu. Do vô minh có mặt, các hành hiện hữu; do vô minh không có mặt, các hành không hiện hữu.”

Và vị ấy biết các hành, biết các hành tập khởi, biết các hành đoạn diệt, và vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến các hành đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy trở thành vị tùy pháp hành. Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị Tỷ-kheo đã thực hành một cách trọn vẹn để chơn chánh đoạn tận khổ đau và đoạn diệt các hành.

Này các Tỷ-kheo, nếu người nào bị vô minh chi phối, dự tính làm phước hành, thức [của người ấy] đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức [của người ấy] đi đến phi phước. Nếu người ấy dự tính làm bất động hành, thức [của người ấy] đi đến bất động.

Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đoạn tận vô minh, minh được sanh khởi. Vị ấy do vô minh đoạn tận, minh sanh khởi, không dự tính làm phước hành, không dự tính làm phi phước hành, không dự tính làm bất động hành.

Không có dự tính, không có dụng ý, vị ấy không chấp thủ một sự gì ở đời. Không chấp thủ, vị ấy không sợ hãi. Không sợ hãi, vị ấy hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy biết lạc thọ ấy vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy biết khổ thọ vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy biết thọ ấy vô thường, vị ấy biết không nên tham đắm, vị ấy biết không nên hoan hỷ.

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị

ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly (*visaṃyutta*).

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng." Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh, cái thân được bỏ qua một bên."

Này các Tỷ-kheo, ví như một người từ trong lò nung của người thợ gốm lấy ra một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đất bằng phẳng để sức nóng ở đấy được nguội dần, và các miếng sành vụn được gạt bỏ một bên; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng." Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, tất cả những cảm thọ không làm cho có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh, cái thân được bỏ qua một bên."

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc có dự tính làm các phước hành, hay có dự tính làm các phi phước hành, hay có dự tính làm các bất động hành?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu các hành không có mặt một cách trọn vẹn, do các hành đoạn diệt, thời thức có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu thức không có mặt một cách trọn vẹn, do thức đoạn diệt, thời danh sắc có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu danh sắc không có mặt một cách trọn vẹn, do danh sắc đoạn diệt, thời sáu xứ có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu sáu xứ không có mặt một cách trọn vẹn, do sáu xứ đoạn diệt, thời xúc có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu xúc không có mặt một cách trọn vẹn, do xúc đoạn diệt, thời thọ có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu thọ không có mặt một cách trọn vẹn, do thọ đoạn diệt, thời ái có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu ái không có mặt một cách trọn vẹn, do ái đoạn diệt, thời thủ có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu thủ không có mặt một cách trọn vẹn, do thủ đoạn diệt, thời hữu có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu hữu không có mặt một cách trọn vẹn, do hữu đoạn diệt, thời sanh có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Hay nếu sanh không có mặt một cách trọn vẹn, do sanh đoạn diệt, thời già chết có hiện hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Phải là như vậy, này các Tỷ-kheo, không thể khác vậy! Hãy tin ở Ta, này các Tỷ-kheo, hãy quyết định, chớ có nghi ngờ, chớ có phân vân! Đây là khổ được đoạn tận.

II. KINH THỦ (*Upādānasutta*)[67] (*S*. II. 84)

52. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ (*upādāniyadhamma*), ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ có mặt; do duyên thủ nên hữu có mặt; do duyên hữu nên sanh có mặt; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ; tại đây, có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, và ném củi khô vào. Này các Tỷ-kheo, như vậy đống lửa lớn ấy được nuôi dưỡng, được tiếp tế, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, ví như một đống lửa lớn làm bằng mười xe củi, hay hai mươi xe củi, hay ba mươi xe củi, hay bốn mươi xe củi đang cháy đỏ; tại đấy, không có người thỉnh thoảng ném cỏ khô vào, hay phân khô, hay củi khô vào. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đống lửa lớn ấy do [nhiên liệu] được tiếp tế trước cháy hết, do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.

---

[67] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.286. 0080b08).

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

III. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*)[68] (*S*. II. 86)

53. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ có mặt; do duyên thủ nên hữu có mặt; do duyên hữu nên sanh có mặt; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đây, có người thỉnh thoảng rót dầu thêm và khơi tim lên. Này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và do duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đây, không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu vào và không khơi tim lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngọn đèn ấy do [nhiên liệu] được tiếp tế trước cháy hết và do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

IV. KINH KIẾT SỬ THỨ HAI (*Dutiyasaṃyojanasutta*) (*S*. II. 87)

54. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy đỏ; tại đấy, có người thỉnh thoảng rót thêm dầu và khơi tim lên. Này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể cháy đỏ trong một thời gian dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như duyên dầu và duyên tim, ngọn đèn dầu được cháy

[68] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.285. 0079c27).

đỏ; tại đấy, không có người thỉnh thoảng rót thêm dầu và khơi tim lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngọn đèn dầu ấy do [nhiên liệu] được tiếp tế trước cháy hết, do [nhiên liệu] khác không được đem thêm, không được nuôi dưỡng, sẽ bị tắt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

V. KINH CÂY LỚN (*Mahārukkhasutta*)[69] (*S*. II. 87)

55. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên (*abhiharanti*) nhựa sống cho cây ấy. Này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn cho đến các rễ con, các rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt cây thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, bị bứng gốc khỏi mặt đất, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy được sự nguy hiểm trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VI. KINH CÂY LỚN THỨ HAI (*Dutiyamahārukkhasutta*) (*S*. II. 88)

56. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ví như có một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm sâu

[69] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.284. 0079b23).

xuống dưới và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái nên thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn... (như trên)... hay đổ tro vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây Sa-la, làm cho cây ấy không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VII. KINH CÂY NON (*Taruṇarukkhasutta*)[70] (*S*. II. 89)

57. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ được sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người thỉnh thoảng vun xới các rễ (*palisajjeyya*), thỉnh thoảng bỏ thêm phân, thỉnh thoảng tưới thêm nước. Này các Tỷ-kheo, cây non ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế[71] như vậy, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây non, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ của cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc. Sau khi chặt thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn hay đổ tro ấy

[70] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.283. 0079a25).
[71] *Tadupādāna*: Vừa có nghĩa là chấp thủ, vừa có nghĩa là đồ ăn.

vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây non ấy, rễ bị cắt đứt, làm thành như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự nguy hiểm trong các pháp kiết sử, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

VIII. KINH DANH SẮC (*Nāmarūpasutta*) (*S.* II. 90)

58. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi; do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm thẳng xuống dưới và đâm ngang ra, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể được đứng vững trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, danh sắc được sanh khởi... (như trên)...

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có một người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, danh sắc không có sanh khởi; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

IX. KINH THỨC (*Viññāṇasutta*) (*S.* II. 91)

59. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi; do duyên thức nên danh sắc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, rễ của các cây ấy... (như trên)...

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp kiết sử, thức được sanh khởi; do duyên thức nên danh sắc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không sanh khởi; do thức diệt nên danh sắc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, ví như một cây lớn, có người đến, cầm cái cuốc và cái giỏ... (như trên)... trong tương lai không thể sống lại được.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp kiết sử, thức không có sanh khởi; do thức diệt nên danh sắc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

X. KINH NHÂN (*Nidānasutta*) (*S*. II. 92)

60. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru,[72] tại một thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammāsadhamma.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, sâu xa thay là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này! Nhưng đối với con định lý ấy có vẻ rõ ràng, minh bạch.

– Chớ có nói vậy, này Ānanda! Chớ có nói vậy, này Ānanda! Sâu xa thay, này Ānanda, là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Này Ānanda, chính vì không hiểu rõ pháp này, không giác ngộ, không chứng nhập [pháp này] mà chúng sanh nay bị rối ren như cuộn chỉ; bị phủ đầy bởi bệnh cằn cỗi, như cỏ muñja, như cây lau; không thoát khỏi sự luân hồi trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Ānanda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái, hữu có mặt; do duyên hữu, sanh có mặt; do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn khổ uẩn này tập khởi.

Này Ānanda, ví như một cây lớn, các rễ của cây ấy đâm xuống và đâm ngang, tất cả rễ ấy đều đem lên nhựa sống cho cây ấy. Này Ānanda, cây lớn ấy được nuôi dưỡng như vậy, được tiếp tế như vậy, có thể đứng vững trong một thời gian dài.

Cũng vậy, này Ānanda, ai sống thấy vị ngọt trong các pháp được chấp thủ, ái được tăng trưởng; do duyên ái, thủ có mặt; do duyên thủ, hữu có mặt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

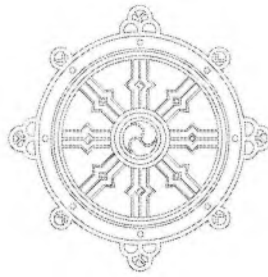
Này Ānanda, ai sống thấy sự tai hại trong các pháp chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này Ānanda, ví như một cây lớn, rồi có người đi đến, cầm cái cuốc và cái giỏ. Người ấy chặt đứt rễ cây ấy. Sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào một cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con, rễ phụ. Người ấy chặt cây ấy ra từng khúc. Sau khi chặt ra từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ ra từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ ra từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng. Sau khi phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun lại thành đống tro. Sau khi vun

[72] Nước này gần Delhi, kinh đô là Indraprastha. Có một số kinh quan trọng liên quan đến địa danh này.

lại thành đống tro, người ấy sàng tro trong gió lớn hay đổ vào dòng nước chảy mạnh để nước cuốn đi. Như vậy, này Ānanda, cây lớn ấy, rễ bị chặt đứt, làm thành như cây Sa-la, không thể nào tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

Cũng vậy, này Ānanda, ai sống thấy tai hại trong các pháp được chấp thủ, ái được đoạn diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.



VII. PHẨM ĐẠI (*MAHĀVAGGA*)

I. KINH HẠNG NGƯỜI ÍT NGHE (*Assutavāsutta*)[73] (*S*. II. 94)

61. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika...

– Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát thân do bốn đại tạo thành này.

Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì họ thấy được cái thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả.

Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi."

Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

Này các Tỷ-kheo, ví như một con khỉ trong khi đi lại trong rừng núi, nắm lấy một nhánh cây, bỏ nhánh cây ấy xuống, nó nắm giữ một nhánh khác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức này cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử khéo chơn chánh tư duy lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt." Ví

[73] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.289. 0081c04); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.3-4. 0562c02-10).

như do duyên vô minh, các hành sanh khởi; do duyên hành, thức sanh khởi... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Do ly tham hoàn toàn, đoạn diệt vô minh nên hành diệt; do hành diệt nên thức diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử, nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức; do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát; trong sự giải thoát, trí khởi lên biết được: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH HẠNG NGƯỜI ÍT NGHE THỨ HAI
(*Dutiyaassutavāsutta*)[74] (*S*. II. 95)

62. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, có thể viễn ly, có thể giải thoát đối với cái thân do bốn đại tạo thành này.

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì họ thấy thân do bốn đại tạo thành này được tăng, được giảm, được thủ, được xả. Do vậy, ở đây, kẻ vô văn phàm phu có thể nhàm chán, viễn ly, giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm, là ý, là thức, ở đây, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

Vì sao? Đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đắm trước, xem là của tôi, chấp thủ: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Do vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không đủ để có thể nhàm chán, không đủ để có thể viễn ly, không đủ để có thể giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho kẻ vô văn phàm phu đi đến với thân do bốn đại tạo thành này, xem như là tự ngã, hơn là đối với tâm.

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, thân do bốn đại tạo thành này được thấy đứng vững một năm, đứng vững hai năm, đứng vững ba năm, đứng vững bốn năm, đứng vững năm năm, đứng vững mười năm, đứng vững hai mươi năm, đứng vững ba mươi năm, đứng vững bốn mươi năm, đứng vững năm mươi năm, đứng vững một trăm năm, đứng vững nhiều hơn nữa. Còn cái gọi là tâm này, là ý này, là thức này, này các Tỷ-kheo, cả đêm và ngày, khởi lên là khác, diệt đi là khác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử khéo chơn chánh tư duy lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt."

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh

---

[74] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.290. 0082a01).

khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy được chấm dứt.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ nên khổ thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, nên khổ thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ ấy diệt, khổ thọ ấy chấm dứt.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.

Ví như, này các Tỷ-kheo, do hai khúc cây cọ xát hòa hợp nên sức nóng được sanh, lửa được khởi lên. Do hai khúc cây ấy xa lìa tách biệt, nên sức nóng ấy đoạn diệt, sức nóng ấy chấm dứt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, lạc thọ ấy chấm dứt.

Do duyên xúc đưa đến cảm giác khổ thọ...

Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ nên bất khổ bất lạc thọ sanh khởi. Do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, nên bất khổ bất lạc thọ ấy được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác bất khổ bất lạc thọ ấy diệt, bất khổ bất lạc thọ ấy chấm dứt.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với xúc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức; do nhàm chán nên viễn ly; do viễn ly nên giải thoát; trong sự giải thoát trí khởi lên, biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH VÍ DỤ THỊT ĐỨA CON (*Puttamaṃsūpamasutta*)[75] (*S.* II. 97)

63. Ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô, hoặc tế là thứ nhất; thứ hai là xúc thực; thứ ba là tư niệm thực; thứ tư là thức thực.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

Và này các Tỷ-kheo, đoàn thực cần phải được nhận thấy như thế nào?

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã với một đứa con khả ái, thương mến.

---

[75] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.373. 0102b18).

Rồi này các Tỳ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao hụt, khánh tận; và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.

Rồi này các Tỳ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao hụt, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua. Vậy chúng ta hãy giết đứa con một khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng ta đều bị chết hại."

Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một khả ái, dễ thương ấy; làm thịt khô và thịt ướp; ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực [than khóc]: "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"

Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?[76]

– Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta nói đoàn thực cần phải được nhận thấy như vậy. Này các Tỳ-kheo, khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết. Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết, thời không còn kiết sử. Do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này.

Và này các Tỳ-kheo, xúc thực cần phải được nhận thấy như thế nào?

Này các Tỳ-kheo, ví như một con bò cái bị lở da, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nếu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở trong nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không cắn nó. Này các Tỳ-kheo, con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào, thời các sanh vật trong các chỗ ấy cắn nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta nói xúc thực cần phải được nhận thấy.

Này các Tỳ-kheo, khi xúc thực được hiểu biết, thời ba cảm thọ được hiểu biết. Khi ba cảm thọ được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

Và này các Tỳ-kheo, tư niệm thực cần phải được nhận thấy như thế nào?

Này các Tỳ-kheo, ví như một hố than hừng, sâu hơn một thân người, chứa đầy than cháy đỏ rực, hừng cháy không có khói. Rồi một người đi đến, muốn sống, không muốn chết; muốn lạc, chán ghét khổ. Rồi hai người lực sĩ đi đến, nắm chặt hai cánh tay người ấy, kéo người ấy đến hố than hừng ấy. Này các

---

[76] Về bốn danh từ này, xem *Expos*. 511; *Vism*. 31f.

Tỷ-kheo, người ấy quyết chí muốn lánh xa, tinh cần muốn lánh xa, phát nguyện muốn lánh xa [hố than hừng ấy].

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy chỉ nghĩ như sau: "Nếu ta rơi vào hố than hừng này, do nhân duyên ấy, ta đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tư niệm thực cần phải được nhận thấy.

Này các Tỷ-kheo, khi tư niệm thực được hiểu biết, thời ba ái được hiểu biết. Khi ba ái được hiểu biết, Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

Và này các Tỷ-kheo, thức thực cần phải được nhận thấy như thế nào?

Ví như, này các Tỷ-kheo, người ta bắt một người ăn trộm, một người phạm tội, dẫn đến vua và thưa: "Thưa Đại vương, người này là một người ăn trộm, một người phạm tội. Hãy trừng phạt người ấy nếu như Ngài muốn." Vị vua nói như sau về người ấy: "Các ông hãy đi và đánh người này với một trăm hèo (*satti*) vào buổi sáng." Và họ đánh người ấy với một trăm hèo vào buổi sáng.

Rồi vị vua vào buổi trưa nói: "Này các ông, người ấy như thế nào?"

"Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống."

Rồi vua nói về người ấy: "Này các ông, các ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi trưa." Và họ đánh người ấy một trăm hèo vào buổi trưa.

Rồi vị vua vào buổi chiều nói: "Này các ông, người ấy như thế nào?"

"Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống."

Rồi vua nói về người ấy: "Này các ông, các ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi chiều."

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy trong ngày bị đánh đến ba trăm hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu không?

– Bạch Thế Tôn, chỉ bị đánh một hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu, còn nói gì bị đánh đến ba trăm hèo!

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói thức thực cần phải được nhận thấy.

Này các Tỷ-kheo, khi thức thực được hiểu rõ, thời danh sắc được hiểu rõ. Khi danh sắc được hiểu rõ, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

IV. KINH CÓ THAM (*Atthirāgasutta*)[77] (*S*. II. 101)

64. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh của các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô, hoặc tế [là thứ nhất]; xúc thực là thứ hai; tư niệm thực là thứ ba; thức thực là thứ tư.

[77] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.374-378. 0102c28-0103b24).

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng.[78] Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ, nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ; có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải thời có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái

[78] Xem *S.* II. 65 (kinh 38 ở trước).

sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực ...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái; có cửa sổ phía Bắc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, chiếu vào tường phía Tây.

– Này các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiếu vào chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, chiếu trên đất.

– Này các Tỷ-kheo, nếu không có đất, thời chiếu vào chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, chiếu trên nước.

– Này các Tỷ-kheo, nếu không có nước, thời chiếu vào chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, không có chiếu ở đâu cả.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú. Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

V. KINH THÀNH ẤP (*Nagarasutta*)[79] (*S*. II. 104)

65. Trú ở Sāvatthi…

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh

[79] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.287. 0080b24); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.38.4. 0718a13).

đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thế giới này bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do duyên cái gì, già chết sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, sanh hiện hữu, hữu hiện hữu, thủ hiện hữu, ái hiện hữu, thọ hiện hữu, xúc hiện hữu, sáu xứ hiện hữu, danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu? Do duyên cái gì, thức sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh. Nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi; do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi; do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi..." Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

"Tập khởi, tập khởi." Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt nên già chết diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu, hữu không hiện hữu, thủ không hiện hữu, ái không hiện hữu, thọ không hiện hữu, xúc không hiện hữu, sáu xứ không hiện hữu, danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt nên thức diệt?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do danh sắc diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt."

"Đoạn diệt, đoạn diệt." Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần của vua: "Các ngài hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các ngài, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian, lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.[80]

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức...

Ta đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy

---

[80] *DB*. I. 277 đề cập đến Nāḷandā. Đoạn này nêu rõ đức Phật hiện tại nối tiếp truyền thống từ trước.

rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Này các Tỷ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư thiên, loài người khéo léo trình bày.

VI. KINH XÚC CHẠM, BIẾT RÕ (*Sammasasutta*)[81] (*S*. II. 107)

66. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammāsadhamma.

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có nắm giữ với nội xúc hay không?

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nắm giữ với nội xúc.

– Này các Tỷ-kheo, nhưng ông nắm giữ nội xúc như thế nào?

Tỷ-kheo ấy trả lời. Với câu trả lời, Tỷ-kheo ấy không làm tâm Thế Tôn thỏa mãn.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời Thế Tôn nói về nội xúc. Sau khi nghe, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi nắm giữ nội xúc, nắm giữ nội xúc như sau: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết; sự đau khổ này lấy cái gì làm nhân, lấy cái gì làm tập khởi, lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?" Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết như sau: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết. Sự đau khổ này lấy sanh y[82] làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chết không hiện hữu." Vị ấy biết già chết. Vị ấy biết già chết tập khởi. Vị ấy biết già chết

[81] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.291. 0082a28).

[82] *Upadhi:* Sanh y, nghĩa là nơi căn bản, chỗ nương tựa. Theo *Chú giải, upadhi* ở đây có nghĩa là năm uẩn.

đoạn diệt. Vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Và nhờ thực hành như vậy, vị ấy trở thành một vị tùy pháp hành.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã thực hành để diệt tận khổ đau, để đoạn diệt già chết một cách hoàn toàn.

Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: "Sanh y này lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, sanh y hiện hữu? Cái gì không có mặt, sanh y không hiện hữu?" Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "Sanh y lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm tác sanh, lấy ái làm hiện hữu. Do ái có mặt, sanh y hiện hữu. Do ái không có mặt, sanh y không hiện hữu." Vị ấy biết sanh y, biết sanh y tập khởi, biết sanh y đoạn diệt, và biết con đường thích ứng đưa đến sanh y đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy được gọi là vị tùy pháp hành.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã chơn chánh thực hành để tận diệt đau khổ và đoạn diệt sanh y một cách hoàn toàn.

Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: "Nhưng ái này, khởi lên tại chỗ nào được khởi lên, an trú tại chỗ nào được an trú?" Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "Tất cả những gì ở đời khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú. Và cái gì ở đời khả ái, hấp dẫn? Con mắt ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú. Lỗ tai ở đời là khả ái, hấp dẫn... Lỗ mũi ở đời là khả ái, hấp dẫn... Lưỡi ở đời là khả ái, hấp dẫn... Thân ở đời là khả ái, hấp dẫn... Ý ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú."

Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy sẽ làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy sẽ làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy sẽ làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không có thể giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy

những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, ví như một bình bằng đồng đựng nước uống có sắc, có hương, có vị và nước uống ấy có pha thuốc độc. Rồi một người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước và có những người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và bình nước uống ấy có pha thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy, bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết." Người kia có thể uống bình nước bằng đồng ấy một cách hấp tấp không suy nghĩ, không từ bỏ. Người kia do nhân duyên ấy, có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn, phàm vật gì khả ái hấp dẫn ở đời...

... những ai trong tương lai...

Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn; thấy là lạc; thấy là tự ngã; thấy là vô bệnh; thấy là an ổn; những người ấy làm ái tăng trưởng.

Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

Và này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; những người ấy từ bỏ ái.

Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy đã được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ đã giải thoát khỏi đau khổ.

Và này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; những người ấy sẽ từ bỏ ái.

Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y... Ta nói rằng họ có thể giải thoát khỏi đau khổ.

Còn những ai, này các Tỷ-kheo, trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ từ bỏ ái.

Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy sẽ giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ sẽ giải thoát khỏi đau khổ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước bằng đồng đựng nước uống có sắc, có hương, có vị, nhưng bị pha thuốc độc. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Có những người nói với người ấy: "Này bạn, bình nước bằng đồng này có sắc, có hương, có vị, nhưng bình nước uống ấy bị pha thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết."

Và này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau: "Ở đây, ta có thể nhiếp phục khát nước này với uống rượu, hay nhiếp phục với ăn sữa đông (sanh tô), hay nhiếp phục với ngậm muối, hay nhiếp phục với cháo chua. Nhưng ta không thể uống thứ này, nó khiến ta phải bất hạnh, đau khổ lâu dài." Người ấy sau khi suy nghĩ, không uống và từ bỏ thứ nước uống ấy. Do nhân duyên này, người ấy không đi đến chết, hay sự đau khổ gần như chết.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong thời quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là đau khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ đoạn trừ ái.

Những ai đoạn trừ ái, những người ấy đoạn trừ sanh y. Những ai đoạn trừ sanh y, những người ấy đoạn trừ đau khổ. Những ai đoạn trừ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ được giải thoát khỏi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai...

Những ai trong thời hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường; thấy là khổ; thấy là vô ngã; thấy là bệnh; thấy là đáng sợ hãi; họ từ bỏ ái.

Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ được giải thoát khỏi đau khổ.

VII. KINH BÓ LAU (*Naḷakalāpīsutta*)[83] (*S.* II. 112)

67. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhita trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), ở Migadāya (Vườn Nai).

---

[83] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.288. 0081a09).

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhita, vào buổi chiều từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Hiền giả Sāriputta, già chết do tự mình tạo ra; già chết do người khác tạo ra; già chết do tự mình và do người khác tạo ra; hay già chết không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh?

– Này Hiền giả Koṭṭhita, già chết không do tự mình tạo ra; già chết không do người khác tạo ra; già chết không do tự mình tạo ra và người khác tạo ra; già chết cũng không phải không do tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Già chết do duyên sanh.

– Này Hiền giả Sāriputta, có phải sanh do tự mình làm ra; sanh do người khác làm ra; sanh do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay sanh không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

– Này Hiền giả Koṭṭhita, sanh không do tự mình làm ra; sanh không do người khác làm ra; sanh không do tự mình làm ra và người khác làm ra; sanh cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Sanh do duyên hữu.

– Này Hiền giả Sāriputta, hữu có phải do tự mình làm ra... thủ có phải do tự mình làm ra... ái có phải do tự mình làm ra... thọ có phải do tự mình làm ra... xúc có phải do tự mình làm ra... sáu xứ có phải do tự mình làm ra...?

... danh sắc có phải do tự mình làm ra; danh sắc có phải do người khác làm ra; danh sắc có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay danh sắc có phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

– Này Hiền giả Koṭṭhita, danh sắc không phải do tự mình làm ra; danh sắc không phải do người khác làm ra; danh sắc không phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức.

– Này Hiền giả Sāriputta, có phải thức do tự mình làm ra; thức do người khác làm ra; thức do tự mình làm ra và do người khác làm ra; hay có phải thức không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh?

– Này Hiền giả Koṭṭhita, thức không do tự mình làm ra; thức không do người khác làm ra; thức không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra; hay thức cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Thức do duyên danh sắc.

– Nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sāriputta như sau: "Này Hiền giả Koṭṭhita, danh sắc không do tự mình làm ra; danh sắc không do người khác làm ra; danh sắc không do tự mình làm ra và do người khác làm ra; danh sắc cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Danh sắc do duyên thức."

Và nay chúng tôi hiểu lời nói của Hiền giả Sāriputta như sau: "Này Hiền giả Koṭṭhita, thức không do tự mình làm ra; không do người khác làm ra; không do tự mình làm ra và người khác làm ra; cũng không phải không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, do tự nhiên sanh. Thức do duyên danh sắc."

Này Hiền giả Sāriputta, cần phải hiểu như thế nào ý nghĩa lời nói này?

– Vậy này Hiền giả, tôi sẽ nêu một ví dụ. Nhờ có ví dụ, người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

Ví như hai bó lau dựa vào nhau mà đứng; cũng vậy, này Hiền giả, do duyên danh sắc, thức sanh khởi; do duyên thức, danh sắc sanh khởi; do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi; do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này Hiền giả, nếu một bó lau được kéo qua [một bên], bó lau kia liền rơi xuống. Nếu bó lau kia được kéo qua [một bên], bó lau này liền rơi xuống. Cũng vậy, này Hiền giả, do danh sắc diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt... (như trên). Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

– Thật vi diệu thay, Hiền giả Sāriputta! Thật hy hữu thay, Hiền giả Sāriputta! Lời nói khéo nói này của Hiền giả Sāriputta và lời nói với ba mươi sáu sự này của Hiền giả Sāriputta, chúng tôi xin tùy hỷ.

– Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết pháp để nhàm chán, ly tham, đoạn diệt già chết, thời đủ để được gọi là vị Tỷ-kheo thuyết pháp. Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thực hành để nhàm chán, ly tham, đoạn diệt già chết, thời đủ để được gọi là tùy pháp hành. Này Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt vô minh, được giải thoát, không có chấp thủ, thời đủ để được gọi vị Tỷ-kheo đã đạt được Hiện tại Niết-bàn.

VIII. KINH KOSAMBI (*Kosambisutta*)[84] (*S.* II. 115)

68. Một thời, Tôn giả Musīla, Tôn giả Saviṭṭha, Tôn giả Nārada, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambi, vườn Ghosita.

Rồi Tôn giả Saviṭṭha nói với Tôn giả Musīla:

– Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng (*ākāraparivitakkā*), ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm (*diṭṭhinijjhānakkhanti*), Tôn giả Musīla tự mình có trí biết được: "Do duyên sanh nên già chết sanh khởi?"

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết được, tôi có thấy được: "Do duyên sanh nên già chết sanh khởi."

– Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết được: "Do duyên hữu nên sanh sanh khởi?"

[84] Tham khảo: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.351. 0098c01).

... "Do duyên thủ nên hữu sanh khởi?"... "Do duyên ái nên thủ sanh khởi?"... "Do duyên thọ nên ái sanh khởi?"... "Do duyên xúc nên thọ sanh khởi?"... "Do duyên sáu xứ nên xúc sanh khởi?"... "Do duyên danh sắc nên sáu xứ sanh khởi?"... "Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi?"... "Do duyên hành nên thức sanh khởi?"... "Do duyên vô minh, các hành sanh khởi?"

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi biết được, tôi thấy được: "Do duyên vô minh nên các hành sanh khởi."

– Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài sự thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết như sau: "Do sanh diệt nên già chết diệt?"

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do sanh diệt nên già chết diệt."

– Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết như sau: "Do hữu diệt nên sanh diệt?"

... "Do thủ diệt nên hữu diệt?"... "Do ái diệt nên thủ diệt?"... "Do thọ diệt nên ái diệt?"... "Do xúc diệt nên thọ diệt?"... "Do sáu xứ diệt nên xúc diệt?"... "Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt?"... "Do thức diệt nên danh sắc diệt?"... "Do hành diệt nên thức diệt?"... "Do vô minh diệt nên hành diệt?"

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do vô minh diệt nên hành diệt."

– Này Hiền giả Musīla, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, Tôn giả Musīla tự mình có trí biết như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn?"

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài truyền thuyết, ngoài thẩm lự hành tướng, ngoài thẩm định và chấp nhận quan điểm, tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn."

– Như vậy, Tôn giả Musīla là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc?

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Musīla giữ im lặng.

Rồi Tôn giả Nārada nói với Tôn giả Saviṭṭha:

– Này Hiền giả Saviṭṭha, lành thay nếu tôi được hỏi câu này. Hãy hỏi tôi câu hỏi này, và tôi sẽ trả lời cho Hiền giả câu hỏi này.

– Tôn giả Nārada hãy lấy câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi Tôn giả Nārada câu hỏi này, và Tôn giả Nārada hãy trả lời cho tôi câu hỏi này.

(Như trên…)

– Này Hiền giả Saviṭṭha, ngoài lòng tin... tôi có biết như sau, tôi có thấy như sau: "Do hữu diệt là Niết-bàn."

– Như vậy, Tôn giả Nārada là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

– Này Hiền giả, "do hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ. Nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như trên một con đường hoang vắng có một giếng nước. Tại đấy không có dây, không có gàu nước. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Người ấy ngó xuống giếng và biết được: "Giếng này có nước", nhưng đứng chịu, thân thể không chạm nước.

Cũng vậy, này Hiền giả, "do hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chơn nhờ chánh trí tuệ, nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Saviṭṭha:

– Này Hiền giả Saviṭṭha, nói như vậy thời Hiền giả nói gì về Tôn giả Nārada?

– Này Hiền giả Ānanda, nói như vậy, tôi không nói gì về Tôn giả Nārada ngoài sự tốt lành, ngoài sự tốt đẹp.

IX. KINH NƯỚC THỦY TRIỀU DÂNG (*Upayantisutta*) (*S.* II. 118)

69. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đây...

– Này các Tỷ-kheo, khi nào biển lớn dâng lên thời các sông lớn dâng lên. Khi nào các sông lớn dâng lên thời các sông nhỏ dâng lên. Khi nào các sông nhỏ dâng lên thời các hồ lớn dâng lên. Khi nào các hồ lớn dâng lên thời các hồ nhỏ dâng lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào vô minh dâng lên thời các hành dâng lên. Khi nào các hành dâng lên thời thức dâng lên. Khi nào thức dâng lên thời danh sắc dâng lên. Khi nào danh sắc dâng lên thời sáu xứ dâng lên. Khi nào sáu xứ dâng lên thời xúc dâng lên. Khi nào xúc dâng lên thời thọ dâng lên. Khi nào thọ dâng lên thời ái dâng lên. Khi nào ái dâng lên thời thủ dâng lên. Khi nào thủ dâng lên thời hữu dâng lên. Khi nào hữu dâng lên thời sanh dâng lên. Khi nào sanh dâng lên thời già chết dâng lên.

Này các Tỷ-kheo, biển lớn không dâng lên thời sông lớn không dâng lên. Sông lớn không dâng lên thời sông nhỏ không dâng lên. Sông nhỏ không dâng lên thời hồ lớn không dâng lên. Hồ lớn không dâng lên thời hồ nhỏ không dâng lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh không dâng lên thời các hành không dâng lên. Các hành không dâng lên thời thức không dâng lên. Thức không dâng lên thời danh sắc không dâng lên. Danh sắc không dâng lên thời sáu xứ không dâng lên. Sáu xứ không dâng lên thời xúc không dâng lên. Xúc không dâng lên thời thọ không dâng lên. Thọ không dâng lên thời ái không dâng lên. Ái không dâng lên thời thủ không dâng lên. Thủ không dâng lên thời hữu không dâng lên. Hữu không dâng lên thời sanh không dâng lên. Sanh không dâng lên thời già chết không dâng lên.

X. KINH SUSIMA (*Susimasutta*)[85] (*S*. II. 119)

70. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lễ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

Lúc bấy giờ, du sĩ Susima trú ở Rājagaha cùng với hội chúng du sĩ.

Rồi hội chúng của du sĩ Susima nói với du sĩ Susima:

– Thưa Hiền giả Susima, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama. Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy, chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy, chúng tôi sẽ được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

– Thưa vâng, các Hiền giả.

Du sĩ Susima nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ānanda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, du sĩ Susima nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.

Rồi Tôn giả Ānanda đưa du sĩ Susima đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, du sĩ Susima này nói như sau: "Này Hiền giả Ānanda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này."

– Vậy Ānanda, hãy cho Susima xuất gia.

Và du sĩ Susima được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn và được thọ Đại giới.

Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí

[85] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.347. 0096b25).

như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Tôn giả Susima được nghe nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Rồi Tôn giả Susima đi đến các Tỷ-kheo; sau khi đến, nói lên với những Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susima nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Có đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa?'"

– Thưa có vậy, này Hiền giả.

– Nhưng, chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy chắc chứng được nhiều loại thần thông khác nhau: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: Chư thiên và loài người, xa và gần?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của các chúng sanh khác, các loài người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và

thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thức ăn như thế này, thọ lạc khổ như thế này, tuổi thọ như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh kia làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, sau khi vượt khỏi sắc giới, thân cảm xúc vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?

– Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

– Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?

– Này Hiền giả, không có chứng được gì.

– Như thế nào?

– Thưa Hiền giả Susima, chúng tôi chứng được Tuệ giải thoát.

– Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả!

– Này Hiền giả Susima, dù cho ông có biết hay ông không biết, chúng tôi chứng được Tuệ giải thoát.

Rồi Tôn giả Susima từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susima trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

– Này Susima, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con, để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn!

– Này Susima, dù cho ông có biết hay ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn. Này Susima, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi chúng ta quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Tưởng là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Các hành là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Susima, cái gì thuộc sắc pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại...

Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại...

Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại...

Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này Susima, thấy như vậy, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc,

nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này Susima, ông có thấy chăng: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– "Do duyên thủ, hữu sanh khởi", này Susima, ông có thấy chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, ông có thấy chăng: "Do duyên ái, thủ sanh khởi"?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– "Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành, thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi." Này Susima, ông có thấy chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– "Do sanh diệt, già chết diệt", này Susima, ông có thấy chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– "Do hữu diệt, nên sanh diệt", này Susima, ông có thấy chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– "Do thủ diệt nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt nên hành diệt." Này Susima, ông có thấy chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, ông có thể nghe hai loại tiếng: Tiếng chư thiên và tiếng loài người, tiếng xa và tiếng gần?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết

được tâm của chúng sanh sai khác, của loài người sai khác. Với tâm có tham, ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, ông biết được là tâm giải thoát?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, có phải biết như vậy, thấy như vậy, ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác như một đời... (như trên). Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... Ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp, ông an trú với tịch tịnh giải thoát?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nay ở đây, này Susima, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susima, có phải ông không làm được điều này?

Rồi Tôn giả Susima cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thế Tôn, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!

– Này Susima, thật sự ông đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này.

Ví như, này Susima, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn." Vua ấy nói như sau: "Các ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam."

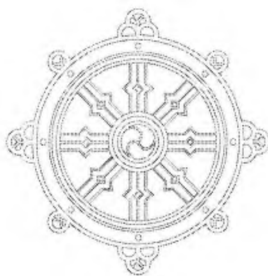
Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này tới ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.

Này Susima, ông nghĩ thế nào? Người ấy do nhân duyên như vậy, có cảm thọ khổ ưu hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Susima, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy, cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu; thời sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo thuyết này, do nhân duyên ấy, phải rơi vào và chịu đựng khổ báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn.

Này Susima, ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ, nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho ông. Này Susima, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.



VIII. PHẨM SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*SAMAṆABRĀHMAṆAVAGGA*)

I. KINH GIÀ CHẾT (*Jarāmaraṇasutta*)[86] (*S*. II. 129)

71. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, ở vườn ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn...

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết già chết, không biết già chết tập khởi, không biết già chết đoạn diệt, không biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, giữa các Sa-môn không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa các Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy không tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết già chết... (như trên)... biết con đường đưa đến già chết đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, giữa các Sa-môn được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa các Bà-la-môn được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những Tôn giả ấy tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

II-XI. NHÓM 10 KINH, BẮT ĐẦU BẰNG KINH SANH (*Jātisuttādidasaka*) (*S*. II. 130)

72. Trú ở Sāvatthi…

(2) Họ không biết sanh...

(3) Họ không biết hữu...

(4) Họ không biết thủ...

(5) Họ không biết ái...

(6) Họ không biết thọ...

(7) Họ không biết xúc...

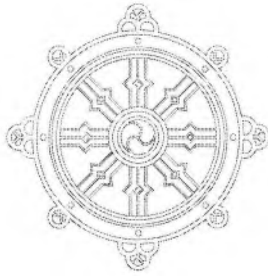
(8) Họ không biết sáu xứ...

(9) Họ không biết danh sắc...

(10) Họ không biết thức...

[86] Trong bản tiếng Anh của PTS, nhóm 11 đoạn kinh này (II-XI), không có tiêu đề. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.354. 0099b19).

(11) Họ không biết hành, họ không biết hành tập khởi, họ không biết hành đoạn diệt, họ không biết con đường đưa đến hành đoạn diệt... tự mình với thắng trí đạt được, chứng được và an trú ngay trong hiện tại mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.



IX. PHẨM TRUNG LƯỢC
(*ANTARAPEYYĀLA*)

I. KINH ĐẠO SƯ (*Satthusutta*) (*S.* II. 130)

73. Trú tại Sāvatthi…

Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với già chết. Đối với ai không như thật biết và thấy già chết tập khởi, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với già chết tập khởi. Đối với ai không như thật biết và thấy già chết đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với già chết đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến già chết đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

II-XI. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH ĐẠO SƯ THỨ HAI (*Dutiyasatthusuttādidasaka*) (*S.* II. 132)

(2) Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy sanh...

(3) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy hữu...

(4) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thủ...

(5) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy ái...

(6) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thọ...

(7) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy xúc...

(8) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy sáu xứ...

(9) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy danh sắc...

(10) Này các Tỷ-kheo... không như thật biết và thấy thức...

(11) Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy hành, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành. Đối với ai không như thật biết và thấy các hành tập khởi, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành tập khởi. Đối với ai không như thật biết và thấy các hành đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với các hành đoạn diệt. Đối với ai không như thật biết và thấy con đường đưa đến các hành đoạn diệt, người ấy cần phải tìm đến bậc Đạo sư để có như thật trí đối với con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

II-XII. NHÓM 11 KINH NHƯ TRÊN BẮT ĐẦU BẰNG KINH HỌC TẬP (*Sikkhāsuttādipeyyālaekādasaka*)[87] (*S*. II. 132)

(2) ... Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải học tập để có như thật trí đối với già chết... (như trên).

(3) ... Này các Tỷ-kheo, đối với ai không như thật biết và thấy già chết, người ấy cần phải tu tập[88] để có như thật trí đối với già chết… (như trên).

(4) ... cần phải thực hành dục[89] ... (như trên).

(5) ... cần phải nỗ lực... (như trên).

(6) ... cần phải bất thối chuyển... (như trên).

(7) ... cần phải nhiệt tâm... (như trên).

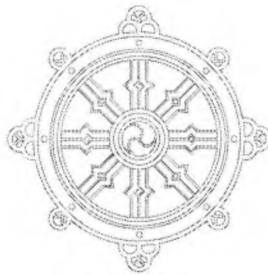
(8) ... cần phải tinh tấn... (như trên).

(9) ... cần phải kiên trì... (như trên).

(10) ... cần phải chánh niệm... (như trên).

(11) ... cần phải chánh tri... (như trên).

(12) ... cần phải không phóng dật... (như trên).



[87] Tham chiếu: Tạp. 雜 (*T*.02. 0099.365. 0101a06).
[88] Tham chiếu: Tạp. 雜 (*T*.02. 0099.366. 0101a16).
[89] Theo *Chú giải*, dục ở đây có nghĩa là mong muốn làm điều thiện.

13. TƯƠNG ƯNG MINH KIẾN
(*ABHISAMAYASAṂYUTTA*)

I. KINH ĐẦU MÓNG TAY (*Nakhasikhāsutta*) (*S*. II. 133)

74. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Thế Tôn lấy lên một ít bụi trên đầu móng tay rồi gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì nhiều hơn, một ít bụi này Ta lấy lên trên đầu ngón tay hay là quả đất lớn này?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này. Ít hơn là ít bụi được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với ít bụi được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận. Khổ còn lại chừng chút ít; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức nhiều nhất là bảy lần.[1]

Như vậy, lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến (*dhammābhisamaya*, pháp hiện quán); như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn.

II. KINH HỒ SEN (*Pokkharaṇīsutta*)[2] (*S*. II. 133)

75. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ sen năm mươi do-tuần bề dài, năm mươi do-tuần bề rộng và năm mươi do-tuần bề sâu, nước đầy tràn khiến con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ sen ấy, một người lấy nước lên với đầu ngọn cỏ. Các ông nghĩ thế nào? Này các Tỷ-kheo, cái nào nhiều hơn, nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ hay nước của hồ sen?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của hồ sen. Ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ; không phải một trăm lần, không phải

---

[1] *Sattakkhattuṃ paramatā*. Xem *S*. V. 458; *A*. I. 233f; *PC*. 77, 268.

[2] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.891. 0224b11).

một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước của hồ sen với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với bậc Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận. Khổ còn lại chừng chút ít; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, đã được diệt tận, tức nhiều nhất là bảy lần.

Như vậy, lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến; như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn.

III. KINH NƯỚC SÔNG HỢP DÒNG (*Sambhejjaudakasutta*) (*S*. II. 134)

76. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng như sông Gaṅgā (sông Hằng), sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī. Từ các chỗ hợp dòng ấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên hay là nước ở chỗ hợp dòng?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước hợp dòng. Ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên)... chứng đắc Pháp nhãn.

IV. KINH NƯỚC SÔNG HỢP DÒNG THỨ HAI (*Dutiyasambhejjaudakasutta*) (*S*. II. 135)

77. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī; nước các con sông ấy đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ trừ hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì nhiều hơn, nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận, hay là hai hay ba giọt nước còn lại?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước sông hợp dòng đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

V. KINH QUẢ ĐẤT (*Pathavīsutta*) (*S*. II. 135)

78. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy cục đất tròn to bằng hột táo trên quả đất lớn. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, cái nào là nhiều hơn, bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt [trên quả đất] hay là quả đất lớn?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn. Ít hơn là bảy cục đất tròn to bằng hột táo được đặt [trên quả đất]; không phải một trăm lần, không phải một ngàn, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với bảy cục đất tròn được đặt [trên quả đất].

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

VI. KINH QUẢ ĐẤT THỨ HAI (*Dutiyapathavīsutta*) (*S*. II. 136)

79. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo? Cái nào là nhiều hơn, quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận hay là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy cục đất tròn lớn bằng hột táo còn lại.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

VII. KINH BIỂN (*Samuddasutta*) (*S*. II. 136)

80. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một người từ biển lớn lấy lên hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên hay là nước biển lớn?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước biển lớn. Ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

VIII. KINH BIỂN THỨ HAI (*Dutiyasamuddasutta*) (*S*. II. 137)

81. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận hay là hai hay ba giọt nước còn lại?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng,

khi so sánh nước của biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

IX. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI (*Pabbatasutta*) (*S*. II. 137)

82. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải trên vua núi Tuyết. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt [trên núi] hay là vua núi Tuyết?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt [trên núi]; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Tuyết với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được đặt [trên núi].

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... chứng đắc Pháp nhãn.

X. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ HAI (*Dutiyapabbatasutta*) (*S*. II. 138)

83. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, vua núi Tuyết đi đến đoạn tận, diệt tận, chỉ còn lại bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, vua núi Tuyết đi đến đoạn tận, diệt tận hay là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải được còn lại?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Tuyết đi đến đoạn tận, diệt tận này. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại này; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Tuyết đi đến đoạn tận, diệt tận với bảy hòn sỏi lớn bằng hột cải còn lại.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, cái này nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, diệt tận. Khổ còn lại chừng chút ít; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh với khổ uẩn trước đã được đoạn tận, diệt tận tức nhiều nhất là bảy lần.

Như vậy, lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là pháp minh kiến; như vậy, lợi ích lớn thay là chứng đắc Pháp nhãn.

XI. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ BA (*Tatiyapabbatasutta*) (*S*. II. 138)

84. Trú ở Sāvatthi…

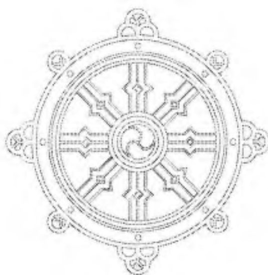
– Ví như, này các Tỷ-kheo, các ông đặt bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu trên vua núi Sineru (Tu-di). Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt [trên núi] hay là vua núi Sineru?

– Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là vua núi Sineru. Ít hơn là bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt [trên núi]; không phải một trăm lần,

không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh vua núi Sineru với bảy hòn sỏi lớn bằng hột đậu được đặt [trên núi].

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, so sánh sự chứng đắc của vị Thánh đệ tử đã chứng được Kiến cụ túc, của người đã chứng được minh kiến, thời sự chứng đắc của các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo không bằng một trăm lần, không bằng một ngàn lần, không bằng một trăm ngàn lần.

Cũng vậy, chứng đắc lớn, này các Tỷ-kheo, là Kiến cụ túc, là người đã chứng được đại trí như vậy.



14. TƯƠNG ƯNG GIỚI
(*DHĀTUSAṂYUTTA*)

I. PHẨM SAI BIỆT (*NĀNATTAVAGGA*)

PHẦN MỘT: NĂM KINH NỘI GIỚI[1]

I. KINH GIỚI SAI BIỆT (*Dhātunānattasutta*)[2] (*S*. II. 140)

85. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

II. KINH XÚC SAI BIỆT (*Phassanānattasutta*)[3] (*S*. II. 140)

86. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên thiệt giới,

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 85-89 trong nhóm 1 (a) *Five* (*Discourses on*) *Internal Element*, nghĩa là *Năm kinh Nội giới*.

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Element*, nghĩa là *Giới*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.451. 0115c27).

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Touching*, nghĩa là *Xúc*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.452. 0116a05); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.453. 0116a22).

thiệt xúc sanh khởi; do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

III. KINH KHÔNG PHẢI XÚC SAI BIỆT (*Nophassanānattasutta*)[4] (*S*. II. 141)

87. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; không phải do duyên nhĩ xúc, nhĩ giới sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; không phải do duyên tỷ xúc, tỷ giới sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; không phải do duyên thiệt xúc, thiệt giới sanh khởi. Do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; không phải do duyên thân xúc, thân giới sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IV. KINH THỌ SAI BIỆT (*Vedanānānattasutta*)[5] (*S*. II. 141)

88. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên nhĩ xúc, thọ do nhĩ xúc sanh sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên tỷ xúc, thọ do tỷ xúc sanh sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; do duyên thiệt xúc, thọ do thiệt xúc sanh sanh khởi. Do duyên

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *And Not in This Way*, nghĩa là *Và không phải như vậy*.

[5] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Feeling*, nghĩa là *Thọ*.

thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên thân xúc, thọ do thân xúc sanh sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

V. KINH THỌ SAI BIỆT THỨ HAI (*Dutiyavedanānānattasutta*) (*S.* II. 142)

89. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

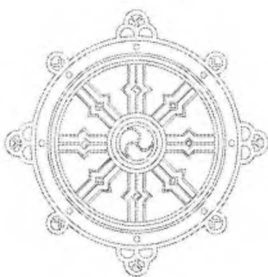
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi...

Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.



PHẦN HAI: NĂM KINH NGOẠI GIỚI[6]

VI. KINH NGOẠI GIỚI SAI BIỆT (*Bāhiradhātunānattasutta*)[7] (*S*. II. 143)

90. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về giới sai biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

VII. KINH TƯỞNG SAI BIỆT (*Saññānānattasutta*)[8] (*S*. II. 143)

91. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi? Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi? Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi? Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

---

[6] Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 90-94 trong nhóm 1 (b). *Five* (*Discourses on*) *External Element*, nghĩa là *Năm kinh Ngoại giới*.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Element*, nghĩa là *Giới*.

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Perception*, nghĩa là *Tưởng*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.454-455. 0116b06-14).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

VIII. KINH KHÔNG PHẢI TẦM CẦU SAI BIỆT

(*Nopariyesanānānattasutta*)[9] (*S*. II. 144)

92. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi; do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi; do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi; do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi; do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi; không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi; không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi; không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi; do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi; do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi; do duyên pháp dục,

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *And Not in This Way*, nghĩa là *Và không phải như vậy.*

pháp nhiệt tình sanh khởi; do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi. Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi; không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IX. KINH NGOẠI XÚC SAI BIỆT
(*Bāhiraphassanānattasutta*)[10] (*S.* II. 146)

93. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi. Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi. Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh

---

[10] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Contact*, nghĩa là *Xúc*.

khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi. Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

X. KINH NGOẠI XÚC SAI BIỆT THỨ HAI
(*Dutiyabāhiraphassanānattasuta*) (*S*. II. 147)

94. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt... dục... thọ... xúc... tư duy... tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc...? Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc...; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi...

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

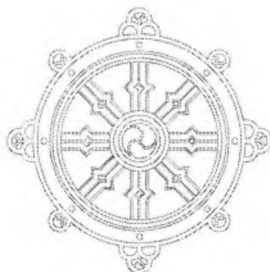
Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi; do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi; do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi; không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi; không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi; không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi; không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi; không

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi; không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH BẢY GIỚI (*Sattadhātusutta*)[11] (*S*. II. 149)

95. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy? Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, Diệt thọ tưởng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế Tôn, những giới này do duyên cái gì được hiển lộ?

– Này các Tỷ-kheo, Quang giới này, do duyên u ám, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này, do duyên bất tịnh, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xứ giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Thức vô biên xứ giới này, do duyên Không vô biên xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Vô sở hữu xứ giới này, do duyên Thức vô biên xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này, do duyên Vô sở hữu xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này, do duyên diệt, giới này được hiển lộ.

– Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế Tôn, bảy giới này thiền chứng (*samāpatti*) như thế nào?

– Này các Tỷ-kheo, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tưởng thiền chứng (*saññāsamāpatti*) được chứng đắc.

Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư thiền chứng được chứng đắc.

---

[11] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.456. 0116c12). Bản tiếng Anh của PTS: *These Seven*, nghĩa là *Bảy pháp*.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc.

II. KINH CÓ NHÂN (*Sanidānasutta*)[12] (*S*. II. 151)

96. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân?

Này các Tỷ-kheo, do duyên dục giới, dục tưởng sanh khởi; do duyên dục tưởng, dục tư duy sanh khởi; do duyên dục tư duy, dục dục[13] sanh khởi; do duyên dục dục, dục nhiệt tình sanh khởi; do duyên dục nhiệt tình, dục tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên sân giới, sân tưởng sanh khởi; do duyên sân tưởng, sân tư duy sanh khởi... sân dục... sân nhiệt tình... sân tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên hại giới, hại tưởng sanh khởi... hại tư duy... hại dục... hại nhiệt tình... hại tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy không dập tắt gấp với tay và chân, như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ gặp bất hạnh và tai họa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với tưởng bất chánh khởi lên, không gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khổ, với phiền lao, với sầu não, với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú.

Này các Tỷ-kheo, có nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, có nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân?

Này các Tỷ-kheo, do duyên xuất ly giới, xuất ly tưởng sanh khởi; do duyên xuất ly tưởng, xuất ly tư duy sanh khởi; do duyên xuất ly tư duy, xuất

---

[12] Tham chiếu: *Tạp.* 雜. (*T*.02. 0099.449. 0115c06); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.20. 0497c13); *Phật thuyết Tương ưng tương khả kinh* 佛說相應相可經 (*T*.02. 0111. 0504b26).

[13] *Kāmacchanda*. *Kāma* (dục) có liên hệ đến các căn. *Chanda* (dục) không liên hệ đến các căn.

ly dục (*chanda*) sanh khởi; do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt não sanh khởi; do duyên xuất ly nhiệt não, xuất ly tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu xuất ly tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên vô sân giới, vô sân tưởng sanh khởi; do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi... vô sân dục... vô sân nhiệt tình... vô sân tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên bất hại giới, bất hại tưởng sanh khởi; do duyên bất hại tưởng, bất hại tư duy sanh khởi; do duyên bất hại tư duy, bất hại dục sanh khởi; do duyên bất hại dục, bất hại nhiệt tình sanh khởi; do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên tầm cầu bất hại tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân dập tắt gấp bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với tưởng bất chánh khởi lên, gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong an lạc, không có phiền lao, không có sầu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú.

III. KINH CĂN NHÀ BẰNG GẠCH (*Giñjakāvasathasutta*)[14] (*S.* II. 153)

97. Một thời, Thế Tôn trú ở Ñātika, tại căn nhà bằng gạch.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới, tưởng sanh khởi, kiến sanh khởi, tầm sanh khởi.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị không Chánh đẳng Chánh giác, có vị Chánh đẳng chánh giác; bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?

– Lớn thay! Này Kaccāna, là giới này, tức là vô minh giới.

Này Kaccāna, do duyên liệt (*hīna*) giới, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (*cetanā*), liệt hy vọng (*patthanā*), liệt ước nguyện, liệt nhân (*puggala*), liệt ngữ sanh khởi; liệt là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng,

---

[14] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.457. 0117a03).

vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng liệt là sự thọ sanh (*uppatti*) của vị ấy.

Này Kaccāna, do duyên trung giới, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi; trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng trung là sự thọ sanh của vị ấy.

Này Kaccāna, do duyên thắng giới, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi; thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng thắng là sự thọ sanh của vị ấy.

IV. KINH LIỆT Ý CHÍ (*Hīnādhimuttikasutta*)[15] (*S*. II. 154)

98. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

V. KINH ĐI CÙNG NHAU (*Caṅkamasutta*)[16] (*S*. II. 155)

99. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Mahāmoggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Mahākassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

---

[15] *Adhimutti*: Ý chí, thắng giải, xu hướng. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.445. 0115a05).
[16] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.447. 0115a24); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.3. 0795b20).

Tôn giả Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Sāriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Moggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Thần thông.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh Đầu-đà.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc có Thiên nhãn.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Puṇṇa Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Thuyết pháp.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Trì luật.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đa văn.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là ác dục.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

VI. KINH CÓ KỆ (*Sagāthāsutta*)[17] (*S.* II. 157)

100. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phẩn cùng hòa hợp, cùng đi với phẩn; nước tiểu cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi

---

[17] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.446. 0115a12); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.448. 0115b24).

với máu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tấm ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.
Do vậy hãy tránh xa,
Kẻ nhác, không tinh tấn.

Hãy cộng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu thiền tịnh.

VII. KINH HÒA HỢP VỚI KẺ BẤT TÍN
(*Assaddhasaṃsandanasutta*)[18] (*S*. II. 159)

101. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi.

---

[18] Bản tiếng Anh của PTS: *Unbelievers*, nghĩa là *Những kẻ bất tín*.

Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín; kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

VIII. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ BẤT TÍN
(*Assaddhamūlakasutta*)[19] (*S*. II. 160)

102. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Như vậy, điều thứ nhất cần phải hiểu rộng.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *The Five Based on 'Unbelievers'*, nghĩa là *Năm trường hợp liên hệ kẻ bất tín.*

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

IX. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ KHÔNG BIẾT THẸN (*Ahirikamūlakasutta*)[20] (*S.* II. 162)

103. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy theo giới...

Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ...

Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ...

Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

---

[20] Bản tiếng Anh của PTS: *The Four Based on* '*The Unconscientiousness*', nghĩa là *Bốn trường hợp liên hệ kẻ không biết thẹn.*

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

X. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ KHÔNG BIẾT SỢ TỘI LỖI (*Anottappamūlakasutta*)[21] (*S*. II. 163)

104. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

XI. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ ÍT NGHE (*Appassutamūlakasutta*)[22] (*S*. II. 164)

105. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

---

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *The Three Based on 'The Indiscreet'*, nghĩa là *Ba trường hợp liên hệ kẻ không biết sợ tội lỗi*.

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *The Two by the Term 'The Uneducated'*, nghĩa là *Hai trường hợp liên hệ kẻ ít nghe*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.450. 0115c15).

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

XII. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ BIẾNG NHÁC
(*Kusītamūlakasutta*)[23] (*S*. II. 165)

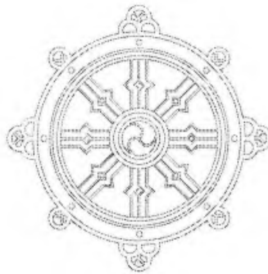
106. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...



[23] Bản tiếng Anh của PTS: *The Lazy*, nghĩa là *Kẻ biếng nhác*.

III. PHẨM NGHIỆP ĐẠO
(*KAMMAPATHAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG TỊCH TỊNH (*Asamāhitasutta*) (*S*. II. 166)

107. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ không tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tịch tịnh. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tịch tịnh. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

II. KINH ÁC GIỚI (*Dussīlasutta*) (*S*. II. 166)

108. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ trì giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III. KINH NĂM HỌC PHÁP (*Pañcasikkhāpadasutta*) (*S*. II. 167)

109. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp,

cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men rượu nấu.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men rượu nấu.

IV. KINH BẢY NGHIỆP ĐẠO (*Sattakammapathasutta*) (*S.* II. 167)

110. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

V. KINH MƯỜI NGHIỆP ĐẠO (*Dasakammapathasutta*) (*S.* II. 167)

111. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục.

Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

VI. KINH TÁM CHI (*Aṭṭhaṅgikasutta*) (*S.* II. 168)

112. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.

Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

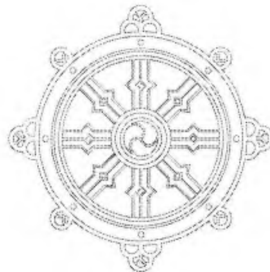
VII. KINH MƯỜI CHI (*Dasaṅgasutta*) (*S.* II. 168)

113. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.



IV. PHẨM THỨ TƯ (*CATUTTHAVAGGA*)

I. KINH BỐN GIỚI (*Catudhātusutta*)[24] (*S*. II. 169)

114. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này.

Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn giới này.

II. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG QUẢ CHÁNH ĐẲNG GIÁC (*Pubbesambodhasutta*)[25] (*S*. II. 169)

115. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

"Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của địa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong giới?"

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

"Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên địa giới là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của địa giới là nguy hiểm của địa giới. Sự nhiếp phục dục và tham (*chandarāga*), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa giới."

"Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên thủy giới..."

"Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới..."

"Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của phong giới là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới."

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này Ta chưa như thật thắng tri (*abbhaññāsiṃ*), như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta như thật thắng

---

[24] Bản tiếng Anh của PTS: *The Four*, nghĩa là *Bốn*.
[25] Bản tiếng Anh của PTS: *Before*, nghĩa là *Trước*.

tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa."

III. KINH TA ĐÃ ĐI (*Acariṃsutta*) (*S*. II. 171)

116. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm được sự nguy hiểm của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa."

IV. KINH NẾU KHÔNG CÓ CÁI NÀY (*Nocedaṃsutta*) (*S*. II. 172)

117. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của địa giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của địa giới, do vậy, chúng sanh tham đắm địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của địa giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của địa giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly địa giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của địa giới, do vậy, chúng sanh xuất ly địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của phong giới, do vậy, chúng sanh tham đắm phong giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của phong giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của phong giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán phong giới.

Và này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này không sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

V. KINH KHỔ VÔ CÙNG (*Ekantadukkhasutta*)[26] (*S.* II. 173)

118. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy, chúng sanh tham đắm địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm

[26] Bản tiếng Anh của PTS: *Pain*, nghĩa là *Khổ*.

trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy, chúng sanh tham đắm phong giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

Này các Tỷ- kheo, nếu phong giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy, chúng sanh nhàm chán phong giới.

VI. KINH HOAN HỶ (*Abhinandasutta*) (*S*. II. 174)

119. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ phong giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ phong giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

VII. KINH SANH KHỞI (*Uppādasutta*) (*S*. II. 175)

120. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, sự tịnh chỉ, sự tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, sự tịnh chỉ, sự tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

VIII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 175)

121. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (*pajānāti*) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 176)

122. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, không như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy... mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, như thật quán tri... mục đích của Bà-la-môn hạnh.

X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA (*Tatiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 176)

123. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa

giới, không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

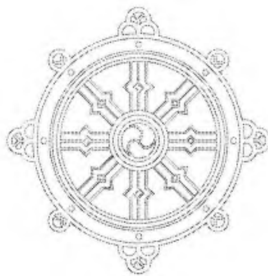
Này các Tỷ-kheo... không quán tri thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... không quán tri hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri phong giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... quán tri thủy giới... quán tri hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.



15. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ
(*ANAMATAGGASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT
(*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH CỎ VÀ CỦI (*Tiṇakaṭṭhasutta*)[1] (*S*. II. 178)

124. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thỉ[2] là luân hồi (*saṃsāra*), này các Tỷ-kheo, khởi điểm (*pubbā koṭi*) không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người chặt các nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cõi Diêm-phù-đề này; chất chúng thành một đống; làm chúng thành những que đặt theo hình các ô vuông;[3] cầm từng que đặt xuống và nói: "Đây là mẹ tôi, đây là mẹ của mẹ tôi"; và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các bà mẹ, mẹ của người ấy. Nhưng nhành cỏ, khúc cây, nhành cây, nhành lá trong cõi Diêm-phù-đề này có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa và các mộ phần ngày một lớn lên.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.[4]

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.940. 0241b15); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.333. 0486c07).

[2] *Anamatagga. Ana* là không; *mata* là nghĩ đến; *agga* là bắt đầu. Sự bắt đầu không thể nghĩ đến.

[3] *Caturaṅgulaṃ caturaṅgulaṃ ghaṭikaṃ*: Trò chơi đặt những khúc que thành từng ô vuông. Xem *DB*. I. 10.

[4] *Sabbasaṅkhāra*: Trong tất cả các hành; chỉ cho các pháp do duyên sanh.

II. KINH QUẢ ĐẤT (*Pathavīsutta*)[5] (*S*. II. 179)

125. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người từ quả đất lớn này làm thành những cục đất tròn, lớn bằng hạt táo, cầm từng cục đất đặt xuống và nói: "Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi"; và không thể cùng tận, này các Tỷ-kheo, là các người cha, cha của người ấy. Nhưng quả đất lớn này có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa và các mộ phần ngày càng lớn lên.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

III. KINH NƯỚC MẮT (*Assusutta*)[6] (*S*. II. 179)

126. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bốn biển lớn?

– Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

– Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các ông đã hiểu như vậy pháp do Ta dạy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

---

[5] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.941. 0241b24); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.334. 0486c19).

[6] Tham chiếu: *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.331. 0486a18); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.938. 0240c25); *Tăng.* 增 (*T*.02. 125.51.1. 0814a27).

Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng mẹ chết…

... các ông chịu đựng cha chết...

... các ông chịu đựng anh chết...

... các ông chịu đựng chị chết...

... các ông chịu đựng con trai chết...

... các ông chịu đựng con gái chết...

... các ông chịu đựng tai họa về bà con...

... các ông chịu đựng tai họa về tiền của...

Trong một thời gian dài, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các ông than van, khóc lóc khi phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các ông phải chịu đựng tai họa, bệnh tật, chớ không phải nước trong bốn biển.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... bị tham ái trói buộc.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

IV. KINH SỮA (*Khīrasutta*)[7] (*S*. II. 180)

127. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?

– Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, chớ không phải nước trong bốn biển.

– Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các ông đã hiểu như vậy pháp do Ta dạy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, chớ không phải nước trong bốn biển.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

---

[7] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.939. 0241a18); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.332. 0486b24).

V. KINH NÚI (*Pabbatasutta*)[8] (*S*. II. 181)

128. Trú ở Sāvatthi…

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

– Thật dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

– Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có một ngọn núi Sela to lớn, một do-tuần bề dài, một do-tuần bề rộng, một do-tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tấm vải Kāsi. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

Dài như vậy, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

VI. KINH HỘT CẢI (*Sāsapasutta*)[9] (*S*. II. 182)

129. Trú ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

– Thật dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì để có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm, hay một vài trăm ngàn năm.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

Thế Tôn nói:

– Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do-tuần, rộng một do-tuần, cao một do-tuần, chứa đầy hột cải cao như chóp khăn đầu.[10] Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỷ-kheo, đống hột cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.

---

[8] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.949. 0242c01); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.342. 0487c21); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.4. 0825c07).

[9] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.948. 0242b16); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.341. 0487c06); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.52.3. 0825b16).

[10] *Cūḷikābaddhaṃ*: Đầu búi, có khăn quấn thành bó trên đầu.

Dài như vậy, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

VII. KINH CÁC ĐỆ TỬ (*Sāvakasutta*)[11] (*S.* II. 182)

130. Trú ở Sāvatthi. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

– Rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

Thế Tôn nói:

– Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp,[12] này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

Nhiều như vậy, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

VIII. KINH SÔNG HẰNG (*Gaṅgāsutta*)[13] (*S.* II. 183)

131. Trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm). Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

– Rất nhiều, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, hay một vài trăm ngàn kiếp.

– Tôn giả Gotama có thể cho một ví dụ được không?

Thế Tôn nói:

– Có thể được, này Bà-la-môn. Ví như, này Bà-la-môn, sông Hằng này từ

---

[11] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.950. 0242c13); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.343. 0488a07).

[12] *SA*. II. 158: Mỗi ngày, họ nhớ đến 400.000 kiếp.

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.946. 0242a08); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.339. 0487b02).

chỗ nguồn bắt đầu đến chỗ nó chảy nhập vào biển; số cát nằm ở giữa chặng ấy, thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một số hạt cát, là số trăm hạt cát, là số ngàn hạt cát, là số trăm ngàn hạt cát.[14]

Nhiều hơn vậy, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì có thể đếm chúng được là một số kiếp, một trăm kiếp, là một ngàn kiếp, là một số trăm ngàn kiếp.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này Bà-la-môn, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cũng vậy, đã lâu ngày, này Bà-la-môn, các ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này Bà-la-môn, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH CÂY GẬY (*Daṇḍasutta*)[15] (*S*. II. 184)

132. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được ném lên trên hư không, khi thì rơi trên đầu gốc, khi thì rơi chặng giữa, khi thì rơi đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

X. KINH NGƯỜI (*Puggalasutta*)[16] (*S*. II. 185)

133. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

---

[14] *Chú giải*: Khoảng 500 do-tuần. Từ điển địa lý cho rằng sông Hằng dài 1455 miles. 1 do-tuần được xem là gần 3 dặm. Ngài Buddhaghosa ước tính thành phố Benares cách xa Gaya khoảng 18 do-tuần. Rhys Davids trong tập *Mahāvaṃsa* ước tính khoảng cách giữa Anurādharupa và Mahintale là 1 do-tuần.

[15] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.954. 0243a21); *Biệt Tạp*. 别雜 (*T*.02. 0100.348. 0488b21).

[16] Tham chiếu: *Phật thuyết Tích cốt kinh* 佛說積骨經 (*T*.02. 0150.30. 0880b10); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.947. 0242a28); *Biệt Tạp*. 别雜 (*T*.02. 0100.340. 0487b17); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.11. 0496b14).

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

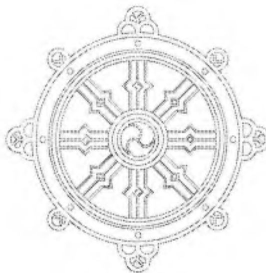
– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo...

Xương của một người, này các Tỷ-kheo, lưu chuyển luân hồi có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Thế Tôn nói vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Chồng chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đạo Sư nói vậy.
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Núi thành Magadha.
Người thấy bốn sự thật,
Với chân chánh trí tuệ,
Khổ và khổ tập khởi,
Sẽ vượt qua đau khổ,
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ.
Người ấy phải luân chuyển,
Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH KHỐN CÙNG (*Duggatasutta*)[17] (*S*. II. 186)

134. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Này các Tỷ-kheo, khi các ông thấy sự khốn cùng, bất hạnh, các ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này."

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

II. KINH AN LẠC (*Sukhitasutta*)[18] (*S*. II. 186)

135. Trú ở Sāvatthi...

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo...

Này các Tỷ-kheo, khi các ông thấy an lạc, may mắn, các ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này."

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

III. KINH KHOẢNG BA MƯƠI (*Tiṃsamattasutta*)[19] (*S*. II. 187)

136. Trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm. Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pāvā, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực, tất cả mang y phấn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử, cùng đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pāvā này, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực, tất cả mang y phấn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho họ như thế nào để ngay tại chỗ ngồi này, tâm của họ được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ."

---

[17] *Duggata. Chú giải* giải thích là nghèo đói. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.943. 0241c12); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.336. 0487a10).

[18] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.942. 0241c04); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.335. 0486c29).

[19] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.937. 0240b12); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.330. 0485c05); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.51.2. 0814b11).

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

– Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

– Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các ông đã hiểu pháp Ta dạy như vậy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu các ông bị thương tích khi các ông là bò, sanh ra làm bò trong thời gian dài hay là nước trong bốn biển lớn?...

Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông là trâu, sanh ra làm trâu trong thời gian dài...

Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông là cừu, sanh ra làm cừu trong thời gian dài… khi các ông là dê, sanh ra làm dê... khi các ông là nai, sanh ra làm nai... khi các ông là gia cầm, sanh ra làm gia cầm... khi các ông là heo, sanh ra làm heo...

Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông làm đạo tặc, làm kẻ trộm làng bị bắt trong thời gian dài...

Này các Tỷ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông làm đạo tặc, ăn cướp đường bị bắt trong thời gian dài...

Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các ông làm đạo tặc, tư thông vợ người trong thời gian dài, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

Thế Tôn nói như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Và trong khi lời dạy này được tuyên bố, đối với ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pāvā, tâm các vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

IV. KINH MẸ (*Mātusutta*)[20] (*S*. II. 189)

137. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo...

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

V. KINH CHA (*Pitusutta*) (*S*. II. 189)

138. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo...

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm cha...

VI. KINH ANH (*Bhātusutta*) (*S*. II. 189)

139. Trú tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm anh...

VII. KINH CHỊ (*Bhaginisutta*) (*S*. II. 189)

140. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm chị...

VIII. KINH CON TRAI (*Puttasutta*) (*S*. II. 190)

141. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con trai...

IX. KINH CON GÁI (*Dhītusutta*)[21] (*S*. II. 190)

142. Trú ở Sāvatthi…

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm con gái.

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu

---

[20] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.945. 0241c27); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.338. 0487a23); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.952. 0243a06); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100. 345. 0488a26).

[21] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.945. 0241c27); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.338. 0487a23); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.952. 0243a06); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.345. 0488a26).

rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, trong thời gian này, này các Tỷ-kheo, các ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, mộ phần càng ngày càng lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

X. KINH NÚI VEPULLA (*Vepullapabbatasutta*)[22] (*S*. II. 190)

143. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

Thế Tôn nói như sau:

– Vô thỉ là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Pācīnavaṃsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivarā. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivarā có tuổi thọ đến bốn mươi ngàn năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivarā phải bốn ngày để leo lên núi Pācīnavaṃsa, phải bốn ngày để leo xuống.

Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ hiền thiện tên là Vidhūra và Sañjīva.

Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.

Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Bất an như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vaṅkaka. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Rohitassā. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohitassā có tuổi thọ đến ba mươi ngàn năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Rohitassā phải ba ngày để leo lên núi Vaṅkaka, phải ba ngày để leo xuống.

Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Koṇāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ hiền thiện tên là Bhiyyosa và Uttara.

[22] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.956. 0243b13); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.350. 0488c07).

Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt. Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Supassa. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, dân chúng được biết với tên là Suppiyā. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiyā có tuổi thọ đến hai mươi ngàn năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Suppiyā phải hai ngày để leo lên núi Supassa, phải hai ngày để leo xuống.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có hai đệ tử, hai vị thượng thủ hiền thiện tên là Tissa và Bhāradvāja.

Hãy nhìn xem, này các Tỷ-kheo, tên của hòn núi ấy đã biến mất, dân chúng ấy đã mệnh chung, và bậc Thế Tôn ấy đã nhập diệt.

Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành... là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả các hành.

Hiện tại, này các Tỷ-kheo, núi Vepulla này được biết với tên là Vepulla. Hiện tại, này các Tỷ-kheo, dân chúng ấy được biết với tên là Magadha. Tuổi thọ dân chúng Magadha ấy, này các Tỷ-kheo, là ít, nhỏ, không bao nhiêu, họ sống lâu cho đến một trăm tuổi hay hơn một chút. Dân chúng Magadha, này các Tỷ-kheo, leo lên núi Vepulla này trong một thời gian ngắn, leo xuống trong một thời gian ngắn.

Hiện tại, này các Tỷ-kheo, Ta, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời. Này các Tỷ-kheo, Ta có hai vị đệ tử, hai vị thượng thủ hiền thiện tên là Sāriputta và Moggallāna.

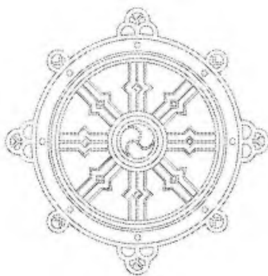
Một thời sẽ đến, này các Tỷ-kheo, tên của ngọn núi này sẽ biến mất, dân chúng sẽ mệnh chung, và Ta sẽ nhập diệt.

Vô thường như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Không kiên cố như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Bất an như vậy, này các Tỷ-kheo, là các hành. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Thế Tôn nói như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Pācīnavaṃsa,
Với dân Tivarā.
Tên núi Vaṅkaka,
Với dân Rohitassā.
Tên núi Supassa,
Với dân Suppiyā.
Tên núi Vepulla,

Với dân Magadha.
Các hành là vô thường,
Phải sanh rồi phải diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Chúng tịnh là an lạc.



16. TƯƠNG ƯNG KASSAPA
(*KASSAPASAṂYUTTA*)

I. KINH TRI TÚC (*Santuṭṭhasutta*) (*S*. II. 194)

144. Trú ở Sāvatthi…

– Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa[1] này, với bất cứ loại y nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào; không vì y mà làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, vị này không có dao động. Và nếu được y, vị này dùng y không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ đồ ăn khất thực nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ đồ ăn khất thực nào; không vì đồ ăn khất thực mà làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được đồ ăn khất thực, vị này không có dao động. Và nếu được đồ ăn khất thực, vị này dùng đồ ăn khất thực ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ loại sàng tọa nào, và tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại sàng tọa nào; không vì sàng tọa mà làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được sàng tọa, vị này không có dao động. Và nếu được sàng tọa, vị này dùng sàng tọa ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

Tri túc, này các Tỷ-kheo, là Kassapa này, với bất cứ thuốc men trị bệnh nào, và vị này tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào; không vì duyên với thuốc men trị bệnh mà làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, vị này không có dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, vị này dùng thuốc men trị bệnh ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại y nào, và chúng tôi sẽ là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại y nào. Và không vì y, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được y, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được y, chúng tôi sẽ dùng y ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Chúng tôi sẽ tri túc với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào... với bất cứ loại sàng tọa nào... với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào, và chúng tôi sẽ

---

[1] Đây là Tôn giả Đại Ca-diếp, vị Khổ hạnh đệ nhất. Xem *DB*. II. 183f; *A*. I. 123; *Vin*. III. 370f.

là người tán thán hạnh tri túc với bất cứ loại thuốc men trị bệnh nào. Và không vì thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ làm điều bất chánh, bất xứng. Nếu không được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ không dao động. Và nếu được thuốc men trị bệnh, chúng tôi sẽ dùng thuốc men trị bệnh ấy không tham lam, không say đắm, không phạm tội, thấy nguy hại, quán xuất ly với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập."

Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các ông, hay với người như Kassapa. Và được giáo giới, các ông cần phải thực hành như vậy.

II. KINH KHÔNG BIẾT SỢ (*Anottappīsutta*) (*S.* II. 195)

145. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp) và Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), chỗ Isipatana (chư thiên đọa xứ), tại Migadāya (Lộc Uyển).

Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều, từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahākassapa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākassapa những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Này Hiền giả Kassapa, được nói rằng không có nhiệt tâm,[2] không có biết sợ[3] thì không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; và có nhiệt tâm, có biết sợ thì có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Như thế nào, này Hiền giả, là không có nhiệt tâm, không có biết sợ thì không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách? Và như thế nào là có nhiệt tâm, có biết sợ thì có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách?

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "Các ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không khởi nhiệt tâm.

Như vậy, này Hiền giả, là không nhiệt tâm.

---

[2] *Chú giải* giải thích *anātāpī* nghĩa là không có nhiệt tâm, tức là không có ý chí để đốt cháy những dục tánh hạ đẳng của con người.

[3] *Chú giải* giải thích *anottāpī* nghĩa là không biết sợ các tánh bất thiện khởi lên, các tánh thiện không khởi lên.

Và này Hiền giả, như thế nào là không biết sợ?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "Các ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ. "Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy không biết sợ.

Như vậy, này Hiền giả, là không biết sợ.

Như vậy, này Hiền giả, không có nhiệt tâm, không biết sợ thì không thể có giác ngộ, không thể có Niết-bàn, không thể có chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Và này Hiền giả, thế nào là nhiệt tâm?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "Các ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy khởi nhiệt tâm.

Như vậy, này Hiền giả, là có nhiệt tâm.

Và này Hiền giả, như thế nào là có biết sợ?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "Các ác, bất thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các ác, bất thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng không bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các thiện pháp không khởi lên nơi ta. Nếu chúng không khởi lên, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ. "Các thiện pháp khởi lên nơi ta. Nếu chúng bị đoạn diệt, có thể đưa đến bất lợi", vị ấy có biết sợ.

Như vậy, này Hiền giả, là có biết sợ.

Như vậy, này Hiền giả, có nhiệt tâm, có biết sợ thì có thể có giác ngộ, có thể có Niết-bàn, có thể đưa đến chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

III. KINH VÍ DỤ MẶT TRĂNG (*Candūpamasutta*)[4] (*S*. II. 197)

146. Trú ở Sāvatthi...

– Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ-kheo, khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo (*appagabbha*)!

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nhìn một cái giếng cũ, hay sườn núi

[4] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18); *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12).

dốc, hay thác nước, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Kassapa, này các Tỷ-kheo, giống như mặt trăng, khi đi đến các gia đình, thân dè dặt và tâm dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, như thế nào một Tỷ-kheo xứng đáng đi đến các gia đình?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ sở y. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

Rồi Thế Tôn vẫy bàn tay giữa hư không:

– Ví như, này các Tỷ-kheo, bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!"

Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi! Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình. Này các Tỷ-kheo, Kassapa khi đi đến các gia đình, đối với các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: "Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!"

Như mình hoan hỷ, thỏa mãn khi mình được lợi; hãy hoan hỷ, thỏa mãn khi người khác được lợi!

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

Các ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào thuyết pháp không thanh tịnh? Tỷ-kheo như thế nào thuyết pháp được thanh tịnh?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng! Và sau khi nghe pháp, mong họ được hoan hỷ! Được hoan hỷ, mong họ làm cho ta hoan hỷ!" Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy thuyết pháp không thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng. Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp. Và sau khi hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành. Duyên pháp thiện pháp tánh (*dhammasudhammataṃ*) thuyết pháp cho các người khác. Duyên lòng từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là Tỷ-kheo thanh tịnh thuyết pháp.

Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như thế này thuyết pháp cho các người khác: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp ấy liên hệ đến hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Ôi, mong họ được nghe pháp ta giảng! Và sau khi nghe pháp, mong họ được hiểu rõ pháp! Và sau khi được hiểu rõ pháp, mong họ như vậy thực hành! Duyên pháp thiện pháp tánh, duyên lòng từ bi, duyên lòng từ mẫn, khởi lòng lân mẫn thuyết pháp cho các người khác."

Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta đã giáo giới các ông, hay với ai giống như Kassapa. Được giáo giới, các ông phải như thật thực hành!

IV. KINH ĐI ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH (*Kulūpakasutta*)[5] (*S*. II. 200)

147. Trú tại Sāvatthi…

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thế nào xứng đáng là người đi đến các gia đình? Tỷ-kheo như thế nào không xứng đáng là người đi đến các gia đình?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo...

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm như thế này đi đến các gia đình: "Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... cho ít, không cho nhiều... cho đồ xấu, không cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau, do vậy, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu... bất kính, không có kính trọng, do vậy, Tỷ-kheo ấy bực phiền. Do nhân duyên ấy, Tỷ-kheo ấy cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như vậy không xứng đáng là người đi đến các gia đình.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào với tâm như thế này đi đến các gia đình [nghĩ rằng]: "Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: 'Mong họ

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1137. 0300a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.112. 0414c12).

hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có không kính trọng'?"

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào với tâm như vậy, khi đi đến các gia đình, nếu không được cho, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều... họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt... cho chậm, không cho mau... bất kính, không có kính trọng, Tỷ-kheo không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy xứng đáng đi đến các gia đình.

Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình [nghĩ rằng]: "Đối với các gia đình người khác, làm sao có thể mong: 'Mong họ hãy cho ta, chớ có không cho. Mong họ cho ta nhiều, chớ có cho ít. Mong họ cho ta đồ tốt, chớ có cho đồ xấu. Mong họ cho ta mau, chớ có cho chậm. Mong họ kính trọng ta, chớ có bất kính'?"

Này các Tỷ-kheo, Kassapa với tâm như vậy đi đến các gia đình, nếu không được cho, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho ít, không cho nhiều, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho đồ xấu, không cho đồ tốt, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không vì nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ cho chậm, không cho mau, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu. Họ bất kính, không có kính trọng, Kassapa không vì vậy mà bị bực phiền, không do nhân duyên ấy mà cảm thọ khổ ưu.

Với Kassapa, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giáo giới các ông, hay với ai giống như Kassapa. Và được giáo giới, các ông hãy như vậy thọ trì.

V. KINH TRỞ VỀ GIÀ (*Jiṇṇasutta*)[6] (*S.* II. 202)

148. Như vầy tôi nghe… tại Rājagaha, Veḷuvana.

Rồi Tôn giả Mahākassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Mahākassapa đang ngồi một bên:

– Này Kassapa, ông đã già rồi. Đã cũ nát là những vải gai thô phấn tảo này của ông đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta.

– Bạch Thế Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, con là người đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, con là người mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, con là người mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, con là người thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, con là người tri túc và tán thán hạnh tri túc, con là người sống viễn ly và tán thán hạnh

---

[6] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1141. 0301c07); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.116. 0416b08); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.12.6. 0570a23); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.41.5. 0746a21).

viễn ly, con là người sống không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, con là người tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

– Này Kassapa, ông thấy có lợi ích gì mà ông đã lâu ngày sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... đi khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần?

– Bạch Thế Tôn, con thấy có hai lợi ích nên đã lâu ngày con sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... con đi khất thực... con mang y phấn tảo... con mang ba y... con thiểu dục... con tri túc... con sống viễn ly... con sống không giao thiệp... con sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần.

Con thấy tự mình được hiện tại lạc trú và vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh sắp đến, mong rằng các chúng sanh sắp đến sẽ bắt chước: "Đối với các đệ tử giác ngộ của Phật,[7] mong họ trong một thời gian dài trở thành những vị sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng... những vị đi khất thực... những vị mang y phấn tảo... những vị mang ba y... những vị thiểu dục... những vị tri túc... những vị viễn ly... những vị không giao thiệp... những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần. Họ sẽ thực hành như vậy, và như vậy trong một thời gian dài họ sống hạnh phúc, an lạc."

Bạch Thế Tôn, thấy được hai lợi ích này, con sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng... con đi khất thực và tán thán hạnh khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... không giao thiệp... sống tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

– Lành thay, lành thay, Kassapa! Thật vì hạnh phúc cho quần sanh, này Kassapa, ông đã thực hành [như vậy], vì an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Do vậy, này Kassapa, hãy mang vải gai thô, phấn tảo đáng được quăng bỏ. Hãy sống khất thực và trú ở trong rừng!

VI. KINH GIÁO GIỚI (*Ovādasutta*)[8] (*S.* II. 203)

149. Tại Rājagaha, Veḷuvana. Tôn giả Mahākassapa đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Mahākassapa đang ngồi một bên:

– Này Kassapa, hãy giáo giới Tỷ-kheo! Này Kassapa, hãy nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Này Kassapa, Ta hoặc ông phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hoặc Ta phải nói pháp thoại cho các Tỷ-kheo![9]

– Bạch Thế Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới

[7] *Buddhānubuddhasāvakā*.

[8] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1138. 0300b09); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.113. 0415a05); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.31.11. 0673b01).

[9] *Chú giải*: Không nói đến Tôn giả Sāriputta và Moggalāna vì đức Phật biết 2 vị này mệnh chung trước đức Phật.

(*appadakkhiṇaggāhino*). Bạch Thế Tôn, ở đây, con thấy Tỷ-kheo Bhaṇḍa, đệ tử của Ānanda, và Tỷ-kheo Abhiñjika, đệ tử của Anuruddha, hai vị ấy nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ nói nhiều hơn, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hơn?"

Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo! Hãy nhân danh Ta nói với Tỷ-kheo Bhaṇḍa, đệ tử của Ānanda và Tỷ-kheo Abhiñjika, đệ tử của Anuruddha: "Bậc Đạo sư gọi chư Tôn giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với họ:

– Bậc Đạo sư gọi chư Tôn giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo kia vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các ông nói với nhau như sau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hơn"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các ông có biết là Ta đã thuyết pháp như vầy: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy cùng nhau nói như sau: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai là người sẽ nói nhiều hơn, ai là người sẽ nói tốt đẹp hơn, ai là người sẽ nói dài hơn'" chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, nếu các ông được biết là Ta không có giảng như vậy, thời vì sao, này các người ngu kia, do biết cái gì, thấy cái gì, các ông đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng này, các ông lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn" như vậy?

Rồi các Tỷ-kheo ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã phạm tội ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng, chúng con đã xuất gia trong Pháp và Luật khéo nói như vậy, chúng con lại nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn?" Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận tội lỗi ấy của chúng con là tội lỗi, để chúng con ngăn ngừa trong tương lai.

– Thật sự, này các Tỷ-kheo, các ông đã phạm tội ngu đần như vậy, si mê như vậy, bất thiện như vậy; vì rằng, các ông đã xuất gia trong Pháp và Luật

khéo nói này, các ông đã nói với nhau: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, ai sẽ là người nói nhiều hơn, ai sẽ là người nói tốt đẹp hơn, ai sẽ là người nói dài hơn?" Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, các ông đã thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối, Ta chấp nhận tội lỗi ấy cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi nào có người sau khi thấy tội lỗi là tội lỗi, như pháp sám hối để ngăn ngừa trong tương lai.

VII. KINH GIÁO GIỚI THỨ HAI (*Dutiyaovādasutta*)[10] (*S*. II. 205)

150. Trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm). Rồi Tôn giả Mahākassapa đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Mahākassapa đang ngồi một bên:

– Này Kassapa, hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo! Ta hay ông hãy giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới.

Bạch Thế Tôn, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thẹn đối với thiện pháp, không có biết sợ tội lỗi đối với thiện pháp, không có tinh tấn đối với thiện pháp, không có trí tuệ đối với thiện pháp; đối với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, đối với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thẹn đối với thiện pháp, không có biết sợ tội lỗi đối với thiện pháp, không có tinh tấn đối với thiện pháp, không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

Người không có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết sợ tội lỗi, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người lười biếng, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người ác trí tuệ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người phẫn nộ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Người sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm. Nếu vị Tỷ-kheo không có giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là tổn giảm.

Với ai, bạch Thế Tôn, có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn đối với thiện pháp, có biết sợ tội lỗi đối với thiện pháp, có tinh tấn đối với thiện pháp, có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

---

[10] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1139. 0300c23); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.114. 0415b23).

Ví như mặt trăng, bạch Thế Tôn, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, đường quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ đối với thiện pháp; với vị ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

Người có lòng tin, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người có biết thẹn, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người có biết sợ tội lỗi, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người tinh cần, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người không phẫn nộ, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người không sân hận, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm. Những Tỷ-kheo có giáo giới, bạch Thế Tôn, tức có nghĩa là không tổn giảm.

– Lành thay, lành thay, này Kassapa! Với ai, này Kassapa, không có lòng tin đối với thiện pháp... không có biết thẹn... không có biết sợ tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm trong thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ tối trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tổn giảm dần, hình tròn tổn giảm dần, ánh sáng tổn giảm dần, đường quỹ đạo nó đi tổn giảm dần. Cũng vậy, này Kassapa, với ai không có lòng tin đối với thiện pháp, không có biết thẹn... không có biết sợ tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tổn giảm đối với thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

Người không có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Người không biết thẹn... Người không biết sợ tội lỗi... Người biếng nhác... Người ác trí tuệ... Người phẫn nộ... Người sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm. Tỷ-kheo không có giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là tổn giảm.

Với ai, này Kassapa, có lòng tin đối với thiện pháp... có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn.. có trí tuệ đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

Ví như mặt trăng, này Kassapa, trong thời kỳ sáng trời, dầu là đêm hay ngày, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần, đường quỹ đạo nó đi tăng trưởng dần. Cũng vậy, này Kassapa, ai có lòng tin đối với thiện pháp, có biết thẹn... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

Người có lòng tin, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Người biết thẹn... Người biết sợ tội lỗi... Người tinh tấn... Người có trí tuệ... Người không phẫn nộ... Người không sân hận, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm. Tỷ-kheo có giáo giới, này Kassapa, tức có nghĩa là không tổn giảm.

VIII. KINH GIÁO GIỚI THỨ BA (*Tatiyaovādasutta*)[11] (*S*. II. 208)

151. Trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Mahākassapa đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Mahākassapa đang ngồi một bên:

– Hãy giáo giới Tỷ-kheo, này Kassapa! Hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, này Kassapa! Ta hay ông, này Kassapa, phải giáo giới các Tỷ-kheo! Ông hay Ta, này Kassapa, hãy thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn, khó nói là chúng Tỷ-kheo hiện tại. Họ ở trong tình trạng khó nói với họ. Họ không kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới.

– Này Kassapa, thuở xưa, các trưởng lão Tỷ-kheo là những vị ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, là những vị đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, là những vị mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, là những vị mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, là những vị thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục, là những vị tri túc và tán thán hạnh tri túc, là những vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly, là những vị không giao thiệp và tán thán hạnh không giao thiệp, là những vị tinh cần và tán thán hạnh tinh cần.

Ở đây, vị Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh ở rừng, đi khất thực và tán thán hạnh khất thực, mang y phấn tảo và tán thán hạnh mang y phấn tảo, mang ba y và tán thán hạnh mang ba y, sống thiểu dục và tán thán hạnh sống thiểu dục, sống tri túc và tán thán hạnh sống tri túc, sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly, sống không giao thiệp và tán thán hạnh sống không giao thiệp, sống tinh cần và tán thán hạnh sống tinh cần; vị Tỷ-kheo ấy được các vị trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"

Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào sống ở rừng và tán thán hạnh sống ở rừng, đi khất thực... mang y phấn tảo... mang ba y... thiểu dục... tri túc... sống viễn ly... sống không giao thiệp... tinh cần và tán thán hạnh tinh cần; Tỷ-kheo ấy được các trưởng lão Tỷ-kheo mời ngồi và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn học, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!'" Các vị ấy thực hành đúng như vậy; và như vậy, các vị ấy được hạnh phúc, được an lạc trong một thời gian dài.

Nhưng này, này Kassapa, các trưởng lão Tỷ-kheo là những vị không sống ở rừng và không tán thán hạnh sống ở rừng, không đi khất thực và không tán thán hạnh khất thực, không mang y phấn tảo và không tán thán hạnh mang y phấn tảo, không mang ba y và không tán thán hạnh mang ba y, không thiểu dục và không tán thán hạnh thiểu dục, không tri túc và không tán thán hạnh tri túc, không sống viễn ly và không tán thán hạnh viễn ly, không sống không giao

[11] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1140. 0301a20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.115. 0415c18).

thiệp và không tán thán hạnh không giao thiệp, không tinh cần và không tán thán hạnh tinh cần.

Ở đây, Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các vị trưởng lão Tỷ-kheo [trên] mời ngồi và nói: "Hãy đến Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!"

Ở đây, này Kassapa, các tân Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo nào được nhiều người biết, có danh tiếng, nhận được các loại y áo, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, Tỷ-kheo ấy được các trưởng lão Tỷ-kheo [trên] mời ngồi và nói: 'Hãy đến Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tên gì? Thật là hiền thiện, vị Tỷ-kheo này! Thật là muốn sống Phạm hạnh, vị Tỷ-kheo này! Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy ngồi chỗ ngồi này!'" Các vị ấy thực hành đúng như vậy; và như vậy, các vị ấy không được hạnh phúc, bị khổ đau trong thời gian dài.

Này Kassapa, ai nói một cách chơn chánh như sau: "Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh." Nói như vậy, này Kassapa, là nói một cách chơn chánh. Người sống Phạm hạnh phải chịu đựng những hiểm nạn của Phạm hạnh. Người sống Phạm hạnh phải bị bức não bởi những áp bức của Phạm hạnh.

IX. KINH THIỀN VÀ THẮNG TRÍ (*Jhānābhiññasutta*)[12] (*S.* II. 210)

152. Trú ở Sāvatthi…

– Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

---

[12] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1142. 0302a01); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.117. 0416c07).

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.[13]

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta chứng đạt các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng chứng đạt được các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện

[13] Sau khi nói đến 4 thiền ở sắc giới, 4 thiền ở vô sắc giới, tiếp theo nói đến 6 thắng trí.

hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: Chư thiên và loài người, xa và gần.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: Chư thiên và loài người, xa và gần.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người; với tâm của mình, Ta có thể biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người; với tâm của mình, Kassapa cũng biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thức ăn như thế này, thọ lạc khổ như thế này, tuổi thọ như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ; tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Kassapa nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thức ăn như thế này, thọ lạc khổ như thế này, tuổi thọ như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ; tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Kassapa nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, lời, ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ.

Và Ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

X. KINH TRÚ XỨ (*Upassayasutta*)[14] (*S*. II. 214)

153. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākassapa trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến Tôn giả Mahākassapa.

Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Mahākassapa:[15]

---

[14] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1143. 0302b02); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.118. 0417a23).

[15] *Chú giải* viết đức Phật đã nhập diệt và Tôn giả Kasappa thay thế lãnh đạo Tăng đoàn.

– Thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

– Hãy đi, này Hiền giả Ānanda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Mahākassapa:

– Hãy đi, thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

– Hãy đi, này Hiền giả Ānanda. Hiền giả là người có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Mahākassapa:

– Hãy đi, thưa Tôn giả Kassapa, chúng ta hãy đi đến trú xứ của các Tỷ-kheo-ni.

Rồi Tôn giả Mahākassapa, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với Tôn giả Ānanda, là Sa-môn tùy tùng, đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi nhiều Tỷ-kheo-ni đi đến Tôn giả Mahākassapa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahākassapa, rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Mahākassapa với pháp thoại giảng cho các vị Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Rồi Tôn giả Mahākassapa, sau khi với pháp thoại giảng cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissā không hoan hỷ, nói lên những lời không hoan hỷ: "Làm sao Tôn giả Mahākassapa trước mặt bậc Thánh thông tuệ Ānanda lại nghĩ đến thuyết pháp, ví như một người bán kim lại nghĩ có thể bán kim cho người làm kim? Cũng vậy, Tôn giả Mahākassapa, trước mặt bậc Thánh thông tuệ Ānanda lại nghĩ đến thuyết pháp."

Tôn giả Mahākassapa nghe được lời nói này của Tỷ-kheo-ni Thullatissā.

Rồi Tôn giả Mahākassapa nói với Tôn giả Ānanda:

– Thế nào, Hiền giả Ānanda, ta là người bán kim, Hiền giả là người làm kim; hay ta là người làm kim, Hiền giả là người bán kim?

– Hãy kham nhẫn, thưa Tôn giả Kassapa, ngu si là đàn bà!

– Hãy đến, Hiền giả Ānanda, chớ để cho chúng Tăng truy cứu thêm về Hiền giả.[16] Hiền giả Ānanda, Hiền giả nghĩ thế nào?

Có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tăng, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: "Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ānanda cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ?"

---

[16] Đừng để chúng Tăng nghi ngờ giữa Tôn giả Ānanda với các Tỷ-kheo-ni có sự liên hệ.

– Thưa Tôn giả, không phải vậy.

– Này Hiền giả, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, ta được Thế Tôn đề cập như sau: "Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ?"

(Chín thứ đệ định và năm trí như trên).

Hiền giả nghĩ thế nào? Này Hiền giả Ānanda, có phải trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, Hiền giả được Thế Tôn đề cập như sau: "Và Ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Ānanda cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?"

– Thưa Tôn giả, không phải vậy.

– Chính ta, này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn và giữa chúng Tỷ-kheo, được Thế Tôn đề cập như sau: "Này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vậy, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát."

Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy sáu thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rằng, có thể lấy một lá cây Sa-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissā đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

XI. KINH Y, ÁO (*Cīvarasutta*)[17] (*S.* II. 217)

154. Một thời, Tôn giả Mahākassapa trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đang đi du hành ở Dakkhiṇagiri (Nam Sơn),[18] cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ, có khoảng ba mươi Tỷ-kheo đệ tử của Tôn giả Ānanda, phần lớn còn trẻ tuổi, từ bỏ sự tu học và hoàn tục.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi du hành ở Nam Sơn tùy theo ý muốn, rồi đi đến Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Tôn giả

---

[17] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1144. 0302c13); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.119. 0417c09).

[18] *Chú giải*: Các dãy núi phía Nam bao bọc Vương Xá. Lúc bấy giờ, Thế Tôn mới nhập diệt. Tôn giả Ānanda vừa chứng quả A-la-hán, Ngài vốn là vị thị giả thân cận với đức Phật nên đã trở thành một nhân vật nổi bật.

Mahākassapa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahākassapa rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahākassapa nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi xuống một bên:

– Duyên bao nhiêu lợi ích, này Hiền giả Ānanda, Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ?

– Duyên ba lợi ích, thưa Tôn giả Kassapa, nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ: Để ngăn chặn các người ác giới; vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh [chớ để cho ai dựa vào những ác đảng phá hoại chúng Tăng]; và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. Thưa Tôn giả Kassapa, do duyên ba lợi ích này nên Thế Tôn chế định điều luật "Chỉ ba người ăn" đối với các gia chủ.

– Vậy thời vì sao, này Hiền giả Ānanda, Hiền giả lại cùng du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác? Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ giẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ānanda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã. Đứa trẻ này không biết lượng sức mình!

– Thưa Tôn giả Kassapa, trên đầu tôi, tóc bạc đã sanh. Tuy vậy, hôm nay Tôn giả Mahākassapa gọi tôi là đứa trẻ, tôi không có phật lòng.

– Thật vậy, này Hiền giả Ānanda, Hiền giả du hành với những tân Tỷ-kheo này, những người không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác. Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ giẫm đạp ngũ cốc! Ta nghĩ Hiền giả hành động thật là kẻ phá hoại lương gia! Hội chúng của Hiền giả, này Hiền giả Ānanda, đang sụp đổ. Đồ chúng niên thiếu của Hiền giả, này Hiền giả, đang tan rã. Đứa trẻ này không biết lượng sức mình.

Tỷ-kheo-ni Thullatissā được nghe Tôn giả Ānanda, bậc Thánh thông tuệ lại bị Tôn giả Mahākassapa không hài lòng và gọi là "đứa trẻ."

Rồi Tỷ-kheo-ni Thullatissā không hoan hỷ và thốt ra những lời không hoan hỷ: "Sao Tôn giả Mahākassapa, trước kia là người theo ngoại đạo, lại nghĩ có thể không hài lòng và gọi Tôn giả Ānanda, bậc Thánh thông tuệ, là đứa trẻ?"

Tôn giả Mahākassapa được nghe những lời của Tỷ-kheo-ni Thullatissā nói như vậy.

Rồi Tôn giả Mahākassapa nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, lời nói của Tỷ-kheo-ni Thullatissā thật là đường đột, không đắn đo suy nghĩ! Này Hiền giả, vì rằng ta là người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ta không chấp nhận một Đạo sư nào khác ngoài Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Này Hiền giả, trong khi ta còn là gia chủ, ý nghĩ sau đây được khởi lên: "Chật hẹp thay đời sống tại gia, đầy những bụi đời! Còn xuất gia như đời sống ngoài trời. Thật không dễ dàng ở trong gia đình có thể sống Phạm hạnh hoàn

toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc! Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”

Rồi này Hiền giả, sau một thời gian ta lấy vải cắt làm áo Tăng-già-lê, và theo thông lệ các vị Ứng Cúng ở đời, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Xuất gia như vậy, ta đang đi trên đường, thấy Thế Tôn ngồi tại ngôi đền Bahuputta giữa Rājagaha và Nāḷandā. Thấy vậy, ta suy nghĩ như sau: “Ôi, thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Đạo sư, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn? Ôi, thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Thiện Thệ, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn? Ôi, thật thế chăng, ta có thể thấy bậc Chánh Đẳng Giác, tức là có thể thấy bậc Thế Tôn?”

Và này Hiền giả, ngay tại chỗ ấy, ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Đạo sư của con là Thế Tôn, con là đệ tử.

Khi nghe nói vậy, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

– Này Kassapa, những ai với tâm trọn vẹn đầy đủ, không biết một đệ tử mà nói rằng tôi biết, không thấy mà nói rằng tôi thấy, đầu người ấy sẽ vỡ tan. Còn Ta, này Kassapa, Ta biết thời Ta nói Ta biết, Ta thấy thời Ta nói Ta thấy.

Do vậy, này Kassapa, ông phải học tập như sau: “Một tâm quý thật sắc sảo sẽ phải được thiết lập giữa các vị trưởng lão, niên thiếu và trung niên.” Này Kassapa, ông phải học tập như vậy.

Do vậy, này Kassapa, ông phải học tập như sau: “Phàm pháp gì tôi nghe liên hệ đến thiện, sau khi đặc biệt chú ý, tác ý, tập trung tất cả tâm [lực], tất cả pháp ấy tôi đều lóng tai nghe.” Này Kassapa, ông phải học tập như vậy.

Do vậy, này Kassapa, ông phải học tập như sau: “Phàm niệm gì thuộc về thân hành, câu hữu với hỷ, ta sẽ không từ bỏ niệm ấy.” Này Kassapa, ông phải học tập như vậy.

Rồi này Hiền giả, Thế Tôn sau khi giáo giới ta với lời giáo giới ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Trong bảy ngày, này Hiền giả, đang còn phiền não, ta ăn món ăn của quốc độ;[19] đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên.

Rồi này Hiền giả, Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây.

Rồi này Hiền giả, ta xếp tư tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

[19] Xem *M.* III. 127; *Dh.* v. 308.

– Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng-già-lê này làm bằng vải cắt của ông!

– Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ mẫn đối với con.

– Này Kassapa, ông có dùng tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không?

– Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn.

Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thế Tôn tấm y Tăng-già-lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phấn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chơn chánh, thời ta là con ruột Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp và đã nhận được tấm y phấn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ.

Này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Và này Hiền giả, tùy theo mong muốn, ta... (chín thứ đệ định và năm thắng trí)...

Và này Hiền giả, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này Hiền giả, ai nghĩ rằng có thể che đậy sáu thắng trí của ta được, thời không khác gì nghĩ rằng, có thể lấy một lá cây Sa-la mà che đậy một con voi lớn đến bảy hay tám khuỷu tay rưỡi bề cao.

Nhưng Tỷ-kheo-ni Thullatissā đã từ bỏ đời sống Phạm hạnh.

XII. KINH SAU KHI CHẾT (*Paraṃmaraṇasutta*)[20] (*S.* II. 222)

155. Một thời, Tôn giả Mahākassapa và Tôn giả Sāriputta trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), ở Migadāya (Lộc Uyển).

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahākassapa; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Này Hiền giả Kassapa, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

– Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết?

– Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại sau khi chết."

[20] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.905. 0226a13); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.120. 0419a03).

– Như vậy, này Hiền giả, có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết?

– Này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết."

– Vậy này Hiền giả, có phải Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết?

– Cũng vậy, này Hiền giả, Thế Tôn không có tuyên bố: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn không có tuyên bố như vậy?

– Vì đây, này Hiền giả, không đưa đến lợi ích, không đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn tận, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn không có tuyên bố như vậy.

Vậy này Hiền giả, Thế Tôn tuyên bố cái gì?

– "Đây là khổ", này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố. "Đây là khổ tập", Thế Tôn đã tuyên bố. "Đây là khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", Thế Tôn đã tuyên bố.

– Vì sao, này Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy?

– Vì đây, này Hiền giả, đưa đến lợi ích, đưa đến cứu cánh Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn tận, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn đã tuyên bố như vậy.

XIII. KINH TƯỢNG PHÁP (*Saddhammappatirūpakasutta*)[21] (*S*. II. 223)

156. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Mahākassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākassapa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc Chánh trí[22] nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc Chánh trí ít hơn?

– Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời Diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc Chánh trí.

Này Kassapa, Diệu pháp không biến mất cho đến khi nào Tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa, khi nào Tượng pháp hiện ra ở đời, thời Diệu pháp biến mất.

---

[21] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.906. 0226b15); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.121. 0419b14).

[22] *Chú giải*: Vị A-la-hán có Chánh trí (*aññā*), biết mình đã được giải thoát.

Ví như, này Kassapa, vàng [thật] không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng [thật] biến mất.

Cũng vậy, này Kassapa, Diệu pháp không biến mất, khi nào Tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào Tượng pháp hiện ra ở đời, thời Diệu pháp biến mất.

Này Kassapa, địa giới không làm Diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm Diệu pháp biến mất.

Ở đây, khi nào các người ngu (*moghapurisā*) có mặt, chính họ làm Diệu pháp biến mất.

Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, Diệu pháp bị biến mất.

Này Kassapa, có năm thối pháp khiến cho Diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không tôn kính, không tùy thuận học giới; sống không tôn kính, không tùy thuận đối với thiền định.

Này Kassapa, chính những thối pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của Diệu pháp.

Và có năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của Diệu pháp. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo sư; sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp; sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng; sống kính trọng, tùy thuận học giới; sống kính trọng, tùy thuận thiền định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của Diệu pháp.

17. TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC, CUNG KÍNH
(*LĀBHASAKKĀRASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH KHỔ LỤY (*Dāruṇasutta*) (*S*. II. 225)

157. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi... tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

– Khổ lụy (*dāruṇo*), này các Tỷ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH LƯỠI CÂU (*Baḷisasutta*) (*S*. II. 226)

158. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là các lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người câu cá quăng một lưỡi câu ngắn có mồi thịt vào trong một hồ nước sâu, và một con cá có mắt thấy mồi thịt, nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con cá đã nuốt lưỡi câu ấy bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị người câu cá muốn làm gì thì làm.

Người câu cá, này các Tỷ-kheo, chỉ cho ma; lưỡi câu, này các Tỷ-kheo, chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, thọ hưởng, ái luyến lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã nuốt lưỡi câu của [Ác] ma, bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật

là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH CON RÙA (*Kummasutta*) (*S*. II. 226)

159. Tại Sāvatthi...

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trong một hồ nước, có một đại gia đình rùa sống tại đấy đã lâu ngày.

Rồi này các Tỷ-kheo, một con rùa nói với một con rùa khác:

– Này rùa thân mến, chớ có đi đến chỗ ấy.

Con rùa này, này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ ấy và một thợ săn phóng trúng nó với cây lao[1] có dây.

Rồi con rùa ấy đi đến con rùa kia.

Này các Tỷ-kheo, con rùa kia, thấy con rùa này từ xa đi đến; thấy vậy, liền nói với con rùa này:

– Này rùa thân mến, có phải bạn đi đến chỗ kia?

– Này rùa thân mến, tôi đi đến chỗ kia.

– Này rùa thân mến, bạn có bị thương, bị bắn trúng không?

– Này rùa thân mến, tôi không bị thương, không bị bắn trúng; nhưng có sợi dây này dính theo trên lưng tôi.

– Này rùa thân mến, bạn thật bị thương rồi, bạn thật bị bắn trúng rồi. Này rùa thân mến, chính do vật dụng của người thợ săn này mà cha bạn và ông bạn rơi vào bất hạnh, rơi vào tai họa. Nay bạn hãy đi, rùa thân mến. Nay bạn không còn thuộc chúng ta nữa!

Người thợ săn, này các Tỷ-kheo, chỉ cho Ác ma. Cái lao, này các Tỷ-kheo, chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng. Sợi dây, này các Tỷ-kheo, chỉ cho hỷ tham.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng hưởng thọ và ái luyến; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo bị lao đâm phải, đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

---

[1] *Papatā*. *Chú giải*: Cây lao được bọc trong lớp vỏ bọc bằng sợi có thể ném bằng tay.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH LÔNG DÀI (*Dīghalomikasutta*) (*S*. II. 228)

160. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con dê cái lông dài, đi vào một khóm cây gai góc. Chỗ này chỗ kia, nó bị mắc dính vào; chỗ này chỗ kia, nó bị mắc vướng vào; chỗ này chỗ kia, nó bị trói buộc vào; chỗ này chỗ kia, nó bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Chỗ này chỗ kia, vị ấy bị mắc dính vào; chỗ này chỗ kia, vị ấy bị mắc vướng vào; chỗ này chỗ kia, vị ấy bị trói cột vào; chỗ này chỗ kia, vị ấy bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

V. KINH TRÙNG PHẨN (*Mīḷhakasutta*)[2] (*S*. II. 228)

161. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con trùng phẩn ăn phân, đầy những phân, tràn ngập những phân, và trước mặt có một đống phân lớn.

Nó khinh miệt các con trùng phẩn khác và nói: “Ta ăn phân, đầy những phân, tràn ngập những phân; và trước mặt ta, có đống phân lớn này.”

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, vào làng hay thị trấn để khất thực. Vị ấy, tại đây, đã ăn uống no đủ, lại được mời vào ngày mai, và bình bát của vị ấy được tràn đầy.

Vị ấy đi đến ngôi vườn (tinh xá) và giữa chúng Tỷ-kheo khoe khoang như sau: “Ta ăn uống no đủ, lại được mời vào ngày mai, và bình bát này của ta tràn đầy. Ta nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các Tỷ-kheo khác công đức ít, ảnh hưởng ít, không nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.”

Vị ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, vị ấy khinh miệt các Tỷ-kheo chánh hạnh khác. Này các Tỷ-kheo, như vậy sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho kẻ ngu si ấy.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

---

[2] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1263. 0346a18).

VI. KINH SÉT ĐÁNH (*Asanisutta*) (*S*. II. 229)

162. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị sét đánh[3] [được ví như] một người Hữu học với tâm nhiệt thành khi bị các lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến?

Này các Tỷ-kheo, sét đánh chỉ cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VII. KINH TRÚNG ĐỘC (*Diddhasutta*) (*S*. II. 229)

163. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị mũi tên độc bắn trúng [được ví như] một người Hữu học với tâm trí nhiệt thành, khi bị các lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến?

Mũi tên, này các Tỷ-kheo, chỉ cho các lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. KINH CON DÃ CAN (*Siṅgālasutta*)[4] (*S*. II. 230)

164. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Các ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo, trong đêm, khi trời gần sáng, có con dã can đang tru lớn tiếng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Đó là con dã can già, này các Tỷ-kheo, bị mắc bệnh ghẻ lở, không thoải mái trong những chỗ hoang vắng, không thoải mái dưới những gốc cây, không thoải mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào nó đi, chỗ nào nó đứng, chỗ nào nó ngồi, chỗ nào nó nằm, tại các chỗ ấy, nó cảm thấy bất hạnh, tai họa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, không thoải mái trong những chỗ hoang vắng, không thoải mái dưới những gốc cây, không thoải mái tại những chỗ lộ thiên; chỗ nào vị ấy đi, chỗ nào vị ấy đứng, chỗ nào vị ấy ngồi, chỗ nào vị ấy nằm, tại các chỗ ấy, vị ấy cảm thấy bất hạnh, tai họa.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

---

[3] *Chú giải* giải thích sét đánh chỉ hại một đời, còn cung kính danh vọng hại nhiều đời.

[4] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1264. 0346a26).

IX. KINH CUỒNG PHONG (*Verambhasutta*)[5] (*S*. II. 231)

165. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Trên thượng tầng hư không, này các Tỷ-kheo, có gió thổi mạnh gọi là cuồng phong. Con chim bay đến chỗ ấy, bị cuồng phong thổi bạt đi; bị cuồng phong thổi bạt đi, các chân đi một ngã, các cánh đi một ngã, đầu đi một ngã, thân đi một ngã.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, thân không chế ngự, lời nói không chế ngự, tâm không chế ngự, niệm không an trú, các căn không chế ngự.

Vị ấy thấy các phụ nữ mặc y phục không đứng đắn, không khéo che đậy. Vị ấy thấy các phụ nữ mặc y phục không đứng đắn, không khéo che đậy, bị tham dục công phá tâm vị ấy. Do tham dục công phá tâm, vị ấy từ bỏ học tập, trở lại hoàn tục. Rồi có người lấy y phục, có người lấy bình bát, có người lấy tọa cụ, có người lấy ống kim của vị ấy, chẳng khác gì con chim bị cuồng phong thổi bạt.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

X. KINH CÓ KỆ (*Sagāthakasutta*) (*S*. II. 231)

166. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị sự cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị sự không cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta thấy có người bị cả hai cung kính và không cung kính chi phối, tâm bị xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

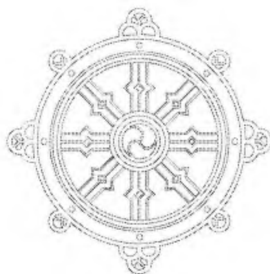
Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Ai khi được cung kính,
Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,
Tâm định không lay chuyển.

---

[5] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.8. 0634b18).

Sống hạnh không phóng dật,
Tâm thường nhập thiền tư.
Với tâm tưởng tế nhị,
Chánh quán các sở kiến,
Không còn lạc chấp thủ,
Được gọi bậc Chân nhân.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH BÌNH BÁT (VÀNG) (*Suvaṇṇapātisutta*)[6] (*S*. II. 233)

167. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát vàng đựng đầy phấn bạc, vị này cũng không cố ý nói láo."

Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH BÌNH BÁT (BẠC) (*Rūpiyapātisutta*) (*S*. II. 233)

168. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau: "Dầu cho vì một bình bát bạc đựng đầy phấn vàng, vị này cũng không có cố ý nói láo."

Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III-X. NHÓM 8 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH ĐỒNG TIỀN VÀNG (*Suvaṇṇanikkhasuttādiaṭṭhaka*) (*S*. II. 234)

169. Tại Sāvatthi…

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết có người có tâm như sau:

"Dầu cho vì một đồng tiền vàng Nikkha...

"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng Nikkha...

"Dầu cho vì một đồng tiền vàng ròng Nikkha...

"Dầu cho vì một trăm đồng tiền vàng ròng Nikkha...

"Dầu cho vì quả đất đầy những vàng...

---

[6] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04).

"Dầu cho vì mọi lợi ích vật chất...

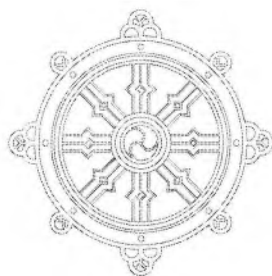
"Dầu cho vì mạng sống...

"Dầu cho vì mỹ nhân địa phương, vị ấy cũng không cố ý nói láo."

Trong một thời gian khác, Ta lại thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị chinh phục, đã cố ý nói láo.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.



III. PHẨM THỨ BA (*TATIYAVAGGA*)

I. KINH PHỤ NỮ (*Mātugāmasutta*) (*S*. II. 234)

170. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một nữ nhân nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH MỸ NHÂN (*Kalyāṇīsutta*) (*S*. II. 235)

171. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy [kinh khiếp], này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một mỹ nhân bản xứ nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH CON TRAI MỘT (*Ekaputtakasutta*) (*S*. II. 235)

172. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Một tín nữ, này các Tỷ-kheo, chơn chánh khuyên dạy đứa con độc nhất, đáng yêu, đáng mến, sẽ khuyên dạy như sau: "Này con thân yêu, hãy giống như gia chủ Citta, hãy giống như Hatthaka ở Āḷavaka!"

Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Āḷavaka.

"Này con thân yêu, nếu con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; này con thân yêu, hãy giống như Sāriputta và Moggalāna!"

Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sāriputta và Moggalāna.

"Này con thân yêu, chớ để cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến người kẻ Hữu học với tâm đầy nhiệt tình!"

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo Hữu học với tâm đầy nhiệt tình bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến, như vậy là chướng ngại cho vị ấy.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH CON GÁI MỘT (*Ekadhītusutta*)[7] (*S*. II. 236)

173. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Một tín nữ, này các Tỷ-kheo, chơn chánh khuyên dạy đứa con gái độc nhất, đáng yêu, đáng mến, sẽ khuyên dạy như sau: "Này con thân yêu, hãy giống như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda!"

Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakiyā.

"Này con thân yêu, nếu con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; này con thân yêu, hãy giống như Tỷ-kheo-ni Khemā và Uppalavaṇṇā!"

Các vị ấy, này các Tỷ-kheo, là cân lường, là mẫu mực cho các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemā và Uppalavaṇṇā.

"Này con thân yêu, chớ để cho lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến người kẻ Hữu học với tâm đầy nhiệt tình!"

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo-ni Hữu học, với tâm đầy nhiệt tình bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến, như vậy là chướng ngại cho vị ấy.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 236)

174. Tại Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, không có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là vị Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

---

[7] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.1. 0562a14).

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI
(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 237)

175. Tại Sāvatthi…

– Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt... của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn, hay Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA
(*Tatiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. II. 237)

176. Tại Sāvatthi…

– Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không biết sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng; không biết sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; không biết con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, đối với Ta, không được chấp nhận... và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết được sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng... và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VIII. KINH DA (*Chavisutta*)[8] (*S*. II. 237)

177. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Lợi đắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IX. KINH DÂY (*Rajjusutta*) (*S*. II. 238)

178. Tại Sāvatthi…

---

[8] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.9. 0570c26).

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Lợi đắc, cung kính, danh vọng, này các Tỷ-kheo, cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một lực sĩ lấy dây ngựa cứng chắc, quấn xung quanh cổ chân và siết chặt lại. Dây ấy cắt đứt da ngoài, cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.

Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng cắt đứt da ngoài. Sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong. Sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt. Sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân. Sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương. Sau khi cắt đứt xương, chúng chạm tới tủy và đứng lại.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

X. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S*. II. 238)

179. Tại Sāvatthi…

– Vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là bậc Ứng Cúng, đã đoạn tận các lậu hoặc, Ta nói, lợi đắc, cung kính, danh vọng vẫn là pháp chướng ngại cho vị Tỷ-kheo ấy.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, với vị Tỷ-kheo lậu hoặc được đoạn tận nào, các lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp?

– Này Ānanda, đối với vị đã chứng Bất động tâm giải thoát, Ta không nói rằng, các lợi đắc, cung kính, danh vọng trở thành một chướng ngại pháp cho vị ấy.

Và này Ānanda, đối với những ai sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; những người chứng được hiện tại lạc trú; đối với những người ấy, Ta nói rằng, lợi đắc, cung kính, danh vọng là chướng ngại pháp.

Như vậy, khổ lụy, này Ānanda, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Do vậy, này Ānanda, cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Và đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

Như vậy, này Ānanda, các ông cần phải học tập.

IV. PHẨM THỨ TƯ (*CATUTTHAVAGGA*)

I. KINH CẮT (*Bhindisutta*) (S. II. 239)

180. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, Devadatta phá hoại Tăng chúng.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH CĂN BẢN THIỆN (*Kusalamūlasutta*)[9] (*S*. II. 240)

181. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện căn của Devadatta bị cắt đứt.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH THIỆN PHÁP (*Kusaladhammasutta*)[10] (*S*. II. 240)

182. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, thiện pháp của Devadatta bị cắt đứt.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH PHÁP THANH TỊNH (*Sukkadhammasutta*)[11] (*S*. II. 240)

183. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, bạch pháp của Devadatta bị cắt đứt.

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *The Root*, nghĩa là *Gốc rễ, căn bản*.

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *Conditions*, nghĩa là *Pháp*.

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *Bright* (*Conditions*), nghĩa là (*Pháp*) *Trắng*.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

V. KINH DIỆT VONG KHÔNG BAO LÂU
(*Acirapakkantasutta*)[12] (*S*. II. 241)

184. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bỏ đi không bao lâu.

Rồi Thế Tôn, nhân vì Devadatta, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.

Ví như cây chuối, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại; sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.

Ví như cây tre, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại; sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.

Ví như cây lau, này các Tỷ-kheo, sanh quả đưa đến tự hại; sanh quả đưa đến diệt vong. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.

Ví như con lừa có thai đưa đến tự hại, có thai đưa đến diệt vong. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến tự hại cho Devadatta; lợi đắc, cung kính, danh vọng khởi lên, đưa đến diệt vong cho Devadatta.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư nói như sau:

Như cây chuối sanh quả,
Sanh quả đem tự hại;
Cũng vậy, quả cây tre;
Cũng vậy, quả cây lau;
Cũng vậy, với kẻ ngu,
Cung kính đem tự hại;
Như con lừa mang thai,
Mang thai đem tự hại.

---

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Seceding*, nghĩa là *Bỏ đi*.

VI. KINH NĂM TRĂM CỖ XE (*Pañcarathasatasutta*)[13] (*S*. II. 242)

185. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) sáng chiều đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn.

– Này các Tỷ-kheo, chớ có thèm lợi đắc, cung kính, danh vọng của Devadatta! Chừng nào, này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và đem đến cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tổn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, đem bóp nát lá gan trước lỗ mũi một con chó dữ; như vậy, con chó ấy lại càng dữ tợn bội phần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chừng nào Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và còn cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn; thời này các Tỷ-kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tổn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VII. KINH MẸ (*Mātusutta*) (*S*. II. 242)

186. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau: "Dầu cho vì bà mẹ đáng kính, cũng không cố ý nói láo." Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

---

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *The Car*, nghĩa là *Xe*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1064. 0276b20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.1.12. 0347b09); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.6. 0613c18).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. NHÓM 6 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH CHA
(*Pitusuttādichakka*) (*S*. II. 244)

187. Tại Sāvatthi…

– Khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau:

"Dầu cho vì người cha đáng kính... "

"Dầu cho vì người anh... "

"Dầu cho vì người chị... "

"Dầu cho vì con trai... "

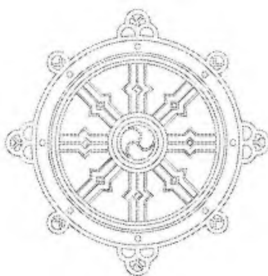
"Dầu cho vì con gái... "

"Dầu cho vì người vợ, cũng không cố ý nói láo." Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối và tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.

Như vậy, khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng. Thật là đắng cay, ác độc; là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách!

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.



18. TƯƠNG ƯNG RĀHULA
(*RĀHULASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH MẮT (*Cakkhusutta*) (*S.* II. 244)

188. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con để sau khi nghe, con có thể sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Tai là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Mũi là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Lưỡi là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thân là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán mắt, nhàm chán tai, nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH SẮC (*Rūpasutta*) (*S*. II. 245)

189. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

... thanh... hương... vị... xúc...

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, pháp là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc, nhàm chán thanh, nhàm chán hương, nhàm chán vị, nhàm chán xúc, nhàm chán pháp.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH THỨC (*Viññāṇasutta*) (*S*. II. 246)

190. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, nhãn thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

… nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức...

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, ý thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán nhãn thức, nhàm chán nhĩ thức, nhàm chán tỷ thức, nhàm chán thiệt thức, nhàm chán thân thức, nhàm chán ý thức.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH XÚC (*Samphassasutta*) (*S*. II. 246)

191. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, nhãn xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc... ý xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán nhãn xúc, nhàm chán nhĩ xúc, nhàm chán tỷ xúc, nhàm chán thiệt xúc, nhàm chán thân xúc, nhàm chán ý xúc.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

V. KINH THỌ (*Vedanāsutta*) (*S.* II. 247)

192. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, thọ do nhãn xúc sanh là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ do nhĩ xúc sanh... thọ do tỷ xúc sanh... thọ do thiệt xúc sanh... thọ do thân xúc sanh... thọ do ý xúc sanh là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán thọ do nhãn xúc sanh, nhàm chán thọ do nhĩ xúc sanh, nhàm chán thọ do tỷ xúc sanh, nhàm chán thọ do thiệt xúc sanh, nhàm chán thọ do thân xúc sanh, nhàm chán thọ do ý xúc sanh.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*) (*S.* II. 247)

193. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc tưởng là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thanh tưởng... hương tưởng... vị tưởng... xúc tưởng... pháp tưởng là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc tưởng, nhàm chán thanh tưởng, nhàm chán hương tưởng, nhàm chán vị tưởng, nhàm chán xúc tưởng, nhàm chán pháp tưởng.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải

thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VII. KINH TƯ (*Sañcetanāsutta*) (*S.* II. 247)

194. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc tư là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thanh tư... hương tư... vị tư... xúc tư... pháp tư là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc tư, nhàm chán thanh tư, nhàm chán hương tư, nhàm chán vị tư, nhàm chán xúc tư, nhàm chán pháp tư.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH ÁI (*Taṇhāsutta*) (*S.* II. 248)

195. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc ái là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thanh ái... hương ái... vị ái... xúc ái... pháp ái là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc ái, nhàm chán thanh ái, nhàm chán hương ái, nhàm chán vị ái, nhàm chán xúc ái, nhàm chán pháp ái.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IX. KINH GIỚI (*Dhātusutta*) (*S.* II. 248)

196. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, địa giới là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thủy giới... hỏa giới... phong giới... không giới... thức giới là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán địa giới, nhàm chán thủy giới, nhàm chán hỏa giới, nhàm chán phong giới, nhàm chán không giới, nhàm chán thức giới.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

X. KINH UẨN (*Khandhasutta*) (*S*. II. 249)

197. Tại Sāvatthi…

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

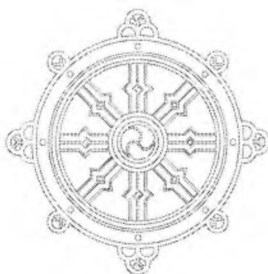
– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, nhàm chán tưởng, nhàm chán các hành, nhàm chán thức.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH MẮT (*Cakkhusutta*) (*S*. II. 249)

198. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ). Rồi Tôn giả Rāhula, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rāhula đang ngồi xuống một bên:

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, con mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Tai... mũi... lưỡi... thân... ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi nhìn cái ấy như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy như vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử có trí nhàm chán mắt, nhàm chán tai, nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II-X. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SẮC (*Rūpādisuttanavaka*) (*S*. II. 251)

199. Tại Sāvatthi...

– Này Rāhula, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?...

... Thanh... hương... vị... xúc... pháp...

... Nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiệt thức... thân thức... ý thức...

... Nhãn xúc... nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc... ý xúc...

... Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do nhĩ xúc sanh... thọ do tỷ xúc sanh... thọ do thiệt xúc sanh... thọ do thân xúc sanh... thọ do ý xúc sanh...

... Sắc tưởng... thanh tưởng... hương tưởng... vị tưởng... xúc tưởng... pháp tưởng...

... Sắc tư... thanh tư... hương tư... vị tư... xúc tư... pháp tư...

... Sắc ái... thanh ái... hương ái... vị ái... xúc ái... pháp ái...

... Địa giới... thủy giới... hỏa giới... phong giới... không giới... thức giới...

... Sắc... thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Rāhula, bậc Thánh đệ tử có trí... không còn trở lại đời này nữa.

XI. KINH TÙY MIÊN (*Anusayasutta*)[1] (*S.* II. 252)

200. Tại Sāvatthi. Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do biết thế nào, do thấy thế nào mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài,[2] không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?[3]

– Này Rāhula, phàm sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Phàm thọ nào... Phàm tưởng nào... Phàm hành nào... Phàm thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này Rāhula, do biết như vậy, do thấy như vậy mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài không có ngã kiến, không có ngã sở kiến, không có ngã mạn tùy miên.[4]

XII. KINH VIỄN LY (*Apagatasutta*)[5] (*S.* II. 253)

201. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn; sau khi

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.23. 0005a11); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.198. 0050c07).
[2] *Chú giải* viết một thân khác có thức hay không có thức.
[3] Xem *M.* III. 18, 32; *S.* III. 80, 136.
[4] Xem *S.* II. 18; *KS.* II. 14 (kinh 17 ở trước); *S.* II. 27; *KS.* II. 23 (kinh 21 ở trước).
[5] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.24. 0005b05); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.199. 0050c27).

đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, siêu việt mọi ngã mạn,[6] được tịch tịnh, giải thoát?

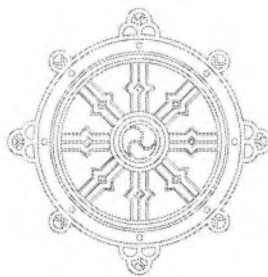
– Này Rāhula, phàm sắc gì thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các sắc với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

Này Rāhula, phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm hành gì... phàm thức gì thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị ấy thấy như thật tất cả các thức với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ.

Này Rāhula, do biết như vậy, thấy như vậy mà trong thân thể có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm đã viễn ly được ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt khỏi các ngã mạn, được tịch tịnh, giải thoát.



[6] Nghĩa là sự quyết định các giá trị, so sánh ngã với các ngã khác.

19. TƯƠNG ƯNG LAKKHAṆA
(*LAKKHAṆASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH BỘ XƯƠNG (*Aṭṭhisutta*)[1] (*S*. II. 254)

202. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Lakkhaṇa[2] và Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến Tôn giả Lakkhaṇa; sau khi đến, nói với Tôn giả Lakkhaṇa:

– Chúng ta hãy cùng đi, này Hiền giả Lakkhaṇa. Chúng ta hãy đi vào Rājagaha để khất thực.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Lakkhaṇa vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna khi đi từ Gijjhakūṭa bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười.

Rồi Tôn giả Lakkhaṇa nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Hiền giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

– Này Hiền giả Lakkhaṇa, không phải thời là câu hỏi ấy. Trước mặt Thế Tôn, hãy hỏi tôi câu hỏi ấy.

Rồi Tôn giả Lakkhaṇa và Tôn giả Mahāmoggallāna sau khi đi khất thực ở Rājagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lakkhaṇa nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Ở đây, Tôn giả Mahāmoggallāna khi từ Gijjhakūṭa bước xuống, đi ngang qua một chỗ, liền mỉm cười. Này Hiền giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, Hiền giả lại mỉm cười?

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.508. 0135a08).

[2] Đây là một Thượng tọa trong 1.000 vị bện tóc được đức Phật tế độ khi 3 anh em Kassapa nghe đức Phật thuyết pháp.

– Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một bộ xương (*aṭṭhikasaṅkhalika*) đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn.

Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay! Thật kỳ lạ thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một tự ngã như vậy."

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Sống với như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Thật sống với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy chúng sanh ấy nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một đồ tể giết trâu bò (*goghātaka*) ở Rājagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thục còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

II. KINH ĐỐNG THỊT (*Pesisutta*)[3] (*S*. II. 256)

203. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một đống thịt đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một đồ tể giết trâu bò...

III. KINH KHẤT THỰC (*Piṇḍasutta*)[4] (*S*. II. 256)

204. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một miếng thịt đang đi giữa hư không... đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một kẻ săn chim ở Rājagaha...

IV. KINH KHÔNG CÓ DA (*Nicchavisutta*)[5] (*S*. II. 256)

205. – Ở đây, này Hiền giả... tôi thấy một bị da... cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người đồ tể giết dê ở tại Rājagaha này...

---

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Cattle-butcher*, nghĩa là *Đồ tể giết trâu bò*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.509. 0135b12). *Goghātaka*: Đồ tể.

[4] *Piṇḍa* còn có nghĩa là một miếng hay vắt (thực phẩm đặt bát cho vị khất thực). Bản tiếng Anh của PTS: *Morsel and Fowler*, nghĩa là *Miếng thịt và kẻ bắt chim*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.519. 0137a07); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.510. 0135b17); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.518. 0136c26).

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *The Flayed Sheep-butcher*, nghĩa là *Người giết dê bị lột da*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.517. 0136c16).

V. KINH NGƯỜI GIẾT HEO VỚI ĐAO KIẾM (*Asilomasutta*)[6] (*S*. II. 257)

206. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng đao kiếm đang đi giữa hư không. Các đao kiếm ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người giết heo ở tại Rājagaha này...

VI. KINH CÂY LAO (*Sattisutta*)[7] (*S*. II. 257)

207. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các cây lao đang đi giữa hư không. Những cây lao ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người thợ săn thú ở tại Rājagaha này...

VII. NGƯỜI LÔNG MŨI TÊN (*Usulomasutta*)[8] (*S*. II. 257)

208. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng các mũi tên đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy tiếp tục đứng dựng lên và rơi xuống trên thân người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người tra tấn ở tại Rājagaha này...

VIII. KINH LÔNG TÓC BẰNG KIM (*Sūcilomasutta*)[9] (*S*. II. 257)

209. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng những cây kim đang đi giữa hư không...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người điều phục các loài thú[10] ở tại Rājagaha này...

IX. KINH LÔNG TÓC BẰNG KIM THỨ HAI (*Dutiyasūcilomasutta*)[11] (*S*. II. 257)

210. – Ở đây, thưa Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với lông bằng những cây kim đang đi giữa hư không.

Các cây kim ấy đâm vào đầu và ra khỏi miệng người ấy. Chúng đâm vào miệng và ra khỏi ngực người ấy. Chúng đâm vào ngực và ra khỏi bụng người ấy. Chúng đâm vào bụng và ra khỏi bắp vế của người ấy. Chúng đâm vào bắp

---

[6] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.511. 0136a20).

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Javelin-deer-hunter*, nghĩa là *Người săn nai với cây lao*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.513. 0136b07).

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Arrow-judge*, nghĩa là *Người tra tấn với mũi tên*.

[9] *Sūciloma* chỉ cho một loại phi nhân có tóc, lông bằng cây kim. Bản tiếng Anh của PTS: *Sharp-point-driver*, nghĩa là *Người đánh xe với cây kim*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.514. 0136b18).

[10] *Chú giải* viết là *sūta* thay cho *sūcako*, nghĩa là người huấn luyện ngựa.

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *The Spy*, nghĩa là *Người do thám*.

vế và ra khỏi cổ chân của người ấy. Chúng đâm vào cổ chân và ra khỏi bàn chân của người ấy. Và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một gián điệp[12] ở tại Rājagaha này...

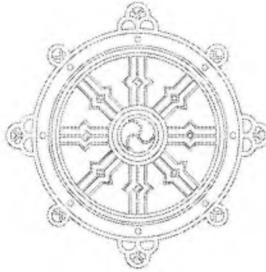
X. KINH HÒN DÁI TO NHƯ CÁI BÌNH (*Kumbhaṇḍasutta*)[13] (*S*. II. 258)

211. – Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với hòn dái lớn đang đi giữa hư không.

Khi đang đi, người ấy mang hòn dái trên vai mà đi. Khi ngồi, người ấy ngồi trên hòn dái ấy.

Và các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuổi theo người ấy để cắn mổ, cắn xé, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một phán quan ở Rājagaha này...



[12] *SA*. II. 221: *Sūcakoti pesuññakārako*, người nói hai lưỡi.

[13] Xem *DA*. III. 964. *Chú giải*: Người ăn hối lộ, tham nhũng nên có quả báo chỗ kín bị đau. Bản tiếng Anh của PTS: *The Corrupt Judge*, nghĩa là *Phán quan tham nhũng*.

II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH NGẬP QUA ĐẦU (*Sasīsakasutta*)[14] (*S*. II. 259)

212. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm)...

– Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người với đầu chìm trong hố phân…

– Chúng sanh ấy, này các Tỳ-kheo, là một người thông dâm ở tại Rājagaha này...

II. KINH KẺ ĂN PHÂN (*Gūthakhādasutta*)[15] (*S*. II. 259)

213. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người chìm trong hố phân, ăn phân bằng hai tay…

– Chúng sanh ấy, này các Tỳ-kheo, là một Bà-la-môn tại Rājagaha này. Khi bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang giảng dạy, người ấy mời chúng Tỳ-kheo dùng cơm. Rồi người ấy lấy một cái gáo đựng đầy phân và nói: "Ôi, mong các Tôn giả ăn cho tận kỳ thỏa thích và mang về!"

III. KINH NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ LỘT DA (*Nicchavitthisutta*)[16] (*S*. II. 259)

214. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một phụ nữ bị lột da đang đi giữa hư không. Các con chim kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rứt xé người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Người phụ nữ ấy, này các Tỳ-kheo, là một người gian phụ ở Rājagaha này...

IV. KINH NGƯỜI PHỤ NỮ CÓ NƯỚC DA VÀNG VỌT (*Maṅgulitthisutta*)[17] (*S*. II. 260)

215. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người phụ nữ hôi hám, xấu xí đang đi giữa hư không. Các con chim kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rứt xé người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

---

[14] Tham chiếu: *Mại sắc kinh* 賣色經 (*T*.02. 0099.523. 0137b12). Bản tiếng Anh của PTS: *The Adulterer Sunk in the Pit*, nghĩa là *Kẻ thông dâm bị chìm trong hố*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.523. 0137b12).

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *The Dung-eating Wicked Brahmin*, nghĩa là *Bà-la-môn tà ác ăn phân*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.525. 0137c19).

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *The Flayed Adulteress*, nghĩa là *Gian phụ bị lột da*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.522. 0137b04).

[17] Bản tiếng Anh của PTS: *Ugly Woman, Fortune-teller*, nghĩa là *Người phụ nữ xấu xí bói toán*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.520. 0137a07).

– Người phụ nữ ấy, này các Tỷ-kheo, là một người bói toán[18] ở chính Rājagaha này...

V. KINH NGƯỜI ĐÀN BÀ TUNG RẢI (*Okilinīsutta*)[19] (*S*. II. 260)

216. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một người đàn bà cằn cỗi, khô héo, dính đầy than mồ hóng, đang đi giữa hư không... người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Người đàn bà ấy, này các Tỷ-kheo, là đệ nhất phu nhân của vua xứ Kaliṅga. Bà ta vì ghen tức nên đã đổ lò than hồng lên trên một vương nữ khác[20]...

VI. KINH THÂN NGƯỜI KHÔNG CÓ ĐẦU (*Asīsakasutta*)[21] (*S*. II. 260)

217. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một cái thân không đầu đi giữa hư không. Con mắt và miệng thời ở trên ngực.

Các con chim kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo để cắn mổ, rứt xé người ấy, và người ấy kêu lên những tiếng kêu đau đớn...

– Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một người ăn cướp tên là Hārika ở tại Rājagaha...

VII. KINH ÁC TỶ-KHEO (*Pāpabhikkhusutta*)[22] (*S*. II. 260)

218. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một Tỷ-kheo đi giữa hư không.

Y Tăng-già-lê (Thượng y) của vị ấy bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Và vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn...

– Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, là một ác Tỷ-kheo trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa đang thuyết pháp...

VIII. KINH ÁC TỶ-KHEO-NI (*Pāpabhikkhunīsutta*)[23] (*S*. II. 261)

219. ... tôi thấy một Tỷ-kheo-ni đi giữa hư không.

Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy đỏ...

... là một ác Tỷ-kheo-ni...

---

[18] *Chú giải*: Nhận hương hoa lừa dối người, nói với người này người kia: "Ngươi sẽ trở nên giàu có", nay người ấy trở thành hôi hám.

[19] Xem *Vin*. III. 107, 273. Bản tiếng Anh của PTS: *The Dried-up Woman, Scatterer of Coals over One of Her Fellows*, nghĩa là *Người đàn bà khô gầy rải than đỏ lên một người đàn bà khác*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.524. 0137c09).

[20] Đây là một vũ nữ xoa bóp làm hài lòng vua.

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *The Headless Man, the Bandit*, nghĩa là *Kẻ trộm cướp đứt đầu*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.517. 0136c16).

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *The Almsman*, nghĩa là *Tỷ-kheo*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.530. 0138b17).

[23] Bản tiếng Anh của PTS: *The Almswoman*, nghĩa là *Tỷ-kheo-ni*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.530. 0138b17).

IX. KINH ÁC HỌC PHÁP NỮ (*Pāpasikkhamānasutta*)[24] (*S*. II. 261)

220. ... tôi thấy một Học nữ đi giữa hư không.

Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy...

... là một ác Học nữ...

X. KINH ÁC SA-DI (*Pāpasāmaṇerasutta*)[25] (*S*. II. 261)

221. ... tôi thấy một Sa-di đi giữa hư không...

Y Tăng-già-lê của vị ấy bị cháy... là một ác Sa-di…

XI. KINH ÁC SA-DI-NI (*Pāpasāmaṇerīsutta*)[26] (*S*. II. 261)

222. – Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ Gijjhakūṭa bước xuống, tôi thấy một Sa-di-ni đi giữa hư không.

Y Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*) của vị này bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Cái nịt cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Thân cũng bị cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

Này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay, thật ít có thay! Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy. Một kẻ có tên như vậy trở thành một dạ-xoa như vậy. Một kẻ có tên như vậy lại trở thành một tự ngã như vậy."

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Sống với như thực nhãn, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Sống với như thực trí, này các Tỷ-kheo, là các đệ tử. Vì rằng, một đệ tử sẽ biết, hay sẽ thấy, hay sẽ chứng thực như vậy.

Xưa kia, này các Tỷ-kheo, Ta cũng thấy Sa-di-ni ấy, nhưng Ta không có nói. Nếu Ta có nói, các người khác cũng không tin Ta. Và những ai không tin Ta, những người ấy sẽ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài.

Vị Sa-di-ni ấy, này các Tỷ-kheo, là một ác Sa-di-ni trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Kassapa thuyết pháp. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và với quả thuần thục còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

---

[24] Bản tiếng Anh của PTS: *The Sister-in-training*, nghĩa là *Học nữ*.

[25] Bản tiếng Anh của PTS: *The Novice*, nghĩa là *Sa-di*.

[26] Bản tiếng Anh của PTS: *The Woman-novice*, nghĩa là *Sa-di-ni*.

20. TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ
(*OPAMMASAṂYUTTA*)

I. KINH CHÓP MÁI (*Kūṭasutta*) (*S*. II. 263)

223. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ở đây, Thế Tôn nói như sau:

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn cao (*kūṭāgāra*), phàm có những cây kèo xa nào, tất cả chúng đều đi đến góc nhọn, đều quy tựa vào góc nhọn, đều châu đầu vào góc nhọn, tất cả chúng đều đâm đầu vào một gốc.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những bất thiện pháp nào, tất cả chúng đều lấy vô minh làm cội rễ, đều lấy vô minh làm điểm tựa, đều châu đầu vào vô minh, tất cả chúng đều đâm đầu vào một gốc.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH ĐẦU MÓNG TAY (*Nakhasikhasutta*)[1] (*S*. II. 263)

224. Trú ở Sāvatthi. Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Cái gì nhiều hơn, chút đất này Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

– Cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này và ít hơn là chút đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Không thể đi đến ước tính, không thể đi đến so sánh, không thể đi đến một vi phần, khi so sánh quả đất lớn với chút đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, rất ít là chúng sanh được tái sanh làm người. Còn rất nhiều là những chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài người.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.442. 0144a21); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1256. 0235a01); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.22. 0498a15).

III. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*)[2] (*S*. II. 263)

225. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có nhiều phụ nữ và ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm ghè[3] não hại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không tu tập từ tâm giải thoát, không làm cho sung mãn, thời vị ấy dễ bị phi nhân não hại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhiều đàn ông, thời gia đình ấy khó bị các đạo tặc, trộm ghè não hại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thời vị ấy rất khó bị phi nhân não hại.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH CÁI NỒI (*Okkhāsutta*)[4] (*S*. II. 264)

226. Trú ở Sāvatthi…

– Này các Tỷ-kheo, ai vào buổi sáng bố thí một trăm cái nồi, ai vào buổi trưa bố thí một trăm cái nồi, hay ai vào buổi chiều bố thí một trăm cái nồi; và ai buổi sáng chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần[5] [trong nháy mắt], tu tập từ tâm giải thoát; hay ai buổi trưa chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần [trong nháy mắt], tu tập từ tâm giải thoát; hay ai buổi chiều chỉ trong thời gian bóp vú sữa con bò một lần [trong nháy mắt], tu tập từ tâm giải thoát; sự việc này đối với sự việc trước, quả có lớn hơn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

V. KINH CÂY LAO (*Sattisutta*)[6] (*S*. II. 265)

227. Trú ở Sāvatthi…

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lao có lưỡi sắc bén, rồi một người đến và nói: "Với tay hay với nắm tay, tôi sẽ bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, tôi sẽ đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, tôi sẽ uốn cong nó lại."[7]

---

[2] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1254. 0344c06).

[3] *SA*. II. 224: Những người ăn trộm giấu đèn trong cái ghè khi đột nhập vào nhà.

[4] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1253. 0344b25).

[5] *SA*. II. 224: *Gadduhanamattanti goduhanamattaṃ. Gadduhanamatta* có nghĩa là khoảng thời gian vắt sữa bò.

[6] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1255. 0344c17).

[7] *Paṭileṇissāmi paṭikoṭṭissāmi paṭivaṭṭessāmī. SA*. II. 224: Ba cách làm là gấp đôi lưỡi kiếm, gấp đôi lưỡi kiếm theo chiều dọc và cuộn tròn lại.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vì sao? Bạch Thế Tôn, không dễ gì với tay hay nắm tay bẻ gập đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại mà không khiến cho người ấy mệt nhọc và bị não hại.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi một ai [vị Tỷ-kheo] tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, thời một phi nhân nào nghĩ rằng, có thể đánh ngã một tâm như vậy, kẻ phi nhân ấy ở đây sẽ mệt nhọc và bị não hại.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VI. KINH NGƯỜI BẮN CUNG (*Dhanuggahasutta*)[8] (*S*. II. 265)

228. Trú ở Sāvatthi...

– Ví như, này các Tỷ-kheo, bốn người bắn cung dõng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật đứng tại bốn phương.

Rồi một người đến và nói rằng: "Ta sẽ nắm bắt và đem lại những mũi tên được bắn đi bốn phương trước khi chúng rơi xuống đất, do bốn người bắn cung này bắn đi, những người dõng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật."

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Như vậy có vừa đủ chăng để gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng?

– Bạch Thế Tôn, nếu chỉ từ một người bắn cung dõng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật có thể nắm bắt và đem lại một mũi tên được bắn đi, như vậy là vừa đủ để gọi người nhanh nhẹn ấy đầy đủ với sự nhanh nhẹn tối thượng, còn nói gì từ bốn người bắn tên, dõng mãnh, lão luyện, thuần tay, thiện xảo về cung thuật!

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy; và như vậy, sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời còn nhanh hơn sự nhanh nhẹn trước. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự nhanh nhẹn của người ấy, và như vậy là sự nhanh nhẹn của mặt trăng, mặt trời; và như vậy là sự nhanh nhẹn của các chư thiên chạy trước mặt trăng, mặt trời. Còn nhanh nhẹn hơn là sự biến diệt của thọ hành[9] [thọ mạng của các sự vật].

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống không phóng dật."

[8] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1257. 0345a12).

[9] *SA*. II. 227 viết *āyusankhārāti*, nghĩa là "thọ hành", những thứ vật chất của cuộc sống, những thứ vô hình trôi qua quá nhanh cho bất kỳ tính toán nào.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VII. KINH CÁI CHỐT TRỐNG (*Āṇisutta*)[10] (*S*. II. 266)

229. Trú ở Sāvatthi…

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasārahā có một cái trống tên là Ānaka.[11]

Khi cái trống Ānaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasārahā đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Ānaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai.

Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm; và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.

Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm; và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh không, sẽ đi đến tiêu diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến tánh không, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lóng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm; và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. KINH CỎ RƠM (*Kaliṅgarasutta*)[12] (*S*. II. 267)

230. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), Mahāvana (Đại Lâm), Kūṭāgārasālā (Trùng Các giảng đường).

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là lối sống hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajātasattu, con bà

---

[10] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1258. 0345b01).

[11] *Ānaka*: Đồ vật được dùng để hiệu triệu mọi người vân tập. Xem *J*. II. 70; IV. 171, 256.

[12] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1252. 0344b06).

Videhi, vua nước Magadha, không có được cơ hội, không có được đối tượng [để xâm lăng].

Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, dân chúng Licchavi trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gối bông. Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng [để xâm lăng].

Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là nếp sống hiện nay của các Tỷ-kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng [để xâm lăng].

Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gối bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng [để xâm lăng].

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ sống trên những gối rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IX. KINH VOI (*Nāgasutta*)[13] (*S*. II. 268)

231. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, một vị tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy:

– Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ.

Được nghe nói vậy, vị Tỷ-kheo ấy nói:

– Những Tỷ-kheo trưởng lão này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có người tân Tỷ-kheo đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ. Các Tỷ-kheo nói với Tỷ-kheo ấy: "Tôn giả chớ có đi đến các gia đình quá nhiều thì giờ." Được các Tỷ-kheo nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói: "Những trưởng lão Tỷ-kheo này nghĩ rằng, họ có thể đi đến các gia đình. Sao không phải ta?"

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, gần một hồ nước lớn, tại một khu rừng, các con voi sống ở đấy. Chúng lặn xuống hồ, lấy vòi nhổ lên các củ và rễ sen, rửa chúng thật sạch, làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Nhờ vậy, các con voi ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy những con voi đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

Được huấn luyện theo các con voi lớn ấy, này các Tỷ-kheo, các con voi

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1083. 0284a05); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.22. 0380c19).

trẻ và nhỏ lặn xuống hồ, lấy vòi nhổ lên các củ và rễ sen, không rửa chúng thật sạch, không làm cho chúng sạch bùn rồi ăn chúng. Do vậy, các con voi ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy những con voi ấy đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, các trưởng lão Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Tại đấy, họ thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bổn phận của mình với các vị ấy. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm, hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Nhờ vậy, các Tỷ-kheo ấy được dung sắc và sức mạnh, và không vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

Nhưng này các Tỷ-kheo, được huấn luyện theo các trưởng lão Tỷ-kheo, các tân Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực. Tại đấy, các vị thuyết pháp. Các gia chủ hoan hỷ làm bổn phận của mình. Các Tỷ-kheo ấy thọ dụng các lợi đắc, tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không hiểu sự xuất ly với trí tuệ. Do vậy, các Tỷ-kheo ấy không được dung sắc và sức mạnh, và vì nhân duyên ấy họ đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ thọ dụng các lợi đắc, không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm, hiểu rõ sự xuất ly với trí tuệ."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

X. KINH CON MÈO (*Biḷārasutta*)[14] (*S.* II. 270)

232. Trú ở Sāvatthi. Lúc bấy giờ, có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói với vị ấy: "Tôn giả chớ có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình."

Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoan hỷ.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... và bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có Tỷ-kheo thường dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình. Các Tỷ-kheo nói với vị ấy: "Tôn giả chớ có dùng quá nhiều thì giờ giữa các gia đình." Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo nói vậy, tâm không hoan hỷ.

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có con mèo đứng rình con chuột bên cạnh một đống rác tại một ống cống và nghĩ rằng: "Nếu có một con chuột nhắt nào đi kiếm ăn chạy ra, ta sẽ bắt lấy và ăn thịt."

Rồi này các Tỷ-kheo, có con chuột nhắt vì kiếm ăn chạy ra. Và con mèo ấy bắt lấy nó, mau chóng hành động (*saṅkharitvā*) và nuốt nó. Nhưng con chuột nhắt ấy cắn ruột, cắn phủ tạng con mèo. Do nhân duyên ấy, con mèo đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

[14] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1260. 0345c07).

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không chế ngự.

Ở đấy, các vị ấy thấy các phụ nữ mặc không đứng đắn, hay mặc không kín đáo. Sau khi các vị ấy thấy các phụ nữ mặc không đứng đắn, hay mặc không kín đáo, tham dục não hại tâm. Các vị ấy bị tham dục não hại tâm, đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo, trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục. Đây là đau khổ gần như chết, này các Tỷ-kheo, tức là sự vi phạm một uế tội, một tội phạm còn có thể tuyên bố xuất gỡ được.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Phòng hộ thân, phòng hộ lời nói, phòng hộ tâm, an trú chánh niệm, chế ngự các căn, chúng tôi sẽ đi vào làng hay thị trấn để khất thực."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

XI. KINH CON DÃ CAN (*Singālasutta*)[15] (*S*. II. 271)

233. Trú ở Sāvatthi…

– Các ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm khi trời gần sáng, con dã can (chó rừng) đang tru lớn tiếng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Đó là con dã can già, này các Tỷ-kheo, bị mắc bệnh ghẻ lở. Chỗ nào nó muốn đi, chỗ nào nó muốn đứng, chỗ nào nó muốn ngồi, chỗ nào nó muốn nằm, gió lạnh buốt thổi lên trên nó.

Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu ở đây có người nào, tự cho là Thích tử, lại có thể cảm thọ được một trạng huống tự ngã như vậy![16]

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ không phóng dật."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

XII. KINH CON DÃ CAN THỨ HAI (*Dutiyasingālasutta*) (*S*. II. 272)

234. Trú ở Sāvatthi…

– Các ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm khi trời gần sáng, có con dã can tru lớn tiếng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Rất có thể, này các Tỷ-kheo, trong con dã can già ấy có nhiều biết ơn, có nhiều cảm tạ, hơn là ở đây trong một người tự xưng là Thích tử về biết ơn và về cảm tạ.

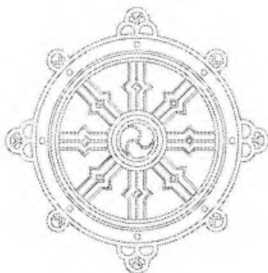
---

[15] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1262. 0346a08).

[16] *SA*. II. 231: Đây nói về Devadatta, trong đời sau không được tâm an lạc như con dã can này.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ biết ơn, cảm tạ. Dầu có chút ít gì làm cho chúng tôi, chúng tôi cũng không để cho mất đi."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.[17]



[17] *Chú giải* kể câu chuyện con dã can biết ơn. Con rắn được người nông dân cứu thoát lại tấn công người cứu nó, còn con dã can cắn cái búa mang về cho người nông dân.

21. TƯƠNG ƯNG TỶ-KHEO
(*BHIKKHUSAṂYUTTA*)

I. KINH KOLITA (*Kolitasutta*)[1] (*S*. II. 273)

235. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tại đấy, Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói:

– Ở đây, này Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cư, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "Thánh im lặng được gọi là Thánh im lặng. Thế nào là Thánh im lặng?"

Rồi này các Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm." Như vậy gọi là Thánh im lặng.

Rồi này các Hiền giả, tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Hiền giả, khi tôi an trú với sự an trú như vậy, các tưởng câu hữu với tầm, các tác ý hiện khởi và hiện hành.

Rồi này các Hiền giả, Thế Tôn bằng thần thông đến với tôi và nói: "Moggallāna, Moggallāna, chớ có phóng dật! Này Bà-la-môn, đối với Thánh im lặng, hãy an trú tâm vào Thánh im lặng, hãy chú nhất tâm vào Thánh im lặng, hãy chú định tâm vào Thánh im lặng."

Rồi này các Hiền giả, sau một thời gian, tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Hiền giả, nếu ai nói một cách chơn chánh, sẽ nói như sau: "Được bậc Đạo sư hỗ trợ, vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí." Người ấy nói một cách chơn chánh, sẽ nói về tôi: "Được bậc Đạo sư hỗ trợ, vị đệ tử chứng đạt đại thắng trí."[2]

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.501. 0132a13).

[2] Theo *Chú giải*, đức Phật hướng dẫn phương thức thiền định cho Tôn giả Moggallāna trong một tuần, nhờ đó Tôn giả đã chứng đắc tất cả 6 thần thông.

II. KINH UPATISSA (*Upatissasutta*) (*S*. II. 274)

236. Trú ở Sāvatthi. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta.

Tôn giả Sāriputta nói:

– Ở đây, này các Hiền giả, trong khi tôi độc trú tĩnh cư, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên: "Có cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?"

Rồi này các Hiền giả, tôi suy nghĩ: "Không có cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não."

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Sāriputta:

– Bậc Đạo sư, này Hiền giả Sāriputta, có cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi Hiền giả sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Bậc Đạo sư, này Hiền giả Ānanda, không có cái gì trong đời khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não. Nhưng ta có thể suy nghĩ: "Mong rằng bậc Đại Thế Lực, bậc Đạo Sư có đại thần thông, có đại uy lực chớ có biến diệt! Nếu bậc Thế Tôn ấy an trú lâu dài, thời như vậy thật là hạnh phúc cho quần sanh, thật là an lạc cho quần sanh, vì lòng từ mẫn cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người."

– Như vậy, đối với Tôn giả Sāriputta, ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, tùy miên được khéo đoạn trừ đã lâu ngày.

Do vậy, đối với Tôn giả Sāriputta, dầu cho bậc Đạo sư có biến hoại, trạng huống có đổi khác, cũng không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

III. KINH CÁI GHÈ (*Ghaṭasutta*)[3] (*S*. II. 275)

237. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna cùng ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc, chung một tinh xá.

Rồi Tôn giả Sāriputta, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahāmoggallāna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Hiền giả Moggallāna, các căn của Hiền giả thật là tịch tịnh; sắc mặt

---

[3] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.503. 0132c08).

thật là thanh tịnh, trong sáng! Có phải hôm nay Tôn giả Mahāmoggallāna an trú với sự an trú tịnh lạc?

– Thưa Hiền giả, hôm nay tôi an trú với sự an trú thô thiển.[4] Tôi có được một cuộc pháp thoại.

– Với ai, Tôn giả Mahāmoggallāna có được một cuộc đàm luận về Chánh pháp?

– Thưa Hiền giả, tôi có một cuộc pháp thoại với Thế Tôn.

– Ở xa, thưa Hiền giả, là Thế Tôn. Hiện nay Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika. Có phải Tôn giả Mahāmoggallāna đi đến Thế Tôn bằng thần thông, hay Thế Tôn đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna bằng thần thông?

– Thưa Hiền giả, tôi không đi đến Thế Tôn bằng thần thông. Và Thế Tôn cũng không đi đến tôi bằng thần thông. Tôi như thế nào, thời Thế Tôn được Thiên nhãn thanh tịnh, cả Thiên nhĩ như vậy. Thế Tôn như thế nào, thời tôi được Thiên nhãn thanh tịnh, cả Thiên nhĩ như vậy.

– Như thế nào là cuộc pháp thoại giữa Tôn giả Mahāmoggallāna với Thế Tôn?

– Ở đây, thưa Hiền giả, tôi bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, ở đây, tinh cần, tinh tấn (*āraddhavīriyo*), được gọi là tinh cần, tinh tấn. Như thế nào, bạch Thế Tôn, là tinh cần, tinh tấn?"

Khi được nghe nói vậy, thưa Hiền giả, Thế Tôn nói với tôi: "Ở đây, này Moggallāna, Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn: 'Dầu cho da, dây gân và xương có khô héo, dầu thịt và máu có héo tàn trên thân tôi; cái gì có thể lấy sức lực của người, tinh tấn của người, nỗ lực của người có thể đạt được; nếu chưa đạt được, thời tinh tấn sẽ không bao giờ dừng nghỉ.' Như vậy, này Moggallāna, là sự tinh cần, tinh tấn."

Như vậy, này Hiền giả, là cuộc pháp thoại giữa Thế Tôn và tôi.

– Ví như, này Hiền giả, một đống hòn sạn nhỏ đem đặt dài theo Hy-mã-lạp sơn, vua các loài núi. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Mahāmoggallāna. Mong rằng Tôn giả Mahāmoggallāna, bậc Đại thần thông, Đại uy lực, nếu muốn hãy sống cho đến một kiếp.

– Ví như, này Hiền giả, một nắm muối nhỏ được đem đặt dài theo một ghè muối lớn. Cũng vậy, là chúng tôi được đem đặt dài theo Tôn giả Sāriputta.

Tôn giả Sāriputta được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện xưng tán, tán thán, tán dương:

Như vị Xá-lợi-phất,
Về trí tuệ, giới luật,
Và cả về tịch tịnh,
Ông là bậc Đệ nhất,

[4] *Chú giải*: Thể theo nghĩa thuộc sắc pháp, thuộc vật chất, so sánh với tâm pháp. Ngài Moggallāna tu tập Thiên nhãn và Thiên nhĩ thuộc thô pháp.

Tỷ-kheo đạt bỉ ngạn,
Cũng là bậc Tối thượng.

Như vậy, hai bậc Long tượng ấy (Nāga) cùng nhau hoan hỷ, tán thán trong câu chuyện khéo nói, khéo thuyết.

IV. KINH TÂN TỶ-KHEO (*Navasutta*)[5] (*S*. II. 277)

238. Trú ở Sāvatthi. Lúc bấy giờ, một tân Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá, rảnh rỗi, im lặng, phân vân [không biết làm gì], không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có một tân Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá, rảnh rỗi, im lặng, phân vân [không biết làm gì], không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y.

Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo, nhân danh Ta, hãy gọi Tỷ-kheo ấy và nói: "Này Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tỷ-kheo kia; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

– Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, này Hiền giả.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tỷ-kheo kia, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo đang ngồi xuống một bên:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực, ăn xong, trên đường trở về, sau khi vào tinh xá, ông rảnh rỗi, im lặng, phân vân [không biết làm gì], không phụ việc với các Tỷ-kheo trong thời gian may y?

– Bạch Thế Tôn, con làm việc của con.

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình biết tâm Tỷ-kheo ấy, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông chớ có bực phiền với Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này chứng được không có khó khăn (*nikāmalābhī*), chứng được không có mệt nhọc, chứng được không có phiền phức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm (*ābhicetasikānaṃ*), hiện tại lạc trú. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

---

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1070. 0277c19); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.9.0376a15).

Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Kẻ sống buông thả này,
Kẻ ít nghị lực này,
Không thể đạt Niết-bàn,
Giải thoát mọi khổ đau.
Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Là một người tối thượng,
Chiến thắng ma quân[6] xong,
Thọ trì thân tối hậu.

V. KINH SUJĀTA (*Sujātasutta*)[7] (*S*. II. 278)

239. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Sujāta đi đến Thế Tôn.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sujāta từ đằng xa đi đến; thấy vậy, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Cả hai phương diện, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này thật sự chói sáng. Vị ấy đẹp trai, ưa nhìn, khả ái, đầy đủ với nhan sắc tối thượng. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Thế Tôn nói như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Tỷ-kheo này sáng chói,
Với tâm tư chánh trực,
Ly kiết sử, ly ách,
Không chấp, không sanh lại,
Chiến thắng ma quân xong,
Thọ trì thân tối hậu.

VI. KINH LAKUṆḌAKA BHADDIYA (*Lakuṇḍakabhaddiyasutta*)[8] (*S*. II. 279)

240. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Lakuṇḍaka Bhaddiya đi đến Thế Tôn.

Thế Tôn thấy Tôn giả Lakuṇḍaka Bhaddiya từ xa đi đến; sau khi thấy, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kia đang đi đến, xấu xí, khó nhìn, còm lưng, bị các Tỷ-kheo khinh miệt?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc; và cả

[6] Nghĩa đen là Ác ma và con vật Ác ma cưỡi. Xem *Dh*. v. 175.
[7] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1062. 0276a09); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.1. 0374a07).
[8] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1063. 0276a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.2. 0374a19).

đến mục đích mà con một lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Tức vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Thiên nga, cò, chim, công,
Voi và nai có chấm,
Tất cả sợ sư tử,
Dầu thân không đồng đều.
Cũng vậy, giữa loài người,
Nếu kẻ có trí tuệ,
Ở đấy vị ấy lớn,
Không như thân kẻ ngu.

VII. KINH VISĀKHA (*Visākhasutta*)[9] (*S*. II. 280)

241. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), tại Mahāvana (Đại Lâm), chỗ Trùng Các giảng đường.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Visākha, thuộc dòng họ Pañcāla, trong giảng đường đang thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, trong hội trường, ai đã thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Visākha thuộc dòng họ Pañcāla, trong hội trường, thuyết giảng pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý thích hợp, không chấp trước.

Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Visākha, thuộc dòng họ Pañcāla và nói:

– Lành thay, lành thay, Visākha! Lành thay, này Visākha! Ông thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ... không chấp trước.

Thế Tôn thuyết như vậy. Sau khi bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

---

[9] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1069. 0277b28); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.8. 0375c13).

Họ biết bậc Hiền triết,
Khi vị này lẫn lộn,
Với các kẻ ngu si,
Dầu vị này không nói.
Và họ biết vị ấy,
Khi vị này nói lên,
Nói lên lời thuyết giảng,
Liên hệ đến bất tử.
Hãy để vị ấy nói,
Làm sáng chói Chánh pháp.
Hãy để vị nêu cao,
Lá cờ các bậc Thánh,
Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Là những lời khéo nói;
Lá cờ bậc Hiền Thánh,
Chính là lời Chánh pháp.

VIII. KINH NANDA (*Nandasutta*)[10] (*S*. II. 281)

242. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Nanda, con của Di mẫu của Thế Tôn, đắp những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi xuống một bên:

– Như vậy là không xứng đáng cho ông, này Nanda, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại mang những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ con mắt và mang bát sáng chói. Như vậy là xứng đáng cho ông, này Nanda, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là sống trong rừng, sống đi khất thực, sống mặc áo phấn tảo, và sống không mong đợi các dục vọng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ta mong được nhìn thấy,
Nanda sống trong rừng,
Mặc áo phấn tảo y,
Sống với những đồ ăn,
Biết là đã vứt bỏ,
Không mong chờ dục vọng.

Rồi Tôn giả Nanda, sau một thời gian, trở thành một vị sống trong rừng, ăn đồ ăn khất thực, mang y phấn tảo, không mong đợi các dục vọng.

[10] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1067. 0277a10); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.5. 0374c29); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.18.6. 0591a08).

IX. KINH TISSA (*Tissasutta*)[11] (*S*. II. 281)

243. Trú ở Sāvatthi. Tôn giả Tissa, cháu của Phụ vương của Thế Tôn, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, khổ đau, sầu muộn, nước mắt tuôn chảy. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa:

– Này Tissa, vì sao ông ngồi khổ đau, sầu muộn, nước mắt tuôn chảy?

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo nhất loạt mắng nhiếc và nhạo báng con.

– Vì rằng, này Tissa, ông nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói.

Như vậy không xứng đáng cho ông, này Tissa, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói tất cả và không kham nhẫn người khác nói. Như vậy là xứng đáng cho ông, này Tissa, là con một lương gia, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là đã nói và kham nhẫn người khác nói.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Sao ông lại phẫn nộ?
Chớ có nên phẫn nộ,
Không phẫn nộ, Tissa,
Thật tốt đẹp cho ông!
Hãy nhiếp phục phẫn nộ,
Kiêu mạn và xan tham!
Hỡi Tissa, hãy sống,
Sống đời sống Phạm hạnh!

X. KINH THERANĀMAKA (*Theranāmakasutta*)[12] (*S*. II. 282)

244. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo tên là Theranāmaka (Tên Trưởng Lão) sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú. Vị ấy đi vào làng khất thực một mình, đi về một mình, ngồi vắng lặng một mình, đi kinh hành một mình.

Rồi các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có Tỷ-kheo tên là Theranāmaka sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú... đi kinh hành một mình.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đến, hãy nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Theranāmaka: "Này Hiền giả Thera, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

[11] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1068. 0277b06); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.7. 0375b21).
[12] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1071. 0278a12); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.10. 0376b04).

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến Tỷ-kheo Thera. Sau khi đến, Tỷ-kheo ấy nói với Tỷ-kheo Thera:

– Này Hiền giả Thera, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Thera vâng đáp Tỷ-kheo ấy và đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Thera đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này Thera, ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Như thế nào, này Thera, ông sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi vào làng khất thực một mình, con đi về một mình, con ngồi vắng lặng một mình, con đi kinh hành một mình. Như vậy, bạch Thế Tôn, con sống độc trú và tán thán hạnh sống độc trú.

– Đấy là sống độc trú, này Thera, Ta không nói đấy không phải vậy. Này Thera, có một cách làm viên mãn độc trú với các chi tiết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này Thera, thế nào là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết? Ở đây, này Thera, cái gì đã qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đối với những tự ngã, lợi đắc hiện tại, dục tham được khéo nhiếp phục. Như vậy, này Thera, là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ai chiến thắng tất cả,
Ai hiểu biết tất cả,
Ai là bậc thiện trí,
Mọi pháp không ô nhiễm.
Ai từ bỏ tất cả,
Ái tận được giải thoát.
Ta nói chính người ấy,
Thật là vị độc trú.

XI. KINH MAHĀKAPPINA (*Mahākappinasutta*) (*S*. II. 284)

245. Trú ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Mahākappina đi đến Thế Tôn.

Thế Tôn thấy Tôn giả Mahākappina từ đàng xa đi đến.

Sau khi thấy, Thế Tôn liền gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo kia đi đến, da bạc trắng, ốm yếu, với cái mũi cao?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Sát-lỵ là tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Với những ai nương tựa,
Vào vấn đề giai cấp.
Bậc Minh Hạnh Cụ Túc,
Tối thượng giữa trời, người.
Ngày, mặt trời chói sáng,
Đêm, mặt trăng chói sáng.
Trong tấm áo chiến bào,
Sát-lỵ được chói sáng.
Trong thiền định, thiền tri,
Bà-là-môn chói sáng.
Nhưng suốt cả đêm ngày,
Phật chói sáng hào quang.[13]

XII. KINH THÂN HỮU (*Sahāyakasutta*) (*S*. II. 285)

246. Trú ở Sāvatthi. Rồi hai Tỷ-kheo thân hữu, đệ tử của Tôn giả Mahākappina, đi đến Thế Tôn.

Thế Tôn thấy hai Tỷ-kheo ấy từ đàng xa đi đến. Thấy vậy, Thế Tôn liền gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, hai Tỷ-kheo thân hữu ấy đang đi tới, cả hai là đệ tử của Tôn giả Mahākappina?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Hai Tỷ-kheo ấy có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia những Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Các vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

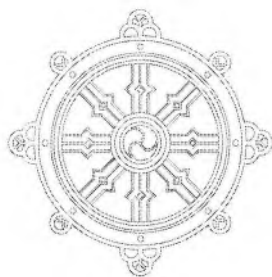
Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Tỷ-kheo thân hữu này,
Lâu ngày cùng chung sống,

---

[13] Xem *Dh*. v. 387.

Chung sống trong Diệu pháp,
Diệu pháp, Phật thuyết giảng.
Tôn giả Kappina,
Khéo léo huấn luyện họ,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Do bậc Thánh thuyết giảng,
Chiến thắng ma quân xong,
Thọ trì thân tối hậu.



III. THIÊN UẨN
(*KHANDHAVAGGA*)

22. TƯƠNG ƯNG UẨN
(*KHANDHASAṂYUTTA*)

NĂM MƯƠI KINH ĐẦU[1]

I. PHẨM NAKULAPITU
(*NAKULAPITUVAGGA*)

I. KINH NAKULAPITU (*Nakulapitusutta*)[2] (*S*. III. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Cá Sấu,[3] rừng Bhesakaḷā,[4] Vườn Nai.

Rồi gia chủ Nakulapitā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên,[5] đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các vị Tỳ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Thật sự là vậy, này gia chủ. Thật sự là vậy, này gia chủ. Thân của gia chủ, này gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau,[6] bị nhiễm ô che đậy.[7] Ai mang cái thân này, này gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu. Do vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập như sau: "Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh." Như vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập.

Rồi gia chủ Nakulapitā sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài; đi đến Tôn giả

---

[1] Trong bản tiếng Anh của PTS, *Tương ưng Uẩn* được trình bày theo 3 phần: *The First Fifty Suttas* (*50 kinh đầu*), *The Middle Fifty* (*50 kinh giữa*), *The Last Fifty* (*50 kinh cuối*).

[2] Đây là cách gọi của người Ấn Độ. Nakulapitu nghĩa là cha của gia chủ Nakula. Nakulapitā là tên gọi cho người con trai. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.107. 0033a06); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.13.4. 0573a01).

[3] *Chú giải*: Sở dĩ được gọi như vậy vì khi thành được xây có nghe tiếng cá sấu kêu.

[4] Đặt theo tên một nữ dạ-xoa. Xem *KS*. I. 262.

[5] *SA*. II. 249: *Addhagatoti tiyaddhagato*, nghĩa là đã đi đến giai đoạn thứ ba và giai đoạn cuối cuộc đời.

[6] *Aṇḍabhūta*: Sanh ra từ trứng. *Chú giải* giải thích ốm yếu như thể được sanh ra từ trứng.

[7] *Pariyonaddha*. Xem *M*. I. 25. Đồng nghĩa với *sañchanna*, bị cây lá bao phủ, như cây ở trong rừng.

Sāriputta, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với gia chủ Nakulapitā đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, tịch tịnh là các căn của gia chủ; thanh tịnh và trong sáng là sắc diện của gia chủ. Có phải hôm nay gia chủ đối diện với Thế Tôn, được nghe pháp thoại?

– Làm sao không thể như vậy được, thưa Tôn giả? Hôm nay, thưa Tôn giả, con được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại.

– Như thế nào, này gia chủ, gia chủ được rưới với nước bất tử, nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại?

– Ở đây, thưa Tôn giả, con đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả, con bạch Thế Tôn:

"Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi lớn, trưởng lão, cao niên, đã đạt đến tuổi thọ, thân bệnh hoạn, luôn luôn ốm đau. Bạch Thế Tôn, con không được thường thấy Thế Tôn và các Tỷ-kheo đáng kính. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con! Nhờ vậy, con được hạnh phúc, an lạc lâu dài."

Được nghe nói vậy, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói với con:

"Thật sự là vậy, này gia chủ. Thật sự là vậy, này gia chủ. Thân của gia chủ, này gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút, người ấy phải là người ngu. Do vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập như sau: 'Dầu thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh.'"

Như vậy, thưa Tôn giả, con được rưới (*abhisitto*) với nước bất tử (*amatena*), nhờ Thế Tôn giảng cho pháp thoại.

– Nhưng này gia chủ, gia chủ có hỏi thêm Thế Tôn như sau: "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là thân bị bệnh và tâm cũng bị bệnh? Cho đến như thế nào, là thân bị bệnh, nhưng tâm không bị bệnh?"

– Thưa Tôn giả, con có thể đi đến thật xa để nghe tận mặt Tôn giả Sāriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sāriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

– Vậy này gia chủ, hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Nakulapitā vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thế nào, này gia chủ, là thân bị bệnh và tâm bệnh?

Ở đây, này gia chủ, có kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc

là của ta." Do bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên do sắc biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta." Do bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên do thọ biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Vị ấy quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta." Do bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên do tưởng biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Vị ấy quán hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong hành. Vị ấy bị ám ảnh: "Hành là ta, hành là của ta." Do bị ám ảnh: "Hành là ta, hành là của ta" khi hành biến hoại, đổi khác; nên do hành biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta." Do bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên do thức biến hoại, đổi khác, vị ấy khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Như vậy, này gia chủ, là thân bị bệnh và tâm bị bệnh.

Thế nào, này gia chủ, là thân bị bệnh nhưng tâm không bị bệnh?

Ở đây, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta." Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta." Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta." Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Không quán hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Hành là ta, hành là của ta." Do vị ấy không bị ám ảnh: "Hành là ta, hành là của ta" khi hành biến hoại, đổi khác; nên không do hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta." Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Như vậy, này gia chủ, là thân có bệnh nhưng tâm không có bệnh.

Tôn giả Sāriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapitā hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta thuyết.

II. KINH DEVADAHA (*Devadahasutta*)[8] (*S*. III. 5)

2. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.

– Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sāriputta chưa?

– Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sāriputta.

– Này các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sāriputta. Sāriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí, là người đỡ đầu (*anuggāhako*) các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta đang ngồi dưới cây ba đậu,[9] không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài lui ra; rồi đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sāriputta:

– Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sāriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo sư đã cho phép chúng tôi.

– Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi[10] với vị Tỷ-kheo thường đi

---

[8] Devadaha. Xem *J*. I. 52. Quê hương của mẫu thân đức Phật. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.108. 0033b28); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.41.4. 0745b26).

[9] Eḷagalāgumba: Một loại cây lớn lên nhờ tưới nước, tên tiếng Anh là cây Cassia Tora.

[10] *Pucchitār*. Xem *Sn*. 140 có trường hợp tương tự.

các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí,[11] các Bà-la-môn hiền trí,[12] các gia chủ hiền trí,[13] các Sa-môn hiền trí;[14] này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát [sẽ hỏi]: "Bậc Đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?" Để trả lời, các Tôn giả có thể lặp lại các ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp và không để một vị đồng pháp nào nói lời đúng pháp,[15] có thể có lý do để quở trách.[16]

– Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sāriputta nói về ý nghĩa của lời nói này. Lành thay, nếu được Tôn giả Sāriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

– Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "Bậc Đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?" Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: "Này các Hiền giả, bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham."

Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Các vị Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "Đối với cái gì, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Đối với sắc, này các Hiền giả, bậc Đạo sư của chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức, này các Hiền giả, bậc Đạo sư của chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham."

Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "Nhưng thấy sự nguy hiểm gì, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các ông cần phải trả lời như sau: "Này các Hiền giả, đối với sắc, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly

[11] *Chú giải*: Như Vua Bimbisāra
[12] *Chú giải*: Như Caṅkī và Tārukkha.
[13] Như Citta và Sudatta. Xem *A*. I. 24-6.
[14] Như Sabhiya. Xem *S*. II. 153; IV. 401; *Sn*. 90-102.
[15] *Chú giải* viết là *vādānupāto*, nghĩa là đi theo con đường của bậc Đạo sư.
[16] Xem *S*. II. 33, có một đoạn tương tự.

dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt não, chưa viễn ly khát ái; khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt não, chưa viễn ly khát ái; khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Này các Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức."

Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-lỵ hiền trí... các Sa-môn hiền trí; này các Hiền giả, các bậc Hiền trí với óc ưa quán sát [có thể hỏi]: "Nhưng thấy sự lợi ích gì, bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?" Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: "Này các Hiền giả, đối với sắc, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt não, đã viễn ly khát ái; khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viễn ly tham, đã viễn ly dục, đã viễn ly ái, đã viễn ly khát, đã viễn ly nhiệt não, đã viễn ly khát ái; khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức."

Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Đây không phải là sự đoạn tận các bất thiện pháp, được Thế Tôn tán thán.

Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các bất thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống bị đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Do vậy, đây là sự đoạn tận các bất thiện pháp, được Thế Tôn tán thán.

Và này các Hiền giả, đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống đau khổ, bị chướng ngại, bị ưu não, bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh ác thú. Đây không phải là sự thành tựu các thiện pháp, được Thế Tôn tán thán.

Nhưng này các Hiền giả, vì rằng đạt được và an trú trong các thiện pháp, và ngay trong đời sống hiện tại, sống được an lạc, không bị chướng ngại, không bị ưu não, không bị nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh thiện thú. Do vậy, đây là sự thành tựu các thiện pháp, được Thế Tôn tán thán.

Tôn giả Sāriputta thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta nói.

III. KINH HĀLIDDIKĀNI (*Hāliddikānisutta*)[17] (*S*. III. 9)

3. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) sống giữa các dân chúng Avantī, tại Kuraraghara, bên bờ một vực núi.

Rồi gia chủ Hāliddikāni đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahākaccāna, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikāni nói với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Māgaṇḍiya",[18] như sau:

Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai.

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc giới, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham sắc giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Thọ giới, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham thọ giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Tưởng giới, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham tưởng giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. Hành giới, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham hành giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình. [Thức giới, này gia chủ, là nhà của thức; thức bị lòng tham thức giới trói buộc, này gia chủ, được gọi là du hành có gia đình]. Như vậy, này gia chủ, là du hành có gia đình.[19]

Và này gia chủ, thế nào là du hành không gia đình?

Đối với sắc giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên;[20] Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.[21] Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

Đối với thọ giới, này gia chủ...

Đối với tưởng giới, này gia chủ...

---

[17] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.551. 0144a28).
[18] Tham khảo *Chú giải*; *M*. II. 510; *Sn*. 164.
[19] Tham khảo *Dh*. v. 34; *Thag*. v. 36.
[20] Xem *S*. II. 17.
[21] Xem *S*. II. 88.

Đối với hành giới, này gia chủ...

Đối với thức giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái, những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; Như Lai đoạn tận chúng, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không gia đình.

Như vậy, này gia chủ, là du hành không gia đình.

Như thế nào, này gia chủ, là du hành có trú xứ?[22] Bị trói buộc bởi an trú chấp trước (*niketavisāra*) vào sắc tướng, này gia chủ, gọi là du hành có trú xứ... vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng. Bị trói buộc bởi an trú chấp trước vào pháp tướng, này gia chủ, gọi là du hành có trú xứ. Như vậy, này gia chủ, là du hành có trú xứ.

Như thế nào là du hành không trú xứ? Sự trói buộc bởi an trú, chấp trước vào sắc tướng, này gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ. Sự trói buộc bởi an trú, chấp trước vào thanh tướng... vào hương tướng... vào vị tướng... vào xúc tướng... vào pháp tướng, này gia chủ, đối với Như Lai đã được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là du hành không trú xứ.

Như vậy, này gia chủ, là du hành không trú xứ.

Như thế nào, này gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng?[23] Ở đây, này gia chủ, có người sống thân mật với gia chủ, cùng vui, cùng buồn. Giữa những người sung sướng, vị ấy sung sướng. Giữa những người buồn khổ, vị ấy buồn khổ. Khi có công việc phải làm khởi lên, tự liên hệ mình vào các công việc ấy. Như vậy, này gia chủ, là tác thành hệ lụy trong làng.

Và như thế nào, này gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng? Ở đây, này gia chủ, vị Tỷ-kheo không sống quá thân mật với gia chủ, không cùng vui, không cùng buồn; không vui sướng giữa những người sung sướng, không buồn khổ giữa những người buồn khổ; khi có công việc phải làm khởi lên, không tự mình liên hệ vào các công việc ấy. Như vậy, này gia chủ, là không tác thành hệ lụy trong làng.

Như thế nào, này gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này gia chủ, có người không ly tham đối với các dục vọng, không ly dục, không ly ái, không ly khát, không ly nhiệt não, không ly khát ái. Như vậy, này gia chủ, là không tuyệt không các dục vọng.

Như thế nào, này gia chủ, là tuyệt không các dục vọng? Ở đây, này gia chủ, có người ly tham đối với các dục, ly dục, ly ái, ly khát, ly nhiệt não, ly khát ái. Như vậy, này gia chủ, là tuyệt không các dục vọng.

---

[22] *Niketasārī. Niketa* liên hệ đến *ketu* là dấu hiệu, là cây cờ, người theo một biểu tượng, tín đồ.

[23] Xem *S.* I. 63; II. 202, đề cập bổn phận của vị Tỷ-kheo.

Như thế nào, này gia chủ, là hy vọng hão huyền? Ở đây, này gia chủ, có người suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai. Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai. Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai. Mong rằng có hành như vậy trong tương lai. Mong rằng có thức như vậy trong tương lai." Như vậy, này gia chủ, là hy vọng hão huyền.

Như thế nào, này gia chủ, là không hy vọng hão huyền? Ở đây, này gia chủ, có người không có suy nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như vậy trong tương lai. Mong rằng có thọ như vậy trong tương lai. Mong rằng có tưởng như vậy trong tương lai. Mong rằng có hành như vậy trong tương lai. Mong rằng có thức như vậy trong tương lai." Như vậy, này gia chủ, là không hy vọng hão huyền.

Như thế nào, này gia chủ, là tranh luận với người? Ở đây, này gia chủ, có người nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Ta biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông đã phạm vào tà kiến.[24] Ta mới thật đúng chánh kiến. Những điều đáng nói trước, ông lại nói sau. Những điều đáng nói sau, ông lại nói trước. Lời nói của ta mới tương ưng (*sahitaṃ*). Lời nói của ông không tương ưng. Chủ kiến của ông đã bị bài bác. Câu nói của ông đã bị thách đố; hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Ông đã bị thuyết bại, nếu có thể được, hãy gắng thoát ra khỏi lối bí." Như vậy, này gia chủ, là tranh luận với người.

Như thế nào, này gia chủ, là không tranh luận với người? Ở đây, này gia chủ, vị Tỷ-kheo không nói lời nói như sau: "Ông không biết Pháp và Luật này... hãy gắng thoát ra khỏi lối bí." Như vậy, này gia chủ, là không tranh luận với người.

Như vậy, này gia chủ, Thế Tôn đã nói trong phẩm thứ tám, trong tập: "Các câu hỏi của Māgaṇḍiya" như sau:

Bậc Thánh bỏ gia đình,
Du hành không trú xứ,
Đối với dân trong làng,
Không tác thành hệ lụy.
Tuyệt không các dục vọng,
Không ước vọng hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận,
Bất cứ với một ai.

Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, này gia chủ, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

IV. KINH HĀLIDDIKĀNI THỨ HAI (*Dutiyahāliddikānisutta*)[25] (*S*. III. 12)

4. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākaccāna sống giữa dân chúng Avantī, tại Kuraraghara, bên bờ một vực núi.

---

[24] Xem *S*. I. 160; IV. 323; V. 419; *D*. I. 8; III. 117.

[25] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.552. 0144c20).

Rồi gia chủ Hāliddikāni đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahākaccāna, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikāni nói với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thế Tôn đã nói trong tập: "Các câu hỏi của Sakka"[26] như vầy: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện; đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách; đã hoàn toàn hành Phạm hạnh; đã hoàn toàn đạt được mục đích; là bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người." Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, thưa Tôn giả, ý nghĩa cần phải hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

– Đối với sắc giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái; những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khước chúng một cách hoàn toàn, như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

Đối với thọ giới, này gia chủ...

Đối với tưởng giới, này gia chủ...

Đối với hành giới, này gia chủ...

Đối với thức giới, này gia chủ, cái gọi là dục, là tham, là hỷ, là khát ái; những gì thuộc chấp thủ, tâm trú trước, thiên chấp tùy miên; sự đoạn tận chúng, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, từ khước chúng một cách hoàn toàn, như vậy gọi là tâm khéo giải thoát.

Như vậy, này gia chủ, là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến trong tập: "Các câu hỏi của Sakka" như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào được giải thoát với sự đoạn tận khát ái, những vị ấy đã hoàn toàn đạt được toàn thiện; đã hoàn toàn đạt được an ổn khỏi các khổ ách; đã hoàn toàn hành Phạm hạnh; đã hoàn toàn đạt được mục đích; là bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người."

V. KINH THIỀN ĐỊNH (*Samādhisutta*)[27] (*S.* III. 13)

5. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Vị Tỷ-kheo có thiền định, này các Tỷ-kheo, hiểu biết một cách như thật.

Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt, thọ tập khởi và

---

[26] Xem *D.* II. 282; *A.* V. 326.

[27] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (T.02. 0099.59. 0015b10); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.60. 0015b22); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.65. 0017a23).

đoạn diệt, tưởng tập khởi và đoạn diệt, hành tập khởi và đoạn diệt, thức tập khởi và đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc tập khởi? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là tưởng tập khởi? Thế nào là hành tập khởi? Thế nào là thức tập khởi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hoan hỷ, hoan nghênh,[28] đắm trước rồi an trú. Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước và an trú gì?

Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú sắc, hỷ đối với sắc khởi lên. Do duyên hỷ đối với sắc, thủ đối với sắc khởi lên. Do duyên thủ đối với sắc, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh; già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thọ... rồi an trú tưởng... rồi an trú hành... rồi an trú thức. Do vị ấy hoan hỷ, hoan nghênh, đắm trước rồi an trú thức, hỷ đối với thức khởi lên. Do duyên hỷ đối với thức, thủ đối với thức khởi lên. Do duyên thủ đối với thức, hữu khởi lên. Do duyên hữu, sanh khởi lên. Do duyên sanh; già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, đây là sắc tập khởi, đây là thọ tập khởi, đây là tưởng tập khởi, đây là hành tập khởi, đây là thức tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc đoạn diệt? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là tưởng đoạn diệt? Thế nào là hành đoạn diệt? Thế nào là thức đoạn diệt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú.

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú gì? Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú sắc, hỷ đối với sắc đoạn diệt. Do hỷ đối với sắc đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thọ, hỷ đối với thọ đoạn diệt. Do hỷ đối với thọ đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú tưởng... không đắm trước và an trú hành. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú hành, hỷ đối với hành đoạn diệt. Do hỷ đối với hành đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

---

[28] *SA*. II. 262: *Abhivadatīti tāya abhinandanāya* "*aho piyaṃ itthaṃ kantaṃ manāpa*" *nti vadati* (*Abhivadati* có nghĩa là "tuyên bố"; đối với sự hoan hỷ này, vị ấy nói lớn: "Ồ, thật khả ái, khả ý, khả lạc, hấp dẫn").

Không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức. Do vị ấy không hoan hỷ, không hoan nghênh, không đắm trước và an trú thức, hỷ đối với thức đoạn diệt. Do hỷ đối với thức đoạn diệt nên thủ đoạn diệt. Do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, đây là sắc đoạn diệt, đây là thọ đoạn diệt, đây là tưởng đoạn diệt, đây là hành đoạn diệt, đây là thức đoạn diệt.

VI. KINH TĨNH MẶC (*Paṭisallāṇasutta*)[29] (*S*. III. 15)

6. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, hãy trú tâm, dán tâm vào tĩnh mặc.[30] Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có tĩnh mặc, hiểu biết một cách như thật.

Hiểu biết gì một cách như thật? Sắc tập khởi và đoạn diệt, thọ tập khởi và đoạn diệt, tưởng tập khởi và đoạn diệt, hành tập khởi và đoạn diệt, thức tập khởi và đoạn diệt ...(như kinh trên).

VII. KINH CHẤP THỦ VÀ ƯU NÃO (*Upādāparitassanāsutta*)[31] (*S*. III. 15)

7. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; người ấy quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển[32] theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc sau khi xâm chiếm tâm và an trú.[33] Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố (*uttāsa*), chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ trong tự ngã, hay tự ngã trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các

---

[29] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.65. 0017a23).

[30] *Paṭisallāṇa*: Sự dừng nghỉ; chỉ cho sự tĩnh mặc trong tu thiền.

[31] *SA*. II. 262: *Upādāparitassanaanti gahaṇena uppannaṃ paritassanaṃ* ("Ưu não do chấp thủ" nghĩa là sự ưu não khởi lên do sự bám víu, cố chấp). Xem *M*. I. 136. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.43. 0010c19); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.66. 0017b16).

[32] *Anuparivatti*: Tâm luôn suy nghĩ về các vấn đề nhỏ nhặt.

[33] *Pariyādāya tiṭṭhanti*: Xâm chiếm, an trú. Xem *S*. II. 235.

pháp ưu não sanh khởi do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

Vị ấy quán tưởng như là tự ngã... vị ấy quán hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay hành trong tự ngã, hay tự ngã trong hành. Đối với vị ấy, hành ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi hành ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của hành. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của hành sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức trong tự ngã, hay tự ngã trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thức sanh khởi sau khi xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm bị xâm chiếm nên khủng bố, chướng ngại, khát vọng được sanh khởi và ưu não.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Đối với vị ấy, sắc ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi sắc ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của sắc không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

... không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Đối với vị ấy, thọ ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thọ ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến hoại của thọ không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

... không quán tưởng như là tự ngã...

... không quán hành như là tự ngã...

... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Đối với vị ấy, thức ấy biến hoại và đổi khác. Đối với vị ấy, khi thức ấy biến hoại và đổi khác, thức không tùy chuyển theo sự biến hoại của thức. Các pháp ưu não do thức tùy chuyển theo sự biến

hoại của thức không sanh khởi, không xâm chiếm tâm và an trú. Do tâm không bị xâm chiếm nên không có khủng bố, không có chướng ngại, không có khát vọng khởi lên và ưu não.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự không chấp thủ, không ưu não.

VIII. KINH CHẤP THỦ VÀ ƯU NÃO THỨ HAI (*Dutiyaupādāparitassansutta*)[34] (*S.* III. 18)

8. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về sự chấp thủ và ưu não, sự không chấp thủ và không ưu não. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp thủ và ưu não?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi." Sắc ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

... quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi." Thức ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp thủ và ưu não.

Này các Tỷ-kheo, như thế nào là không chấp thủ và không ưu não?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử quán sắc: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải là tự ngã của tôi." Sắc ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi sắc biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

... quán thọ: "Đây không phải của tôi..."

... quán tưởng: "Đây không phải của tôi..."

... quán hành: "Đây không phải của tôi..."

... quán thức: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi." Thức ấy của vị này biến hoại, đổi khác. Vị này, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp thủ và không ưu não.

IX. KINH BA THỜI LÀ VÔ THƯỜNG (*Kālattayaaniccasutta*)[35] (*S.* III. 19)

9. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá

[34] Tham khảo: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.44. 0011a13).

[35] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.8. 0001c22); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.79. 0020a10).

khứ không tiếc nuối (*anapekkho*); đối với sắc vị lai không hoan hỷ; đối với sắc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, thọ là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, tưởng là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, hành là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử đối với hành quá khứ không tiếc nuối; đối với hành vị lai không hoan hỷ; đối với hành hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

X. KINH BA THỜI LÀ KHỔ (*Kālattayadukkhasutta*) (*S*. III. 19)

10. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối; đối với sắc vị lai không hoan hỷ; đối với sắc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

XI. KINH BA THỜI LÀ VÔ NGÃ (*Kālattayaanattasutta*) (*S*. III. 19)

11. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với sắc quá khứ không tiếc nuối; đối với sắc vị lai không hoan hỷ; đối với sắc hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, trong quá khứ, trong vị lai, còn nói gì đến hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử đối với thức quá khứ không tiếc nuối; đối với thức vị lai không hoan hỷ; đối với thức hiện tại hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt.

II. PHẨM VÔ THƯỜNG (*ANICCAVAGGA*)

I. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*)[36] (*S*. III. 21)

12. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi. Tại đấy...

– Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."[37]

II. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*S*. III. 21)

13. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, sắc là khổ, thọ là khổ, tưởng là khổ, hành là khổ, thức là khổ.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*) (*S*. III. 21)

14. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

---

[36] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1. 0001a06).

[37] *Nāparaṃ itthattāyā ti pajānāti*. Xem *S*. II. 20. Ngài Buddhaghosa trong *DA*. 226 giải thích: "Sau khi sự liên tục của 5 uẩn hiện tại đã chấm dứt sự sống của chúng, thì cũng sẽ không có sự liên tục của 5 uẩn trong tương lai cho ta."

IV. KINH CÁI GÌ VÔ THƯỜNG (*Yadaniccasutta*)[38] (*S*. III. 22)

15. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

V. KINH CÁI GÌ KHỔ (*Yaṃdukkhasutta*)[39] (*S*. III. 22)

16. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta được giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH CÁI GÌ VÔ NGÃ (*Yadanattāsutta*) (*S*. III. 22)

17. Nhân duyên ở Sāvatthi.

---

[38] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9. 0002a02).
[39] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.10. 0002a12).

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VII. KINH CÓ NHÂN LÀ VÔ THƯỜNG (*Sahetuaniccasutta*)[40] (*S*. III. 23)

18. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. Sắc đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thọ sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. Thọ đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng vô thường. Thức đã được cái vô thường làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể thường được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH CÓ NHÂN LÀ KHỔ (*Sahetudukkhasutta*)[41] (*S*. III. 23)

19. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng khổ. Sắc đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

Thọ, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là khổ...

Hành, này các Tỷ-kheo, là khổ...

---

[40] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.12. 0002b04).

[41] Như chú thích trên.

Thức, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng khổ. Thức đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IX. KINH CÓ NHÂN LÀ VÔ NGÃ (*Sahetuanattasutta*) (*S.* III. 23)

20. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sắc sanh khởi, cái ấy cũng vô ngã. Sắc đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

Thọ... Tưởng... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho thức sanh khởi, cái ấy cũng vô ngã. Thức đã được cái vô ngã làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu là ngã được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

X. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*S.* III. 24)

21. Ở tại Sāvatthi... trong vườn ông Anāthapiṇḍika.

– Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– "Đoạn diệt, đoạn diệt", bạch Thế Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đoạn diệt?

– Sắc, này Ānanda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt.

Thọ, này Ānanda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt.

Tưởng, này Ānanda, là vô thường...

Hành, này Ānanda, là vô thường...

Thức, này Ānanda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt.

Sự đoạn diệt của những pháp này, này Ānanda, được gọi là đoạn diệt.

III. PHẨM GÁNH NẶNG (*BHĀRAVAGGA*)

I. KINH GÁNH NẶNG (*Bhārasutta*)[42] (*S*. III. 25)

22. Ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về gánh nặng, kẻ mang gánh nặng, mang gánh nặng lên, đặt gánh nặng xuống. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là gánh nặng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ mang gánh nặng? Người là câu trả lời. Vị Tôn giả này có tên như thế này, dòng họ như thế này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ mang gánh nặng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mang gánh nặng lên? Chính là tham ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, đi tìm hỷ lạc chỗ này chỗ kia: Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là mang gánh nặng lên.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đặt gánh nặng xuống? Đây là sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn, sự từ bỏ, sự xả ly, sự giải thoát, sự không chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đặt gánh nặng xuống.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người,
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời,
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc [không khổ].
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác.
Nếu nhổ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đói và khát,[43]
Được giải thoát tịnh lạc.[44]

---

[42] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.73. 0019a15); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.4. 0631c11).
[43] *Nicchāta*: Đã được đoạn trừ.
[44] *Parinibbuta*: Hoàn tất vòng hiện hữu.

II. KINH LIỄU TRI (*Pariññasutta*)[45] (*S*. III. 26)

23. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết những pháp cần phải liễu tri, phải được liễu tri. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải liễu tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải liễu tri; thọ là pháp cần phải liễu tri; tưởng là pháp cần phải liễu tri; hành là pháp cần phải liễu tri; thức là pháp cần phải liễu tri. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là liễu tri? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si, này các Tỷ-kheo, được gọi là liễu tri.

III. KINH THẮNG TRI (*Abhijānasutta*)[46] (*S*. III. 27)

24. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri sắc, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri thọ...

Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri tưởng... không thắng tri hành...

Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri thức, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ, nên không có thể đoạn tận khổ.

Này các Tỷ-kheo, do thắng tri sắc, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

Này các Tỷ-kheo, do thắng tri thọ... thắng tri tưởng... thắng tri hành...

Này các Tỷ-kheo, do thắng tri thức, liễu tri, ly tham, từ bỏ, nên có thể đoạn tận khổ.

IV. KINH DỤC THAM (*Chandarāgasutta*)[47] (*S*. III. 27)

25. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Dục và tham (*chandarāga*) đối với sắc, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Dục và tham đối với thọ, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thọ ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Dục và tham đối với tưởng...

Dục và tham đối với hành...

---

[45] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.72. 0019a04). Trong *Vism.* 606, Ngài Buddhaghosa trình bày có 3 loại "liễu tri" thuộc thế gian: Đã biết được, suy tầm và đoạn diệt.

[46] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.3. 0001a28); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.5. 0001b16); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.7. 0001c11).

[47] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.77. 0019c25).

Dục và tham đối với thức, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, nhổ tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

V. KINH VỊ NGỌT (*Assādasutta*)[48] (*S*. III. 27)

26. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

"Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của sắc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thọ? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của tưởng? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hành? Cái gì là vị ngọt, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thức?"

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

"Do duyên sắc, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của sắc; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục và tham đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của sắc."

"Do duyên thọ, lạc hỷ sanh..."

"Do duyên tưởng, lạc hỷ sanh..."

"Do duyên hành, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của hành. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của hành; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục và tham đối với hành, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của hành."

"Do duyên thức, lạc hỷ sanh; cái ấy gọi là vị ngọt của thức. Sự vô thường, đau khổ, chịu sự biến hoại của thức; cái ấy gọi là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục và tham đối với thức, sự đoạn tận dục và tham; cái ấy là sự xuất ly của thức."

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người.

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người.

Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta:

---

[48] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.14. 0002c11).

"Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

VI. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (*Dutiyaassādasutta*) (*S*. III. 29)

27. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của sắc. Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của sắc. Sự nguy hiểm của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự nguy hiểm của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của sắc. Sự xuất ly của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Sự xuất ly của sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thọ...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của tưởng...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của hành...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt của thức. Vị ngọt của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự nguy hiểm của thức. Nguy hiểm của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Nguy hiểm của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu sự xuất ly của thức. Xuất ly của thức là gì, Ta đã chứng đắc. Xuất ly của thức như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với năm thủ uẩn này, Ta chưa như thật biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; chư thiên và loài người.

Và tri kiến như sau khởi lên nơi Ta: "Tâm Ta giải thoát, bất động. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

VII. KINH VỊ NGỌT THỨ BA (*Tatiyaassādasutta*)[49] (*S*. III. 29)

28. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của sắc, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của sắc cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với sắc.

Này Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của sắc, thời các loài hữu tình không có yểm ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm của sắc cho nên các loài hữu tình có yểm ly đối với sắc.

---

[49] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.13. 0002b15).

Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với sắc, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với sắc. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của sắc cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với sắc.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thọ...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của tưởng...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hành...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thức, thời các loài hữu tình không có tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của thức cho nên các loài hữu tình có tham đắm đối với thức.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự nguy hiểm của thức, thời các loài hữu tình không có yểm ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự nguy hiểm đối với thức cho nên các loài hữu tình có yểm ly đối với thức.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly đối với thức, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với thức. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly đối với thức cho nên các loài hữu tình có xuất ly đối với thức.

Này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này không như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, không thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát với tâm tự tại.

Và này các Tỷ-kheo, khi nào các loài hữu tình đối với năm thủ uẩn này, như thật thắng tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly. Thời các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, có thể sống xuất ly, thoát sự liên hệ, giải thoát với tâm tự tại.

VIII. KINH HOAN HỶ (*Abhinandanasutta*)[50] (*S*. III. 31)

29. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ sắc, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thọ...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ tưởng...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hành...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thức, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ sắc, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ.

---

[50] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.3. 0001a28); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.5. 0001b16); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.7. 0001c11).

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thọ...

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ tưởng...

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hành...

Và này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thức, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ.

IX. KINH SANH KHỞI (*Uppādasutta*)[51] (*S*. III. 31)

30. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ sanh, trú, khởi, hiện hữu... tưởng sanh, trú, khởi, hiện hữu... hành sanh, trú, khởi, hiện hữu...

Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức sanh, trú, khởi, hiện hữu; cái ấy gọi là khổ sanh, bệnh tật trú, già chết hiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, cái gọi là sắc đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy gọi là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chỉ, già chết biến mất.

Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thọ đoạn diệt... tưởng đoạn diệt... hành đoạn diệt...

Này các Tỷ-kheo, cái gọi là thức đoạn diệt, an chỉ, biến mất; cái ấy là khổ đoạn diệt, bệnh tật an chỉ, già chết biến mất.

X. KINH CỘI GỐC CỦA ĐAU KHỔ (*Aghamūlasutta*)[52] (*S*. III. 32)

31. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về đau khổ và cội gốc của đau khổ. Hãy lắng nghe...

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đau khổ? Sắc, này các Tỷ-kheo, là đau khổ; thọ là đau khổ; tưởng là đau khổ; hành là đau khổ; thức là đau khổ. Đây, này các Tỷ-kheo, gọi là đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là cội gốc của đau khổ? Chính là khát ái này hướng tới tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia: Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

XI. KINH HOẠI PHÁP (*Pabhaṅgusutta*)[53] (*S*. III. 32)

32. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hoại pháp và bất hoại pháp. Hãy lắng nghe...

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là hoại pháp? Cái gì là bất hoại pháp?

---

[51] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.78. 0020a03).

[52] *Agha. SA*. II. 265: *Aghanti dukkhaṃ*, nghĩa là khổ. Xem thêm chú thích trong *KS*. II. 116.

[53] Xem *S*. V. 92. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.51. 0012b25).

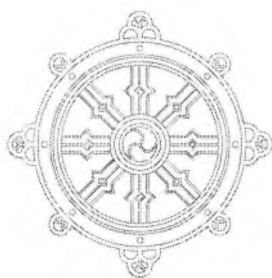
Sắc, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của sắc ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.

Thọ, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

Tưởng, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

Hành, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp...

Thức, này các Tỷ-kheo, là hoại pháp. Sự đoạn diệt của thức ấy, sự an chỉ, biến mất là bất hoại pháp.



IV. PHẨM KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG (*NATUMHĀKAṂVAGGA*)

I. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG (*Natumhākaṃsutta*)[54] (*S*. III. 33)

33. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông?

Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Tưởng, này các Tỷ-kheo...

Hành, này các Tỷ-kheo...

Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang lại cỏ, củi, cành cây, lá của Jetavana này; và đốt chúng hay tùy theo duyên sử dụng chúng. Các ông có nghĩ rằng: "Người [ấy] mang chúng tôi, hay đốt, hay tùy theo duyên sử dụng chúng tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì cái ấy không phải chúng con, bạch Thế Tôn, cái ấy không phải thuộc tự ngã của chúng con.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sắc không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Thọ không phải của các ông... Tưởng không phải của các ông... Hành không phải của các ông... Thức không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

II. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI (*Dutiyanatumhākaṃsutta*)[55] (*S*. III. 34)

34. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Cái gì không phải của các ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

---

[54] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.274. 0073a02); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.269. 0070b01).

[55] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.269. 0070b01).

Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông?

Sắc, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Thọ, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông... Tưởng, này các Tỷ-kheo... Hành, này các Tỷ-kheo...

Thức, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

III. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Aññatarabhikkhusutta*) (*S*. III. 35)

35. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một vị Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp (*anuseti*), người ta sẽ được xưng danh (*saṅkhaṃ gacchati*) tùy theo thiên chấp tùy miên ấy. Cái gì người ta không thiên chấp tùy miên, người ta sẽ không được xưng danh tùy theo thiên chấp tùy miên ấy.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Như thế nào, này Tỷ-kheo, ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi điều Ta nói một cách vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp tưởng, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp hành, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh.

Bạch Thế Tôn, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Bạch Thế Tôn, với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, Tỷ-kheo! Lành thay, với lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy! Nếu thiên chấp sắc, do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức, do thiên chấp ấy được xưng danh.

Này Tỷ-kheo, nếu không thiên chấp sắc, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, không do thiên chấp ấy được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến; đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ HAI
(*Dutiyaaññatarabhikkhusutta*) (*S.* III. 37)

36. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp một cách vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Tỷ-kheo, cái gì người ta thiên chấp, với cái ấy, người ta được đo lường; cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Cái gì người ta không thiên chấp, với cái ấy, người ta không được đo lường; cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh.

– Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

– Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu một cách rộng rãi như thế nào?

– Nếu thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh.

Nếu không thiên chấp sắc, bạch Thế Tôn, với sắc, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Nếu thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta được đo lường; với cái gì được đo lường, với cái ấy,

người ta được xưng danh. Nếu thiên chấp thọ... Nếu thiên chấp tưởng... Nếu thiên chấp hành... Nếu thiên chấp thức, với thức, người ta được đo lường; với cái gì người ta được đo lường, với cái ấy, người ta được xưng danh.

Nếu không thiên chấp sắc, này Tỷ-kheo, với sắc, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Nếu không thiên chấp thọ... Nếu không thiên chấp tưởng... Nếu không thiên chấp hành... Nếu không thiên chấp thức, với thức, người ta không được đo lường; với cái gì người ta không được đo lường, với cái ấy, người ta không được xưng danh. Với lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà con nhà lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến; đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*S.* III. 37)

37. Nhân duyên ở Sāvatthi...

Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, nếu có người hỏi ông: "Này Hiền giả Ānanda, những pháp nào, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Nếu được hỏi vậy, này Ānanda, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau:

"Trong sắc, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong hành... Trong thức, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ." Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Ānanda! Này Ānanda, trong sắc, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Này Ānanda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Được hỏi như vậy, này Ānanda, ông phải trả lời như vậy.

VI. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*) (*S.* III. 38)

38. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này Ānanda, nếu ông được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ānanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi như vậy, này Ānanda, ông trả lời như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ānanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau:

"Đối với sắc quá khứ, này Hiền giả, đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thọ ấy được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thức ấy đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

Đối với sắc chưa sanh, này Hiền giả, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

Đối với sắc đã sanh, này Hiền giả, đã hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ đã sanh, đã hiện hữu... Đối với tưởng đã sanh, đã hiện hữu... Đối với hành đã sanh, đã hiện hữu... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ."

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Ānanda! Này Ānanda, đối với sắc thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, trong thức ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ānanda, sự sanh khởi đã được thấy rõ; sự diệt mất đã được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

Đối với sắc chưa sanh, này Ānanda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức chưa sanh, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với những pháp này, này Ānanda, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ; sự diệt mất sẽ được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

Đối với sắc đã sanh, này Ānanda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ; sự diệt mất được thấy rõ; trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ.

Được hỏi như vậy, này Ānanda, ông cần phải trả lời như vậy.

VII. KINH TÙY PHÁP (*Anudhammasutta*) (*S*. III. 40)

39. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Đối với sắc, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với thọ, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với tưởng, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với hành, vị ấy sống nhiều yểm ly; đối với thức, vị ấy sống nhiều yểm ly.

Ai sống nhiều yểm ly đối với sắc, đối với thọ, đối với tưởng, đối với hành, đối với thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức. Do liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức; vị ấy được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

VIII. KINH TÙY PHÁP THỨ HAI (*Dutiyaanudhammasutta*) (*S*. III. 41)

40. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô thường trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

IX. KINH TÙY PHÁP THỨ BA (*Tatiyaanudhammasutta*) (*S.* III. 41)

41. Nhân duyên ở Sāvatthi.

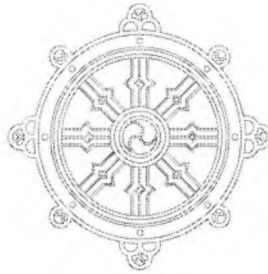
– Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán khổ trong sắc... Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.

X. KINH TÙY PHÁP THỨ TƯ (*Catutthaanudhammasutta*) (*S.* III. 41)

42. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị Tỷ-kheo thực hành pháp và tùy pháp, tùy pháp này có mặt: Vị ấy sống tùy quán vô ngã trong sắc... trong thọ... trong tưởng... trong hành; vị ấy sống tùy quán vô ngã trong thức.

Ai sống tùy quán vô ngã trong sắc, trong thọ, trong tưởng, trong hành, trong thức; vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức. Do vị ấy liễu tri sắc, liễu tri thọ, liễu tri tưởng, liễu tri hành, liễu tri thức; vị ấy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, giải thoát khỏi tưởng, giải thoát khỏi hành, giải thoát khỏi thức, giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi đau khổ.



V. PHẨM TỰ MÌNH LÀM HÒN ĐẢO (*ATTADĪPAVAGGA*)

I. KINH TỰ MÌNH LÀM HÒN ĐẢO (*Attadīpasutta*)[56] (*S*. III. 42)

43. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác.

Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, hãy như lý quán sát:[57] "Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"

Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (*samanupassati*) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

Vị ấy quán thọ như là tự ngã...

Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

Vị ấy quán hành như là tự ngã...

Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi thức của vị ấy biến hoại và đổi khác thì sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận; do chúng được

---

[56] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.36. 0008a21). *Attadīpa*: Tự mình làm hòn đảo hay tự mình thắp đuốc lên mà đi. *Attasaraṇa*: Chỗ che chở, mục tiêu, nơi nương tựa.

[57] *Yoni upaparikkhitabbā*. *Yoni*: Nguồn gốc. Thường viết *yoniso* như trong *yoniso manasikāra*, như lý quán sát. *SA*. II. 269: *Yonīti kāraṇaṃ*. Xem *KS*. I. 131.

đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu (*tadaṅganibbuto*) mọi tướng phần [nhất hướng Niết-bàn].

Này các Tỷ-kheo, biết thọ là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận; do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần.

Này các Tỷ-kheo, biết tưởng là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, biết hành là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt; vị ấy thấy tất cả thức xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận; do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não; do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc; do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần.

II. KINH CON ĐƯỜNG (*Paṭipadāsutta*)[58] (*S*. III. 44)

44. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về con đường đưa đến thân kiến tập khởi và con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến tập khởi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.

... quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là sự quán sát đưa đến khổ tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc.

... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.

---

[58] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.69. 0018a26).

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là sự quán sát đưa đến khổ đoạn diệt.

III. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*)[59] (*S*. III. 44)

45. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát,[60] không có chấp thủ các lậu hoặc.[61]

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với sắc giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc; đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc; do giải thoát, vị ấy an trú; do an trú, vị ấy tri túc; do tri túc, vị ấy không ưu, não; do không ưu, não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH VÔ THƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyaaniccasutta*)[62] (*S*. III. 45)

46. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

---

[59] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.84. 0021c05).

[60] Vị ấy ly tham khi chứng được Đạo và giải thoát khi chứng được Quả. Xem *S*. II. 48.

[61] *SA*. II. 269: *Anupādāya āsavehīti anuppādanirodhena niruddhehi āsavehi agahetvā iti vimuccati. Anupādāya āsavehīti* ("Nhờ việc không chấp thủ các lậu hoặc" nghĩa là nhờ sự đoạn diệt các lậu hoặc chưa sanh khởi, vị ấy không bám víu, ràng buộc và như vậy được giải thoát).

[62] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.85. 0021c15).

Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ; do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai; do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có; do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc; do giải thoát, vị ấy an trú; do an trú, vị ấy tri túc; do tri túc, vị ấy không ưu, não; do không ưu, não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

V. KINH QUÁN KIẾN (*Samanupassanāsutta*)[63] (*S.* III. 46)

47. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tự ngã dưới nhiều hình thức sai khác, quán cả năm thủ uẩn hay quán một trong năm thủ uẩn.

Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, ở đây kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Nếu quán như vậy, thời đi đến chấp kiến: "Tôi là."

Này các Tỷ-kheo, khi đi đến chấp kiến: "Tôi là", thời năm căn nhập vào [hiện hữu], tức là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Này các Tỷ-kheo, có ý, có các pháp, có vô minh giới. Cảm xúc bởi cảm thọ, [cảm thọ này] sanh do xúc chạm với vô minh, kẻ vô văn phàm phu đi đến chấp kiến: "Tôi là"; đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ là"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ không là"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với sắc"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với không tưởng"; đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do năm căn an trú ở đây, nhưng đối với vị đa văn Thánh đệ tử, vô minh được đoạn trừ và minh khởi lên. Do vô minh được đoạn trừ, do minh sanh khởi, không đi đến chấp kiến: "Tôi là"; không đi đến chấp kiến: "Cái này là tôi"; không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu";... "Tôi sẽ không hiện hữu";... "Tôi sẽ hiện hữu với sắc";... "Tôi sẽ hiện hữu với vô sắc";... "Tôi sẽ hiện hữu với tưởng";... "Tôi sẽ hiện hữu với vô tưởng"; không đi đến chấp kiến: "Tôi sẽ hiện hữu với phi tưởng phi phi tưởng."

[63] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.45. 0011b01); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.63. 0016b13).

VI. KINH CÁC UẨN (*Khandhasutta*)[64] (*S*. III. 47)

48. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng năm uẩn và năm thủ uẩn, hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là năm uẩn?

Này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là sắc uẩn.

Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có hành gì...

Này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là thức uẩn.

Những cái này, này các Tỷ-kheo, được gọi là năm uẩn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?

Này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ, đây gọi là sắc thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có hành gì...

Này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, có lậu hoặc, được chấp thủ, đây gọi là thức thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

VII. KINH SOṆA (*Soṇasutta*)[65] (*S*. III. 48)

49. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Soṇa, con một vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Soṇa, con một vị gia chủ, đang ngồi một bên:

– Này Soṇa, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật.

... quán thọ vô thường, khổ, biến hoại... quán tưởng vô thường, khổ, biến hoại... quán hành vô thường, khổ, biến hoại... quán thức vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay quán: "Ta bằng nhau", hay quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật.

Này Soṇa, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán sắc vô thường,

---

[64] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.55. 0013b13).
[65] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.30. 0006a24).

khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật.

Này Soṇa, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành...

Này Soṇa, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thức vô thường, khổ, biến hoại là: "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán: "Ta bằng nhau", hay không quán: "Ta hạ liệt hơn", những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật.

Ông nghĩ thế nào, này Soṇa, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ là thường hay vô thường?...

Tưởng là thường hay vô thường?...

Hành là thường hay vô thường?...

Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Soṇa, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm thọ gì... phàm tưởng gì... phàm hành gì...

Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Nếu thấy vậy, này Soṇa, vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên

chánh trí: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

VIII. KINH SOṆA THỨ HAI (*Dutiyasoṇasutta*)[66] (*S*. III. 50)

50. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Soṇa, con một vị gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Soṇa, con một vị gia chủ, đang ngồi một bên:

– Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Soṇa, không biết rõ (*nappajānanti*) sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Soṇa, không những không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Soṇa, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này Soṇa, không những được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

IX. KINH HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*Nandikkhayasutta*) (*S*. III. 51)

51. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy sắc vô thường là vô thường, đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yểm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo thấy thọ vô thường là vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường...

Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo thấy thức vô thường là vô thường, đấy là chánh tri kiến của vị ấy. Thấy chơn chánh như vậy, vị ấy yểm ly. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, nên hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát.

[66] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.31. 0006c04).

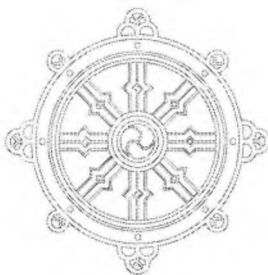
X. KINH HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN THỨ HAI
(*Dutiyanandikkhayasutta*) (*S*. III. 52)

52. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Hãy như lý tác ý sắc, này các Tỷ-kheo, hãy như thật quán (*samanupassati*) sắc là vô thường. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý sắc, như thật quán sắc là vô thường, vị ấy yểm ly đối với sắc. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là vị đã khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thọ... tác ý tưởng... tác ý hành...

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào như lý tác ý thức, như thật quán thức là vô thường, vị ấy yểm ly đối với thức. Do hỷ đoạn tận, tham được đoạn tận. Do tham đoạn tận, hỷ được đoạn tận. Do hỷ, tham đoạn tận, tâm được giải thoát. Vị ấy được gọi là đã khéo giải thoát.



NĂM MƯƠI KINH GIỮA

VI. PHẨM THAM LUYẾN (*UPAYAVAGGA*)

I. KINH THAM LUYẾN (*Upayasutta*)[67] (*S.* III. 53)

53. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, tham luyến là không giải thoát, không tham luyến được giải thoát. Do tham luyến sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh. Hay do tham luyến hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, sự tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

Không có chỗ y chỉ ấy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu, não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH CHỦNG TỬ (*Bījasutta*)[68] (*S.* III. 54)

54. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm loại chủng tử này. Thế nào là năm? Chủng tử từ rễ, chủng tử từ thân, chủng tử từ đọt, chủng tử từ quả, và chủng tử từ chủng tử là thứ năm.

Và này các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, nhưng không có

---

[67] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.40. 0009a27).

[68] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.39. 0008c26).

đất và không có nước; thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Và này các Tỷ-kheo, nếu năm loại chủng tử này không bị hư hoại, không bị hư thối, không bị gió và nhiệt phá hoại, có lõi cứng, khéo gieo, có đất và có nước; thời này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử này có thể tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh được không?

– Thưa được, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, ví như địa giới, bốn thức trú cần phải được xem như vậy. Ví như, này các Tỷ-kheo, thủy giới, hỷ tham cần phải được xem như vậy. Ví như, này các Tỷ-kheo, năm loại chủng tử, thức cùng các món ăn cần phải được xem như vậy.

Do tham luyến sắc, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

Do tham luyến thọ... Do tham luyến tưởng… Do tham luyến hành, này các Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh hay sự lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới... đối với tưởng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không có hiện hữu.

Không có chỗ y chỉ như vậy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu, não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH LỜI CẢM HỨNG (*Udānasutta*)[69] (*S.* III. 55)

55. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ở đấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng như sau:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay, không có ta.
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.

[69] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.64. 0016c04).

Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Như thế nào, bạch Thế Tôn:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay, không có ta.
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

Vị ấy không như thật biết rõ (*pajānāti*) sắc vô thường là sắc vô thường, không như thật biết rõ thọ vô thường là thọ vô thường, không như thật biết rõ tưởng vô thường là tưởng vô thường, không như thật biết rõ hành vô thường là hành vô thường, không như thật biết rõ thức vô thường là thức vô thường.

Không như thật biết rõ sắc khổ là sắc khổ, không như thật biết rõ thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... không như thật biết rõ thức khổ là thức khổ.

Không như thật biết rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, không như thật biết rõ thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... không như thật biết rõ thức vô ngã là thức vô ngã.

Không như thật biết rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, không như thật biết rõ thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... không như thật biết rõ thức hữu vi là thức hữu vi.

Không như thật biết rõ sắc sẽ biến diệt... thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biết diệt... hành sẽ biến diệt... không như thật biết rõ thức sẽ biến diệt.

Còn bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô thường là sắc vô thường, thọ vô thường... tưởng vô thường... hành vô thường... thức vô thường là thức vô thường.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc khổ là sắc khổ, thọ khổ... tưởng khổ... hành khổ... như thật thấy rõ thức khổ là thức khổ.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc vô ngã là sắc vô ngã, thọ vô ngã... tưởng vô ngã... hành vô ngã... thức vô ngã là thức vô ngã.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc hữu vi là sắc hữu vi, thọ hữu vi... tưởng hữu vi... hành hữu vi... thức hữu vi là thức hữu vi.

Vị ấy như thật thấy rõ sắc sẽ biến diệt là sắc sẽ biến diệt, thọ sẽ biến diệt... tưởng sẽ biến diệt... hành sẽ biến diệt... thức sẽ biến diệt là thức sẽ biến diệt.

Do sắc biến diệt, thọ biến diệt, tưởng biến diệt, hành biến diệt, thức biến diệt, vị Tỷ-kheo nói lên lời cảm hứng:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay, không có ta.
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.
Tỷ-kheo quyết tâm vậy,
Hạ phần kiết sử đoạn.

– Dầu cho quyết tâm như vậy, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo có thể cắt đứt hạ phần kiết sử. Nhưng bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; kẻ vô văn phàm phu hoảng sợ như sau:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay, không có ta.
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.

Và vị đa văn Thánh đệ tử, này Tỷ-kheo, không hoảng sợ tại chỗ không có gì đáng hoảng sợ; vị đa văn Thánh đệ tử không có hoảng sợ như sau:

Nếu trước, ta không có,
Thời nay, không có ta.
Không tạo nhân sẽ có,
Tương lai sẽ không ta.

Này Tỷ-kheo, do tham luyến sắc, thức có chân đứng được an trú. Với sắc là sở duyên, với sắc là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

Do tham luyến thọ... do tham luyến tưởng... do tham luyến hành... do tham luyến thức, này Tỷ-kheo, thức có chân đứng được an trú. Với hành là sở duyên, với hành là trú xứ, [thức] hướng tìm hỷ, đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh.

Này Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tưởng, ngoài

hành, tôi sẽ chỉ rõ sự đến hay đi, sự diệt hay sanh, sự tăng trưởng, tăng thịnh, lớn mạnh của thức", sự việc như vậy không xảy ra.

Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với sắc giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thọ giới...

Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với tưởng giới...

Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với hành giới...

Này Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

Không có chỗ y chỉ như vậy, thức không tăng thịnh, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu, não; do không có ưu, não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH THỦ CHUYỂN (*Upādānaparipavattasutta*)[70] (*S*. III. 58)

56. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người; Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người; Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đấy được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi, do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như

---

[70] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.41. 0009b07).

vậy, do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi, do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt thọ; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thọ, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi, do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên hành tập khởi, do xúc đoạn diệt nên hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri hành là như

vậy, thắng tri hành tập khởi là như vậy, thắng tri hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt hành; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri hành là như vậy, thắng tri hành tập khởi là như vậy, thắng tri hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt hành, họ giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi, do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

V. KINH BẢY XỨ (*Sattaṭṭhānasutta*)[71] (*S*. III. 61)

57. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, này các Tỷ-kheo, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một bậc Tối thượng nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo biết rõ (*pajānāti*) sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ vị ngọt của sắc, biết rõ sự nguy hiểm của sắc, biết rõ sự xuất ly của sắc.

... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập

---

[71] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.42. 0010a04); *Phật thuyết Thất xứ tam quán kinh* 佛說七處三觀經 (*T*.02. 0101.27. 0498c19); *Phật thuyết Thất xứ tam quán kinh* 佛說七處三觀經 (*T*.02. 0150. 0875b08-0876a16).

khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt; biết rõ vị ngọt của thức, biết rõ sự nguy hiểm của thức, biết rõ sự xuất ly của thức.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sắc. Do các món ăn tập khởi nên sắc tập khởi, do các món ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến sắc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Duyên sắc khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của sắc. Sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc; đây là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn tận dục tham đối với sắc; đây là sự xuất ly của sắc.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy, thắng tri sắc tập khởi là như vậy, thắng tri sắc đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của sắc là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của sắc là như vậy, thắng tri sự xuất ly của sắc là như vậy; do yểm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: Thọ do nhãn xúc sanh... thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi, do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của thọ. Cảm thọ vô thường, khổ, vô ngã; đây gọi là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ; đây gọi là sự xuất ly của thọ.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thọ là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thọ là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thọ là như vậy; họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng thân này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi, do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có sáu tư thân: Sắc tư... pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hành. Do xúc tập khởi nên hành tập khởi, do xúc đoạn diệt nên hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đếm hành đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Do duyên hành khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của hành. Hành vô thường, khổ, vô ngã; đây là sự nguy hiểm của hành. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với hành; đây là sự xuất ly của hành.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri hành là như vậy, thắng tri hành tập khởi là như vậy, thắng tri hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến hành đoạn diệt là như vậy... họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với hành; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này... Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi, do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì; đây là vị ngọt của thức. Thức vô thường, khổ, vô ngã; đây là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thức; đây là sự xuất ly của thức.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; họ hướng về thực hiện yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức; những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; thắng tri vị ngọt của thức là

như vậy, thắng tri sự nguy hiểm của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yểm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không chấp thủ; họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Này các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo giới, quán sát theo xứ, quán sát theo duyên khởi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo trong bảy xứ, quán sát theo ba cách, được gọi là một vị toàn vẹn trong Pháp và Luật này, đã thành tựu viên mãn, một bậc Tối thượng nhân.

VI. KINH CHÁNH ĐẲNG GIÁC (*Sammāsambuddhasutta*) (*S*. III. 65)

58. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ sắc, được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ sắc, được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ.

Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ thọ, được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ thọ, được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ.

Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ tưởng... không có chấp thủ hành... không có chấp thủ thức, được gọi là bậc Giải Thoát, Chánh Đẳng Giác. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, được giải thoát nhờ trí tuệ, do yểm ly, ly tham, đoạn diệt, không có chấp thủ thức, được gọi là bậc Giải thoát, giải thoát nhờ trí tuệ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sai biệt, thế nào là sự đặc thù, thế nào là sự sai khác giữa bậc Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và vị Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ y chỉ. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu được Thế Tôn nói lên ý nghĩa của lời này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường [trước kia] chưa khởi, là bậc đem lại con đường [trước kia] chưa được đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường [trước kia] chưa được tuyên thuyết, bậc tri đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thục về đạo. Còn nay, này các Tỷ-kheo, các vị đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu [đạo].

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa bậc Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và vị Tỷ-kheo được giải thoát nhờ trí tuệ.

VII. KINH VÔ NGÃ TƯỚNG (*Anattalakkhaṇasutta*)[72] (*S*. III. 66)

59. Một thời, Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), Lộc Uyển.

Ở đây, Thế Tôn nói với nhóm năm vị Tỷ-kheo:[73]

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã, do vậy, sắc đi đến bệnh hoạn và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các thọ như sau: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã, do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn và không thể có được các thọ: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

Tưởng là vô ngã...

Hành là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu hành là ngã, thời hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được hành như sau: "Mong rằng hành của tôi như thế này! Mong rằng hành của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỷ-kheo, vì hành là vô ngã, do vậy, hành đi đến bệnh hoạn và không thể có được hành: "Mong rằng hành của tôi như thế này! Mong rằng hành của tôi chẳng phải như thế này!"

Thức là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thời thức không thể đi

[72] Bản tiếng Anh của PTS: *The Five*, nghĩa là *Năm* [*uẩn*]. Xem *Vin*. I. 1. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.33. 0007b22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.34. 0007c13); *Phật thuyết Ngũ uẩn giai không kinh* 佛說五蘊皆空經 (*T*.02. 0102. 0499c05).

[73] Năm vị Tỷ-kheo này là Aññāta-Kondañña, Vappa, Bhaddiya, Mahānāma, Assajī.

đến bệnh hoạn và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã, do vậy, thức đi đến bệnh hoạn và không thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm thọ gì...

Phàm tưởng gì...

Phàm hành gì...

Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử yểm ly đối với sắc, yểm ly đối với thọ, yểm ly đối với tưởng, yểm ly đối với hành, yểm ly đối với thức. Do yểm ly, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Thế Tôn thuyết như vậy, nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. KINH MAHĀLI (*Mahālisutta*)[74] (*S.* III. 68)

60. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, trong Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Mahāli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

– Purāṇa Kassapa[75] (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh; không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh; không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh." Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào?

– Này Mahāli, có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh; này Mahāli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahāli, có nhân, có duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh; có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.

– Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh? Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô?

– Này Mahāli, nếu sắc nhất hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, này Mahāli, sắc là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với sắc. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

Và này Mahāli, nếu thọ nhất hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, này Mahāli, thọ là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

Và này Mahāli, nếu tưởng nhất hướng khổ... nếu hành nhất hướng khổ...

Và này Mahāli, nếu thức nhất hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Và vì rằng, này Mahāli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

---

[74] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.81. 0020b28).

[75] Thuyết này của Makkhali Gosāla, không phải của Purāṇa Kassapa. Xem *D.* I. 53.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh?

– Này Mahāli, nếu sắc nhất hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahāli, sắc là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, cho nên chúng sanh mới yểm ly đối với sắc. Do yểm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

Này Mahāli, nếu thọ nhất hướng lạc...

Này Mahāli, nếu tưởng nhất hướng lạc...

Này Mahāli, nếu hành nhất hướng lạc...

Này Mahāli, nếu thức nhất hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với thức. Và vì rằng, này Mahāli, thức là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yểm ly đối với thức. Do yểm ly nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

IX. KINH LỬA CHÁY (*Ādittasutta*) (*S*. III. 71)

61. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, đang bốc cháy, thọ đang bốc cháy, tưởng đang bốc cháy, hành đang bốc cháy, thức đang bốc cháy.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên ly tham; do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát."

Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

X. KINH NGÔN LỘ (*Niruttipathasutta*) (*S*. III. 71)

62. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có ba loại này, ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ; không có lẫn lộn, trước không lẫn lộn, nay không lẫn lộn, tương lai không lẫn lộn, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; sắc ấy được xác nhận là "đã có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

Phàm thọ gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thọ ấy được xác nhận là "đã

có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

Phàm tưởng gì đã qua...

Phàm hành gì đã qua...

Phàm thức gì đã qua, đã đoạn diệt, đã biến hoại; thức ấy được xác nhận là "đã có", được xưng danh là "đã có", được thi thiết là "đã có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "sẽ có".

Phàm sắc gì chưa sanh, chưa hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Sắc ấy không được xác nhận là "hiện có", không được xác nhận là "đã có".

Phàm thọ gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thọ ấy không được xác nhận là "hiện có", thọ ấy không được xác nhận là "đã có".

Phàm tưởng gì...

Phàm hành gì...

Phàm thức gì chưa sanh, chưa hiện hữu; thức ấy được xác nhận là "sẽ có", được xưng danh là "sẽ có", được thi thiết là "sẽ có". Thức ấy không được xác nhận là "hiện có", thức ấy không được xác nhận là "đã có".

Này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì đã sanh, đã hiện hữu; sắc ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Sắc ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

Phàm thọ gì đã sanh, đã hiện hữu; thọ ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thọ ấy không được xác nhận là "đã có", không được xác nhận là "sẽ có".

Phàm tưởng gì...

Phàm hành gì...

Phàm thức gì đã sanh, đã hiện hữu; thức ấy được xác nhận là "hiện có", được xưng danh là "hiện có", được thi thiết là "hiện có". Thức ấy không được xác nhận là "đã có", thức ấy không được xác nhận là "sẽ có".

Này các Tỷ-kheo, có ba loại này, ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ; không có lẫn lộn, trước không lẫn lộn, nay không lẫn lộn, tương lai không lẫn lộn, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

Hơn nữa, dân chúng ở Ukkalā,[76] những vị thuyết pháp trong thời an cư mùa mưa,[77] các vị vô nhân luận, các vị vô tác luận, các vị vô hữu luận, những vị ấy cũng không có nghĩ rằng ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ này đáng bị quở trách, đáng bị khinh miệt. Vì sao? Vì rằng, họ sợ quở trách, công kích, phẫn nộ, chỉ trích.

---

[76] Xem *A*. II. 31; *Kvu*. 141.

[77] Xem *M*. III. 78.

VII. PHẨM A-LA-HÁN
(*ARAHANTAVAGGA*)

I. KINH CHẤP TRƯỚC (*Upādiyamānasutta*)[78] (*S*. III. 73)

63. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Như thế nào, này Tỷ-kheo, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

– Ai chấp trước sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Ai chấp trước sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai chấp trước thọ... Ai chấp trước tưởng... Ai chấp trước hành... Ai chấp trước thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

---

[78] *SA*. II. 281: *Upādiyamānoti taṇhāmānadiṭṭhivasena gaṇhamāno* ("Chấp trước" là sự nắm giữ do sự tác động của tham ái, mạn, kiến). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.15. 0003a06).

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình mong cầu, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh. Vị ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

II. KINH SUY TƯỞNG (*Maññamānasutta*) (*S*. III. 74)

64. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lành thay, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... nhiệt tâm, tinh cần.

– Ai suy tưởng, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Như thế nào, này Tỷ-kheo, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

– Ai suy tưởng sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời nói vắn tắt này của Ta. Này Tỷ-kheo, ai suy tưởng sắc, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai suy tưởng thọ... tưởng... hành... Ai suy tưởng thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không suy tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. KINH HOAN HỶ (*Abhinandamānasutta*) (*S*. III. 75)

65. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ai hoan hỷ, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Như thế nào, này Tỷ-kheo, ông hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt?

– Ai hoan hỷ sắc, bạch Thế Tôn, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, ông đã hiểu một cách rộng rãi ý nghĩa lời Ta nói một cách vắn tắt. Ai hoan hỷ sắc, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Ai hoan hỷ thọ... tưởng... hành... Ai hoan hỷ thức, người ấy bị Ma trói buộc; ai không hoan hỷ, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. Này Tỷ-kheo, lời nói vắn tắt này của Ta, cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Vị Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*)[79] (*S*. III. 76)

66. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây, ông phải đoạn trừ lòng dục.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Như vậy, lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô thường, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ là vô thường... Tưởng là vô thường... Hành là vô thường... Thức là vô thường, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

---

[79] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1. 0001a07).

V. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*S*. III. 77)

67. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc là khổ, bạch Thế Tôn, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là khổ, ở đây, con phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là khổ, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là khổ, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*)[80] (*S*. III. 77)

68. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con... con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

– Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.

– Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc là vô ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô ngã, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là vô ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô ngã, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

---

[80] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.17. 0003b28).

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH KHÔNG ĐÁNG THUỘC TỰ NGÃ (*Anattaniyasutta*)[81] (*S*. III. 78)

69. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con...

– Cái gì không đáng thuộc tự ngã, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

– Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

– Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc không đáng thuộc tự ngã, bạch Thế Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời dạy vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu một cách rộng rãi. Sắc không đáng thuộc tự ngã, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ.. Tưởng... Hành... Thức không đáng thuộc tự ngã, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. KINH CHỖ TRÚ CỦA SỰ Ô NHIỄM (*Rajanīyasaṇṭhitasutta*)[82] (*S*. III. 79)

70. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con...

– Cái gì làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

– Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.

– Lời Ta nói một cách vắn tắt, này Tỷ-kheo, ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Sắc làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, bạch Thế Tôn, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng... Hành... Thức làm chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, ở đây, con cần phải đoạn trừ lòng dục. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

---

[81] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.18. 0003c28).

[82] Bản tiếng Anh của PTS: *Lustful*, nghĩa là *Đầy dục vọng*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.19. 0004a28).

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo. Lời Ta nói một cách vắn tắt, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Sắc là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Thọ... Tưởng… Hành... Thức là chỗ chỉ trú cho sự ô nhiễm, này Tỷ-kheo, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Tỷ-kheo, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy... Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IX. KINH RĀDHA (*Rādhasutta*)[83] (*S.* III. 79)

71. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Rādha đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

– Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên"?

– Này Rādha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có thọ...

Phàm có tưởng...

Phàm có hành...

Phàm có thức gì quá khứ thuộc vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần được thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này Rādha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên."

... Tôn giả Rādha trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. KINH SURĀDHA (*Surādhasutta*) (*S.* III. 80)

72. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Surādha bạch Thế Tôn:

– Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, đối với thân thể có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát?

– Này Surādha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các sắc là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", [vị ấy] được giải thoát, không có chấp thủ.

---

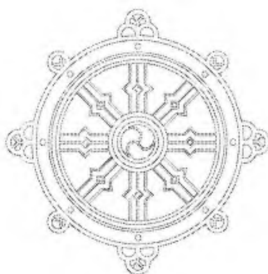
[83] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.6. 0001c03).

Phàm có thọ gì... có tưởng gì... có hành gì...

Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ tất cả các thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", [vị ấy] được giải thoát, không có chấp thủ.

Này Surādha, do biết vậy, do thấy vậy, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có tư tưởng: "Ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn", vượt ngoài mọi phân biệt, thuần tịnh, khéo giải thoát.

Rồi Tôn giả Surādha... trở thành một vị A-la-hán nữa.



VIII. PHẨM NHỮNG GÌ ĐƯỢC ĂN (*KHAJJANĪYAVAGGA*)

I. KINH VỊ NGỌT (*Assādasutta*) (*S*. III. 81)

73. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành.

Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Và này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... của thọ... của tưởng... của hành... của thức.

II. KINH TẬP KHỞI (*Samudayasutta*) (*S*. III. 82)

74. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành.

Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

III. KINH TẬP KHỞI THỨ HAI (*Dutiyasamudayasutta*) (*S*. III. 82)

75. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thọ... của tưởng... của hành.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

IV. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (*S*. III. 83)

76. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này các Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức.

Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (*sattāvāsā*), cho đến tột đảnh của hữu (*bhavaggaṃ*), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt,
Lưới si bị phá rách.
Họ đạt được bất động,
Tâm viễn ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.
Họ biến tri năm uẩn,
Do hành bảy Chánh pháp.[84]
Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.
Đầy đủ bảy món báu,[85]
Ba học đều thành tựu,
Bậc Đại Hùng du hành,
Đoạn tận mọi sợ hãi.

---

[84] *Chú giải* viết *saddhā, hiri, ottappa, saccaṃ, viriyaṃ, sati, paññā.*

[85] *Chú giải* viết 7 giác chi.

Đầy đủ mười uy lực,[86]
Bậc Long Tượng thiền định.
Họ tối thắng ở đời,
Khát ái được đoạn tận.
Thành tựu vô học trí,
Thân này thân tối hậu,
Cứu cánh[87] của Phạm hạnh,
Đạt được không nhờ ai.[88]
Đối các tưởng, không động,
Giải thoát khỏi tái sanh,
Đạt được điều phục địa,
Họ chiến thắng ở đời.
Thượng, hạ cùng tả, hữu,[89]
Họ không có hỷ lạc,
Họ rống sư tử rống,
Phật vô thượng ở đời.

V. KINH BẬC A-LA-HÁN THỨ HAI (*Dutiyaarahantasutta*) (*S*. III. 84)

77. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... đối với thức.

Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư, cho đến tột đảnh của hữu, những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

VI. KINH SƯ TỬ (*Sīhasutta*) (*S*. III. 85)

78. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân. Sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn xung quanh bốn phương. Sau khi nhìn xung quanh bốn

[86] *Dasabalāni*: 10 Như Lai lực. Xem *M*. I. 69.
[87] *Chú giải* viết *sāro* chỉ cho *Arahattaphalaṃ*.
[88] *Aparapaccayā*: Không lệ thuộc vào người khác.
[89] *SA*. II. 283 viết *uddhaṃ*, nghĩa là từ bàn chân đến đỉnh đầu hay chỉ cho quá khứ, hoặc thiên giới. *Apācīnaṃ* chỉ cho mặt đất, tương lai hay các địa ngục. *Tiriyaṃ*, tả hữu, bề ngang, chỉ cho hiện tại, ở giữa hay nhân giới.

phương, nó rống lên tiếng rống sư tử ba lần. Sau khi rống lên tiếng rống sư tử ba lần, nó đi tìm mồi.

Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loài bàng sanh, nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở nên sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không.

Này các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các cây đa cứng chắc, bứt đứt, giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy, tung cả phân và nước tiểu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú, đối với loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; Như Lai thuyết pháp: Đây là sắc; đây là sắc tập khởi; đây là sắc đoạn diệt; đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt; đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có những chư thiên nào, tuổi thọ dài, có mỹ sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. Các chư thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ[90] trở nên sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. [Họ nghĩ:] "Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân này."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư thiên và thế giới chư thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Khi Phật với thượng trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho thiên giới, nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tỷ.
Sự đoạn diệt tự thân,
Sự hiện hữu tự thân,
Và đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ diệt tận.
Chư thiên được trường thọ,

---

[90] *Chú giải* giải thích trừ chư thiên trong thế giới này là những vị đệ tử chứng quả A-la-hán.

Có mỹ sắc danh xưng,
Sanh khiếp đảm, sợ hãi,
Như thú thấy sư tử.
Vì chưa thoát tự thân,
"Chúng ta là vô thường",
Nghe lời bậc Ứng Cúng,
Đã giải thoát như vậy.

VII. KINH ĐÁNG ĐƯỢC ĂN (*Khajjanīyasutta*)[91] (*S*. III. 86)

79. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nhớ đến đời sống ở các kiếp trước, tất cả họ đều nhớ đến năm thủ uẩn hay nhớ đến một trong những uẩn này.

Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, thân ta như thế này"; nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến sắc. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ, ta có cảm thọ như thế này"; nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thọ. Hay có người nhớ rằng: "Trong quá khứ ta có tưởng... có hành... có thức như thế này"; nhớ như vậy, vị ấy nhớ đến thức.

Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh; bị thay đổi bởi nóng; bị thay đổi bởi đói; bị thay đổi bởi khát; bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thọ? Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ. Cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ phi khổ phi lạc. Được cảm thọ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thọ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là tưởng? Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trắng. Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng.

Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là hành? Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi nên gọi là hành. Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi gì? Làm cho hiện hành sắc với sắc tánh, làm cho hiện hành thọ với thọ tánh, làm cho hiện hành tưởng với tưởng tánh, làm cho hiện hành hành với hành tánh, làm cho hiện hành thức với thức tánh. Làm cho hiện hành [pháp] hữu vi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thức? Rõ biết,[92] này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức. Rõ biết gì? Rõ biết chua, rõ biết đắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm, rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn, rõ biết không mặn. Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức.

---

[91] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.46. 0011b21). Trong *Udāna*, các chương cũng đều lấy tiêu đề là *Khajjanīya* nghĩa là bị ăn, được ăn. Trong chương này, sắc được xem là người ăn và trong *S*. III. 109; *KS*. III. 93 (kinh 85 ở sau), thân được xem là kẻ giết.

[92] *SA*. II. 293: *Sañjānāti, vijānāti, pajānāti*, ba tầng bậc của thức sai khác nhau: Ý thức biết rõ, phân tích, phân biệt và quyết định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nay ta bị sắc ăn.[93] Trong thời quá khứ, ta cũng bị sắc ăn như vậy, như nay ta bị sắc hiện tại ăn. Nếu ta hoan hỷ đối với sắc vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị sắc ăn, như nay ta bị sắc hiện tại ăn." Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với sắc quá khứ; không có hoan hỷ đối với sắc vị lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với sắc hiện tại.

"Ta nay bị thọ ăn. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thọ ăn như vậy, như nay ta bị thọ hiện tại ăn. Nếu ta hoan hỷ đối với thọ vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thọ ăn, như nay ta bị thọ hiện tại ăn." Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với thọ quá khứ; không có hoan hỷ đối với thọ vị lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thọ hiện tại.

"Ta nay bị tưởng ăn..."

"Ta nay bị hành ăn..."

"Ta nay bị thức ăn. Trong thời quá khứ, ta cũng bị thức ăn như vậy, như nay ta bị thức hiện tại ăn. Nếu ta hoan hỷ đối với thức vị lai, thời trong thời vị lai, ta sẽ bị thức ăn, như nay ta bị thức hiện tại ăn." Do suy nghĩ như vậy, vị ấy không có luyến tiếc đối với thức quá khứ; không có hoan hỷ đối với thức tương lai; và thực hành sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với thức hiện tại.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sắc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

---

[93] *Khajjāmi. SA*. II. 295: Đây không có nghĩa thân làm ta đau đớn, như con lãi, con giòi làm ta đau, mà ví như một người mặc y phục bẩn, cảm thấy khó chịu. Sự khó chịu ấy cũng có thể được nói là "y phục ăn thịt ta vậy". Trong *S*. III. 109; *KS*. III. 93 (kinh 85 ở sau), có đoạn xem thân như kẻ giết người.

Đối với thọ...

Đối với tưởng...

Đối với hành...

Đối với thức quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức đều phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử giảm thiểu, không tăng trưởng; từ bỏ, không chấp thủ; xa lánh, không thân cận; phân tán, không huân tập.

Giảm thiểu, không tăng trưởng cái gì? Giảm thiểu, không tăng trưởng sắc. Giảm thiểu, không tăng trưởng thọ... tưởng... hành. Giảm thiểu, không tăng trưởng thức.

Từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Từ bỏ, không chấp thủ sắc... thọ... tưởng... hành... Từ bỏ, không chấp thủ thức.

Xa lánh, không thân cận cái gì? Xa lánh, không thân cận sắc... thọ... tưởng... hành... Xa lánh, không thân cận thức.

Phân tán, không huân tập cái gì? Phân tán, không huân tập sắc... thọ... tưởng... hành... Phân tán, không huân tập thức.

Thấy vậy, vị Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo không tăng trưởng, không giảm thiểu. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ. Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận. Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập.

Sau khi phân tán, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu cái gì? Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu sắc. Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không tăng trưởng, không giảm thiểu thọ... tưởng... hành... không tăng trưởng, không giảm thiểu thức.

Sau khi giảm thiểu, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ cái gì? Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ sắc. Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không từ bỏ, không chấp thủ thọ... tưởng... hành... không từ bỏ, không chấp thủ thức.

Sau khi từ bỏ, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận cái gì? Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận sắc. Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không xa lánh, không thân cận thọ... tưởng... hành... không xa lánh, không thân cận thức.

Sau khi xa lánh, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập cái gì? Sau khi phân tán, vị ấy trú, không phân tán, không huân tập sắc. Sau khi phân tán, vị

ấy trú, không phân tán, không huân tập thọ... tưởng... hành... không phân tán, không huân tập thức.

Sau khi phân tán, vị ấy trú với tâm giải thoát như vậy. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy được chư thiên với Thiên chủ, Phạm thiên chúng với Phạm thiên đảnh lễ, dầu cho ở xa:

Ôi, ta đảnh lễ ông,
Bậc, người như Lương Mã!
Ôi, ta đảnh lễ ông,
Là bậc Tối Thắng Nhân!
Ta không có chấp trước,
Đối tượng ông thiền tư.

VIII. KINH NGƯỜI KHẤT THỰC (*Piṇḍolyasutta*)[94] (*S.* III. 91)

80. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Nigrodhārāma (vườn cây Bàng).

Rồi Thế Tôn, nhân một lỗi lầm,[95] sau khi quở trách chúng Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu để khất thực.

Đi khất thực ở Kapilavatthu xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, Thế Tôn đi đến Mahāvana (Đại Lâm) để nghỉ buổi trưa. Sau khi đi sâu vào Mahāvana, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây Beluvalaṭṭhikā.

Trong khi Thế Tôn độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên:

"Chúng Tỷ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể đổi khác, biến đổi.

Cũng vậy, ở đây, có một số tân Tỷ-kheo xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước có thể đổi khác, biến đổi.

Cũng vậy, ở đây, có một số tân Tỷ-kheo xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Ta giúp đỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!"

Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm của mình biết được tư niệm của Thế Tôn, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay duỗi ra; cũng vậy, biến mất từ Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn.

Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

---

[94] *Piṇḍolyaṃ*. Xem *Pss. Breth.* 110, 415. *Chú giải* viết là một vị đi khất thực. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.272. 0071c14); *Chí biên kinh* 至邊經 (*T.*01. 0026.140. 0647a15).

[95] *SA*. II. 301: Do họ làm ồn giảng đường, như được đề cập trong *Ud.* 25, đức Thế Tôn nói rằng các vị tân Tỷ-kheo ồn ào như những người đánh cá đang cãi cọ và bảo Tôn giả A-nan đến nhắc nhở họ.

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn làm cho vững mạnh.

Nhưng ở đây có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ có thể đổi khác, biến đổi.

Cũng vậy, ở đây, có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi.

Cũng vậy, ở đây, có một số tân Tỷ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Thế Tôn, họ có thể đổi khác, biến đổi.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm cho chúng Tỷ-kheo hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng cho chúng Tỷ-kheo như trước đây chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng vậy, nay Thế Tôn hãy giúp đỡ cho chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Nigrodhārāma; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nghĩ rằng: "Ta hãy thị hiện thần thông một cách khiến cho các vị Tỷ-kheo ấy đến Ta từng nhóm một hay hai người với tâm có tội lỗi."

Và các Tỷ-kheo ấy đến Thế Tôn từng nhóm một hay hai người với tâm có tội lỗi; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực. Đây là một lời nguyền rủa trong đời, này các Tỷ-kheo, khi nói: "Ông, kẻ khất thực với bát trên bàn tay, ông đi chỗ này chỗ kia và đấy là nghề sinh sống." Này các Tỷ-kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống mà với ý nghĩ: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ; bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra."

Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là thiện gia nam tử xuất gia, vị ấy có tham dục đối với các dục vọng, tham ái cuồng nhiệt, tâm tư sân hận, tư niệm ô nhiễm, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que củi từ chỗ hỏa táng, cả hai đầu đều cháy, ở giữa lại dính phân, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng. Dùng ví dụ ấy, Ta tả cho các ông, con người ấy, đã mất cả nhà và tài sản, lại không làm viên mãn mục đích của Sa-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, có ba bất thiện tầm này: Dục tầm, sân tầm, hại tầm. Và này các Tỷ-kheo, ba bất thiện tầm này được đoạn diệt không có dư tàn, đối với vị nào tâm đã khéo an trú vào bốn niệm xứ hay tu tập vô tướng thiền định. Này các Tỷ-kheo, hãy khéo tu tập vô tướng thiền định. Này các Tỷ-kheo, vô tướng thiền định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

Này các Tỷ-kheo, có hai kiến này: Hữu kiến và phi hữu kiến. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Có cái gì ở trong đời, ta chấp trước mà không có phạm tội?"

Và vị ấy biết: "Không có cái gì ở trong đời, ta chấp trước mà không có phạm tội." Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ sắc... thọ... tưởng... hành... Nếu ta chấp thủ sự chấp thủ thức, do duyên chấp thủ, hữu trở thành của ta. Do duyên hữu, có sanh. Do sanh, có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức... Do vậy, này các Tỷ-kheo, thấy vậy... Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."[96]

IX. KINH PĀRILEYYA (*Pālileyyasutta*)[97] (*S*. III. 94)

81. Một thời, Thế Tôn ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambī để khất thực. Khất thực xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.[98]

Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

---

[96] Xem *S*. III. 67; *KS*. III. 59 (kinh 59 ở trước).

[97] Bản Tích Lan và PTS viết Pārileyya. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.57. 0013c07).

[98] *Chú giải* đề cập vắn tắt câu chuyện này. *DhA*. I. 57-63 viết đầy đủ hơn. Xem *M*. I. 320; III. 152. Các đệ tử quá ồn ào nên bậc Đạo sư đi vào rừng độc cư và được voi Pārileyya chăm sóc. Sau đó, các Tỳ-kheo đến năn nỉ Tôn giả Ānanda, mong Tôn giả vào rừng thỉnh đức Thế Tôn trở về tinh xá.

Này Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pārileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pārileyyaka, dưới gốc cây Bhaddasāla.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ānanda:

– Đã lâu lắm, này Hiền giả Ānanda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ānanda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

Rồi Tôn giả Ānanda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pārileyyaka, dưới gốc cây Bhaddasāla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo đang ngồi một bên, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích (*vicayaso*), thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh cần đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy Bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

Này các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã. Sự quán như vậy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường,

hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc, nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

... có thể quán tưởng... có thể quán hành... có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức, có thể quán thức ở trong tự ngã và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán thọ như là tự ngã, có thể không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự

ngã, nhưng có thể có [tà] kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại." Nhưng thường kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức là tự ngã, có thể không có [tà] kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại." Nhưng vị ấy có thể có [tà] kiến như sau:[99] "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta."

Đoạn kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức, không có [tà] kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại." Và có thể không có [tà] kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta." Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

Nhưng này các Tỷ-kheo, sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

Này các Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

X. KINH TRĂNG RẰM (*Puṇṇamasutta*)[100] (*S.* III. 100)

82. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường, cùng với đại chúng Tỷ-kheo.

---

[99] Xem *S.* III. 56; *KS.* III. 48 (kinh 55 ở trước).

[100] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.58. 0014b12); *M.* 109, *Mahāpuṇṇama Sutta* (*Đại kinh Mãn nguyệt*), *M.* III. 15.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày lễ Bố-tát, ngày rằm, đêm trăng tròn, giữa trời, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi có Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề, nếu Thế Tôn cho phép, và trả lời câu hỏi của con.

– Này Tỷ-kheo, hãy ngồi tại chỗ và hỏi theo ý ông muốn.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, ngồi tại chỗ ngồi của mình và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này: Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn?

– Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn: Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này lấy gì làm căn bản?

– Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, rồi hỏi thêm Thế Tôn một câu khác:

– Bạch Thế Tôn, chấp thủ ấy là năm thủ uẩn ấy hay chấp thủ ngoài năm thủ uẩn?

– Này Tỷ-kheo, chấp thủ ấy không tức là năm thủ uẩn ấy và chấp thủ cũng không phải ngoài năm thủ uẩn. Nhưng chỗ nào có tham và dục, chỗ ấy có chấp thủ.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Có thể chăng, bạch Thế Tôn, trong năm thủ uẩn, có sự sai khác về dục và tham?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo.

Ở đây, này Tỷ-kheo, có người nghĩ như sau: “Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có sắc như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có thọ như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có tưởng như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có hành như vậy. Mong rằng trong tương lai, ta sẽ có thức như vậy.” Như vậy, này Tỷ-kheo, có thể có sự sai khác về dục và tham trong năm thủ uẩn.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

– Dưới hình thức nào, bạch Thế Tôn, có định nghĩa về uẩn (*khandhādhivacana*) của các uẩn?

– Phàm sắc gì, này Tỷ-kheo, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là sắc uẩn. Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, đây gọi là thức uẩn. Dưới hình thức như vậy, này Tỷ-kheo, có định nghĩa về uẩn của các uẩn.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu hỏi nữa:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, được gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là hành uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thức uẩn?

– Do nhân bốn đại, này Tỷ-kheo, do duyên bốn đại, được gọi là sắc uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là thọ uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là tưởng uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là hành uẩn. Do nhân danh sắc, do duyên danh sắc, được gọi là thức uẩn.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu khác:

– Như thế nào, bạch Thế Tôn, là có thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có sắc, hay quán sắc ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc; ... thọ... tưởng.. hành... quán thức như là tự ngã, hay quán tự ngã như là có thức, hay quán thức ở trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là có thân kiến.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa:

– Như thế nào, bạch Thế Tôn, là không có thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, khéo thuần thục pháp các bậc Thánh, khéo tu tập pháp các bậc Thánh; thấy rõ các bậc Chân nhân, khéo thuần thục pháp các bậc Chân nhân, khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong

tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không có thân kiến.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy... hỏi thêm câu nữa:

– Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của sắc?... của thọ... của tưởng... của hành? Cái gì là vị ngọt, là sự nguy hiểm, là sự xuất ly của thức?

– Này Tỷ-kheo, do duyên sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của sắc; sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của sắc, đó là sự nguy hiểm của sắc; sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với sắc, đó là sự xuất ly của sắc. Do duyên thọ... Do duyên tưởng... Do duyên hành... Do duyên thức khởi lên lạc hỷ gì, đó là vị ngọt của thức; sự vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thức, đó là sự nguy hiểm của thức; sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham đối với thức, đó là sự xuất ly của thức.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn thêm câu nữa:

– Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, do thấy như thế nào, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [quan điểm] ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên?[101]

– Này Tỷ-kheo, phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi." Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì... Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức, Tỷ-kheo như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Đây không phải của tôi, đây không phải là tôi, đây không phải tự ngã của tôi." Này Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [quan điểm] ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khác khởi lên suy nghĩ sau đây:[102] "Nếu Ngài nói sắc là vô ngã, thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã tạo ra, thời ngã nào lãnh thọ?"

Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết rõ suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Sự kiện này xảy ra, này các Tỷ-kheo, là có kẻ ngu si, vô trí, chìm đắm trong vô minh, tâm bị khát ái chi phối, nghĩ rằng có thể vượt qua lời dạy của bậc Đạo sư, nghĩ rằng: "Nếu Như Lai dạy rằng sắc là vô ngã, thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã, thời các nghiệp do vô ngã làm, các nghiệp ấy do ngã nào lãnh

[101] Xem *S.* II. 253.
[102] Xem *M.* III. 19.

thọ?" Này các Tỷ-kheo, các câu vấn nạn đã được Ta khéo dạy cho các ông, chỗ này chỗ kia trong các pháp ấy.

Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

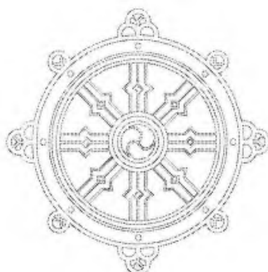
– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng, nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."



IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO (*THERAVAGGA*)

I. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*)[103] (*S*. III. 105)

83. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ở đây, Tôn giả Ānanda gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Chư Hiền giả, Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vị ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: "Này Hiền giả Ānanda, do chấp thủ,[104] khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ.

Do chấp thủ gì, khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ? Do chấp thủ sắc, khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... hành... Do chấp thủ thức, khởi lên [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ.

Này Hiền giả Ānanda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, hay người trẻ tuổi ưa thích trang điểm, ngắm bóng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ. Cũng vậy, này Hiền giả Ānanda, do chấp thủ sắc, nên có [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... hành... do chấp thủ thức, nên có [tư tưởng]: 'Tôi là', không phải không chấp thủ.

Hiền giả Ānanda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, Hiền giả.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, Hiền giả.

– Do thấy vậy... thấy vậy… vị ấy biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Chư Hiền giả, Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta, khi chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng ta lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta thuyết pháp, chúng ta hoàn toàn chứng tri [Chánh] pháp.[105]

[103] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.261. 0066a05).
[104] *SA*. II. 308: *Upādāyā = Āgamma, ārabbha, sandhāya, paṭicca.*
[105] Trở thành vị Dự Lưu.

II. KINH TISSA (*Tissasutta*)[106] (*S*. III. 106)

84. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Tissa,[107] cháu trai Thế Tôn, nói với một số đông Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt [nặng nề và bại hoại]. Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp. Thụy miên hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tissa, cháu trai Thế Tôn, có nói với một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt[108] [nặng nề và bại hoại]. Ta không thấy rõ các phương hướng. Ta không phân biệt được các pháp.[109] Thụy miên hôn trầm xâm chiếm tâm ta và tồn tại. Ta sống Phạm hạnh không còn thoải mái, và ta nghi ngờ đối với các pháp."

Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

– Đến đây, này Tỷ-kheo, hãy nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Tissa: "Hiền giả Tissa, bậc Đạo sư gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Tissa; sau khi đến, nói với Tôn giả Tissa:

– Hiền giả Tissa, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Tissa vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Tissa đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này Tissa, ông đã nói như sau cho một số đông Tỷ-kheo: "Này chư Hiền, thân ta như bị say vì vị ngọt... và ta nghi ngờ đối với các pháp"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Tissa? Đối với người chưa ly tham, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt não, chưa ly khát ái đối với sắc; thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... Như người chưa ly

---

[106] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.271. 0071a04).

[107] Về Tissa, xem *S*. II. 282; *Pss. Breth*. 43.

[108] *SA*. II. 310: *Madhurakajāto viyāti sañjātagarubhāvo viya akammañño* ("Như bị say" nghĩa là như trở nên nặng nề và thụ động). Câu này chỉ cho khát vọng, được nói đến trong *S*. V. 153; *D*. I. 99; *A*. III. 69.

[109] *SA*. II. 310: *Dhamma* chỉ cho *pariyattidhamma*, các pháp phải học thuộc lòng. Xem *D*. I. 99.

tham đối với hành; thời khi hành ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa! Như người chưa ly tham đối với thức, chưa ly dục, chưa ly ái, chưa ly khát, chưa ly nhiệt não, chưa ly khát ái đối với thức; thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người chưa ly tham đối với thức.

Này Tissa, ông nghĩ thế nào, đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly nhiệt não, đã ly khát ái đối với sắc; thời khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với sắc. Đối với người đã ly tham, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly nhiệt não, đã ly khát ái đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... Như người đã ly tham đối với thức, đã ly dục, đã ly ái, đã ly khát, đã ly nhiệt não, đã ly khát ái đối với thức; thời khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não có khởi lên không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Tissa! Như vậy là phải, này Tissa, đối với người đã ly tham đối với thức.

Này Tissa, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Do vậy... thấy vậy... vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Ví như, này Tissa, có hai người. Một người không giỏi về đường sá, một người giỏi về đường sá. Trong hai người ấy, người không giỏi về đường sá này hỏi người giỏi về đường sá kia về con đường. Người ấy trả lời: "Hãy đi, này bạn, đây là con đường; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy một thời gian, bạn sẽ thấy con đường ấy chia làm hai; ở đây, hãy bỏ con đường phía trái, và lấy con đường phía mặt, rồi đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy một khu rừng rậm; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy một đầm nước lớn; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong

một thời gian, bạn sẽ thấy một vực nước sâu; hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, bạn sẽ thấy một khoảnh đất bằng phẳng khả ái."

Đây là ví dụ của Ta dùng, này Tissa, để nêu rõ ý nghĩa. Và ý nghĩa như sau:

Người không giỏi về đường sá, này Tissa, là ví cho kẻ phàm phu. Người giỏi về đường sá, này Tissa, là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Con đường chia làm hai, này Tissa, là ví cho trạng thái nghi hoặc. Con đường tay trái, này Tissa, là ví cho con đường tà đạo tám ngành, tức là tà tri kiến... tà định. Con đường tay mặt, này Tissa, là ví cho con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Khu rừng rậm, này Tissa, là ví cho vô minh. Các đầm nước thấp, này Tissa, là ví cho các dục. Vực nước sâu, này Tissa, là ví cho phẫn nộ, ưu não. Khoảnh đất bằng phẳng khả ái, này Tissa, là ví cho Niết-bàn.

Hãy hoan hỷ, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta giáo giới [cho ông], Ta giúp đỡ [cho ông], Ta giảng dạy [cho ông].[110]

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Tissa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

III. KINH YAMAKA (*Yamakasutta*)[111] (*S.* III. 109)

85. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú tại Sāvatthi, Jetavena, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến[112] sau đây: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết."

Nhiều Tỷ-kheo nghe Tỷ-kheo Yamaka khởi lên ác tà kiến sau đây: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết."

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Yamaka:

– Có thật chăng, này Hiền giả Yamaka, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết"?

– Này chư Hiền, tôi đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp như vầy: "Như ta hiểu lời Thế Tôn... sau khi chết."

---

[110] *Anusāsaniya. Chú giải* viết *āmisadhammānuggahena*, nghĩa là giúp đỡ vật chất và tinh thần.

[111] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.104. 0030c12).

[112] *Chú giải* giải thích rằng nếu Tôn giả Yamaka có quan điểm: "Các uẩn sanh khởi và biến diệt có sự đoạn diệt của tái sanh" thời như vậy không có tà kiến.

– Chớ có nói vậy, Hiền giả Yamaka! Chớ có xuyên tạc Thế Tôn! Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt lành. Thế Tôn không có nói như sau: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết."

Dầu được các Tỷ-kheo ấy nói như vậy, Tôn giả Yamaka vẫn kiên trì, kiên cố chấp nhận ác tà kiến ấy, nói rằng: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết."

Vì rằng các Tỷ-kheo không thể làm cho Tôn giả Yamaka từ bỏ ác tà kiến ấy, các Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Tỷ-kheo Yamaka, thưa Hiền giả Sāriputta, có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết." Lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta vì lòng lân mẫn đi đến Tỷ-kheo Yamaka!

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Yamaka; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Yamaka những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Yamaka:

– Có thật chăng, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có khởi lên ác tà kiến như sau: "Như ta hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp... không còn gì nữa sau khi chết"?

– Thưa Hiền giả, tôi hiểu như vậy lời Thế Tôn thuyết pháp: "Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ diệt tận, không còn gì nữa sau khi chết."

– Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, này Hiền giả.

– Thọ... Tưởng...Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, này Hiền giả.

– Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai là sắc không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả có quán Như Lai là thọ... tưởng... hành... thức không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai ở trong sắc không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả có quán Như Lai ở trong thọ không?...

Hiền giả có quán Như Lai ở trong tưởng không?...

Hiền giả có quán Như Lai ở trong hành không?...

Hiền giả có quán Như Lai ở trong thức không?...

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả có quán Như Lai ở ngoài thức không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Hiền giả nghĩ thế nào, Hiền giả Yamaka, Hiền giả có quán cái không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức là Như Lai không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Và ở đây, Hiền giả Yamaka, ngay trong đời sống hiện tại, cũng không thể tìm được một Như Lai thường chơn, thường trú; thời hợp lý chăng khi Hiền giả trả lời: "Như ta đã hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn tận, sẽ tận diệt, không còn gì nữa sau khi chết."

– Trước đây tôi vô trí nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Sāriputta thuyết pháp, ác tà kiến ấy được đoạn trừ và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri.

– Hiền giả Yamaka, nếu có người hỏi Hiền giả: "Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?" Được hỏi như vậy, Hiền giả Yamaka, Hiền giả trả lời như thế nào?

– Thưa Hiền giả, nếu có người hỏi tôi: "Này Hiền giả Yamaka, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ trở thành gì?" Được hỏi như vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời: "Sắc là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, này Hiền giả, cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là đoạn diệt, là tiêu diệt." Được hỏi vậy, này Hiền giả, tôi sẽ trả lời như vậy.

– Lành thay, lành thay, Hiền giả Yamaka! Hiền giả Yamaka, ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ để ý nghĩa này được hiểu rõ thêm nữa. Ví như, này Hiền giả Yamaka, một người gia chủ hay con của người gia chủ là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Rồi có người đến, muốn điều bất lợi, muốn

điều bất hạnh, muốn điều bất an, muốn đoạt mạng sống người đó. Người ấy suy nghĩ: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này là nhà hào phú, tiền nhiều, của nhiều, lại được bảo vệ. Thật không dễ gì đoạt mạng sống của nó bằng sức mạnh. Vậy ta hãy tìm cách xâm nhập rồi sẽ đoạt mạng sống." Người ấy đi đến người gia chủ hay con của người gia chủ kia, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, tôi xin được hầu hạ Tôn giả." Người gia chủ hay con của người gia chủ kia chấp nhận cho người ấy hầu hạ. Người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái. Người gia chủ hay con của người gia chủ kia tin tưởng người ấy, xem người ấy như thân hữu, tin tưởng người ấy, xem như tâm hữu, và đặt lòng tín cẩn vào người ấy.[113] Này Hiền giả, khi người ấy đã tin tưởng rằng: "Người gia chủ hay con của người gia chủ này đã tín cẩn ta"; khi bắt gặp người đó ở một chỗ thanh vắng, liền lấy con dao sắc bén, đoạt mạng sống của người đó.

Hiền giả Yamaka, Hiền giả nghĩ thế nào? Khi người ấy đến với người gia chủ hay con của người gia chủ kia và nói: "Thưa Tôn giả, tôi muốn hầu hạ Tôn giả", khi ấy, người ấy có phải là kẻ giết người không? Và dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người."

Khi người ấy hầu hạ, dậy trước ngủ sau, sự việc nhanh nhẹn, cử chỉ đẹp lòng, lời nói khả ái, khi ấy dầu cho người ấy là kẻ giết người, người gia chủ hay con của người gia chủ cũng không nghĩ rằng: "Ta có một kẻ giết người."

– Thưa vâng, này Hiền giả.

– Cũng vậy, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

"Sắc là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô thường." "Thọ là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thọ là vô thường." Tưởng là vô thường, người ấy không như thật biết rõ: "Tưởng là vô thường." "Hành là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Hành là vô thường." "Thức là vô thường", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô thường."

"Sắc là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là khổ." "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Hành là khổ"... "Thức là khổ", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là khổ."

"Sắc là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã." "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là vô ngã."

[113] *Chú giải* viết là ăn cơm với người ấy.

"Sắc là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi." "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Hành là hữu vi"… "Thức là hữu vi", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là hữu vi."

"Sắc là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người." "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", người ấy không như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người."

Người ấy đến với sắc, chấp thủ, nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta." Người ấy đến với thọ... với tưởng... với hành... người ấy đến với thức, chấp thủ, nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta." Năm thủ uẩn này được người ấy đi đến chấp thủ, sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy.

Này Hiền giả, bậc đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

"Sắc là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô thường." "Thọ là vô thường"... "Tưởng là vô thường"... "Hành là vô thường"... "Thức là vô thường", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô thường."

"Sắc là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là khổ"... "Thọ là khổ"... "Tưởng là khổ"... "Hành là khổ"... "Thức là khổ", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là khổ."

"Sắc là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là vô ngã"... "Thọ là vô ngã"... "Tưởng là vô ngã"... "Hành là vô ngã"... "Thức là vô ngã", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là vô ngã."

"Sắc là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là hữu vi"... "Thọ là hữu vi"... "Tưởng là hữu vi"... "Hành là hữu vi"... "Thức là hữu vi", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là hữu vi."

"Sắc là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Sắc là kẻ giết người"... "Thọ là kẻ giết người"... "Tưởng là kẻ giết người"... "Hành là kẻ giết người"... "Thức là kẻ giết người", vị ấy như thật biết rõ: "Thức là kẻ giết người."

Vị ấy không đến với sắc, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Sắc là tự ngã của ta." Không đến với thọ... với tưởng... với hành... Không đến với thức, không chấp thủ, không nhiếp trì: "Thức là tự ngã của ta." Đối với năm thủ uẩn này, vị ấy không đi đến, không chấp thủ, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho vị ấy trong một thời gian dài.

– Như vậy, này Hiền giả Sāriputta, các Tôn giả ấy có được người như Hiền giả làm đồng Phạm hạnh, có lòng lân mẫn như vậy, muốn họ được hạnh phúc như vậy, bậc giáo giới như vậy, bậc giảng dạy như vậy.

Và nay, sau khi được nghe Tôn giả Sāriputta thuyết pháp, tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

IV. KINH ANURĀDHA (*Anurādhasutta*)[114] (*S*. III. 116)

86. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurādha[115] ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anurādha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anurādha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anurādha:

– Này Hiền giả Anurādha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả; bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Được nghe nói vậy, Tôn giả Anurādha nói với các ngoại du sĩ đạo ấy:

– Này chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tối thắng quả; bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo nói với Tôn giả Anurādha như sau:

– Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu; hay vị này là vị trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anurādha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Anurādha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau: "Nếu du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn; ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách."

Rồi Tôn giả Anurādha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anurādha bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anurādha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả; bậc Như Lai ấy được

[114] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.106. 0032c02).

[115] Kinh này được thuyết giảng chi tiết trong *S*. IV. 380-86. Tên gọi này rất nổi tiếng như được gọi cho thành phố Anurādhapura của Tích Lan trước đây.

xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: 'Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'"

Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền... không không tồn tại sau khi chết."

Được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới tu học... nhưng ngu dốt không có học tập."

Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn; ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách."

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán: "Sắc là Như Lai" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán: "Thọ... Tưởng... Hành... Thức là Như Lai" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán: "Như Lai ở trong sắc" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán: "Như Lai ở ngoài sắc" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán: "Như Lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong hành... ở ngoài hành... ở trong thức" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán: "Như Lai ở ngoài thức" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán: "Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán: "Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Như Lai" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Và ở đây, này Anurādha, ngay trong hiện tại không tìm được một Như Lai thường còn, thường trú, thời có hợp lý chăng khi ông trả lời: "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng; bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay, này Anurādha! Trước kia và nay, này Anurādha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.[116]

V. KINH VAKKALI (*Vakkalisutta*)[117] (*S*. III. 119)

87. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali[118] trú tại nhà một thợ gốm,[119] đang bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

– Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa:

"Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, trầm trọng; [Vakkali] cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali!'"

– Thưa vâng, Hiền giả.

---

[116] Xem *M*. I. 140. Trong *S*. IV. 385 viết là *abyākataṃ*, nghĩa là không trả lời, không tuyên bố.
[117] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1265. 0346b07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.10. 0624b29).
[118] Xem *A*. IV. 117; *Thag*. v. 350-54; *Vism*. 129.
[119] Xem *M*. III. 237.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali!"

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali. Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy, liền cố gắng từ giường ngồi dậy (*samadhosi*). Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

– Thôi Vakkali, ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

– Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

– Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn! Con không thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tổn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tổn giảm.

– Này Vakkali, ông có gì phân vân, hối hận không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận.

– Này Vakkali, ông có gì tự trách mình về giới luật không?

– Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

– Này Vakkali, nếu ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy ông có gì phân vân, có gì hối hận?

– Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

– Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta; ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta; đang thấy Ta, là thấy Pháp.

Này Vakkali, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

– Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhấc cái giường với ta và đi đến tảng đá đen (kāḷasilā), tại sườn núi Isigili (nơi hang của tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhấc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili.

Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại Gijjhakūṭa.

Rồi hai vị thiên, trong khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakūṭa, đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên. Đứng một bên, một vị thiên bạch Thế Tôn:

– Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

Vị thiên khác bạch Thế Tôn:

– Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát.

Chư thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị thiên nói với Thế Tôn. Này Hiền giả, đêm nay, hai vị thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakūṭa, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị thiên bạch Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát.' Vị thiên khác bạch Thế Tôn: 'Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát.' Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: 'Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! Cái chết của ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!'"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

– Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị thiên.

Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả:

– Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhấc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ ngồi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy?

– Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhấc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

– Này Hiền giả, đêm nay, hai vị thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị thiên bạch Thế Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang nghĩ đến tự giải thoát." Vị thiên kia bạch Thế Tôn: "Vị ấy, bạch Thế Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát." Và Thế Tôn, này Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ, này Vakkali! Cái chết của ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

– Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh tôi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: 'Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Thọ là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Tưởng là vô thường... Hành là vô thường... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này.'"

– Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây, con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này."

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đấy, thiện gia nam tử đem lại con dao.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

Và ở đàng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường với vai co quắp lại.

Lúc bấy giờ, một đám khói đen, một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm thức của thiện nam tử Vakkali và nói: "Thức của thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn.

VI. KINH ASSAJI (*Assajisutta*)[120] (*S*. III. 124)

88. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Assaji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

Rồi Tôn giả Assaji gọi những người thị giả:

– Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn: "Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: 'Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji.'"

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Assaji, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng... "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji."

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Assaji.

[120] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1024. 0267b05).

Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy, liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

– Thôi Assaji, ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, tại chỗ ấy, Ta sẽ ngồi.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

– Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không? Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm, không có tăng trưởng?

– Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm.

– Này Assaji, ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

– Chắc chắn, bạch Thế Tôn, con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận.

– Này Assaji, ông có điều gì tự trách mình về giới luật không?

– Bạch Thế Tôn, con không có điều gì tự trách mình về giới luật.

– Này Assaji, nếu ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, ông có gì phân vân, có gì hối hận?

– Trước đây, bạch Thế Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắng xuống cơn bệnh, con sống với thân hành, do vậy con không chứng được thiền định. Dầu cho không chứng được thiền định, con tự nghĩ: “Ta sẽ không thối thất.”

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong thiền định, tập trung trong thiền định, nếu họ không chứng đắc thiền định, họ sẽ nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ không thối thất.”

– Này Assaji, ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn...

– Thức là thường hay vô thường?

... Do vậy... thấy vậy... “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Vị ấy biết rõ như vậy.

Khi cảm giác lạc thọ, vị ấy biết rõ “là vô thường”; vị ấy biết rõ “là không nên đắm trước”; vị ấy biết rõ “là không nên hoan hỷ.” Khi cảm giác khổ thọ, vị ấy biết rõ “là vô thường”; vị ấy biết rõ “là không nên đắm trước”; vị ấy biết rõ “là không nên hoan hỷ.” Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy biết rõ “là vô thường”; vị ấy biết rõ “là không nên đắm trước”; vị ấy biết rõ “là không nên hoan hỷ.”

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.

Nếu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: “Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân.” Nếu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: “Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh

mạng." Vị ấy biết rõ rằng: "Khi thân hoại mạng chung cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây, tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương."

Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bấc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bấc [của ngọn đèn] ấy đoạn tận, không có mang lại nhiên liệu, ngọn đèn ấy sẽ tắt. Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân." Khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng." Vị ấy biết rõ rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây, tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương."

VII. KINH KHEMAKA (*Khemakasutta*)[121] (*S.* III. 126)

89. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão sống ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarika, bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dāsaka:

– Hãy đến đây, này Hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka. Sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?'"

– Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka; sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

– Các trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

– Tôi không thể kham nhẫn, thưa Hiền giả, tôi không thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm.

Rồi Tôn giả Dāsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm."

– Hãy đến đây, Hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc trưởng lão nói với Hiền giả như sau: 'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm

[121] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.103. 0029c06).

thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"

– Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka; sau khi đến...

– Các bậc trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

Rồi Tôn giả Dāsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả."

– Hãy đến đây, Hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: 'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận.'"

– Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

– Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc."

... Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi có chứng được: "Tôi là", tuy vậy, tôi cũng không quán: "Cái này là tôi."

Rồi Tôn giả Dāsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Nhưng, tôi không

phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy, tôi cũng không quán: "Cái này là tôi."

– Hãy đến đây, Hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Thưa Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Hiền giả như sau: Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là', cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là', là cái gì? Hiền giả nói: 'Tôi là sắc?' Hiền giả nói: 'Tôi là khác sắc?' Hiền giả nói: 'Tôi là thọ?'... 'Tôi là tưởng?'... 'Tôi là hành?'... Hiền giả nói: 'Tôi là thức?' Hiền giả nói: 'Tôi là khác thức?' Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là', cái mà Hiền giả nói: 'Tôi là', là cái gì?'"

– Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

– Thôi vừa rồi, Hiền giả Dāsaka chạy qua chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão!

Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc?"... thọ... tưởng... hành... Hiền giả nói: "Tôi là thức?" Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?" Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì?

– Thưa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc." Tôi không nói: "Tôi là khác sắc."... thọ... tưởng... hành... Tôi không nói: "Tôi là thức." Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức." Dầu rằng, này các Hiền giả, tôi có chứng được [tư tưởng]: "Tôi là", nhưng tôi không có quán: "Cái này là tôi."

Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa sen trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có đúng không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

– Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

– Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc." Tôi không nói: "Tôi là khác sắc."... thọ... tưởng... hành... Tôi không nói: "Tôi là thức." Tôi không nói: "Tôi là khác thức." Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi."

Dầu cho đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền, năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn vẫn còn dư tàn tế nhị:

Dư tàn kiêu mạn 'tôi là', dư tàn dục 'tôi là', dư tàn tùy miên 'tôi là', chưa được vị ấy đoạn trừ. Vị ấy, sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: 'Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.'" Vì rằng vị ấy sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này, các dư tàn ngã mạn "tôi là", các dư tàn ngã dục "tôi là", các dư tàn ngã tùy miên "tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.

Này chư Hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, trong nước tô đả,[122] hay trong nước phân bò, rồi giặt sạch nó trong nước trong. Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối, hay mùi tô đả, hay mùi phân bò. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong một cái hòm có ướp hương thơm.[123] Như vậy, cái dư tàn mùi muối, hay mùi tô đả, hay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.

Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn: Dư tàn ngã mạn "tôi là", dư tàn ngã dục "tôi là", dư tàn ngã tùy miên "tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt." Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "tôi là", ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "tôi là" chưa được đoạn tận, nay đi đến đoạn trừ.

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

– Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi, nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn."

Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo trưởng lão hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.

VIII. KINH CHANNA (*Channasutta*)[124] (*S.* III. 132)

90. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Bārāṇasī, Isipatana, tại Lộc Uyển.

---

[122] P. *Khāra*; S. *Kṣāra*; H. 鹼性; chất kiềm, chất pô-tát màu trắng dễ tan trong nước.

[123] *Chú giải* giải thích rằng cái hòm hương liệu chỉ cho sự hiểu biết về A-la-hán đạo, con đường đưa đến đoạn trừ sạch các phiền não.

[124] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.262. 0066b06).

Rồi Tôn giả Channa,[125] vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác và nói với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể thấy được pháp.

Được nghe nói vậy, các vị Tỷ-kheo trưởng lão nói với Tôn giả Channa:

– Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ là vô thường; tưởng là vô thường; hành là vô thường; thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã.[126]

Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vầy: 'Sắc là vô thường; thọ... tưởng... hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã.' Nhưng tâm của ta không hướng đến sự tịnh chỉ tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn; không có thoải mái; không có an trú; không có hướng về. Do sự tham luyến (*paritassanā*), chấp thủ khởi lên, tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt?' Như vậy, thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp."

Rồi Tôn giả Channa suy nghĩ: "Đây là Tôn giả Ānanda, hiện trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ānanda có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ānanda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda."

Rồi Tôn giả Channa, sau khi dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát đi đến Kosambī, vườn Ghosita, chỗ Tôn giả Ānanda ở; sau khi đến, nói với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Channa nói với Tôn giả Ānanda:

– Một thời, này Hiền giả Ānanda, tôi ở Bārāṇasī, Isipatana, tại Lộc Uyển. Rồi vào buổi chiều, này Hiền giả, tôi từ chỗ tịnh cư đứng dậy, cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác, sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo trưởng lão: "Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giáo giới cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão, hãy giảng dạy cho tôi! Chư Tôn giả trưởng lão, hãy thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể thấy pháp."

Được nghe nói vậy, này Hiền giả, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với tôi: "Sắc, này Hiền giả Channa, là vô thường; thọ... tưởng... hành... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã."

---

[125] Channa đây có thể là Channa trong *Thag*. v. 69. Theo *Chú giải*, đây chỉ cho Channa, người giữ ngựa của Thái tử Tất-đạt-đa, con của một nữ tỳ, sinh cùng ngày với Thái tử và sau này cũng xuất gia trong Tăng đoàn.

[126] Trong *Chú giải*, câu hỏi được đặt ra: "Vì sao chỉ nói hai sự thật, không nói đến ba?" Câu trả lời: "Vì nói tất cả các pháp là khổ, thì sẽ bị kết luận là Đạo và Quả cũng khổ."

Về vấn đề ấy, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Ta cũng suy nghĩ như vầy: 'Sắc là vô thường... thức là vô thường. Sắc là vô ngã; thọ... tưởng... hành... thức là vô ngã. Tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã.' Nhưng tâm của ta không hướng đến sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn; không có thoải mái; không có an trú; không có hướng về. Do sự tham luyến, chấp thủ khởi lên, tâm ý trở lui lại tư tưởng: 'Có phải tự ngã của ta sinh hoạt? Như vậy, thời ta không thể thấy pháp. Ai có thể thuyết pháp cho ta, để ta có thể thấy pháp?'"

Rồi về vấn đề này, này Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: "Đây là Tôn giả Ānanda, hiện trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita, được bậc Đạo sư tán thán và các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ānanda, có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể thấy pháp. Và cho đến như vậy, ta có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Ānanda. Vậy ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda."

Tôn giả Ānanda, hãy giáo giới cho tôi! Tôn giả Ānanda, hãy giảng dạy cho tôi! Tôn giả Ānanda, hãy thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể thấy pháp.

– Cho đến như vậy, thật sự tôi rất hoan hỷ đối với Tôn giả Channa. Tôn giả Channa đã làm cho sự việc rõ ràng. Tôn giả Channa đã phá vỡ chướng ngại.[127] Hãy lóng tai, này Hiền giả Channa! Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp.

Ngay lúc ấy, Tôn giả Channa khởi lên hoan hỷ, hân hoan thù thắng khi nghe đến: "Hiền giả có thể hiểu được Chánh pháp."

– Này Hiền giả Channa, tôi tận mặt nghe Thế Tôn, tận mặt nhận lãnh từ Thế Tôn lời giáo giới này cho Kaccānagotta: "Thế giới này dựa trên hai [quan điểm], này Kaccāna, hiện hữu và không hiện hữu. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận sự không hiện hữu của thế giới. Nhưng này Kaccāna, ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế giới, thì cũng không chấp nhận sự hiện hữu của thế giới. Thế giới này phần lớn, này Kaccāna, là chấp thủ các phương tiện và bị trói buộc bởi thành kiến. Với ai không đi đến, không chấp thủ, không an trú vào chấp thủ các phương tiện, tâm không an trú vào thiên kiến tùy miên, vị ấy không nói: 'Đây là tự ngã của tôi.' Với ai nghĩ rằng: 'Cái gì khởi lên là đau khổ, cái gì diệt là đau khổ',[128] vị ấy không có phân vân, nghi hoặc. Trí ở đây không mượn nhờ người khác. Cho đến như vậy, này Kaccāna, là Chánh trí.

'Tất cả đều có', này Kaccāna, là một cực đoan. 'Tất cả đều không có', là một cực đoan. Không chấp nhận hai cực đoan ấy, này Kaccāna, Như Lai thuyết pháp một cách Trung đạo. Do duyên vô minh nên hành khởi; do duyên hành nên thức khởi... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn nên các hành diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này."

---

[127] *Āvi akāsi khīlaṃ chindi*. *Āvi akāsi*: Đã làm cho mọi việc rõ ràng. *Khīlaṃ chindi*: Đã đoạn dứt chướng ngại [của tâm]. Xem *S*. I. 193; *Sn*. 187.
[128] Xem *S*. I. 135.

– Như vậy, này Hiền giả Ānanda, là điều sẽ đến với các bậc Tôn giả nào có được những đồng Phạm hạnh như vậy, những vị có lòng từ mẫn, những vị muốn sự lợi ích, những vị giáo giới, những vị giảng dạy. Nghe được lời thuyết pháp này từ Tôn giả Ānanda, tôi được an trú vững chắc trong Chánh pháp.

IX. KINH RĀHULA (*Rāhulasutta*)[129] (*S*. III. 136)

91. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?

– Phàm sắc gì, này Rāhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì...

Phàm thức gì, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả pháp cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Biết như vậy, này Rāhula, thấy như vậy đối với thân có thức này và đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên.

X. KINH RĀHULA THỨ HAI (*Dutiyarāhulasutta*) (*S*. III. 136)

92. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rāhula bạch Thế Tôn:

– Biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

– Phàm sắc gì, này Rāhula, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại... hoặc xa hay gần, tất cả pháp, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát không có chấp thủ.

Phàm thọ gì... Phàm tưởng gì... Phàm hành gì...

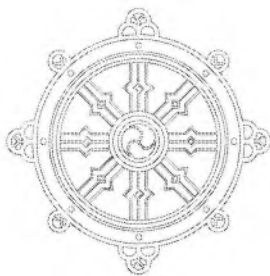
Phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả pháp, sau khi như thật thấy với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", thì sẽ được giải thoát không có chấp thủ.

---

[129] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.23. 0005a11).

Do biết như vậy, này Rāhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, được giải thoát không có chấp thủ.

Do biết như vậy, này Rāhula, do thấy như vậy, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có những ý niệm về ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.



X. PHẨM HOA (*PUPPHAVAGGA*)

I. KINH DÒNG SÔNG (*Nadīsutta*)[130] (*S.* III. 137)

93. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông từ núi cao chảy xuống, từ xa chảy đến, dòng nước chảy xiết. Trên hai bờ con sông ấy, nếu cỏ lau kāsa mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cỏ kusa mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại lau sậy babbaja mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cỏ bīraṇa mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống; nếu các loại cây mọc lên, chúng từ bờ rủ xuống.

Và một người bị dòng nước của con sông ấy cuốn trôi, nếu người ấy nắm lấy cỏ lau kāsa, cỏ này có thể bị bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ kusa, cỏ này có thể bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại lau sậy babbaja, cỏ này có thể bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy loại cỏ bīraṇa, cỏ này có thể bị bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn. Nếu người ấy nắm lấy các loại cây, loại cây này có thể bị bựt đứt; do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Khi sắc ấy của người ấy bị bựt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy bị rơi vào tai ách khổ nạn.

... quán thọ... quán tưởng... quán hành...

... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Khi thức ấy của người ấy bị bựt đứt, do nhân duyên ấy, người ấy rơi vào tai ách khổ nạn.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

Do vậy... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

---

[130] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.268. 0069c12).

II. KINH BÔNG HOA (*Pupphasutta*)[131] (*S*. III. 138)

94. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ-kheo, người nói pháp không tranh luận với bất cứ một ai ở đời.

Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

… thọ... tưởng... hành...

Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

Này các Tỷ-kheo, đây là, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không".

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có"?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" [vậy].

... thọ... tưởng... hành...

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" [vậy].

Này các Tỷ-kheo, đây là, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" [vậy].

Ở trong đời, này các Tỷ-kheo, có thế pháp.[132] Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?

Sắc, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

---

[148] Bản tiếng Anh của PTS: *The Flower* (or *Growth*), nghĩa là *Bông hoa* (hay *Tăng trưởng*). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.37. 0008b15); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.38. 0008c08).

[132] *Lokadhamma*. *SA*. II. 320: *Lokadhammoti khandhapañcakaṃ* (thế pháp chỉ cho 5 thủ uẩn). Chữ *lujjana* có nghĩa là tan vỡ, bể vụn.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, [vẫn] không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

Thọ... Tưởng... Hành...

Thức, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri; sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, [vẫn] không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.

III. KINH BỌT NƯỚC (*Pheṇapiṇḍūpamasutta*)[133] (*S*. III. 139)

95. Một thời, Thế Tôn ở Ayujjhāya, trên bờ sông Hằng.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đống bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, nhìn chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát[134] nó, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng.[135] Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đống bọt nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, vị Tỷ-kheo thấy sắc, nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước, các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát bong bóng nước ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là

[133] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.265. 0068b29); *Ngũ uẩn thí dụ kinh* 五陰譬喻經 (*T*.02. 0105. 0501a04).

[134] *SA*. II. 321: *Yoniso upaparikkheyyāti kāraṇena upaparikkheyya* ("Như lý quán sát" tức là quán sát theo nhân duyên).

[135] *Sāra*: Lõi cây. Xem *Pss. Sis*. 167.

rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có tưởng gì...

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây,[136] tìm cầu lõi cây; đi tìm lõi cây, người ấy cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lớn, cao vút;[137] người ấy chặt rễ cây ấy; sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn; sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài (*pattavaṭṭiṃ*); khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây (*pheggumpi*) còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?

Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong hành được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật (*māyaṃ vidhaṃseyya*). Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần, Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thức ấy. Do Tỷ-kheo

[136] Xem *M.* I. 111, 233.
[137] *Akukkukajāta*. Xem *S.* IV. 167.

nhìn chuyên chú, như lý quán sát, thức ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong thức được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Sắc ví với đống bọt,
Thọ ví bong bóng nước,
Tưởng ví ráng mặt trời,
Hành ví với cây chuối,
Thức ví với ảo thuật,
Đấng Bà Con Mặt Trời,
Đã thuyết giảng như vậy.
Nếu như vậy chuyên chú,
Như lý chơn quán sát,
Như lý nhìn [các pháp],
Hiện rõ tánh trống không.
Bắt đầu với thân này,
Bậc Đại Tuệ thuyết giảng,
Đoạn tận cả ba pháp,
Thấy sắc bị quăng bỏ.
Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Làm đồ ăn kẻ khác.
Cái thân liên tục[138] này,
Ảo sư, kẻ ngu nói,
Được gọi kẻ sát nhân,
Không tìm thấy lõi cây.
Hãy quán uẩn như vậy,
Vị Tỷ-kheo tinh cần,
Suốt cả đêm lẫn ngày,
Tỉnh giác, chánh tư niệm.
Hãy bỏ mọi kiết sử,
Làm chỗ mình nương tựa,

[138] *Santāna*. Có lẽ đây là kinh duy nhất trong Tam tạng thuật ngữ này được dùng. Phật giáo thời kỳ sau thường sử dụng thuật ngữ này.

Sống như lửa cháy đầu,[139]
Cầu chứng cảnh bất động.

IV. KINH PHÂN BÒ (*Gomayapiṇḍasutta*)[140] (*S*. III. 143)

96. Nhân duyên ở Sāvatthi. Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào... có thể có tưởng nào... có thể có hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

– Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

Rồi Thế Tôn lấy tay cầm lên một miếng phân bò và nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, cho đến một ngã thể nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một ngã thể nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Vì này Tỷ-kheo, cho đến một ngã thể nhỏ bé như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

Thuở xưa, này Tỷ-kheo, Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn đô thị, và đô thị Kusāvatī là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn trùng các, và trùng các Mahāviyūha là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn sàng tọa làm bằng ngà, làm bằng lõi cây, làm bằng vàng, làm bằng bạc, trải bằng nệm len có lông dài, trải bằng chăn len trắng, trải bằng chăn len thêu bông, trải nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, có lầu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

---

[139] *Ādittasīsa*. Xem *Thag*. v. 39.

[140] Xem *D*. II. 169. Tham chiếu: *Ngưu phẩn dụ kinh* 牛糞喻經 (*T*.01. 0026.61. 0496a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.264. 0067c04).

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con voi với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và voi chúa Uposatha là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con ngựa với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và ngựa chúa Valāhaka là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn cỗ xe, với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn châu báu, và Ma-ni châu là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn phụ nữ, và Hoàng hậu Subhaddā là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn chư hầu Sát-đế-ly, và binh chủ báu là bậc nhất.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng và chậu sữa bằng bạc.

Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn koṭi[141] áo bằng vải gai tinh tế, bằng vải lụa tinh tế, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế.

Này các Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, Ta có tám mươi bốn ngàn dĩa bàn, và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn đô thị ấy, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusāvatī.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn trùng các ấy, trùng các Ta trú thời ấy là trùng các Mahāviyūha.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn sàng tọa ấy, sàng tọa Ta dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây, hay bằng vàng, hay bằng bạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn con voi ấy, con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa Uposatha.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn con ngựa ấy, con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Valāhaka.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn cỗ xe ấy, cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

[141] Koṭi: 10 triệu.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyānī[142] hay Velāmikā.[143]

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc bằng vải gai tinh tế, hay bằng lụa tinh tế, hay bằng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong tám mươi bốn ngàn dĩa bàn ấy, một dĩa bàn Ta dùng để ăn một phần (*nāḷikā*) cơm, còn dĩa bàn thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, tất cả các hành ấy là thuộc quá khứ, đoạn diệt, biến hoại.

Như vậy, vô thường, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy, không thường hằng, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy, không thường trú, này các Tỷ-kheo, là các hành.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát.

V. KINH ĐẦU MÓNG TAY (*Nakhasikhāsutta*)[144] (*S.* III. 147)

97. Nhân duyên ở Sāvatthi. Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể có sắc nào là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

Bạch Thế Tôn, có thể có thọ nào...?

Bạch Thế Tôn, có thể có tưởng nào...?

Bạch Thế Tôn, có thể có hành nào...?

Bạch Thế Tôn, có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?

– Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có hành nào... không có thức nào, thức ấy lại thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trong đầu móng tay và nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một sắc nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; thời đời

---

[142] *Khattiyānī*: Một người nữ thuộc giai cấp Sát-đế-ly.

[143] *Velāmikā*: Tên của người lãnh đạo đoàn tùy tùng gồm 84.000 thị nữ phục vụ Vua Mahāsudassana, tại kinh đô Kusāvatī, nước Malla. Bà cũng là người nữ thuộc giai cấp Sát-đế-ly.

[144] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.4. 0617b07).

sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một sắc nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

Cho đến một thọ nhỏ như thế này, này các Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu thọ nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú... có thể trình bày.

Cho đến một tưởng...

Cho đến một hành...

Cho đến một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Nếu một thức nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày. Nhưng vì rằng, này Tỷ-kheo, cho đến một thức nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại; do vậy, đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.

Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Do vậy… thấy vậy... "... không có trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

VI. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*)[145] (*S.* III. 149)

98. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Có một sắc nào, bạch Thế Tôn, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

Có một thọ... một tưởng... một hành... một thức nào, bạch Thế Tôn, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú không?

– Không có một sắc nào, này Tỷ-kheo, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

Không có một thọ... một tưởng... một hành... một thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

[145] Bản tiếng Anh của PTS: *Puritan* (or *Oceanic*), nghĩa là *Thanh tịnh* (hay *Biển*).

VII. KINH DÂY TRÓI BUỘC (*Gaddulabaddhasutta*)[146] (*S.* III. 149)

99. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, biển lớn đi đến khô cạn, hoàn toàn đi đến khô kiệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, Sineru (Tu-di), vua các núi, đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Có thể có một thời, này các Tỷ-kheo, đại địa đi đến băng hoại, hoại diệt, không có hiện hữu. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không có tuyên bố rằng, có sự chấm dứt khổ đau đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó[147] bị dây thừng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc, chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh cây cột ấy hay cột trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu... không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã... quán thọ như là tự ngã... quán tưởng như là tự ngã... quán hành như là tự ngã... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... Người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng, người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... người ấy chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức, người ấy không giải thoát khỏi sắc; không giải thoát khỏi thọ; không giải thoát khỏi tưởng; không giải thoát khỏi hành; không giải thoát khỏi thức; không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta tuyên bố rằng: "Người ấy không giải thoát khỏi khổ đau."

Nhưng bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, được thấy các bậc Thánh... khéo tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh thức. Vì rằng, vị ấy không chạy vòng theo, chạy tròn xung quanh sắc... thọ... tưởng... hành... thức, vị ấy được giải thoát khỏi sắc; được giải thoát khỏi thọ; được giải thoát khỏi tưởng; được

[146] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.266. 0069b04).
[147] *Chú giải*: Con chó là phàm phu. Dây thừng là tà kiến. Cột trụ là tự thân.

giải thoát khỏi hành; được giải thoát khỏi thức; được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói: "Vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ."

VIII. KINH DÂY TRÓI BUỘC THỨ HAI
(*Dutiyagaddulabaddhasutta*)[148] (*S*. III. 151)

100. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thừng trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"; quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi." Nếu người ấy có đi, người ấy chỉ đi tới năm thủ uẩn này. Nếu người ấy đứng, người ấy chỉ đứng gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy ngồi, người ấy chỉ ngồi gần năm thủ uẩn này. Nếu người ấy nằm, người ấy chỉ nằm gần năm thủ uẩn này.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh."

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy một bức họa gọi là danh họa[149] không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, bức danh họa ấy do tâm tư họa mà thành. Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm còn đa dạng hơn[150] cả danh họa ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh."

Này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một bộ loại nào khác[151] lại đa dạng như tâm. Như các hữu tình thuộc loại bàng sanh; các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, do tâm tư duy [mà thành].[152] Do vậy, này các Tỷ-kheo, tâm ấy lại đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

---

[148] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.267. 0069c02).
[149] Xem *Expos*. 85: Một kiệt tác. *SA*. II. 328: *SA. II. 328: Caraṇaṃ nāma cittanti vicaraṇacittaṃ* ("Tâm được gọi là đi loanh quanh" nghĩa là tâm đi quanh quẩn, tới lui).
[150] *Expos*. 86: Nghệ thuật hơn cả nghệ thuật. Xem *Pss. Breth*. 378, 419.
[151] *Ekanikāya. Expos*. 32, 88.
[152] *Chú giải*: Đây chỉ cho ý nghiệp đưa đến tái sanh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một họa sĩ, nếu người ấy có thuốc nhuộm, hay lạc, hay nghệ, hay màu xanh, hay màu đỏ tía, hay một tấm gỗ khéo bào, hay một bức tường, hay một tấm vải, người ấy có thể vẽ hình người đàn bà hay hình người đàn ông với đầy đủ tất cả chi tiết. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu liên tục làm cho hiện hữu sắc... thọ... tưởng... hành... liên tục làm cho hiện hữu thức.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... thấy vậy... "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Vị ấy biết rõ như vậy.

IX. KINH CÁN BÚA (*Vāsijaṭasutta*)[153] (*S*. III. 152)

101. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc; không phải do không biết, do không thấy.

Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Do biết như vậy, do thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm của vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ. Không có tu tập bốn chánh cần. Không có tu tập bốn như ý túc. Không có tu tập năm căn. Không có tu tập năm lực. Không có tu tập bảy Bồ-đề phần. Không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, không được ấp nóng một cách đúng đắn, không được ấp dưỡng[154] một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy khởi

---

[153] Xem *A*. IV. 126-27; *Vin*. IV. 168. Bản tiếng Anh của PTS: *Adze-handle* (or *The Ship*), nghĩa là *Cán búa* (hay *Con tàu*). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.263. 0067a22).

[154] *Paribhāvitāni*: Được che chở nhờ đôi cánh của gà mẹ. Xem *DB*. I. 86; *M*. I. 104.

lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, không được ấp nóng một cách đúng đắn, không được ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập, dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ. Có tu tập bốn chánh cần. Có tu tập bốn như ý túc. Có tu tập năm căn. Có tu tập năm lực. Có tu tập bảy giác chi. Có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ đá hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy,

các ngày khác từng ấy." Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy." Nhưng vị ấy biết được [các lậu hoặc] được hao mòn trên sự hao mòn [các lậu hoặc].

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

X. KINH VÔ THƯỜNG TƯỞNG (*Aniccasaññāsutta*)[155] (*S*. III. 155)

102. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cắt cỏ cắt đứt cây cỏ, nắm lấy đầu ngọn đập lên, đập xuống, đập tả, đập hữu, rồi quăng một bên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một chùm xoài bị cắt đứt từ cành, thời các trái xoài cùng dính vào cành đều bị đứt theo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn, phàm có rui kèo nào, tất cả đều đi đến nóc nhọn, hướng đến nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, và nóc nhọn là tối thượng hơn chúng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những rễ hương gì, hương Anusāri đen là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương gì, hương Chiên-đàn đỏ là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

---

[155] Bản tiếng Anh của PTS: *Impermanence* (or *Perception*), nghĩa là *Vô thường* (hay *Tưởng*). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.270. 0070c02).

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hoa hương gì, hương Vassikā là tối thượng hơn những hương ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả những vua ấy đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân Vương. Vua Chuyển Luân Vương được gọi là vua tối thượng đối với họ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

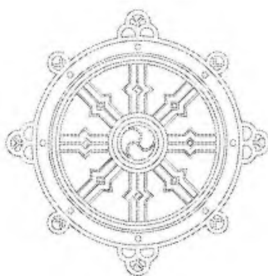
Ví như, này các Tỷ-kheo, ánh sáng các loại sao gì, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng được xem là tối thượng trong các ánh sáng ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... tất cả ngã mạn được tận trừ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mở rộng và gột sạch mây, mặt trời mọc lên trên bầu trời, đuổi sạch tất cả u ám khỏi hư không, bừng sáng, chói sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn vô thường tưởng, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.

Tu tập vô thường tưởng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?

Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Vô thường tưởng được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận, tất cả hữu tham được đoạn tận, tất cả vô minh được đoạn tận, tất cả ngã mạn được tận trừ.



NĂM MƯƠI KINH CUỐI

XI. PHẨM BIÊN (*ANTAVAGGA*)

I. KINH BIÊN (*Antasutta*)[156] (*S*. III. 157)

103. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn biên,[157] này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Hữu thân (*sakkāya*) biên, hữu thân tập khởi biên, hữu thân đoạn diệt biên, hữu thân đoạn diệt đạo biên.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân biên? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi biên? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi biên.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt biên? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt biên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt đạo biên? Chính là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt đạo biên. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn biên.

II. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*S*. III. 158)

104. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt, con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ? Phải trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Đây gọi là khổ, này các Tỷ-kheo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi? Chính là khát ái này, đưa đến tái sanh... phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ đoạn diệt.

---

[156] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.70. 0018a16).

[157] *Anta*. *SA*. II. 333 viết *koṭṭhāsā*, nghĩa là sự phân chia; không phải nghĩa cực đoan như khi nói "nhị biên" (*dveantā*) trong *KS*. II. 13.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến khổ đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

III. KINH HỮU THÂN (*Sakkāyasutta*)[158] (*S*. III. 159)

105. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về hữu thân, hữu thân tập khởi, hữu thân đoạn diệt, con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân? Phải trả lời rằng chính là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân tập khởi? Chính là khát ái này... Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu thân đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy... sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu thân đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến hữu thân đoạn diệt.

IV. KINH SỞ BIẾN TRI (*Pariññeyyasutta*)[159] (*S*. III. 159)

106. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông các pháp cần phải biến tri, sự biến tri và con người đã biến tri. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp cần phải biến tri. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là pháp cần phải biến tri. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp cần phải biến tri.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự biến tri? Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự biến tri.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con người đã biến tri? Cần phải trả lời là bậc A-la-hán. Bậc Tôn giả này, với tên như vậy, với dòng họ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con người đã biến tri.

V. KINH CÁC SA-MÔN (*Samaṇasutta*) (*S*. III. 160)

107. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có năm thủ uẩn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật

---

[158] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.71. 0018b28); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.2. 0775c19).

[159] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.72. 0019a04).

biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ... tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú.

VI. KINH CÁC SA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇasutta*) (*S*. III. 160)

108. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này... như thật biết rõ... tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú.

VII. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (*S*. III. 160)

109. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

Và khi nào vị đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, vị đa văn Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối thất, đã được quyết định, hướng đến Chánh đẳng giác.

VIII. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (*S*. III. 161)

110. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

Và khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này, được giải thoát, không có chấp thủ. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí.

IX. KINH DỤC ĐƯỢC ĐOẠN TRỪ (*Chandappahānasutta*) (*S*. III. 161)

111. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

… đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, hãy đoạn trừ nó. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn trừ, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.

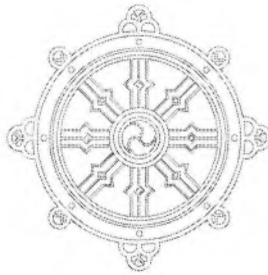
X. KINH DỤC ĐƯỢC ĐOẠN TRỪ THỨ HAI
(*Dutiyachandappahānasutta*) (*S*. III. 161)

112. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào; phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với sắc... hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, sắc ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ...

Này các Tỷ-kheo,... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Này các Tỷ-kheo, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào; phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm thủ trước, thiên chấp tùy miên nào đối với thức, hãy đoạn trừ chúng. Như vậy, thức ấy sẽ được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi lại trong tương lai.



XII. PHẨM THUYẾT PHÁP (*DHAMMAKATHIKAVAGGA*)

I. KINH VÔ MINH (*Avijjāsutta*)[160] (*S*. III. 162)

113. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ hành... không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Này Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

II. KINH MINH (*Vijjāsutta*)[161] (*S*. III. 163)

114. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Minh, minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

... biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ hành... biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Và cho đến như vậy, một người là minh.

III. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (*Dhammakathikasutta*)[162] (*S*. III. 163)

115. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, được [gọi] là vị thuyết pháp?

– Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào

---

[160] Bản tiếng Anh của PTS: *Ignorance* (or *The Brother*), nghĩa là *Vô minh* (hay *vị Tỷ-kheo*).

[161] Bản tiếng Anh của PTS: *Wisdom* (or *The Brother*), nghĩa là *Minh* (hay *vị Tỷ-kheo*).

[162] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.26. 0005c09); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.28. 0005c29); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.29. 0006a12).

thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Nếu Tỷ-kheo... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

IV. KINH VỊ THUYẾT PHÁP THỨ HAI
(*Dutiyadhammakathikasutta*) (*S*. III. 164)

116. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là vị thuyết pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị thực hành pháp, tùy pháp? Cho đến như thế nào, được gọi là vị đã đạt đến Niết-bàn ngay trong hiện tại?

– Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với sắc, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Nếu Tỷ-kheo... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp về sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo đi vào thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp, tùy pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với thức, được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đã đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

V. KINH TRÓI BUỘC (*Bandhanasutta*)[163] (*S*. III. 164)

117. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thấy bờ,

[163] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.74. 0019b02).

kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

... quán thọ... quán tưởng... quán hành...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh... không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là kẻ vô văn phàm phu, bị trói buộc bởi các trói buộc của thức, bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, kẻ không thấy bờ, kẻ không thấy bờ bên kia, khi sanh bị trói buộc, khi chết bị trói buộc, khi đi từ đời này qua đời khác bị trói buộc.

Còn vị đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, thấy rõ các bậc Thánh... tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi các trói buộc của sắc, không bị trói buộc bởi các trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ, vị đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

... thọ... tưởng... hành... không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị đa văn Thánh đệ tử, không bị trói buộc bởi sự trói buộc của thức, không bị trói buộc bởi sự trói buộc nội ngoại, vị đã thấy bờ, đã thấy bờ bên kia. Ta nói, vị ấy đã giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ.

VI. KINH NGƯỜI CẬT VẤN (*Paripucchitasutta*)[164] (*S*. III. 165)

118. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có quán sắc: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

... thọ... tưởng... hành...

... các ông có quán thức: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các ông phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lại đời này nữa."

---

[164] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.76. 0019c12).

VII. KINH NGƯỜI CẬT VẤN THỨ HAI (*Dutiyaparipucchitasutta*)[165] (*S*. III. 166)

119. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có quán sắc: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải như thật quán sắc với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

... thọ... tưởng... hành...

... các ông có quán thức: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải như thật quán thức với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy biết rõ: "... không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojaniyasutta*) (*S*. III. 166)

120. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về các pháp bị trói buộc và sự trói buộc. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị trói buộc? Thế nào là sự trói buộc? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với sắc là sự trói buộc của sắc.

... Thọ... Tưởng... Hành...

Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị trói buộc. Dục và tham đối với thức là sự trói buộc của thức.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị trói buộc. Đây là sự trói buộc.

IX. KINH CHẤP THỦ (*Upādāniyasutta*) (*S*. III. 167)

121. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các ông về các pháp bị chấp thủ và sự chấp thủ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ? Thế nào là sự chấp thủ? Sắc, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với sắc là sự chấp thủ đối với sắc.

---

[165] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.76. 0019c12).

... Thọ... Tưởng... Hành...

Thức, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ. Dục và tham đối với thức là sự chấp thủ đối với thức.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này, được gọi là các pháp bị chấp thủ. Đây là sự chấp thủ.

X. KINH VỊ GIỮ GIỚI (*Sīlavantasutta*)[166] (*S*. III. 167)

122. Một thời, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (chư thiên đọa xứ), Lộc Uyển.

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta... thưa như sau:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, những pháp gì Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý?

– Này Hiền giả Koṭṭhika, Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Koṭṭhika, vị Tỷ-kheo giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỷ-kheo giữ giới do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Dự lưu.

– Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Sāriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?

– Với Tỷ-kheo đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Koṭṭhika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Nhất lai.

– Nhưng Tỷ-kheo Nhất lai, này Hiền giả Sāriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?

– Tỷ-kheo Nhất lai, này Hiền giả Koṭṭhika, phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo Nhất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả Bất lai.

– Nhưng Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Sāriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?

– Tỷ-kheo Bất lai, này Hiền giả Koṭṭhika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỷ-kheo

[166] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.259. 0065b05).

Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường... vô ngã, có thể chứng được quả A-la-hán.

– Nhưng vị A-la-hán, này Hiền giả Sāriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?

– Vị A-la-hán, này Hiền giả Koṭṭhika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

XI. KINH VỊ CÓ NGHE (*Sutavantasutta*) (*S*. III. 169)

123. (Như kinh trên, chỉ thay thế "vị giữ giới" bằng "vị có nghe").

XII. KINH KAPPA (*Kappasutta*)[167] (*S*. III. 169)

124. Nhân duyên ở Sāvatthi. Rồi Tôn giả Kappa đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

– Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, lại không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn?

– Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì...

Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Do biết như vậy, do thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

XIII. KINH KAPPA THỨ HAI (*Dutiyakappasutta*) (*S*. III. 170)

125. Nhân duyên ở Sāvatthi. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kappa bạch Thế Tôn:

– Do biết như thế nào, do thấy như thế nào, bạch Thế Tôn, đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có các [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt qua kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát?

– Phàm có sắc gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... tất cả sắc,

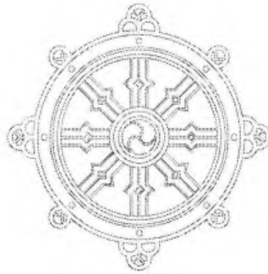
[167] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.22. 0004c20).

sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì...

Phàm có thức gì, này Kappa, thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức, sau khi như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", được giải thoát, không có chấp thủ.

Do biết như vậy, thấy như vậy, này Kappa, đối với thân có thức này, và trong tất cả tướng ở ngoài, tâm ý không có [các tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, vượt ngoài kiêu mạn, tịch tịnh, khéo giải thoát.



XIII. PHẨM VÔ MINH
(*AVIJJĀVAGGA*)

I. KINH TẬP PHÁP (*Samudayadhammasutta*)[168] (*S*. III. 170)

126. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi; không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt; không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

... Thọ... Tưởng... Hành...

... không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi; không như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt; không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, bạch Thế Tôn? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi" là sắc chịu sự tập khởi; như thật biết rõ: "Sắc chịu sự đoạn diệt" là sắc chịu sự đoạn diệt; như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

... Thọ... Tưởng... Hành...

... như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi" là thức chịu sự tập khởi; như thật biết rõ: "Thức chịu sự đoạn diệt" là thức chịu sự đoạn diệt; như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt" là thức chịu sự tập khởi và đoạn diệt.

Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

[168] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.256. 0064b22).

II. KINH TẬP PHÁP THỨ HAI (*Dutiyasamudayadhammasutta*) (*S*. III. 172)

127. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, Lộc Uyển.

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika thưa với Tôn giả Sāriputta:

– "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả Sāriputta? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

(Như kinh trên)…

III. KINH TẬP PHÁP THỨ BA (*Tatiyasamudayadhammasutta*) (*S*. III. 172)

128. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chư thiên đọa xứ), tại Lộc Uyển…

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika thưa với Tôn giả Sāriputta:

– "Minh, minh", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả Sāriputta? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

(Như kinh trên)…

IV. KINH VỊ NGỌT (*Assādasutta*) (*S*. III. 173)

129. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika thưa với Tôn giả Sāriputta:

– "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Và cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Đây là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

V. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (*Dutiyaassādasutta*) (*S*. III. 173)

130. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển...

– "Minh, minh", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Hiền giả, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Đây gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

VI. KINH TẬP KHỞI (*Samudayasutta*) (*S*. III. 174)

131. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển...

– "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

VII. KINH TẬP KHỞI THỨ HAI (*Dutiyasamudayasutta*) (*S*. III. 174)

132. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika thưa với Tôn giả Sāriputta:

– "Minh, minh", thưa Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Hiền giả, vị đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy được gọi là minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là minh.

VIII. KINH KOṬṬHIKA (*Koṭṭhikasutta*) (*S*. III. 175)

133. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Migadāya.

Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākoṭṭhika:

– "Vô minh, vô minh", này Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào, được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy gọi là vô minh, này Hiền giả. Cho đến như vậy được gọi là vô minh.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Koṭṭhika:

– "Minh, minh", thưa Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Hiền giả, bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

IX. KINH KOṬṬHIKA THỨ HAI (*Dutiyakoṭṭhikasutta*) (*S*. III. 175)

134. Tại Bārāṇasī, Isipatana, Migadāya...

– "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy, được gọi là vô minh.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Koṭṭhika:

– "Minh, minh", thưa Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Hiền giả, vị đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc.

... thọ... tưởng... hành... như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của thức.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy, được gọi là minh.

X. KINH KOṬṬHIKA THỨ BA (*Tatiyakoṭṭhikasutta*) (*S*. III. 176)

135. Nhân duyên như trên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Koṭṭhika:

– "Vô minh, vô minh", thưa Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Và thế nào là vô minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là vô minh?

– Ở đây, này Hiền giả, kẻ vô văn phàm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

... thọ... tưởng... hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là vô minh. Cho đến như vậy, được gọi là vô minh.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Koṭṭhika:

– "Minh, minh", thưa Hiền giả Koṭṭhika, được nói đến như vậy. Thế nào là minh, thưa Hiền giả? Cho đến như thế nào được gọi là minh?

– Ở đây, này Hiền giả, vị đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

... thọ... tưởng... hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

Như vậy, này Hiền giả, được gọi là minh. Cho đến như vậy được gọi là minh.

XIV. PHẨM THAN ĐỎ (*KUKKUḶAVAGGA*)

I. KINH THAN ĐỎ HỰC (*Kukkuḷasutta*)[169] (*S*. III. 177)

136. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Sắc là than đỏ, này các Tỷ-kheo. Thọ là than đỏ. Tưởng là than đỏ. Hành là than đỏ. Thức là than đỏ.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức.

Do nhàm chán nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*) (*S*. III. 177)

137. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, các ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

Này các Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành...

Thức là vô thường, ở đây, các ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đây, các ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

III. KINH VÔ THƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyaaniccasutta*) (*S*. III. 178)

138. (Như kinh trên, chỉ thay thế "tham (*rāga*)" cho "dục (*chanda*)").

IV. KINH VÔ THƯỜNG THỨ BA (*Tatiyaaniccasutta*) (*S*. III. 178)

139. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "dục và tham").

V-VI-VII. KINH KHỔ THỨ NHẤT, THỨ HAI, THỨ BA (*Dukkhasutta*, *Dutiyadukkhasutta*, *Tatiyadukkhasutta*) (*S*. III. 178)

140-142. (Như các kinh trên, chỉ thay thế "khổ" cho "vô thường").

VIII-IX-X. KINH VÔ NGÃ THỨ NHẤT, THỨ HAI, THỨ BA (*Anattasutta, Dutiyaanattasutta, Tatiyaanattasutta*) (*S*. III. 178)

143-145. (Như các kinh trên, chỉ thay thế "vô ngã" cho "khổ").

---

[169] *Kukkuḷa*. Xem *KS*. I. 268; *PC*. 127.

XI. KINH NHÀM CHÁN NHIỀU (*Nibbidābahulasutta*)[170] (*S*. III. 179)

146. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp (*anudhamma*). Hãy sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, hãy sống nhàm chán nhiều đối với thức.

Ai sống nhàm chán nhiều đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, ai sống nhàm chán nhiều đối với thức; thời sẽ biến tri sắc... thọ... tưởng... hành, biến tri thức.

Vị nào biến tri sắc, biến tri thọ, biến tri tưởng, biến tri hành, biến tri thức; thời được giải thoát khỏi sắc, được giải thoát khỏi thọ, được giải thoát khỏi tưởng, được giải thoát khỏi hành, được giải thoát khỏi thức, được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XII. KINH QUÁN VÔ THƯỜNG (*Aniccānupassīsutta*) (*S*. III. 179)

147. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp. Hãy sống quán vô thường đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, hãy sống quán vô thường đối với thức… Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XIII. KINH QUÁN KHỔ (*Dukkhānupassīsutta*)[171] (*S*. III. 180)

148. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp. Hãy sống quán khổ đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, hãy sống quán khổ đối với thức… Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

XIV. KINH QUÁN VÔ NGÃ (*Anattānupassīsutta*) (*S*. III. 180)

149. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Đối với vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, này các Tỷ-kheo, đây là thuận pháp. Hãy sống quán vô ngã đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành, hãy sống quán vô ngã đối với thức… Ta nói vị ấy được giải thoát khỏi đau khổ.

---

[170] Tên kinh này và 2 kinh (147, 149) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By the Clansman from Suffering*, nghĩa là *Đối với vị thiện nam giải thoát khỏi khổ đau*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.47. 0012a09).
[171] Bản tiếng Anh của PTS thiếu kinh này.

XV. PHẨM KIẾN (*DIṬṬHIVAGGA*)

I. KINH NỘI (*Ajjhattasutta*)[172] (*S*. III. 180)

150. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, nội lạc, khổ khởi lên?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, nội lạc, khổ khởi lên.

Do có thọ... tưởng... hành...

Do có thức, do chấp thủ thức, nội lạc, khổ khởi lên.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, nội lạc, khổ có thể khởi lên không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời nội lạc, khổ có thể sanh khởi không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH CÁI NÀY LÀ CỦA TÔI (*Etaṃmamasutta*)[173] (*S*. III. 181)

151. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì mà quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có sắc, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc... do có

[172] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.146. 0043b05).

[173] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.133. 0041c14); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.142. 0043a20).

thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức nên quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn...

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn…

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH NGÃ (*Soattāsutta*)[174] (*S.* III. 182)

152. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, tà kiến này khởi lên: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại."

... thọ... tưởng... hành...

Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại."

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn?

---

[174] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.252. 0043c09).

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến như sau: "Cái này là ngã, cái này là thế giới, cái này sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH CÓ THỂ KHÔNG PHẢI CỦA TA (*Nocamesiyāsutta*) (*S*. III. 183)

153. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì tà kiến như sau sanh khởi: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có sắc, chấp thủ sắc, thiên chấp sắc nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta."

... thọ... tưởng... hành...

Do có thức, chấp thủ thức, thiên chấp thức nên tà kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi tà kiến như sau: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."

V. KINH TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhisutta*) (*S*. III. 184)

154. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp gì, tà kiến khởi lên?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có sắc, có chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, khởi lên tà kiến.

... thọ... tưởng... hành... do có thức, có chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên tà kiến.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có nên chấp thủ cái ấy và khởi lên tà kiến không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH THÂN KIẾN (*Sakkāyadiṭṭhisutta*) (*S*. III. 185)

155. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thân kiến" cho "tà kiến").

VII. KINH NGÃ KIẾN (*Attānudiṭṭhisutta*) (*S*. III. 185)

156. (Như kinh trên, chỉ thay thế "ngã kiến").

VIII. KINH THIÊN KIẾN (*Abhinivesasutta*) (*S*. III. 186)

157. (Như kinh trên, chỉ thay thế "bị trói buộc, thiên chấp kiết sử" cho "ngã kiến").

IX. KINH THIÊN KIẾN THỨ HAI (*Dutiyaabhinivesasutta*) (*S*. III. 187)

158. (Như kinh trên, chỉ thêm "sự tham trước về sự trói buộc, thiên chấp các kiết sử").

X. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*S*. III. 188)

159. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để sau khi nghe pháp, con sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ông nghĩ thế nào, này Ānanda, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

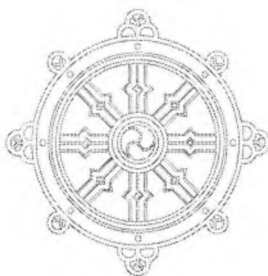
– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Do thấy vậy... vị ấy biết rõ... "... không còn trở lại đời này nữa."



23. TƯƠNG ƯNG RĀDHA
(*RĀDHASAMYUTTA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH MĀRA (*Mārasutta*)[1] (*S*. III. 189)

160. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Rādha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Māra, Māra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Māra?

– Nếu có sắc, này Rādha, thời có chết (*māra*) hay có kẻ giết người (*māretā*), hay có bị chết (*mīyati*). Do vậy, này Rādha, ông hãy thấy sắc là sự chết, hãy thấy là kẻ giết người, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy sắc như vậy là thấy chơn chánh.

Nếu có thọ... tưởng... hành...

Nếu có thức, này Rādha, thời có chết, hay có kẻ giết người, hay có bị chết. Do vậy, này Rādha, ông hãy thấy thức là sự chết, hãy thấy là kẻ giết người, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy thức như vậy là thấy chơn chánh.

– Bạch Thế Tôn, chánh quán với mục đích gì?

– Chánh quán, này Rādha, với mục đích nhàm chán.

– Bạch Thế Tôn, nhàm chán với mục đích gì?

– Nhàm chán, này Rādha, với mục đích ly tham.

– Bạch Thế Tôn, ly tham với mục đích gì?

– Ly tham, này Rādha, với mục đích được giải thoát.

– Bạch Thế Tôn, giải thoát với mục đích gì?

– Giải thoát, này Rādha, với mục đích Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.120. 0039b25).

– Này Rādha, ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-bàn, này Rādha, là sự thực hành Phạm hạnh. Niết-bàn là mục tiêu cuối cùng, Niết-bàn là cứu cánh.

II. KINH CHÚNG SANH (*Sattasutta*)[2] (*S*. III. 189)

161. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Chúng sanh, chúng sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là chúng sanh (*sattā*)?

– Này Rādha, dục nào (*chanda*), tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh.

Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thọ... tưởng... hành...

Dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với thức, triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, do vậy gọi là chúng sanh.

Ví như, này Rādha, các đứa con trai hay các đứa con gái chơi với cái nhà bằng đất. Cho đến khi đối với những nhà bằng đất ấy, lòng tham chưa thoát ly, lòng dục chưa thoát ly, lòng ái chưa thoát ly, lòng khát chưa thoát ly, lòng nhiệt tình chưa thoát ly, lòng khát ái chưa thoát ly, thời chúng còn tham dính vào, thích chơi, chất chứa, và đắm trước những nhà bằng đất ấy.

Nhưng khi nào các đứa con trai hay các đứa con gái ấy đối với những nhà bằng đất kia, lòng tham đã thoát ly, lòng dục đã thoát ly, lòng ái đã thoát ly, lòng khát đã thoát ly, lòng nhiệt tình đã thoát ly, lòng khát ái đã thoát ly, thời với tay và với chân, chúng phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.

Cũng vậy, này Rādha, ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với sắc.

Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với thọ... tưởng... hành...

Ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với thức, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với thức.

Đoạn diệt khát ái, này Rādha, là Niết-bàn.

III. KINH SỢI DÂY TÁI SANH (*Bhavanettisutta*)[3] (*S*. III. 190)

162. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Đoạn diệt sợi dây tái sanh, đoạn diệt sợi dây tái sanh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là sợi dây tái sanh, bạch Thế Tôn? Thế nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh?

– Này Rādha, phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ

[2] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.122. 0040a04).
[3] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.111. 0037c06).

phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với sắc, như vậy gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

Phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với thọ... với tưởng... với hành...

Phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với thức, như vậy gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh.

IV. KINH SỞ BIẾN TRI (*Pariññeyyasutta*)[4] (*S*. III. 191)

163. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Rādha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, Ta sẽ thuyết về các pháp cần phải biến tri, sự biến tri, và người đã được biến tri. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rādha vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Rādha, thế nào là pháp cần phải biến tri? Sắc, này Rādha, là pháp cần phải biến tri. Thọ, này Rādha, là pháp cần phải biến tri. Tưởng, này Rādha, là pháp cần phải biến tri. Hành, này Rādha, là pháp cần phải biến tri. Thức, này Rādha, là pháp cần phải biến tri. Những pháp này, này Rādha, là những pháp cần phải biến tri.

Và này Rādha, thế nào là sự biến tri?

Này Rādha, sự đoạn diệt tham, sự đoạn diệt sân, sự đoạn diệt si. Như vậy, này Rādha, gọi là sự biến tri.

Và này Rādha, thế nào là người đã được biến tri? Bậc A-la-hán, cần phải trả lời như vậy; bậc Tôn giả với tên như thế này, với dòng họ như thế này. Như vậy, này Rādha, là người đã được biến tri.

V. KINH SA-MÔN (*Samaṇasutta*) (*S*. III. 191)

164. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Này Rādha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

[4] Xem *S*. II. 17. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.112. 0017c24).

Nhưng này Rādha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn và được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VI. KINH SA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇasutta*) (*S*. III. 192)

165. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn...

(Như kinh trên, chỉ thêm "sự tập khởi, sự đoạn diệt" vào trước "vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn").

VII. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (*S*. III. 192)

166. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

Này Rādha, khi nào bậc đa văn Thánh đệ tử như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này. Vị này, này Rādha, được gọi là vị Thánh đệ tử đã chứng Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Cứu cánh Bồ-đề.

VIII. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (*S*. III. 193)

167. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

Này Rādha, khi nào Tỷ-kheo sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này; vị ấy được giải thoát, không có chấp thủ; như vậy, gọi vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn tận hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí.

IX. KINH DỤC THAM (*Chandarāgasutta*) (*S*. III. 193)

168. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Này Rādha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc,

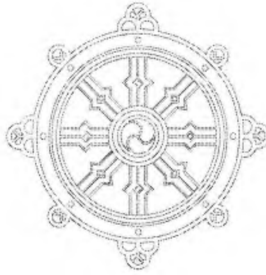
hãy từ bỏ chúng. Như vậy, sắc sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Này Rādha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Này Rādha, phàm có dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào, đối với thức, hãy từ bỏ chúng. Như vậy, thức sẽ được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

X. KINH DỤC THAM THỨ HAI (*Dutiyachandarāgasutta*) (*S*. III. 194)

169. (Như kinh trên, chỉ thêm vào "phàm có những chấp thủ phương tiện, tâm kiên trú, thiên chấp tùy miên").



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH MĀRA (*Mārasutta*) (*S*. III. 195)

170. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Māra, Māra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Thế nào là Māra, bạch Thế Tôn?

– Sắc, này Rādha, là Māra. Thọ là Māra. Tưởng là Māra. Hành là Māra. Thức là Māra.

Do thấy vậy, này Rādha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH TÁNH CHẤT CỦA MĀRA (*Māradhammasutta*) (*S*. III. 195)

171. (Như kinh trên, chỉ thay thế "Māra" bằng "tánh chất của Māra").

III. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*) (*S*. III. 195)

172. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Vô thường, vô thường", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô thường?

– Sắc, này Rādha, là vô thường. Thọ là vô thường. Tưởng là vô thường. Hành là vô thường. Thức là vô thường.

Do thấy vậy, này Rādha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH VÔ THƯỜNG TÁNH (*Aniccadhammasutta*) (*S*. III. 195)

173. (Như kinh trên, chỉ thay thế "vô thường" bằng "vô thường tánh").

V. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*S*. III. 196)

174. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– "Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là khổ?

– Sắc, này Rādha, là khổ. Thọ là khổ. Tưởng là khổ. Hành là khổ. Thức là khổ.

Do thấy vậy, này Rādha, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối thức; do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH KHỔ TÁNH (*Dukkhadhammasutta*) (*S*. III. 196)

175. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "khổ tánh").

VII. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*) (*S*. III. 196)

176. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "vô ngã").

VIII. KINH VÔ NGÃ TÁNH (*Anattadhammasutta*) (*S*. III. 196)

177. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "vô ngã tánh").

IX. KINH TẬN PHÁP (*Khayadhammasutta*) (*S*. III. 197)

178. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "tận pháp").

X. KINH DIỆT PHÁP (*Vayadhammasutta*) (*S*. III. 197)

179. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "diệt pháp").

XI. KINH TẬP KHỞI PHÁP (*Samudayadhammasutta*) (*S*. III. 197)

180. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "tập khởi pháp").

XII. KINH ĐOẠN DIỆT PHÁP (*Nirodhadhammasutta*) (*S*. III. 197)

181. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" bằng "đoạn diệt pháp").

III. PHẨM SƠ VẤN (*ĀYĀCANAVAGGA*)

I-XI. NHÓM 11 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH MĀRA (*Mārādisuttaekādasaka*)[5] (*S.* III. 198)

182. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì là Māra, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Māra, này Rādha? Sắc, này Rādha, là Māra; ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Māra, ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Hành... Thức là Māra, ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì là Māra, này Rādha, thời ở đây ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

183. Cái gì thuộc về Ma tánh (*Māradhamma*), này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...

184. Cái gì là vô thường...

185. Cái gì là vô thường tánh...

186. Cái gì là khổ...

187. Cái gì là khổ tánh...

188. Cái gì là vô ngã...

189. Cái gì là vô ngã tánh...

190. Cái gì là đoạn tận...

191. Cái gì là đoạn diệt...

192. Cái gì là tập khởi tánh, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

XII. KINH ĐOẠN DIỆT TÁNH (*Nirodhadhammasutta*) (*S.* III. 199)

193. Nhân duyên ở Sāvatthi.

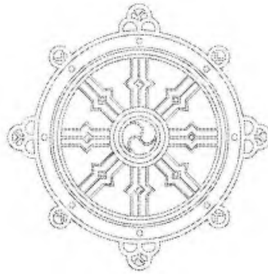
---

[5] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.124. 0040b19).

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì là đoạn diệt pháp, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là đoạn diệt pháp, này Rādha? Sắc, này Rādha, là đoạn diệt pháp; ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là đoạn diệt pháp; ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.



IV. PHẨM THÂN CẬN (*UPANISINNAVAGGA*)

I-XI. NHÓM 11 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH MĀRA (*Mārādisuttaekādasaka*) (*S.* III. 200)

194. Nhân duyên ở Sāvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Cái gì là Māra, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì là Māra, này Rādha? Sắc, này Rādha, là Māra; ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ là Māra, ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Tưởng... Hành... Thức là Māra, ở đây, ông cần đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì là Māra, này Rādha, thời ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham.

195. Cái gì thuộc về Ma tánh, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham...

196. Cái gì là vô thường (*anicca*)…

197. Cái gì có vô thường tánh (*aniccadhamma*)…

198. Cái gì là khổ (*dukkha*)…

199. Cái gì có khổ tánh (*dukkhadhamma*)…

200. Cái gì là vô ngã (*anattā*)…

201. Cái gì có vô ngã tánh (*anattādhamma*)…

202. Cái gì chịu sự đoạn tận (*khayadhamma*)…

203. Cái gì chịu sự biến diệt (*vayadhamma*)…

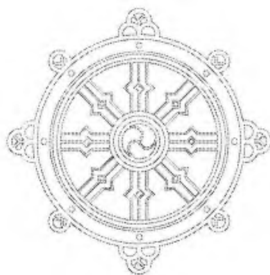
204. Cái gì là tập khởi pháp (*samudayadhamma*)…

XII. KINH ĐOẠN DIỆT TÁNH (*Nirodhadhammasutta*) (*S.* III. 200)

205. Nhân duyên ở Sāvatthi. Thế Tôn nói với Tôn giả Rādha đang ngồi một bên:

– Cái gì là đoạn diệt tánh, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, đoạn trừ lòng tham, đoạn trừ lòng dục và tham. Và cái gì có là đoạn diệt tánh, này Rādha? Sắc, này Rādha, là đoạn diệt tánh; ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng

dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Thọ... Tưởng... Hành... Thức là đoạn diệt tánh; ở đây, ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng dục và tham. Cái gì có đoạn diệt tánh, này Rādha, ở đây ông cần phải đoạn trừ lòng dục, cần đoạn trừ lòng tham, cần đoạn trừ lòng dục và tham.



24. TƯƠNG ƯNG KIẾN
(*DIṬṬHISAṂYUTTA*)

I. PHẨM DỰ LƯU (*SOTĀPATTIVAGGA*)

I. KINH GIÓ (*Vātasutta*)[1] (*S*. III. 202)

206. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Do có thọ... có tưởng... có hành...

Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

---

[1] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.164. 0045a02).

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành...

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. KINH CÁI NÀY LÀ CỦA TÔI (*Etaṃmamasutta*) (*S.* III. 203)

207. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi."

Do có thọ... tưởng... hành...

Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này được khởi lên: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

III. KINH CÁI NÀY LÀ TỰ NGÃ (*Soattāsutta*) (*S*. III. 204)

208. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại."

Do có thọ... tưởng... hành...

Do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên:

"Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: "Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Thánh đệ tử chứng được Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

IV. KINH CÓ THỂ KHÔNG PHẢI CỦA TA (*Nocamesiyāsutta*) (*S.* III. 206)

209. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta"?

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

V. KINH KHÔNG CÓ BỐ THÍ (*Natthidinnasutta*)[2] (*S*. III. 207)

210. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi [đến chỗ hỏa táng], thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

VI. KINH HÀNH ĐỘNG (*Karotosutta*)[3] (*S*. III. 208)

211. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Tự mình làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo, mà đưa đến phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

---

[2] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.154-155. 0043c21-0044a01); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.156. 0044a11).

[3] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.162. 0044b29).

VII. KINH NHÂN (*Hetusutta*)[4] (*S*. III. 209)

212. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Không có nhân, không có duyên khiến cho các loài hữu tình bị nhiễm ô; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tánh của họ. Họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của họ"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

VIII. KINH ĐẠI TÀ KIẾN (*Mahādiṭṭhisutta*)[5] (*S*. III. 210)

213. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, khởi lên [tà] kiến như sau: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là một trăm bốn mươi vạn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và năm nghiệp [theo năm căn], lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý], lại có toàn nghiệp [thân và khẩu], và bán nghiệp [ý], có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài nāga, hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tưởng thai, bảy vô tưởng thai, bảy tiết thai, bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy núi hay hồ nhỏ (*pavuṭā*), bảy vực thẳm (*papāta*), bảy trăm vực thẳm, bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: "Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc

---

[4] Xem *D*. I. 58. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.157-160. 0044a22-b11).

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.161. 0044b16); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.163. 0044c12).

trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục", không thể có điều đó. Khổ và lạc được đo lường với những vật đo lường, bị giới hạn trong vòng luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ tròn như trái banh được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau."

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

IX. KINH THƯỜNG KIẾN (*Sassataditthisutta*) (*S.* III. 213)

214. (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến. Ở đây "tà kiến" được thay bằng "thế giới là thường còn").

X. KINH VÔ THƯỜNG KIẾN (*Asassataditthisutta*) (*S.* III. 214)

215. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "thế giới là vô thường").

XI. KINH HỮU BIÊN (*Antavāsutta*) (*S.* III. 214)

216. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "thế giới là hữu biên").

XII. KINH VÔ BIÊN (*Anantavāsutta*) (*S.* III. 215)

217. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "thế giới là vô biên").

XIII. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ MỘT (*Taṃjīvaṃtaṃsarīraṃsutta*) (*S.* III. 215)

218. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "mạng với thân là một").

XIV. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ KHÁC (*Aññaṃjīvaṃaññaṃsarīraṃsutta*) (*S.* III. 215)

219. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "mạng với thân là khác").

XV. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI (*Hotitathāgatosutta*) (*S.* III. 215)

220. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "Như Lai có tồn tại").

XVI. KINH NHƯ LAI KHÔNG CÓ TỒN TẠI (*Nahotitathāgatosutta*) (*S.* III. 215)

221. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "Như Lai không có tồn tại").

XVII. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI VÀ KHÔNG CÓ TỒN TẠI (*Hoticanacahotitathāgatosutta*) (*S.* III. 215)

222. (Như kinh trên, chỉ khác "tà kiến" được thay bằng "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại").

XVIII. KINH NHƯ LAI KHÔNG TỒN TẠI VÀ KHÔNG KHÔNG TỒN TẠI (*Nevahotinanahotitathāgatosutta*) (*S*. III. 216)

223. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."... thọ... tưởng... hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên [tà] kiến này: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thọ... Tưởng... Hành... Thức...

– Cái được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi và thân], được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư; cái ấy là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với các xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; vị Thánh đệ tử như vậy được gọi là đã chứng được bậc Dự Lưu, không bị thối đọa, chắc quyết hướng đến giác ngộ.

II. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ HAI (*DUTIYAGAMANAVAGGA*)

I. KINH GIÓ (*Vātasutta*) (*S.* III. 217)

224. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản…

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi… Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi… Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang

thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

II-XVII.

225-240. (Tương tự đối với kinh II-XVII trong Chương III, *Tương ưng kiến*, phẩm I).

XVIII. KINH PHI HỮU PHI VÔ (*Nevahotinanahotisutta*) (*S*. III. 218)

241. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản…

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

… chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

… chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

XIX. KINH TỰ NGÃ CÓ SẮC (*Rūpīattāsutta*) (*S*. III. 218)

242. (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến được thay bằng "Tự ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh").

XX. KINH TỰ NGÃ KHÔNG CÓ SẮC (*Arūpīattāsutta*) (*S*. III. 219)

243. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh").

XXI. KINH TỰ NGÃ CÓ SẮC VÀ KHÔNG SẮC
(*Rūpīcaarūpīcaattāsutta*) (*S*. III. 219)

244. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã có sắc và không sắc, sau khi chết, không bệnh").

XXII. KINH TỰ NGÃ KHÔNG CÓ SẮC VÀ KHÔNG KHÔNG CÓ SẮC
(*Nevarūpīnārūpīattāsutta*) (*S*. III. 219)

245. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã không có sắc và không không có sắc, sau khi chết, không bệnh").

XXIII. KINH THUẦN LẠC (*Ekantasukhīsutta*) (*S*. III. 219)

246. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã thuần lạc, sau khi chết, không bệnh").

XXIV. KINH THUẦN KHỔ (*Ekantadukkhīsutta*) (*S*. III. 220)

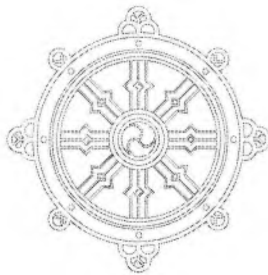
247. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã thuần khổ, sau khi chết, không bệnh").

XXV. KINH THUẦN LẠC VÀ THUẦN KHỔ
(*Sukhadukkhīsutta*) (*S*. III. 220)

248. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã thuần lạc và thuần khổ, sau khi chết, không bệnh").

XXVI. KINH CHẲNG PHẢI KHỔ CHẲNG PHẢI LẠC
(*Adukkhamasukhīsutta*) (*S*. III. 220)

249. (Như kinh trên, được thay thế bằng "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, sau khi chết, không bệnh").



III. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ BA
(*TATIYAGAMANAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (*Navātasutta*) (*S.* III. 221)

250. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản…

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi… Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi… Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

… chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

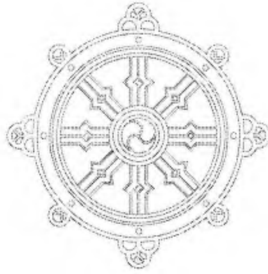
– Như vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

II-XXV. (*S*. III. 223)

251-274. (Như phẩm II ở trên).

XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (*Adukkhamasukhīsutta*) (*S*. III. 223)

275. (Như phẩm II ở trên).



IV. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ TƯ (*CATUTTHAGAMANAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (*Navātasutta*) (*S.* III. 223)

276. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản…

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi… Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các sắc ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: "Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi." Bất kỳ thọ… tưởng… hành… thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong

hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: "Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi."

Thấy vậy… vị ấy biết rõ: "... sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa." (Như phẩm III ở trên).

II-XXV. (*S*. III. 224)

277-300. (Như phẩm II ở trên).

XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (*Adukkhamasukhīsutta*) (*S*. III. 224)

301. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết"?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản…

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết."

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: "Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

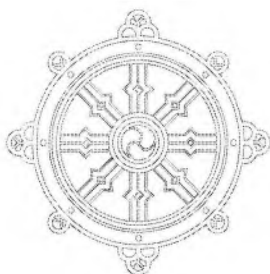
– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: "Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các sắc ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: "Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi." Bất kỳ thọ… tưởng… hành… thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: "Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa."



25. TƯƠNG ƯNG NHẬP
(*OKKANTASAṂYUTTA*)

I. KINH MẮT (*Cakkhusutta*) (*S.* III. 225)

302. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt Phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Với ai, này các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ và những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt Phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Với ai, này các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. KINH SẮC (*Rūpasutta*) (*S.* III. 225)

303. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý").

III. KINH THỨC (*Viññāṇasutta*) (*S.* III. 226)

304. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức").

IV. KINH XÚC (*Samphassasutta*) (*S.* III. 226)

305. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc").

V. KINH THỌ (*Samphassajāsutta*) (*S.* III. 226)

306. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng

"thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh").

VI. KINH SẮC TƯỞNG (*Rūpasaññāsutta*)[1] (*S*. III. 227)

307. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").

VII. KINH SẮC TƯ (*Rūpasañcetanāsutta*)[2] (*S*. III. 227)

308. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. KINH SẮC ÁI (*Rūpataṇhāsutta*)[3] (*S*. III. 227)

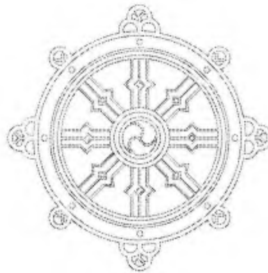
309. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. KINH ĐỊA GIỚI (*Pathavīdhātusutta*)[4] (*S*. III. 227)

310. (Như kinh trên, chỉ thay thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").

X. KINH UẨN (*Khandhasutta*) (*S*. III. 227)

311. (Như kinh trên, chỉ thế "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" bằng "sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn").



[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Perception*, nghĩa là *Tưởng*.
[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Volition*, nghĩa là *Tư*.
[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Craving*, nghĩa là *Ái*.
[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Element*, nghĩa là *Giới*.

26. TƯƠNG ƯNG SANH
(*UPPĀDASAṂYUTTA*)

I. KINH MẮT (*Cakkhusutta*)[1] (*S*. III. 228)

312. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của mắt là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của sắc là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khổ, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

II. KINH SẮC (*Rūpasutta*) (*S*. III. 229)

313. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”).

III. KINH THỨC (*Viññāṇasutta*) (*S*. III. 229)

314. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức”).

IV. KINH XÚC (*Samphassasutta*) (*S*. III. 229)

315. (Như kinh trên, chỉ thế bằng “nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc”).

V. KINH THỌ (*Samphassajāsutta*) (*S*. III. 230)

316. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh”).

VI. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*) (*S*. III. 230)

317. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng “sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng”).

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.315. 0090c25); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.899. 0225b27).

VII. KINH TƯ (*Sañcetanāsutta*) (*S.* III. 230)

318. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. KINH ÁI (*Taṇhāsutta*) (*S.* III. 230)

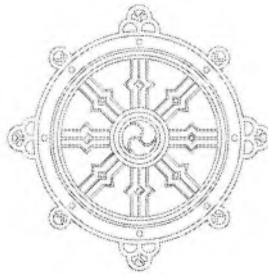
319. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. KINH GIỚI (*Dhātusutta*) (*S.* III. 231)

320. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").

X. KINH UẨN (*Khandhasutta*) (*S.* III. 231)

321. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn").



27. TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO
(*KILESASAṂYUTTA*)

I. KINH MẮT (*Cakkhusutta*) (*S*. III. 232)

322. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, dục tham đối với mắt là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với tai là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với mũi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với lưỡi là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thân là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với ý là tùy phiền não của tâm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. KINH SẮC (*Rūpasutta*) (*S*. III. 232)

323. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp").

III. KINH THỨC (*Viññāṇasutta*) (*S*. III. 232)

324. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức").

IV. KINH XÚC (*Samphassasutta*) (*S*. III. 233)

325. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc").

V. KINH THỌ (*Samphassajāsutta*) (*S*. III. 233)

326. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh").

VI. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*) (*S*. III. 233)

327. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").

VII. KINH TƯ (*Sañcetanāsutta*) (*S*. III. 233)

328. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. KINH ÁI (*Taṇhāsutt* 234)

329. (Như kinh trên, chỉ ằng "sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. KINH GIỚI (*Dhātusu* 234)

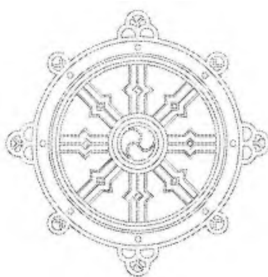
330. (Như kinh trên, ch bằng "địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới"

X. KINH UẨN (*Khandhas* I. 234)

331. Nhân duyên ở Sāv

– Này các Tỷ-kheo, dục ới sắc uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thọ uẩn là tùy của tâm. Dục tham đối với tưởng uẩn là tùy phiền não của tâm. Dụ với hành uẩn là tùy phiền não của tâm. Dục tham đối với thức uẩn n não của tâm.

Này các Tỷ-kheo, khi r kheo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấ ề ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, đối với các pháp cần phải giác ngộ.



28. TƯƠNG ƯNG SĀRIPUTTA
(*SĀRIPUTTASAṂYUTTA*)

I. KINH DO VIỄN LY SANH (*Vivekajasutta*)[1] (*S*. III. 235)

332. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực.

Đi khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, Tôn giả đi đến Andhavana để nghỉ trưa. Sau khi đi vào Andhavana, Tôn giả đến ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Sāriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, ly dục, ly pháp bất thiện, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sāriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất."

II. KINH KHÔNG TẦM (*Avitakkasutta*) (*S*. III. 235)

333. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Sāriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, làm cho lắng dịu tầm và tứ, tôi đã chứng đạt và an trú

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Solitude*, nghĩa là *Viễn ly*. Bản Hán: *Ly* 離 (*N*.15. 0006.28.1. 0354a05).

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi không có khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sāriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ hai."

III. KINH HỶ (*Pītisutta*) (*S.* III. 236)

334. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Sāriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là: "Xả niệm lạc trú", tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian... hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba."

IV. KINH XẢ (*Upekkhāsutta*) (*S.* III. 237)

335. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Sāriputta từ xa đi đến... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ tư", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ tư", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ tư."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả... hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ tư."

V. KINH KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (*Ākāsānañcāyatanasutta*) (*S.* III. 237)

336. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, đoạn diệt hữu đối tưởng, không tác ý các dị tưởng, với ý nghĩ: "Hư không là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ... hay: "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả... "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ."

VI. KINH THỨC VÔ BIÊN XỨ (*Viññāṇañcāyatanasutta*) (*S.* III. 237)

337. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, với ý nghĩ: "Thức là vô biên", tôi chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Thức vô biên xứ."

...

VII. KINH VÔ SỞ HỮU XỨ (*Ākiñcaññāyatanasutta*) (*S*. III. 237)

338. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ, với ý nghĩ: "Không có vật gì", tôi chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Vô sở hữu xứ."

...

VIII. KINH PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ (*Nevasaññānāsaññāyatanasutta*) (*S*. III. 237)

339. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

...

IX. KINH DIỆT TẬN ĐỊNH (*Nirodhasamāpattisutta*)[2] (*S*. III. 238)

340. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Ānanda thấy... với sự an trú nào?

– Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Nhưng này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định."

– Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sāriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định."

X. KINH SŪCIMUKHĪ (*Sūcimukhīsutta*) (*S*. III. 238)

341. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Rājagaha để khất thực. Sau khi đi khất thực từng nhà một ở Rājagaha, Tôn giả ngồi dựa vào một bức tường, dùng đồ ăn khất thực.

---

[2] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.499. 0131a25).

Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo Sūcimukhī (Tịnh Diện) đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Sa-môn, có phải ông ăn, cúi mặt xuống?

– Này chị, tôi ăn, không cúi mặt xuống.

– Vậy Sa-môn, ông ăn, ngưỡng mặt lên?

– Này chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên.

– Vậy này Sa-môn, ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?

– Này chị, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương chính.

– Vậy này Sa-môn, ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?

– Này chị, tôi ăn, không có hướng mặt về bốn phương phụ.

– Được hỏi: "Này Sa-môn, có phải ông ăn, cúi mặt xuống?", ông trả lời: "Này chị, tôi ăn, không cúi mặt xuống." Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn, ngưỡng mặt lên?", ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên." Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?", ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính." Được hỏi: "Vậy Sa-môn, ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?", ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương phụ." Vậy này Sa-môn, ông ăn, hành động như thế nào?

– Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý (*vatthuvijjā*) và súc sanh minh (nghề hèn hạ); này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn (*nakkhattavijjā*) và súc sanh minh (nghề hèn hạ), này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới, này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương chính.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ, này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ.

Còn ta, này chị, ta không nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới; ta cũng không nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi tìm món ăn một cách hợp pháp, ta dùng các món ăn ấy.

Rồi nữ du sĩ ngoại đạo Sūcimukhī đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư này qua ngã tư khác ở thành Vương Xá, và tuyên bố: "Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách hợp pháp. Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách không có lỗi lầm. Hãy cúng dường các món ăn cho Sa-môn Thích tử."

29. TƯƠNG ƯNG LOÀI RỒNG
(*NĀGASAṂYUTTA*)

I. KINH CHỦNG LOẠI (*Suddhikasutta*)[1] (*S*. III. 240)

342. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại nāga (rồng, rắn) về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại nāga từ trứng sanh, loại nāga từ thai sanh, loại nāga từ ẩm ướt sanh, loại nāga hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại nāga theo sanh chủng.

II. KINH DIỆU THẮNG (*Paṇītatarasutta*) (*S*. III. 240)

343. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại nāga về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại nāga từ trứng sanh, loại nāga từ thai sanh, loại nāga từ ẩm ướt sanh, loại nāga hóa sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại nāga từ thai sanh, loại từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại nāga từ trứng sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại nāga từ ẩm ướt sanh và loại hóa sanh thù thắng hơn loại nāga từ trứng sanh và từ thai sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, loại nāga hóa sanh thù thắng hơn loại nāga từ trứng sanh, loại từ thai sanh và loại từ ẩm ướt sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại nāga theo sanh chủng.

III. KINH UPOSATHA (*Uposathasutta*) (*S*. III. 241)

344. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nāga từ trứng sanh, sống giữ hạnh Bố-tát (*Uposatha*) và từ bỏ thân của chúng?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, một số nāga từ trứng sanh suy nghĩ như sau: "Trước đây chúng ta đã làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý.[2] Do chúng ta làm hai hạnh về thân, hai hạnh về lời nói, hai hạnh về ý ấy, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta sanh cộng trú với các nāga do trứng sanh.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *According to scheme*, nghĩa là *Theo chủng loại*. Bản Hán: *Phẩm loại* 品類 (*N*.15. 0006.29.1. 0362a04). Tham khảo: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.8. 646a07).

[2] *Chú giải* viết hai hạnh, nghĩa là thiện hạnh và bất thiện hạnh (*kusalākusalakārino*).

Nếu nay chúng ta làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý, như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh thiện thú, thiên giới.

Vậy nay chúng ta hãy làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời nói, thiện hạnh về ý."

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây một số nāga do trứng sanh, sống giữ hạnh *Uposatha* và từ bỏ thân của chúng.

IV. KINH UPOSATHA THỨ HAI (*Dutiyauposathasutta*) (*S*. III. 241)

345. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số nāga từ thai sanh sống giữ hạnh *Uposatha* và từ bỏ thân của chúng?

(Như kinh trên)...

– Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một số nāga từ thai sanh sống giữ hạnh *Uposatha* và từ bỏ thân của chúng.

V. KINH UPOSATHA THỨ BA (*Tatiyauposathasutta*) (*S*. III. 242)

346. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "một số nāga từ ẩm ướt sanh").

VI. KINH UPOSATHA THỨ TƯ (*Catutthauposathasutta*) (*S*. III. 242)

347. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "một số nāga hóa sanh").

VII. KINH NGHE (*Sutasutta*) (*S*. III. 243)

348. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, một loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Loại nāga từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh!"

Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh.

VIII. KINH NGHE THỨ HAI (*Dutiyasutasutta*) (*S*. III. 243)

349. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các nāga từ thai sanh").

Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ thai sanh?...

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ thai sanh.

IX. KINH NGHE THỨ BA (*Tatiyasutasutta*) (*S*. III. 244)

350. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các nāga từ ẩm ướt sanh").

Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ ẩm ướt sanh?...

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ ẩm ướt sanh.

X. KINH NGHE THỨ TƯ (*Catutthasutasutta*) (*S*. III. 244)

351. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các nāga từ hóa sanh").

Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ hóa sanh?...

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ hóa sanh.

XI-XX. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ NOÃN SANH, V.V... (*Aṇḍajadānūpakārasuttadasaka*)[3] (*S*. III. 245)

352-361. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các nāga từ trứng sanh, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh!"

Chúng bố thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với

[3] Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Supports by Gifts*, nghĩa là *Hỗ trợ bằng bố thí*.

các nāga từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí xe cộ... Chúng bố thí vòng hoa... Chúng bố thí hương... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bố thí ngọa cụ... Chúng bố thí nhà cửa... Chúng bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ trứng sanh.

XXI-L. NHÓM 30 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THAI SANH, V.V…
(*Jalābujādidānūpakārasuttattiṃsaka*) (*S*. III. 245)

362-391. (Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại nāga còn lại và câu trả lời nói lên theo mỗi trường hợp).

Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

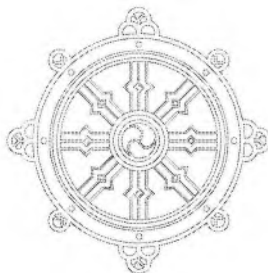
– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ thai sanh… các nāga từ ẩm ướt sanh… các nāga từ hóa sanh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các nāga từ hóa sanh, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các nāga từ hóa sanh!"

Chúng bố thí đồ ăn… Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các nāga từ hóa sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các nāga từ hóa sanh.



30. TƯƠNG ƯNG KIM SÍ ĐIỂU
(*SUPAṆṆASAṂYUTTA*)

I. KINH CHỦNG LOẠI (*Suddhikasutta*)[1] (*S*. III. 246)

392. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim Sí điểu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim Sí điểu từ trứng sanh, loại Kim Sí điểu từ thai sanh, loại Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh, loại Kim Sí điểu hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim Sí điểu.

II. KINH MANG ĐI (*Harantisutta*) (*S*. III. 246)

393. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim Sí điểu về sanh chủng. Thế nào là bốn? Loại Kim Sí điểu từ trứng sanh... loại Kim Sí điểu hóa sanh. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim Sí điểu.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điểu từ trứng sanh chỉ mang đi các loại nāga từ trứng sanh, không mang đi các loại nāga từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và hóa sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điểu từ thai sanh, mang đi các loại nāga từ trứng sanh và các loại nāga từ thai sanh, không mang đi các loại nāga từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh, mang đi các loại nāga từ trứng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ẩm ướt sanh, không mang đi các loại nāga hóa sanh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim Sí điểu hóa sanh, mang đi các loại nāga từ trứng sanh, từ thai sanh, từ ẩm ướt sanh và các loại hóa sanh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim Sí điểu theo sanh chủng.

III. KINH LÀM HAI HẠNH (*Dvayakārīsutta*) (*S*. III. 247)

394. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *According to Scheme*, nghĩa là *Theo chủng loại*. Bản Hán: *Phẩm loại* 品類 (*N*.15. 0006.30.1. 0371a03). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.8. 0646a07).

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "Loại Kim Sí điểu từ trứng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh.

IV-VI. NHÓM 3 KINH LÀM HAI HẠNH THỨ HAI
(*Dutiyādidvayakārīsuttattika*) (*S*. III. 248)

395-397. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ thai sanh… các Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh… các Kim Sí điểu từ hóa sanh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "Loại Kim Sí điểu từ hóa sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh!" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh.

VII-XVI. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ NOÃN SANH, V.V…
(*Aṇḍajadānūpakārasuttadasaka*)[2] (*S*. III. 248)

398-407. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh?

– Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai

---

[2] Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Supporters by Gifts*, nghĩa là *Hỗ trợ bằng bố thí*.

hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim Sí điểu từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh!"

Chúng bố thí đồ ăn. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh. Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí vải mặc... Chúng bố thí xe cộ... Chúng bố thí vòng hoa... Chúng bố thí hương... Chúng bố thí hương liệu xoa bóp... Chúng bố thí ngọa cụ... Chúng bố thí nhà cửa... Chúng bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ trứng sanh.

XVII-XLVI. NHÓM 30 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THAI SANH, V.V…
(*Jalābujādidānūpakārasuttatiṃsaka*) (*S.* III. 249)

408-437. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ thai sanh… các Kim Sí điểu từ ẩm ướt sanh… các Kim Sí điểu từ hóa sanh?

– Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim Sí điểu từ hóa sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc."

Chúng suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh!"

Chúng bố thí đồ ăn... Chúng bố thí đồ uống... Chúng bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim Sí điểu từ hóa sanh.

31. TƯƠNG ƯNG CÀN-THÁT-BÀ
(*GANDHABBAKĀYASAṂYUTTA*)

I. KINH CHỦNG LOẠI (*Suddhikasutta*)[1] (*S*. III. 250)

438. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về chư thiên thuộc loại gandhabba (càn-thát-bà). Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chư thiên thuộc loại gandhabba? Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương rễ cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương lõi cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương giác cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây trong. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vỏ cây ngoài. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương lá cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương bông. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương trái cây. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương vị. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, trú hương hương.

Những loại này, này các Tỷ-kheo được gọi là chư thiên thuộc loại gandhabba.

II. KINH THIỆN HẠNH (*Sucaritasutta*) (*S*. III. 250)

439. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ nghe nói như sau: "Chư thiên thuộc loại gandhabba được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba!" Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba.

Do nhân này, do duyên này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có loại [chúng sanh],

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *According to Scheme*, nghĩa là *Chủng loại*. Bản Hán: *Phẩm loại* 品類 (*N*.15. 0006.31.1. 0376a04).

sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại gandhabba.

III. KINH NGƯỜI BỐ THÍ HƯƠNG RỄ CÂY
(***Mūlagandhadātāsutta***)[2] (*S.* III. 250)

440. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại gandhabba trú hương rễ cây. Họ được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây!"

Họ bố thí hương rễ cây. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây.

IV-XII. NHÓM 9 KINH NGƯỜI BỐ THÍ HƯƠNG LÕI CÂY, V.V…
(***Sāragandhādidātāsuttanavaka***) (*S.* III. 251)

441-449. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây… chư thiên trú hương giác cây… chư thiên trú hương vỏ cây trong… chư thiên trú hương vỏ cây ngoài… chư thiên trú hương lá cây… chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây… chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên trú hương lõi cây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây… chư thiên trú hương giác cây… chư thiên trú hương vỏ cây trong… chư thiên trú hương vỏ cây ngoài… chư thiên trú hương lá cây… chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây… chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương!"

---

[2] Tên kinh này và nhóm kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Givers*, nghĩa là *Người bố thí*.

Họ bố thí hương lõi cây… Họ bố thí hương giác cây… Họ bố thí hương vỏ cây trong… Họ bố thí hương vỏ cây ngoài… Họ bố thí hương lá cây… Họ bố thí hương bông... Họ bố thí hương trái cây… Họ bố thí hương vị... Họ bố thí hương hương. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.

XIII-XXII. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ TRÚ HƯƠNG RỄ CÂY, V.V... (*Mūlagandhadānūpakārasuttadasaka*)[3] (*S*. III. 252)

450-459. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên trú hương rễ cây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây!"

Họ bố thí đồ ăn… Họ bố thí đồ uống… Họ bố thí vải mặc… Họ bố thí cỗ xe… Họ bố thí vòng hoa… Họ bố thí hương… Họ bố thí hương liệu xoa bóp… Họ bố thí ngọa cụ… Họ bố thí nhà cửa… Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương rễ cây.

XXIII-CXII. NHÓM 90 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ TRÚ HƯƠNG LÕI CÂY, V.V… (*Sāragandhādidānūpakārasuttanavutika*) (*S*. III. 253)

460-549. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên trú hương lõi cây… chư thiên trú hương giác cây… chư thiên trú hương vỏ cây trong… chư thiên trú hương vỏ cây ngoài… chư thiên trú hương lá cây… chư thiên trú hương bông... chư thiên trú hương trái cây… chư thiên trú hương vị... chư thiên trú hương hương?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư

---

[3] Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Supports by Offerings*, nghĩa là *Hỗ trợ bằng bố thí*.

thiên trú hương hương được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương!"

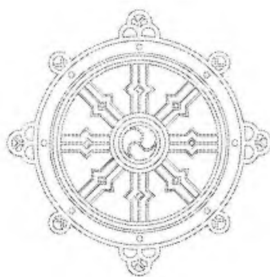
Họ bố thí hương lõi cây… Họ bố thí hương giác cây… Họ bố thí hương vỏ cây trong… Họ bố thí hương vỏ cây ngoài… Họ bố thí hương lá cây… Họ bố thí hương bông... Họ bố thí hương trái cây… Họ bố thí hương vị... Họ bố thí hương hương. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại chúng sanh làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên trú hương rễ cây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương!"

Họ bố thí đồ ăn… Họ bố thí đồ uống… Họ bố thí vải mặc… Họ bố thí cỗ xe… Họ bố thí vòng hoa… Họ bố thí hương… Họ bố thí hương liệu xoa bóp… Họ bố thí ngọa cụ… Họ bố thí nhà cửa… Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh] được sanh cộng trú với chư thiên trú hương hương.



32. TƯƠNG ƯNG THẦN MÂY
(*VALĀHAKASAṂYUTTA*)

I. KINH CHỦNG LOẠI (*Suddhikasutta*)[1] (*S.* III. 254)

550. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về chư thiên thuộc loại thần mây. Hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là chư thiên thuộc loại thần mây? Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây lạnh. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây nóng. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây sấm. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây gió. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây mưa.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, họ được gọi là chư thiên thuộc loại thần mây.

II. KINH THIỆN HẠNH (*Sucaritasutta*) (*S.* III. 254)

551. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây!" Sau khi thân hoại mạng chung, loại [chúng sanh] ấy được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Exposition*, nghĩa là *Diễn giải*. Bản Hán: *Phẩm loại* 品類 (*N.*15. 0006.32.1. 0381a05).

III-XII. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY LẠNH, V.V… (*Sītavalāhakadānūpakārasuttadasaka*)[2] (*S.* III. 255)

552-561. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây lạnh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh!"

Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh.

XIII-LII. NHÓM 40 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY NÓNG, V.V… (*Uṇhavalāhakadānūpakārasuttacālīsaka*) (*S.* III. 255)

562-601. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây nóng… chư thiên thuộc loại mây sấm… chư thiên thuộc loại mây gió… chư thiên thuộc loại mây mưa?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây mưa được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa!"

Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa.

---

[2] Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Supporters by Offerings*, nghĩa là *Hỗ trợ bằng bố thí*.

LIII. KINH THẦN MÂY LẠNH (*Sītavalāhakasutta*)[3] (*S*. III. 256)

602. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời lạnh?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây lạnh. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời lạnh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời lạnh.

LIV. KINH THẦN MÂY NÓNG (*Uṇhavalāhakasutta*)[4] (*S*. III. 256)

603. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời nóng?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây nóng. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời nóng.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời nóng.

LV. KINH THẦN MÂY SẤM (*Abbhavalāhakasutta*)[5] (*S*. III. 256)

604. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời sấm?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây sấm. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời sấm.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời sấm.

LVI. KINH THẦN MÂY MƯA GIÓ (*Vātavalāhakasutta*)[6] (*S*. III. 256)

605. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời gió?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây gió. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời gió.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời gió.

---

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Cool*, nghĩa là *Lạnh*.
[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Hot*, nghĩa là *Nóng*.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Thurder-cloud*, nghĩa là *Sấm*.
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Winds*, nghĩa là *Gió*.

LVII. KINH THẦN MÂY MƯA (*Vassavalāhakasutta*)[7] (*S*. III. 256)

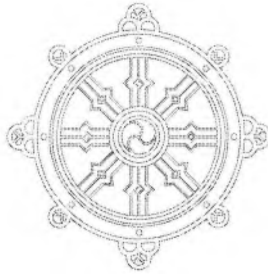
606. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời mưa?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây mưa. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời mưa.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời mưa.



[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Rain*, nghĩa là *Mưa*.

33. TƯƠNG ƯNG VACCHAGOTTA
(*VACCHAGOTTASAṂYUTTA*)

I. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI SẮC (*Rūpaaññāṇasutta*)[1] (*S*. III. 257)

607. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn", hay: "Thế giới là không thường còn"; hay: "Thế giới hữu biên", hay: "Thế giới vô biên"; hay: "Sinh mạng và thân thể là một", hay: "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại sau khi chết"; hay: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Do vô tri đối với sắc, này Vacchagotta, do vô tri đối với sắc tập khởi, do vô tri đối với sắc đoạn diệt, do vô tri đối với con đường đưa đến sắc đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Do nhân này, do duyên này, này Vacchagotta, có một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn"... hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

II. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỌ (*Vedanāaññāṇasutta*) (*S*. III. 258)

608. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "vô tri đối với thọ").

III. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI TƯỞNG (*Saññāaññāṇasutta*) (*S*. III. 258)

609. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "vô tri đối với tưởng").

IV. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI HÀNH (*Saṅkhāraaññāṇasutta*) (*S*. III. 259)

610. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "vô tri đối với hành").

---

[1] Tên kinh này và 4 kinh kế tiếp (608-611) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Through Ignorance*, nghĩa là *Do vô tri*.

V. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỨC (*Viññāṇaaññāṇasutta*) (*S*. III. 259)

611. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "vô tri đối với thức").

VI-X. NHÓM 5 KINH VỀ VÔ KIẾN SẮC, V.V… (*Rūpaadassanādisuttapañcaka*)[2] (*S*. III. 260)

612- 616. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "vô kiến đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XI-XV. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG HIỆN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaanabhisamayādisuttapañcaka*)[3] (*S*. III. 260)

617-621. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không hiện quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XVI-XX. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG LIỄU TRI ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaananubodhādisuttapañcaka*)[4] (*S*. III. 261)

622-626. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không liễu tri năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XXI-XXV. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG THÔNG ĐẠT ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaappaṭivedhādisuttapañcaka*)[5] (*S*. III. 261)

627-631. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không thông đạt năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XXVI-XXX. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG ĐẲNG QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, V.V... (*Rūpaasallakkhaṇādisuttapañcaka*)[6] (*S*. III. 261)

632-636. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không đẳng quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XXXI-XXXV. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG TÙY QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaanupalakkhaṇādisuttapañcaka*)[7] (*S*. III. 261)

637-641. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không tùy quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XXXVI-XL. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG CẬN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaappaccupalakkhaṇādisuttapañcaka*)[8] (*S*. III. 261)

642-646. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không cận quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

---

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Seeing*, nghĩa là *Do vô kiến*.
[3] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Comprehending*, nghĩa là *Do không hiện quán*.
[4] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Understanding*, nghĩa là *Do không liễu tri*.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Penetrating*, nghĩa là *Do không thông đạt*.
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Discerning*, nghĩa là *Do không đẳng quán*.
[7] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Discriminating*, nghĩa là *Do không tùy quán*.
[8] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Differentiating*, nghĩa là *Do không cận quán*.

XLI–XLV. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG ĐẲNG SÁT ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaasamapekkhaṇādisuttapañcaka*)[9] (*S*. III. 261)

647-651. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không đẳng sát năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

XLVI-L. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG CẬN SÁT ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaappaccupekkhaṇādisuttapañcaka*)[10] (*S*. III. 262)

652-656. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không cận sát năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

LI-LIV. NHÓM 4 KINH VỀ KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI SẮC, V.V… (*Rūpaappaccakkhakammādisuttacatukka*)[11] (*S*. III. 262)

657-660. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không hiện kiến năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành").

LV. KINH KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI THỨC (*Viññāṇaappaccakkhakammasutta*) (*S*.III. 263)

661. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Do không tự tri đối với thức, này Vaccha, do không tự tri đối với thức tập khởi, do không tự tri đối với thức đoạn diệt, do không tự tri đối với con đường đưa đến thức đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn", hay: "Thế giới là không thường còn"... hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Do nhân này, do duyên này, này Vaccha, có một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn", hay: "Thế giới là không thường còn"; hay: "Thế giới hữu biên", hay: "Thế giới vô biên"; hay: "Sinh mạng và thân thể là một", hay: "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Considering*, nghĩa là *Do không đẳng sát*.
[10] Bản tiếng Anh của PTS: *By Not Looking into*, nghĩa là *Do không cận sát*.
[11] Tên nhóm kinh này và nhóm kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Not Making Clear*, nghĩa là *Không hiện kiến*.

34. TƯƠNG ƯNG THIỀN
(*JHĀNASAṂYUTTA*)

I. KINH THIỀN CHỨNG TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakasamāpattisutta*)[1] (*S*. III. 263)

662. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định,[2] nhưng không thiện xảo về thiền chứng[3] trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền định trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, không thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, và cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được sanh tô, từ sanh tô được thục tô, từ thục tô được đề-hồ.[4] Đề-hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền thiện xảo về thiền định trong thiền định và cũng thiện xảo về thiền chứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

II. KINH CHỈ TRÚ TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaṭhitisutta*)[5] (*S*. III. 264)

663. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.883. 0222c13).

[2] *Samādhikusala*: Thiện xảo tâm định, thiện xảo về định. *Chú giải* và *Hậu chú giải* viết rằng đây là sự rành rẽ về cách xác định các thiền chi, như 5 thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) trong tầng Thiền thứ nhất, 3 thiền chi (hỷ, lạc, nhất tâm) trong tầng Thiền thứ hai.

[3] *Samāpattikusala*: Thiện xảo nhập thiền, thiện xảo chứng thiền. *Chú giải* viết đây là khả năng điều tâm cho thích hợp, khởi hỷ tâm để nhập thiền hay chứng thiền.

[4] *Khīra*: Sữa; *Dadhi*: Lạc, sữa đặc; *Navanīta*: Sanh tô, bơ tươi; *Sappi*: Bơ trong; *Sappimaṇḍa*: Đề-hồ, bơ sữa tinh chất.

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Steadfastness*, nghĩa là *Chỉ trú*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.[6]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền định trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, không thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ được gọi là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền định trong thiền định, cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

III. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakavuṭṭhānasutta*)[7] (*S*. III. 265)

664. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

IV. KINH THUẦN THỤC TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakakallitasutta*)[8] (*S*. III. 265)

665. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về thuần thục" cho "thiện xảo về xuất khởi").

V. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaārammaṇasutta*)[9] (*S*. III. 266)

666. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở duyên").

VI. KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakagocarasutta*)[10] (*S*. III. 266)

667. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về hành cảnh").

---

[6] *Samādhismiṃ ṭhitikusala*: Thiện xảo trong việc trụ nơi định hay nơi tầng thiền. *Chú giải* viết không thiện xảo trong việc trụ nơi định hay nơi tầng thiền, tức là không thể trụ nơi tầng thiền trong khoảng thời gian của 7 hay 8 cái chớp mắt hoặc 7 hay 8 cái búng ngón tay kêu tiếng tách.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Emerging*, nghĩa là *Xuất khởi*. Tham khảo *M*. I. 302; *A*. III. 311.

[8] *Hậu chú giải* viết đây là sự điều tâm thích hợp, tránh xa các pháp chướng ngại của định, để có thể nhập định. Bản tiếng Anh của PTS: *Thorough*, nghĩa là *Thuần thục*.

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Object*, nghĩa là *Sở duyên* (*Đối tượng*).

[10] *Chú giải* viết *Hành cảnh* (*Gocara*) bao gồm nơi thích hợp cho pháp môn thiền định (*kammaṭṭhānagocara*) và nơi thích hợp cho chư Tăng đi khất thực (*bhikkhācāragocara*). Bản tiếng Anh của PTS: *Range*, nghĩa là *Hành cảnh*.

VII. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN ĐỊNH
(*Samādhimūlakaabhinīhārasutta*)[11] (*S*. III. 267)

668. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở nguyện").

VIII. KINH HÀNH THẬN TRỌNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasakkaccakārīsutta*)[12] (*S*. III. 267)

669. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trọng").

IX. KINH HÀNH KIÊN TRÌ ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasātaccakārīsutta*)[13] (*S*. III. 268)

670. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về kiên trì").

X. KINH HÀNH THÍCH ỨNG ĐỂ ĐẠT ĐỊNH
(*Samādhimūlakasappāyakārīsutta*)[14] (*S*. III. 268)

671. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng").

XI. KINH CHỈ TRÚ TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaṭhitisutta*) (*S*. III. 269)

672. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, cũng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định và cũng thiện xảo về chỉ trú trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa… tối diệu.

XII. KINH XUẤT KHỞI TỪ THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakavuṭṭhānasutta*) (*S*. III. 269)

673. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi" cho "thiện xảo về chỉ trú").

---

[11] *Chú giải*, *Hậu chú giải* viết đây là quyết tâm tiến bộ hoặc thành tựu trong định hay trong pháp môn thiền định. Bản tiếng Anh của PTS: *Resolve*, nghĩa là *Quyết tâm*.

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Zeal*, nghĩa là *Nhiệt tâm*.

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Persevering*, nghĩa là *Kiên trì*.

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Profit*, nghĩa là *Lợi ích*.

XIII. KINH THUẦN THỤC TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakakallitasutta*) (*S*. III. 270)

674. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thuần thục").

XIV. KINH SỞ DUYÊN TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaārammaṇasutta*) (*S*. III. 270)

675. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở duyên").

XV. KINH HÀNH CẢNH TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakagocarasutta*) (*S*. III. 270)

676. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về hành cảnh").

XVI. KINH SỞ NGUYỆN TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakaabhinīhārasutta*) (*S*. III. 271)

677. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về sở nguyện").

XVII. KINH THẬN TRỌNG TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasakkaccasutta*) (*S*. III. 271)

678. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thận trọng").

XVIII. KINH KIÊN TRÌ TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasātaccasutta*) (*S*. III. 271)

679. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về kiên trì").

XIX. KINH HÀNH THÍCH ỨNG TRONG THIỀN CHỨNG
(*Samāpattimūlakasappāyakārīsutta*) (*S*. III. 271)

680. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "thiện xảo về thích ứng").

XX-XXVII. NHÓM 8 KINH CHỈ TRÚ - XUẤT KHỞI
(*Ṭhitimūlakavuṭṭhānasuttādiaṭṭhaka*) (*S*. III. 272)

681-688. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, nhưng không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, cũng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định, và cũng thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về chỉ trú trong thiền định

và cũng thiện xảo về xuất khởi trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, bậc tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XXVII là KINH CHỈ TRÚ - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về xuất khởi trong thiền định" bằng "thiện xảo về thuần thục trong thiền định"... "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XXVIII-XXXIV. NHÓM 7 KINH XUẤT KHỞI - THUẦN THỤC (*Vuṭṭhānamūlakakallitasuttādisattaka*) (*S*. III. 274)

689-695. (Như kinh trên, chỉ thế vào "xuất khởi" và "thuần thục").

Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn hạng người tu thiền, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thuần thục trong thiền định, nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, cũng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định và cũng thiện xảo về thuần thục trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, tối thượng và tối diệu.

(Tương tự đến kinh XXXIV là KINH XUẤT KHỞI - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về thuần thục trong thiền định" bằng "thiện xảo về sở duyên trong thiền định"... "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XXXV-XL. NHÓM 6 KINH THUẦN THỤC - SỞ DUYÊN (*Kallitamūlakaārammaṇasuttādichakka*) (*S*. III. 275)

696-701. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về thuần thục trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về sở duyên trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thuần thục trong thiền định... không thiện xảo về thuần thục trong thiền định, cũng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định... thiện xảo về thuần thục trong thiền định và cũng thiện xảo về sở duyên trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền... tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XL là KINH THUẦN THỤC - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về sở duyên trong thiền

định" bằng "thiện xảo về hành cảnh trong thiền định"… "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XLI-XLV. NHÓM 5 KINH SỞ DUYÊN - HÀNH CẢNH (*Ārammaṇamūlakagocarasuttādipañcaka*) (*S*. III. 275)

702-706. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "sở duyên" và "hành cảnh").

Nhân duyên ở Sāvatthi… thiện xảo về sở duyên trong thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định… thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở duyên trong thiền định… không thiện xảo về sở duyên trong thiền định, cũng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định… thiện xảo về sở duyên trong thiền định và cũng thiện xảo về hành cảnh trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền… tối thượng, tối diệu.

(Tương tự đến kinh XLV là KINH SỞ DUYÊN - THIỆN XẢO VỀ THÍCH ỨNG, nội dung như kinh trên, chỉ thay thế "thiện xảo về hành cảnh trong thiền định" bằng "thiện xảo về sở nguyện trong thiền định"… "thiện xảo về thích ứng trong thiền định").

XLVI-XLIX. NHÓM 4 KINH HÀNH CẢNH - SỞ NGUYỆN (*Gocaramūlakaabhinīhārasuttādicatukka*) (*S*. III. 276)

707. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định... không thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, và cũng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định và cũng thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái nên có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đề-hồ này được gọi là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền, thiện xảo về thiền chứng trong thiền định, cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, vị này là… tối thượng, tối diệu.

708. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định...

709. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định...

710. ... thiện xảo về hành cảnh trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định...

L-LII. NHÓM 3 KINH THẬN TRỌNG - SỞ NGUYỆN (*Abhinīhāramūlakasakkaccasuttāditika*) (*S*. III. 277)

711. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định,

nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định... không thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, và cũng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... thiện xảo về sở nguyện trong thiền định và cũng thiện xảo về thận trọng trong thiền định. Tại đây, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền… tối thượng, tối diệu.

712. … thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định...

713. … thiện xảo về sở nguyện trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định...

LIII-LIV. NHÓM 2 KINH HÀNH THẬN TRỌNG VÀ KIÊN TRÌ
(*Sakkaccamūlakasātaccakārīsuttādiduka*)[15] (*S*. III. 277)

714. Nhân duyên ở Sāvatthi... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiền định... không thiện xảo về thận trọng trong thiền định, và cũng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định... thiện xảo về thận trọng trong thiền định và cũng thiện xảo về kiên trì trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền… tối thượng, tối diệu.

715. ... thiện xảo về thận trọng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định…

LV. KINH HÀNH KIÊN TRÌ - THÍCH ỨNG
(*Sātaccamūlakasappāyakārīsutta*) (*S*. III. 277)

716. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người tu thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, nhưng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về thích ứng trong thiền định, nhưng không thiện xảo về kiên trì trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, không thiện xảo về kiên trì trong thiền định và cũng không thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định, và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, người tu thiền, thiện xảo về kiên trì trong thiền định và cũng thiện xảo về thích ứng trong thiền định. Trong bốn vị tu thiền ấy, người tu thiền này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.

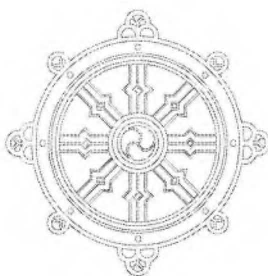
---

[15] Trong bản tiếng Anh của PTS, mục LIII là *Zeal and Perseverance*, nghĩa là *Nhiệt tâm và Kiên trì*.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái có được sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Và đề-hồ được xem là tối tôn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu thiền này, đối với bốn vị tu thiền ấy, vị này là tối tôn, tối thắng, là bậc thượng thủ, là tối thượng và tối diệu.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



IV. THIÊN SÁU XỨ
(*SAḶĀYATANAVAGGA*)

35. TƯƠNG ƯNG SÁU XỨ
(*SAḶĀYATANASAṂYUTTA*)

PHẦN MỘT

NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT

I. PHẨM VÔ THƯỜNG (*ANICCAVAGGA*)

I. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG (*Ajjhattāniccasutta*) (*S*. IV. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Tai là vô thường...

Mũi là vô thường...

Lưỡi là vô thường...

Thân là vô thường...

Ý là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

II. KINH NỘI THÂN KHỔ (*Ajjhattadukkhasutta*) (*S*. IV. 2)

2.[1] Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Tai là khổ... Mũi là khổ... Lưỡi là khổ... Thân là khổ...

Ý là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo... "... không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ (*Ajjhattānattasutta*) (*S*. IV. 2)

3. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Tai là vô ngã... Mũi là vô ngã... Lưỡi là vô ngã... Thân là vô ngã...

Ý là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG (*Bāhirāniccasutta*) (*S*. IV. 2)

4. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với các tiếng, nhàm chán đối với các hương, nhàm chán đối với các vị, nhàm chán đối với các xúc, nhàm chán đối với các pháp. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

V. KINH NGOẠI THÂN KHỔ (*Bāhiradukkhasutta*) (*S*. IV. 3)

5. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần

[1] Kinh này và các kinh sau đi thẳng vào nội dung chính của kinh, không có đoạn dẫn nhập: "Như vậy tôi nghe… Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:".

phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ (*Bāhirānattasutta*) (*S*. IV. 3)

6. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

VII. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Ajjhattāniccātītānāgatasutta*)[2] (*S*. IV. 4)

7. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ; không hoan hỷ đối với mắt tương lai; đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường...

Ý là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý tương lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

VIII. KINH NỘI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Ajjhattadukkhātītānāgatasutta*)[3] (*S*. IV. 4)

8. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ; không hoan hỷ đối với mắt tương lai; đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là khổ, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy, này

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Impermanent* (iii) - *the Personal*, nghĩa là *Vô thường* (iii) - *Trong thân.*
[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Ill* (iii) - *the Personal*, nghĩa là *Khổ* (iii) - *Trong thân.*

các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý tương lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

IX. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Ajjhattānattātītānāgatasutta*)[4] (*S*. IV. 4)

9. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [mắt] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với mắt quá khứ; không hoan hỷ đối với mắt vị lai; đối với mắt hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là vô ngã, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [ý] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với ý quá khứ; không hoan hỷ đối với ý vị lai; đối với ý hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

X. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Bāhirāniccātītānāgatasutta*)[5] (*S*. IV. 5)

10. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [sắc] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ; không hoan hỷ đối với các sắc vị lai; đối với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô thường, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các pháp] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

XI. KINH NGOẠI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Bāhiradukkhātītānāgatasutta*)[6] (*S*. IV. 5)

11. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, kể cả [các sắc] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các sắc] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ; không hoan hỷ đối với các sắc tương lai; đối với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp, này các Tỷ-kheo, là khổ, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các pháp] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Void of the Self* (iii) - *the Personal*, nghĩa là *Vô ngã* (iii) - *Trong thân.*

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Impermanent* (iv) - *the External*, nghĩa là *Vô thường* (iv) - *Ngoài thân.*

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Ill* (iv) - *the External*, nghĩa là *Khổ* (iv) - *Ngoài thân.*

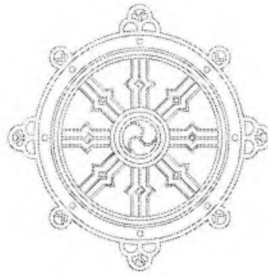
tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

XII. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ VÀ VỊ LAI (*Bāhirānattātītānāgatasutta*)[7] (*S*. IV. 6)

12. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả [các sắc] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các sắc] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các sắc quá khứ; không hoan hỷ đối với các sắc vị lai; đối với các sắc hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, kể cả [các pháp] quá khứ và vị lai, còn nói gì đến [các pháp] hiện tại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử không tiếc nuối đối với các pháp quá khứ; không hoan hỷ đối với các pháp vị lai; đối với các pháp hiện tại đã thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt.



[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Void of the Self* (iv) - *the External*, nghĩa là *Vô ngã* (iv) - *Ngoài thân.*

II. PHẨM SONG ĐÔI (*YAMAKAVAGGA*)

I. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG CHÁNH ĐẲNG GIÁC THỨ NHẤT (*Paṭhamapubbesambodhasutta*)[8] (*S.* IV. 6)

13. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của ý?"

Này các Tỷ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên với mắt khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của mắt. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt, đấy là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

Do duyên với ý khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý, đấy là xuất ly của ý."

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

II. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG CHÁNH ĐẲNG GIÁC THỨ HAI (*Dutiyapubbesambodhasutta*) (*S.* IV. 8)

14. Thuở trước, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là

[8] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By Enlightenment*, nghĩa là *Trước khi chứng Chánh đẳng giác.*

nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?"

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên các sắc khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.

... các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

Do duyên các pháp khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp."

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với các thế giới Thiên, Ma, Phạm thiên; đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

III. KINH TẦM CẦU VỊ NGỌT THỨ NHẤT
(*Paṭhamaassādapariyesanasutta*)[9] (*S*. IV. 8)

15. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của mắt; có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt; có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm; nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ- kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt; có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm; xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý; có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý; có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm; nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý; có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm; xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

---

[9] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By Satisfaction*, nghĩa là *Về vị ngọt*.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

IV. KINH TẦM CẦU VỊ NGỌT THỨ HAI
(*Dutiyaassādapariyesanasutta*) (*S.* IV. 9)

16. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các sắc; có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc; có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm... xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các pháp; có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm; vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp; có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm... xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

V. KINH NẾU KHÔNG CÓ VỊ NGỌT THỨ NHẤT
(*Paṭhamanoceassādasutta*)[10] (*S.* IV. 10)

17. Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyến mắt.

Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán đối với mắt.

Nếu mắt không có xuất ly, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh không thể xuất ly khỏi mắt. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt.

Nếu tai không có vị ngọt...

Nếu mũi không có vị ngọt...

Nếu lưỡi không có vị ngọt...

Nếu thân không có vị ngọt...

Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không

---

[10] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Without Satisfaction*, nghĩa là *Không có vị ngọt*.

tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý.

Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh có nhàm chán đối với ý.

Nếu ý không có xuất ly, này các Tỷ-kheo, thời chúng sanh không xuất ly khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, nên chúng sanh xuất ly khỏi ý.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới [như] Thiên, Ma, Phạm thiên; cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, đã không sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới [như] Thiên, Ma, Phạm thiên; cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn; với chư thiên và loài người, đã sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

VI. KINH NẾU KHÔNG CÓ VỊ NGỌT THỨ HAI
(*Dutiyanoceassādasutta*) (*S*. IV. 12)

18. (Như kinh trên, chỉ thay thế “sáu ngoại xứ: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” cho “sáu nội xứ”).

VII. KINH VỚI ƯA THÍCH THỨ NHẤT
(*Paṭhamābhinandasutta*) (*S*. IV. 13)

19. Ai ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Ai ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân...

Ai ưa thích ý, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Và ai không ưa thích mắt, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

Ai không ưa thích tai... mũi... lưỡi... thân...

Ai không ưa thích ý, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

VIII. KINH VỚI ƯA THÍCH THỨ HAI (*Dutiyābhinandasutta*) (*S*. IV. 13)

20. Ai ưa thích các sắc, này các Tỷ-kheo, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Ai ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

Ai ưa thích các pháp, người ấy ưa thích khổ. Ai ưa thích khổ, Ta nói người ấy không thoát khỏi khổ.

Và ai không ưa thích các sắc, này các Tỷ-kheo, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

Ai không ưa thích các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

Ai không ưa thích các pháp, người ấy không ưa thích khổ. Ai không ưa thích khổ, Ta nói người ấy thoát khỏi khổ.

IX. KINH KHỔ SANH KHỞI THỨ NHẤT
(*Paṭhamadukkhuppādasutta*)[11] (*S*. IV. 14)

21. Này các Tỷ-kheo, mắt sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, tai... mũi... lưỡi... thân... ý sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

Và này các Tỷ-kheo, mắt đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận.

Này các Tỷ-kheo, tai... mũi... lưỡi... thân... ý đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận.

X. KINH KHỔ SANH KHỞI THỨ HAI
(*Dutiyadukkhuppādasutta*) (*S*. IV. 14)

22. Này các Tỷ-kheo, các sắc sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp sanh khởi, chỉ trú, xuất sanh, xuất hiện là khổ sanh khởi, bệnh tật chỉ trú, già chết xuất hiện.

Và này các Tỷ-kheo, các sắc đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp đoạn diệt, chỉ tức, diệt tận là khổ đoạn diệt, bệnh tật chỉ tức, già chết diệt tận.

---

[11] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By the Uprising*, nghĩa là *Về sự sanh khởi*.

III. PHẨM TẤT CẢ (*SABBAVAGGA*)

I. KINH TẤT CẢ (*Sabbasutta*) (*S*. IV. 15)

23. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tất cả. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả? Mắt và các sắc, tai và các tiếng, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là tất cả.

Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi từ bỏ tất cả này, ta sẽ tuyên bố [một] tất cả khác", thời lời nói người ấy chỉ là khoa ngôn.[12] Và khi bị hỏi, người ấy không thể chứng minh gì. Và hơn nữa, người ấy có thể bị rơi vào ách nạn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, như vậy ra ngoài giới vức (*avisaya*)[13] của người ấy.

II. KINH ĐOẠN TẬN (*Pahānasutta*) (*S*. IV. 15)

24. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến đoạn tận tất cả. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến đoạn tận tất cả?

Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận. Các sắc cần phải đoạn tận. Nhãn thức cần phải đoạn tận. Nhãn xúc cần phải đoạn tận. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận.

Tai... Mũi... Lưỡi cần phải đoạn tận. Các vị cần phải đoạn tận. Thiệt thức cần phải đoạn tận. Thiệt xúc cần phải đoạn tận. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận. (Thân... Ý...)

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả.

III. KINH ĐOẠN TẬN NHỜ THẮNG TRI, LIỄU TRI (*Abhiññāpariññāpahānasutta*)[14] (*S*. IV. 16)

25. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri (*abhiññā*), liễu tri (*pariññā*). Hãy lắng nghe.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri?

Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các sắc cần

---

[12] *Vācavatthu*: Chỉ nói suông. *SA*. II. 358: *Vācāya vattabbavatthumattakameva bhaveyya* (Trau dồi lời nói trong mỗi sự kiện khi nói).

[13] *SA*. II. 358: Người ấy có thể cố gắng lấy đầu đội mái nhà có nóc nhọn, hay lội qua dòng nước sâu, hay kéo mặt trăng, mặt trời xuống.

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Abandoning* (ii), nghĩa là *Đoạn tận* (ii).

phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhãn thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Nhãn xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri.

Tai... Mũi... Lưỡi cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các vị cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Thiệt thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Thiệt xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri.

Thân... Ý cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Ý thức cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Ý xúc cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy cần phải đoạn tận nhờ thắng tri, liễu tri.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến đoạn tận tất cả nhờ thắng tri, liễu tri.

IV. KINH LIỄU TRI THỨ NHẤT (*Paṭhamaaparijānanasutta*) (*S*. IV. 17)

26. Này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gì, thời không có thể đoạn tận khổ đau?

Này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc, thời không có thể đoạn tận khổ đau... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, không thắng tri,... tai... mũi... lưỡi... thân...

Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ ý, thời không có thể đoạn tận khổ đau. Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ cảm thọ ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả, thời có thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gì, thời có thể đoạn tận khổ đau?

Này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ mắt, thời có thể đoạn tận khổ đau. Thắng tri, liễu tri... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... có thể đoạn tận

khổ đau. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

... tai... các tiếng... nhĩ thức… nhĩ xúc… cảm thọ do duyên nhĩ xúc…

…mũi… các hương… tỷ thức... tỷ xúc... cảm thọ do duyên tỷ xúc...

... lưỡi... các vị... thiệt thức... thiệt xúc... cảm thọ do duyên thiệt xúc...

... thân... các xúc... thân thức... thân xúc... cảm thọ do duyên thân xúc...

Thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ ý, thời có thể đoạn tận khổ đau... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ cảm thọ ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

V. KINH LIỄU TRI THỨ HAI (*Dutiyaaparijānanasutta*) (*S.* IV. 18)

27. Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái gì, thời không có thể đoạn tận khổ đau?

Chính là mắt, là các sắc, là nhãn thức, là các pháp do nhãn thức nhận biết.

... tai... mũi...

Chính là lưỡi, là các vị, là thiệt thức, là các pháp do thiệt thức nhận biết.

Chính là thân, là các xúc, là thân thức, là các pháp do thân thức nhận biết.

Và chính là ý, là các pháp, là ý thức, là các pháp do ý thức nhận biết.

Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả cái ấy, thời không có thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái gì, thời có thể đoạn tận khổ đau?

Chính là mắt, chính là các sắc, chính là nhãn thức, chính là các pháp do nhãn thức nhận biết.

Chính là tai... Chính là mũi...

Chính là lưỡi, chính là các vị, chính là thiệt thức, chính là các pháp do thiệt thức nhận biết.

Chính là thân...

Chính là ý, chính là các pháp, chính là ý thức, chính là các pháp do ý thức nhận biết.

Này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả cái ấy, thời có thể đoạn tận khổ đau.

VI. KINH BỊ BỐC CHÁY (*Ādittasutta*) (*S.* IV. 19)

28. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayā, tại Gayāsīsa cùng với một ngàn Tỷ-kheo.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Tất cả, này các Tỷ-kheo, đều bị bốc cháy. Và này các Tỷ-kheo, tất cả cái gì đều bị bốc cháy?

Mắt, này các Tỷ-kheo, bị bốc cháy. Các sắc bị bốc cháy. Nhãn thức bị bốc cháy. Nhãn xúc bị bốc cháy. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Tai... Mũi...

Lưỡi bị bốc cháy. Các vị bị bốc cháy. Thiệt thức bị bốc cháy. Thiệt xúc bị bốc cháy. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Thân...

Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên hiểu biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Và trong khi lời giải đáp này được nói lên, tâm của một ngàn Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VII. KINH MÙ LÒA (*Addhabhūtasutta*) (*S.* IV. 20)

29. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Tất cả, này các Tỷ-kheo, là mù lòa. Và này các Tỷ-kheo, cái gì mù lòa?

Mắt, này các Tỷ-kheo, là mù lòa. Các sắc là mù lòa. Nhãn thức là mù lòa. Nhãn xúc là mù lòa. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Tai... Mũi...

Lưỡi là mù lòa. Các vị là mù lòa. Thiệt thức là mù lòa. Thiệt xúc là mù lòa. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Thân là mù lòa...

Ý là mù lòa. Các pháp là mù lòa. Ý thức là mù lòa. Ý xúc là mù lòa. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán cảm thọ ấy... Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên hiểu biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH THÍCH HỢP NHỔ BẬT GỐC
(*Samugghātasāruppasutta*)[15] (*S*. IV. 21)

30. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.[16] Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta." Vị ấy không tư lường các sắc, không tư lường trên các sắc, không tư lường từ các sắc, không tư lường: "Các sắc là của ta." Vị ấy không tư lường nhãn thức, không tư lường trên nhãn thức, không tư lường từ nhãn thức, không tư lường: "Nhãn thức là của ta." Vị ấy không tư lường nhãn xúc, không tư lường trên nhãn xúc, không tư lường từ nhãn xúc, không tư lường: "Nhãn xúc là của ta." Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy của ta."

---

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Proper*, nghĩa là *Thích hợp*.

[16] *Sabbamaññita*: Tất cả hoang tưởng. Xem *KS*. III. 3, 75ff; *M*. I. 486. Trong *Vbh*. 390 có trình bày 9 hoang tưởng (*maññita*): Tôi là; Cái này là tôi; Tôi sẽ không là; Tôi sẽ có sắc; Tôi sẽ không có sắc; Tôi sẽ có tưởng; Tôi sẽ không có tưởng; Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng.

... tai... mũi...

... Vị ấy không tư lường lưỡi, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta." Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường trên các vị, không tư lường từ các vị, không tư lường: "Các vị là của ta." Vị ấy không tư lường thiệt thức, không tư lường trên thiệt thức, không tư lường từ thiệt thức, không tư lường: "Thiệt thức là của ta." Vị ấy không tư lường thiệt xúc, không tư lường trên thiệt xúc, không tư lường từ thiệt xúc, không tư lường: "Thiệt xúc là của ta." Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta."

... Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta." Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường trên các pháp, không tư lường từ các pháp, không tư lường: "Các pháp là của ta." Vị ấy không tư lường ý thức, không tư lường trên ý thức, không tư lường từ ý thức, không tư lường: "Ý thức là của ta." Vị ấy không tư lường ý xúc, không tư lường trên ý xúc, không tư lường từ ý xúc, không tư lường: "Ý xúc là của ta." Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta."

Này các Tỷ-kheo, tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, từ đấy cái ấy bị đổi khác. Ý tựa trên đổi khác, bám víu vào tái sanh, thế giới ưa thích tái sanh.

Cho đến các uẩn, giới, xứ, này các Tỷ-kheo, vị ấy không tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta." Vị ấy không tư lường như vậy nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ nên không ái luyến. Do không ái luyến nên tự mình được hoàn toàn tịch tịnh. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

IX. KINH THÍCH HỢP ĐƯA ĐẾN NHỔ BẬT GỐC THỨ NHẤT (*Paṭhamasamugghātasappāyasutta*)[17] (*S.* IV. 23)

31. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tư lường con mắt, không tư lường trên con mắt, không tư lường từ con mắt, không tư lường: "Con mắt là của ta." Vị ấy không tư lường các sắc... không tư lường nhãn thức... không tư lường

[17] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Helpful*, nghĩa là *Trợ giúp*.

nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu,[18] vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

... Vị ấy không tư lường lưỡi, không tư lường trên lưỡi, không tư lường từ lưỡi, không tư lường: "Lưỡi là của ta." Vị ấy không tư lường các vị, không tư lường thiệt thức, không tư lường thiệt xúc. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

... Vị ấy không tư lường ý, không tư lường trên ý, không tư lường từ ý, không tư lường: "Ý là của ta." Vị ấy không tư lường các pháp, không tư lường ý thức, không tư lường ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy không tư lường cảm thọ ấy, không tư lường trên cảm thọ ấy, không tư lường từ cảm thọ ấy, không tư lường: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, phàm tư lường cái gì, tư lường trên cái gì, tư lường từ cái gì, tư lường cái gì là của ta, do vậy cái ấy đổi khác. Thế giới thích thú hiện hữu, vì thế giới dựa trên hiện hữu, vì rằng thế giới tham đắm hiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, xa cho đến uẩn, giới, xứ, vị ấy không có tư lường pháp ấy, không tư lường trên pháp ấy, không tư lường từ pháp ấy, không tư lường: "Pháp ấy là của ta." Vị ấy không có tư lường như vậy nên không có chấp thủ một sự vật gì trong đời. Do không chấp thủ, nên không dao động (*paritassati*); do không dao động, tự mình được hoàn toàn tịch tịnh (*parinibbāyati*). Vị ấy tuệ tri (*pajānāti*): "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

X. KINH THÍCH HỢP ĐƯA ĐẾN NHỔ BẬT GỐC THỨ HAI
(*Dutiyasamugghātasappāyasutta*) (*S*. IV. 24)

32. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường?

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

[18] *Bhavasatta. SA*. II. 363: *Bhavesu satto laggo lagito palibuddho ayaṃ loko bhavaṃyeva abhinandati* (Thế giới này bị trói buộc, dính mắc, chướng ngại trong vòng tái sanh, vui thích trong sự tái sanh). Trong trường hợp này, *Satta* có nghĩa là hiện có, trói buộc vào.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– ... Tai... Các tiếng... Nhĩ thức... Nhĩ xúc...

... Mũi... Các hương... Tỷ thức... Tỷ xúc...

... Thiệt... Các vị... Thiệt thức... Thiệt xúc...

... Thân... Các xúc... Thân thức... Thân xúc...

... Ý... Các pháp... Ý thức... Ý xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, nay không còn trở lại đời này nữa."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thích hợp đưa đến nhổ lên tất cả tư lường.

IV. PHẨM SANH PHÁP
(*JĀTIDHAMMAVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SANH PHÁP
(*Jātidhammādisuttadasaka*) (*S*. IV. 26)

33. Nhân duyên ở Sāvatthi. Tại đấy...

– Này các Tỷ-kheo, tất cả phải bị sanh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả phải bị sanh?

Mắt, này các Tỷ-kheo, phải bị sanh. Các sắc phải bị sanh. Nhãn thức phải bị sanh. Nhãn xúc phải bị sanh. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý, này các Tỷ-kheo, phải bị sanh. Các pháp phải bị sanh. Ý thức phải bị sanh. Ý xúc phải bị sanh. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy phải bị sanh.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... "... không còn trở lại đời này nữa."

34. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị già (*jarā*)...

35. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị bệnh (*byādhi*)...

36. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị chết (*maraṇa*)...

37. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị sầu (*soka*)...

38. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị phiền não (*saṃkilesa*)...

39. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị đoạn tận (*khaya*)...

40. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tiêu diệt (*vaya*)...

41. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị tập khởi (*samudaya*)...

42. Tất cả, này các Tỷ-kheo, phải bị đoạn diệt (*nirodha*)...

V. PHẨM TẤT CẢ VÔ THƯỜNG (*SABBAANICCAVAGGA*)

I-IX. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccādisuttanavaka*) (*S*. IV. 28)

43. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Tất cả, này các Tỷ-kheo, là vô thường (*anicca*)...

44. Tất cả, này các Tỷ-kheo, là khổ (*dukkha*)...

45. Tất cả, này các Tỷ-kheo, là vô ngã (*anattā*)...

46. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải thắng tri (*abhiññeyya*)…

47. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải liễu tri *(pariññeyya)*...

48. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận (*pahātabba*)...

49. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ (*sacchikātabba*)...

50. Tất cả, này các Tỷ-kheo, cần phải thắng tri, liễu tri (*abhiññāpariññeyya*)...

51. Tất cả, này các Tỷ-kheo, bị phiền lụy (*upadduta*)...

X. KINH BỊ ÁP ĐẢO (*Upassaṭṭhasutta*) (*S*. IV. 29)

52. Tất cả, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Và này các Tỷ-kheo, cái gì bị áp đảo?

Mắt, này các Tỷ-kheo, bị áp đảo. Các sắc bị áp đảo. Nhãn thức bị áp đảo. Nhãn xúc bị áp đảo. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị áp đảo.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý bị áp đảo. Các pháp bị áp đảo. Ý thức bị áp đảo. Ý xúc bị áp đảo. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị áp đảo.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... “... không còn trở lại đời này nữa.”

PHẦN HAI

NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI

VI. PHẨM VÔ MINH (*AVIJJĀVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH (*Avijjāpahānasutta*)[19] (*S*. IV. 30)

53. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?

– Này Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. Do biết, do thấy các sắc là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

… tai... mũi... lưỡi... thân...

Do biết, do thấy ý là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

II. KINH ĐOẠN TẬN KIẾT SỬ (*Saṃyojanapahānasutta*)[20] (*S*. IV. 31)

54. – Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được đoạn tận?

– Này các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, các kiết sử được đoạn tận... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, các kiết sử được đoạn tận.

---

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *Ignorance*, nghĩa là *Vô minh*.
[20] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Fetters*, nghĩa là *Các kiết sử*.

Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sử được đoạn tận.

III. KINH NHỔ SẠCH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasamugghātasutta*) (*S*. IV. 31)

55. – Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được nhổ sạch?

– Này các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô ngã, các kiết sử được nhổ sạch... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô ngã, các kiết sử được nhổ sạch.

Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sử được nhổ sạch.

IV. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavapahānasutta*)[21] (*S*. IV. 32)

56. (Như kinh 54 ở trên, chỉ thay thế "các lậu hoặc").

V. KINH NHỔ SẠCH CÁC LẬU HOẶC (*Āsavasamugghātasutta*) (*S*. IV. 32)

57. (Như kinh 55 ở trên, chỉ thay thế "các lậu hoặc").

VI. KINH ĐOẠN TẬN TÙY MIÊN (*Anusayapahānasutta*)[22] (*S*. IV. 32)

58. (Như kinh 56 ở trên, chỉ thay thế "tùy miên").

VII. KINH NHỔ SẠCH TÙY MIÊN (*Anusayasamugghātasutta*) (*S*. IV. 32)

59. (Như kinh 57 ở trên, chỉ thay thế "tùy miên").

VIII. KINH LIỄU TRI TẤT CẢ CHẤP THỦ (*Sabbupādānapariññāsutta*)[23] (*S*. IV. 32)

60. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ."

Do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...

Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do

---

[21] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Āsavas*, nghĩa là *Các lậu hoặc*.
[22] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS: *Lurking Tendency*, nghĩa là *Tùy miên*.
[23] Bản tiếng Anh của PTS: *Comprehension*, nghĩa là *Liễu tri*.

duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ.

IX. KINH CHẤM DỨT TẤT CẢ CHẤP THỦ THỨ NHẤT (*Paṭhamasabbupādānapariyādānasutta*)[24] (*S*. IV. 33)

61. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

Do duyên con mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp thủ."

... tai... mũi... lưỡi... thân...

Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc, nhàm chán đối với thọ. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp thủ."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

X. KINH CHẤM DỨT TẤT CẢ CHẤP THỦ THỨ HAI (*Dutiyasabbupādānapariyādānasutta*) (*S*. IV. 34)

62. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

---

[24] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Exhausting*, nghĩa là *Làm chấm dứt*; bản Hán dịch: *Nhứt thiết thủ đích mao tận kinh* 一切取的耗盡經 (*N*.16. 0006.35.61-62. 0043a12-0044a09).

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

... sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì...

... tai... mũi... lưỡi... thân...

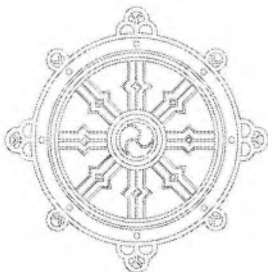
... ý... các pháp... ý thức... ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn...

– Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân...

Vị ấy nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Đây, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.



VII. PHẨM MIGAJĀLA
(*MIGAJĀLAVAGGA*)

I. KINH MIGAJĀLA THỨ NHẤT (*Paṭhamamigajālasutta*)[25] (*S*. IV. 35)

63. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tôn giả Migajāla đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajāla bạch Thế Tôn:

– "Sống một mình! Sống một mình!", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai?

– Này Migajāla, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy nên hỷ (*nandi*) khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham (*sārāga*) có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajāla, nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

Này Migajāla, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajāla, nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajāla, dầu cho đến ở các trú xứ xa vắng, các khóm rừng, các khu rừng, ít tiếng động, ít ồn ào, khỏi hơi thở quần chúng (*vijanavāta*), vắng người, thích hợp với tịnh; dầu vậy, vẫn được gọi là sống có người thứ hai.

Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, chưa được đoạn tận, cho nên được gọi là sống có người thứ hai.

Và này Migajāla, có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với lòng không tham luyến sắc ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương và trú với lòng không tham luyến sắc ấy nên hỷ đoạn diệt; thời do hỷ

[25] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: *By Migajāla*, nghĩa là *Tôn giả Migajāla*.

không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajāla, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

Này Migajāla, có những tiếng… hương… vị… xúc…

Này Migajāla, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với tâm không tham luyến pháp ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, trú với tâm không tham luyến pháp ấy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajāla, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajāla, dầu có ở giữa làng tràn đầy những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần của vua, các ngoại đạo và các đệ tử của các ngoại đạo, vị ấy vẫn được gọi là vị sống một mình.

Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, được đoạn tận, do vậy được gọi là sống một mình.

II. KINH MIGAJĀLA THỨ HAI (*Dutiyamigajālasutta*) (*S*. IV. 37)

64. Rồi Tôn giả Migajāla đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajāla bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp ấy con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Migajāla, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy nên hỷ sanh. Này Migajāla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

… tiếng... hương... vị... xúc...

Này Migajāla, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến pháp ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương sống với tâm tham luyến pháp ấy nên hỷ sanh. Này Migajāla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

Này Migajāla, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc ấy; do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc ấy nên hỷ diệt. Này Migajāla, Ta nói rằng do hoan hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt.

... tiếng... hương... vị... xúc...

Này Migajāla, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống

với tâm không tham luyến pháp ấy; do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp ấy nên hỷ diệt. Này Migajāla, Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt.

Rồi Tôn giả Migajāla, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Migajāla sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Migajāla trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. KINH SAMIDDHI HỎI VỀ MĀRA THỨ NHẤT (*Paṭhamasamiddhimārapañhāsutta*)[26] (*S.* IV. 38)

65. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn... và bạch Thế Tôn:

– "Māra, Māra", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Māra, hay là danh nghĩa Māra (*mārapaññatti*)?

– Này Samiddhi, chỗ nào có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có Māra, hay có danh nghĩa Māra.

Chỗ nào có tai... có mũi... có lưỡi... có thân...

Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, chỗ ấy có Māra, hay có danh nghĩa Māra.

Và này Samiddhi, chỗ nào không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có Māra, hay không có danh nghĩa Māra.

Chỗ nào không có tai... không có mũi... không có lưỡi... không có thân...

Chỗ nào không có ý, không có các pháp, không có ý thức, không có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy không có Māra, hay không có danh nghĩa Māra.

IV. KINH SAMIDDHI HỎI VỀ HỮU TÌNH (*Samiddhisattapañhāsutta*) (*S.* IV. 39)

66. "Hữu tình, hữu tình (*satta*)", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu tình, hay danh nghĩa hữu tình?... (như kinh trên).

[26] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (66, 67, 68) trong bản tiếng Anh của PTS viết: *Samiddhi*, chỉ cho Tôn giả *Samiddhi*.

V. KINH SAMIDDHI HỎI VỀ KHỔ
(*Samiddhidukkhapañhāsutta*) (*S*. IV. 39)

67. "Khổ, khổ", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là khổ, hay là danh nghĩa của khổ?... (như kinh trên).

VI. KINH SAMIDDHI HỎI VỀ THẾ GIỚI
(*Samiddhilokapañhāsutta*) (*S*. IV. 39)

68. – "Thế giới, thế giới",[27] bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là thế giới, hay là danh nghĩa thế giới?

– Chỗ nào, này Samiddhi, có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới, hay danh nghĩa thế giới... Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới, hay có danh nghĩa thế giới.

Và tại chỗ nào, này Samiddhi, không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới... không có ý... tại chỗ ấy, không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới.

VII. KINH RẮN ĐỘC VÀ UPASENA (*Upasenaāsīvisasutta*)[28] (*S*. IV. 40)

69. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Upasena trú ở Rājagaha (Vương Xá), Sītavana (Hàn Lâm), tại hang Đầu Con Rắn (*Sappasoṇḍikapabbhāra*).

Lúc bấy giờ, một con rắn độc rơi trên thân Tôn giả Upasena. Rồi Tôn giả Upasena gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, hãy đến và nhấc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây bị phân tán như một nắm rơm.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Upasena:

– Nhưng chúng tôi không thấy thân Tôn giả Upasena đổi khác hay các căn bị biến hoại.

Nhưng Tôn giả Upasena nói như sau:

– Này chư Hiền, hãy đến và nhấc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở đây bị phân tán như một nắm rơm.

Này Hiền giả Sāriputta, đối với ai nghĩ rằng: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi."... "Tôi là cái lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi."... "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời đối với các người ấy, này Hiền giả Sāriputta, thân có thể bị đổi khác, hay các căn bị biến hoại. Và này Hiền giả Sāriputta, tôi không nghĩ như sau: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi."... "Tôi là cái lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi."... hay: "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời này Hiền giả Sāriputta, làm sao thân ấy của tôi lại có thể đổi khác, hay các căn có thể biến hoại.

---

[27] *Loka. SA*. II. 368 viết *lujjana palujjanaṭṭhena*, nghĩa là sự vỡ vụn, hoại diệt, sự vô thường.

[28] Bản tiếng Anh của PTS viết: *Upasena*, chỉ cho Tôn giả Upasena.

Vì rằng trong một thời gian dài, Tôn giả Upasena đã khéo nhổ tận gốc ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, cho nên Tôn giả Upasena không có những tư tưởng như: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi."... hay: "Tôi là cái lưỡi", hay: "Lưỡi là của tôi."... hay: "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi."

Rồi các Tỷ-kheo ấy nhấc cái giường cùng với Tôn giả Upasena ra ngoài.

Rồi thân của Tôn giả Upasena, ngay tại chỗ ấy bị phân tán như một nắm rơm.

VIII. KINH UPAVĀṆA VÀ PHÁP THIẾT THỰC HIỆN TẠI
(*Upavāṇasandiṭṭhikasutta*)[29] (*S.* IV. 41)

70. Rồi Tôn giả Upavāṇa đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavāṇa bạch Thế Tôn:

– "Pháp thiết thực hiện tại, pháp thiết thực hiện tại (*sandiṭṭhika dhamma*)", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là pháp thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu?

– Ở đây, này Upavāṇa, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc; và có nội tham đối với các sắc, vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các sắc." Cho đến chừng nào sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc; và có nội tham đối với các sắc, vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các sắc." Như vậy, này Upavāṇa, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu.

Lại nữa, này Upavāṇa, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương...

Lại nữa, này Upavāṇa, Tỷ-kheo sau khi lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Lại nữa, này Upavāṇa, sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp; và có nội tham đối với các pháp, vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các pháp." Cho đến chừng nào sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp; và có nội tham đối với các pháp, vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các pháp." Như vậy, này Upavāṇa, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu.

Ở đây, này Upavāṇa, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc; và không có nội tham đối với sắc, vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với sắc." Cho đến chừng nào, này Upavāṇa, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc; và không có nội tham đối với các sắc, vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với các sắc." Như vậy, này Upavāṇa, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu.

[29] Vị thị giả của đức Thế Tôn, trước Tôn giả Ānanda. Bản tiếng Anh của PTS viết: *Upavāṇa*, chỉ cho Tôn giả Upavāṇa.

Lại nữa, này Upavāṇa, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Lại nữa, này Upavāṇa, sau khi ý nhận thức pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp; và không có nội tham đối với pháp, vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp." Cho đến chừng nào, này Upavāṇa, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham pháp; và không có nội tham đối với pháp, vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp." Như vậy, này Upavāṇa, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu.

IX. KINH SÁU XÚC XỨ THỨ NHẤT (*Paṭhamachaphassāyatanasutta*) (*S*. IV. 43)

71. – Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đã thất vọng.[30] Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

– Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ông có quán con mắt: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ được đoạn tận.

… tai... mũi... lưỡi... thân...

Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ông có quán ý: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Đây là khổ được đoạn tận.

X. KINH SÁU XÚC XỨ THỨ HAI (*Dutiyachaphassāyatanasutta*) (*S*. IV. 44)

72. – Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

---

[30] *Anassāsika*: Không được an ủi. *SA*. II. 369: *Ahaṃ ettha anassasiṃ, naṭṭho nāma ahanti vadati* (Ở đây con đã thất niệm, tức là con đã bị lạc lối).

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con thất vọng. Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

– Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ông có quán con mắt: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Như vậy xúc xứ thứ nhất này sẽ được ông đoạn tận, không còn tái sanh nữa trong tương lai.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

– Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ông có quán ý: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy. Như vậy xúc xứ thứ sáu này sẽ được ông đoạn tận, không còn tái sanh nữa trong tương lai.

XI. KINH SÁU XÚC XỨ THỨ BA (*Tatiyachaphassāyatanasutta*) (*S*. IV. 44)

73. – Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con thất vọng. Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

– Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

– Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

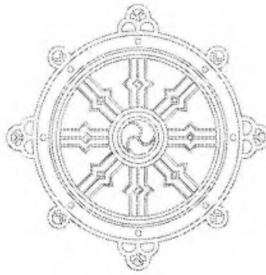
– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."



VIII. PHẨM BỆNH (*GILĀNAVAGGA*)

I. KINH BỆNH THỨ NHẤT (*Paṭhamagilānasutta*)[31] (*S*. IV. 46)

74. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Trong tinh xá của chúng con, bạch Thế Tôn, có một tân Tỷ-kheo ít người biết đến, bị bệnh hoạn, đau đớn, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến Tỷ-kheo ấy vì lòng từ mẫn!

Rồi Thế Tôn sau khi nghe tiếng "mới", nghe tiếng "bệnh", khi biết được: "Tỷ-kheo ấy ít được người biết đến", liền đi đến Tỷ-kheo ấy.

Tỷ-kheo ấy thấy đức Phật từ xa đi đến, sau khi thấy, liền gượng dậy trên giường.

Thế Tôn liền nói với Tỷ-kheo ấy:

– Thôi! Này Tỷ-kheo, ông chớ có gượng dậy trên giường. Có những chỗ ngồi đã soạn sẵn, tại đấy Ta sẽ ngồi.

Rồi Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không phải tăng trưởng?

– Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng. Mãnh liệt là khổ thọ con cảm giác. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

– Này Tỷ-kheo, mong rằng ông không có gì nghi ngờ, không có gì hối hận.

– Bạch Thế Tôn, chắc chắn con không có gì nghi ngờ, không có gì hối hận.

– Nhưng đối với giới của mình, ông có gì tự khiển trách không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, nếu đối với giới của mình ông không có gì để khiển trách, thời này Tỷ-kheo, ông thế nào cũng có nghi ngờ đối với vấn đề gì, cũng có hối hận gì.

– Bạch Thế Tôn, con không hiểu pháp Thế Tôn dạy về mục đích thanh tịnh trì giới.

---

[31] Tham khảo *S*. III. 119; *Pss*. *Breth*. 197-200.

– Này Tỷ-kheo, nếu ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo, ông hiểu pháp Ta dạy như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con hiểu pháp do Thế Tôn dạy là tham và đoạn tham.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là tham và đoạn tham. Với mục đích tham và đoạn tham, này Tỷ-kheo, là pháp Ta dạy.

Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... "... không còn trở lại đời này nữa."

Thế Tôn thuyết như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên, Tỷ-kheo ấy khởi lên Pháp nhãn ly trần vô cấu: "Phàm cái gì sanh khởi, tất cả đều chịu sự đoạn diệt."

II. KINH BỆNH THỨ HAI (*Dutiyagilānasutta*) (*S.* IV. 47)

75. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn... (như kinh 74).

– Này Tỷ-kheo, nếu ông không hiểu pháp Ta dạy về mục đích thanh tịnh trì giới, thời này Tỷ-kheo, ông hiểu pháp Ta dạy như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con hiểu pháp Thế Tôn dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không chấp thủ.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông hiểu pháp Ta dạy là với mục đích tịch tịnh hoàn toàn, không có chấp thủ.

... (Như kinh trên).

Thế Tôn thuyết như vậy, Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tán thán lời Thế Tôn dạy. Và trong khi lời dạy này được nói lên, tâm Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

III. KINH RĀDHA VÀ VÔ THƯỜNG (*Rādhaaniccasutta*)[32] (*S.* IV. 48)

76. Rồi Tôn giả Rādha đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Rādha bạch Thế Tôn:

---

[32] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (77, 78) trong bản tiếng Anh của PTS viết: Rādha, chỉ cho Tôn giả Rādha.

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Phàm cái gì vô thường, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Và này Rādha, cái gì là vô thường? Mắt, này Rādha, là vô thường, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các sắc là vô thường... Nhãn thức là vô thường... Nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là vô thường, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Phàm cái gì là vô thường, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

IV. KINH RĀDHA VÀ KHỔ (*Rādhadukkhasutta*) (*S.* IV. 49)

77. Phàm cái gì là khổ, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Và này Rādha, cái gì là khổ? Mắt, này Rādha, là khổ, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục... Các pháp... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Phàm cái gì là khổ, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

V. KINH RĀDHA VÀ VÔ NGÃ (*Rādhaanattasutta*) (*S.* IV. 49)

78. Phàm cái gì là vô ngã, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Và này Rādha, cái gì là vô ngã? Mắt, này Rādha, là vô ngã; ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục. Các sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc...

Ý là vô ngã... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô ngã. Ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

Phàm cái gì là vô ngã, này Rādha, ở đây, ông cần phải đoạn tận lòng dục.

VI. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH THỨ NHẤT (*Paṭhamaavijjāpahānasutta*)[33] (*S.* IV. 49)

79. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Có một pháp gì, bạch Thế Tôn, [nếu] Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, thời vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

– Có một pháp, này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

[33] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Ignorance*, nghĩa là *Vô minh*.

– Một pháp ấy là gì, bạch Thế Tôn, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

– Vô minh, này Tỷ-kheo, là một pháp, nếu Tỷ-kheo đoạn tận pháp ấy, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi.

– Tỷ-kheo biết như thế nào, bạch Thế Tôn, thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận và minh sanh khởi?

– Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết mắt, thấy mắt là vô thường, nên vô minh đoạn tận, minh sanh khởi.

... tai... mũi... lưỡi... thân... ý...

Này Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, nên vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

VII. KINH ĐOẠN TẬN VÔ MINH THỨ HAI
(*Dutiyaavijjāpahānasutta*) (S. IV. 50)

80. (Như kinh trên).

– Ở đây, này Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có nghe: "Các pháp không nên thiên chấp." Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy nghe như sau: "Tất cả các pháp không nên thiên chấp", vị ấy thắng tri tất cả các pháp. Do liễu tri tất cả các pháp nên thấy tất cả tướng có thể thay đổi... Vị ấy thấy con mắt có thể thay đổi... các sắc... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy thấy cảm thọ ấy có thể thay đổi.

Này Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, nên vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

VIII. KINH NHIỀU TỶ-KHEO (*Sambahulabhikkhusutta*)[34] (*S*. IV. 50)

81. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có những du sĩ ngoại đạo hỏi chúng con: "Do mục đích gì, này các Hiền giả, các người sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy: "Vì mục đích liễu tri đau khổ, này chư Hiền, chúng tôi sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn." Được hỏi vậy và được trả lời vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con đã nói lên quan điểm của Thế Tôn? Và có phải chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thực? Có phải chúng con trả lời thuận pháp và đúng pháp? Và ai là người đồng pháp nói đúng pháp không tìm được lý do để chỉ trích?

– Thật vậy, này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy và được trả lời vậy, các ông đã nói lên quan điểm của Ta. Và các ông không xuyên tạc Ta với điều không thực. Các ông trả lời thuận pháp và đúng pháp. Và không có người đồng pháp nói đúng pháp nào tìm được lý do để chỉ trích. Với mục đích liễu tri đau khổ, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống dưới Ta.

---

[34] Xem *S*. IV. 134; *KS*. IV. 87 (kinh 151 ở sau).

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Này Hiền giả, thế nào là vì mục đích liễu tri đau khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Mắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Các sắc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ, nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn... Ý là khổ, vì liễu tri như vậy, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vì liễu tri cảm thọ ấy là khổ, nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Đây, này chư Hiền, là khổ ấy. Vì liễu tri khổ ấy, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông có thể trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

IX. KINH CÂU HỎI VỀ THẾ GIỚI (*Lokapañhāsutta*)[35] (*S*. IV. 52)

82. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn…

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Thế giới, thế giới", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là thế giới?

– Do bị phá hủy (*lujjati*), này Tỷ-kheo, nên gọi là thế giới. Và này Tỷ-kheo, cái gì bị phá hủy? Mắt, này Tỷ-kheo, bị phá hủy; các sắc bị phá hủy; nhãn thức bị phá hủy; nhãn xúc bị phá hủy. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy bị phá hủy. ... Lưỡi... Ý bị phá hủy; các pháp bị phá hủy; ý thức bị phá hủy; ý xúc bị phá hủy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy bị phá hủy. Do bị phá hủy, này Tỷ-kheo, nên gọi là thế giới.

X. KINH CÂU HỎI CỦA PHAGGUNA (*Phaggunapañhāsutta*) (*S*. IV. 52)

83. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Phagguna bạch Thế Tôn:

– Có con mắt nào, bạch Thế Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung khát ái,[36] đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

Có tai nào... mũi... lưỡi... thân...

Có ý nào, bạch Thế Tôn, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

– Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên

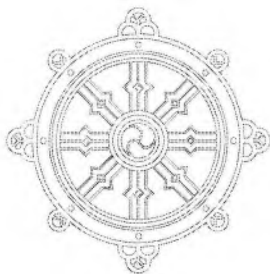
---

[35] Bản tiếng Anh của PTS: *The World*, nghĩa là *Thế giới*.

[36] *Chinnapapañca.SA*. II. 371: *Vaṭuma = Taṇhāvaṭuma.*

bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung [khát ái], đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.

Không có tai nào... Không có mũi… Không có lưỡi... Không có thân... Không có ý nào, này Phagguna, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các hành tung [khát ái], đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.



IX. PHẨM CHANNA (*CHANNAVAGGA*)

I. KINH PHÁP BIẾN HOẠI (*Palokadhammasutta*)[37] (*S*. IV. 53)

84. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– "Thế giới, thế giới", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là thế giới?

– Cái gì chịu sự biến hoại (*palokadhamma*), này Ānanda, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này Ānanda, cái gì chịu sự biến hoại?

Mắt, này Ānanda, chịu sự biến hoại; các sắc chịu sự biến hoại; nhãn thức chịu sự biến hoại; nhãn xúc chịu sự biến hoại. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy chịu sự biến hoại.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý chịu sự biến hoại; các pháp chịu sự biến hoại; ý thức chịu sự biến hoại; ý xúc chịu sự biến hoại. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy chịu sự biến hoại.

Cái gì chịu sự biến hoại, này Ānanda, cái ấy gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

II. KINH THẾ GIỚI TRỐNG KHÔNG (*Suññatalokasutta*)[38] (*S*. IV. 54)

85. Rồi Tôn giả Ānanda... bạch Thế Tôn:

– "Trống không là thế giới, trống không là thế giới", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi trống không là thế giới?

– Vì rằng, này Ānanda, thế giới là không tự ngã, và không thuộc tự ngã, nên thế giới được gọi là trống không. Và cái gì, này Ānanda, là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã?

Mắt, này Ānanda, là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Các sắc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Nhãn thức là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã. Nhãn xúc là không tự ngã, hay không thuộc tự ngã... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy không có tự ngã, hay không thuộc tự ngã.

---

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Transitory*, nghĩa là *Biến hoại*.

[38] Bản tiếng Anh của PTS: *Void*, nghĩa là *Trống không*.

Và vì rằng, này Ānanda, không có tự ngã, hay không thuộc tự ngã nên được gọi trống không là thế giới này.

III. KINH PHÁP VẮN TẮT (*Saṃkhittadhammasutta*)[39] (*S*. IV. 55)

86. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ông nghĩ thế nào, này Ānanda, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

... nhãn thức... nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

… tai... mũi... lưỡi... thân...

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc, cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Ānanda, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đối với nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy nhàm chán cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham;

---

[39] Bản tiếng Anh của PTS: *In Brief*, nghĩa là *Vắn tắt*.

do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IV. KINH CHANNA (*Channasutta*)[40] (*S*. IV. 57)

87. Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Mahācunda và Tôn giả Channa trú ở Gijjhakūṭa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahācunda; sau khi đến, nói với Tôn giả Mahācunda:

– Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm về bệnh hoạn.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahācunda vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahācunda đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Channa:

– Này Hiền giả Channa, Hiền giả có kham nhẫn được chăng? Có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không phải tăng trưởng?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng. Mãnh liệt là các khổ thọ tôi cảm giác. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

Này Hiền giả, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác][41] với một thanh kiếm sắc. Cũng vậy, này Hiền giả, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

Này Hiền giả, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết mạnh. Cũng vậy, này Hiền giả, tôi cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Này Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

Này Hiền giả, ví như một người đồ tể thiện xảo hay một đệ tử người đồ tể mổ bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, này Hiền giả, những ngọn gió kinh khủng cắt mổ bụng của tôi. Thưa Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng... không phải giảm thiểu.

Này Hiền giả, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm một người yếu hơn với những cánh tay của mình, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng.

---

[40] Ở đây, Channa là em trai của Tôn giả Sāriputta, không phải người dắt ngựa cho Thái tử Siddhattha (Tất-đạt-đa).

[41] Những câu nói diễn tả sự đau đớn. Xem *M*. I. 243.

Cũng vậy, này Hiền giả, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Này Hiền giả, tôi không thể kham nhẫn, không thể chịu đựng. Mãnh liệt là các khổ thọ tôi cảm giác. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không phải giảm thiểu.

Thưa Hiền giả Sāriputta, tôi sẽ đem lại con dao. Tôi không muốn sống nữa.

– Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy chịu đựng! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn, không có các dược phẩm thích hợp, thời tôi sẽ tìm các dược phẩm thích hợp cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người hầu hạ thích ứng, thời tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao! Tôn giả Channa, hãy chịu đựng! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa chịu đựng.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, không phải tôi không có các món ăn thích hợp, tôi có các món ăn thích hợp. Không phải tôi không có các dược phẩm thích hợp, tôi có các dược phẩm thích hợp. Không phải tôi không có những người hầu hạ thích ứng, tôi có những người hầu hạ thích ứng. Đã lâu ngày, tôi hầu hạ bậc Đạo sư với tâm thích thú, không phải không thích thú. Đây, thưa Hiền giả, là xứng đáng với người đệ tử. Vì rằng đã hầu hạ bậc Đạo sư với tâm thích thú, không phải không thích thú. Không có phạm tội, nếu tôi đem lại con dao. Này Hiền giả Sāriputta, Hiền giả hãy thọ trì như vậy.

– Chúng tôi sẽ hỏi Tôn giả Channa một câu, nếu Tôn giả Channa kham nhẫn được hỏi và trả lời.

– Hãy hỏi đi, Hiền giả Sāriputta, sau khi nghe, chúng ta sẽ biết.

– Này Hiền giả Channa, mắt, nhãn thức, những pháp do nhãn thức nhận biết, Hiền giả có quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"? ... tai... mũi... lưỡi... thân... Này Hiền giả Channa, ý, ý thức, các pháp do ý thức nhận biết, Hiền giả có quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Này Hiền giả Sāriputta, mắt, nhãn thức, các pháp do nhãn thức nhận biết, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

– Này Hiền giả Channa, trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do nhãn thức nhận biết, do thấy gì, do thắng tri gì mà Hiền giả quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do nhãn thức nhận biết, sau khi thấy đoạn diệt, sau khi thắng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." ... trong tai... trong mũi... trong lưỡi... trong thân... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý thức nhận biết, sau khi thấy đoạn diệt, sau khi thắng tri đoạn diệt, tôi quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Được nghe nói vậy, Tôn giả Mahācunda nói với Tôn giả Channa:

– Hiền giả Channa, Hiền giả cần phải luôn luôn chú ý đến lời dạy này của Thế Tôn: "Ai còn tham luyến,[42] thời có dao động; ai không tham luyến, thời không dao động; ai không dao động, thời được khinh an; ai được khinh an, thời không thiên chấp; ai không thiên chấp (*nati*), thời không có đến và đi; ai không có đến và đi, thời không có diệt và sanh; ai không có diệt và sanh, thời không có đời này, đời sau, không có giữa hai đời. Đây là sự đoạn tận đau khổ."

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahācunda, sau khi giáo giới Tôn giả Channa với lời giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tôn giả Channa, sau khi hai vị Tôn giả ấy đi không bao lâu, liền đem lại con dao.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem lại con dao. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau vị ấy sẽ như thế nào?

– Có phải trước mặt ông, này Sāriputta, Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố là không phạm tội?

– Thưa có, bạch Thế Tôn. Có một làng của dân chúng Vajjī tên là Pubbavijjhana. Tại đấy, có những gia đình thân hữu, có những gia đình thân thích với Tôn giả Channa, chính những gia đình ấy mới có lỗi.

– Này Sāriputta, những gia đình thân hữu và những gia đình thân thích ấy của Tôn giả Channa là những gia đình có lỗi. Tuy vậy, này Sāriputta, với sự việc như vậy, Ta không nói Channa là có lỗi. Này Sāriputta, ai bỏ thân này và chấp thủ thân khác, người ấy, Ta nói là có lỗi. Nhưng Tỷ-kheo Channa thời không vậy. Tỷ-kheo Channa không có tội lỗi khi đem lại con dao. Này Sāriputta, ông cần phải thọ trì như vậy.

V. KINH PUṆṆA (*Puṇṇasutta*)[43] (*S*. IV. 60)

88. Rồi Tôn giả Puṇṇa đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Puṇṇa bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức,[44] khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước nên hỷ

---

[42] Ái (*taṇhā*), mạn (*māna*), kiến (*diṭṭhi*). *SA*. II. 371: Vị Tỷ-kheo nói: "Khi cảm giác đau khổ, bạn dao động, vì vậy, bạn không hồi phục được."

[43] Xem *M*. III. 267.

[44] Xem *S*. IV. 32; *KS*. IV. 16 (kinh 63 ở trước).

(*nandi*) sanh. Này Puṇṇa, Ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi." Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức... Này Puṇṇa, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước nên hỷ sanh. Này Puṇṇa, Ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi."

Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt."... Này Puṇṇa, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt."

Này Puṇṇa, sau khi được nghe giáo giới với lời giáo giới vắn tắt này của Ta, ông sẽ trú tại quốc độ nào?

– Bạch Thế Tôn, có một quốc độ tên là Sunāparanta, tại đấy con sẽ ở.

– Thô bạo, này Puṇṇa, là người xứ Sunāparanta. Độc ác, này Puṇṇa, là người xứ Sunāparanta. Nếu người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, chửi bới, nhiếc mắng ông, thời này Puṇṇa, ở đây, ông nghĩ thế nào?

– Nếu người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, chửi bới, nhiếc mắng con, thời ở đây, con sẽ nghĩ: "Thật là hiền thiện, người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không lấy tay đánh đập ta." Như vậy, ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Như vậy, ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nếu người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, sẽ đánh đập ông bằng tay, thời ở đây, này Puṇṇa, ông sẽ nghĩ thế nào?

– Nếu người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng tay, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng cục đất." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng nếu người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, đánh đập ông bằng cục đất, thời ở đây, này Puṇṇa, ông nghĩ thế nào?

– Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng cục đất, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng gậy." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, sẽ đánh đập ông với gậy, thời ở đây, này Puṇṇa, ông nghĩ thế nào?

– Nếu những người xứ Sunāparanta này, bạch Thế Tôn, sẽ đánh đập con với gậy, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng kiếm." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, lại đánh đập ông bằng kiếm, thời ở đây, này Puṇṇa, ông sẽ nghĩ thế nào?

– Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con với cây kiếm, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đoạn mạng ta với cây kiếm sắc bén." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Puṇṇa, sẽ đoạn mạng ông với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, này Puṇṇa, ông sẽ nghĩ như thế nào?

– Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Có những đệ tử của Thế Tôn, khi phiền não, tủi hổ và ghê tởm bởi thân và sinh mạng đã sử dụng đến con dao. Nay dầu không tìm đến ta vẫn được sử dụng con dao." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Puṇṇa! Đầy đủ với sự an tịnh tự điều phục này, ông có thể sống tại quốc độ Sunāparanta. Này Puṇṇa, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Puṇṇa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, rồi bộ hành đi đến xứ Sunāparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunāparanta. Tại đây, Tôn giả Puṇṇa trú tại xứ Sunāparanta.

Và trong mùa mưa ấy, Tôn giả Puṇṇa độ cho khoảng năm trăm cư sĩ. Cũng trong mùa mưa ấy, Tôn giả chứng được Ba minh. Và cũng trong mùa mưa ấy Tôn giả Puṇṇa viên tịch.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thiện nam tử Puṇṇa, sau khi được Thế Tôn giáo giới một cách vắn tắt, đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy thế nào?

– Bậc hiền trí, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Puṇṇa. Sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não Ta với những kiện tụng về pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Puṇṇa.

VI. KINH BĀHIYA (*Bāhiyasutta*) (*S*. IV. 63)

89. Rồi Tôn giả Bāhiya đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bāhiya bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ông nghĩ thế nào, này Bāhiya, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Nhãn thức... Nhãn xúc...

... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Bāhiya, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Bāhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH ÁI NHIỄM THỨ NHẤT (*Paṭhamaejāsutta*) (*S*. IV. 64)

90. Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật, ái nhiễm là mụt nhọt, ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước vọng gì, hãy ước sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của tôi." Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của tôi." Chớ có nghĩ đến nhãn thức, chớ có nghĩ đến trong nhãn thức, chớ có nghĩ đến từ nhãn thức, chớ có nghĩ đến: "Nhãn thức là của tôi." Chớ có nghĩ đến nhãn xúc, chớ có nghĩ đến trong nhãn xúc, chớ có nghĩ đến từ nhãn xúc, chớ có nghĩ đến: "Nhãn xúc là của tôi." Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là tôi."

Chớ có nghĩ đến tai... Chớ có nghĩ đến mũi...

Chớ có nghĩ đến lưỡi... Chớ có nghĩ đến thân...

Chớ có nghĩ đến ý, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của tôi." Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của tôi." Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của tôi." Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "Ý xúc là của tôi." Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của tôi."

Chớ có nghĩ đến tất cả, chớ có nghĩ đến trong tất cả, chớ có nghĩ đến từ tất cả, chớ có nghĩ đến: "Tất cả là của tôi."

Vị ấy do không nghĩ đến nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ, vị ấy không có dao động (*paritassati*). Do không dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH ÁI NHIỄM THỨ HAI (*Dutiyaejāsutta*) (*S.* IV. 66)

91. Ái nhiễm, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật, ái nhiễm là mụt nhọt, ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có mong ước, hãy mong ước không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.

Chớ có nghĩ đến mắt, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của ta." Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của ta." Chớ có nghĩ đến nhãn thức... Chớ có nghĩ đến nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đấy cái ấy đổi khác.

Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh (*bhavasatta*), nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

… tai... mũi... lưỡi... thân...

Chớ có nghĩ đến ý, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của ta." Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của ta." Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của ta." Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "Ý xúc là của ta." Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta." Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đấy cái ấy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh, nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, cho đến uẩn, giới, xứ... chớ có nghĩ đến cái ấy, chớ có nghĩ đến trong cái ấy, chớ có nghĩ đến từ cái ấy, chớ có nghĩ đến: "Cái ấy là của ta." Vị ấy không nghĩ đến như vậy nên không chấp thủ một cái gì trong đời. Do không chấp thủ nên không có dao động. Do không có dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IX. KINH CẢ HAI THỨ NHẤT (*Paṭhamadvayasutta*) (*S*. IV. 68)

92. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về cả hai. Hãy lắng nghe. Này các Tỷ-kheo, thế nào là cả hai?

Mắt và các sắc, tai và các tiếng, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cả hai.

Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi đoạn tận hai cái này, tôi sẽ trình bày hai cái khác", thời người ấy chỉ nói suông, nếu hỏi, người ấy không có thể chứng minh, còn có thể rơi vào ách nạn.

Vì sao? Vì rằng vấn đề ấy vượt ngoài phạm vi của người ấy.

X. KINH CẢ HAI THỨ HAI (*Dutiyadvayasutta*) (*S*. IV. 69)

93. Do duyên cả hai, này các Tỷ-kheo, thức hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên cả hai, thức hiện hữu?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức. Mắt là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Các sắc là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Như vậy, cả hai này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Nhãn thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn thức khởi lên; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, nhãn thức này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Này các Tỷ-kheo, sự họp hội, tụ tập, hòa hợp của ba pháp này, này

các Tỷ-kheo, đây gọi là nhãn xúc. Nhãn xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, do duyên nào, nhãn xúc khởi lên; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, nhãn xúc này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Do xúc nên có cảm thọ, do xúc nên có tư lường, do xúc nên có hay biết. Ở đây, các pháp này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác.

Và do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức...

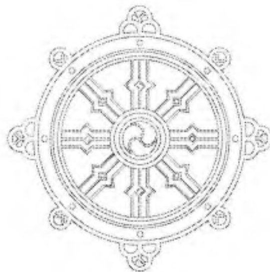
Và do duyên mũi và các hương, khởi lên tỷ thức...

Và do duyên lưỡi và các vị, khởi lên thiệt thức...

Và do duyên thân và các xúc, khởi lên thân thức...

Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức. Ý là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Các pháp là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ở đây, cả hai cái này là biến động, tiêu tan, vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Ý thức là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ý thức khởi lên; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý thức này khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thành thường còn được? Này các Tỷ-kheo, sự họp hội, tụ tập, hòa hợp của ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý xúc. Ý xúc cũng vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Do nhân nào, duyên nào khiến ý xúc sanh khởi; nhân ấy, duyên ấy là vô thường, biến hoại, tự tánh đổi khác. Này các Tỷ-kheo, ý xúc khởi lên do duyên vô thường, từ đâu sẽ thường còn được? Này các Tỷ-kheo, do xúc nên có cảm thọ, do xúc nên có tư lường, do xúc nên có hay biết. Ở đây, các pháp này là biến động, tiêu tan, vô thường biến hoại, tự tánh đổi khác.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên cả hai, thức hiện hữu.



X. PHẨM TỪ BỎ (*SAḶAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG THÂU NHIẾP (*Adantaaguttasutta*)[45] (*S*. IV. 71)

94. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có sáu xúc xứ, này các Tỷ-kheo, không nhiếp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nhiếp, đem lại đau khổ. Thế nào là sáu?

Mắt xúc xứ, này các Tỷ-kheo, không nhiếp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nhiếp, đem lại đau khổ.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý xúc xứ, này các Tỷ-kheo, không nhiếp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nhiếp, đem lại đau khổ.

Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, không nhiếp phục, không phòng hộ, không bảo vệ, không thâu nhiếp, đem lại đau khổ.

Có sáu xúc xứ, này các Tỷ-kheo, khéo nhiếp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nhiếp, đem lại an lạc. Thế nào là sáu?

Mắt xúc xứ, này các Tỷ-kheo, khéo nhiếp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nhiếp, đem lại an lạc.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý xúc xứ, này các Tỷ-kheo, khéo nhiếp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nhiếp, đem lại an lạc.

Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, khéo nhiếp phục, khéo phòng hộ, khéo bảo vệ, khéo thâu nhiếp, đem lại an lạc.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Hỡi các vị Tỷ-kheo,
Chính sáu xúc xứ này,
Chỗ nào không thâu nhiếp,
Chỗ ấy có đau khổ.
Những ai học biết được,
Chế ngự, phòng hộ chúng,
Với lòng tin làm bạn,
Sống thoát ly dục vọng.

Thấy sắc pháp khả ái,

---

[45] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Including* (*the Sixfold Sense-sphere*), nghĩa là *Thâu nhiếp* (*sáu xúc xứ*).

Thấy sắc không khả ái,
Hãy nhiếp phục đường tham,
Đối các sắc khả ái,
Chớ khiến ý nhiễm ô:
"Đối sắc, ta không thích."

Sau khi nghe các tiếng,
Khả ái, không khả ái,
Chớ để tâm say mê,
Với các tiếng khả ái.
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Với tiếng không khả ái,
Chớ khiến ý nhiễm ô:
"Đối tiếng, ta không thích."

Sau khi ngửi các hương,
Thơm dịu, thật khả ái,
Sau khi ngửi các hương,
Bất tịnh, thật đáng ghét.
Hãy nhiếp phục lòng sân,
Đối các hương đáng ghét,
Còn đối hương khả ái,
Chớ để dục chi phối.

Nếm xong vị ngon ngọt,
Và nếm vị không ngon,
Chớ có sanh tham luyến,
Khi hưởng nếm vị ngon,
Chớ nói lời chống đối,
Khi nếm vị không ngon.

Khi cảm thọ lạc xúc,
Chớ đắm say tham luyến,
Khi cảm thọ khổ xúc,
Chớ bị xúc động mạnh.
Đối với cả hai xúc,
Lạc, khổ đều niệm xả,
Không thích, không chống đối,
Bất cứ loại xúc nào.

Đối với các người khác,
Mê theo hý luận tưởng,
Họ mê theo hý luận,
Họ hành theo hư tưởng.
Hãy đoạn trừ tất cả,

Gia sự do ý tạo,
Hãy nhiếp các hành động,
Hướng đến hạnh viễn ly.

Như vậy đối sáu xứ,
Khi ý khéo tu tập,
Nếu có cảm xúc gì,
Tâm không bị dao động.
Tỷ-kheo hãy nhiếp phục,
Cả hai tham sân ấy,
Hãy đến bờ bên kia,
Vượt buộc ràng sanh tử.

II. KINH MĀLUKYAPUTTA (*Mālukyaputtasutta*)[46] (*S*. IV. 73)

95. Rồi Tôn giả Mālukyaputta đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mālukyaputta bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Ở đây, này Mālukyaputta, nay Ta nói gì với các Tỷ-kheo trẻ tuổi, khi ông là một Tỷ-kheo già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, lại yêu cầu Ta giáo giới một cách vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, dầu cho con già yếu, niên cao, đại lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến cuối cuộc đời, mong Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Mong Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con! Chắc chắn con sẽ hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn giảng. Chắc chắn con sẽ trở thành người thừa tự pháp của Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Mālukyaputta? Các sắc do mắt nhận thức, ông không thấy, trước đây ông không thấy, nay ông không thấy, và ông không muốn thấy; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các tiếng do tai nhận thức, ông không nghe, trước đây ông không nghe, nay ông không nghe, và ông không muốn nghe; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái hay không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các hương do mũi nhận thức, ông không ngửi, trước đây ông không ngửi, nay ông không ngửi, và ông không muốn ngửi; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

---

[46] Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Māluṅkyaputta. Mẹ của Tôn giả là Mālunkyā, người nước Kosala. Tôn giả xuất gia khi đã lớn tuổi sau khi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, và không lâu sau đắc quả A-la-hán. Xem *SA*. III. 20f; *M*. I. 426; *A*. II. 248f; *AA*. II. 582; *ThagA*. I. 446f; *Mil*. 144.

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các vị do lưỡi nhận thức, ông không nếm, trước đây ông không nếm, nay ông không nếm, và ông không muốn nếm; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các xúc do thân nhận thức, ông không cảm thọ, trước đây ông không cảm thọ, nay ông không cảm thọ, và ông không muốn cảm thọ; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các pháp do ý thức nhận thức, ông không nhận thức, trước đây ông không nhận thức, nay ông không nhận thức, và ông không muốn nhận thức; ở đây, đối với chúng, ông có lòng dục, tham hay khát ái không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Và ở đây, này Mālukyaputta, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được biết đến, ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được, sẽ chỉ nghe được với những tiếng nghe được, sẽ chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, sẽ chỉ nhận biết được đối với những vật có thể nhận biết được.

Vì rằng, này Mālukyaputta, đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được biết đến, ông sẽ chỉ thấy được với những vật thấy được, sẽ chỉ nghe được với những tiếng nghe được, sẽ chỉ cảm nhận được đối với những vật cảm nhận được, sẽ chỉ nhận biết được đối với những vật có thể nhận biết được. Cho nên, này Mālukyaputta, ông không có vì cái ấy. Do vì, này Mālukyaputta, ông không có vì cái ấy, nên ông không có: "Ở nơi đây." Do vì, này Mālukyaputta, ông không có: "Ở nơi đây", do vậy, này Mālukyaputta, ông sẽ không có đời này, đời sau, và giữa hai đời ấy.[47] Đây là sự chấm dứt khổ đau.

– Bạch Thế Tôn, lời giảng vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau:

Thấy sắc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến sắc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ sắc sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

[47] Xem *S.* IV. 55; *KS.* IV. 30 (kinh 87 ở trước).

Nghe tiếng, niệm mê say
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến tiếng an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ tiếng sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Ngửi hương, niệm mê sa
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến hương an tr
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ hương sanl
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Nếm vị, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến vị an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ vị sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Cảm xúc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến xúc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ xúc sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Biết pháp, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến pháp an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ pháp sanh,
Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

Vị ấy không tham sắc,
Thấy sắc, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến sắc an trú.
Theo sắc, vị ấy thấy,
Tùy sắc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Vị ấy không tham tiếng,
Nghe tiếng, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến tiếng an trú.
Theo tiếng, vị ấy nghe,
Tùy tiếng, thọ cảm giác.
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Vị ấy không tham hương,
Ngửi hương, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến hương an trú.
Theo hương, vị ấy ngửi,
Tùy hương, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Vị ấy không tham vị,
Nếm vị, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến vị, an trú.
Theo vị, vị ấy nếm,
Tùy vị, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Vị ấy không tham xúc,
Cảm xúc, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến xúc, an trú.
Theo xúc, vị ấy cảm,
Tùy xúc, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Vị ấy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp, an trú.
Theo pháp, vị ấy cảm,
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn, lời Thế Tôn nói vắn tắt này, con hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Mālukyaputta! Lành thay, này Mālukyaputta! Lời nói vắn tắt của Ta, ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi:

Thấy sắc, niệm mê say,
Tác ý đến ái tướng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tham luyến sắc an trú.
Vị ấy, thọ tăng trưởng,
Nhiều loại từ sắc sanh.

Tham dục và hại tâm,
Não hại tâm vị ấy.
Như vậy khổ tích lũy,
Được gọi xa Niết-bàn.

...

Vị ấy không tham pháp,
Biết pháp, không ái luyến,
Tâm không dính cảm thọ,
Không luyến pháp, an trú.
Theo pháp, vị ấy cảm,
Tùy pháp, thọ cảm giác,
Tiêu mòn, không tích lũy,
Như vậy chánh niệm hành.
Như vậy khổ không chứa,
Được gọi gần Niết-bàn.

Lời nói vắn tắt này của Ta, này Mālukyaputta, ông cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Rồi Tôn giả Mālukyaputta, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Mālukyaputta sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Mālukyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. KINH PHÁP THỐI ĐỌA (*Parihānadhammasutta*)[48] (*S*. IV. 78)

96. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về pháp thối đọa, pháp bất thối đọa và sáu thắng xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp thối đọa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nếu Tỷ-kheo đón nhận chúng (*adhivāseti*), không từ bỏ, không đoạn trừ, không tiêu diệt, không khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta làm thối thất các thiện pháp." Đây Như Lai gọi là pháp thối đọa.

... tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Nếu Tỷ-kheo

[48] Bản tiếng Anh của PTS: *Falling back*, nghĩa là *Thối đọa*.

đón nhận chúng, không từ bỏ, không đoạn trừ, không tiêu diệt, không khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta làm thối thất các thiện pháp." Đây Như Lai gọi là pháp thối đọa.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp thối đọa.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là pháp bất thối đọa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp." Đây Như Lai gọi là pháp bất thối đọa.

... tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử được khởi lên. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không có đón nhận chúng, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, khiến chúng không thể sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp." Đây Như Lai gọi là pháp bất thối đọa.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp bất thối đọa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu thắng xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nhiếp phục." Và Như Lai gọi đây là thắng xứ.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm tư duy liên hệ đến kiết sử không khởi lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Xứ này đã được nhiếp phục." Và Như Lai gọi đây là thắng xứ.

IV. KINH TRÚ PHÓNG DẬT (*Pamādavihārīsutta*) (*S*. IV. 79)

97. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trú phóng dật?

Ai sống không nhiếp hộ nhãn căn, này các Tỷ-kheo, thời tâm người ấy bị nhiễm ô (*byāsiñcati*) đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên khổ an trú. Với người đau khổ, tâm không thể định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ, người ấy được gọi là người an trú phóng dật.

... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn...

Ai sống không nhiếp hộ ý căn, tâm bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không có khinh an nên khổ an trú. Với người đau khổ, tâm không thể định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, các pháp không hiển lộ. Do các pháp không hiển lộ, người ấy được gọi là người an trú phóng dật.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là an trú phóng dật.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là an trú không phóng dật?

Ai sống nhiếp hộ nhãn căn, tâm không bị nhiễm ô đối với các sắc do mắt nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiển lộ, người ấy được gọi là người trú không phóng dật.

... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn...

Ai sống nhiếp hộ ý căn, tâm không bị nhiễm ô đối với các pháp do ý nhận biết. Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiển lộ. Do các pháp được hiển lộ, người ấy được gọi là người trú không phóng dật.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là trú không phóng dật.

V. KINH NHIẾP HỘ (*Saṃvarasutta*) (*S.* IV. 80)

98. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về nhiếp hộ và không nhiếp hộ. Hãy lắng nghe.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là không nhiếp hộ?

Và này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương và an trú với tâm tham luyến; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện pháp." Như Lai gọi đây là thối thất.

... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Và này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương và an trú với tâm tham luyến; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta đã làm thối thất các thiện pháp." Và Như Lai gọi đây là thối thất.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không nhiếp hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nhiếp hộ?

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý,

khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp." Và Như Lai gọi đây là không thối thất.

… có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Và này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương và an trú với tâm không tham luyến; này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Ta không làm thối thất các thiện pháp." Và Như Lai gọi đây là không thối thất.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có nhiếp hộ.

VI. KINH THIỀN ĐỊNH (*Samādhisutta*) (*S*. IV. 81)

99. Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo được thiền định, hiểu rõ như thật.

Và hiểu rõ như thật cái gì?

Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

Như thật hiểu rõ ý là vô thường, như thật hiểu rõ các pháp là vô thường, như thật hiểu rõ ý thức là vô thường, như thật hiểu rõ ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường.

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo được thiền định, hiểu rõ như thật.

VII. KINH THIỀN TỊNH (*Paṭisallānasutta*) (*S*. IV. 81)

100. Này các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiền tịnh, hiểu rõ như thật.

Và hiểu rõ gì như thật?

Như thật hiểu rõ mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường.

... tai... mũi... lưỡi... thân... ý...

Này các Tỷ-kheo, hãy hành trì hạnh thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiền tịnh, hiểu rõ như thật.

VIII. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ NHẤT
(*Paṭhamanatumhākaṃsutta*) (*S*. IV. 82)

101. – Cái gì không phải của các ông, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông?

Mắt, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các sắc không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Nhãn thức không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Nhãn xúc không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các pháp không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ý thức không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Ý xúc không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong Thắng Lâm này có người mang đi, hay mang đốt, hay làm theo những gì người ấy muốn, tất cả cỏ, củi, nhánh cây hay lá, thời các ông có nghĩ như sau: "Người ấy mang chúng tôi đi, hay đốt chúng tôi, hay làm gì chúng tôi theo ý người ấy muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Vì sao? Vì chúng không phải tự ngã hay không thuộc về tự ngã.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mắt không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các ông. Các sắc không phải của các ông... Nhãn thức không phải của các ông... Nhãn xúc không phải của các ông... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy không phải của các ông, hãy từ bỏ nó; từ bỏ nó sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc cho các ông.

IX. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI
(*Dutiyanatumhākaṃsutta*) (*S*. IV. 82)

102. (Như kinh trên nhưng không có ví dụ).

X. KINH UDDAKA (*Udakasutta*) (*S*. IV. 83)

103. Uddaka Rāmaputta,[49] này các Tỷ-kheo, có nói như sau:

[49] Xem *M*. I. 165.

Ta là bậc minh trí,[50]
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khổ căn,
Trước kia chưa từng đào.

Này các Tỷ-kheo, Uddaka Rāmaputta không phải bậc minh trí, lại tự nói: "Ta là bậc minh trí"; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất cả"; không đào lên khổ căn, lại nói: "Đã đào lên khổ căn."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau:

Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khổ căn,
Trước kia chưa từng đào.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo minh trí (*vedagū*)? Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ, như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo minh trí.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả? Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đối với sáu xúc xứ, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly, được giải thoát không có chấp thủ; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chiến thắng tất cả.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đào lên khổ căn trước kia chưa được đào? Mụt nhọt,[51] này các Tỷ-kheo, là một danh từ chỉ cho cái thân do bốn đại tạo thành này, sanh ra từ cha mẹ, do cơm cháo nuôi dưỡng, tự tánh là vô thường, biến hoại, mai một, hủy hoại, hủy diệt. Gốc rễ của mụt nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với khát ái. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận khát ái, chặt đứt đến gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không có thể sanh khởi trong tương lai; như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã đào lên khổ căn từ trước chưa được đào lên.

Này các Tỷ-kheo, chính là Uddaka Rāmaputta đã nói lên lời nói như sau:

Ta là bậc minh trí,
Ta chiến thắng tất cả,
Ta đào lên khổ căn,
Trước kia chưa từng đào.

Này các Tỷ-kheo, Uddaka không phải là bậc minh trí, lại tự nói: "Ta là bậc minh trí"; không chiến thắng tất cả, lại nói: "Ta chiến thắng tất cả"; không đào lên khổ căn, lại nói: "Đã đào lên khổ căn."

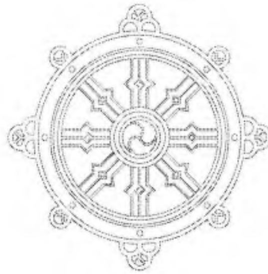
---

[50] *SA*. II. 386: *Jātu vedagūti ahaṃ ekaṃseneva vedagū, vedasaṅkhātena ñāṇena neyyesu gato, vedaṃ vā gato adhigato, paṇḍitohaṃasmīti attho* (không nghi ngờ gì nữa, ta chắc chắn là bậc minh triết, người đã thành tựu trí tuệ, hiểu biết mọi điều bằng trí tuệ, và như vậy ta là bậc trí).

[51] *SA*. II. 386: *Gaṇḍamūlaṃ = Dukkhamūlaṃ* (gốc rễ mụn nhọt, gốc rễ khổ đau).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo nói một cách chân chánh, có thể nói như sau:

> Ta là bậc minh trí,
> Ta chiến thắng tất cả,
> Ta đào lên khổ căn,
> Trước kia chưa từng đào.



PHẦN BA

NĂM MƯƠI KINH THỨ BA

XI. PHẨM AN ỔN, KHỎI CÁC KHỔ ÁCH (*YOGAKKHEMIVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI ĐƯỢC AN ỔN, KHỎI CÁC KHỔ ÁCH (*Yogakkhemisutta*) (*S*. IV. 85)

104. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách, pháp môn đúng pháp. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách, pháp môn đúng pháp?[52]

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận biết khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách.

... có những tiếng... có những hương... có những vị... có những xúc...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận biết khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những pháp ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách, là pháp môn đúng pháp.

II. KINH CHẤP THỦ (*Upādāyasutta*) (*S*. IV. 85)

105. – Này các Tỷ-kheo, do có mặt cái gì, do chấp thủ cái gì khởi lên nội lạc, nội khổ?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

---

[52] *Yogakhemapariyāya*. Xem *KS*. II. 132. Theo *SA*. II. 388, đây không phải là một thuật ngữ của Ấn Độ giáo, mà là chỉ cho pháp môn đưa đến sự an ổn, khỏi các khổ ách: Dục, hữu, kiến, vô minh.

– Này các Tỷ-kheo, do mắt có mặt, do chấp thủ mắt nên khởi lên nội lạc, nội khổ.

... tai... mũi... lưỡi... thân... do ý có mặt, do chấp thủ ý nên khởi lên nội lạc, nội khổ.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên nội khổ, nội lạc không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

III. KINH KHỔ TẬP (*Dukkhasamudayasutta*)[53] (*S.* IV. 86)

106. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi.

Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

Do duyên tai... Do duyên mũi...

Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

Do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên

[53] Bản tiếng Anh của PTS: *Ill*, nghĩa là *Khổ*.

già, chết, sầu, bi, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ đoạn diệt.

IV. KINH THẾ GIỚI TẬP KHỞI (*Lokasamudayasutta*)[54] (*S*. IV. 87)

107. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về thế giới tập khởi và thế giới đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.

Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

Và do duyên ý và các pháp, khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới tập khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy, đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt.

V. KINH THẮNG HƠN LÀ TÔI (*Seyyohamasmisutta*) (*S*. IV. 88)

108. – Này các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì nên có: "Thắng hơn là tôi", "ngang bằng là tôi", hay "thấp kém là tôi"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, do có mắt, do chấp thủ mắt, do thiên chấp mắt nên có: "Thắng hơn là tôi", "ngang bằng là tôi", hay "thấp kém là tôi."... Do có ý, do chấp thủ ý, do thiên chấp ý nên có: "Thắng hơn là tôi", "ngang bằng là tôi", hay "thấp kém là tôi."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôi", "ngang bằng là tôi", hay "thấp kém là tôi" không?

---

[54] Bản tiếng Anh của PTS: *The World*, nghĩa là *Thế giới*.

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Tai là thường hay vô thường...

Mũi là thường hay vô thường...

Lưỡi là thường hay vô thường...

Thân là thường hay vô thường...

Ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể có ý nghĩ: "Thắng hơn là tôi", "ngang bằng là tôi", hay "thấp kém là tôi" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát... "... không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojaniyasutta*) (*S*. IV. 89)

109. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sử và kiết sử. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị kiết sử và kiết sử?

Này các Tỷ-kheo, mắt là pháp bị kiết sử; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sử... ý là pháp bị kiết sử; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị kiết sử và kiết sử.

VII. KINH CHẤP THỦ (*Upādāniyasutta*) (*S*. IV. 89)

110. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ, và thế nào là chấp thủ?

Mắt, này các Tỷ-kheo, là pháp bị chấp thủ; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là chấp thủ... lưỡi là pháp bị chấp thủ… ý là pháp bị chấp thủ; ở đây, chỗ nào có dục và tham, ở đấy là chấp thủ.

Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là những pháp bị chấp thủ và chấp thủ.

VIII. KINH TUỆ TRI NỘI XỨ (*Ajjhattikāyatanaparijānanasutta*)[55] (*S*. IV. 89)

111. Này các Tỷ-kheo, do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ mắt nên không thể đoạn tận khổ đau.

[55] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: *Understanding*, nghĩa là *Tuệ tri*.

... tai... mũi... lưỡi... thân... Do vì không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ ý nên không thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham và từ bỏ mắt nên có thể đoạn tận khổ đau.

... tai... mũi... lưỡi... thân... Do thắng tri, liễu tri, ly tham và từ bỏ ý nên có thể đoạn tận khổ đau.

IX. KINH TUỆ TRI NGOẠI XỨ (*Bāhirāyatanaparijānanasutta*) (*S*. IV. 90)

112. Này các Tỷ-kheo, do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các sắc nên không thể đoạn tận khổ đau.

... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ các pháp nên không thể đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ các sắc nên có thể đoạn tận khổ đau.

... các tiếng... các hương... các vị... các xúc... Do thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ các pháp nên có thể đoạn tận khổ đau.

X. KINH NGHE TRỘM (*Upassutisutta*) (*S*. IV. 90)

113. Một thời, Thế Tôn trú tại Ñātika, trong ngôi nhà bằng gạch.

Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiền tịnh, nói lên lời pháp giáo này (*dhammapariyāya*).

– Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ; do duyên thủ nên có hữu; do duyên hữu nên có sanh; do duyên sanh nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được tập khởi.

Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái; do duyên ái nên có thủ... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được tập khởi.

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt.

Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

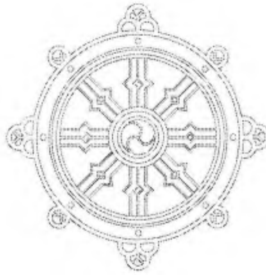
Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức; do ba pháp này hợp lại nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt, do thủ diệt... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này được đoạn diệt.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo đứng nghe trộm Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tỷ-kheo ấy đứng nghe trộm. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, ông có nghe pháp giáo này không?

– Thưa có nghe, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, hãy học pháp giáo này. Này Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng pháp giáo này. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì pháp giáo này. Này Tỷ-kheo, pháp giáo này liên hệ đến mục đích, là cứu cánh Phạm hạnh.



XII. PHẨM THẾ GIỚI DỤC CÔNG ĐỨC (*LOKAKĀMAGUṆAVAGGA*)

I. KINH LƯỚI BẪY CỦA MA THỨ NHẤT (*Paṭhamamārapāsasutta*) (*S*. IV. 91)

114. Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma đoanh vây vị ấy. Bị ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những vị do lưỡi nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ vị ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma đoanh vây vị ấy. Bị ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma đoanh vây vị ấy. Bị ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của ma, không bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những vị do lưỡi nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ vị ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của ma, không bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của ma, không bị ma chinh phục. Lưới bẫy của ma không

đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

II. KINH LƯỚI BẪY CỦA MA THỨ HAI (*Dutiyamārapāsasutta*) (*S*. IV. 92)

115. Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các sắc do mắt nhận thức, đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những vị do lưỡi nhận thức… Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các pháp do ý nhận thức, đã đi đến trú xứ của ma, đã bị ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc... hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các sắc do mắt nhận thức, không đi vào trú xứ của ma, không bị ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm...

Này các Tỷ-kheo, có những vị do lưỡi nhận thức… Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các pháp do ý nhận thức, không đi vào trú xứ của ma, không bị ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

III. KINH ĐI ĐẾN TẬN CÙNG THẾ GIỚI
(*Lokantagamanasutta*)[56] (*S*. IV. 93)

116. – Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới[57] không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới.

Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, khởi lên tư tưởng sau đây: “Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời vắn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: ‘Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng

[56] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Worldly Sense-pleasures*, nghĩa là *Dục lạc thế gian*.
[57] Xem *KS*. I. 35; *A*. II. 48.

cách không đạt đến sự tận cùng thế giới.' Lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?"

Rồi các Tỷ-kheo ấy lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ānanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này."

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Hiền giả Ānanda, sau khi thuyết giảng lời vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới." Thưa Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời tuyên bố vắn tắt này cho chúng ta, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới.' Lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?" Rồi thưa Hiền giả, chúng tôi lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ānanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này." Mong Tôn giả Ānanda hãy phân tích cho.

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây,[58] tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây. Cũng vậy, là việc chư Tôn giả làm... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc Có Mắt, bậc Có Trí, bậc Pháp Giả, bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả, bậc Tuyên Thuyết, bậc Dẫn Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử, bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời, chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

[58] Xem *KS*. III. 119; *M*. I. 111, 194, 233.

– Thưa Hiền giả Ānanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc Có Mắt, bậc Có Trí, bậc Pháp Giả, bậc Phạm Thiên, bậc Thuyết Giả, bậc Tuyên Thuyết, bậc Dẫn Đến Mục Đích, bậc Đem Cho Bất Tử, bậc Pháp Chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Ānanda có thể giải thích một cách rộng rãi lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn chưa được phân tích rộng rãi. Mong Tôn giả Ānanda phân tích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức (*agaruṃ karitvā*).

– Vậy chư Hiền, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới." Này chư Hiền, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu một cách rộng rãi như sau:

Này chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh. Và này chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới? Do con mắt, này chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Do tai, này chư Hiền... Do mũi, này chư Hiền... Do lưỡi, này chư Hiền... Do thân, này chư Hiền... Do ý, này chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt cho chư Hiền, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thể đạt được bằng cách đi đến tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, sự chấm dứt đau khổ có thể làm được bằng cách không đạt đến sự tận cùng thế giới." Này chư Hiền, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Nhưng nếu muốn, chư Tôn giả hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giới." Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn ra đi không được bao lâu, chúng con khởi lên ý nghĩ này: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng... sự tận cùng thế giới.' Lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?"

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các bạn đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Ānanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này. Chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này." Và, bạch Thế Tôn, chúng con đã đi đến Tôn giả Ānanda và hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này.

Bạch Thế Tôn, với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, ý nghĩa được Tôn giả Ānanda giải thích cho chúng con...

– Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ānanda. Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ānanda. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông có hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Ānanda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy. Hãy thọ trì như vậy.

IV. KINH DỤC CÔNG ĐỨC (*Kāmaguṇasutta*) (*S.* IV. 97)

117. – Này các Tỷ-kheo, thời trước, khi Ta chưa giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, còn là Bồ-tát, Ta khởi lên ý nghĩ như sau: "Năm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, tâm Ta đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại, và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa đến, còn ở vị lai." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Năm dục công đức mà tâm Ta trước kia cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, vì lợi ích cho chính Ta, hãy sống không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm."

Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với năm dục công đức mà tâm các ông trước đây cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, tâm các ông đi đến cuồng nhiệt khi chúng có mặt hiện tại, và trở thành giảm thiểu khi chúng chưa đến, còn ở vị lai. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với năm dục công đức mà tâm các ông trước đây cảm xúc, đã thuộc quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại. Ở đây, vì lợi ích cho chính các ông, hãy sống không phóng dật, gìn giữ tâm chánh niệm.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: "Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham; các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diệt, pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu." Các xứ cần phải được hiểu như vậy.

Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn ra đi chẳng bao lâu, khởi lên ý nghĩ sau đây: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời thuyết giảng này một cách vắn tắt... Ai có thể phân tích ý nghĩa lời tuyên bố một cách rộng rãi?"

Rồi các Tỷ-kheo ấy lại suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán..."

(Như kinh trên chỉ khác về lời tuyên bố của Thế Tôn).

– Vậy chư Hiền, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng vắn tắt này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý được đoạn diệt, pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu.'" Này chư Hiền, lời Thế Tôn nói lên vắn tắt này, không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: "Lời Thế Tôn nói, này chư Hiền, là thuộc về đoạn diệt sáu xứ. Do vậy, này chư Hiền, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu.' Các xứ cần phải được hiểu như vậy."

Này chư Hiền, lời Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, ý nghĩa không được phân tích một cách rõ ràng, ý nghĩa ấy tôi hiểu một cách rõ ràng như vậy. Nếu muốn, chư Hiền hãy đi đến Thế Tôn và hỏi về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời Thế Tôn nói lên vắn tắt cho chúng con, không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, Thế Tôn đi vào tinh xá: "Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: 'Chỗ nào mắt đoạn diệt, chỗ ấy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, chỗ ấy pháp tưởng được ly tham, các xứ phải được hiểu.' Các xứ cần phải hiểu như vậy." Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, sau khi nói lên lời thuyết giảng này cho chúng ta,

nhưng không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: 'Do vậy, này các Tỷ-kheo, các xứ cần phải được hiểu: Chỗ nào mắt đoạn diệt, chỗ ấy sắc tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu... Chỗ nào ý đoạn diệt, chỗ ấy các pháp tưởng được ly tham, các xứ cần phải được hiểu.' Các xứ cần phải hiểu như vậy, nhưng ý nghĩa không được phân tích một cách rộng rãi, ai có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi?"

Bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được bậc Đạo sư tán thán và được các bậc đồng Phạm hạnh có trí kính trọng. Với lời Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, nhưng không được phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, Tôn giả Ānanda có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, hãy hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này."

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ānanda với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, đã phân tích ý nghĩa…

– Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ānanda! Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ānanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng sẽ trả lời như vậy, như Ānanda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy, hãy như vậy thọ trì.

V. KINH CÂU HỎI CỦA SAKKA (*Sakkapañhasutta*)[59] (*S*. IV. 101)

118. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại nhập được Niết-bàn?

– Này Thiên chủ, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đấy, thức khởi lên chấp thủ cái ấy. Vì có chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn.

Này Thiên chủ, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Này Thiên chủ, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, y cứ vào đấy, thức khởi lên chấp thủ cái ấy.[60] Do có chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy không nhập Niết-bàn.

---

[59] Bản tiếng Anh của PTS: *Sakka*, nghĩa là Thiên chủ cõi trời Ba Mươi Ba.

[60] *Saupādāna*. Xem *S*. IV. 107; *KS*. IV. 66 (kinh 124 ở sau).

Này Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không nhập Niết-bàn.

Và này Thiên chủ, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ vào đấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. Do không chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy nhập Niết-bàn.

Này Thiên chủ, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Này Thiên chủ, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu vị Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú. Do vị Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, không y cứ vào đấy, thức khởi lên không chấp thủ cái ấy. Do không chấp thủ, này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo ấy nhập Niết-bàn.

Này Thiên chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại nhập Niết-bàn.

VI. KINH PAÑCASIKHA (*Pañcasikhasutta*) (*S*. IV. 103)

119. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Pañcasikha, con Vua Gandhabba, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Pañcasikha, con Vua Gandhabba, bạch Thế Tôn:

(Câu hỏi và câu đáp như kinh trên).

VII. KINH VỊ ĐỒNG TRÚ VỚI TÔN GIẢ SĀRIPUTTA (*Sāriputtasaddhivihārikasutta*)[61] (*S*. IV. 103)

120. Một thời, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sāriputta:

– Một Tỷ-kheo đồng trú, thưa Tôn giả Sāriputta, đã từ bỏ học pháp và hoàn tục.

– Này Hiền giả, như vậy xảy đến cho vị nào không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác. Này Hiền giả, một Tỷ-kheo không hộ trì các căn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm tỉnh giác, có

[61] Bản tiếng Anh của PTS viết: *Sāriputta*, chỉ cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời; sự việc này không xảy ra.

Này Hiền giả, một Tỷ-kheo hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm tỉnh giác. Cho đến trọn đời, vị ấy có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, sự việc như vậy có xảy ra.

Và này Hiền giả, thế nào là hộ trì các căn? Này Hiền giả, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này Hiền giả, là sự hộ trì các căn.

Này Hiền giả, thế nào là tiết độ trong ăn uống? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự mình làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được duy trì và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Như vậy, này Hiền giả, là tiết độ trong ăn uống.

Và này Hiền giả, như thế nào là chú tâm tỉnh giác? Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp triền cái. Ban đêm trong canh một, trong khi vị ấy đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp triền cái. Ban đêm trong canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên hữu, trong tư thế con sư tử, chân này đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng đến lúc ngồi dậy. Ban đêm trong canh cuối, khi vị ấy đi kinh hành và trong khi ngồi, tâm gột sạch khỏi các pháp triền cái. Như vậy, này Hiền giả, là chú tâm tỉnh giác.

Do vậy, này Hiền giả, cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm tỉnh giác."

Như vậy, này Hiền giả, ông cần phải học tập.

VIII. KINH GIÁO HUẤN RĀHULA (*Rāhulovādasutta*)[62] (*S.* IV. 105)

121. Một thời, Thế Tôn ở trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiền tịnh, các tư niệm sau đây được khởi lên: "Đã thuần thục là các pháp đưa đến giải thoát được chín muồi cho Rāhula.

[62] Bản tiếng Anh của PTS viết: *Rāhula*, nghĩa là *Tôn giả La-hầu-la*.

Vậy Ta hãy giảng dạy cho Rāhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc."

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực; khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, gọi Tôn giả Rāhula:

– Này Rāhula, hãy cầm tọa cụ đi đến rừng Andha để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rāhula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, rất nhiều ngàn chư thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ giảng dạy cho Rāhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc."

Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andha và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn dưới gốc cây. Rồi Tôn giả Rāhula, sau khi đảnh lễ Thế Tôn liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rāhula đang ngồi xuống một bên:

– Ông nghĩ thế nào, này Rāhula, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Nhãn thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Nhãn xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì thì đó là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Các pháp là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Ý thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Ý xúc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì thì đó là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thấy vậy, này Rāhula, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc; phàm duyên nhãn xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì; nhàm chán đối với pháp ấy... nhàm chán đối với tai... nhàm chán đối với mũi... nhàm chán đối với lưỡi... nhàm chán đối với thân... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc; do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì; nhàm chán đối với pháp ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Thế Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Rāhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, tâm Tôn giả Rāhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và nhiều ngàn chư thiên khởi lên Pháp nhãn ly trần vô cấu: "Phàm các pháp gì được sanh khởi, tất cả đều bị đoạn diệt."

IX. KINH PHÁP BỊ KIẾT SỬ (*Saṃyojaniyadhammasutta*)[63] (*S.* IV. 107)

122. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về các pháp bị kiết sử và kiết sử. Hãy lắng nghe.

[63] Bản tiếng Anh của PTS: *Fetter*, nghĩa là *Kiết sử*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị kiết sử, thế nào là kiết sử?

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp bị kiết sử. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị kiết sử. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là kiết sử.

X. KINH PHÁP BỊ CHẤP THỦ (*Upādāniyadhammasutta*)[64] (*S.* IV. 108)

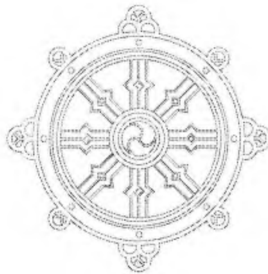
123. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về các pháp bị chấp thủ và chấp thủ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp bị chấp thủ, thế nào là chấp thủ?

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các pháp bị chấp thủ. Ở đây, chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là chấp thủ.

Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân cảm giác...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là các pháp bị chấp thủ. Chỗ nào có dục và tham, chỗ ấy là chấp thủ.



[64] Bản tiếng Anh của PTS: *Grasping*, nghĩa là *Chấp thủ*.

XIII. PHẨM GIA CHỦ (*GAHAPATIVAGGA*)

I. KINH VESĀLI (*Vesālīsutta*) (*S*. IV. 109)

124. Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi gia chủ Ugga, người Vesāli, đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người Vesāli, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh (*parinibbāyanti*)? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?[65]

– Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... (như kinh 118). Này gia chủ, Tỷ-kheo có chấp thủ, không được hoàn toàn tịch tịnh...

Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số các loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh.

Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... (như kinh 118). Này gia chủ, Tỷ-kheo không có chấp thủ, được hoàn toàn tịch tịnh...

Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

II. KINH VAJJĪ (*Vajjīsutta*) (*S*. IV. 109)

125. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajjī tại làng Hatthi.

Rồi gia chủ Ugga, người làng Hatthi, đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?... (như kinh trên).

– Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, có một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

---

[65] Xem *S*. IV. 98; *KS*. IV. 61 (kinh 118 ở trước).

III. KINH NĀḶANDĀ (*Nāḷandāsutta*) (*S*. IV. 110)

126. Một thời, Thế Tôn ở tại Nāḷandā, tại vườn xoài Pāvārika.

Rồi gia chủ Upāli đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?... (như kinh trên).

– Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên, do vậy, ở đây, một số loài hữu tình ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

IV. KINH BHĀRADVĀJA (*Bhāradvājasutta*) (*S*. IV. 110)

127. Một thời, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Rồi Vua Udena đi đến Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Udena thưa với Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja:

– Thưa Tôn giả Bhāradvāja, do nhân gì, do duyên gì, những Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, và sống toàn thời gian một cách hoàn mãn (*addhānañca āpādentī*)?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, đối với những người như là mẹ,[66] hãy an trú tâm người mẹ. Đối với những người như là chị, hãy an trú tâm người chị. Đối với người như là con gái, hãy an trú tâm người con gái." Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, và sống toàn thời gian một cách hoàn mãn.

– Tham vọng (*lola*), này Tôn giả Bhāradvāja, là tâm. Đôi khi đối với những người như là mẹ, tham pháp khởi lên. Đối với những người như là chị, tham pháp khởi lên. Đối với những người như là con gái, tham pháp khởi lên. Này Tôn giả Bhāradvāja, có một nhân khác, có một duyên khác, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... một cách hoàn mãn?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau:[67] "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên từ đảnh tóc trở xuống, bao bọc bởi da và

[66] *Mātumattīsūti* = *Mātupamāṇāsu*. *SA*. II. 396: Xem các phụ nữ như mẹ, như chị hay như em gái của mình.

[67] Xem *M*. I. 57, 420.

chứa đầy bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, màng ruột, ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn.

– Này Tôn giả Bhāradvāja, đối với những Tỷ-kheo nào, thân có tu tập, giới có tu tập, tâm có tu tập, tuệ có tu tập, thời như vậy thật là dễ dàng. Và này Tôn giả Bhāradvāja, đối với những Tỷ-kheo nào, thân không có tu tập, giới không có tu tập, tâm không có tu tập, tuệ không có tu tập, thời như vậy thật là khó khăn. Đôi khi, này Tôn giả Bhāradvāja, có người nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ tác ý bất tịnh", nhưng lại đi đến tịnh [tướng]. Này Tôn giả Bhāradvāja, có nhân nào khác, duyên nào khác, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì các căn. Sau khi mắt thấy sắc,[68] chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn." Thưa Đại vương, đây là nhân, đây là duyên, do vậy những Tỷ-kheo trẻ tuổi này... sống toàn thời gian một cách hoàn mãn.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Bhāradvāja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhāradvāja, là lời khéo nói này của Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Chính nhân này, thưa Tôn giả Bhāradvāja, chính duyên này, do vậy các Tỷ-kheo trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân, lại không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, sống toàn thời gian một cách hoàn mãn.

Tôi cũng vậy, thưa Tôn giả Bhāradvāja, khi nào tôi vào trong nội cung với thân không phòng hộ, với lời nói không phòng hộ, với tâm không phòng hộ, với niệm không an trú, với các căn không chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp chinh phục tôi. Nhưng thưa Tôn giả Bhāradvāja, trong khi tôi vào nội cung, với thân được phòng hộ, với lời nói được phòng hộ, với tâm được phòng hộ, với niệm được an trú, với các căn được chế ngự; thời trong khi ấy, tham pháp không chinh phục tôi.

---

[68] Xem *S*. IV. 102; *KS*. IV. 63 (kinh 120 ở trước).

Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhāradvāja! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Bhāradvāja! Thưa Tôn giả Bhāradvāja, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Bhāradvāja dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay, thưa Tôn giả Bhāradvāja, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Bhāradvāja hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH SOṆA (*Soṇasutta*) (*S*. IV. 113)

128. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Soṇa, con người gia chủ Soṇa, đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Soṇa, con người gia chủ, bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?... (như kinh trên).

– Này Soṇa, đây là nhân, đây là duyên... do vậy, ở đây, một số loài hữu tình... ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh.

VI. KINH GHOSITA (*Ghositasutta*) (*S*. IV. 113)

129. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Rồi gia chủ Ghosita đi đến Tôn giả Ānanda...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Ghosita thưa với Tôn giả Ānanda:

– "Sai biệt về giới, sai biệt về giới", thưa Tôn giả Ānanda, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói đến sai biệt về giới?

– Này gia chủ, khi nào nhãn giới, sắc khả ý và nhãn thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Này gia chủ, khi nào nhãn giới, sắc không khả ý và nhãn thức cùng khởi lên; do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Này gia chủ, khi nào nhãn giới, sắc trú xả và nhãn thức cùng khởi lên; do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

Này gia chủ, khi nào nhĩ giới...

Này gia chủ, khi nào tỷ giới...

Này gia chủ, khi nào thiệt giới...

Này gia chủ, khi nào thân giới...

Này gia chủ, khi nào ý giới, pháp khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Này gia chủ, khi nào ý giới... pháp không khả ý và ý thức cùng khởi lên; do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Này gia chủ, khi nào ý giới, pháp trú xả và ý thức cùng khởi lên; do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

Cho đến như vậy, này gia chủ, Thế Tôn đã nói đến sai biệt về giới.

VII. KINH HĀLIDDIKĀNI (*Hāliddikānisutta*) (*S*. IV. 115)

130. Một thời, Tôn giả Mahākaccāna trú giữa dân chúng Avanti, tại Kuraraghara, trong một hang núi.

Rồi gia chủ Hāliddikāni đi đến Tôn giả Mahākaccāna...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Hāliddikāni thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn nói như sau: "Do duyên sai biệt về giới, khởi lên sai biệt về xúc. Do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ." Như thế nào, thưa Tôn giả, do duyên sai biệt về giới, khởi lên sai biệt về xúc; do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ?[69]

– Ở đây, này gia chủ, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Khi mắt thấy sắc bất khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có khổ xúc. Do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Khi mắt thấy sắc trú xả, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ nhãn thức có bất khổ bất lạc xúc. Do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, này gia chủ, khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có lạc xúc. Do duyên lạc xúc, khởi lên lạc thọ. Khi ý biết pháp bất khả ý, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có khổ xúc. Do duyên khổ xúc, khởi lên khổ thọ. Khi ý biết pháp trú xả, nghĩ rằng: "Đây là vậy, đây là vậy", được biết rõ ý thức có bất khổ bất lạc xúc. Do duyên bất khổ bất lạc xúc, khởi lên bất khổ bất lạc thọ.

Như vậy, này gia chủ, do duyên sai biệt về giới, khởi lên sai biệt về xúc. Do duyên sai biệt về xúc, khởi lên sai biệt về thọ.

VIII. KINH NAKULAPITU (*Nakulapitusutta*)[70] (*S*. IV. 116)

131. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāra, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển.

Rồi gia chủ Nakulapitā...

Ngồi xuống một bên, gia chủ Nakulapitā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại không được hoàn toàn tịch tịnh? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại được hoàn toàn tịch tịnh?

– Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức... (như kinh 118).

---

[69] Xem *S*. II. 141.

[70] Xem S. III. 1 (chú thích).

Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở đây, một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, không được hoàn toàn tịch tịnh.

Này gia chủ, có những sắc do mắt nhận thức...

Này gia chủ, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở đây, có một số loài hữu tình, ngay trong hiện tại, được hoàn toàn tịch tịnh.

IX. KINH LOHICCA (*Lohiccasutta*) (*S*. IV. 116)

132. Một thời, Tôn giả Mahākaccāna trú ở giữa dân chúng Avanti, Makkarakata, tại một chòi lá trong rừng.

Rồi một số đông đệ tử của Bà-la-môn Lohicca, là những thanh niên lượm củi, đi đến chòi lá trong rừng của Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, đi qua đi lại, đi vòng quanh chòi lá, cao tiếng, lớn tiếng, và làm đủ loại trò chơi nghịch ngợm: "Những kẻ trọc đầu, Sa-môn giả hiệu, đê tiện, đen đủi, sanh từ nơi chân này,[71] lại được các kẻ nô tì khuân vác[72] cung kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, kính ngưỡng."

Rồi Tôn giả Mahākaccāna từ trong nhà bước ra và nói với các thanh niên ấy:

– Này các thanh niên, chớ có làm ồn. Ta sẽ thuyết pháp cho các ông.

Khi nghe nói vậy, các thanh niên đều im lặng. Rồi Tôn giả Mahākaccāna nói lên những bài kệ với các thanh niên ấy:

Những bậc cổ nhân xưa,
Tối thắng trong giới hạnh,
Các bậc Bà-la-môn,
Ghi nhớ các cổ luật.
Các căn được hộ trì,
Được khéo léo chế ngự,
Họ nhiếp phục đoạn tận,
Mọi tức giận phẫn nộ.
Họ hân hoan trong pháp,
Họ hân hoan trong thiền,
Họ là Bà-la-môn,
Ghi nhớ các cổ luật.
Còn kẻ trốn[73] luật này,
Chỉ lắp bắp tụng đọc,[74]
Say mê trong giai cấp,
Họ bước đi khập khiễng.

---

[71] Xem *D*. I. 103; *M*. I. 334.

[72] *Bharataka*. *SA*. II. 397: *Kuṭimbika*, những người ở nhà tranh mà mang gánh nặng. Đây là một thuật ngữ khinh thường đối với người dân hỗ trợ cho các vị tu hành ẩn dật.

[73] *SA*. II. 397: *Okkamma* (hay *vokkamma*), nghĩa là người chạy trốn khỏi các luật lệ lâu đời.

[74] *SA*. II. 397: *Japāmase* chỉ cho những lời nói đi nói lại của các Bà-la-môn.

Bị phẫn nộ nhiếp phục,
Dùng nhiều loại gậy gộc,[75]
Họ rơi vào nguy hại,
Giữa kẻ tham, bậc Thánh.[76]
Rỗng không là giới cấm,
Khi căn không chế ngự,
Như người được tài sản,
Trong cơn mộng nằm mơ.
Không ăn, quyết nhịn đói,
Nằm ngủ trên đất trần.
Sáng dậy, tắm sạch tội,
Tụng đọc ba Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng,
Bện tóc, da dính bùn,
Tụng đọc các thần chú,
Giới cấm thủ, khổ hạnh.
Giả dối và lừa đảo,
Sử dụng các gậy gộc,
Dùng nước để tắm rửa,
Dùng nước để súc miệng,
Đó là những sắc tướng,
Các hàng Bà-la-môn,
Họ làm và thực hiện,
Mong hưởng những lợi nhỏ
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Trong sáng, không cấu uế,
Nhu thuận mọi chúng sanh,
Con đường đạt tối thượng.

Rồi các thanh niên ấy tức giận và không vui, đi đến Bà-la-môn Lohicca; sau khi đến, thưa với Bà-la-môn Lohicca:

– Mong Tôn giả biết rằng, Sa-môn Mahākaccāna đang một mạch chỉ trích và mạ lỵ thần chú (*mante*) của các Bà-la-môn.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Lohicca tức giận và không vui.

Rồi Bà-la-môn Lohicca suy nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta khi ta nghe một mình các thanh niên Bà-la-môn, rồi phỉ báng và công kích Sa-môn Mahākaccāna. Vậy, ta hãy đi đến và hỏi vị ấy."

Rồi Bà-la-môn Lohicca cùng với các thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu,

---

[75] *Puthuattadaṇḍā*. *Putthu* ở đây có nghĩa là nhiều. Xem *KS*. I. 303; *Dh*. v. 406.

[76] Xem *KS*. I. 411. *SA*. II. 398: *Sataṇhātaṇhesūti sataṇhanittaṇhesu*, nghĩa là kẻ có ái và bậc không còn tham ái.

rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Lohicca nói với Tôn giả Mahākaccāna:

– Tôn giả Kaccāna, có phải có một số đông đệ tử của chúng tôi, những thanh niên Bà-la-môn lượm củi, đã đến đây?

– Này Bà-la-môn, một số đông đệ tử của ông, những thanh niên Bà-la-môn lượm củi, có đến tại đây.

– Thưa Tôn giả Kaccāna, Tôn giả có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy không?

– Này Bà-la-môn, tôi có nói chuyện với những thanh niên Bà-la-môn ấy.

– Như thế nào là câu chuyện giữa Tôn giả Kaccāna với những thanh niên Bà-la-môn ấy?

– Này Bà-la-môn, như thế này là câu chuyện giữa tôi và các thanh niên Bà-la-môn ấy:

Những bậc cổ nhân xưa,
Tối thắng trong giới hạnh,
Các bậc Bà-la-môn,
Ghi nhớ các cổ luật.

...

Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Trong sáng, không cấu uế,
Nhu thuận mọi chúng sanh,
Con đường đạt tối thượng.

Như vậy, này Bà-la-môn, là cuộc nói chuyện giữa tôi và các thanh niên Bà-la-môn ấy.

– Tôn giả Kaccāna có nói đến không hộ trì các căn. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccāna, là không hộ trì các căn?

– Ở đây, này Bà-la-môn, có người sau khi mắt thấy sắc, có tâm hướng đến các sắc khả ái, có tâm ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, không có đoạn diệt, có dư tàn.

... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc...

... sau khi ý biết các pháp, có tâm hướng đến các pháp khả ái, có tâm ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Người ấy không như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, không có đoạn diệt, có dư tàn.

Như vậy, này Bà-la-môn, là các căn không có hộ trì.

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Kaccāna! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả Kaccāna! Cách thức Tôn giả Kaccāna đã định nghĩa các căn không hộ trì;

"các căn có hộ trì, các căn có hộ trì", Tôn giả Kaccāna đã nói như vậy; cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Kaccāna, là các căn có hộ trì?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo sau khi mắt thấy sắc, tâm không hướng đến các sắc khả ái, tâm không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, được đoạn diệt, không có dư tàn.

... sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương... sau khi lưỡi nếm vị... sau khi thân cảm xúc...

... sau khi ý nhận biết các pháp, tâm không hướng đến các pháp khả ái, tâm không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Do vậy, các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, được đoạn diệt, không có dư tàn.

Như vậy, này Bà-la-môn, là các căn được hộ trì.

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Kaccāna! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả Kaccāna! Cách thức Tôn giả Kaccāna đã định nghĩa các căn được hộ trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccāna! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccāna! Thưa Tôn giả Kaccāna, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt được thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccāna dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay, thưa Tôn giả Kaccāna, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Kaccāna hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Và như Tôn giả Kaccāna đi đến viếng các gia đình cư sĩ; cũng vậy, mong Tôn giả Kaccāna hãy đến viếng các gia đình Lohicca. Tại đây, các thanh niên và thanh nữ sẽ đảnh lễ Tôn giả Kaccāna, sẽ soạn chỗ ngồi, hay cúng dường nước cho Tôn giả Kaccāna; và như vậy, họ sẽ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài.

X. KINH VERAHACCĀNI (*Verahaccānisutta*) (*S*. IV. 121)

133. Một thời, Tôn giả Udāyi trú ở làng Kāmaṇḍāya, tại vườn xoài của Bà-la-môn Todeyya.[77]

Rồi một đệ tử thanh niên của nữ Bà-la-môn, thuộc dòng họ Verahaccāni, đi đến Tôn giả Udāyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udāyi những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

Rồi Tôn giả Udāyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn ấy đang ngồi xuống một bên.

Rồi thanh niên ấy, sau khi được Tôn giả Udāyi với bài pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền đi đến nữ Bà-la-môn

[77] Xem *S*. IV. 144; *KS*. IV. 93 (kinh 166 ở sau). Xem *DB*. III. 109; *M*. I. 396, 447; *Pss. Breth*. 288 (chú thích). Về Todeyya, xem *M*. II. 202.

thuộc dòng họ Verahaccāni; sau khi đến, nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni:

– Mong nữ Tôn giả biết cho, Sa-môn Udāyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn, với nghĩa và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

– Vậy này thanh niên, hãy nhân danh ta, mời Sa-môn Udāyi ngày mai đến dùng cơm.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni, đi đến Tôn giả Udāyi; sau khi đến thưa với Tôn giả Udāyi:

– Tôn giả Udāyi, hãy nhận đạo sư phí của chúng tôi [là] bữa cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni.

Tôn giả Udāyi im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Udāyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni; sau khi đi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udāyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni sau khi thấy Tôn giả Udāyi đã dùng cơm xong, tay đã rút khỏi bát, liền mang dép, ngồi trên chỗ ngồi cao, trùm đầu, và thưa với Tôn giả Udāyi:

– Này Sa-môn, hãy thuyết pháp!

– Này chị, thời ấy sẽ đến.

Nói xong, Tôn giả Udāyi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy đi đến Tôn giả Udāyi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Udāyi những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Udāyi với lời pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thanh niên Bà-la-môn đang ngồi xuống một bên.

Lần thứ hai, thanh niên Bà-la-môn ấy sau khi được Tôn giả Udāyi với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni; sau khi đến, nói với nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni:

– Nữ Tôn giả hãy biết, Sa-môn Udāyi thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn, với nghĩa và trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

– Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, ông nói lời tán thán Sa-môn Udāyi. Nhưng Sa-môn Udāyi khi được nói: "Này Sa-môn, hãy thuyết pháp", sau khi trả lời: "Này chị, thời ấy sẽ đến", từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi về tinh xá.

– Thưa nữ Tôn giả, vì rằng nữ Tôn giả đã đi dép, ngồi trên chỗ cao, trùm đầu và nói: "Này Sa-môn, hãy thuyết pháp", các bậc Tôn giả ấy cung kính pháp, tôn trọng pháp.

– Vậy, này thanh niên Bà-la-môn, hãy nhân danh ta, ngày mai mời Sa-môn Udāyi đến dùng cơm.

– Thưa vâng, nữ Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn ấy vâng đáp nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni, đi đến Tôn giả Udāyi; sau khi đến, nói với Tôn giả Udāyi:

– Tôn giả Udāyi, hãy chấp nhận đạo sư phí của chúng tôi [là] bữa cơm ngày mai từ nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni.

Tôn giả Udāyi im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Udāyi, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni, tự tay dâng cúng, hầu hạ Tôn giả Udāyi với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

Rồi nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni, sau khi thấy Tôn giả ăn xong, tay đã rút khỏi bát, liền cởi dép, ngồi trên chỗ ngồi thấp, cởi khăn trùm đầu, rồi thưa Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả, do cái gì hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ? Do cái gì không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ?

– Này chị, do mắt hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ; do mắt không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ... Do ý hiện hữu, các bậc A-la-hán trình bày về lạc khổ; do ý không hiện hữu, các bậc A-la-hán không trình bày về lạc khổ.

Khi được nghe nói vậy, nữ Bà-la-môn thuộc dòng họ Verahaccāni thưa với Tôn giả Udāyi:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Udāyi dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay, thưa Tôn giả Udāyi, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udāyi nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

XIV. PHẨM DEVADAHA (*DEVADAHAVAGGA*)

I. KINH DEVADAHA (*Devadahasutta*)[78] (*S.* IV. 124)

134. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka, tên là Devadaha.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố rằng đối với tất cả Tỷ-kheo cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí; thời này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, không cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao?

Vì các vị ấy đã hành trì không phóng dật, đến nỗi họ không thể trở thành phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào còn là Hữu học, sở nguyện chưa thành đạt, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; thời này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, họ cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ. Vì sao?

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lần,[79] chúng không chi phối được tâm và tồn tại. Do tâm không bị chi phối, tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niệm được an trú, không có thất thoát; thân được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả ái và không khả ái. Dầu chúng xúc chạm tâm nhiều lần, chúng không chi phối được tâm và tồn tại.

---

[78] Bản tiếng Anh của PTS: *The Moment on Devadaha*, nghĩa là *Sát-na ở Devadaha.*

[79] *Phussaphussa*. Xem *S*. II. 235; *KS*. III. 17 (chú thích); *D*. I. 45.

Do tâm không bị chi phối, tinh cần, tinh tấn khởi lên, không có biếng nhác; niệm được an trú, không có thất thoát; thân được khinh an, không cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, thấy được quả không phóng dật này, đối với những Tỷ-kheo ấy, Ta tuyên bố rằng, cần phải cố gắng không phóng dật đối với sáu xúc xứ.

II. KINH SÁT-NA (*Khaṇasutta*)[80] (*S*. IV. 125)

135. Này các Tỷ-kheo, các ông được lợi đắc. Này các Tỷ-kheo, các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội (*khaṇa*) để sống Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các địa ngục gọi là sáu xúc xứ địa ngục. Ở đấy, phàm mắt thấy sắc gì, thấy sắc không khả lạc, không phải sắc khả lạc; thấy sắc không khả hỷ, không phải sắc khả hỷ; thấy sắc không khả ý, không phải sắc khả ý. Phàm tai nghe tiếng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nếm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì, nhận thức pháp không khả lạc, không phải pháp khả lạc; nhận thức pháp không khả hỷ, không phải pháp khả hỷ; nhận thức pháp không khả ý, không phải pháp khả ý.

Này các Tỷ-kheo, các ông được lợi đắc. Này các Tỷ-kheo, các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các thiên giới gọi là sáu xúc xứ thiên giới. Tại đấy, phàm mắt thấy sắc gì, thấy sắc khả lạc, không phải sắc không khả lạc; thấy sắc khả hỷ, không phải sắc không khả hỷ; thấy sắc khả ý, không phải sắc không khả ý. Phàm tai nghe tiếng gì... Phàm mũi ngửi hương gì... Phàm lưỡi nếm vị gì... Phàm thân cảm xúc gì... Phàm ý nhận thức pháp gì, nhận thức pháp khả lạc, không phải pháp không khả lạc; nhận thức pháp khả hỷ, không phải pháp không khả hỷ; nhận thức pháp khả ý, không phải pháp không khả ý.

Này các Tỷ-kheo, các ông được lợi đắc. Này các Tỷ-kheo, các ông được khéo lợi đắc. Các ông đã nắm được cơ hội để sống Phạm hạnh.

III. KINH THÍCH SẮC THỨ NHẤT (*Paṭhamarūpārāmasutta*)[81] (*S*. IV. 126)

136. Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời sống đau khổ.

... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời thích thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời sống đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc,

---

[80] Xem *S*. IV. 70; *KS*. IV. 40 (kinh 94 ở trước). Bản tiếng Anh của PTS: *Including* (*the Sixfold Sense-sphere*), nghĩa là *Thâu nhiếp* (*sáu xúc xứ*).

[81] Bản tiếng Anh của PTS: *Not Including* (*the Sixfold Sense-sphere*), nghĩa là *Không thâu nhiếp* (*sáu xúc xứ*).

không thích thú sắc, không ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc... không thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc...

Sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của pháp, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp, không bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, Như Lai sống an lạc.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:[82]

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và toàn thể các pháp,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Như vậy chúng được gọi.
Chư thiên và người đời,
Xem chúng là khả lạc,
Chỗ nào chúng đoạn diệt,
Thiên, nhân thấy đau khổ.
Bậc Thánh thấy an lạc,
Khi thân kiến đoạn diệt,
Bậc Thánh xem trái ngược,
Mọi quan điểm của đời.
Điều người gọi là lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người gọi là khổ,
Thánh nhân biết là lạc.
Thấy pháp khó nhận biết,
Kẻ vô trí mê loạn,
Tối tăm đối vô minh,
Mù lòa đối không thấy.
Thiện nhân mắt rộng mở,
Thấy rõ ràng ánh sáng,
Sống gần, biết rõ ràng,
Thuần thục trong pháp lớn.
Bị tham sanh chinh phục,
Bị dòng hữu cuốn trôi,
Bị Ác ma chi phối,
Không giác ngộ pháp này.
Ngoài Thánh không có ai,
Giác ngộ con đường này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Chánh trí thoát lậu hoặc.

[82] Xem *Sn.* 148-49.

IV. KINH THÍCH SẮC THỨ HAI (*Dutiyarūpārāmasutta*)[83] (*S*. IV. 128)

137. Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời thích thú sắc, bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời sống đau khổ.

... thích thú tiếng... thích thú hương... thích thú vị... thích thú xúc... Này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời thích thú pháp, bị pháp kích thích. Khi pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, chư thiên và người đời sống đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sắc, không thích thú sắc, không ưa thích sắc, không bị sắc kích thích. Khi sắc biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc.

... không thích thú tiếng... không thích thú hương... không thích thú vị... không thích thú xúc... Sau khi như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các pháp, Như Lai không thích thú pháp, không ưa thích pháp, không bị các pháp kích thích. Khi các pháp biến hoại, ly tham, đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, Như Lai sống an lạc.

V. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamanatumhākaṃsutta*) (*S*. IV. 128)

138. – Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ chúng. Từ bỏ chúng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông?

Mắt, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong Jetavana này, có người mang đi, hoặc đem đốt, hoặc tùy duyên làm một việc gì đối với cỏ, củi, cành và lá, thời các ông có vì vậy mà nghĩ rằng người ấy mang các ông đi, đốt các ông, hay tùy duyên làm một việc gì với các ông?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Vì sao?

– Bạch Thế Tôn, vì cái ấy không phải tự ngã, không thuộc tự ngã.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Mắt không phải của các ông, hãy từ bỏ mắt. Từ bỏ mắt sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý, này các Tỷ-kheo, không phải của các ông, hãy từ bỏ ý. Từ bỏ ý, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

---

[83] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Leaves*, nghĩa là *Các lá*. Bản Hán: *Bất chấp trước* 不執著 (*N*.16. 0006.35.136. 0167a07).

VI. KINH KHÔNG PHẢI CỦA CÁC ÔNG THỨ HAI
(*Dutiyanatumhākaṃsutta*) (*S*. IV. 129)

139. Này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ chúng... (như kinh trên, chỉ thay thế bằng "các sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, và các pháp").

VII. KINH NỘI CĂN DO NHÂN VÔ THƯỜNG
(*Ajjhattāniccahetusutta*)[84] (*S*. IV. 130)

140. Này các Tỷ-kheo, mắt là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến mắt khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo, mắt do nhân vô thường khởi lên, từ đâu sẽ thường còn được?

... tai... mũi... lưỡi... thân...

Này các Tỷ-kheo, ý là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến ý khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo, ý do nhân vô thường khởi lên, từ đâu có thể thường được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt... đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham... "... không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH NỘI CĂN DO NHÂN KHỔ
(*Ajjhattadukkhahetusutta*) (*S*. IV. 131)

141. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ" cho "vô thường").

IX. KINH NỘI CĂN DO NHÂN VÔ NGÃ
(*Ajjhattānattahetusutta*) (*S*. IV. 130)

142. (Như kinh trên, chỉ thay thế "vô ngã" cho "vô thường").

X. KINH NGOẠI CĂN DO NHÂN VÔ THƯỜNG
(*Bāhirāniccahetusutta*)[85] (*S*. IV. 130)

143. Này các Tỷ-kheo, các sắc là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến các sắc khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo, các sắc do nhân vô thường khởi lên, từ đâu sẽ thường còn được?

Này các Tỷ-kheo, các thanh... các hương... các vị... các xúc...

Này các Tỷ-kheo, các pháp là vô thường. Do nhân gì, do duyên gì khiến các pháp khởi lên, cái ấy cũng vô thường. Này các Tỷ-kheo, các pháp do nhân vô thường khởi lên, từ đâu có thể thường được?

Thấy vậy… Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

---

[84] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (141, 142) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Personal, by Way of Condition*, nghĩa là *Nội căn do nhân*.

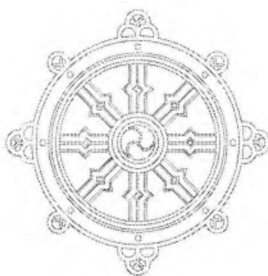
[85] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (144, 145) trong bản tiếng Anh của PTS: *The External, by Way of Condition*, nghĩa là *Ngoại căn do nhân*.

XI. KINH NGOẠI CĂN DO NHÂN KHỔ
(*Bāhiradukkhahetusutta*) (*S*. IV. 131)

144. (Như kinh 143, chỉ thay thế "khổ" cho "vô thường").

XII. KINH NGOẠI CĂN DO NHÂN VÔ NGÃ
(*Bāhirānattahetusutta*) (*S*. IV. 131)

145. (Như kinh 143, chỉ thay thế "vô ngã" cho "vô thường").



XV. PHẨM MỚI VÀ CŨ (*NAVAPURĀṆAVAGGA*)

I. KINH ĐOẠN TẬN NGHIỆP (*Kammanirodhasutta*)[86] (*S*. IV. 132)

146. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về các nghiệp mới và cũ, sự đoạn diệt các nghiệp, con đường đưa đến sự đoạn diệt các nghiệp. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp cũ? Mắt, này các Tỷ-kheo, cần phải quán là nghiệp cũ,[87] được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp cũ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp mới? Này các Tỷ-kheo, hiện tại phàm làm việc gì với thân, với lời nói, hay với ý. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp mới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Sự đoạn diệt thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, nhờ vậy cảm thấy giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta đã giảng cho các ông nghiệp cũ, đã giảng nghiệp mới, đã giảng nghiệp đoạn diệt, đã giảng con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, phàm những gì bậc Đạo sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương đệ tử, những việc ấy Ta đã làm cho các ông, vì lòng thương tưởng các ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Hãy thiền tư, các Tỷ-kheo, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.[88]

---

[86] Bản tiếng Anh của PTS: *Action*, nghĩa là *Nghiệp*.
[87] *Chú giải*: Con mắt không phải cũ, nhưng được hiện hữu do nghiệp quá khứ.
[88] Xem *M*. I. 46; III. 302.

II. KINH VÔ THƯỜNG THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN
(*Aniccanibbānasappāyasutta*)[89] (*S*. IV. 133)

147. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy mắt là vô thường, thấy các sắc là vô thường, thấy nhãn thức là vô thường, thấy nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

... thấy ý là vô thường, thấy các pháp là vô thường, thấy ý thức là vô thường, thấy ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường.

Và này các Tỷ-kheo, đây là con đường thích ứng với Niết-bàn.

III. KINH KHỔ THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN
(*Dukkhanibbānasappāyasutta*) (*S*. IV. 134)

148. (Như kinh trên, chỉ thay thế "khổ").

IV. KINH VÔ NGÃ THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN
(*Anattanibbānasappāyasutta*) (*S*. IV. 134)

149. (Như kinh trên, chỉ thay thế "vô ngã").

V. KINH CON ĐƯỜNG THÍCH ỨNG ĐƯA ĐẾN NIẾT-BÀN
(*Nibbānasappāyapaṭipadāsutta*) (*S*. IV. 135)

150. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về con đường thích ứng với Niết-bàn. Hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết-bàn?

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy cũng nhàm chán cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị

---

[89] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (148, 149, 150) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Helpful*, nghĩa là *Trợ giúp*.

ấy được giải thoát… Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Này các Tỷ-kheo, đây là con đường thích ứng với Niết-bàn.

VI. KINH ĐỆ TỬ NỘI TRÚ (*Antevāsikasutta*) (*S*. IV. 136)

151. Này các Tỷ-kheo, không có các đệ tử nội trú, không có Đạo sư, Phạm hạnh này được sống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái.

Và thế nào, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc khởi lên, chúng trú ở trong vị ấy; các ác, bất thiện pháp nội trú trong vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát (*samudācaranti*) vị ấy; các ác, bất thiện pháp theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là có Đạo sư.[90]

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc khởi lên, chúng trú ở trong vị ấy; các ác, bất thiện pháp nội trú ở trong vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là có đệ tử nội trú. Chúng theo sát vị ấy; các ác, bất thiện pháp theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là có Đạo sư.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc không khởi lên, chúng không trú ở trong vị ấy; các ác, bất thiện pháp không nội trú trong vị ấy. Cho nên, vị ấy được gọi là không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ấy; các ác, bất thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là không có Đạo sư.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng bị trói buộc không khởi lên, chúng không trú ở trong vị ấy; các ác, bất thiện pháp không nội trú ở trong vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là

[90] *Sācariyaka*. *SA*. II. 403 giải thích họ là đạo sư của vị ấy, bảo bọc vị ấy, dạy dỗ vị ấy rằng: "Áp dụng cách điều trị như vậy, như vậy, làm những bổn phận như vậy, như vậy".

không có đệ tử nội trú. Chúng không theo sát vị ấy; các ác, bất thiện pháp không theo sát vị ấy. Do vậy, vị ấy được gọi là không có Đạo sư.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư.

Đây, này các Tỷ-kheo, được gọi là Phạm hạnh không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có đệ tử nội trú, có Đạo sư là sống đau khổ, không có thoải mái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không có đệ tử nội trú, không có Đạo sư là sống an lạc, thoải mái.

VII. KINH PHẠM HẠNH VỚI MỤC ĐÍCH GÌ? (*Kimatthiyabrahmacariyasutta*)[91] (*S*. IV. 138)

152. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Có cái gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Thế nào, này chư Hiền, là vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Mắt, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Các sắc, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Nhãn thức, này chư Hiền, là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Nhãn xúc là khổ. Vì liễu tri nó nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là khổ. Vì liễu tri cảm thọ ấy nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Đây là khổ, này chư Hiền, vì liễu tri đau khổ nên Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời như vậy cho những du sĩ ngoại đạo ấy.

VIII. KINH CÓ PHÁP MÔN NÀO? (*Atthinukhopariyāyasutta*)[92] (*S*. IV. 139)

153. – Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp (*ākāraparivitakka*), ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (*ditthinijjhānakkhanti*), có thể xác chứng chánh

---

[91] Bản tiếng Anh của PTS: *To What Purpose*? nghĩa là *Với mục đích gì*?
[92] Bản tiếng Anh của PTS: *Is There a Method*? nghĩa là *Có pháp môn nào*?

trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Có một pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... trạng thái này nữa."

Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy... "... không còn trở lại đời này nữa"?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si." Này các Tỷ-kheo, biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú biện luận được hiểu biết?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

– Thưa phải, bạch Thế Tôn.

– Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn này, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ý biết pháp, hoặc nội tâm có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si, biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si." Này các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp, hoặc biết rõ nội tâm có tham, sân, si: "Nội tâm ta có tham, sân, si", hoặc biết rõ nội tâm không có tham, sân, si: "Nội tâm ta không có tham, sân, si." Này các Tỷ-kheo, sự biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú biện luận được hiểu biết?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

– Thưa phải, bạch Thế Tôn.

– Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn này, Tỷ-kheo ngoài lòng

tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

IX. KINH CÁC CĂN ĐƯỢC THÀNH TỰU
(*Indriyasampannasutta*)[93] (*S*. IV. 140)

154. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Các căn được thành tựu, các căn được thành tựu", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, các căn được thành tựu?

– Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong nhãn căn, vị ấy nhàm chán đối với nhãn căn... trong nhĩ căn... trong tỷ căn... trong thiệt căn... trong thân căn... Nếu Tỷ-kheo quán sanh diệt trong ý căn, vị ấy nhàm chán đối với ý căn. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Cho đến như vậy, Tỷ-kheo thành tựu các căn.

X. KINH HỎI VỀ VỊ THUYẾT PHÁP
(*Dhammakathikapucchasutta*)[94] (*S*. IV. 141)

155. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vị thuyết pháp, vị thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là vị thuyết pháp?

– Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thành tựu pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với mắt, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo chứng được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

... tai... mũi... lưỡi... thân...

Nếu Tỷ-kheo thuyết pháp đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thuyết pháp. Nếu Tỷ-kheo thực hành sự nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo thực hành pháp và thuận pháp. Nếu Tỷ-kheo do nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với ý, được giải thoát không có chấp thủ, như vậy là vừa đủ để được gọi là Tỷ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại.

---

[93] Bản tiếng Anh của PTS: *Faculty*, nghĩa là *Căn*.

[94] Bản tiếng Anh của PTS: *Preacher*, nghĩa là *Vị thuyết pháp*.

PHẦN BỐN

NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ

XVI. PHẨM HỶ ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*NANDIKKHAYAVAGGA*)

I. KINH HỶ TRONG THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*Ajjhattanandikkhayasutta*)[95] (*S*. IV. 142)

156. Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy mắt vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kiến. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhàm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận (*nandikkhaya*) nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy tai vô thường là vô thường... thấy mũi vô thường là vô thường... thấy lưỡi vô thường là vô thường... thấy thân vô thường là vô thường...

Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo thấy ý vô thường là vô thường, thấy vậy là chánh tri kiến. Do thấy chơn chánh, vị ấy nhàm chán. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

II. KINH HỶ NGOÀI THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*Bāhiranandikkhayasutta*) (*S*. IV. 142)

157. (Như kinh trên, chỉ thay thế “các sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc, các pháp”).

III. KINH HỶ VÔ THƯỜNG TRONG THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*Ajjhattaaniccanandikkhayasutta*) (*S*. IV. 142)

158. Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý mắt và như thật chánh quán con mắt là vô thường. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý con mắt và như thật chánh quán con mắt là vô thường, Tỷ-kheo nhàm chán đối với con mắt. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý tai... mũi... lưỡi... thân...

---

[95] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (157, 158, 159) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Destruction of the Lure*, nghĩa là *Đoạn trừ sự cám dỗ*.

Này các Tỷ-kheo, hãy như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý và như thật chánh quán ý là vô thường, Tỷ-kheo nhàm chán đối với ý. Do duyệt hỷ tiêu tận nên tham tiêu tận; do tham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận; do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát.

IV. KINH HỶ VÔ THƯỜNG NGOÀI THÂN ĐƯỢC ĐOẠN TẬN (*Bāhiraaniccanandikkhayasutta*) (*S*. IV. 143)

159. (Như kinh trên, chỉ thay thế "các sắc, các tiếng, các hương, các vị, các xúc và các pháp").

V. KINH THIỀN ĐỊNH TRONG VƯỜN XOÀI JĪVAKA (*Jīvakambavanasamādhisutta*)[96] (*S*. IV. 143)

160. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại vườn xoài Jīvaka. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm định tĩnh, sự vật như thật hiển hiện. Và sự vật gì như thật hiển hiện?

Mắt vô thường như thật hiển hiện. Các sắc vô thường như thật hiển hiện. Nhãn thức vô thường như thật hiển hiện. Nhãn xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiển hiện.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý vô thường như thật hiển hiện. Các pháp vô thường như thật hiển hiện. Ý thức vô thường như thật hiển hiện. Ý xúc vô thường như thật hiển hiện. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường như thật hiển hiện.

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền định. Tỷ-kheo có tâm định tĩnh, sự vật như thật hiển hiện.

VI. KINH THIỀN TỊNH ẨN CƯ TRONG VƯỜN XOÀI JĪVAKA (*Jīvakambavanapaṭisallānasutta*) (*S*. IV. 144)

161. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại vườn xoài Jīvaka. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiền tịnh ẩn cư. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thiền tịnh, sự vật như thật hiển hiện. Và sự vật gì như thật hiển hiện?

(Như kinh trên)...

VII. KINH KOṬṬHIKA VÀ VÔ THƯỜNG (*Koṭṭhikaaniccasutta*)[97] (*S*. IV. 145)

162. Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika đi đến Thế Tôn...

---

[96] Kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *In Jīvaka's Mango Grove*, nghĩa là *Trong vườn xoài Jīvaka*.

[97] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (163, 164) trong bản tiếng Anh của PTS viết: *Koṭṭhika*, nghĩa là *Tôn giả Koṭṭhika*.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Cái gì vô thường, này Koṭṭhika, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Này Koṭṭhika, cái gì là vô thường?

Mắt là vô thường, này Koṭṭhika, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Các sắc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhãn thức là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Nhãn xúc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Các pháp là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Ý thức là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Ý xúc là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

Cái gì vô thường, này Koṭṭhika, ở đấy ông cần phải đoạn trừ lòng dục.

VIII. KINH KOṬṬHIKA VÀ KHỔ (*Koṭṭhikadukkhasutta*) (*S*. IV. 146)

163. (Như kinh trên, chỉ khác là nói đến "khổ").

IX. KINH KOṬṬHIKA VÀ VÔ NGÃ (*Koṭṭhikaanattasutta*) (*S*. IV. 146)

164. (Như kinh trên, chỉ khác là nói đến "vô ngã").

X. KINH ĐOẠN TẬN TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhipahānasutta*)[98] (*S*. IV. 147)

165. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, tà kiến được đoạn trừ?

– Tỷ-kheo do biết và thấy mắt là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy nhãn thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ... Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

Này các Tỷ-kheo, do biết như vậy, do thấy như vậy nên tà kiến được đoạn trừ.

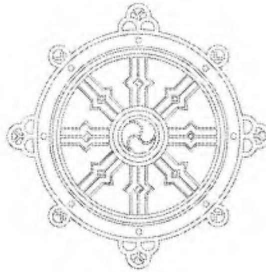
[98] Bản tiếng Anh của PTS: *Wrong View*, nghĩa là *Tà kiến*.

XI. KINH ĐOẠN TẬN THÂN KIẾN
(*Sakkāyadiṭṭhipahānasutta*)[99] (*S*. IV. 147)

166. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thân kiến" cho "tà kiến").

XII. KINH ĐOẠN TẬN NGÃ KIẾN
(*Attānudiṭṭhipahānasutta*)[100] (*S*. IV. 148)

167. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "ngã kiến").



[99] Bản tiếng Anh của PTS: *The Person-pack*, nghĩa là *Thân kiến*.
[100] Bản tiếng Anh của PTS: *About the Self*, nghĩa là *Ngã kiến*.

XVII. PHẨM SÁU MƯƠI LƯỢC THUYẾT (*SAṬṬHIPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH DỤC NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG
(*Ajjhattaaniccachandasutta*)[101] (*S*. IV. 148)

168. Này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

(Như kinh 162 trên, chỉ khác "Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo").

II. KINH THAM NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG
(*Ajjhattaaniccarāgasutta*) (*S*. IV. 149)

169. (Như kinh trên, chỉ thay thế "tham (*rāga*)"cho "dục niệm").

III. KINH DỤC THAM NƠI NỘI THÂN VÔ THƯỜNG
(*Ajjhattaaniccachandarāgasutta*) (*S*. IV. 149)

170. (Như kinh trên, chỉ thay thế "dục và tham" cho "dục niệm").

IV-VI. KINH DỤC NƠI KHỔ, V.V... (*Dukkhachandādisutta*) (*S*. IV. 150)

171-173. Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là khổ?

Mắt là khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là khổ, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Cái gì là khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

VII-IX. KINH DỤC NƠI VÔ NGÃ, V.V... (*Anattachandādisutta*) (*S*. IV. 150)

174-176. Cái gì vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã?

Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

---

[101] Tên kinh này và 17 kinh kế tiếp (169-185) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By Way of Desire*, nghĩa là *Do dục niệm*.

Ý là vô ngã, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Cái gì là vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

X-XII. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG, V.V... (*Bāhirāniccachandādisutta*) (*S.* IV. 150)

177-179. Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô thường?

Các sắc là vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Cái gì vô thường, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

XIII-XV. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN KHỔ, V.V... (*Bāhiradukkhachandādisutta*) (*S.* IV. 150)

180-182. Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là khổ?

Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Cái gì khổ, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

XVI-XVIII. KINH DỤC NƠI NGOẠI THÂN VÔ NGÃ, V.V... (*Bāhirānattachandādisutta*) (*S.* IV. 151)

183-185. Cái gì vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là vô ngã?

Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

Cái gì là vô ngã, này các Tỷ-kheo, ở đấy các ông cần phải đoạn trừ lòng dục... lòng tham... lòng dục và tham.

XIX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ
(*Ajjhattātītāniccasutta*)[102] (*S*. IV. 151)

186. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc quá khứ.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai, nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

XX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC VỊ LAI
(*Ajjhattānāgatāniccasutta*) (*S*. IV. 152)

187. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc vị lai.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXI. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC HIỆN TẠI
(*Ajjhattapaccuppannāniccasutta*) (*S*. IV. 152)

188. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc hiện tại.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường, thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXII-XXIV. KINH NỘI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V…
(*Ajjhattātītādidukkhasutta*) (*S*. IV. 152)

189-191. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXV-XXVII. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V…
(*Ajjhattātītādianattasutta*) (*S*. IV. 152)

192-194. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

---

[102] Tên kinh này và 17 kinh kế tiếp (187-203) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *By Way of the Past*, nghĩa là *Thuộc quá khứ*.

XXVIII-XXX. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ, V.V… (*Bāhirātītādianiccasutta*) (*S.* IV. 152)

195-197. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXXI-XXXIII. KINH NGOẠI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V… (*Bāhirātītādidukkhasutta*) (*S.* IV. 152)

198-200. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXXIV-XXXVI. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V… (*Bāhirātītādianattasutta*) (*S.* IV. 152)

201-203. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XXXVII. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ (*Ajjhattātītayadaniccasutta*)[103] (*S.* IV. 152)

204. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Tai là vô thường... Mũi là vô thường... Lưỡi là vô thường... Thân là vô thường...

Ý là vô thường, thuộc quá khứ. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

---

[103] Tên kinh này và 17 kinh kế tiếp (205-221) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *What Is Impermanent*? nghĩa là *Cái gì vô thường*?

XXXVIII. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC VỊ LAI
(*Ajjhattānāgatayadaniccasutta*) (*S*. IV. 153)

205. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc vị lai. Cái gì vô thường là khổ... (như kinh trên, chỉ khác đây "thuộc vị lai").

XXXIX. KINH NỘI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC HIỆN TẠI
(*Ajjhattapaccuppannayadaniccasutta*) (*S*. IV. 153)

206. (Như kinh trên, chỉ khác đây "thuộc hiện tại").

XL-XLII. KINH NỘI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V...
(*Ajjhattātītādiyaṃdukkhasutta*) (*S*. IV. 154)

207-209. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XLIII-XLV. KINH NỘI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V...
(*Ajjhattātītādiyadanattasutta*) (*S*. IV. 154)

210-212. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi... (như kinh trên).

XLVI-XLVIII. KINH NGOẠI THÂN VÔ THƯỜNG THUỘC QUÁ KHỨ, V.V... (*Bāhirātītādiyadaniccasutta*) (*S*. IV. 154)

213-215. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là vô thường, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

XLIX-LI. KINH NGOẠI THÂN KHỔ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V...
(*Bāhirātītādiyaṃdukkhasutta*) (*S*. IV. 155)

216-218. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Các pháp là khổ, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì khổ, cái ấy là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LII-LIV. KINH NGOẠI THÂN VÔ NGÃ THUỘC QUÁ KHỨ, V.V...
(*Bāhirātītādiyadanattasutta*) (*S*. IV. 155)

219-221. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc...

Các pháp là vô ngã, thuộc quá khứ... thuộc vị lai... thuộc hiện tại. Cái gì vô ngã, cái ấy không phải là của tôi, cái ấy không phải là tôi, cái ấy không phải là tự ngã của tôi. Như vậy, cần phải như thật quán cái ấy với chánh trí tuệ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LV. KINH NỘI XỨ VÔ THƯỜNG
(*Ajjhattāyatanaaniccasutta*)[104] (*S*. IV. 155)

222. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô thường.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LVI. KINH NỘI XỨ KHỔ (*Ajjhattāyatanadukkhasutta*) (*S*. IV. 155)

223. Mắt, này các Tỷ-kheo, là khổ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là khổ.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LVII. KINH NỘI XỨ VÔ NGÃ (*Ajjhattāyatanaanattasutta*) (*S*. IV. 156)

224. Mắt, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý là vô ngã.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

---

[104] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (223, 224) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Personal*, nghĩa là *Trong thân*.

LVIII. KINH NGOẠI XỨ VÔ THƯỜNG (*Bāhirāyatanaaniccasutta*)[105] (*S*. IV. 156)

225. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô thường.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LIX. KINH NGOẠI XỨ KHỔ (*Bāhirāyatanadukkhasutta*) (*S*. IV. 156)

226. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là khổ.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là khổ.

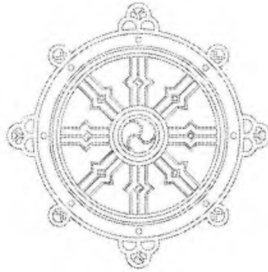
Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."

LX. KINH NGOẠI XỨ VÔ NGÃ (*Bāhirāyatanaanattasutta*) (*S*. IV. 156)

227. Các sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã.

Các tiếng... Các hương... Các vị... Các xúc... Các pháp là vô ngã.

Thấy vậy... "... không còn trở lại đời này nữa."



[105] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (226, 227) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The External*, nghĩa là *Ngoài thân*.

XVIII. PHẨM BIỂN (*SAMUDDAVAGGA*)

I. KINH BIỂN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamuddasutta*)[106] (*S*. IV. 157)

228. "Biển, biển", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy, này các Tỷ-kheo, không phải là biển trong giới luật của bậc Thánh. Cái ấy [của kẻ phàm phu], này các Tỷ-kheo, là một khối nước lớn, là một dòng nước lớn.

Con mắt, này các Tỷ-kheo, là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các sắc. Ai điều phục được tốc độ làm bằng các sắc ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển mắt, với những làn sóng (*saūmi*), nước xoáy (*sāvaṭṭa*), các loại cá mập (*sagāha*), các loại la-sát (*rakkhasa*),[107] đến bờ bên kia và đứng trên đất liền.

Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Ý, này các Tỷ-kheo, là biển của người, tốc độ của nó làm bằng các pháp. Ai điều phục được tốc độ làm bằng các pháp ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là Bà-la-môn đã vượt khỏi biển ý, với những làn sóng, nước xoáy, các loại cá mập, các loại la-sát, đến bờ bên kia và đứng trên đất liền.

Bậc Đạo sư nói như sau:

Ai vượt qua biển này,
Với cá mập, la-sát,
Với sóng biển hãi hùng,
Biển rất khó vượt qua.
Bậc tối thắng trí tuệ,
Đã thành tựu Phạm hạnh,
Được gọi: "Đến bờ kia",
Đã đạt thế giới biên.

II. KINH BIỂN THỨ HAI (*Dutiyasamuddasutta*) (*S*. IV. 158)

229. "Biển, biển", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy. Cái ấy, này các Tỷ-kheo, không phải là biển trong giới luật của bậc Thánh. Cái ấy [của kẻ phàm phu], này các Tỷ-kheo, là một khối nước lớn, là một dòng nước lớn.

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là biển trong

---

[106] Con mắt được ví với bốn biển vì không bao giờ đầy, không bao giờ thỏa mãn.
[107] Xem *S*. IV. 178; *KS*. IV. 113 (kinh 200 ở trước); *A*. II. 123.

giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, phần lớn[108] chìm đắm (*samunna*) trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện bằng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ, ác thú, đọa xứ, luân hồi.

Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là biển trong giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, phần lớn chìm đắm trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện bằng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ, ác thú, đọa xứ, luân hồi.

III. KINH VÍ DỤ NGƯỜI CÂU CÁ (*Bāḷisikopamasutta*) (*S*. IV. 159)

230. Ai đoạn trừ được tham, sân và vô minh, người ấy vượt qua biển khó vượt này, với các loài cá mập, các loài la-sát, với các làn sóng hãi hùng khó vượt này.

Vượt trói buộc, thoát chết,
Không còn có sanh y,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Không còn phải tái sanh.
Sanh tử được đoạn diệt,
Bậc không thể so sánh,
Ta nói, vị như vậy,
Đã hóa mù Thần chết.[109]

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người câu cá trong hồ nước sâu, quăng xuống một lưỡi câu có mắc mồi. Một con cá, với mắt nhìn vào mồi, nuốt lưỡi câu ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con cá ấy vì nuốt lưỡi câu, đi đến bất hạnh, đi đến ách nạn, bị người câu cá muốn làm gì thì làm. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có sáu lưỡi câu này ở trong đời, đưa đến bất hạnh cho các loài hữu tình, đưa đến tai hại cho các loài chúng sanh. Thế nào là sáu?

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

---

[108] *SA*. III. 3: *Yebhuyyenāti ṭhapetvā ariyasāvake* (*Yebhuyyena*: Phần lớn; có nghĩa là không kể đến các vị Thánh đệ tử).
[109] Xem *KS*. I. 152.

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ các sắc ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là không nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đến bất hạnh, không đi đến ách nạn, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận thức... có những xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị không nuốt lưỡi câu của Ác ma, đã bẻ gãy lưỡi câu, đã bẻ nát lưỡi câu, không đi đến bất hạnh, không đi đến ách nạn, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

IV. KINH VÍ DỤ CÂY CÓ NHỰA (*Khīrarukkhopamasutta*)[110] (*S.* IV. 160)

231. – Này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có nhựa, hoặc cây Bồ-đề (Assattha), hoặc cây Bàng (Nigrodha), hoặc cây Sanh (Pilakkha), hoặc cây Udumbara, hoặc một loại cây còn tươi. Rồi một người với cái búa sắc bén chặt vào cây ấy. Nước nhựa cây ấy có chảy ra không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

---

[110] Xem *M.* I. 429.

– Vì sao?

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, cây ấy có nhựa.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào còn có tham, còn có sân, còn có si; tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận; dầu chỉ có phần nhỏ, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì cả phần lớn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì còn có tham, còn có sân, còn có si; và tham ấy chưa đoạn tận, sân ấy chưa đoạn tận, si ấy chưa đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si; tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các sắc do mắt nhận thức đi vào trong tầm mắt nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ phần nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không có tham, không có sân, không có si; và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận. Đối với các tiếng do tai nhận thức... Đối với các hương do mũi nhận thức... Đối với các vị do lưỡi nhận thức... Đối với các xúc do thân nhận thức...

Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp do ý nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si; tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không có tham, không có sân, không có si; và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có nhựa, cây Bồ-đề hay cây Bàng, hay cây Sanh, hay cây Udumbara đã khô héo, không có nhựa, đã quá mùa.[111] Rồi một người với cây búa sắc bén chặt vào cây ấy. Nước nhựa cây ấy có chảy ra không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Vì sao?

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, cây ấy không có nhựa.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các sắc do mắt nhận thức, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào không có tham, không có sân, không có si... si ấy đã đoạn tận... Đối với các pháp do ý nhận thức, tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận,

[111] Xem *S.* IV. 182; *KS.* IV. 116 (kinh 202 ở trước).

si ấy đã đoạn tận; dầu cho cả phần lớn, khi các pháp do ý nhận thức đi vào trong tầm ý nhận thức, chúng không chinh phục tâm vị ấy, còn nói gì chỉ có phần nhỏ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không có tham ấy, không có sân ấy, không có si ấy; và tham ấy đã đoạn tận, sân ấy đã đoạn tận, si ấy đã đoạn tận.

V. KINH KOṬṬHIKA (*Koṭṭhikasutta*) (*S*. IV. 163)

232. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, Lộc Uyển.

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả, có phải con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt?... Có phải ý là kiết sử của các pháp hay các pháp là kiết sử của ý?

– Này Hiền giả Koṭṭhika, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

Ví như, này Hiền giả, một con bò đen và một con bò trắng bị cột lại bởi sợi dây hay cái ách. Nếu có người nói con bò đen là kiết sử của con bò trắng, hay con bò trắng là kiết sử của con bò đen, thời nói vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không.

– Này Hiền giả, con bò đen không phải là kiết sử của con bò trắng. Và con bò trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ấy ở đây là kiết sử.

Này Hiền giả, cũng vậy, con mắt cũng không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

Này Hiền giả, nếu con mắt là kiết sử của các sắc, hay các sắc là kiết sử của con mắt, thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rằng, này Hiền giả, con mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc cũng không phải là kiết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố.

... Này Hiền giả, nếu ý là kiết sử của các pháp, hay các pháp là kiết sử của ý, thời Phạm hạnh này đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố. Vì rằng, ý không phải là kiết sử của các pháp, hay các pháp không phải là

kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử. Do vậy, Phạm hạnh đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể tuyên bố.

Này Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của sắc. Sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

Này Hiền giả, Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn.

... Này Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý, Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn.

Này Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kiết sử của các sắc, các sắc không phải là kiết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

... Ý không phải là kiết sử của các pháp, các pháp không phải là kiết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kiết sử.

VI. KINH KĀMABHŪ (*Kāmabhūsutta*) (*S*. IV. 165)

233. (Tôn giả Kāmabhū đi đến Tôn giả Ānanda và hỏi cùng một câu và được trả lời tương tự như kinh trên).

VII. KINH UDĀYI (*Udāyīsutta*)[112] (*S*. IV. 166)

234. Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Udāyi trú ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Rồi Tôn giả Udāyi, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udāyi thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Hiền giả Ānanda, như Thế Tôn dùng nhiều phương tiện đã nói lên, đã khai mở, đã nêu rõ thân này là vô ngã. Có thể chăng, cũng như vậy tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển minh thị rằng thức này cũng vô ngã?

– Này Hiền giả Udāyi, như Thế Tôn dùng nhiều pháp môn đã nói lên, đã khai mở, đã nêu rõ thân này là vô ngã. Cũng như vậy, có thể tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển minh thị rằng thức này cũng vô ngã.

Này Hiền giả, có phải do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức?

– Thưa phải, Hiền giả.

– Này Hiền giả, do nhân nào, do duyên nào khởi lên nhãn thức, nếu nhân ấy,

[112] Xem *S*. IV. 107; *KS*. IV. 66 (kinh 123 ở trước).

nếu duyên ấy một cách toàn diện dưới mọi hình thức được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời nhãn thức có thể nêu rõ được không?

– Thưa không, Hiền giả.

– Với pháp môn này, Thế Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở, đã nêu rõ thức này là vô ngã.

Có phải do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức?... Có phải do duyên mũi và các hương, khởi lên tỷ thức?... Có phải do duyên lưỡi và các vị, khởi lên thiệt thức?... Có phải do duyên thân và các xúc, khởi lên thân thức?...

Này Hiền giả, có phải do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức?

– Thưa phải, Hiền giả.

– Này Hiền giả, do nhân nào, do duyên nào khởi lên ý thức, nếu nhân ấy, nếu duyên ấy một cách toàn diện dưới mọi hình thức được đoạn diệt hoàn toàn, không có dư tàn, thời ý thức có thể nêu rõ được không?

– Thưa không, Hiền giả.

– Với pháp môn này, thưa Hiền giả, Thế Tôn đã tuyên thuyết, đã khai mở, đã nêu rõ thức này là vô ngã.

Ví như, này Hiền giả, một người cần dùng lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cây búa sắc bén đi vào trong rừng. Ở đấy, người này thấy một thân cây chuối lớn, thẳng, mới lớn và cao. Người ấy chặt đứt rễ cây, chặt đứt xong, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ ngoài ra. Người ấy ở đây không tìm được giác cây, còn nói gì lõi cây.

Cũng vậy, này Hiền giả, Tỷ-kheo trong sáu xúc xứ, không quán thấy có tự ngã và thuộc tự ngã. Do thấy như vậy, vị ấy không chấp thủ một cái gì ở trong đời. Do không chấp thủ, vị ấy không tham luyến. Do không tham luyến, vị ấy tự mình hoàn toàn tịch tịnh (*parinibbāyati*). Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VIII. KINH THUYẾT VỀ LỬA CHÁY (*Ādittapariyāyasutta*)[113] (*S*. IV. 168)

235. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về pháp môn "Lửa cháy", pháp môn "Chánh pháp". Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn "Lửa cháy", pháp môn "Chánh pháp"?

Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không có chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các sắc do mắt nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này, địa ngục hay bàng sanh.

Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn,

---

[113] Xem *KS*. III. 62; *S*. IV. 19; *KS*. IV. 10 (kinh 28 ở trước); *Vin*. I. 21.

này các Tỷ-kheo, nếu nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các tiếng do tai nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này, địa ngục hay bàng sanh."

Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu tỷ căn bị phá hủy với một cái kềm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nếu thiệt căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... nếu thân căn (*kāyindriyaṃ*) bị hủy hoại với một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn... "

Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vầy: "Thật tốt hơn là nằm ngủ. Nằm ngủ, Ta nói rằng là trống không đối với các loài có sinh mạng. Ta nói rằng là vô quả đối với các loài có sinh mạng. Ta nói rằng là mù mờ (*momūhaṃ*) đối với các loài có sinh mạng. Vì rằng [nếu ngủ], thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề tư duy chinh phục, để có thể phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, thấy sự trống không [của nằm ngủ] và sự nguy hiểm, Ta nói như vậy."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Hãy dừng lại, chớ để nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, mắt là vô thường. Các sắc là vô thường. Nhãn thức là vô thường. Nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'

Hãy dừng lại, chớ để nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, tai là vô thường. Các tiếng là vô thường. Nhĩ thức là vô thường. Nhĩ xúc là vô thường. Phàm duyên nhĩ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'

Hãy dừng lại, chớ để tỷ căn bị hủy hoại với một cái kềm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, mũi là vô thường. Các hương là vô thường. Tỷ thức là vô thường. Tỷ xúc là vô thường. Phàm duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'

Hãy dừng lại, chớ để thiệt căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, lưỡi là vô thường. Các vị là vô thường. Thiệt thức là vô thường. Thiệt xúc là vô thường. Phàm duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'

Hãy dừng lại, chớ để thân căn bị hủy hoại với một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, thân căn là vô thường. Các xúc là vô thường. Thân thức là vô thường. Thân xúc là vô thường.

Phàm duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'

Hãy dừng lại, chớ nằm ngủ. Ta hãy tác ý như sau: 'Đây, ý căn là vô thường. Các pháp là vô thường. Ý thức là vô thường. Ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường.'"

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy... nhàm chán đối với ý, nhàm chán đối với các pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn "Lửa cháy". Đây là pháp môn "Chánh pháp".

IX. KINH VÍ DỤ TAY VÀ CHÂN THỨ NHẤT
(*Paṭhamahatthapādopamasutta*) (*S*. IV. 171)

236. Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có thấy lượm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có thấy đi tới và đi lui. Nếu có tay chân, thời có thấy co lại và duỗi ra. Nếu có bụng, thời có thấy đói và khát.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có mắt và do duyên nhãn xúc, thời khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu có ý, do duyên ý xúc thời khởi lên nội lạc, nội khổ.

Nếu không có các tay, này các Tỷ-kheo, thời không có thấy lượm lên và đặt xuống. Nếu không có chân, thời không có thấy đi tới và đi lui. Nếu không có tay chân, thời không có thấy co lại và duỗi ra. Nếu không có bụng, thời không có thấy đói và khát.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu không có mắt và không có duyên nhãn xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu không có lưỡi và không có duyên thiệt xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

... Nếu không có ý và không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

X. KINH VÍ DỤ TAY VÀ CHÂN THỨ HAI
(*Dutiyahatthapādopamasutta*) (*S*. IV. 172)

237. Nếu có các tay, này các Tỷ-kheo, thời có lượm lên và đặt xuống. Nếu có chân, thời có đi tới và đi lui... Nếu không có ý và không có duyên ý xúc, thời không khởi lên nội lạc, nội khổ.

XIX. PHẨM RẮN ĐỘC (*ĀSĪVISAVAGGA*)

I. KINH VÍ DỤ RẮN ĐỘC (*Āsīvisopamasutta*)[114] (*S*. IV. 173)

238. Ví như, này các Tỷ-kheo, có bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy đánh thức chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tắm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn, thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyệt [để ngủ]. Này bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, tức giận, thời này bạn, bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ cần phải làm."

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang đi theo sau lưng bạn. Chúng nói: 'Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó.' Này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm."

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giơ lên, đang đi theo sau lưng bạn. Nó nói: 'Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó.' Này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm."

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch; quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà,[115] giết người với ngọn kiếm giơ lên, chạy đi trốn chỗ này chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: "Này bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Này bạn, hãy làm những gì bạn nghĩ là phải làm."

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt; quá sợ hãi năm tên giết người thù địch; quá sợ hãi

[114] Theo *Mhvs*. XII. 84, kinh này do Trưởng lão Majjhantika thuyết cho những người trú ở Kashmīra và Gandhāra. Xem *A*. II. 110.

[115] *Antaracara*. Nghĩa đen là người đi vào bên trong. Trái với *cora*, kẻ cướp đường.

tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm giơ lên; quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi và nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: "Đây là một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi và nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại. Nay ta hãy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè;[116] nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn."

Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè; nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:

Bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn đại chủng: Địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm thủ uẩn: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giơ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với dục tham.

Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Này các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, có kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.[117]

Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bốn bộc lưu: Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu.[118]

Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân kiến.[119]

Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn.

---

[116] Xem *M.* I. 134.

[117] *Chú giải*: Không có cái gì thuộc ngã hay ngã sở. Xem *BPE*. 597.

[118] *Catunnetaṃ oghānaṃ adhivacanaṃ – kāmoghassa, bhavoghassa, diṭṭhoghassa, avijjoghassa.*

[119] *Sakkāya*. Xem *KS*. III. 86.

Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Thánh đạo tám ngành.

Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tinh tấn, tinh cần.

Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bậc A-la-hán.

II. KINH VÍ DỤ CỖ XE (*Rathopamasutta*)[120] (*S*. IV. 175)

239. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ được ba pháp này, một Tỷ-kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân[121] bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc. Thế nào là ba? Hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm tỉnh giác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc,[122] Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng, tại chỗ ngã tư,[123] có chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa hay, có roi ngựa đặc biệt đang sẵn sàng. Có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa đi tới đi lui như thế nào và tại chỗ nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học hộ trì, học chế ngự, học điều ngự, học tịnh chỉ sáu căn này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người bôi thuốc vào một vết thương để chữa lành vết thương ấy; ví như một người bôi dầu vào trục xe với mục đích để có thể

---

[120] Bản tiếng Anh của PTS: *Delighting in*, nghĩa là *Hoan hỷ trong* [*hiện tại*].

[121] *Yoni*: Nguồn gốc. Xem *A*. II. 76.

[122] Xem *S*. IV. 102; *KS*. IV. 63 (kinh 120 ở trước).

[123] Xem *M*. I. 124; *A*. III. 28.

chở đồ nặng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc thức dậy. Ban đêm trong canh cuối cùng, vị ấy thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba pháp ấy, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc.

III. KINH VÍ DỤ CON RÙA (*Kummopamasutta*) (*S.* IV. 177)

240. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có một con rùa, vào buổi chiều, đang đi kiếm mồi dọc theo bờ sông. Một con dã can, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, cũng đi tìm mồi dọc theo bờ sông.

Này các Tỷ-kheo, con rùa từ đàng xa trông thấy con dã can đang đi tìm mồi, thấy vậy liền rụt bốn chân và thứ năm là cổ vào trong mai rùa của mình và nằm bất động, im lặng.

Này các Tỷ-kheo, con dã can từ đàng xa trông thấy con rùa, đi đến con rùa; sau khi đến, đứng một bên và nghĩ rằng:[124] "Khi nào con rùa này thò ra phần thân nào và cổ là thứ năm, ngay tại chỗ ấy, ta sẽ nắm lấy, bẻ gãy và ăn."

Nhưng, này các Tỷ-kheo, vì rằng con rùa không thò ra một phần thân nào và cổ là thứ năm, nên con dã can nhàm chán con rùa và bỏ đi, không nắm được cơ hội.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ác ma thường xuyên không gián đoạn, đứng trong tư thế rình mò các ông với ý nghĩ: "Rất có thể ta nắm được cơ hội để bắt gặp từ con mắt... từ cái lưỡi... hay từ ý."

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận

---

[124] Xem *S.* II. 270.

thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành hộ trì ý căn. Này các Tỷ-kheo, khi nào các ông sống hộ trì các căn, thời Ác ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, như con dã can đối với con rùa.

Như rùa giấu thân phần
Trong mai rùa của nó.
Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
Thâu nhóm mọi tâm tư,
Không nương tựa một ai,[125]
Không hại một người nào,
Hoàn toàn đạt tịch tịnh,
Không nói xấu một ai.

IV. KINH VÍ DỤ KHÚC GỖ THỨ NHẤT
(*Paṭhamadārukkhandhopamasutta*) (*S*. IV. 179)

241. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, trên bờ sông Gaṅgā.

Thế Tôn thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy khúc gỗ to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, nếu khúc gỗ không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước,[126] không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỷ-kheo, khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biển, sẽ nghiêng nhập vào biển. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, dòng sông Hằng hướng về biển, xuôi theo biển, nghiêng trôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các ông không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông sẽ hướng về Niết-bàn, sẽ xuôi theo Niết-bàn, sẽ nghiêng nhập vào Niết-bàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, chánh kiến hướng về Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, nghiêng nhập vào Niết-bàn.

Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài người nhặt lấy?

---

[125] *SA*. III. 30: *Anissitoti taṇhādiṭṭhinissayehi anissito*, nghĩa là không có tham và tà kiến.
[126] *Āvaṭṭa*: Nước xoáy, không phải *āvatta* nghĩa là chỗ eo sông.

Thế nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thế nào là bị mắc vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong?

– Bờ bên này, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Bờ bên kia, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Bị chìm giữa dòng, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với hỷ tham. Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là bị loài người nhặt lấy? Ở đây, Tỷ-kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỷ-kheo bị loài người nhặt lấy.

Và thế nào, này Tỷ-kheo, là bị phi nhân nhặt lấy? Ở đây, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư thiên: "Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành thiên nhân hay một loài chư thiên!" Đây, này Tỷ-kheo, được gọi là bị phi nhân nhặt lấy.

Bị mắc vào xoáy nước, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Tỷ-kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ,[127] có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đống rác bẩn.[128] Đây, này Tỷ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong.

Lúc bấy giờ, Nanda, người chăn bò, đứng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi người chăn bò Nanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con không đâm vào bờ bên này, con không đâm vào bờ bên kia, con không bị chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên miếng đất nổi, con không bị loài người nhặt lấy, con không bị phi nhân nhặt lấy, con không bị mắc vào xoáy nước, con không bị mục nát bên trong. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới.

– Này Nanda, hãy đem trả các con bò cho người chủ.

– Bạch Thế Tôn, chúng sẽ đi trở về. Các bò mẹ đang trông mong gặp lại các con bê của chúng.

– Tuy vậy, này Nanda, ông hãy trả lui các con bò cho những người chủ.

Rồi Nanda, người chăn bò, sau khi trả lui các con bò cho những người chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các con bò đã được trả lui cho những người chủ. Bạch Thế Tôn, xin hãy cho con được xuất gia với Thế Tôn. Hãy cho con thọ Đại giới.

Nanda, người chăn bò được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Sau khi thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Nanda sống một mình, an tịnh...

---

[127] *Saṅkassarasamācāra*. Xem *S*. I. 66.

[128] *Kasambujāta*. Xem *Ud*. V. 5.

Tôn giả Nanda trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. KINH VÍ DỤ KHÚC GỖ THỨ HAI (*Dutiyadārukkhandhopamasutta*) (*S.* IV. 181)

242. Một thời, Thế Tôn ở tại Kimbilā, trên bờ sông Hằng. Thế Tôn thấy một khúc gỗ trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy khúc gỗ lớn này bị trôi theo dòng nước sông Hằng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

(Như kinh trên cho đến "nghiêng nhập vào Niết-bàn").

Được nghe nói vậy, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì?... (như kinh trên).

– Và này Kimbila, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Kimbila, Tỷ-kheo phạm một giới tội (*āpatti*), một giới tội không thể giải trừ. Này Kimbila, đây gọi là mục nát bên trong.

VI. KINH CÁCH NHIỄM DỤC LẬU (*Avassutapariyāyasutta*)[129] (*S.* IV. 182)

243. Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong vườn Nigrodha.

Lúc bấy giờ, có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở.

Rồi một số người Sakka ở Kapilavatthu đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các người Sakka ở Kapilavatthu bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy sử dụng ngôi nhà ấy đầu tiên, rồi sau các người Sakka ở Kapilavatthu sẽ sử dụng. Như vậy, sẽ đưa đến hạnh phúc và an lạc lâu dài cho những người Sakka ở Kapilivatthu.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Những người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến hội đường mới ấy. Sau khi đến, họ cho trải toàn bộ hội đường với những tấm đệm, cho bày biện các chỗ ngồi, cho sắp đặt ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, toàn bộ hội đường đã được trải đệm. Các chỗ ngồi đã được bày biện. Một ghè nước đã được đặt sẵn. Ngọn đèn dầu đã được treo lên. Nay Thế Tôn hãy làm gì Thế Tôn nghĩ là phải thời.

---

[129] Bản tiếng Anh của PTS: *Lustful*, nghĩa là *Đầy dục vọng*. Bản Hán: *Lậu tiết* 漏泄 (*N.*16. 0006.35.202. 0238a01).

Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến hội đường mới; sau khi đến, rửa chân, đi vào hội đường và ngồi dựa vào cây cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, với Thế Tôn trước mặt. Các người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, ngồi dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt về phía Tây, với Thế Tôn phía trước mặt.

Rồi Thế Tôn, phần lớn của đêm, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các người Sakka ở Kapilavatthu. Rồi Thế Tôn giải tán họ với câu:

– Này các Sakka, đêm đã quá khuya, nay các ông hãy làm những gì các ông nghĩ là hợp thời.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các người Sakka ở Kapilavatthu vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi các người Sakka ở Kapilavatthu ra đi không bao lâu, liền gọi Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Moggallāna, chúng Tỷ-kheo đã đoạn trừ được buồn ngủ. Này Moggallāna, hãy thuyết pháp thoại cho chúng Tỷ-kheo. Ta nay bị đau lưng, Ta muốn nằm xuống.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahāmoggallāna vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cho xếp y Tăng-già-lê (*Sanghāṭi*) gấp bốn lại, và nằm xuống phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân gác trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc thức dậy.

Ở đây, Tôn giả Mahāmoggallāna gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền.

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

– Này chư Hiền, tôi sẽ giảng cho chư Hiền về pháp môn nhiễm dục lậu và pháp môn không nhiễm dục lậu. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

– Và này chư Hiền, thế nào là nhiễm dục lậu? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Chính ở đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được trừ diệt, có dư tàn.

... Khi lưỡi nếm vị... Khi ý biết các pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Chính ở đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được trừ diệt, có dư tàn.

Này chư Hiền, đây gọi là Tỷ-kheo bị nhiễm dục lậu đối với các sắc do mắt nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức. Tỷ-kheo sống như vậy, này chư Hiền, nếu Māra có đến vị ấy ngang qua mắt, Māra nắm được cơ hội, Māra nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy ngang qua lưỡi, Māra nắm được cơ hội, Māra nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua ý, Māra nắm được cơ hội, Māra nắm được đối tượng.

Cũng vậy, này chư Hiền, như một cái nhà lợp bằng cây lau hay cỏ, héo khô, không có nhựa, xưa đến ba hay bốn năm. Nếu từ phương Đông có người đến với bó đuốc cháy đỏ, ngọn lửa sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng. Nếu một người từ phương Tây đến... Nếu một người từ phương Bắc đến... Nếu một người từ phương Nam đến... Nếu một người từ phương dưới đến... Nếu một người từ phương trên đến, hay một người bất cứ từ ở đâu đến với bó đuốc cháy đỏ, ngọn lửa nắm được cơ hội, ngọn lửa nắm được đối tượng. Cũng vậy, này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống như vậy. Nếu Māra có đến vị ấy ngang qua mắt, Māra nắm được cơ hội, Māra nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy ngang qua lưỡi... Nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua ý, Māra nắm được cơ hội, Māra nắm được đối tượng.

Này chư Hiền, sống như vậy, các sắc chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các sắc. Các tiếng chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các tiếng. Các hương chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các hương. Các vị chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các vị. Các xúc chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các xúc. Các pháp chinh phục vị Tỷ-kheo, không phải vị Tỷ-kheo chinh phục các pháp. Này chư Hiền, đây được gọi là Tỷ-kheo bị sắc chinh phục, bị tiếng chinh phục, bị hương chinh phục, bị vị chinh phục, bị xúc chinh phục, bị pháp chinh phục, không phải không bị chinh phục. Chinh phục vị ấy là các ác, bất thiện pháp bị nhiễm ô, đưa đến tái sanh, đầy sợ hãi (*sadara*), đưa đến quả khổ dị thục, tương lai là già chết. Như vậy, này chư Hiền, là nhiễm dục lậu.

Và này chư Hiền, thế nào là không nhiễm dục lậu? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp sắc khả ái, không ghét bỏ sắc không khả ái, sống an trú thân niệm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn.

... Khi lưỡi nếm vị... Khi ý biết các pháp, vị ấy không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống an trú thân niệm, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật biết rõ Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn.

Này chư Hiền, đây gọi là vị Tỷ-kheo không bị nhiễm dục lậu đối với các sắc do mắt nhận thức... đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức... Tỷ-kheo sống như vậy, này chư Hiền, nếu Māra có đến vị ấy ngang qua mắt, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy ngang qua lưỡi, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng... Nếu Māra có đến vị ấy, ngang qua ý, Māra không nắm được cơ hội, Māra không nắm được đối tượng.

Ví như, này chư Hiền, một cái nhà có nóc nhọn hay một giảng đường có nóc nhọn xây bằng đất dày, vừa mới xoa trét,[130] nếu có người từ phương Đông lại với ngọn đuốc cháy đỏ, ngọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng... từ phương Tây đến... từ phương Bắc đến... từ phương Nam đến... từ phương dưới đến... từ phương trên đến hay từ bất cứ phương nào đến với ngọn đuốc cháy đỏ, ngọn lửa không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.

Sống như vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo chinh phục các sắc, không phải các sắc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các tiếng, không phải các tiếng chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các hương, không phải các hương chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các vị, không phải các vị chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các xúc, không phải các xúc chinh phục Tỷ-kheo. Tỷ-kheo chinh phục các pháp, không phải các pháp chinh phục Tỷ-kheo. Này chư Hiền, đây gọi là Tỷ-kheo chinh phục các sắc, chinh phục các tiếng, chinh phục các hương, chinh phục các vị, chinh phục các xúc, chinh phục các pháp, không phải bị chinh phục. Chính vị ấy chinh phục các ác, bất thiện pháp bị nhiễm ô, đưa đến tái sanh, đầy sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thục tương lai là già chết. Như vậy, này chư Hiền, là không nhiễm dục lậu.

Rồi Thế Tôn ngồi dậy và gọi Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Lành thay, lành thay, này Moggallāna! Lành thay, này Moggallāna! Ông đã thuyết cho các Tỷ-kheo về pháp môn nhiễm dục lậu và pháp môn không nhiễm dục lậu.

Tôn giả Mahāmoggallāna thuyết như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahāmoggallāna thuyết.

VII. KINH KHỔ PHÁP (*Dukkhadhammasutta*) (*S*. IV. 188)

244. – Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt của tất cả khổ pháp, khi ấy, các dục được thấy. Khi vị ấy thấy dục (*kāma*), thời dục tham (*kāmacchanda*), dục ái, dục mê, dục nhiệt não, đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn

---

[130] *Addāvalepana*. Xem *M*. I. 85.

diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục? Khi các dục được thấy, thời dục tham, dục ái, dục mê, dục nhiệt não, đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời dục tham, dục ái, dục mê, dục nhiệt não, đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri? Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp không có tồn chỉ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật ấy được gọi là gai trong giới luật của bậc Thánh.

Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, thiên chấp các pháp khả ái, ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn.

... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô

lượng. Vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng[131] liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ [trạng thái ấy], gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác, bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ [trạng thái ấy], gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp không có tồn chỉ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Vì sao?

– Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn

[131] *Sarasaṅkappa*. Xem *S*. IV. 75; *KS*. IV. 45 (kinh 96 ở trước); *M*. I. 453.

tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy sự hoàn tục không xảy ra.

VIII. KINH VÍ DỤ VỀ CÂY KIṂSUKA (*Kiṃsukopamasutta*)[132] (*S*. IV. 191)

245. Rồi một Tỷ-kheo đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

– Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

– Này Hiền giả, Tỷ-kheo khi nào như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của sáu xúc xứ; cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác và nói:

– Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

– Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của năm thủ uẩn; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác nữa và nói:

– Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

– Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn...

– Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết rằng, phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều phải đoạn diệt; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.

Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến một Tỷ-kheo và nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nghe nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của sáu xúc xứ; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh." Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời của Tỷ-kheo kia nên đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến, con nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của một Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy nói với

[132] Bản tiếng Anh của PTS: *The Judas Tree*, nghĩa là *Cây Juda*.

con: “Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của năm thủ uẩn... như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng... như thật tuệ tri rằng, phàm có pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy bị đoạn diệt, cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.” Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia nên con đi đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: “Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?”

– Ví như, này Tỷ-kheo, một người chưa từng thấy cây Kiṃsuka, người ấy đi đến một người khác đã thấy cây Kiṃsuka và nói: “Này bạn, cây Kiṃsuka là thế nào?” Người ấy đáp như sau: “Này bạn, cây Kiṃsuka màu đen, như một khúc cây bị cháy.” Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây Kiṃsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây Kiṃsuka, sau khi đến, hỏi người ấy: “Này bạn, cây Kiṃsuka là thế nào?” Người kia trả lời: “Này bạn, cây Kiṃsuka màu đỏ, giống như một đống thịt.” Và này Tỷ-kheo, như vậy trong thời gian ấy, cây Kiṃsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, đi đến một người khác đã thấy cây Kiṃsuka, sau khi đến nói với người ấy: “Này bạn, cây Kiṃsuka là thế nào?” Người kia trả lời: “Này bạn, cây Kiṃsuka bị lột vỏ, vỏ bị nứt nẻ ra như cây Keo (Sirīsa).” Này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây Kiṃsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác nữa đã thấy cây Kiṃsuka, sau khi đến, nói với người ấy: “Này bạn, cây Kiṃsuka là thế nào?” Người kia nói như sau: “Này bạn, cây Kiṃsuka có lá rậm rạp, bóng của nó dày và rậm, như cây Bàng.” Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây Kiṃsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, tùy theo sự thấy của chân nhân ấy khéo thanh tịnh, tùy thuộc theo đấy, họ đã trả lời.

Ví như, này Tỷ-kheo, có ngôi thành của vua ở biên giới được xây dựng với pháo đài kiên cố, với tường và tháp canh kiên cố và có đến sáu cửa thành. Tại đấy, có người giữ cửa thành, là bậc thông minh, có kinh nghiệm và có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Từ phương Đông, hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: “Này bạn, vị chủ thành trì này ở đâu?” Người giữ cửa thành ấy nói: “Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường.” Hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục đi theo con đường họ đến. Từ phương Tây, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến... từ phương Bắc, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: “Này bạn, vị chủ thành trì này ở đâu?” Người giữ cửa thành ấy nói: “Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường.” Rồi hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục theo con đường họ đến.

Này Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ để giải thích ý nghĩa, và đây là ý nghĩa: Ngôi thành, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân do bốn đại chủng tạo thành này, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, tiêu mòn, tiêu hao, hủy hoại, hủy diệt. Sáu cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Người giữ cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với niệm. Hai vị sứ giả cấp tốc, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với chỉ và quán. Người chủ ngôi thành là đồng nghĩa với thức. Ở giữa tại ngã tư đường là đồng nghĩa với bốn đại chủng: Địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Lời như thật ngữ, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Niết-bàn. Theo con đường họ đến là đồng nghĩa với con đường Thánh đạo tám ngành, như chánh tri kiến... chánh định.

IX. KINH VÍ DỤ ĐÀN TỲ BÀ (*Vīṇopamasutta*) (*S*. IV. 195)

246. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các sắc do mắt nhận thức có khởi lên dục (*chanda*), tham, sân, si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đầy sợ hãi, đầy kinh khủng, đầy gai góc, đầy rừng rậm, con đường ác, con đường tà, con đường đầy trộm cướp; con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng, không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy với ý nghĩ: "Đây không phải con đường xứng đáng cho ta." Hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các sắc do mắt nhận thức... Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào đối với các vị do lưỡi nhận thức... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm; hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy. Con đường này là con đường đầy sợ hãi, đầy kinh khủng, đầy gai góc, đầy rừng rậm, con đường ác, con đường tà, con đường đầy trộm cướp; con đường này là con đường do phi thiện nhân dùng, không phải con đường do thiện nhân dùng. Như vậy với ý nghĩ: "Đây không phải con đường xứng đáng cho ta", hãy ngăn chặn tâm đừng cho khởi lên như vậy đối với các pháp do ý nhận thức.

Ví như, này các Tỷ-kheo, lúa mì đã chín và một người giữ lúa mì phóng dật (lơ đãng). Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy và mê say ăn một cách thỏa thích. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không hộ trì đối với sáu xúc xứ, mê say thọ dụng một cách thỏa thích đối với năm dục công đức.

Ví như, này các Tỷ-kheo, lúa mì đã chín và một người giữ lúa mì không phóng dật. Có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy. Người giữ lúa mì nắm chắc cái lỗ mũi của con bò; sau khi nắm chắc cái lỗ mũi, người ấy rị chặt trên cái trán; sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con bò một trận nên thân; sau khi lấy gậy đánh cho một trận nên thân, người ấy thả con bò đi.

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo...

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, có con bò ăn lúa mì, xâm phạm lúa mì ấy. Người giữ lúa mì nắm chặt cái mũi con bò; sau khi nắm chắc cái mũi, người ấy rị chặt trên cái trán; sau khi rị chặt trên cái trán, với cái gậy, người ấy đánh con

bò một trận nên thân; sau khi lấy gậy đánh con bò một trận nên thân, người ấy thả con bò đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con bò ăn lúa mì ấy đi vào làng, hay đi vào rừng, hay khi đứng, hay ngồi, nó không xâm phạm lúa mì ấy, vì nó nhớ đến cảm xúc cái gậy lần trước. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có tâm chơn trực, chánh trực đối với sáu xúc xứ, thời nội tâm được an trú, tịnh chỉ, nhất tâm, thiền định.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một vị vua hay đại thần của vua từ trước chưa từng được nghe tiếng đàn tỳ bà, nay được nghe tiếng đàn tỳ bà, vị ấy nói: "Này bạn, tiếng ấy là tiếng gì, khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy?" Họ nói với vị ấy: "Thưa Tôn giả, đây là đàn tỳ bà, với tiếng khả ái như vậy, mê ly như vậy, khả lạc như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy." Vị ấy nói như sau: "Hãy đi và đem đàn tỳ bà ấy về cho ta." Họ đem đàn tỳ bà về cho vị ấy, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, đàn tỳ bà này với tiếng khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy." Vị ấy bèn nói: "Thôi vừa rồi đối với ta về đàn tỳ bà này. Hãy đem tiếng lại cho ta." Họ thưa với vị ấy: "Thưa Tôn giả, cái này được gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ nhiều thành phần này nên đàn phát âm. Như duyên cái bầu, duyên cái da, duyên cái cán, duyên cái đầu, duyên cái dây, duyên cái cung, duyên nỗ lực thích nghi của người. Như vậy, thưa Tôn giả, cái này gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ gồm nhiều thành phần này nên đàn phát âm." Rồi vua ấy đập đàn tỳ bà ấy ra thành mười mảnh, một trăm mảnh; sau khi đập bể đàn tỳ bà ấy ra thành mười mảnh, một trăm mảnh, vị ấy chẻ thành từng miếng nhỏ; sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, vị ấy lấy lửa đốt; sau khi lấy lửa đốt, vị ấy vun lại thành đống tro; sau khi vun lại thành đống tro, vị ấy đem quạt đống tro lớn ấy trước làn gió mạnh, hay để chúng trôi theo dòng nước sông chảy mạnh. Rồi vị ấy nói: "Thật là hạ liệt, cái gọi đàn tỳ bà này, dầu cho tỳ bà là cái gì. Ở đây, đại chúng thường phóng dật, bị hướng dẫn sai lạc."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát sắc cho đến sở thú của sắc, quán sát thọ... quán sát tưởng... quán sát hành... quán sát thức cho đến sở thú của thức. Trong tất cả quán sát này, không có cái gì là "tôi", là "của tôi", là "tôi là" cả.

X. KINH VÍ DỤ SÁU SINH VẬT (*Chappāṇakopamasutta*) (*S.* IV. 198)

247. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người thân bị thương tích, thân bị lở loét, đi vào một khu rừng đầy gai góc. Cỏ và gai đâm thủng chân người ấy và cào rách thân lở loét của người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy do nhân duyên ấy còn cảm thọ khổ ưu nhiều hơn nữa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo đi vào làng hay đi vào rừng, gặp người chỉ trích Tỷ-kheo ấy, và người chỉ trích nói rằng: "Tôn giả làm như vậy, sở hành như vậy là gai bất tịnh trong làng." Biết rằng vị ấy là gai, sau khi biết như vậy, cả hai [người Tỷ-kheo và người chỉ trích] cần phải hiểu là không hộ trì và có hộ trì.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn.

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận biết pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, có dư tàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chó, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con dã can, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc, người ấy cột một cái gút ở chính giữa và thả chúng đi. Này các Tỷ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mối." Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào trong nước." Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ bay lên trời." Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào làng." Con dã can lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào nghĩa địa." Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng." Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, khi ấy, con sinh vật nào mạnh hơn các sinh vật còn lại, được chúng đi theo, chúng tuân theo, chúng phục tùng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo thân niệm không tu tập, không làm cho sung mãn, con mắt sẽ lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái... ý sẽ lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái và ghét bỏ đối với các pháp không khả ái.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là có hộ trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng, vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn.

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết các pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng, vị ấy như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bắt được sáu con sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu... Sau khi bắt được con chim... Sau khi bắt được con chó... Sau khi bắt được con dã can... Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với sợi dây vững chắc, người ấy cột vào một cái cột hay cái trụ vững chắc. Rồi này các Tỷ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo, tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mối." Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào trong nước." Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ bay lên trời." Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào làng." Con dã can lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi đến nghĩa địa." Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng." Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, chúng sẽ đứng gần bên, ngồi gần bên, nằm gần bên cái cột ấy hay cái trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo thân niệm được tu tập, được làm sung mãn, con mắt không lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái; đối với các sắc không khả ái, không ghét bỏ... lưỡi không lôi kéo vị ấy theo các vị khả ái; đối với vị không khả ái, không có ghét bỏ... ý không lôi kéo vị ấy theo các pháp khả ái; đối với pháp không khả ái, không có ghét bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hộ trì.

Cái cột hay cái trụ vững chắc, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân niệm. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân niệm, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

XI. KINH BÓ LÚA (*Yavakalāpisutta*) (*S.* IV. 201)

248. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bó lúa quăng tại ngã tư đường; rồi sáu người đến, tay cầm cái đập và họ đập bó lúa ấy với sáu cái đập.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy được khéo đập với sáu cái đập ấy. Rồi một người thứ bảy đến, tay cầm cái đập, và người ấy đập bó lúa ấy với cái đập thứ bảy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại càng được khéo đập với cái đập thứ bảy.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu bị đập trong con mắt bởi những sắc khả ái và không khả ái... bị đập trong lưỡi bởi những vị khả ái và không khả ái... bị đập trong ý bởi những pháp khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, nếu kẻ vô văn phàm phu ấy lại nghĩ đến tái sanh trong tương lai; như vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si ấy lại càng bị khéo đập hơn nữa. Ví như, này các Tỷ-kheo, bó lúa ấy lại bị đập với cái đập thứ bảy nữa.

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, cuộc chiến xảy ra giữa chư thiên và các A-tu-la rất là khốc liệt.

Này các Tỷ-kheo, Vepacitti, Vua A-tu-la gọi các a-tu-la: "Này các thân hữu,

trong cuộc chiến đang khởi lên giữa chư thiên và loài a-tu-la rất khốc liệt, nếu các a-tu-la thắng và chư thiên bại, hãy trói Thiên chủ Sakka hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong thành của các a-tu-la." Còn Thiên chủ Sakka gọi chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba: "Này các thân hữu, trong trận chiến giữa chư thiên và các loài a-tu-la, trận chiến rất là khốc liệt, nếu chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại, hãy trói Vua A-tu-la Vepacitti, hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và dắt vua ấy đến trước mặt ta, trong giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp)."

Nhưng trận chiến ấy, chư thiên thắng và các loài a-tu-la bại. Rồi, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba trói Vua A-tu-la Vepacitti, trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, rồi dẫn đến trước mặt Thiên chủ Sakka trong giảng đường Sudhamma.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Vua A-tu-la Vepacitti bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua A-tu-la Vepacitti suy nghĩ như sau: "Chư thiên theo Chánh pháp, còn a-tu-la theo phi pháp. Nay ta đi đến thành của chư thiên", thời khi ấy, Vua A-tu-la tự thấy mình được cởi trói hai chân, hai tay và thứ năm là cổ, và được hưởng thọ, được thưởng thức đầy đủ năm dục công đức cõi trời. Và này các Tỷ-kheo, khi Vua A-tu-la suy nghĩ như sau: "Các a-tu-la theo Chánh pháp, chư thiên theo phi pháp. Ở đây, ta sẽ đi đến thành của các a-tu-la", thời khi ấy, Vua A-tu-la tự thấy mình bị trói hai tay, hai chân và thứ năm là cổ, và bị tước bỏ năm dục công đức cõi trời.

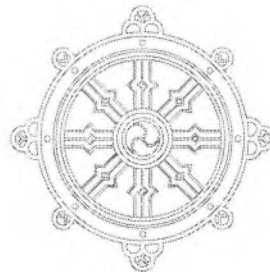
Như vậy, này các Tỷ-kheo, thật tế nhị là sự trói buộc của Vepacitti, và còn tế nhị hơn là sự trói buộc của Māra. Ai có tư tưởng (*maññamāna*), người ấy bị Māra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma. "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Cái này là tôi", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Tôi sẽ là", này các Tỷ-kheo, là một tư tưởng. "Tôi sẽ không là", là một tư tưởng. "Tôi sẽ có sắc", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có sắc", là một tư tưởng. "Tôi sẽ có tưởng", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có tưởng", là một tư tưởng. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một tư tưởng. Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mụt nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một động chuyển (*iñjita*). "Cái này là tôi", là một động chuyển. "Tôi sẽ là", là một động chuyển. "Tôi sẽ không là", là một động chuyển. "Tôi sẽ có sắc", là một động chuyển. "Tôi sẽ không có sắc", là một động chuyển. "Tôi sẽ có tưởng", là một động chuyển. "Tôi sẽ không có tưởng", là một động chuyển. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một động chuyển. Động chuyển, này các Tỷ-kheo, là tham. Động chuyển là mụt nhọt. Động chuyển là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có động chuyển."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một chấn động (*phandita*). "Cái này là tôi", là một chấn động. "Tôi sẽ là", là một chấn động. "Tôi sẽ không là", là một chấn động. "Tôi sẽ có sắc", là một chấn động. "Tôi sẽ không có sắc", là một chấn động. "Tôi sẽ có tưởng", là một chấn động. "Tôi sẽ không có tưởng", là một chấn động. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một chấn động. Chấn động, này các Tỷ-kheo, là tham. Chấn động là mụt nhọt. Chấn động là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không chấn động."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một hý luận (*papañcita*). "Cái này là tôi", là một hý luận. "Tôi sẽ là", là một hý luận. "Tôi sẽ không là", là một hý luận. "Tôi sẽ có sắc", là một hý luận. "Tôi sẽ không có sắc", là một hý luận. "Tôi sẽ có tưởng", là một hý luận. "Tôi sẽ không có tưởng", là một hý luận. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một hý luận. Hý luận, này các Tỷ-kheo, là tham. Hý luận là mụt nhọt. Hý luận là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có hý luận."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải hiểu: "Tôi là", này các Tỷ-kheo, là một ngã mạn (*mānagata*). "Cái này là tôi", là một ngã mạn. "Tôi sẽ là", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không là", là một ngã mạn. "Tôi sẽ có sắc", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có sắc", là một ngã mạn. "Tôi sẽ có tưởng", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có tưởng", là một ngã mạn. "Tôi sẽ không có tưởng và không không có tưởng", là một ngã mạn. Ngã mạn, này các Tỷ-kheo, là tham. Ngã mạn là mụt nhọt. Ngã mạn là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm trừ bỏ ngã mạn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.



36. TƯƠNG ƯNG THỌ
(*VEDANĀSAṂYUTTA*)

PHẦN MỘT

PHẨM CÓ KỆ
(*SAGĀTHĀVAGGA*)

I. KINH THIỀN ĐỊNH (*Samādhisutta*) (*S*. IV. 204)

249. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

Vị đệ tử đức Phật,
Định, tỉnh giác, chánh niệm,
Hiểu rõ ràng các thọ,
Và xuất ly các thọ.

Chỗ này chúng đoạn diệt,
Con đường đến đoạn diệt,
Tỷ-kheo đoạn các thọ,
Không khát ái, tịch tịnh.

II. KINH AN LẠC (*Sukhasutta*) (*S*. IV. 204)

250. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

Lạc thọ hay khổ thọ,
Cùng bất khổ bất lạc,
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì,

Biết được: "Đây là khổ",
Hư ngụy[1] và biến hoại,
Thấy xúc, xúc biến diệt,
Ở đây, sống ly tham.

---

[1] Xem *Sn*. 143, 146.

II. KINH ĐOẠN TẬN (*Pahānasutta*) (*S*. IV. 205)

251. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo, tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ cần phải đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỷ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỷ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (*sammā mānābhisamaya*), vị ấy đoạn tận khổ đau.

Nếu cảm giác lạc thọ,
Không tuệ tri cảm thọ,
Đây gọi tham tùy miên,
Không thấy rõ xuất ly.

Nếu cảm giác khổ thọ,
Không tuệ tri cảm thọ,
Đây gọi sân tùy miên,
Không thấy rõ xuất ly.

Với bất khổ bất lạc,
Bậc Đại trí thuyết giảng,[2]
Nếu hoan hỷ thọ ấy,
Không thoát được khổ đau.

Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Tỉnh giác, không cuồng trí,
Đối với tất cả thọ,
Bậc Hiền trí liễu tri.

Vị ấy liễu tri thọ,
Hiện tại không lậu hoặc,
Thân hoại, bậc Pháp trú,
Đại trí vượt ước lường.

IV. KINH VỰC THẲM (*Pātālasutta*) (*S*. IV. 206)

252. Kẻ vô văn phàm phu nói như sau: "Ở giữa biển lớn có vực thẳm." Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu đối với việc không có, không xảy ra, lại nói: "Ở giữa biển lớn có vực thẳm."

Này các Tỷ-kheo, đồng nghĩa với các khổ thọ về thân là vực thẳm này.

Kẻ vô văn phàm phu, khi cảm giác khổ thọ về thân, thời sầu muộn, than

---

[2] Xem *KS*. III. 121.

vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu không đứng lên trên vực thẳm, không đạt tới chỗ chân đứng.[3]

Còn bậc đa văn Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, khi cảm giác khổ thọ về thân, không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc đa văn Thánh đệ tử đã đứng lên trên vực thẳm, đã đạt tới chỗ chân đứng.

Ai không chịu đựng nổi,
Các khổ thọ khởi lên,
Thân đau, hại mạng sống,
Cảm xúc khiến run rẩy.
Ai than vãn, khóc lóc,
Suy nhược, thiếu kiên cường,
Không đứng trên vực sâu,
Không đạt chỗ chân đứng.

Ai có thể chịu đựng
Các khổ thọ khởi lên,
Thân đau, hại mạng sống,
Cảm xúc không run rẩy,
Vị ấy vượt vực sâu,
Đạt tới chỗ chân đứng.

V. KINH CẦN PHẢI QUÁN KIẾN (*Daṭṭhabbasutta*) (*S*. IV. 207)

253. Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ, này các Tỷ-kheo, cần phải thấy là khổ. Khổ thọ, cần phải thấy là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ, cần phải thấy là vô thường.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy được lạc thọ là khổ, thấy được khổ thọ là mũi tên, thấy được bất khổ bất lạc thọ là vô thường; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo có chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn, vị ấy đoạn tận khổ đau.

Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Với bất khổ bất lạc,
Thấy thọ là vô thường,
Tỷ-kheo ấy chánh kiến,
Liễu tri các cảm thọ.

Vị ấy liễu tri thọ,
Hiện tại không lậu hoặc,
Mạng chung, bậc Pháp trú,
Đại trí vượt ước lường.

[3] Xem *S*. I. 47.

VI. KINH VỚI MŨI TÊN (*Sallasutta*) (*S*. IV. 207)

254. – Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử cũng cảm thọ cảm giác lạc thọ, cảm thọ cảm giác khổ thọ, cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng,[4] thế nào là sai biệt giữa bậc đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khổ thọ, sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn với mũi tên, rồi họ bắn người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ cả hai mũi tên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu khi cảm xúc khổ thọ, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Người ấy cảm giác hai cảm thọ, cảm thọ về thân và cảm thọ về tâm. Cảm xúc bởi khổ thọ ấy, người ấy cảm thấy sân hận (*paṭigha*). Do cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, sân tùy miên đối với khổ thọ được tồn chỉ tùy miên (*anuseti*). Cảm giác bởi khổ thọ, người ấy hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không tìm thấy một sự xuất ly khỏi khổ thọ nào khác, ngoài dục lạc. Do hoan hỷ dục lạc ấy, tham tùy miên đối với lạc thọ tồn tại. Người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy. Do người ấy không như thật rõ biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, nên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ tồn tại. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc (*saññutto*). Nếu người ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Nếu người ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, người ấy cảm thọ cảm giác như người bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ vô văn phàm phu bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng người ấy bị trói buộc bởi đau khổ.

Và này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ, thời không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đấm ngực, không có đi đến bất tỉnh. Vị ấy chỉ cảm thọ cảm giác một cảm thọ, tức là cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bị người ta bắn một mũi tên. Họ không bắn tiếp người ấy với mũi tên thứ hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy cảm giác cảm thọ của một mũi tên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử khi cảm xúc khổ thọ; vị ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc,

[4] Xem *KS*. III. 58.

không đấm ngực, không đi đến bất tỉnh. Vị ấy cảm giác chỉ một cảm thọ, cảm thọ về thân, không phải cảm thọ về tâm. Vị ấy không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy. Do không cảm thấy sân hận đối với khổ thọ ấy, sân tùy miên đối với khổ thọ không có tồn tại. Cảm giác bởi khổ thọ, vị ấy không hoan hỷ dục lạc. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử có tuệ tri một sự xuất ly khác đối với khổ thọ, ngoài dục lạc. Vì vị ấy không hoan hỷ dục lạc, tham tùy miên đối với dục lạc không có tồn tại. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của những cảm thọ ấy. Vì rằng, vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ ấy, đối với bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên không có tồn tại. Nếu vị ấy cảm thọ lạc thọ, vị ấy cảm thọ lạc thọ như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác như người không bị trói buộc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không bị trói buộc bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy không bị trói buộc bởi đau khổ.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai biệt giữa bậc đa văn Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu.

Bậc trí tuệ đa văn,
Lạc khổ không chi phối,
Giữa kẻ trí, phàm phu,
Thiện sai biệt rất lớn.

Bậc đa văn tầm pháp,[5]
Thấy đời này, đời sau,
Ái pháp không phá tâm,
Không ái, không sân hận.

Tùy thuận hay đối nghịch,
Tiêu tán, diệt, không còn,
Vị ấy biết con đường,
Đường không cấu, không sầu,
Chánh trí, đoạn tái sanh,
Đến được bờ giác ngộ.

VII. KINH TẬT BỆNH THỨ NHẤT (*Paṭhamagelaññasutta*) (*S*. IV. 210)

255. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại giảng đường của ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến gian phòng chữa bệnh; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

[5] Xem *KS*. II. 36; *Sn*. 12.

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải chánh niệm, tỉnh giác khi thời đã đến [khi mệnh chung]. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm. Sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.[6] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nếm đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm, tỉnh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tỉnh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Lạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này, nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong (*vaya*). Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đối với thân và lạc thọ được đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tỉnh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khổ thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khổ thọ này khởi lên nơi ta. Khổ thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời khổ thọ được khởi lên, làm sao thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và khổ thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và khổ thọ của vị ấy, nên sân tùy miên đối với thân và khổ thọ được đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống chánh niệm, tỉnh giác, không phóng

[6] Xem *Sn*. 154.

dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy tuệ tri như sau: "Bất khổ bất lạc thọ này khởi lên nơi ta. Bất khổ bất lạc thọ ấy có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên thân khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, thời bất khổ bất lạc thọ được khởi lên làm sao sẽ thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với thân và bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với thân và bất khổ bất lạc thọ của vị ấy, nên vô minh tùy miên đối với thân và bất khổ bất lạc thọ được đoạn diệt.

Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường." Vị ấy tuệ tri: "Ta không chấp trước thọ ấy." Vị ấy tuệ tri: "Ta không hoan hỷ thọ ấy." Nếu vị ấy cảm thọ khổ thọ... Nếu vị ấy cảm thọ bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường." Vị ấy tuệ tri: "Ta không chấp trước thọ ấy." Vị ấy tuệ tri: "Ta không hoan hỷ thọ ấy."

Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm thọ cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ cảm giác thọ ấy như người không bị trói buộc.

Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân." Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng." Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, mọi cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dịu."

Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu và do duyên tim bấc, một ngọn đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bấc khô cạn, cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm, ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân." Khi vị ấy đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sinh mạng." Vị ấy tuệ tri rằng: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dịu."

VIII. KINH TẬT BỆNH THỨ HAI (*Dutiyagelaññasutta*) (*S.* IV. 213)

256. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại giảng đường của ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều...

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?... (như kinh trên)...

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải chánh niệm, tỉnh giác khi thời đã đến. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo sống chánh niệm, tỉnh giác, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, lạc thọ khởi lên. Vị ấy rõ biết như sau: "Lạc thọ này khởi lên nơi ta. Lạc thọ ấy khởi lên có duyên, không phải không duyên. Do duyên gì? Do duyên xúc này. Nhưng xúc này là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do duyên xúc khởi lên, và duyên này là vô thường, hữu vi, thời lạc thọ được khởi lên, làm sao có thể thường trú được?" Vị ấy trú, quán vô thường đối với xúc và lạc thọ. Vị ấy trú, quán tiêu vong. Vị ấy trú, quán ly tham. Vị ấy trú, quán đoạn diệt. Vị ấy trú, quán từ bỏ. Do vị ấy trú, quán vô thường; do vị ấy trú, quán tiêu vong; do vị ấy trú, quán ly tham; do vị ấy trú, quán đoạn diệt; do vị ấy trú, quán từ bỏ đối với xúc và lạc thọ của vị ấy, nên tham tùy miên đối với xúc và lạc thọ bị đoạn diệt.

(Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "duyên xúc"). "... ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lắng dịu."

Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu... sẽ đi đến lắng dịu (như kinh trên).

IX. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*) (*S*. IV. 214)

257. Có ba thọ, này các Tỷ-kheo, vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Ba thọ này, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, chịu sự đoạn tận, chịu sự tiêu vong, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt.

X. KINH CĂN BẢN CỦA XÚC (*Phassamūlakasutta*) (*S*. IV. 215)

258. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản,[7] lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên.

Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Do xúc được cảm thọ là lạc, này các Tỷ-kheo, lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là lạc, lạc thọ ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là lạc, lạc thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

Do xúc được cảm thọ là khổ, này các Tỷ-kheo, khổ thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là khổ, khổ thọ ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là khổ, khổ thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

Do xúc được cảm thọ là bất khổ bất lạc, này các Tỷ-kheo, bất khổ bất lạc thọ sanh. Do sự đoạn diệt của xúc ấy được cảm thọ là bất khổ bất lạc, bất khổ bất lạc ấy khởi lên do duyên xúc tương ứng được cảm thọ là bất khổ bất lạc, bất khổ bất lạc thọ ấy đoạn diệt, được tịnh chỉ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai khúc gỗ cọ xát nhau, đem đến gần nhau,[8] nên

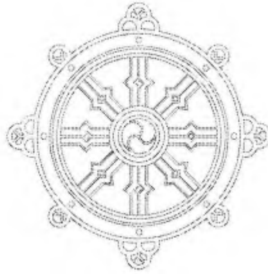
---

[7] Xem *KS*. II. 67.

[8] Xem *S*. V. 212; *Miln*. 6; *BPE*. 45.

sức nóng sanh ra, lửa được hiện hữu. Khi hai khúc gỗ ấy bị phân ly tuyệt duyên, thời sức nóng khởi lên do duyên ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ba thọ này do xúc sanh, lấy xúc làm căn bản, lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm trợ duyên; do duyên xúc tương ứng, các thọ tương ứng khởi lên; do sự đoạn diệt của xúc tương ứng, các thọ tương ứng khởi lên được đoạn diệt.



PHẦN HAI

PHẨM SỐNG MỘT MÌNH
(*RAHOGATAVAGGA*)

I. KINH SỐNG MỘT MÌNH (*Rahogatasutta*) (*S.* IV. 216)

259. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống một mình, thiền tịnh, tâm tư như sau được khởi lên: "Thế Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ." Ba thọ này được Thế Tôn thuyết dạy. Nhưng Thế Tôn lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau khổ." Do liên hệ đến cái gì, lời nói này được Thế Tôn nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau khổ"?

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, Ta nói rằng có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Ta nói đến. Nhưng này Tỷ-kheo, Ta lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau khổ." Chính vì liên hệ đến tánh vô thường của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau khổ." Chính vì liên hệ đến tánh đoạn tận, tánh tiêu vong, tánh ly tham, tánh đoạn diệt, tánh biến hoại của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy [nằm] trong đau khổ."

Nhưng này Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt các hành là tuần tự: Khi chứng được Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được đoạn diệt; khi chứng Không vô biên xứ, sắc tưởng được đoạn diệt; khi chứng Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt; khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự tịnh chỉ các hành là tuần tự:[9] Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được tịnh chỉ... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được tịnh chỉ. Đối

[9] Xem *PC.* 122.

với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an này: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được khinh an; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an;[10] khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

II. KINH HƯ KHÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaākāsasutta*) (*S.* IV. 218)

260. Ví như ở trên hư không có nhiều loại gió thổi: Có gió từ phương Đông thổi, có gió từ phương Tây thổi, có gió từ phương Bắc thổi, có gió từ phương Nam thổi, có gió có bụi thổi, có gió không bụi thổi, có gió lạnh thổi, có gió nóng thổi, có gió lượng nhỏ thổi, có gió lượng lớn thổi; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong cái thân này, có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên: Lạc thọ khởi lên, khổ thọ khởi lên, bất khổ bất lạc thọ khởi lên.

Giống như giữa hư không,
Gió nhiều loại thổi lên,
Từ phương Đông, phương Tây,
Từ phương Bắc, phương Nam.

Gió có bụi, không bụi,
Có gió lạnh, gió nóng,
Có gió lớn, gió nhỏ,
Gió nhiều loại thổi lên.

Cũng vậy trong thân này,
Khởi lên nhiều cảm thọ,
Lạc thọ và khổ thọ,
Bất khổ bất lạc thọ.

Khi Tỷ-kheo nhiệt tâm,
Tỉnh giác, không sanh y.
Do vậy bậc Hiền giả,
Liễu tri tất cả thọ.

Vị ấy liễu tri thọ,
Ngay hiện tại, vô lậu,
Thân hoại, bậc Pháp trú,
Đại trí vượt ước lường.

III. KINH HƯ KHÔNG THỨ HAI (*Dutiyaākāsasutta*) (*S.* IV. 219)

261. (Như kinh trên, chỉ khác là không có bài kệ).

[10] Xem *BPE*. 10.

IV. KINH KHÁCH XÁ (*Agārasutta*)[11] (*S.* IV. 219)

262. Ví như, này các Tỳ-kheo, một nhà khách, ở đấy, từ phương Đông có người đến ở; từ phương Tây, có người đến ở; từ phương Bắc, có người đến ở; từ phương Nam, có người đến ở; những người Sát-đế-lỵ đến ở, những người Bà-la-môn đến ở, những người Phệ-xá (*Vessa*) đến ở, những người Thủ-đà (*Sudda*) đến ở; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, trong cái thân này có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên: Lạc thọ khởi lên, khổ thọ khởi lên, bất khổ bất lạc thọ khởi lên.

Có những lạc thọ liên hệ đến vật chất[12] khởi lên, có những khổ thọ liên hệ đến vật chất khởi lên, có những bất khổ bất lạc thọ liên hệ đến vật chất khởi lên; có những lạc thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên, có những khổ thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên, có những bất khổ bất lạc thọ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

V. KINH ĀNANDA THỨ NHẤT (*Paṭhamaānandasutta*)[13] (*S.* IV. 220)

263. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

– Có ba thọ này, này Ānanda, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Ānanda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đấy là vị ngọt của thọ. Sự vô thường, khổ, biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục và tham (*chandarāga*) đối với thọ, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng đoạn diệt (*nirodha*) các hành là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được đoạn diệt... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được đoạn diệt. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn diệt, sân được đoạn diệt, si được đoạn diệt.

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ (*vūpasamo*) các hành là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được tịnh chỉ... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được tịnh chỉ. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng khinh an (*passaddhi*) các hành là tuần tự:

---

[11] Xem *S.* V. 51.

[12] *Sāmisā*. Xem *M.* III. 217-19; *MA*. 279; *VbhA*. 268.

[13] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Property*, nghĩa là *Vật sở hữu*.

Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an; khi chứng Thiền thứ hai, tầm tứ được khinh an... khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

VI. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*) (*S*. IV. 221)

264. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn...

Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn nói cho ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Ānanda, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Ānanda, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt... (như kinh trên). Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

VII. KINH SỐ ĐÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasambahulasutta*)[14] (*S*. IV. 221)

265. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

– Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ là sự xuất ly của thọ.

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt của thọ là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt... Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận.

[14] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Eigthfold*, nghĩa là *Tám ngành*.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng tịnh chỉ các hành là tuần tự: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ... Đối với Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, có sáu khinh an: Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an; khi chứng Thiền thứ hai, tầm và tứ được khinh an; khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an; khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an; khi chứng Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ được khinh an. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

VIII. KINH SỐ ĐÔNG THỨ HAI (*Dutiyasambahulasutta*) (*S*. IV. 222)

266. Rồi một số đông các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh 264 ở trên).

IX. KINH PAÑCAKAṄGA (*Pañcakaṅgasutta*)[15] (*S*. IV. 223)

267. Rồi người thợ mộc Pañcakaṅga đi đến Tôn giả Udāyi;[16] sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Udāyi rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pañcakaṅga thưa với Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn dạy có bao nhiêu thọ?

– Có ba thọ, này Pañcakaṅga, được Thế Tôn nói đến: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này, này Pañcakaṅga, được Thế Tôn nói đến.

Được nghe nói vậy, thợ mộc Pañcakaṅga thưa với Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không dạy ba thọ. Thế Tôn dạy chỉ có hai thọ: Lạc thọ và khổ thọ. Còn về bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ.

Lần thứ hai, Tôn giả Udāyi nói với thợ mộc Pañcakaṅga:

– Này Pañcakaṅga, Thế Tôn không dạy hai thọ. Thế Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ hai, thợ mộc Pañcakaṅga thưa với Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không dạy có ba thọ. Thế Tôn dạy có hai thọ: Lạc thọ và khổ thọ. Còn bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ.

---

[15] Theo *Chú giải*, 5 vật dụng của người thợ mộc là cái rìu nhỏ (*vāsipharasu*), cái đục (*nikhādana*), thước cây (*daṇḍa*), cái búa (*muggara*), chỉ đen hay chỉ mực (*kāḷasutta*). Bản tiếng Anh của PTS: *Fivetools*, nghĩa là *Năm món đồ nghề*.

[16] Xem *S*. IV. 99; *KS*. IV. 55 (kinh 113 ở trước); *M*. I. 396, 447.

Lần thứ ba, Tôn giả Udāyi nói với thợ mộc Pañcakanga:

– Này Pañcakanga, Thế Tôn không dạy hai thọ. Thế Tôn dạy có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ ba, thợ mộc Pañcakanga thưa với Tôn giả Udāyi:

– Thưa Tôn giả Udāyi, Thế Tôn không dạy có ba thọ. Thế Tôn dạy có hai thọ: Lạc thọ, khổ thọ. Còn bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn dạy thuộc vào tế nhị lạc thọ.

Như vậy, Tôn giả Udāyi không có thể thuyết phục được thợ mộc Pañcakanga, và thợ mộc Pañcakanga không thể thuyết phục được Tôn giả Udāyi.

Tôn giả Ānanda nghe được câu chuyện này giữa Tôn giả Udāyi và thợ mộc Pañcakanga.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện xảy ra giữa Tôn giả Udāyi và thợ mộc Pañcakanga.

– Dầu thật có pháp môn (*pariyāya*), này Ānanda, nhưng thợ mộc Pañcakanga không tín thọ Tỷ-kheo Udāyi. Và dầu thật có pháp môn, này Ānanda, nhưng Tỷ-kheo Udāyi không tín thọ thợ mộc Pañcakanga. Có hai thọ, này Ānanda, theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có mười tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba mươi sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có một trăm lẻ tám thọ[17] theo pháp môn giải thích của Ta. Như vậy, này Ānanda, là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn.

Này Ānanda, dầu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn, này Ānanda, những ai không chịu chấp nhận, không chịu tán đồng, không chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người ấy sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống đấu tranh nhau, hủy báng nhau, tranh luận nhau với những khí giới miệng lưỡi. Như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn. Này Ānanda, dầu cho như vậy là pháp được Ta tuyên bố tùy theo pháp môn, những ai chịu chấp nhận, chịu tán đồng, chịu tùy hỷ lời khéo nói, khéo thuyết với nhau; đối với những người ấy, sẽ xảy đến như sau: Họ sẽ sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có tranh luận nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái.

Và này Ānanda, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ānanda, có năm dục công đức này. Do duyên năm dục công đức này, này Ānanda, khởi lên lạc hỷ gì, đây gọi là dục lạc.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối

---

[17] Số uẩn: 36 x 3 = 108.

thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng đạt và trú Thiền thứ nhất. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tốt đẹp hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ānanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ānanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ānanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn. Và này Ānanda, thế nào là lạc khác với lạc ấy còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Này Ānanda, có thể có những người nói như sau: "Đây là lạc và hỷ tối thượng mà chúng sanh cảm thọ được." Nhưng Ta không chấp nhận quan điểm này. Vì sao? Vì rằng có lạc khác với lạc ấy, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn... Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Lạc này là lạc khác với lạc kia, này Ānanda, còn vi diệu hơn, còn tế nhị hơn.

Sự kiện này xảy ra, này Ānanda. Có các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi như sau: "Sa-môn Gotama nói đến Diệt thọ tưởng định, và tuyên bố là Diệt thọ tưởng định ấy thuộc về lạc. Ý nghĩa này là gì và như thế nào?" Được nghe nói vậy, này Ānanda, các du sĩ ngoại đạo cần được trả lời như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn không tuyên bố thuộc về lạc, dựa vào lạc thọ. Nhưng chỗ nào, này chư Hiền, lạc được cảm thọ, chỗ ấy, Thế Tôn tuyên bố cảm thọ thuộc vào lạc thọ."

X. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S.* IV. 228)

268. Có hai thọ, này các Tỷ-kheo, theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có năm thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có mười tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có ba mươi sáu thọ theo pháp môn giải thích của Ta. Cũng có một trăm lẻ tám thọ theo pháp môn giải thích của Ta.

... (Như đoạn sau của kinh trên, chỉ khác trong kinh trước Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda, trong kinh này Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo).

PHẦN BA

PHẨM MỘT TRĂM LẺ TÁM PHÁP MÔN[18] (*AṬṬHASATAPARIYĀYAVAGGA*)

I. KINH SĪVAKA (*Sīvakasutta*) (*S.* IV. 230)

269. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi du sĩ Moḷiya Sīvaka[19] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Moḷiya Sīvaka thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ ấy đều do nhân đã làm trong quá khứ." Ở đây, Tôn giả Gotama nói như thế nào?

– Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật (*pitta*).[20] Này Sīvaka, hoặc là ông phải tự mình (*sāmaṃ*) biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật." Hay là, này Sīvaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ mật." Ở đây, này Sīvaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ khởi lên, phát sanh từ đàm (niêm dịch) (*semha*)...

Này Sīvaka... khởi lên, phát sanh từ gió...

Này Sīvaka... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ, dính nhau của các loại nước trong thân thể (*sannipātikāni*)...

Này Sīvaka... khởi lên, phát sanh từ sự thay đổi thời tiết...

---

[18] Xem *S.* IV. 14; *KS.* IV. 8 (kinh 22 ở trước).
[19] Moḷiya có búi tóc. Xem *KS.* II. 9; *A.* III. 356; *Thag.* v. 14.
[20] Xem *Miln.* 134 có đề cập đến kinh này.

Này Sīvaka... khởi lên, phát sanh từ sự gặp gỡ các nghịch vận...[21]

Này Sīvaka... khởi lên, phát sanh từ các công kích thình lình từ bên ngoài vào...[22]

Do quả dị thục của nghiệp, này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ được khởi lên. Này Sīvaka, hoặc là ông phải tự mình biết rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thục của nghiệp." Hay là, này Sīvaka, thế giới chấp nhận là đúng sự thật rằng: "Ở đây, một số cảm thọ khởi lên vì kết quả dị thục của nghiệp." Ở đây, này Sīvaka, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thuyết như sau, thấy như sau: "Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ đều do nhân đã làm trong quá khứ"; nếu do họ tự mình biết, họ thật sự đi quá xa; nếu được thế giới chấp nhận là đúng sự thật, họ cũng đi quá xa. Do vậy, Ta tuyên bố rằng các Sa-môn, Bà-la-môn ấy thuộc về tà.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Moḷiya Sīvaka bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

Mật, niêm dịch và gió,
Sự gặp gỡ các loại nước,
Sự thay đổi thời tiết,
Sự gặp gỡ các nghịch vận,
Sự công kích thình lình,
Nghiệp quả là thứ tám.

II. KINH MỘT TRĂM LẺ TÁM (*Aṭṭhasatasutta*) (*S*. IV. 231)

270. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn về pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn? Có hai thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có ba thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có năm thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có sáu thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có mười tám thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có ba mươi sáu thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta. Có một trăm lẻ tám thọ theo pháp môn thuyết giảng của Ta.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hai thọ? Thọ về thân và thọ về tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hai thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba thọ? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thọ? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu thọ? Thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ

[21] *Visamaparihārajāni*. *SA*. III. 82: Như khi một người vội vàng đi vào ban đêm bị rắn cắn.

[22] *Opakkamikāni*. *SA*. III. 82: Bị bắt vì như kẻ trộm hay vì tư thông vợ người.

xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mười tám thọ? Có sáu tư duy thân cận (*upavicāra*) với hỷ; có sáu tư duy thân cận với ưu; có sáu tư duy thân cận với xả. Này các Tỷ-kheo, đây là mười tám thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba mươi sáu thọ? Sáu hỷ liên hệ đến gia đình, sáu hỷ liên hệ đến ly dục; sáu ưu liên hệ đến gia đình, sáu ưu liên hệ đến ly dục; sáu xả liên hệ đến gia đình, sáu xả liên hệ đến ly dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu thọ.

Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ về quá khứ, ba mươi sáu thọ về tương lai, ba mươi sáu thọ về hiện tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là một trăm lẻ tám thọ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp môn về pháp theo một trăm lẻ tám pháp môn.

III. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Aññatarabhikkhusutta*) (*S*. IV. 232)

271. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

– Này Tỷ-kheo, có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Khát ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đó là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

IV. KINH QUÁ KHỨ (*Pubbasutta*)[23] (*S*. IV. 233)

272. Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng Chánh giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?"

Và này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Có ba thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến...

---

[23] Kinh 272 và 273 trong bản tiếng Anh của PTS viết thành một kinh với tên kinh: *Knowledge of the Past*, nghĩa là *Trí về quá khứ*.

chánh định. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ."

V. KINH TRÍ (*Ñāṇasutta*) (*S*. IV. 234)

273. Này các Tỷ-kheo, đây là các thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là các thọ tập khởi, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến thọ tập khởi, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là thọ đoạn diệt, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe...

Này các Tỷ-kheo, đây là vị ngọt của thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe...

Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hiểm của thọ...

Này các Tỷ-kheo, đây là sự xuất ly của thọ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

VI. KINH SỐ ĐÔNG TỶ-KHEO (*Sambahulabhikkhusutta*)[24] (*S*. IV. 234)

274. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

(Như kinh số 271).

– Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba thọ này...

... như thật tuệ tri... tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. IV. 235)

275. – Này các Tỷ-kheo, có ba thọ. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

(Như kinh số 271).

[24] Bản tiếng Anh của PTS: *By a Brother*, nghĩa là *Bởi vị Tỷ-kheo*.

VIII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI
(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*)[25] (*S*. IV. 235)

276. – Này các Tỷ-kheo, có ba thọ. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

(Như kinh trên)...

– Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không tuệ tri thọ, không tuệ tri thọ tập khởi, không tuệ tri con đường đưa đến thọ tập khởi, không tuệ tri thọ đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt...

... như thật tuệ tri... tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA
(*Tatiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. IV. 235)

277. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không tuệ tri thọ, không tuệ tri thọ tập khởi, không tuệ tri con đường đưa đến thọ tập khởi, không tuệ tri thọ đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt...

... như thật tuệ tri... tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

X. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*)[26] (*S*. IV. 235)

278. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây là ba thọ.

XI. KINH KHÔNG LIÊN HỆ ĐẾN VẬT CHẤT (*Nirāmisasutta*) (*S*. IV. 235)

279. Này các Tỷ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là năm dục công đức này. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên hỷ gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất,

---

[25] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (276, 277) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Recluses and Brahmins*, nghĩa là *Sa-môn và Bà-la-môn*.

[26] Kinh 278 và 279 trong bản tiếng Anh của PTS viết thành một kinh với tên kinh: *Purified and Free from Carnal Taint*, nghĩa là *Thanh tịnh và không liên hệ đến vật chất*.

một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân, khi quán sát tâm giải thoát khỏi si, hỷ được khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là năm dục công đức. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên lạc hỷ gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Tịnh chỉ các tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên xả gì, này các Tỷ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất.

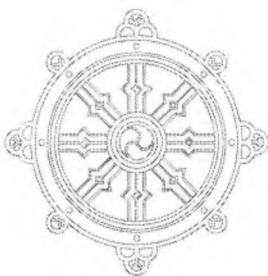
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi

sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, xả khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát không liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.



37. TƯƠNG ƯNG NỮ NHÂN
(*MĀTUGĀMASAṂYUTTA*)

PHẦN MỘT

I. PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ NHẤT
(*PAṬHAMAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH NỮ NHÂN (*Mātugāmasutta*)[1] (*S*. IV. 238)

280. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng, không có khả năng sinh con. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông.

Và này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, lanh lợi không biếng nhác, có khả năng sanh con. Đầy đủ năm đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông.

II. KINH NAM NHÂN (*Purisasutta*) (*S*. IV. 238)

281. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng, không có khả năng sanh con. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân.

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, lanh lợi không biếng nhác, có khả năng sanh con. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân.

III. KINH ĐAU KHỔ RIÊNG BIỆT (*Āveṇikadukkhasutta*)[2] (S. IV. 239)

282. Này các Tỷ-kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

---

[1] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Charming and Not charming*, nghĩa là *Khả ý và không khả ý*.
[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Special*, nghĩa là *Đặc biệt*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu điều đó, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà hầu hạ (*paricārikabhāvaṃ*) đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

IV. KINH BA SỰ VIỆC (*Tīhidhammehisutta*) (*S.* IV. 240)

283. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà, vào buổi sáng, ở nhà với tâm bị xan tham ám ảnh; vào buổi trưa, ở nhà với tâm bị tật đố ám ảnh; vào buổi chiều, ở nhà với tâm bị dục tham (*kāmarāga*) ám ảnh.

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba pháp này, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

V. KINH PHẪN NỘ (*Kodhanasutta*) (*S.* IV. 240)

284. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bạch Thế Tôn, nữ nhân, do đầy đủ những pháp gì, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

– Đầy đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

Đó là bất tín, là vô tàm, là vô quý, là phẫn nộ, là ác tuệ.

Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

VI. KINH CÓ HẬN (*Upanāhīsutta*) (*S*. IV. 241)

285. (Như kinh trên, chỉ thay thế "có hận" vào pháp thứ tư).

VII. KINH TẬT ĐỐ (*Issukīsutta*) (*S*. IV. 241)

286. (Như kinh trên, chỉ thay thế "có tật đố" vào pháp thứ tư).

VIII. KINH XAN THAM (*Maccharīsutta*)[3] (*S*. IV. 241)

287. (Như kinh trên, chỉ thay thế "xan tham" vào pháp thứ tư).

IX. KINH PHẠM DÂM (*Aticārīsutta*) (*S*. IV. 242)

288. (Như kinh trên, chỉ thay thế "phạm dâm" vào pháp thứ tư).

X. KINH ÁC GIỚI (*Dussīlasutta*) (*S*. IV. 242)

289. (Như kinh trên, chỉ thay thế "ác giới" vào pháp thứ tư).

XI. KINH ÍT NGHE (*Appassutasutta*) (*S*. IV. 242)

290. (Như kinh trên, chỉ thay thế "ít nghe" vào pháp thứ tư).

XII. KINH BIẾNG NHÁC (*Kusītasutta*) (*S*. IV. 242)

291. (Như kinh trên, chỉ thay thế "biếng nhác" vào pháp thứ tư).

XIII. KINH THẤT NIỆM (*Muṭṭhassatisutta*) (*S*. IV. 242)

292. (Như kinh trên, chỉ thay thế "thất niệm" vào pháp thứ tư).

XIV. KINH NĂM CẤM (*Pañcaverasutta*) (S. IV. 243)

293. Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

Đó là sát sanh, là lấy của không cho, là tà hạnh trong các dục, là nói láo, là đắm say rượu men rượu nấu.

Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Through Stinginess*, nghĩa là *Do xan tham.*

PHẦN HAI

II. PHẨM TRUNG LƯỢC THỨ HAI (*DUTIYAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG PHẪN NỘ (*Akkodhanasutta*) (*S*. IV. 243)

294. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đầy đủ bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới?

– Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Thế nào là năm?

Có lòng tin, có lòng tàm, có lòng quý, không phẫn nộ, có trí tuệ.

Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, một người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

II-X. KINH KHÔNG CÓ HẬN (*Anupanāhīsutta*), KINH KHÔNG TẬT ĐỐ (*Anissukīsutta*), KINH KHÔNG XAN THAM (*Amaccharīsutta*), KINH KHÔNG TÀ DÂM (*Anaticārīsutta*), KINH KHÔNG ÁC GIỚI (*Susīlasutta*), KINH NGHE NHIỀU (*Bahussutasutta*), KINH KHÔNG BIẾNG NHÁC (*Āraddhavīriyasutta*), KINH KHÔNG THẤT NIỆM (*Upaṭṭhitassatisutta*), KINH NĂM GIỚI (*Pañcasīlasutta*) (*S*. IV. 244)

295-303. (Các đoạn này trái với đoạn 285-293 trước, như “không có hận, không tật đố, không xan tham, không tà dâm, không ác giới, nghe nhiều, không biếng nhác, không thất niệm, giữ năm giới”).

PHẦN BA

III. PHẨM SỨC MẠNH (*BALAVAGGA*)[4]

I. KINH KHÔNG SỢ HÃI (*Visāradasutta*) (*S*. IV. 246)

304. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh sắc đẹp, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có đầy đủ năm sức mạnh này.

Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà không có sợ hãi.

II. KINH ỨC CHẾ (*Pasayhasutta*) (*S*. IV. 246)

305. (Như kinh trên, chỉ khác đoạn kết luận: "Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà ức chế người chồng").

III. KINH CHINH PHỤC (*Abhibhuyyasutta*) (*S*. IV. 246)

306. (Như kinh trên, chỉ khác đoạn kết luận: "Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà tiếp tục (*vattatī*) chinh phục người chồng").

IV. KINH MỘT (*Ekasutta*) (*S*. IV. 246)

307. Do đầy đủ một sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn ông tiếp tục chinh phục người đàn bà. Thế nào là một sức mạnh? Sức mạnh của người làm chủ (*issariyabala*).

Người đàn bà đã bị chinh phục bởi sức mạnh của người làm chủ, này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan sắc không che chở được, sức mạnh tài sản không che chở được, sức mạnh bà con không che chở được, sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở được.

V. KINH BỘ PHẬN (*Aṅgasutta*) (*S*. IV. 247)

308. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này: Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

Người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, này các Tỷ-kheo, nhưng không có sức mạnh tài sản, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản, như vậy người đàn bà đầy đủ bộ phận ấy.

---

[4] Trong bản tiếng Anh của PTS, phẩm này không có tiêu đề.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản nhưng không có sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản và sức mạnh bà con, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con nhưng không có sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con và sức mạnh con trai, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai nhưng không có sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy không đầy đủ bộ phận ấy. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh con trai, sức mạnh bà con và sức mạnh giới hạnh, như vậy người đàn bà ấy đầy đủ bộ phận ấy.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

VI. KINH ĐUỔI ĐI (*Nāsentisutta*)[5] (*S*. IV. 247)

309. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc và sức mạnh tài sản nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình. Và này các Tỷ-kheo, nếu người đàn bà đầy đủ sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai nhưng không có sức mạnh giới hạnh, thời họ đuổi người đàn bà ấy, không cho ở trong gia đình.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhưng không có sức mạnh nhan sắc, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Và này các Tỷ-kheo, người đàn bà có sức mạnh giới hạnh nhưng không có sức mạnh tài sản, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhưng không có sức mạnh bà con, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi. Này các Tỷ-kheo, người đàn bà đầy đủ sức mạnh giới hạnh nhưng không có sức mạnh con trai, thời họ để người đàn bà ấy ở trong gia đình, không có đuổi đi.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

---

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *They Overthrow*, nghĩa là *Họ đuổi đi*.

VII. KINH NHÂN (*Hetusutta*) (*S*. IV. 248)

310. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của người đàn bà. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh con trai, sức mạnh giới hạnh.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà không do nhân nhan sắc, không do nhân tài sản, không do nhân bà con hay không do nhân con trai, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà do nhân giới hạnh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

VIII. KINH SỰ KIỆN (*Ṭhānasutta*) (*S*. IV. 249)

311. Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là năm?

"Mong rằng tôi được sanh trong một gia đình thích đáng (*patirūpaṃ*)!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ nhất, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Mong rằng sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, tôi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ (*asapatti*)!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong rằng tôi sẽ sanh được người con trai!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ tư, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi sanh được người con trai, mong rằng tôi chinh phục được người chồng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được.

Này các Tỷ-kheo, năm sự kiện này, thật khó cho người đàn bà không làm các công đức có thể thực hiện được.

Có năm sự kiện, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. Thế nào là năm?

"Mong rằng tôi được sanh vào một gia đình thích đáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ nhất, thật dễ cho người đàn bà làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ hai, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ]

một gia đình thích đáng, mong rằng tôi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ ba, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được sống trong một gia đình không có người vợ địch thủ, mong rằng tôi được sanh con trai!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ tư, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được. "Sau khi được sanh vào một gia đình thích đáng, sau khi được đi đến [làm vợ] một gia đình thích đáng, sau khi được ở trong một gia đình không có người vợ địch thủ, sau khi được sanh con trai, mong rằng tôi chinh phục được người chồng!" Này các Tỷ-kheo, đây là sự kiện thứ năm, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

Năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, thật dễ cho người đàn bà có làm các công đức có thể thực hiện được.

IX. KINH NĂM GIỚI KHÔNG SỢ HÃI (*Pañcasīlavisāradasutta*)[6] (*S.* IV. 250)

312. Đầy đủ năm pháp, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở trong nhà không sợ hãi. Thế nào là năm?

Gìn giữ không đoạt sanh mạng, gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không có tà hạnh trong các dục, gìn giữ không có nói láo, gìn giữ không có đắm say rượu men rượu nấu.

Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở trong nhà không có sợ hãi.

X. KINH TĂNG TRƯỞNG (*Vaḍḍhīsutta*) (*S.* IV. 250)

313. Được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lõi cây [căn bản, tinh vi], nắm giữ được những tốt đẹp nhất về thân. Thế nào là năm?

Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều (*sutena*), tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lõi cây [căn bản, tinh vi], nắm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân.

Đời này, ai tăng trưởng,
Lòng tin và giới hạnh,
Với trí tuệ, thí xả,
Với nghe nhiều, cả hai;
Vị nữ cư sĩ ấy,
Với giới hạnh như vậy,
Nắm giữ được lõi cây,
Cho tự mình ở đời.

---

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Confident*, nghĩa là *Tự tin.*

38. TƯƠNG ƯNG JAMBUKHĀDAKA
(*JAMBUKHĀDAKASAṂYUTTA*)

I. KINH CÂU HỎI VỀ NIẾT-BÀN (*Nibbānapañhāsutta*)[1] (*S*. IV. 251)

314. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nālaka.[2]

Rồi du sĩ Jambukhādaka đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Jambukhādaka nói với Tôn giả Sāriputta:

– "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả Sāriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?

– Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là Niết-bàn.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Niết-bàn?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc Niết-bàn?

– Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

– Này Hiền giả, hiền thiện (*bhaddako*) là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để không phóng dật.

II. KINH CÂU HỎI VỀ A-LA-HÁN (*Arahattapañhāsutta*)[3] (*S*. IV. 252)

315. – "A-la-hán, A-la-hán", này Hiền giả Sāriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là A-la-hán?

– Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là A-la-hán.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Nibbāna*, nghĩa là *Niết-bàn*.

[2] Làng Nālaka ở Magadha, nơi sinh trưởng của Tôn giả Sāriputta. Về sau Tôn giả về viên tịch ở đây. Xem *S*. V. 161.

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Arahantship*, nghĩa là *Quả vị A-la-hán*.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy?

– Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy.

– Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để không phóng dật.

III. KINH CÂU HỎI VỀ VỊ THUYẾT PHÁP
(*Dhammavādīpañhāsutta*)[4] (*S*. IV. 252)

316. – Thưa Hiền giả, những ai là những vị thuyết thuận pháp ở đời? Những ai là những vị khéo thực hành ở đời? Những ai là những vị khéo đến ở đời?

– Này Hiền giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận si; những vị ấy là những vị thuyết thuận pháp ở đời.

Này Hiền giả, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si; những vị ấy là những vị khéo thực hành ở đời.

Những ai đoạn tận tham, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận sân, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đoạn tận si, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị khéo đến ở đời.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy?

– Này Hiền giả, đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy.

– Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân và si ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả Sāriputta, để không phóng dật.

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Norm-Preacher*, nghĩa là *Vị thuyết Luật*.

IV. KINH TÌM CẦU GÌ? (*Kimatthiyasutta*)[5] (*S*. IV. 253)

317. – Với mục đích gì, này Hiền giả Sāriputta, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?

– Này Hiền giả, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn với mục đích liễu tri khổ.

– Có con đường nào, có đạo lộ nào, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy?

– Có con đường, có đạo lộ, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy.

– Con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy?

– Đây là Thánh đạo tám ngành, này Hiền giả, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây là con đường, đây là đạo lộ, này Hiền giả, đưa đến liễu tri khổ ấy.

– Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến liễu tri khổ ấy. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để không phóng dật.

V. KINH ĐIỀU HÒA HƠI THỞ (*Assāsappattasutta*) (*S*. IV. 254)

318. – "Đạt đến điều hòa hơi thở, đạt đến điều hòa hơi thở", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở?

– Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ, cho đến như vậy là đạt được điều hòa hơi thở.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng đắc điều hòa hơi thở ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở ấy?

– Này Hiền giả, đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở ấy.

– Này Hiền giả, hiền thiện là con đường...

VI. KINH ĐIỀU HÒA HƠI THỞ TỐI THƯỢNG (*Paramassāsappattasutta*) (*S*. IV. 254)

319. – "Đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng, đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng?

– Này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *What Is It*? nghĩa là *Có cái gì*?

ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ, được giải thoát không có chấp thủ; cho đến như vậy, này Hiền giả, là sự chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc điều hòa hơi thở tối thượng ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì... (như kinh 318 ở trên).

VII. KINH CÂU HỎI VỀ THỌ (*Vedanāpañhāsutta*)[6] (*S*. IV. 255)

320. – "Thọ, thọ", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là thọ?

– Có ba thọ, này Hiền giả, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đây là những thọ này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri những thọ ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri những thọ ấy.

– Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến liễu tri những thọ ấy?... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

VIII. KINH CÂU HỎI VỀ LẬU HOẶC (*Āsavapañhāsutta*)[7] (*S*. IV. 256)

321. – "Lậu hoặc, lậu hoặc", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là lậu hoặc?

– Có ba lậu hoặc này, này Hiền giả, dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này Hiền giả, đây là ba lậu hoặc này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các lậu hoặc ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

IX. KINH CÂU HỎI VỀ VÔ MINH (*Avijjāpañhāsutta*)[8] (*S*. IV. 256)

322. – "Vô minh, vô minh", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là vô minh?

– Này Hiền giả, không biết rõ đối với khổ, không biết rõ đối với khổ tập khởi, không biết rõ đối với khổ đoạn diệt, không biết rõ đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, này Hiền giả, đây gọi là vô minh.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận vô minh ấy?

---

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Feeling*, nghĩa là *Thọ*.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Āsava*, nghĩa là *Lậu hoặc*.

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Ignorance*, nghĩa là *Vô minh*.

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận vô minh ấy? … (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

X. KINH CÂU HỎI VỀ KHÁT ÁI (*Taṇhāpañhāsutta*)[9] (*S*. IV. 257)

323. – "Khát ái, khát ái", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là khát ái?

– Có ba ái này, này Hiền giả, dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này Hiền giả, đây là ba khát ái này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các khát ái ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các khát ái ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XI. KINH CÂU HỎI VỀ BỘC LƯU (*Oghapañhāsutta*)[10] (*S*. IV. 257)

324. – "Bộc lưu, bộc lưu", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là bộc lưu?

– Có bốn bộc lưu này, này Hiền giả, dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu. Này Hiền giả, có bốn bộc lưu này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các bộc lưu ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XII. KINH CÂU HỎI VỀ CHẤP THỦ (*Upādānapañhāsutta*)[11] (*S*. IV. 258)

325. – "Thủ, thủ", này Hiền giả Sāriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là thủ?

– Có bốn thủ này, này Hiền giả, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này Hiền giả, đây là bốn thủ này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận bốn thủ ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XIII. KINH CÂU HỎI VỀ HỮU (*Bhavapañhāsutta*)[12] (*S*. IV. 258)

326. – "Hữu, hữu", này Hiền giả Sāriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là hữu?

– Có ba hữu này, này Hiền giả, dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này Hiền giả, đây là ba hữu này.

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Craving*, nghĩa là *Khát ái*.

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *Flood*, nghĩa là *Bộc lưu*.

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *Grasping*, nghĩa là *Chấp thủ*.

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Becoming*, nghĩa là *Hữu*.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận các hữu ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các hữu ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XIV. KINH CÂU HỎI VỀ KHỔ (*Dukkhapañhāsutta*)[13] (*S*. IV. 259)

327. – "Khổ, khổ", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là khổ?

– Có ba khổ tánh (*dukkhatā*) này, này Hiền giả, khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khổ tánh. Này Hiền giả, đây là ba khổ tánh này.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri các khổ tánh ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri các khổ tánh ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XV. KINH CÂU HỎI VỀ CÓ THÂN (*Sakkāyapañhāsutta*)[14] (*S*. IV. 259)

328. – "Có thân, có thân", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là có thân?

– Năm uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn gọi là có thân: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này Hiền giả, những thủ uẩn này được Thế Tôn gọi là có thân.

– Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri có thân ấy?

– Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri có thân ấy… (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

XVI. KINH CÂU HỎI VỀ KHÓ LÀM (*Dukkarapañhāsutta*)[15] (*S*. IV. 260)

329. – Này Hiền giả Sāriputta, trong Pháp, Luật này, cái gì là khó làm?

– Xuất gia, này Hiền giả, là điều khó làm trong Pháp, Luật này.

– Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, cái gì là khó làm?

– Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, hoan hỷ (*abhirati*) là điều khó làm.

– Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, cái gì là khó làm?

– Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, điều khó làm là sự thực hành đúng pháp và tùy pháp.

– Có lâu không, này Hiền giả, một người đã thực hành đúng pháp và tùy pháp có thể thành vị A-la-hán?

– Không lâu, này Hiền giả.

---

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Suffering*, nghĩa là *Khổ*.
[14] Bản tiếng Anh của PTS: *The Person-pack*, nghĩa là *Có thân*.
[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Hard to Do*, nghĩa là *Khó làm*.

39. TƯƠNG ƯNG SĀMAṆḌAKA
(*SĀMAṆḌAKASAṂYUTTA*)

I. KINH SĀMAṆḌAKA (*Sāmaṇḍakasutta*)[1] (*S*. IV. 261)

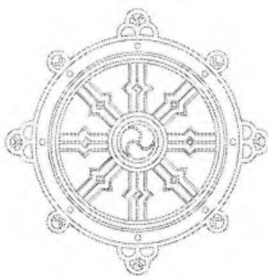
330. Một thời, Tôn giả Sāriputta ở giữa dân chúng Vajjī, trên bờ sông Hằng, tại Ukkacelā.

Rồi du sĩ Sāmaṇḍaka đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Sāmaṇḍaka thưa với Tôn giả Sāriputta:

– "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?... (như các kinh của chương IV chỉ thay thế "đạo lộ tám ngành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn").

II. KINH KHÓ LÀM (*Dukkarasutta*) (*S*. IV. 262)

331. (Như chương IV, kinh 329).



[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Nibbāna*, nghĩa là *Niết-bàn*.

40. TƯƠNG ƯNG MOGGALLĀNA
(*MOGGALLĀNASAṂYUTTA*)

I. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ NHẤT
(*Paṭhamajhānapañhāsutta*)[1] (*S.* IV. 262)

332. Một thời, Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Ở đấy, Tôn giả Mahāmoggallāna gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

– Ở đây, này chư Hiền, trong khi tôi độc cư thiền tịnh, tâm tưởng tư duy như sau được khởi lên nơi tôi: "Thiền thứ nhất, Thiền thứ nhất", được gọi là như vậy. Thế nào là Thiền thứ nhất?

Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Đây gọi là Thiền thứ nhất."

Rồi này chư Hiền, tôi ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với dục (*kāma*) được tác ý và hiện hành (*samudācaranti*).

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiền thứ nhất. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ nhất! Hãy định tâm vào Thiền thứ nhất!"

Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Mahāmoggallāna là người đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí."

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Together with Thought Directed*, nghĩa là *Với tầm.*

II. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ HAI
(*Dutiyajhānapañhāsutta*)[2] (*S*. IV. 263)

333. "Thiền thứ hai, Thiền thứ hai", được nói đến như vậy. Thế nào là Thiền thứ hai?

Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đây gọi là Thiền thứ hai."

Rồi này chư Hiền, tôi làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với tầm được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiền thứ hai. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ hai! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ hai! Hãy định tâm vào Thiền thứ hai!"

Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... (như kinh trên).

III. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ BA
(*Tatiyajhānapañhāsutta*)[3] (*S*. IV. 264)

334. "Thiền thứ ba, Thiền thứ ba", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ ba?

Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Đây gọi là Thiền thứ ba."

Rồi này chư Hiền, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với hỷ được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiền thứ ba! Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ ba! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ ba! Hãy định tâm vào Thiền thứ ba!"

Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba… (như kinh trên).

---

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Without Directed Thought*, nghĩa là *Không tầm.*

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *By Happiness*, nghĩa là *Với lạc*.

IV. KINH CÂU HỎI VỀ THIỀN THỨ TƯ
(*Catutthajhānapañhāsutta*)[4] (*S*. IV. 265)

335. "Thiền thứ tư, Thiền thứ tư", như vậy được nói đến. Như thế nào là Thiền thứ tư?

Này chư Hiền, rồi tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây gọi là Thiền thứ tư."

Rồi này chư Hiền, tôi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với lạc được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thiền thứ tư! Hãy nhất tâm vào Thiền thứ tư! Hãy định tâm vào Thiền thứ tư!"

Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, tôi xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh… (như kinh trên).

V. KINH CÂU HỎI VỀ KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
(*Ākāsānañcāyatanapañhāsutta*)[5] (*S*. IV. 266)

336. "Không vô biên xứ, Không vô biên xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Không vô biên xứ?

Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, biết rằng 'hư không là vô biên', chứng và trú Không vô biên xứ. Đây gọi là Không vô biên xứ."

Rồi này chư Hiền, đoạn tận sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, tôi biết rằng "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với sắc được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Không vô biên xứ. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Không vô biên xứ! Hãy nhất tâm vào Không vô biên xứ! Hãy định tâm vào Không vô biên xứ!"

Rồi này chư Hiền, trong một thời gian khác, vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, tôi biết rằng "hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ… (như kinh trên).

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Balanced*, nghĩa là *Xả*.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Space*, nghĩa là *Hư không*.

VI. KINH CÂU HỎI VỀ THỨC VÔ BIÊN XỨ
(***Viññāṇañcāyatanapañhāsutta***)[6] (*S*. IV. 266)

337. "Thức vô biên xứ, Thức vô biên xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Thức vô biên xứ?

Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây gọi là Thức vô biên xứ."

Rồi này chư Hiền, vượt qua Không vô biên xứ, tôi biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Không vô biên xứ được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Thức vô biên xứ. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Thức vô biên xứ! Hãy nhất tâm vào Thức vô biên xứ! Hãy định tâm vào Thức vô biên xứ!"

Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Không vô biên xứ, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ… (như kinh trên).

VII. KINH CÂU HỎI VỀ VÔ SỞ HỮU XỨ
(***Ākiñcaññāyatanapañhāsutta***)[7] (*S*. IV. 267)

338. "Vô sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Vô sở hữu xứ?

Này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây gọi là Vô sở hữu xứ."

Rồi này chư Hiền, sau khi vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Thức vô biên xứ được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Vô sở hữu xứ. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy nhất tâm vào Vô sở hữu xứ! Hãy định tâm vào Vô sở hữu xứ!"

Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, vượt qua Thức vô biên xứ, tôi biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ… (như kinh trên).

VIII. KINH CÂU HỎI VỀ PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ
(***Nevasaññānāsaññāyatanapañhāsutta***)[8] (*S*. IV. 268)

339. "Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Phi tưởng phi phi tưởng xứ?

---

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Consciousness*, nghĩa là *Thức*.
[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Nothingness*, nghĩa là *Vô sở hữu xứ*.
[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Neither Perceiving Nor Non Perceiving*, nghĩa là *Phi tưởng phi phi tưởng*.

Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

Rồi này chư Hiền, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, các tưởng câu hữu với Vô sở hữu xứ được tác ý và hiện hành.

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy nhất tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy định tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ!"

Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ… (như kinh trên).

IX. KINH CÂU HỎI VỀ VÔ TƯỚNG (*Animittapañhāsutta*)[9] (*S*. IV. 268)

340. "Vô tướng tâm định, vô tướng tâm định" (*animitto cetosamādhi*), như vậy được nói đến. Thế nào là vô tướng tâm định?

Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định. Đây gọi là vô tướng tâm định."

Rồi này chư Hiền, tôi không tác ý tất cả tướng, chứng và an trú vô tướng tâm định. Này chư Hiền, khi tôi trú với an trú này, [tôi đạt được] thức tùy thuận tướng (*nimittānusāri viññāṇaṃ*).[10]

Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "Này Moggallāna, này Moggallāna, chớ có phóng dật vô tướng tâm định! Này Bà-la-môn, hãy đặt tâm vào vô tướng tâm định! Hãy nhất tâm vào vô tướng tâm định! Hãy định tâm vào vô tướng tâm định!"

Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định.

Này chư Hiền, nếu ai có nói một cách chơn chánh: "Vị đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí", người ấy sẽ nói về tôi như sau: "Moggallāna là người đệ tử được bậc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí."

X. KINH SAKKA (*Sakkasutta*) (*S*. IV. 269)

341. Một thời, Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, như vậy biến mất ở Jetavana và hiện ra trước mặt chư thiên ở Tāvatiṃsa (Tam Thập Tam).

Rồi Thiên chủ Sakka (Đế-thích) cùng với năm trăm thiên nhơn đi đến

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *The Unconditioned*, nghĩa là *Vô tướng*.
[10] *Nimittānusāri viññānaṃ*: Thức còn bị tham, sân, si làm ô nhiễm. Xem *SnA*. II. 343.

Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi đứng một bên.

Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

– Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Phật; do nhân quy y Phật, này Thiên chủ, ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Pháp; do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ, ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y chúng Tăng; do nhân quy y chúng Tăng, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

– Lành thay, này Hiền giả Moggallāna, là quy y Phật; do nhân quy y Phật, này Hiền giả Moggallāna, ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Lành thay, này Hiền giả Moggallāna, là quy y Pháp... này Hiền giả Moggallāna, là quy y chúng Tăng; do nhân quy y chúng Tăng, thưa Hiền giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn...

Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn...

Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn...

Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn... (như kinh trên với những thay đổi cần thiết).

Rồi Thiên chủ Sakka với năm trăm thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Moggallāna rồi đứng một bên.

Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

– Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động (*aveccappasāda*) đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới.

Lành thay, này Thiên chủ, là lòng tin bất động đối với Pháp: Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu; do nhân đầy đủ lòng tin bất động như vậy đối với Pháp, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Tế hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính,

đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ hoàn toàn các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy, không bị phá hoại, không bị lấm tấm, không bị ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị ô nhiễm [bởi tham và si], đưa đến thiền định; do nhân đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

– Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, thưa Hiền giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Lành thay, này Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: Đây là Pháp được Thế Tôn khéo giảng... được người có trí tự mình giác hiểu; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp, thưa Hiền giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới.

Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: Tế hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng đệ tử của Thế Tôn, thưa Hiền giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy... đưa đến thiền định; do nhân đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính, thưa Hiền giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi đứng một bên.

Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

– Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... được sanh lên thiện thú, thiên giới.

– Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật... được sanh lên thiện thú, thiên giới.

Rồi Thiên chủ Sakka cùng với năm trăm thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna...

Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

– Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Phật; do nhân quy y Phật, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp hơn chư thiên khác: Thiên thọ mạng, thiên dung sắc, thiên an lạc, thiên danh dự, thiên địa vị, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là sự quy y Pháp; do nhân quy y Pháp, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là quy y Tăng; do nhân quy y Tăng, này Thiên chủ, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc.

– Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là quy y Phật... thiên xúc… (như kinh trên).

Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với năm trăm thiên nhơn đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi đứng một bên.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thiên chủ Sakka đang đứng một bên:

– Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... Thế Tôn; do nhân đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới. Họ có được mười pháp lợi hơn các chư thiên khác: Thiên thọ mạng... thiên xúc. Lành thay, này Thiên chủ, là đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp... lòng tin bất động đối với chúng Tăng... là đầy đủ các giới được bậc Thánh ái kính... thiên xúc.

– Lành thay, thưa Hiền giả Moggallāna, là đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật... thiên xúc.

Rồi Thiên chủ Sakka với sáu trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với bảy trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám trăm thiên nhơn...

Rồi Thiên chủ Sakka với tám ngàn thiên nhơn... thiên xúc.

XI. KINH CANDANA (*Candanasutta*) (*S.* IV. 280)

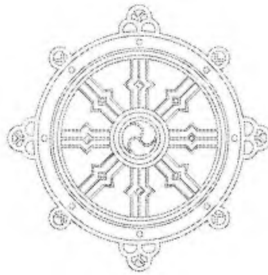
342. Rồi Thiên tử Candana...

Rồi Thiên tử Suyāma...

Rồi Thiên tử Santusita...

Rồi Thiên chủ Sunimmita...

Rồi Thiên tử Vasavatti... (như kinh trên).



41. TƯƠNG ƯNG CITTA
(*CITTASAṂYUTTA*)

I. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*S*. IV. 281)

343. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn đi khất thực, trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên:

– Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?

Ở đây, một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời:

– Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.

Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời:

– Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Citta đi đến Migapathaka để làm một số công việc phải làm. Cư sĩ Citta được nghe có một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn đi khất thực, trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?" Một số Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ." Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ."

Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Bạch chư Thượng tọa, [chúng con] được nghe có một số đông Tỷ-kheo trưởng lão, sau bữa ăn đi khất thực, trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ." Một số khác Tỷ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ."

– Có vậy, này cư sĩ.

– Bạch chư Thượng tọa, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa, con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.

Bạch chư Thượng tọa, ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: "Con bò đực đen là kiết sử của con bò đực trắng, và con bò đực trắng là kiết sử của con bò đực đen", nói như vậy có phải là nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, này cư sĩ. Này cư sĩ, con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng, và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ách, ở đây chính cái ấy là kiết sử.

– Cũng vậy, bạch chư Thượng tọa, con mắt không phải là trói buộc của các sắc, các sắc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là trói buộc của các tiếng... Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp, các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc.

– Lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Khéo lợi ích thay cho ông, này cư sĩ! Vì rằng tuệ nhãn của ông tiếp tục (*kamati*)[1] lời dạy thâm sâu của đức Phật.

II. KINH ISIDATTA THỨ NHẤT (*Paṭhamaisidattasutta*) (*S.* IV. 283)

344. Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

Rồi cư sĩ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị rồi ra đi.

Các vị Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của cư sĩ Citta; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn.

---

[1] *SA*. III. 91: *Kamati* = *Vahati*, *pavattati* (du hành, tiếp tục, bước đi, tiến tới). *Sn*. 31: *Dibbe pathe* (bước đi).

Cư sĩ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera:

– Thưa Tôn giả Thera, "giới sai biệt, giới sai biệt (*dhātunānatta*)",[2] được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt?

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Thera giữ im lặng.

Lần thứ hai, cư sĩ Citta thưa với Tôn giả Thera:

– Thưa Tôn giả Thera, "giới sai biệt, giới sai biệt", được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt?

Lần thứ hai, Tôn giả Thera giữ im lặng.

Lần thứ ba, gia chủ Citta thưa với Tôn giả Thera:

– Thưa Tôn giả Thera, "giới sai biệt, giới sai biệt", được nói đến như vậy. Bạch Thượng tọa, cho đến như thế nào, Thế Tôn nói đến giới sai biệt?

Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Isidatta là Tỷ-kheo tu mới nhất trong chúng Tỷ-kheo ấy.

Rồi Tôn giả Isidatta thưa với Tôn giả Thera:

– Bạch Thượng tọa, con xin trả lời câu hỏi ấy của cư sĩ Citta.

– Này Isidatta, hãy trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

– Này gia chủ, có phải ông hỏi: "'Giới sai biệt, giới sai biệt', bạch Thượng tọa Thera, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thượng tọa, Thế Tôn nói đến về giới sai biệt" chăng?

– Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

– Này gia chủ, Thế Tôn nói về giới sai biệt tánh như sau: "Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... Ý giới, pháp giới, ý thức giới." Cho đến như vậy, này cư sĩ, Thế Tôn nói về giới sai biệt tánh.

Gia chủ Citta, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Isidatta nói, tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidatta:

– Lành thay, này Hiền giả Isidatta, câu hỏi này đã được ông trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Này Hiền giả Isidatta, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên, Hiền giả hãy trả lời như vậy.

---

[2] Xem *S.* II. 140; IV. 113; *KS.* IV. 71 (kinh 129 ở trước).

III. KINH ISIDATTA THỨ HAI (*Dutiyaisidattasutta*) (*S*. IV. 285)

345. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trưởng lão trú ở Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

Rồi gia chủ Citta, sau khi biết các Tỷ-kheo trưởng lão đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão, thân phía hữu hướng về các vị ấy rồi ra đi.

Các Tỷ-kheo trưởng lão ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Citta; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi gia chủ Citta đi đến Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera:

– Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?” Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong *Kinh Phạm võng*. Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt?

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Thera im lặng.

Lần thứ hai, gia chủ Citta...

Lần thứ ba, gia chủ Citta bạch Tôn giả Thera:

– Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?” Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong *Kinh Phạm võng*. Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt?

Lần thứ ba, Tôn giả Thera giữ im lặng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Isidatta là Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo ấy.

Rồi Tôn giả Isidatta thưa với Tôn giả Thera:

– Bạch Thượng tọa, con xin trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

– Này Isidatta, hãy trả lời câu hỏi ấy của gia chủ Citta.

– Này gia chủ, có phải ông hỏi như sau: "Bạch Thượng tọa Thera, có một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: 'Thế giới là thường còn...' Bạch Thượng tọa, các tà kiến này do cái gì có mặt, chúng có mặt? Do cái gì không có mặt, chúng không có mặt" chăng?

– Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

– Này gia chủ, một số [tà] kiến này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn? Thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên? Sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác? Như Lai có tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Lại có thêm sáu mươi hai tà kiến này được nói lên trong *Kinh Phạm võng*. Này gia chủ, do thân kiến có mặt nên các tà kiến này có mặt, do thân kiến không có mặt nên chúng không có mặt.

– Bạch Thượng tọa, như thế nào là thân kiến có mặt?

– Ở đây, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không được thấy các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân. Họ quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; quán thọ như là tự ngã... tưởng... hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Như vậy, này gia chủ, là thân kiến có mặt.

– Và như thế nào, bạch Thượng tọa, là thân kiến không có mặt?

– Ở đây, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử được thấy các bậc Thánh, thuần phục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; được thấy các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị ấy không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc; không quán thọ... tưởng... hành... không quán thức như tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Như vậy, này gia chủ, là thân kiến không có mặt.

– Bạch Thượng tọa, Tôn đức Isidatta từ đâu đến?

– Này gia chủ, tôi từ Avanti[3] đến.

– Bạch Thượng tọa, tại Avanti, có một thiện nam tử tên Isidatta, một người bạn xa cách của chúng tôi, đã xuất gia tu hành?

– Thưa phải, này gia chủ.

[3] Avanti nằm về phía Bắc núi Vindhaya, trung tâm của học phái do Tôn giả Mahākaccāna lãnh đạo. Xem *Bl.* 1.

– Bạch Thượng tọa, hiện nay Tôn giả ấy ở đâu?

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Isidatta im lặng.

– Bạch Thượng tọa, có phải Tôn đức là Isidatta chăng?

– Thưa phải, này gia chủ.

– Vậy bạch Thượng tọa, Tôn đức Isidatta hãy thỏa thích ở tại Macchikāsaṇḍa. Khả ái là rừng Ambāṭaka! Con sẽ hết sức cố gắng để cúng dường Tôn đức Isidatta với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

– Thật là lời nói chí thiện,[4] này gia chủ.

Rồi gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời nói của Tôn giả Isidatta, tự tay làm thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Thera nói với Tôn giả Isidatta:

– Lành thay, này Hiền giả Isidatta, câu hỏi này đã được Hiền giả trả lời. Câu hỏi này không được ta trả lời. Này Hiền giả Isidatta, trong dịp khác, nếu câu hỏi tương tự khởi lên, Hiền giả hãy trả lời như vậy.

IV. KINH THẦN THÔNG LỰC MAHAKA
(*Mahakapāṭihāriyasutta*) (*S*. IV. 288)

346. Một thời, một số đông các Tỷ-kheo trưởng lão trú tại Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đảnh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời… (như kinh trên).

Rồi gia chủ Citta tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Các Tỷ-kheo trưởng lão sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ Citta, sau khi nói: "Hãy thâu lượm lại các đồ ăn dư tàn", liền đi theo sau lưng các Tỷ-kheo trưởng lão.

Lúc bấy giờ, trời nóng rất gay gắt[5] và các Tỷ-kheo trưởng lão ấy đi với thân như bị chảy thành nước[6] vì các vị ấy đã ăn bữa ăn đầy đủ.

---

[4] *Kalyāṇa vuccati:* Một cách từ chối tế nhị, thường là im lặng nhận lời.

[5] *SA*. III. 93: *Kuthitanti kudhitaṃ, heṭṭhā santattāya vālikāya upari ātapena ca atitikhiṇanti attho* (*Kuthita*: Nóng gay gắt; có nghĩa là trạng thái nóng bỏng, bên dưới thì cát nóng, bên trên thì ánh nắng mặt trời gay gắt).

[6] *Paveliyamānena. SA*. III. 93: *Paṭiliyamānena*. Xem chú thích trong *KS*. I. 129.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahaka là vị mới tu nhất giữa chúng Tỷ-kheo ấy. Rồi Tôn giả Mahaka thưa với Tôn giả Thera:

– Lành thay, bạch Thượng tọa Thera, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

– Lành thay, này Hiền giả Mahaka, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

Rồi Tôn giả Mahaka thực hành thần thông khiến cho gió mát thổi, cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

Rồi cư sĩ Citta suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo này lại có được thần thông lực như vậy."

Rồi Tôn giả Mahaka, sau khi đến ngôi vườn (tinh xá), liền nói với Tôn giả Thera:

– Bạch Thượng tọa Thera, như vậy là vừa rồi.

– Như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka.

Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão đi đến ngôi tinh xá, còn Tôn giả Mahaka đi đến tinh xá của mình.

Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Mahaka; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahaka rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta nói Tôn giả Mahaka:

– Lành thay, bạch Thượng tọa, nếu Tôn đức Mahaka thị hiện cho con thấy Thượng nhân pháp thần thông.

– Vậy này gia chủ, hãy trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ.

– Thưa vâng, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta vâng đáp Tôn giả Mahaka, cho trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ.

Rồi Tôn giả Mahaka vào trong tinh xá, gài then cửa lại, thực hành thần thông lực khiến cho ngọn lửa phun ra từ lỗ ống khóa và giữa các khe cửa, đốt cháy cỏ nhưng không đốt cháy thượng y.

Gia chủ Citta đập thượng y, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đứng một bên.

Rồi Tôn giả Mahaka từ tinh xá đi ra và nói với gia chủ Citta:

– Thôi, như vậy là vừa rồi, này gia chủ.

– Thôi, như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Bạch Thượng tọa, mong Tôn đức Mahaka hãy sống thoải mái ở tại Macchikāsaṇḍa. Khả ái là rừng Ambāṭaka! Con sẽ cố gắng cúng dường cho Tôn giả Mahaka các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

– Thật là lời nói chí thiện, này gia chủ!

Rồi Tôn giả Mahaka dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, đi ra khỏi Macchikāsaṇḍa, và như vậy từ biệt Macchikāsaṇḍa không còn trở lui lại nữa.

V. KINH KĀMABHŪ THỨ NHẤT (*Paṭhamakāmabhūsutta*) (*S*. IV. 291)

347. Một thời, Tôn giả Kāmabhū trú ở Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kāmabhū; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Kāmabhū rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Kāmabhū nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, lời này được nói đến:

Bộ phận được tinh thuần,
Mái trần che màu trắng,
Chỉ có một bánh xe,
Cỗ xe liên tục chạy.
Hãy xem vị đang đến,
Không vi phạm lỗi lầm,
Chặt đứt được dòng nước,
Không còn bị trói buộc.

Này gia chủ, lời nói vắn tắt này, ý nghĩa phải được hiểu như thế nào một cách rộng rãi?

– Bạch Thượng tọa, có phải lời nói này được Thế Tôn nói đến?

– Đúng vậy, này gia chủ.

– Vậy hãy chờ một lát, bạch Thượng tọa, con sẽ nghĩ đến ý nghĩa.

Rồi cư sĩ Citta, sau khi im lặng một lát, thưa với Tôn giả Kāmabhū:

– "Bộ phận được tinh thuần", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với các giới luật. "Mái trần che màu trắng", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với giải thoát. "Một bánh xe", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với niệm. "Liên tục chạy", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với đi tới đi lui. "Cỗ xe", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với cái thân do bốn đại tạo thành này, do cha mẹ sanh ra, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, bị biến hoại, bị tiêu mòn, bị tiêu hủy, bị hủy diệt. Tham, bạch Thượng tọa, là một lỗi lầm. Sân là một lỗi lầm. Si là một lỗi lầm. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không vi phạm lỗi lầm. "Vị đang đến", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với vị A-la-hán. "Dòng nước", bạch Thượng tọa, là đồng nghĩa với khát ái. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khát ái ấy được đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc được gọi là chặt đứt được dòng nước.

Tham, bạch Thượng tọa, là trói buộc. Sân là trói buộc. Si là trói buộc. Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, chúng được đoạn tận, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho

như thân cây Sa-la, không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Tỳ-kheo đoạn tận các lậu hoặc được gọi là không bị trói buộc.

Như vậy, bạch Thượng tọa, lời nói này được Thế Tôn nói đến:

Bộ phận được tinh thuần,
Mái trần che màu trắng,
Chỉ có một bánh xe,
Cỗ xe liên tục chạy.
Hãy xem vị đang đến,
Không vi phạm lỗi lầm,
Chặt đứt được dòng nước,
Không còn bị trói buộc.

Bạch Thượng tọa, lời nói vắn tắt này, ý nghĩa cần phải được hiểu rộng là như vậy.

– Lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Vì rằng tuệ nhãn của ông tiếp tục lời dạy thâm sâu của đức Phật.

VI. KINH KĀMABHŪ THỨ HAI (*Dutiyakāmabhūsutta*) (*S*. IV. 293)

348. Một thời, Tôn giả Kāmabhū trú tại Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kāmabhū; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Kāmabhū, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa Tôn giả Kāmabhū:

– Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu hành tất cả?

– Này gia chủ có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành.

– Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kāmabhū nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kāmabhū một câu hỏi nữa:

– Bạch Thượng tọa, thế nào là thân hành? Thế nào là khẩu hành? Thế nào là ý hành?

– Hơi thở vô, hơi thở ra, này gia chủ, là thân hành. Tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ là ý hành.

– Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kāmabhū nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kāmabhū một câu hỏi nữa:

– Vì sao, bạch Thượng tọa, thở vô thở ra là thân hành? Vì sao tầm và tứ là khẩu hành? Vì sao tưởng và thọ là ý hành?

– Thở vô thở ra, này gia chủ, thuộc về thân. Các pháp này liên hệ đến thân; do vậy, thở vô thở ra là thân hành. Trước phải tầm cầu, tư sát, này gia chủ, sau mới phát lời nói; do vậy, tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ thuộc về ý. Những pháp này liên hệ đến tâm; do vậy, tưởng và thọ là ý hành.

– Lành thay, bạch Thượng tọa.

... một câu hỏi nữa:

– Như thế nào, bạch Thượng tọa, là chứng Diệt thọ tưởng định?

– Này gia chủ, Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định không có nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định." Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.[7]

– Lành thay...

... một câu hỏi nữa:

– Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, những pháp nào được đoạn diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay ý hành?

– Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, khẩu hành được diệt trước, thứ đến thân hành, rồi đến ý hành.

– Lành thay...

... một câu hỏi nữa:

– Bạch Thượng tọa, người đã chết, đã mệnh chung, và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác gì?

– Đối với người đã chết, đã mệnh chung, này gia chủ, thân hành người ấy được đoạn diệt, được khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an; ý hành được đoạn diệt, được khinh an; thọ mạng được đoạn tận; sức nóng được tịnh chỉ; các căn bị hủy hoại. Còn Tỷ-kheo đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, thân hành được đoạn diệt, khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, khinh an; ý hành được đoạn diệt, khinh an; thọ mạng không bị đoạn tận; sức nóng không bị tịnh chỉ; các căn được trong sáng. Này gia chủ, người đã chết, đã mệnh chung và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác như vậy.

– Lành thay...

... một câu hỏi nữa:

– Như thế nào, bạch Thượng tọa, là ra khỏi Diệt thọ tưởng định?

– Này gia chủ, Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định không có suy nghĩ: "Tôi sẽ ra khỏi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang ra khỏi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định." Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

– Lành thay, bạch Thượng tọa...

... một câu hỏi nữa:

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, pháp nào khởi lên trước, thân hành, khẩu hành, hay ý hành?

---

[7] *Tathattāya upanetī*: Thành tựu như thật, chỉ cho Niết-bàn. Xem *S.* V. 90; *PC.* 338, n. 1.

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, ý hành khởi lên trước, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

– Lành thay, bạch Thượng tọa...

... một câu hỏi nữa:

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, cảm thọ được bao nhiêu xúc?

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định cảm thọ được ba xúc: Không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc.[8]

– Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ... một câu hỏi nữa:

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, tâm thiên về đâu, hướng về đâu, nghiêng về đâu?

– Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, tâm vị ấy thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, nghiêng về viễn ly.

– Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Kāmabhū nói rồi hỏi thêm câu hỏi nữa:

– Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu pháp giúp đỡ nhiều cho sự chứng đắc Diệt thọ tưởng định?

– Thật sự, này gia chủ, điều gia chủ cần phải hỏi trước, gia chủ lại hỏi sau. Tuy vậy, ta sẽ trả lời cho gia chủ. Này gia chủ, có hai pháp giúp đỡ rất nhiều cho Diệt thọ tưởng định được chứng đắc. Đó là chỉ và quán.

VII. KINH GODATTA (*Godattasutta*) (*S*. IV. 295)

349. Một thời, Tôn giả Godatta trú ở Macchikāsaṇḍa, tại rừng Ambāṭaka.

Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Godatta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Godatta rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Godatta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, Vô lượng tâm giải thoát, Vô sở hữu tâm giải thoát, Không tâm giải thoát,[9] vô tướng tâm giải thoát, những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ; hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?

– Bạch Thượng tọa, có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này khác nghĩa, khác ngôn từ. Bạch Thượng tọa, cũng có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ. Nhưng, bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ?

[8] *Suññato phasso*, *animitto phasso*, *appaṇihito phasso*. Xem *BPE*. 97ff. Vị ấy thanh tịnh hoàn toàn, không còn tham, sân, si; vượt thoát khỏi ba tướng thường, lạc, ngã; và nhờ kinh nghiệm sự khổ, không còn tham muốn, duy nhất chú tâm hướng đến Niết-bàn. *Chú giải* dựa vào *Vism*. 658.

[9] *Ākiñcañña*: Không có tư hữu hay tham ái.

Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Bạch Thượng tọa, đây gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

Và bạch Thượng tọa, như thế nào là Vô sở hữu tâm giải thoát? Ở đây, Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Bạch Thượng tọa, đây gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát.

Và bạch Thượng tọa, thế nào là Không tâm giải thoát? Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống và suy tư: "Cái này là trống không tự ngã hay ngã sở hữu." Bạch Thượng tọa, đây gọi là Không tâm giải thoát.

Và bạch Thượng tọa, thế nào là vô tướng tâm giải thoát? Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.

Và bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?

Tham dục (*rāga*) làm sự đo lường,[10] sân làm sự đo lường, si làm sự đo lường. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các Vô lượng tâm giải thoát,[11] Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

Tham dục, bạch Thượng tọa, là một chướng ngại,[12] sân là một chướng ngại, si là một chướng ngại. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các Vô sở hữu tâm giải thoát, Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất

[10] *Pamāṇakaraṇa*. *SA*. III. 100 giải thích là cách nhận biết một người. Chỉ khi nào tham, sân, si khởi lên mới biết bản tính người ấy như thế nào.
[11] *SA*. III. 100: Chỉ cho bốn đạo bốn quả.
[12] *Kiñcana* = *Palibodha*: Chướng ngại. Xem *Ud*. II. 6.

động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

Tham dục, bạch Thượng tọa, tác thành tướng, sân tác thành tướng, si tác thành tướng. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt đứt tận gốc rễ, bị làm như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các vô tướng tâm giải thoát, Bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng Bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si.

Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, do pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.

VIII. KINH NIGAṆṬHA NĀṬAPUTTA
(*Nigaṇṭhanāṭaputtasutta*) (*S.* IV. 297)

350. Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nāṭaputta[13] đã đi đến Macchikāsaṇḍa với đại chúng Nigaṇṭha.

Gia chủ Citta được nghe Nigaṇṭha Nāṭaputta đã đi đến Macchikāsaṇḍa với đại chúng Nigaṇṭha.

Rồi gia chủ Citta cùng với một số đông gia chủ khác đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta; sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm xã giao, sau khi nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu liền ngồi xuống một bên. Nigaṇṭha Nāṭaputta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

– Có phải, này gia chủ, ông tin tưởng vào lời dạy này của Sa-môn Gotama: "Có một định không tầm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ"?

– Thưa Tôn giả, ở đây tôi không có đặt lòng tin[14] vào Thế Tôn trong vấn đề: "Có một thiền định không tầm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ."

Được nghe nói vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói:

– Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật chánh trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư vọng là gia chủ Citta này! Ai nghĩ rằng tầm và tứ có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể trói được gió trong cái lưới. Ai nghĩ rằng tầm và tứ có thể đoạn diệt được tức là nghĩ rằng có thể dùng nắm tay của mình để chặn đứng dòng nước sông Hằng.

– Tôn giả nghĩ thế nào, thưa Tôn giả, cái gì thù thắng hơn, trí hay là lòng tin?

– Này gia chủ, trí thù thắng hơn lòng tin.

– Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, ly dục, ly bất thiện pháp, tôi chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nếu tôi

[13] Vị ấy là Vardhamāna, lãnh đạo giáo phái Ni-kiền tử. Xem *D.* I. 57.

[14] Nghĩa là không phải chỉ với lòng tin. *SA.* III. 100: Những ai chỉ với lòng tin vào giáo pháp vẫn chưa phải là người có trí.

muốn, thưa Tôn giả, tôi làm tịnh chỉ các tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi đoạn tận hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi có thể đoạn tận lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Biết như vậy, thưa Tôn giả, thấy như vậy, tôi sẽ đi đến lòng tin đối với bất cứ vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn nào rằng: "Có thiền định không tầm không tứ; có sự đoạn diệt các tầm và tứ."

Khi nghe nói vậy, Nigaṇṭha Nāṭaputta nhìn quanh hội chúng của mình và nói:

– Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật không chánh trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này!

– Thưa Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật chánh trực là gia chủ Citta này! Thật không hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật không hư vọng là gia chủ Citta này!" Và này, thưa Tôn giả, tôi hiểu lời nói của Tôn giả rằng: "Chư Tôn giả có thấy chăng? Thật không chánh trực là gia chủ Citta này! Thật hư ngụy là gia chủ Citta này! Thật hư vọng là gia chủ Citta này!"

Thưa Tôn giả, nếu lời nói đầu tiên của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói sau của Tôn giả là hư ngụy. Thưa Tôn giả, nếu lời nói sau của Tôn giả là chơn chánh, thời lời nói đầu của Tôn giả là hư ngụy. Thưa Tôn giả, có mười câu hỏi hợp lý này,[15] nếu Tôn giả hiểu ý nghĩa của chúng, thời Tôn giả đấm trả (*paṭihareyyāsi*) tôi một đấm cùng với chúng Nigaṇṭha. Một câu hỏi, một câu giải thích, một câu trả lời. Hai câu hỏi, hai câu giải thích, hai câu trả lời. Ba câu hỏi, ba câu giải thích, ba câu trả lời. Bốn câu hỏi, bốn câu giải thích, bốn câu trả lời. Năm câu hỏi, năm câu giải thích, năm câu trả lời. Sáu câu hỏi, sáu câu giải thích, sáu câu trả lời. Bảy câu hỏi, bảy câu giải thích, bảy câu trả lời. Tám câu hỏi, tám câu giải thích, tám câu trả lời. Chín câu hỏi, chín câu giải thích, chín câu trả lời. Mười câu hỏi, mười câu giải thích, mười câu trả lời.

Rồi gia chủ Citta không hỏi Nigaṇṭha Nāṭaputta mười câu hỏi hợp lý này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

IX. KINH LÕA THỂ KASSAPA (*Acelakassapasutta*)[16] (*S*. IV. 300)

351. Lúc bấy giờ, lõa thể Kassapa đã đi đến Macchikāsaṇḍa, một bạn cũ của gia chủ Citta khi còn là gia chủ.

Gia chủ Citta nghe lõa thể Kassapa, một bạn cũ của mình khi còn là gia chủ, đã đến Macchikāsaṇḍa.

Rồi gia chủ Citta đi đến lõa thể Kassapa; sau khi đến, nói lên với lõa thể Kassapa những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Citta nói với lõa thể Kassapa:

---

[15] *SA*. III. 100: *Sahadhammikā = Sakāraṇā*. Đây là 10 câu hỏi cho lớp tân học Sa-di. Xem *D*. I. 94.

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *The Unclothed* (*Ascetic*), nghĩa là *Lõa thể* (*đạo sĩ*).

– Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?

– Này gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm.

– Thưa Tôn giả, trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp Thượng nhân[17] nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào và được lạc trú?

– Này gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy, ta không chứng được và không được lạc trú một pháp Thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào, ngoại trừ sự lõa thể, sự trọc đầu, sự phủi bụi và đất cát.[18]

Khi nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với lõa thể Kassapa:

– Thật là bất tư nghì, thật là hy hữu, Chánh pháp được thuyết trong suốt ba mươi năm ấy, không chứng được, không được lạc trú một pháp Thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào!

– Này gia chủ, đã bao lâu ông làm người cư sĩ?

– Thưa Tôn giả, tôi thành người cư sĩ đã được ba mươi năm.

– Trong suốt ba mươi năm ấy, này gia chủ, ông có chứng được và được lạc trú pháp Thượng nhân nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào?

– Sao lại không vậy được, thưa Tôn giả! Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi tịnh chỉ tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, ly hỷ... tôi chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, đoạn tận lạc... tôi chứng và trú Thiền thứ tư. Nếu tôi mệnh chung sớm hơn Thế Tôn, thưa Tôn giả, không có gì lạ, nếu Thế Tôn sẽ nói về tôi như sau: "Không có một kiết sử nào, do bị trói buộc bởi kiết sử ấy, Citta trở lui tại thế giới này nữa."

Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa nói với gia chủ Citta:

– Thật là vi diệu, thưa Tôn giả! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả, Chánh pháp được khéo thuyết. Một gia chủ mặc áo trắng lại có thể chứng đạt được, lại có thể lạc trú pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh! Thưa gia chủ, hãy cho tôi được xuất gia trong Pháp, Luật này. Hãy cho tôi thọ Đại giới.

Rồi gia chủ Citta đưa lõa thể Kassapa đến một số Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Bạch chư Thượng tọa, lõa thể Kassapa này là một người bạn của chúng con khi chúng con còn là gia chủ. Chư Thượng tọa hãy cho người này xuất gia, cho thọ Đại giới. Con sẽ cố gắng cúng dường các vật liệu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

---

[17] *Uttarimanussadhammā*. *SA*. III. 100 giải thích 10 điều thiện (3 điều về thân, 4 điều về lời nói, 3 điều về ý nghĩ) thiết lập nên đời sống của một người hiền thiện.

[18] *Pavāḷanipphoṭanāyā*. *SA*. III. 100 giải thích là một bó lông công làm chổi quét bụi, sạn nơi chỗ đất ngồi; đây là một khổ hạnh của người tu theo phái lõa thể.

Lõa thể Kassapa được xuất gia trong Pháp và Luật này, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, vị ấy đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, tự mình chứng tri với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

X. KINH THĂM NGƯỜI BỆNH (*Gilānadassanasutta*) (*S.* IV. 302)

352. Lúc bấy giờ, gia chủ Citta bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

Rồi số đông chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng tụ hội lại và nói với gia chủ Citta:

– Này gia chủ, hãy nguyện: "Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh Vương!"

Khi được nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng:

– Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua.

Khi được nghe nói vậy, các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thống nói với gia chủ Citta:

– Này thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm, chớ có nói lung tung.

– Tôi nói với các vị những gì khiến các vị nói với tôi: "Này thiện gia nam tử, hãy an trú chánh niệm, chớ có nói lung tung"?

– Này thiện nam tử, vì ông nói như sau: "Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua."

– Vì rằng, chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên trú ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng đã nói với tôi như sau: "Này gia chủ, hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh Vương', cho nên tôi mới trả lời với họ: 'Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua.'"

– Này thiện gia nam tử, các chư thiên ở hoa viên... các cây trong rừng đã quán thấy ý nghĩa gì mà nói với ông: "Này gia chủ, hãy nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành Vua Chuyển Luân Thánh Vương'"?

– Các chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên trú ở rừng các dược thảo và các cây trong rừng ấy đã suy nghĩ như sau: "Gia chủ Citta này giữ giới, tánh thiện, nếu phát nguyện: 'Trong tương lai, ta sẽ thành vị Chuyển Luân Thánh Vương!' Tâm nguyện thanh tịnh, đúng pháp, sẽ làm cho thành công người trì giới, sẽ đem đến quả đúng pháp." Chư thiên ở hoa viên, chư thiên ở rừng, chư thiên ở cây, chư thiên ở rừng các dược thảo và các cây

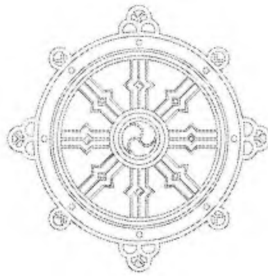
trong rừng ấy, do quán thấy ý nghĩa như vậy nên đã nói như sau: "Này gia chủ, hãy phát nguyện: 'Trong tương lai ta làm vị Chuyển Luân Thánh Vương.'" Do vậy, tôi nói với họ: "Cái ấy là vô thường, cái ấy là không thường hằng, cái ấy cần phải bỏ đi và vượt qua."

– Này thiện gia nam tử, hãy giáo giới cho chúng tôi.

– Vậy các ông cần phải học như sau: "Chúng tôi sẽ đầy đủ lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Vị ấy là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.' Chúng tôi sẽ có đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: 'Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.' Chúng tôi sẽ có đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: 'Thiện hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Như lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Thanh tịnh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng được tôn kính, đáng được cung kính, đáng được kính lễ, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời.' Tất cả những gì có thể đem cho trong gia tộc, tất cả phải đem cúng dường, phân phát cho những vị trì giới và có thiện tánh."

Như vậy, các ông cần phải học tập.

Khi gia chủ Citta khiến cho các bạn bè thân hữu, các bà con huyết thống có tịnh tín đối với đức Phật, đối với Pháp, đối với chúng Tăng và khuyên họ bố thí, vị ấy liền mệnh chung.



42. TƯƠNG ƯNG THÔN TRƯỞNG
(*GĀMAṆISAṂYUTTA*)

I. KINH CAṆḌA (*Caṇḍasutta*) (*S.* IV. 305)

353. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ).

Rồi thôn trưởng Caṇḍa bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây có người được gọi là tàn bạo? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có người được gọi là hiền lành (*sūrata*)?

– Ở đây, này thôn trưởng, có người tham dục chưa được đoạn tận; do tham dục (*rāga*) chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành, người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Sân chưa được đoạn tận; do sân chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành; người ấy do vậy được gọi là tàn bạo. Si chưa được đoạn tận; do si chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ; do bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành, người ấy do vậy được gọi là tàn bạo.

Này thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có người được gọi là tàn bạo.

Nhưng ở đây, này thôn trưởng, có người tham dục được đoạn tận; do tham dục được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Sân được đoạn tận; do sân đã được đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành. Si đã được đoạn tận; do si đã đoạn tận nên người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ; do không bị người khác làm cho phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành, người ấy do vậy được gọi là hiền lành.

Này thôn trưởng, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có người được gọi là hiền lành.

Được nghe nói vậy, thôn trưởng Caṇḍa bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật,

Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

II. KINH TĀLAPUṬA (*Tālapuṭasutta*) (*S*. IV. 306)

354. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Tālapuṭa, vũ kịch sư (*naṭagāmaṇi*), đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vũ kịch sư Tālapuṭa bạch Thế Tôn:

– Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười (*Pahāsadevā*)." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

– Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

Lần thứ hai, vũ kịch sư Tālapuṭa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

– Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

Lần thứ ba, vũ kịch sư Tālapuṭa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, các vị Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

– Thật sự, Ta đã không chấp nhận và nói rằng: "Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này." Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho ông.

Này vũ kịch sư, đối với những loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng tham, còn bị lòng tham trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp hấp dẫn, thời khiến lòng tham của họ càng tăng thịnh. Này vũ kịch sư, đối với những loại hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng sân, còn bị lòng sân trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến sân, thời khiến cho lòng sân của họ càng tăng thịnh. Này vũ kịch sư, đối với loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng si, còn bị lòng si trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến si, thời khiến cho lòng si của họ càng tăng thịnh.

Người ấy tự mình đắm say, phóng dật, làm người khác đắm say và phóng dật, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong địa ngục Hý Tiếu (*Pahāsa*). Nếu người ấy có [tà] kiến như sau: "Người vũ kịch nào, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh cộng trú với chư thiên hay cười", như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến, này vũ kịch sư, Ta nói rằng người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh.

Khi được nghe nói vậy, vũ kịch sư Tālapuṭa phát khóc và rơi nước mắt.

– Chính vì vậy, này vũ kịch sư, Ta đã không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này vũ kịch sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này."

– Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư vũ kịch thời trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn lầm lạc con rằng: "Người vũ kịch nào trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên hay cười."

Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới!

Vũ kịch sư Tālapuṭa được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới.

Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Tālapuṭa... trở thành một vị A-la-hán nữa.

III. KINH YODHĀJĪVA (*Yodhājīvasutta*) (*S.* IV. 308)

355. Rồi chiến đấu sư Yodhājīva đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, chiến đấu sư bạch Thế Tôn:

– Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarājita." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

– Thôi vừa rồi, này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba, chiến đấu sư Yodhājīva bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con được nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các

chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarājita." Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

– Thật sự, Ta đã không chấp nhận và [nói rằng]: "Thôi vừa rồi, này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này." Tuy vậy, Ta sẽ trả lời.

Này chiến đấu sư, đối với chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn, tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau: "Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!", hay: "Mong họ chớ có tồn tại!" Do vị ấy hăng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào địa ngục tên là Sarājita. Nếu người ấy có [tà] kiến như sau: "Vị chiến đấu viên nào giữa chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarājita", như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến này, này chiến đấu sư, Ta nói rằng, người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh.

Khi được nghe nói vậy, vị chiến đấu sư phát khóc, rơi nước mắt.

– Chính vì vậy, này chiến đấu sư, Ta không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này."

– Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư, các chiến đấu viên thuở trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn con lầm lạc, nói rằng: "Ai là chiến đấu viên giữa các chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên tên là Sarājita."

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH NGƯỜI CƯỠI VOI (*Hatthārohasutta*)[1] (*S.* IV. 310)

356. (Như kinh trên, chỉ khác là "vị tượng sư").

V. KINH NGƯỜI CƯỠI NGỰA (*Assārohasutta*)[2] (*S.* IV. 310)

357. (Như kinh trên, chỉ khác là "vị mã sư").

VI. KINH ASIBANDHAKAPUTTA (*Asibandhakaputtasutta*)[3] (*S.* IV. 311)

358. Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḷandā, tại vườn xoài Pāvārika.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Elephant*, nghĩa là *Voi*.
[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Horse*, nghĩa là *Ngựa*.
[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Westlander* (or *the Dead Man*), nghĩa là *Người ở Tây phương* (hay *Người đã chết*).

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (*sevāla*), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mạng chung, họ nhấc bổng và mang vị ấy ra ngoài (*uyyāpenti*), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới?

– Vậy, này thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi ông. Nếu ông kham nhẫn hãy trả lời.

Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, thiên giới?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ví như, này thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, có thể trồi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại

mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chắp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (*sappi*) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đấy, ghè ấy trở thành từng miếng vụn hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước, còn sữa đông hay dầu thời nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chắp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chắp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới.

Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH VÍ DỤ VỀ THỬA RUỘNG (*Khettūpamasutta*)[4] (*S.* IV. 314)

359. Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḷandā, tại vườn xoài Pāvārika.

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh và loài hữu tình?

– Đúng vậy, này thôn trưởng, Như Lai sống vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

– Nhưng vì sao, bạch Thế Tôn, đối với một số người, Thế Tôn thuyết pháp một cách hoàn toàn trọn vẹn; đối với một số người, Thế Tôn thuyết pháp không hoàn toàn trọn vẹn như vậy?

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Teaching*, nghĩa là *Giáo giới*.

– Vậy, này thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi ông, ông kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ở đây, một người cày ruộng có ba thửa ruộng, một loại tốt, một loại bậc trung, và một loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Người cày ruộng ấy muốn gieo hột giống, thời gieo ở thửa ruộng nào trước, ruộng tốt, hay ruộng bậc trung, hay ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc?

– Bạch Thế Tôn, người gia chủ cày ruộng muốn gieo hột giống, gieo vào thửa ruộng tốt; sau khi gieo ở đấy xong, lại gieo vào thửa ruộng loại trung; sau khi gieo ở đấy xong, vị ấy có thể gieo hay không gieo hạt giống vào thửa ruộng loại xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc. Vì sao? Tối thiểu cũng có thể làm món ăn cho các trâu bò.

– Ví như thửa ruộng tốt, này thôn trưởng, là các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Đối với họ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

Ví như thửa ruộng loại trung, này thôn trưởng, là các vị nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

Ví như thửa ruộng xấu, đất cứng, có chất muối, đất độc, này thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Vì rằng, nếu họ hiểu được chỉ một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Ví như, này thôn trưởng, một người có ba bình nước, một bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước; một bình nước không nứt rạn, nhưng chảy nước và thấm nước; một bình nước nứt rạn, chảy nước, thấm nước. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Nếu có người muốn chứa nước, người ấy sẽ chứa nước ở đâu trước, người ấy chứa bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước, hay bình nước không nứt rạn, nhưng chảy nước và thấm nước, hay bình nước nứt rạn, chảy nước và thấm nước?

– Bạch Thế Tôn, người ấy muốn chứa nước, người ấy sẽ chứa vào bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước. Sau khi chứa nước vào đấy rồi, người ấy mới chứa nước vào bình nước không nứt rạn nhưng chảy nước và thấm nước. Sau khi chứa nước vào đấy rồi, người ấy mới chứa nước hay không chứa nước vào bình nước bị nứt rạn, bị chảy nước, bị thấm nước. Vì sao? Vì ít nhất cũng có thể dùng để rửa vật dụng.

– Ví dụ với bình nước không nứt rạn, không chảy nước, không thấm nước, này thôn trưởng, là các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ sống lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

Ví dụ với cái bình nước không nứt rạn nhưng chảy nước và thấm nước, này thôn trưởng, là các nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Này thôn trưởng, vì họ lấy Ta làm ngọn đèn, lấy Ta làm hang ẩn, lấy Ta làm chỗ che chở, lấy Ta làm chỗ nương tựa.

Ví dụ với cái bình nước bị nứt rạn, bị chảy nước, bị thấm nước, này thôn trưởng, là các ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, du sĩ. Ta thuyết pháp cho họ, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày cho họ biết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Vì sao? Vì rằng, nếu họ chỉ hiểu được một câu, như vậy là họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH NGƯỜI THỔI TÙ VÀ (*Saṅkhadhamasutta*)[5] (*S.* IV. 317)

360. Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḷandā, tại vườn xoài Pāvārika.

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của phái Ni-kiền tử, đi đến Thế Tôn...

Thế Tôn nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

– Này thôn trưởng, Nigaṇṭha Nāṭaputta thuyết pháp như thế nào cho chúng đệ tử?

– Bạch Thế Tôn, Nigaṇṭha Nāṭaputta thuyết pháp cho chúng đệ tử như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, theo chiều hướng ấy, sanh thú của họ sẽ như vậy." Như vậy, bạch Thế Tôn, Nigaṇṭha Nāṭaputta thuyết pháp cho các đệ tử.

– Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của họ sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sát hại sanh mạng, hay thời vị ấy không sát hại sanh mạng?

---

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *The Conch*, nghĩa là *Vỏ ốc*.

– Bạch Thế Tôn, có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, là thời vị ấy sát hại sanh mạng; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sát hại sanh mạng.

– Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy lấy của không cho hay thời vị ấy không lấy của không cho?

– Bạch Thế Tôn, có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy lấy của không cho; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không lấy của không cho.

– Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục hay thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục?

– Bạch Thế Tôn, có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục.

– Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không có ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Có người sống nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy nói láo hay thời vị ấy không nói láo?

– Bạch Thế Tôn, có người nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời này là ít hơn, thời vị ấy nói láo; và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không nói láo.

– Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này thôn trưởng, theo chiều hướng ấy, sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigaṇṭha Nāṭaputta.

Ở đây, này thôn trưởng, có vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Này thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy.

Vị ấy suy nghĩ: "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sát hại sanh mạng tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Nay ta có sát hại một sanh mạng. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.'" Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.' Nay ta có lấy của không cho. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.' Nay ta sống theo tà hạnh trong các dục. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy. "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục.' Nay ta nói láo, như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào địa ngục như vậy.

Ở đây, này thôn trưởng, Như Lai sanh ra ở đời, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Chớ có sát sanh"; chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: "Chớ có lấy của không cho"; chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục và nói: "Chớ có sống theo tà hạnh trong các dục"; chỉ trích, công kích nói láo và nói: "Chớ có nói láo." Này thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy. Vị ấy suy tư như sau:

"Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: 'Chớ có sát sanh.' Nay ta có sát hại như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên (*nasuṭṭhu*), như vậy là không tốt. Và do duyên ấy, ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa.'" Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ sát sanh. Và trong tương lai, người ấy đình chỉ sát sanh. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

"Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: 'Chớ có lấy của không cho.' Nay ta có lấy của không cho như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên, như vậy là không tốt. Và do duyên ấy, ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa.'" Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ lấy của không cho. Và trong tương lai, người ấy đình chỉ lấy của không cho. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

"Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục..."

"Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích nói láo..."

Do đoạn tận sát sanh, người ấy trở thành người không sát sanh. Do đoạn tận lấy của không cho, người ấy trở thành người không lấy của không cho. Do đoạn tận sống theo tà hạnh trong các dục, người ấy trở thành người không sống theo tà hạnh trong các dục. Do đoạn tận nói láo, người ấy trở thành người từ bỏ nói láo. Do đoạn tận nói hai lưỡi, người ấy trở thành người từ bỏ nói hai lưỡi. Do đoạn tận nói lời độc ác, người ấy trở thành người từ bỏ nói lời độc ác. Do đoạn tận nói lời phù phiếm, người ấy trở thành người từ bỏ nói lời phù phiếm. Đoạn tận tham, không có tham lam, đoạn tận sân, không có sân tâm, đoạn tận tà kiến, người ấy trở thành người theo chánh kiến. Này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với từ, sống biến mãn một phương; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Ví như, này thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và [bằng con ốc], với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này thôn trưởng, tu tập từ tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phàm nghiệp làm có hạn lượng; ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại. Này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, sống biến mãn một phương; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Ví như, này thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và, với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này thôn trưởng, tu tập xả tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phàm nghiệp làm có hạn lượng; ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại.

Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH GIA TỘC (*Kulasutta*) (*S*. IV. 322)

361. Một thời, Thế Tôn du hành ở giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến Nāḷandā. Tại đây, Thế Tôn trú ở Nāḷandā, tại vườn xoài Pāvārika.

Lúc bấy giờ, Nāḷandā đang bị đói kém, khó để lo miệng sống,[6] xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ (*salākāvutta*).

Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nātaputta sống ở Nāḷandā với đại chúng Nigaṇṭha.

[6] *Dvīhitika. SA*. III. 106 giải thích đó là một tình huống tiến thoái lưỡng nan, rằng: "Chúng ta sẽ sống hay chúng ta sẽ không sống?"

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của Nigaṇṭha Nāṭaputta, đi đến Nigaṇṭha Nāṭaputta; sau khi đến, đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Nigaṇṭha Nātaputtta nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

– Hãy đến, này thôn trưởng, hãy đến cật vấn Sa-môn Gotama. Như vậy, tiếng đồn tốt đẹp sẽ được lan khắp về ông: "Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị thôn trưởng Asibandhakaputta cật vấn!"

– Thưa Tôn giả, làm thế nào con có thể cật vấn Sa-môn Gotama, một vị có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

– Hãy đến, này thôn trưởng, hãy đến Sa-môn Gotama; sau khi đến nói với Sa-môn Gotama như sau:

"Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình?"

Này thôn trưởng, được hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như sau:

"Đúng như vậy, này thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình."

Thời ông hỏi Sa-môn Gotama:

"Vậy vì sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nāḷandā đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia đình."

Như vậy, này thôn trưởng, bị ông hỏi với câu hỏi có hai đầu nhọn, Sa-môn Gotama không có thể nhổ ra, cũng như không có thể nuốt xuống.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thôn trưởng Asibandhakaputta vâng đáp Nigaṇṭha Nāṭaputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Nigaṇṭha Nāṭaputta, thân phía hữu hướng về ngài rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thôn trưởng đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Có phải, bạch Thế Tôn, Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình?

– Đúng vậy, này thôn trưởng, Như Lai dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, tán thán bảo vệ các gia đình, tán thán lòng từ mẫn với các gia đình.

– Vậy vì sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn cùng đại chúng Tỷ-kheo lại du hành tại Nāḷandā đói kém, khó để lo miệng sống, xương trắng đầy tràn, lúa chỉ còn cọng rạ? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia đình.

– Này thôn trưởng, Ta nhớ từ chín mươi mốt kiếp về trước, Ta không hề biết đã có làm hại một gia đình cho đến một bữa cơm nấu cúng dường. Các gia đình ấy đều rất giàu, tiền của nhiều, tài sản nhiều, vàng bạc nhiều, vật dụng nhiều, ngũ cốc nhiều. Tất cả tài sản ấy được thâu hoạch do bố thí, được thâu hoạch một cách chân thật, được thâu hoạch một cách tự chế.

Này thôn trưởng, có tám nhân, có tám duyên làm tổn hại các gia đình. Do quốc vương, các gia đình đi đến tổn hại; hay do trộm cướp, các gia đình đi đến tổn hại; hay do lửa, các gia đình đi đến tổn hại; hay do nước, các gia đình đi đến tổn hại; hay họ tìm không được tiền của giấu cất; hay do biếng nhác, họ bỏ bê công việc; hay trong gia đình khởi lên kẻ phá hoại gia đình,[7] người ấy phân tán (*vikirati*), phá hoại (*vidhamati*), làm tổn hại (*viddhaṃseti*); và vô thường là thứ tám. Này thôn trưởng, chính tám nhân, tám duyên này làm tổn hại các gia đình.

Này thôn trưởng, vì rằng tám nhân này, tám duyên này có mặt, có hiện hữu, nếu ai nói về Ta như sau: "Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành bất hạnh cho các gia đình, thực hành tổn hại cho các gia đình", thời này thôn trưởng, nếu người ấy không bỏ lời nói ấy, không bỏ tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, chắc chắn (*yathābhataṃ*) người ấy sẽ bị ném vào địa ngục như vậy.

Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

X. KINH MAṆICŪḶAKA (*Maṇicūḷakasutta*) (*S*. IV. 325)

362. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, trong cung vua, quần thần nhà vua đang ngồi tụ họp, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn thuộc dòng Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc."

Lúc bấy giờ, thôn trưởng Maṇicūḷaka[8] đang ngồi trong hội chúng ấy.

Rồi thôn trưởng Maṇicūḷaka thưa với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc." Nhưng thôn trưởng Maṇicūḷaka không thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

Rồi thôn trưởng Maṇicūḷaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thôn trưởng Maṇicūḷaka bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong cung vua, một số quần thần nhà vua đang ngồi

[7] Tức nói phá hoại tài sản của gia đình.

[8] Maṇicūḷaka nghĩa đen là viên minh châu trên đầu. Đây là tên của vị thôn trưởng Maṇicūḷaka.Vị này góp phần đưa ra quyết định tổ chức kỳ Kiết tập kinh điển lần thứ 2 ở Vesāli. Xem *Vin*. II. 296.

tụ họp, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc." Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc." Nhưng bạch Thế Tôn, con không thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

Trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, không biết con có nói đúng lời Thế Tôn? Con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật? Con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?

– Trả lời như vậy, này thôn trưởng, ông nói đúng lời của Ta. Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật. Ông đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích.

Này thôn trưởng, các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc. Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục công đức. Đối với ai được phép dùng năm dục công đức, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp. Này thôn trưởng, Ta nói như sau: "Cỏ được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỏ. Củi được đi tìm cầu bởi ai cần đến củi. Cỗ xe được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỗ xe. Người được đi tìm cầu bởi ai cần đến người." Nhưng này thôn trưởng, không bất cứ một lý do gì Ta nói rằng vàng, bạc được chấp nhận, được tìm cầu.

XI. KINH BHADRAKA (*Bhadrakasutta*)[9] (*S.* IV. 327)

363. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallā, tại Uruvelakappa, một thị trấn của dân chúng Mallā.

Rồi thôn trưởng Bhadraka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Bhadraka bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết cho con về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ!

– Này thôn trưởng, nếu y cứ vào thời quá khứ, Ta thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ, nói rằng: "Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ", ở đây, ông sẽ phân vân, sẽ có nghi ngờ. Này thôn trưởng, nếu y cứ vào thời vị lai, Ta thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ, nói rằng: "Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai", ở đây, ông sẽ có phân vân, sẽ có nghi ngờ. Nhưng nay Ta ngồi chính ở đây, này thôn trưởng, với ông cũng ngồi ở đây, Ta

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Lucky* (or *Bhagandha Haṭṭhaha*), nghĩa là *Hiền thiện* (hay *Bhagandha Haṭṭhaha*).

sẽ thuyết cho ông về sự tập khởi và sự chấm dứt của khổ. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thôn trưởng Bhadraka vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn. Ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì con có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Này thôn trưởng, ở tại Uruvelakappa này có những người, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng ông không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Thưa có, bạch Thế Tôn, ở tại Uruvelakappa có những người, nếu họ bị giết, hay bị tù, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Do nhân gì, do duyên gì, này thôn trưởng, đối với một số người ở tại Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não? Do nhân gì, do duyên gì, này thôn trưởng, đối với một số người ở Uruvelakappa, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng ông không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Đối với một số người ở tại Uruvelakappa, bạch Thế Tôn, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích thì con có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não là vì con có dục và tham đối với họ. Nhưng đối với một số người ở tại Uruvelakappa, bạch Thế Tôn, nếu họ bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích nhưng con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não là vì con không có dục và tham đối với họ.

– Ông nói: "Con có lòng dục và tham đối với họ. Con không có lòng dục và tham đối với họ." Này thôn trưởng, có phải được thấy, được biết, được đạt tới tức thời, được thể nhập nhờ pháp này, ông uốn nắn phương pháp (*naya*) theo phương pháp ấy đối với quá khứ, vị lai? Nếu có khổ nào khởi lên trong quá khứ, tất cả khổ ấy khởi lên lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ. Phàm có khổ nào khởi lên trong tương lai, tất cả khổ ấy khởi lên lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, lời nói này của Thế Tôn: "Phàm có khổ gì khởi lên, tất cả khổ ấy khởi lên đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ."

Bạch Thế Tôn, con có người con trai tên là Ciravāsi, sống xa ở đây. Khi giờ nó dậy, bạch Thế Tôn, con cử người đi và nói: "Này ông, hãy đi và hỏi thăm

đứa trẻ Ciravāsi.” Cho đến khi người ấy trở về, bạch Thế Tôn, con ở trong tình trạng bồn chồn, hồi hộp: “Không biết đứa trẻ Ciravāsi có bệnh tật gì không?”

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, nếu đứa trẻ Ciravāsi của ông bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, nếu đứa con trai Ciravāsi của con bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì làm sao con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não được?

– Với pháp môn này, này thôn trưởng, cần phải hiểu như sau: “Phàm có khổ nào khởi lên, tất cả khổ ấy đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ.”

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, nếu ông không thấy, không nghe mẹ của Ciravāsi, thời ông có lòng dục, hay lòng tham, hay lòng ái đối với mẹ của Ciravāsi không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này thôn trưởng, khi ông thấy được, này thôn trưởng, khi ông nghe được, thời ông có lòng dục, hay lòng tham, hay lòng ái đối với mẹ của Ciravāsi không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, nếu mẹ của Ciravāsi bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì ông có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, nếu mẹ của Ciravāsi bị giết, hay bị bắt, hay bị thiệt hại, hay bị chỉ trích, hay sinh mạng bị đổi khác thì làm sao con không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não được?

– Với pháp môn này, này thôn trưởng, cần phải hiểu biết như sau: “Phàm có khổ gì khởi lên, tất cả khổ ấy đều lấy dục làm căn bản, lấy dục làm sở nhân. Dục là căn bản của khổ.”

XII. KINH RĀSIYA (*Rāsiyasutta*) (*S.* IV. 330)

364. Một thời, thôn trưởng Rāsiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thôn trưởng Rāsiya bạch Thế Tôn:

– Con có nghe rằng Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi người sống khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ. Những người nói như vậy, bạch Thế Tôn, không biết có nói đúng với lời Thế Tôn, không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, trả lời thuận pháp, đúng pháp, và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?

– Này thôn trưởng, những ai đã nói như sau: “Sa-môn Gotama chỉ trích tất cả khổ hạnh, bài bác, chống báng hoàn toàn mọi người sống khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ”; họ nói không đúng lời Ta nói, họ xuyên tạc Ta với điều không thật, với điều không chơn chánh.

I

Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên thực hành: Một là say đắm dục lạc đối với các dục vọng hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích; hai là hành hạ tự thân, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Từ bỏ hai cực đoan này là con đường Trung đạo, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Thế nào là con đường Trung đạo ấy, này thôn trưởng, đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, này thôn trưởng, được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

II

Này thôn trưởng, có ba hạng người hưởng thọ vật dục có mặt ở trong đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp

pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ, và làm các công đức. Và người ấy hưởng thọ với tâm tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, không với trí tuệ xuất ly.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Và người ấy hưởng thọ với tâm không tham trước, không say đắm, không phạm tội, thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly.

III

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Này thôn trưởng, người hưởng thọ vật dục này về ba phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Về hai phương diện gì bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Về một phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán. Về một phương diện gì người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Về phương diện gì người ấy được tán thán? Người ấy tự mình vui vẻ, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích. Một phương diện gì được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán. Về ba phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không tự mình vui sướng, không hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về ba phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản một cách hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, nhưng không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp

pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Thế nào là một phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tìm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, về một phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ và không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích. Về một phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện này, người ấy được tán thán. Về hai phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy không tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về một phương diện được tán thán, về hai phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, có người hưởng thọ vật dục, này thôn trưởng, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, không san sẻ, không làm các công đức. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy không san sẻ, không làm các công đức, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về hai phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản một cách tham trước, say đắm, phạm tội, không

thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ không xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích. Về ba phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy với tâm tham trước, say đắm, phạm tội, không thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ không xuất ly, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về ba phương diện được tán thán, về một phương diện bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người hưởng thọ vật dục, tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, san sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly. Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán. Về bốn phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy tìm cầu tài sản hợp pháp và không dùng sức mạnh, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy tự mình vui sướng, hoan hỷ, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán. Người ấy san sẻ và làm các công đức, về phương diện thứ ba này, người ấy được tán thán. Người ấy hưởng thọ tài sản ấy không có tham trước, không có say đắm, không có phạm tội, thấy sự nguy hiểm, và với trí tuệ xuất ly, về phương diện thứ tư này, người ấy được tán thán.

Người hưởng thọ vật dục này, này thôn trưởng, về bốn phương diện được tán thán.

IV

Này thôn trưởng, có ba hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, hiện sống ở đời.

Này thôn trưởng, có hạng người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, do lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!" Vị ấy tự mình hành xác, hành khổ, nhưng không chứng được thiện pháp nào, không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh nào.

Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!" Người ấy tự mình hành xác, hành khổ,

chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nghĩ rằng: "Mong rằng ta chứng được thiện pháp! Mong rằng ta chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!" Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

V

Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, không chứng được thiện pháp, không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về ba phương diện bị chỉ trích. Thế nào là về ba phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng đắc thiện pháp, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ ba này, người ấy bị chỉ trích.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về ba phương diện này bị chỉ trích.

Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán. Thế nào là về hai phương diện người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện thứ nhất này, người ấy bị chỉ trích. Người ấy không chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy bị chỉ trích. Thế nào là về một phương diện người ấy được tán thán? Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về hai phương diện bị chỉ trích, về một phương diện được tán thán.

Ở đây, này thôn trưởng, có người tu khổ hạnh, sống khắc khổ, tự mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, và chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán. Về một phương diện nào người ấy bị chỉ trích? Người ấy tự mình hành xác, hành khổ, về phương diện này, người ấy bị chỉ trích. Về hai phương diện nào người ấy được tán thán? Người ấy chứng được thiện pháp, về phương diện thứ nhất này, người ấy được tán thán. Người ấy chứng ngộ pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, về phương diện thứ hai này, người ấy được tán thán.

Người tu khổ hạnh, sống khắc khổ này, này thôn trưởng, về một phương diện bị chỉ trích, về hai phương diện được tán thán.

VI

Này thôn trưởng, có ba pháp thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Thế nào là ba?

Phàm người tham dục (*rāga*), do nhân tham dục, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi tham dục được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những [quả này] thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

Phàm người sân hận, do nhân sân hận, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi sân hận được đoạn tận, người ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những [quả này] thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

Phàm người si mê, do nhân si mê, nghĩ đến tự hại, nghĩ đến hại người khác, nghĩ đến hại cả hai. Khi si mê được đoạn tận, vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người khác, không nghĩ đến hại cả hai. Như vậy, những [quả này] thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

Ba pháp này, này thôn trưởng, thiết thực hiện tại, không có già lão, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Rāsiya bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XIII. KINH PĀṬALIYA (*Pāṭaliyasutta*)[10] (*S.* IV. 340)

365. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Uttara.

Rồi thôn trưởng Pāṭaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thôn trưởng Pāṭaliya bạch Thế Tôn:

– Con được nghe rằng, bạch Thế Tôn, Sa-môn Gotama biết huyễn thuật (*māyā*). Bạch Thế Tôn, những ai nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật, những người ấy, bạch Thế Tôn, có nói đúng với lời Thế Tôn hay không? Họ không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, họ trả lời đúng pháp, tùy pháp

[10] Pāṭaliya gāma: Tên thành phố Patna ngày nay của Ấn Độ.

(*sahadhammiko*)? Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có lý do gì để chỉ trích. Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn chống báng Thế Tôn (*abbhakkhāti*).

– Những ai nói rằng, này thôn trưởng, Sa-môn Gotama biết huyễn thuật, những người ấy nói đúng lời nói của Ta. Họ không xuyên tạc Ta với điều không thật. Họ nói lời đúng pháp, tùy pháp. Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có lý do để chỉ trích.

– Như vậy là đúng sự thật, bạch Thế Tôn tuy rằng con không tin các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật. Như vậy, bạch Thế Tôn, cuối cùng Sa-môn Gotama là người sống theo huyễn thuật.

– Ai nói rằng: "Như Lai biết huyễn thuật", người ấy có nói rằng Như Lai là người sống theo huyễn thuật, nói rằng như vậy là Thế Tôn, như vậy là Thiện Thệ? Vậy này thôn trưởng, về vấn đề này Ta sẽ hỏi ông. Nếu có thể kham nhẫn, ông có thể trả lời.

I

1) Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ông có biết, này thôn trưởng, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống?

– Con có biết, bạch Thế Tôn, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống.

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Dùng vào mục đích gì mà những người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống?

– Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala được dùng để chế ngự các người ăn trộm và để mang đi các tin tức cho dân chúng Kosala. Được dùng vào mục đích ấy, bạch Thế Tôn, là những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala.

– Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ông có biết những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người trì giới hay là những người ác giới?

– Con được biết, bạch Thế Tôn, những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nếu có những người theo ác giới, theo ác pháp ở đời, chính là những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala, không có ai khác.

– Này thôn trưởng, nếu có ai nói rằng: "Thôn trưởng Pāṭaliya biết được những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là người ác giới, theo ác pháp, thời thôn trưởng Pāṭaliya cũng là người theo ác giới, theo ác pháp", người nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn. Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là khác; còn con là khác. Tự tánh của những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là khác; tự tánh của con là khác.

– Này thôn trưởng, ông sẽ được tiếng như sau: "Thôn trưởng Pāṭaliya biết rằng, các người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nhưng thôn trưởng Pāṭaliya không phải là người có ác giới, theo ác pháp." Như vậy, tại sao Như Lai lại không được tiếng rằng Như Lai là người biết huyễn thuật, nhưng Như Lai không phải là người sống theo huyễn thuật? Này thôn trưởng, Ta rõ biết huyễn thuật và quả dị thục của huyễn thuật. Và thực hành như thế nào mà một người làm huyễn thuật, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ta rõ biết như vậy.

2) Này thôn trưởng, Ta rõ biết sát sanh và quả dị thục của sát sanh. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sát sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết lấy của không cho và quả dị thục của lấy của không cho. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người lấy của không cho, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết sự sống theo tà hạnh trong các dục và quả dị thục của sự sống theo tà hạnh trong các dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sống tà hạnh trong các dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói láo và quả dị thục của nói láo. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói láo, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói hai lưỡi và quả dị thục của nói hai lưỡi. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói hai lưỡi, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời độc ác và quả dị thục của nói lời độc ác. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời độc ác, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời phù phiếm và quả dị thục của nói lời phù phiếm. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời phù phiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết lòng tham dục và quả dị thục của lòng tham dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng tham dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết lòng sân hận và quả dị thục của lòng sân hận. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng sân hận, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, đọa ngục.

Này thôn trưởng, Ta rõ biết tà kiến và quả dị thục của tà kiến. Và Ta cũng

rõ biết một người có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

II

Này thôn trưởng, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai lấy của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai sống tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu. Ai nói láo; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu."

1) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai, khéo tắm, khéo thoa dầu sáp, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

"Này bạn, người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai, được khéo tắm, tóc râu chải chuốt, được nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đoạt mạng sống của kẻ đó. Nhà vua hoan hỷ đối với người ấy, nên đã thưởng cho người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai, được khéo tắm, khéo thoa dầu sáp, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua."

2) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này là kẻ thù của vua. Người này đã đoạt mạng sống một người đàn bà hay một người đàn ông. Do vậy, người của vua bắt người này và đối xử như vậy với người này."

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

– Ở đây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu", họ nói đúng sự thật hay nói láo?

– Bạch Thế Tôn, họ nói láo.

– Và những người nói lời hư ngụy, nói láo, họ là người trì giới hay ác giới.

– Là người ác giới, bạch Thế Tôn.

– Những người ác giới, theo ác pháp là tà hạnh hay chánh hạnh?

– Là tà hạnh, bạch Thế Tôn.

– Những người tà hạnh là những người có tà kiến hay có chánh kiến?

– Là những người có tà kiến, bạch Thế Tôn.

– Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

3) – Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đem về châu báu. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua."

4) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này đã từ làng hay từ ngôi rừng lấy những vật không cho, được gọi là ăn trộm. Do vậy, những người của nhà vua bắt người này và đối xử như vậy với người này."

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

– Ở đây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai lấy của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu." Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

5) – Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này có tà hạnh với những người vợ của kẻ thù nghịch của vua. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua."

6) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người ấy đã phạm tà hạnh với các phụ nữ và các con gái các gia đình. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy."

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

– Ở đây, này Thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai có tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu", họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

7) – Nhưng ở đây, này thôn trưởng, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người ấy, họ hỏi:

"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người này làm cho vua cười với lời nói láo. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua."

8) Nhưng này thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"Này bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các ông trả lời về người ấy như sau:

"Này bạn, người ấy do nói láo, đã phá hại tài sản của người gia chủ hay con của người gia chủ. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy."

Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào, ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

Ở đây, này thôn trưởng, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai nói láo; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu", họ nói đúng sự thật hay nói láo... (như trên)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

III

Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Con có một ngôi nhà nghỉ mát, tại đấy có những giường, có những chỗ ngồi, có những đèn dầu. Có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến trú ngụ tại đấy, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, con chia sẻ với các vị ấy. Thuở trước, bạch Thế Tôn, có bốn vị Đạo sư có quan điểm khác nhau, có [kham nhẫn] khác nhau, có sở thích khác nhau, đến trú ngụ tại ngôi nhà nghỉ mát ấy.

1) Một vị Đạo sư nói như sau,[11] thấy như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha; không có các loại hóa sanh; ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại."

2) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại."

3) Một vị Đạo sư nói như sau,[12] thấy như sau: "Tự làm, hay khiến người làm; chém giết, hay khiến người chém giết; đốt nấu, hay khiến người đốt nấu; gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn; gây ảo não, hay khiến người gây ảo não; tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi; sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo; do duyên như vậy, không có tội ác, không có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt; do duyên ấy, cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người

[11] Chủ trương Đoạn kiến của Ajita Kesakambala. Xem *D*. I. 55.
[12] Tà kiến của Pūraṇa Kassapa. Xem *D*. I. 55.

đốt nấu; do duyên ấy cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên ấy, không có công đức, không đi đến công đức."

4) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Tự mình làm hay khiến người làm; chém giết, hay tự mình chém giết; đốt nấu, hay khiến người đốt nấu; gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn; gây ảo não, hay khiến người gây ảo não; tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi; sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo; hành động như vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt; vì vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu có người đi đến bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, có tội ác; do duyên như vậy, có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên như vậy, có công đức, có đi đến công đức."

5) – Về vấn đề này, bạch Thế Tôn, con có phân vân, con có nghi ngờ. Giữa những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này, ai là người nói sự thật, ai là người nói láo?

– Thôi vừa rồi, này thôn trưởng, là sự phân vân của ông. Thôi vừa rồi, là sự nghi ngờ của ông. Chính do ở điểm phân vân mà nghi ngờ khởi lên.

– Bạch Thế Tôn, nhưng con có lòng tín thành như vậy đối với Thế Tôn. Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để sự phân vân này có thể đoạn diệt.

IV

– Này thôn trưởng, có pháp thiền định.[13] Ở đây, nếu ông chứng được tâm định thời ông có thể đoạn diệt sự phân vân này của ông. Và này thôn trưởng, thế nào là pháp thiền định?

1) Ở đây, này thôn trưởng, vị Thánh đệ tử sau khi đoạn tận sát sanh, vị ấy sống từ bỏ sát sanh. Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho. Sau khi đoạn tận tà hạnh trong các dục, vị ấy sống từ bỏ tà hạnh trong các dục. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi. Sau khi đoạn tận nói lời độc ác, vị ấy sống từ bỏ nói lời độc ác. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm. Sau khi đoạn tận tham dục, vị ấy sống từ bỏ lòng tham. Sau khi đoạn tận lòng sân, vị ấy sống từ bỏ lòng sân. Sau khi từ bỏ tà kiến, vị ấy sống theo chánh kiến.

Vị Thánh đệ tử ấy, này thôn trưởng, với lòng tham từ bỏ như vậy,[14] với lòng sân từ bỏ như vậy, không có lòng si, tỉnh giác, chánh niệm, sống biến mãn một

---

[13] *SA*. III. 110: *Dhammasamādhi* với 10 thiện pháp.
[14] Xem *S*. IV. 316; *KS*. IV. 223 (kinh 8 ở trước).

phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha; không có các loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại.' Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, ở đây cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ trì, lời nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, thiên giới." Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ được cảm giác; với người cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này thôn trưởng, đây là pháp thiền định. Ở đây, nếu ông được tâm định như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt.

2) Vị Thánh đệ tử ấy, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy, với lòng sân được từ bỏ như vậy, không có lòng si, sống tỉnh giác, chánh niệm, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự; có quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại.' Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì, vì ta không hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh. Ở đây, cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may. Thân ta được hộ trì. Lời nói ta được hộ trì. Ý ta được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, thiên giới." Với vị ấy, hân hoan sanh khởi... (như trên)... như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt.

3) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... hành động như vậy không có tội ác gì.' Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì..." (như trên)... như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt.

4) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương tâm câu hữu với từ... không hận, không sân. Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự mình làm hay khiến người

khác làm... (như trên)... do duyên ấy, có tội ác, có đi đến tội ác... do nhân duyên ấy, có công đức, có đi đến công đức." Nếu Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì..." (như trên)... như vậy, sự phân vân của ông được đoạn diệt.

V

1) Vị Thánh đệ tử, này thôn trưởng... (như đoạn (1) phần IV, kinh 365, chỉ khác, phần trước là "tâm câu hữu với từ", phần này là "tâm câu hữu với bi... tâm câu hữu với hỷ... tâm câu hữu với xả").

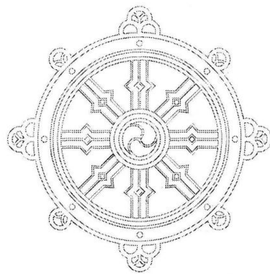
2) (Như đoạn (2) phần IV, kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với xả").

3) (Như đoạn (3) phần IV, kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với xả").

4) (Như đoạn (4) phần IV, kinh 365, chỉ khác phần này là "tâm câu hữu với bi... câu hữu với hỷ... câu hữu với xả").

Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng Pāṭaliya bạch Thế Tôn:

– Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn, thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.



43. TƯƠNG ƯNG VÔ VI
(*ASAṄKHATASAṂYUTTA*)

PHẦN MỘT

PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

I. KINH NIỆM THÂN (*Kāyagatāsatisutta*)[1] (*S*. IV. 359)

366. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về pháp vô vi và con đường đưa đến vô vi (*asaṅkhata*). Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Thân niệm (*kāyagatāsati*), này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi; Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây,[2] đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

II. KINH CHỈ QUÁN (*Samathavipassanāsutta*)[3] (*S*. IV. 360)

367. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về vô vi và về con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi, chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Body*, nghĩa là *Thân*.
[2] Xem *S*. IV. 129; *KS*. IV. 85 (kinh 146 ở trước).
[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Calm*, nghĩa là *Chỉ*.

III. KINH CÓ TẦM, CÓ TỨ (*Savitakkasavicārasutta*)[4] (*S*. IV. 360)

368. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Có định có tầm, có tứ; có định không tầm, có tứ; có định không tầm, không tứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

IV. KINH ĐỊNH VÀ TÁNH KHÔNG (*Suññatasamādhisutta*)[5] (*S*. IV. 360)

369. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định, vô tướng định, vô nguyện định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

V. KINH NIỆM XỨ (*Satipaṭṭhānasutta*) (*S*. IV. 360)

370. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VI. KINH CHÁNH CẦN (*Sammappadhānasutta*) (*S*. IV. 360)

371. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn chánh cần, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VII. KINH NHƯ Ý TÚC (*Iddhipādasutta*) (*S*. IV. 360)

372. Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

VIII. KINH CĂN (*Indriyasutta*) (*S*. IV. 361)

373. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Năm căn, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

IX. KINH LỰC (*Balasutta*) (*S*. IV. 361)

374. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Năm lực, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

X. KINH GIÁC CHI (*Bojjhaṅgasutta*) (*S*. IV. 361)

375. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

XI. KINH CÁC CON ĐƯỜNG (*Maggaṅgasutta*) (*S*. IV. 361)

376. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Con đường Thánh đạo tám ngành, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi, Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

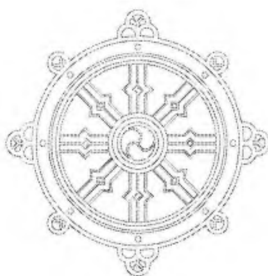
Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử,

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Directed Thought*, nghĩa là *Tầm*.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Void*, nghĩa là *Không*.

vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm đối với các ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.



PHẦN HAI

PHẨM THỨ HAI
(*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH VÔ VI (*Asaṅkhatasutta*)

I. CHỈ[6] (*S.* IV. 362)

377. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về vô vi và về con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si; này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Chỉ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về vô vi, Ta thuyết về con đường đưa đến vô vi.

Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

II. QUÁN (*S.* IV. 362)

– Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về vô vi và con đường đưa đến vô vi. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô vi? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si; này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô vi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Quán, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

---

[6] Bản Pāḷi trình bày liên tục kinh 377. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 377 thành các phần nhỏ: I. *Calm* (*Chỉ*); II. *Insight* (*Quán*); III-VIII. *The Sixfold Concentration* (*Định*); IX-XII. *The Four Stations of Mindfulness* (*Bốn niệm xứ*); XIII-XVI. *The Four Best Efforts* (*Bốn chánh cần*); XVII-XX. *The Four Bases of Effective Power* (*Bốn như ý túc*); XXI-XXV. *The Five Faculties* (*Năm căn*); XXVI-XXX. *The Five Powers* (*Năm lực*); XXXI-XXXVII. *The Seven Factors of Wisdom* (*Bảy giác chi*); XXXVIII-XLV. *The Ariyan Eightfold Path* (*Bát chánh đạo*).

III. SÁU ĐỊNH (1) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định có tầm, có tứ, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi... (như trên).

IV. SÁU ĐỊNH (2) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm, chỉ có tứ; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

V. SÁU ĐỊNH (3) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định không tầm, không tứ; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

VI. SÁU ĐỊNH (4) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Không định; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

VII. SÁU ĐỊNH (5) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định vô tướng; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

VIII. SÁU ĐỊNH (6) (*S.* IV. 363)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Định vô nguyện; này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

IX. BỐN NIỆM XỨ (1) (*S.* IV. 364)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi...

X-XII. BỐN NIỆM XỨ (2-4) (*S.* IV. 364)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thọ trên thọ... tùy quán tâm trên tâm... tùy quán pháp trên pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XIII. BỐN CHÁNH CẦN (1) (*S.* IV. 364)

– Và này các Tỷ-kheo, thế này là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muốn rằng các ác, bất thiện pháp chưa sanh không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XIV-XVI. BỐN CHÁNH CẦN (2-4) (*S.* IV. 364)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phát sanh lòng ước muốn rằng các ác, bất thiện pháp đã sanh

được đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp chưa sanh được sanh khởi... phát sanh lòng ước muốn rằng các thiện pháp đã sanh được an trú, không tán thất, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, tinh cần, tinh tấn, kiên tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XVII. BỐN NHƯ Ý TÚC (1) (*S*. IV. 365)

– Và này các Tỷ-kheo thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục thiền định, tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến vô vi...

XVIII-XX. BỐN NHƯ Ý TÚC (2-4) (*S*. IV. 365)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với tâm thiền định, tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn thiền định... câu hữu với tư duy thiền định, tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXI. NĂM CĂN (1) (*S*. IV. 366)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXII-XXV. NĂM CĂN (2-5) (*S*. IV. 366)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXVI-XXX. NĂM LỰC (1-5) (*S*. IV. 366)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập tín lực... tấn lực... niệm lực... định lực... tuệ lực, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXXI-XXXVII. BẢY GIÁC CHI (1-7) (*S*. IV. 367)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập niệm giác chi... trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi... xả giác chi, y cứ viễn ly, y cứ ly tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

XXXVIII-XLV. TÁM CHÁNH ĐẠO (1-8) (*S*. IV. 367)

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến vô vi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập chánh tri kiến... chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định, y cứ viễn ly, y cứ ly

tham, y cứ diệt tận, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến vô vi...

II. KINH MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG (*Anatasutta*) (*S*. IV. 368)

378. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về mục đích cuối cùng và con đường đưa đến mục đích cuối cùng, hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích cuối cùng?... (Như đoạn về "Vô vi" từ I đến XLV).

III. KINH VÔ LẬU (*Anāsavādisutta*) (*S*. IV. 370)

379. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về vô lậu và con đường đưa đến vô lậu, hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu?... (Như đoạn về "Vô vi" từ I đến XLV).

IV. KINH SỰ THẬT (*Saccasutta*) (*S*. IV. 370)

380. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về sự thật và con đường đưa đến sự thật, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự thật?...

V. KINH BỜ BÊN KIA (*Pārasutta*) (*S*. IV. 370)

381. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bờ bên kia?...

VI. KINH TẾ NHỊ (*Nipuṇasutta*) (*S*. IV. 370)

382. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bờ bên kia?...

(Các bài kinh sau tương tự được đánh số từ 383-408)

VII. KINH KHÓ THẤY ĐƯỢC (*Sududdasasutta*) (*S*. IV. 370)

VIII. KINH KHÔNG GIÀ (*Ajajjarasutta*) (*S*. IV. 370)

IX. KINH THƯỜNG HẰNG (*Dhuvasutta*) (*S*. IV. 370)

X. KINH KHÔNG SUY YẾU (*Apalokitasutta*) (*S*. IV. 370)

XI. KINH KHÔNG THẤY (*Anidassanasutta*) (*S*. IV. 370)

XII. KINH KHÔNG LÝ LUẬN (*Nippapañcasutta*) (*S*. IV. 370)

XIII. KINH TỊCH TỊNH (*Santasutta*) (*S*. IV. 370)

XIV. KINH BẤT TỬ (*Amatasutta*) (*S*. IV. 371)

XV. KINH THÙ THẮNG (*Paṇītasutta*) (*S*. IV. 371)

XVI. KINH AN LẠC (*Sivasutta*) (*S*. IV. 371)

XVII. KINH AN ỔN (*Khemasutta*) (*S*. IV. 371)

XVIII. KINH ÁI ĐOẠN TẬN (*Taṇhākkhayasutta*) (*S*. IV. 371)

XIX. KINH BẤT KHẢ TƯ NGHÌ (*Acchariyasutta*) (*S*. IV. 371)

XX. KINH HY HỮU (*Abhūtasutta*) (*S*. IV. 371)

XXI. KINH KHÔNG TAI HỌA (*Anītikasutta*) (*S*. IV. 371)

XXII. KINH KHÔNG BỊ TAI HỌA (*Anītikadhammasutta*) (*S*. IV. 371)

XXIII. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbāṇasutta*) (*S*. IV. 371)

XXIV. KINH KHÔNG TỔN HẠI (*Abyāpajjhasutta*) (*S*. IV. 371)

XXV. KINH LY THAM (*Virāgasutta*) (*S*. IV. 371)

XXVI. KINH THANH TỊNH (*Suddhisutta*) (*S*. IV. 371)

XXVII. KINH GIẢI THOÁT (*Muttisutta*) (*S*. IV. 371)

XXVIII. KINH KHÔNG CHẤP GIỮ (*Anālayasutta*) (*S*. IV. 371)

XXIX. KINH NGỌN ĐÈN (*Dīpasutta*) (*S*. IV. 371)

XXX. KINH HANG ẨN (*Leṇasutta*) (*S*. IV. 371)

XXXI. KINH PHÁO ĐÀI (*Tāṇasutta*) (*S*. IV. 371)

XXXII. KINH QUY Y (*Saraṇasutta*) (*S*. IV. 371)

XXXIII. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (*Parāyanasutta*) (*S*. IV. 372)

409. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự đến bờ bên kia và con đường đưa đến bờ bên kia, hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đến bờ bên kia? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si; này các Tỷ-kheo, đây gọi là đến bờ bên kia.

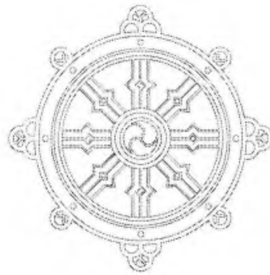
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến bờ bên kia? Thân niệm, này các Tỷ-kheo, là con đường đưa đến bờ bên kia.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về sự đến bờ bên kia, Ta thuyết về con đường đưa đến bờ bên kia.

Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các ông.

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập thiền định, chớ có phóng dật, chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

(Như đoạn về "Vô vi" từ I đến XLV).



44. TƯƠNG ƯNG KHÔNG THUYẾT
(*ABYĀKATASAMYUTTA*)[1]

I. KINH TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ (*Khemāsutta*)[2] (*S*. IV. 374)

410. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Khemā đang đi du hành giữa dân chúng Kosala và trú ở tại Toraṇavatthu, giữa Sāvatthi và Sāketa.

Vua Pasenadi nước Kosala cũng đang đi từ Sāketa đến Sāvatthi và trú một đêm ở Toraṇavatthu, giữa Sāketa và Sāvatthi.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala gọi một người và nói:

– Hãy đến, này người kia. Ông có biết vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào ở tại Toraṇavatthu để hôm nay ta có thể đến yết kiến vị ấy?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Pasenadi nước Kosala, đi tìm khắp Toraṇavatthu không thấy có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để Vua Pasenadi nước Kosala có thể đến yết kiến.

Rồi người ấy thấy Tỷ-kheo-ni Khemā đến trú ở Toraṇavatthu; sau khi thấy, người ấy đi đến Vua Pasenadi nước Kosala và thưa:

– Tâu Đại vương, tại Toraṇavatthu không có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để Đại vương có thể yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có Tỷ-kheo-ni Khemā là đệ tử của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về bậc nữ Tôn giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc Hiền trí, thông minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm, ứng đáp lanh lợi." Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Tỷ-kheo-ni Khemā; sau khi đến, đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tỷ-kheo-ni Khemā:

– Thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết."

---

[1] *Abyākatasaṃyutta* còn có nghĩa là *Tương ưng Vô ký*.

[2] Xem *Pss*. *Sis*. 81ff.

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Được hỏi: "Thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?" Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không?" Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?" Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'" Thưa nữ Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?

– Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

Đại vương nghĩ thế nào, thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng ấn nào (*muddika*), toán số nào có thể đếm được cát sông Hằng có số hạt cát như vậy, có số trăm hạt cát như vậy, có số ngàn hạt cát như vậy, có số trăm ngàn hạt cát như vậy?

– Thưa không, thưa nữ Tôn giả.

– Đại vương có người kế toán nào, có người chưởng ấn nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biển lớn có số đấu nước[3] như vậy, có số trăm đấu nước như vậy, có số ngàn đấu nước như vậy, có số trăm ngàn đấu nước như vậy?

– Thưa không, thưa nữ Tôn giả.

– Vì sao?

– Thưa nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thâm sâu, vô lường, khó dò đến đáy.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua sắc thân (*rūpa*), nhưng sắc thân ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn.

---

[3] *Āḷhaka*: Đơn vị đo lường. Bốn *patthā* thành 1 *āḷhaka*; 4 *āḷhaka* thành 1 *doṇa*.

Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua cảm thọ, nhưng cảm thọ ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận... Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai qua các tưởng... qua hành... qua các thức; nhưng thức ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thức. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ tín thọ lời của Tỷ-kheo-ni Khemā, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Khemā, thân phía hữu hướng về nữ Tôn giả rồi ra đi.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, sau một thời gian, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

– Thưa Đại vương, Ta không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Thế Tôn, Như Lai không có tồn tại sau khi chết?

– Thưa Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết."

... (như trên, với những thay đổi cần thiết).

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

Một thời, bạch Thế Tôn, con đi đến Tỷ-kheo-ni Khemā và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thế Tôn. Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn

ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thế Tôn, nay con phải đi, con có nhiều công vụ, nhiều việc phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

II. KINH ANURĀDHA (*Anurādhasutta*)[4] (*S*. IV. 380)

411. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurādha đang ở một ngôi chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anurādha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anurādha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các du sĩ ngoại đạo ấy thưa với Tôn giả Anurādha:

– Này Hiền giả Anurādha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa chư Hiền, Như Lai ấy là bậc Thượng Nhân, bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp sau đây: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anurādha:

– Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia không bao lâu; hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh.

Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách (*apasādetvā*) Tôn giả Anurādha là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Anurādha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Nếu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta trả lời đúng pháp, thuận pháp và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích."

Rồi Tôn giả Anurādha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anurādha bạch Thế Tôn:

---

[4] Xem *A*. V. 320.

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con trú trong một ngôi chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến con; sau khi đến, nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Này Hiền giả Anurādha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'" Bạch Thế Tôn, khi được nghe nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thắng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp như sau: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'" Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia chưa bao lâu; hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh." Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách con là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Bạch Thế Tôn, khi các vị du sĩ ngoại đạo ấy đi không bao lâu con suy nghĩ như sau: "Nếu các vị du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật; ta trả lời đúng pháp, thuận pháp và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích."

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ là thường hay vô thường?... Tưởng là thường hay vô thường?... Hành là thường hay vô thường?... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Anurādha, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi." Phàm có thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả thức ấy cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi."

Thấy vậy, này Anurādha, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán sắc là Như Lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán thọ là Như Lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán tưởng là Như Lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán hành là Như Lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán thức là Như Lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, ông có quán Như Lai ở trong sắc không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở ngoài sắc không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở trong thọ không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở ngoài thọ không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở trong tưởng không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở ngoài tưởng không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở trong hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở ngoài hành không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở trong thức không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai ở ngoài thức không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ như thế nào, này Anurādha, ông có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ông có quán Như Lai là không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có hành, không có thức hay không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Anurādha, ông ngay trong hiện tại không có nắm được Như Lai một cách chân thật, một cách xác chứng, thời có hợp lý chăng khi ông tuyên bố về Như Lai rằng: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối Thắng Nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được biết đến ngoài bốn trường hợp sau đây: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?'"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, lành thay! Này Anurādha, trước đây và hiện nay, này Anurādha, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.

III. KINH SĀRIPUTTA – KOṬṬHIKA THỨ NHẤT
(*Paṭhamasāriputtakoṭṭhikasutta*)[5] (*S*. IV. 384)

412. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, trong Vườn Nai.

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhika nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Như Lai có tồn tại sau khi chết hay không?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết."

[5] Xem *KS*. II. 79. Bản tiếng Anh của PTS: *Sāriputta and Koṭṭhita* (or '*Viewed*'), nghĩa là *Sāriputta và Koṭṭhita* (hay '*Trú trước*').

– Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Được hỏi: "Thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?" Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thưa Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thế là, thưa Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.'" Được hỏi: "Thưa Hiền giả, thế là Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?" Hiền giả trả lời: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'" Thưa Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?

– "Như Lai có tồn tại sau khi chết", thưa Hiền giả, là chấp trước sắc. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước sắc.

"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thọ.

"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước tưởng.

"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước hành.

"Như Lai có tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức. "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là chấp trước thức.

Này Hiền giả, do nhân này, do duyên này, Thế Tôn không trả lời.

IV. KINH SĀRIPUTTA – KOṬṬHIKA THỨ HAI
(***Dutiyasāriputtakoṭṭhikasutta***)[6] (*S.* IV. 386)

413. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ Vườn Nai...

– Thưa Hiền giả, do nhân gì Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy?

– Thưa Hiền giả, do không như thật biết, như thật thấy sắc; do không như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do không như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt; do không như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt nên mới có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thưa Hiền giả, do không như thật biết, như thật thấy thọ... tưởng... hành...

Do không như thật biết, như thật thấy thức; do không như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do không như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt nên mới có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Do như thật biết, như thật thấy sắc; do như thật biết, như thật thấy sắc tập khởi; do như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến sắc đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

... thọ... tưởng... hành...

Do như thật biết, như thật thấy thức; do như thật biết, như thật thấy thức tập khởi; do như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt; do như thật biết, như thật thấy con đường đưa đến thức đoạn diệt nên không có quan điểm rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thưa Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy.

V. KINH SĀRIPUTTA – KOṬṬHIKA THỨ BA
(***Tatiyasāriputtakoṭṭhikasutta***)[7] (*S.* IV. 387)

414. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, chỗ Vườn Nai...

---

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Sāriputta and Koṭṭhita* (ii) (or '*Arising*'), nghĩa là *Sāriputta và Koṭṭhita* (ii) (hay '*Tập khởi*').

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Sāriputta and Koṭṭhita* (iii) (or '*Affection*'), nghĩa là *Sāriputta và Koṭṭhita* (iii) (hay '*Ái*').

– Thưa Hiền giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy?

– Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với sắc, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Thưa Hiền giả, đối với ai chưa đoạn trừ tham đối với thức, chưa đoạn trừ dục, chưa đoạn trừ ái, chưa đoạn trừ khát, chưa đoạn trừ nhiệt tâm, chưa đoạn trừ khát ái, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Này Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ tham đối với sắc, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ấy sẽ không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

... đối với thọ... đối với tưởng... đối với hành...

Này Hiền giả, đối với ai đã đoạn trừ tham đối với thức, đã đoạn trừ dục, đã đoạn trừ ái, đã đoạn trừ khát, đã đoạn trừ nhiệt tâm, đã đoạn trừ khát ái, thời người ấy không có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau chết; hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết; hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết; hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Này Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy.

VI. KINH SĀRIPUTTA – KOṬṬHIKA THỨ TƯ
(*Catutthasāriputtakoṭṭhikasutta*)[8] (*S.* IV. 388)

415. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahākoṭṭhika trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, ở Vườn Nai.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahākoṭṭhika; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākoṭṭhika những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Koṭṭhika:

– Thưa Hiền giả Koṭṭhika, Như Lai có tồn tại sau khi chết?... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Được hỏi vậy, Hiền giả trả lời: "Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.'"

Do nhân gì, thưa Hiền giả, do duyên gì, Thế Tôn không trả lời vấn đề ấy?

---

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Sāriputta and Koṭṭhita* (iv) (or '*Delight*'), nghĩa là *Sāriputta và Koṭṭhita* (iv) (hay '*Hoan hỷ*').

– Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc sắc, ưa thích sắc, hoan hỷ sắc, không như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy có quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thọ, ưa thích thọ, hoan hỷ thọ, không như thật biết, như thật thấy thọ đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."... tưởng... hành... Thưa Hiền giả, với ai còn ái lạc thức, ưa thích thức, hoan hỷ thức, không như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Này Hiền giả, đối với ai không ái lạc sắc, không ưa thích sắc, không hoan hỷ sắc, như thật biết, như thật thấy sắc đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Thưa Hiền giả, với ai không còn ái lạc thọ... tưởng... hành... không ái lạc thức, không ưa thích thức, không hoan hỷ thức, như thật biết, như thật thấy thức đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Này Hiền giả, đây là nhân, đây là duyên, đây là lý do mà Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

– Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do đấy, Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

– Thưa có, này Hiền giả.

Ai còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, ưa thích hữu, hoan hỷ hữu, không như thật biết, không như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Ai không còn ái lạc hữu, thưa Hiền giả, không ưa thích hữu, không hoan hỷ hữu, như thật biết, như thật thấy hữu đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

– Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy, Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

– Thưa có, này Hiền giả.

Ai còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, ưa thích thủ, hoan hỷ thủ, không như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Ai không còn ái lạc thủ, thưa Hiền giả, không ưa thích thủ, không hoan hỷ

thủ, như thật biết, như thật thấy thủ đoạn diệt, thời người ấy không có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

– Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

– Thưa có, này Hiền giả.

Với ai còn ái lạc ái, thưa Hiền giả, ưa thích ái, hoan hỷ ái, không như thật biết, không như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy có những quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Với ai, thưa Hiền giả, không còn ái lạc ái, không ưa thích ái, không hoan hỷ ái, như thật biết, như thật thấy ái đoạn diệt, thời người ấy không có các quan điểm: "Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Thưa Hiền giả, đây là lý do vì sao Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy.

– Thưa Hiền giả, có lý do nào khác, do vậy Thế Tôn không trả lời về vấn đề ấy?

– Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta, sao Hiền giả còn muốn hỏi thêm chi nữa. Đối với Tỷ-kheo đã được giải thoát nhờ đoạn tận ái, thời không còn gì để nêu rõ là được tăng trưởng.

VII. KINH MOGGALLĀNA (*Moggallānasutta*)[9] (*S.* IV. 391)

416. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, nói với Tôn giả Mahāmoggallāna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Thưa Tôn giả Moggallāna, thế giới là thường còn?

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn."

– Vậy thưa Tôn giả Moggallāna, thế giới là vô thường?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô thường."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, có phải thế giới là hữu biên?

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là hữu biên."

– Vậy thưa Tôn giả Moggallāna, thế giới là vô biên?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô biên."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, có phải sinh mạng và thân thể là một?

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là một."

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Moggallānasutta* (or '*Sphere*'), nghĩa là *Kinh Moggallāna* (hay '*Xứ*').

– Thưa Tôn giả Moggallāna, vậy sinh mạng và thân thể là khác?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là khác."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, vậy Như Lai không có tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, vậy Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, vậy Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, các vị du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như thế này, thời trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

Thưa Tôn giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama, khi được hỏi như thế này, thời không trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường; thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; sinh mạng và thân thể là một hay sinh mạng và thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Này Vaccha, vì rằng các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi";... quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi." Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Và Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, này Vaccha, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi."... quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi." Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vậy:

"Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, thế giới là thường còn?

– Này Vaccha, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn."

... (như trên)...

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"; quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi." Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, nên trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi"; quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi." Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

Thưa Tôn giả Gotama, nay con đi đến Sa-môn Mahāmoggallāna và nói về ý nghĩa này. Sa-môn Moggallāna, với những câu như thế này, với những lời như thế này đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Gotama. Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

VIII. KINH VACCHAGOTTA (*Vacchagottasutta*)[10] (S. IV. 395)

417. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, thế giới có phải là thường còn?

– Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Thế giới là thường còn."

... (như trên)...

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ như là tự ngã... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Như Lai, này Vaccha, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, hay sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ không phải tự ngã... quán tưởng... quán hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahāmoggallāna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Thưa Tôn giả Moggallāna, có phải thế giới là thường còn?

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn."

... (như trên)...

---

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *Vaccha* (or '*bond*'), nghĩa là *Vaccha* (hay '*Trói buộc*').

– Thưa Tôn giả Moggallāna, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Moggallāna, Sa-môn Gotama khi được hỏi như vậy, lại không trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Họ quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, liền trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, quán sắc không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có sắc, quán sắc không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong sắc. Như Lai quán thọ... quán tưởng... quán hành... quán thức không phải là tự ngã, hay tự ngã không phải có thức, hay thức không ở trong tự ngã, hay tự ngã không ở trong thức. Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không có trả lời như vầy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Moggallāna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

Thưa Tôn giả Moggallāna, nay tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến tôi hỏi về ý nghĩa này. Sa-môn Gotama với những câu văn, với những lời văn đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Moggallāna. Thật vi diệu thay, Tôn giả Moggallāna! Thật hy hữu thay, Tôn giả Moggallāna! Vì rằng, giữa Đạo sư và nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

IX. KINH LUẬN NGHỊ ĐƯỜNG (*Kutūhalasālāsutta*) (*S.* IV. 398)

418. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, những ngày về trước, những ngày về trước nữa, rất nhiều Sa-môn, Bà-la-môn là du sĩ ngoại đạo ngồi tụ tập, tụ hội tại Luận Nghị đường, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Vị Pūraṇa Kassapa này là

vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng.” Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.” Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.”

Makkhali Gosāla... Nigaṇṭha Nāṭaputta... Sañjaya Belaṭṭhiputta... Pakudha Kaccāyana... Ajita Kesakambala này là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.” Nếu đệ tử là vị thượng nhân, tối thượng nhân, đã đạt địa vị tối thắng, khi vị này từ trần, mệnh chung, họ nói sanh xứ của vị ấy như sau: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.”

Còn Sa-môn Gotama này là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Khi nói về một đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, Sa-môn Gotama nói sanh xứ của vị ấy như sau: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.” Nếu đệ tử là bậc thượng nhân, tối thắng nhân đã đạt địa vị tối thượng, khi vị này từ trần, mệnh chung, Sa-môn Gotama không có trả lời: “Vị này sanh tại chỗ này. Vị này sanh tại chỗ này.” Nhưng Ngài nói về vị ấy như sau: “Vị ấy đã chặt đứt ái, đã phá hủy các kiết phược, nhờ chơn chánh thấy rõ kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.”

Thưa Tôn giả Gotama, con có khởi lên phân vân và nghi ngờ như sau: “Như thế nào, cần phải thấu hiểu pháp của Sa-môn Gotama?”

– Này Vaccha, thôi vừa rồi sự phân vân của ông. Thôi vừa rồi sự nghi ngờ của ông. Chính do ông phân vân mà nghi ngờ được khởi lên. Ta tuyên bố sự sanh khởi, này Vaccha, đối với những ai có chấp thủ, không phải đối với những ai không có chấp thủ.

Ví như, này Vaccha, một ngọn lửa cháy đỏ khi nào có nhiên liệu (*saupādāna*), không phải không có nhiên liệu. Cũng vậy, này Vaccha, Ta tuyên bố về sanh khởi đối với người có chấp thủ [sanh y], không phải với người không có chấp thủ.

– Thưa Tôn giả Gotama, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho ngọn lửa này?

– Này Vaccha, trong khi có gió thổi ngọn lửa đi thật xa, thời Ta nói chính gió là nhiên liệu. Trong khi ấy, này Vaccha, chính gió là nhiên liệu (*upādāna*).

– Thưa Tôn giả Gotama, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này để sanh vào một thân khác, thời Tôn giả Gotama tuyên bố cái gì làm nhiên liệu cho thân này?

– Này Vaccha, trong khi một loài hữu tình quăng bỏ thân này và sanh vào

một thân khác, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng trong khi ấy chính ái (*taṇhā*) là nhiên liệu.

X. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*)[11] (*S*. IV. 400)

419. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Khi được hỏi vậy, Thế Tôn im lặng.

– Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Lần thứ hai, Tôn giả Gotama giữ im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi du sĩ Vacchagotta ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta?

– Này Ānanda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, này Ānanda, thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp thường kiến.

Và này Ānanda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ānanda, là thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp đoạn kiến.

Lại nữa, này Ānanda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, câu trả lời của Ta có phù hợp với trí khởi lên rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lại nữa, này Ānanda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ānanda, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngơ ngác bối rối hơn nữa: "Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa."

XI. KINH SABHIYA KACCĀNA (*Sabhiyakaccānasutta*) (*S*. IV. 401)

420. Một thời, Tôn giả Sabhiya Kaccāna trú ở Ñātika, tại ngôi nhà bằng gạch.

Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Sabhiya Kaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sabhiya Kaccāna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta nói với Tôn giả Sabhiya Kaccāna như sau:

– Thưa Tôn giả Kaccāna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?

---

[11] Bản tiếng Anh của PTS: Ānanda (*or the Existence of the Self*), nghĩa là Ānanda (*hay Sự có mặt của ngã*).

– Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Tôn giả Kaccāna, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Tôn giả Kaccāna, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết."

– Thế là, thưa Tôn giả Kaccāna, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

– Thưa Tôn giả Kaccāna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không có trả lời: 'Như Lai có tồn tại sau khi chết'"?

Thưa Tôn giả Kaccāna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết'"?

Thưa Tôn giả Kaccāna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: 'Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết'"?

Thưa Tôn giả Kaccāna, vì sao khi được hỏi: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", Tôn giả lại nói: "Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết'"?

Thưa Tôn giả Kaccāna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama lại không trả lời về vấn đề ấy?

– Này Vaccha, do nhân gì, do duyên gì, mà trình bày người ấy là có sắc hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng, thì khi nhân ấy, duyên ấy được đoạn diệt không có dư tàn, một cách toàn diện, một cách hoàn toàn, khi ấy lấy cái gì để trình bày người ấy là có sắc hay không có sắc, có tưởng hay không có tưởng, không có tưởng hay không không có tưởng?

– Này Tôn giả Kaccāna, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?

– Thưa Hiền giả, không lâu, chỉ có ba năm.

– Thưa Hiền giả, hãy xem, với thời gian ngắn như vậy, lại được thấy nhiều như vậy, còn nói gì đến các vấn đề vi diệu.

V. THIÊN ĐẠI
(*MAHĀVAGGA*)

45. TƯƠNG ƯNG ĐẠO
(*MAGGASAMYUTTA*)

I. PHẨM VÔ MINH (*AVIJJĀVAGGA*)

I. KINH VÔ MINH (*Avijjāsutta*) (*S*. V. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Thắng Lâm, trong vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Khi nào vô minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tàm và vô quý nối tiếp theo. Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh;[1] đối với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh; đối với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh; đối với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh; đối với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh; đối với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh; đối với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh; đối với kẻ có tà niệm, tà định sanh.

Khi nào minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời tàm và quý nối tiếp theo. Với kẻ được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, chánh kiến sanh; đối với vị có chánh kiến, chánh tư duy sanh; đối với vị có chánh tư duy, chánh ngữ sanh; đối với vị có chánh ngữ, chánh nghiệp sanh; đối với vị có chánh nghiệp, chánh mạng sanh; đối với vị có chánh mạng, chánh tinh tấn sanh; đối với vị có chánh tinh tấn, chánh niệm sanh; đối với vị có chánh niệm, chánh định sanh.

II. KINH MỘT NỬA (*Upaḍḍhasutta*) (*S*. V. 2)

2. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Sakkara.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

---

[1] *SA*. III. 116: *Pahoti = Upajjati*, có nghĩa là sanh khởi.

– Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu (*kalyāṇamittatā*), thiện bạn đảng (*kalyāṇasahāyatā*), thiện thân tình (*kalyāṇasampavaṅkatā*).

– Chớ có nói vậy, này Ānanda! Chớ có nói vậy, này Ānanda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ānanda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, này Ānanda, thời được chờ đợi Thánh đạo tám ngành được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho viên mãn.

Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho viên mãn Thánh đạo tám ngành? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Ānanda, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho viên mãn Thánh đạo tám ngành.

Này Ānanda, chính với pháp môn này, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ānanda, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ānanda, các ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình.

III. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*) (*S.* V. 3)

3. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Toàn bộ Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, chính là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình.

– Lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta! Toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình. Này Sāriputta, với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đảng, thiện thân tình, được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho viên mãn.

(Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "Tôn giả Sāriputta").

IV. KINH BÀ-LA-MÔN JĀṆUSSOṆI (*Jāṇussoṇibrāhmaṇasutta*)[2] (*S.* V. 4)

4. Nhân duyên ở Sāvatthi.

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *The Brahmin*, nghĩa là *Bà-la-môn*.

Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực.

Rồi Tôn giả Ānanda thấy Bà-la-môn Jāṇussonī đi xe ra khỏi Sāvatthi, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ phận tùy thuộc (*parivāra*). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quần chúng thấy vậy, liền nói: "Thật là cỗ xe thù thắng![3] Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!"

Rồi Tôn giả Ānanda đi khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào Sāvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, con thấy Bà-la-môn Jāṇussonī đi xe ra khỏi Sāvatthi, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe... "Thật là cỗ xe thù thắng! Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!" Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể nói lên cỗ xe thù thắng trong Pháp và Luật này?

Thế Tôn nói:

– Có thể được, này Ānanda. Thánh đạo tám ngành này, này Ānanda, là đồng nghĩa với cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp này. Vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận.[4]

Chánh tri kiến, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh tư duy, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si.

Này Ānanda, chính với pháp môn này, các ông cần phải hiểu như thế này: "Cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp, vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận, là đồng nghĩa với Thánh đạo tám ngành này."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ai được tín, trí tuệ,
Thường xuyên liên kết lại,
Lấy hổ thẹn làm cán,
Lấy ý làm ách xe,
Niệm là người đánh xe.
Biết hộ trì, phòng hộ,

[3] *SA*. III. 121: *Brahma* = *Seṭṭha*, có nghĩa là tuyệt vời, thù thắng.
[4] *SA*. III. 121: Chỉ cho các kiết sử phiền não.

Cỗ xe lấy giới luật,
Làm vật dụng cho xe,
Thiền là trục bánh xe,
Tinh tấn là bánh xe,
Xả là định thường hằng,
Vô dục là nệm xe,
Vô sân và vô hại,
Viễn ly là binh khí,
Nhẫn nhục là áo giáp,[5]
An ổn khỏi khổ ách,
Làm mục đích đạt đến,
Cỗ xe được chuyển vận.
Pháp này tự ngã làm,
Trở thành thuộc tự ngã,
Là cỗ xe thù thắng,
Vô thượng, không sánh bằng.
Ngồi trên cỗ xe ấy,
Bậc trí thoát ly đời,
Chắc chắn, không sai chạy,
Họ đạt được chiến thắng.[6]

V. KINH VỚI MỤC ĐÍCH GÌ? (*Kimatthiyasutta*) (*S*. V. 6)

5. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: "Này chư Hiền, vì mục đích gì, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, với mục đích liễu tri đau khổ, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama." Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con trả lời đúng với lời nói của Thế Tôn, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và thuận pháp, những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích?

– Này các Tỷ-kheo, các ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các ông trả lời đúng với lời của Ta, các ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. Này các Tỷ-kheo, do mục đích liễu tri đau khổ mà Phạm hạnh được sống dưới Ta. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông: "Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ

---

[5] Bản Tích Lan viết *vammasannāha*, cùng nghĩa là chiếc áo choàng.
[6] Tham khảo ví dụ về xe trong *KS*. I. 45.

nào đưa đến liễu tri đau khổ này?" Được hỏi vậy, thời các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ này."

Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri sự đau khổ này.

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

VI. KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ NHẤT
(***Paṭhamaaññatarabhikkhusutta***) (*S*. V. 7)

6. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Phạm hạnh, Phạm hạnh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm hạnh? Thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh?

– Này Tỷ-kheo, con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Tỷ-kheo, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là Cứu cánh Phạm hạnh.

VII. KINH VỊ TỶ-KHEO THỨ HAI
(***Dutiyaaññatarabhikkhusutta***) (*S*. V. 8)

7. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?

– Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.

Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Bất tử, bất tử", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?

– Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỷ-kheo, được gọi là bất tử. Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

VIII. KINH PHÂN TÍCH (*Vibhaṅgasutta*) (*S*. V. 8)

8. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng và phân tích Thánh đạo tám ngành này. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tri kiến? Này các Tỷ-kheo, chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy? Này các Tỷ-kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tư duy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh ngữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh nghiệp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh mạng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tinh tấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh định? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh định.

IX. KINH RÂU LÚA MÌ (*Sūkasutta*) (*S*. V. 10)

9. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, ví như sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch đặt hướng sai lạc, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu bị đặt hướng sai lạc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có kiến bị đặt hướng sai lạc, con đường tu tập bị đặt hướng sai lạc, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến bị đặt hướng sai lạc.

Này các Tỷ-kheo, ví như sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch được đặt hướng chơn chánh, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt hướng chơn chánh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có kiến được đặt hướng chơn chánh, con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này có xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến được đặt hướng chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có kiến được đặt hướng chơn chánh, con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng đạt Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy do kiến được đặt hướng chơn chánh, do con đường tu tập được đặt hướng chơn chánh, nên đâm thủng vô minh, minh được sanh khởi, chứng đạt Niết-bàn.

X. KINH NANDIYA (*Nandiyasutta*) (*S*. V. 11)

10. Nhân duyên ở Sāvatthi.

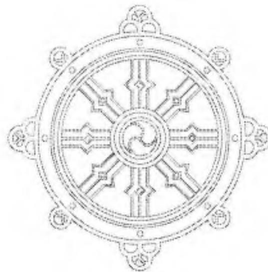
Rồi du sĩ Nandiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có bao nhiêu pháp được tu tập, được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến Cứu cánh Niết-bàn?

– Có tám pháp này, này Nandiya, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến Cứu cánh Niết-bàn. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này Nandiya, được tu tập, được làm cho viên mãn, đưa đến Niết-bàn, hướng đến đích Niết-bàn, đưa đến Cứu cánh Niết-bàn.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Nandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống... từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.



II. PHẨM TRÚ (*VIHĀRAVAGGA*)

I. KINH TRÚ THỨ NHẤT (*Paṭhamavihārasutta*) (*S*. V. 12)

11. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta muốn sống thiền tịnh trong nửa tháng, không ai đến yết kiến Ta, trừ độc nhất người mang đồ ăn khất thực.[7]

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Như vậy, không một ai đến yết kiến Thế Tôn, trừ một người, người mang đồ ăn khất thực lại.

Rồi Thế Tôn sau nửa tháng, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy và gọi các Tỷ-kheo:

– Với sự an trú, Ta đã trú khi Ta mới chứng Chánh đẳng Chánh giác (*paṭhamābhisambuddha*), nhưng Ta chỉ trú[8] một phần thôi.

Như vậy, Ta rõ biết (*pajānāmi*) những gì được cảm thọ (*vedayita*) do duyên tà kiến, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến... những gì được cảm thọ do duyên tà định, những gì được cảm thọ do duyên chánh định, những gì được cảm thọ do duyên ước muốn (*chanda*),[9] những gì được cảm thọ do duyên tầm (*vitakka*),[10] những gì được cảm thọ do duyên tưởng (*saññā*).

Khi ước muốn không tịnh chỉ, thời tầm không tịnh chỉ, tưởng không tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, nhưng tầm chưa được tịnh chỉ, tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, tầm được tịnh chỉ, nhưng tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, tầm được tịnh chỉ, tưởng được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

Đối với người chưa chứng đạt, cần phải tinh tấn để được chứng đạt. Trong trường hợp đã được chứng đạt;[11] do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

II. KINH TRÚ THỨ HAI (*Dutiyavihārasutta*) (*S*. V. 13)

12. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta muốn sống thiền tịnh trong ba tháng...

---

[7] *Piṇḍapātanīhāraka*. Xem *S*. V. 320; *KS*. V. 284.

[8] *Pasedena*. Tham khảo: *Asl*. 30; *Expos*. I. 38. Có nghĩa là một phần; trong hai tuần Ngài quán chiếu về một số pháp và trong ba tháng tiếp theo, Ngài quán chiếu về nhiều pháp khác.

[9] *Chú giải*: Tám loại tư tưởng về dục.

[10] Thiền thứ nhất.

[11] *Chú giải*: Chỉ cho đạo thứ tư.

Sau ba tháng, Thế Tôn từ thiền tịnh đứng dậy, gọi các Tỷ-kheo:

– Với sự an trú, Ta đã trú khi Ta mới chứng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng Ta chỉ trú một phần thôi.

Như vậy, Ta rõ biết những gì được cảm thọ do duyên tà kiến, những gì được cảm thọ do duyên tà kiến được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến, những gì được cảm thọ do duyên chánh kiến được tịnh chỉ... những gì được cảm thọ do duyên tà định, những gì được cảm thọ do duyên tà định được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên chánh định, những gì được cảm thọ do duyên chánh định được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên ước muốn (*chanda*), những gì được cảm thọ do duyên ước muốn được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên tầm, những gì được cảm thọ do duyên tầm được tịnh chỉ; những gì được cảm thọ do duyên tưởng, những gì được cảm thọ do duyên tưởng được tịnh chỉ.

Khi ước muốn không tịnh chỉ, tầm không tịnh chỉ, tưởng không tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, nhưng tầm chưa được tịnh chỉ, tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, tầm được tịnh chỉ, nhưng tưởng chưa được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ. Và khi ước muốn được tịnh chỉ, tầm được tịnh chỉ, tưởng được tịnh chỉ; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

Đối với người chưa chứng đạt, cần phải tinh tấn để chứng đạt. Trong trường hợp đã được chứng đạt; do duyên như vậy, có được những cảm thọ.

III. KINH HỮU HỌC (*Sekkhasutta*) (*S.* V. 14)

13. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Hữu học, hữu học", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là bậc Hữu học?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ chánh kiến của bậc Hữu học... đầy đủ chánh định của bậc Hữu học. Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc Hữu học.

IV. KINH SANH KHỞI THỨ NHẤT (*Paṭhamauppādasutta*) (*S.* V. 14)

14. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có tám pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, chưa được sanh khởi

có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

V. KINH SANH KHỞI THỨ HAI (*Dutiyauppādasutta*) (*S*. V. 14)

15. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho viên mãn, nếu chưa được sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

VI. KINH THANH TỊNH THỨ NHẤT (*Paṭhamaparisuddhasutta*) (*S*. V. 15)

16. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không có cấu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

VII. KINH THANH TỊNH THỨ HAI (*Dutiyaparisuddhasutta*) (*S*. V. 15)

17. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng... có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Có tám pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, không có cấu uế, ly các phiền não, nếu chưa sanh khởi có thể sanh khởi, nhưng chỉ trong giới luật của bậc Thiện Thệ.

VIII. KINH VƯỜN GÀ THỨ NHẤT (*Paṭhamakukkuṭārāmasutta*) (*S*. V. 15)

18. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda, Tôn giả Bhadda trú tại Vườn Gà, ở Pāṭaliputta.[12]

Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ānanda:

[12] Kinh đô xứ Magadha (Ma-kiệt-đà). Xem *UdA*. 416-19; *BI*. 203, 262.

– "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh", này Hiền giả Ānanda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh?

– Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm (*ummagga*) của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi!

Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Phi Phạm hạnh, phi Phạm hạnh, này Hiền giả Ānanda, được nói đến như vậy. Thế nào, thưa Hiền giả, là phi Phạm hạnh" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Này Hiền giả, con đường tà đạo tám ngành này là phi Phạm hạnh, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

IX. KINH VƯỜN GÀ THỨ HAI (*Dutiyakukkuṭārāmasutta*) (*S*. V. 16)

19. Nhân duyên ở Pāṭaliputta.

– "Phạm hạnh, Phạm hạnh", này Hiền giả Ānanda, được nói đến như vậy. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh?

– Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi!

Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ānanda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Này Hiền giả, con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si là Cứu cánh Phạm hạnh này.

X. KINH VƯỜN GÀ THỨ BA (*Tatiyakukkuṭārāmasutta*) (*S*. V. 16)

20. Nhân duyên ở Pāṭaliputta.

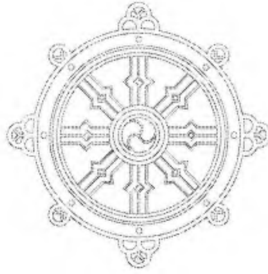
– "Phạm hạnh, Phạm hạnh", thưa Hiền giả Ānanda, như vậy được nói đến. Thưa Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là người hành Phạm hạnh? Thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh?

– Lành thay, lành thay, Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là đường hầm của Hiền giả! Hiền thiện thay là lời biện tài! Tốt đẹp thay là câu hỏi!

Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Phạm hạnh, Phạm hạnh, này Hiền giả Ānanda, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Phạm hạnh, thế nào là người hành Phạm hạnh, thế nào là Cứu cánh Phạm hạnh" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Này Hiền giả, con đường Thánh đạo tám ngành này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, ai đầy đủ Thánh đạo tám ngành này, người ấy được gọi là người hành Phạm hạnh. Này Hiền giả, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây là Cứu cánh Phạm hạnh.



III. PHẨM TÀ TÁNH (*MICCHATTAVAGGA*)

I. KINH TÀ TÁNH (*Micchattasutta*) (*S*. V. 17)

21. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về tà tánh và chánh tánh. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà tánh? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà tánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tánh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tánh.

II. KINH PHÁP BẤT THIỆN (*Akusaladhammasutta*) (*S*. V. 18)

22. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về bất thiện pháp và thiện pháp. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bất thiện pháp? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bất thiện pháp.

Thế nào là thiện pháp? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là thiện pháp.

III. KINH ĐẠO LỘ THỨ NHẤT (*Paṭhamapaṭipadāsutta*) (*S*. V. 18)

23. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về tà đạo lộ và chánh đạo lộ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ.

IV. KINH ĐẠO LỘ THỨ HAI (*Dutiyapaṭipadāsutta*) (*S*. V. 18)

24. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta không tán thán tà đạo lộ.

Người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo, theo tà hạnh, do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ấy không phải là người phát huy (*ārādhaka*) chánh lý (*ñāya*), pháp (*dhamma*) và thiện (*kusala*).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà đạo lộ? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà đạo lộ. Đối với người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán tà đạo lộ. Người tại gia hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì tà hạnh và nhân tà hạnh, vị ấy không phải là người phát huy chánh lý, pháp và thiện.

Và này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ.

Người tại gia hay người xuất gia theo chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, do vì chánh hạnh và nhân chánh hạnh, vị ấy là người phát triển chánh lý, pháp và thiện. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh đạo lộ? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh đạo lộ. Và này các Tỷ-kheo, với người tại gia hay người xuất gia, Ta tán thán chánh đạo lộ. Người tại gia hay người xuất gia, này các Tỷ-kheo, theo chánh hạnh, do vì chánh hạnh và nhân chánh hạnh, vị ấy trở thành người phát huy chánh lý, pháp và thiện.

V. KINH KHÔNG PHẢI CHÂN NHÂN THỨ NHẤT
(*Paṭhamaasappurisasutta*) (*S*. V. 19)

25. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về phi chân nhân và chân nhân. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chân nhân.

VI. KINH KHÔNG PHẢI CHÂN NHÂN THỨ HAI
(*Dutiyaasappurisasutta*) (*S*. V. 20)

26. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ở đấy, Thế Tôn nói như sau:

– Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, về phi chân nhân và tệ hơn phi chân nhân. Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, về chân nhân và tốt hơn chân nhân. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân? Ở

đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... tà định, tà trí, tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi chân nhân còn tệ hơn phi chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn bậc chân nhân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc chân nhân còn tốt đẹp hơn các bậc chân nhân.

VII. KINH CÁI BÌNH (*Kumbhasutta*) (*S*. V. 20)

27. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, ví như một cái bình, nếu không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là giá chống đỡ cho tâm? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Đây gọi là cái giá chống đỡ tâm.

Này các Tỷ-kheo, ví như cái bình không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu tâm không có cái giá chống đỡ thời dễ bị nghiêng ngả, nếu có cái giá chống đỡ thời khó bị nghiêng ngả.

VIII. KINH ĐỊNH (*Samādhisutta*) (*S*. V. 21)

28. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về Thánh chánh định với sở y (*saupanisa*), với tư lường (*saparikkhāra*). Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh chánh định với sở y, với tư lường? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Nhất tâm, này các Tỷ-kheo, có bảy chi phần này làm tư lường. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh chánh định với sở y, với tư lường.

IX. KINH THỌ (*Vedanāsutta*) (*S*. V. 21)

29. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây là ba thọ này.

Muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành. Thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành.

X. KINH UTTIYA (*Uttiyasutta*) (*S*. V. 22)

30. Nhân duyên ở Sāvatthi.

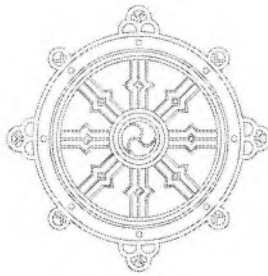
Rồi Tôn giả Uttiya[13] đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tôn giả Uttiya bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: "Năm dục công đức được Thế Tôn nói đến. Và năm dục công đức được Thế Tôn nói đến là gì?"

– Lành thay, lành thay, này Uttiya! Năm dục công đức này được Ta nói đến, này Uttiya. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Năm dục công đức này, này Uttiya, được Ta nói đến.

Muốn đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành. Thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Muốn đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo tám ngành này.



[13] Cũng còn gọi là Uttika, con trai của một gia đình Bà-la-môn ở Sāvatthi. Khi đến tuổi trưởng thành, ông trở thành một đạo sĩ. Trong một lần trên đường du hóa, ông diện kiến đức Thế Tôn, được nghe thuyết pháp và xin xuất gia trong Tăng đoàn. Ông tinh tấn tu tập dù có khi thân bị bệnh nặng và không lâu sau thành tựu quả vị A-la-hán. Xem *Thag*. v. 30; *ThagA*. I. 89f.

IV. PHẨM HẠNH (*PAṬIPATTIVAGGA*)

I. KINH VỀ HẠNH THỨ NHẤT (*Paṭhamapaṭipattisutta*) (*S*. V. 23)

31. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về tà hạnh và về chánh hạnh. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà hạnh? Tức là tà tri kiến... tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tà hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh hạnh? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh hạnh.

II. KINH VỀ HẠNH THỨ HAI (*Dutiyapaṭipattisutta*)[14] (*S*. V. 23)

32. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ở đây, Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người tà hạnh và người chánh hạnh. Hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người tà hạnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà kiến... tà định. Đây gọi là người tà hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chánh hạnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là người chánh hạnh.

III. KINH THỐI THẤT (*Viraddhasutta*)[15] (*S*. V. 23)

33. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Với những ai, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành bị thối thất, đối với họ, bị thối thất là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành được thực hiện (*āraddha*), đối với họ, được thực hiện là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đạo tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Conducted*, nghĩa là *Được hướng dẫn*.

[15] *Viraddha*, trái nghĩa với *āraddha* còn có nghĩa là nỗ lực, chuyên cần. Tham khảo: *S*. V. 82; *KS*. V. 69 (kinh 199 ở sau); *S*. V. 179; *KS*. V. 157 (kinh 399 ở sau); *S*. V. 254; *KS*. V. 225 (kinh 814 ở sau); *S*. V. 294; *KS*. V. 261 (kinh 899 ở sau).

bị thối thất, đối với họ, bị thối thất là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau. Với những ai, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành được thực hiện, đối với họ, được thực hiện là Thánh đạo tám ngành, con đường chơn chánh đưa đến đoạn tận khổ đau.

IV. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (*Pāraṅgamasutta*) (*S*. V. 24)

34. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có tám pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia (*apārā pāraṃ gamanāya*). Thế nào là tám? Tức là chánh tri kiến... chánh định. Tám pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:[16]

Ít thay là những người,
Đạt đến bờ bên kia.
Phần lớn quần chúng khác,
Chạy qua lại bờ này.
Những ai theo thuyết giảng,
Chánh pháp khéo tuyên thuyết,
Họ đến bờ bên kia,
Khéo vượt cảnh giới ma.
Đoạn tận các hắc pháp,
Bậc trí tu bạch pháp,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Trong độc cư, khó lạc.
Ở đây, muốn hưởng lạc,
Hãy bỏ mọi dục vọng,
Bậc trí tự thanh lọc,
Tự tâm khỏi phiền não.
Những ai khéo tu tập,
Chánh tâm trong giác chi,
Từ bỏ các chấp trước,
Hoan hỷ, không chấp thủ,
Lậu hoặc tận, chói sáng,
Đạt tịch tịnh ở đời.

V. KINH SA-MÔN HẠNH THỨ NHẤT (*Paṭhamasāmaññasutta*) (*S*. V. 25)

35. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Sa-môn hạnh và quả Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

[16] Xem *A*. V. 232; *Dh*. v. 85-99.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quả Sa-môn hạnh? Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Sa-môn hạnh.

VI. KINH SA-MÔN HẠNH THỨ HAI (*Dutiyasāmaññasutta*) (*S.* V. 25)

36. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Sa-môn hạnh và mục đích Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn hạnh? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích Sa-môn hạnh? Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là mục đích Sa-môn hạnh (*sāmaññattha*).

VII-VIII. KINH BÀ-LA-MÔN HẠNH THỨ NHẤT, THỨ HAI (*Paṭhamabrahmaññasutta*, *Dutiyabrahmaññasutta*) (*S.* V. 25-26)

37-38. (Như kinh 35-36, chỉ thay thế bằng "Bà-la-môn hạnh").

IX-X. KINH PHẠM HẠNH THỨ NHẤT, THỨ HAI) (*Paṭhamabrahmacariyasutta*, *Dutiyabrahmacariyasutta*) (*S.* V. 26)

39-40. (Như kinh 35-36, chỉ thay thế bằng "Phạm hạnh").

PHẨM NGOẠI ĐẠO LƯỢC THUYẾT (*AÑÑATITTHIYAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH LY THAM (*Rāgavirāgasutta*) (*S.* V. 27)

41. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Do mục đích đoạn tận tham, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận tham?" Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham."

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham? Chính là Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

II-VII. NHÓM 6 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH ĐOẠN TẬN KIẾT SỬ (*Saṃyojanappahānādisuttachakka*)[17] (*S*. V. 28)

42-47. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Do mục đích đoạn tận kiết sử, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn." ... "Do mục đích nhổ sạch tùy miên, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn." ... "Do mục đích liễu tri đường dài, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn." ... "Do mục đích đoạn trừ lậu hoặc, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn." ... "Do mục đích chứng ngộ tuệ giải thoát, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn." ... "Do mục đích tri kiến, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

VIII. KINH KHÔNG CHẤP THỦ (*Anupādāparinibbānasutta*) (*S*. V. 29)

48. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Vì mục đích hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Có con đường nào, này chư Hiền, có đạo lộ nào đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Có con đường, này chư Hiền, có đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ."

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ? Chính Thánh đạo tám ngành này, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

---

[17] Bản Pāli trình bày 6 kinh từ 42-47 chung một nhóm. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh với tên riêng: (ii) *Fetter* (*Kiết sử*); (iii) *Tendency* (*Tùy miên*); (iv) *The Way out* (*Hành lộ*); (v) *Destruction of the Āsavas* (*Đoạn tận các lậu hoặc*); (vi) *Release by Knowledge* (*Được giải thoát nhờ Minh*); (vii) *Knowing* (*Trí*).

PHẨM MẶT TRỜI LƯỢC THUYẾT (*SŪRIYAPEYYĀLAVAGGA*)

Tất cả đều nhân duyên ở Sāvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY[18]

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S*. V. 29)

49. Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông (*aruṇugga*); cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thời chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định... hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*)[19] (*S*. V. 30)

50-54. "Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là sự thành tựu giới hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thời được chờ đợi rằng… chính là sự thành tựu dục [muốn làm điều thiện]… chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]… chính là sự thành tựu kiến… chính là sự thành tựu không phóng dật…

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasampadāsutta*)[20] (*S*. V. 31)

55. Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước Thánh đạo tám ngành sanh khởi chính là thành tựu như lý tác ý.

---

[18] Bản Pāli trình bày liên tục phẩm VI. Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm *The Sun Repetition* (*Mặt trời trùng thuyết*) thành 2 phần: I. *Based on Seclusion* (*Liên hệ đến viễn ly*); II. *Restraint of Passion* (*Nhiếp phục tham*).

[19] Bản Pāli trình bày 5 kinh từ 50-54 chung một nhóm. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh với tên riêng: (ii) *Virtue* (*Giới hạnh*); (iii) *Desire* (*Ước muốn*); (iv) *Self-possession* (*Tự ngã*); (v) *Insight* (*Kiến*); (vi) *Earnestness* (*Không phóng dật*).

[20] Bản tiếng Anh của PTS: *Systematic*, nghĩa là *Như lý*.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S.* V. 31)

56. Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*) (*S.* V. 32)

57-61. Này các Tỷ-kheo, như cái đi trước và điềm tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái đi trước và điềm tướng báo trước sự sanh khởi của Thánh đạo tám ngành chính là sự thành tựu giới hạnh… chính là sự thành tựu dục… chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]… chính là sự thành tựu kiến… chính là sự thành tựu không phóng dật….

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasampadāsutta*) (*S.* V. 32)

62. ... Chính là sự thành tựu như lý tác ý.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm

cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT (*EKADHAMMAPEYYĀLAVAGGA*)

Tất cả đều nhân duyên ở Sāvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY[21]

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S*. V. 32)

63. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là làm bạn với thiện hữu.

Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*) (*S*. V. 33)

64-68. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành sanh khởi. Và thế nào là một pháp lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành sanh khởi? Chính là sự thành tựu giới hạnh… chính là sự thành tựu dục… chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]… chính là sự thành tựu kiến… chính là sự thành tựu không phóng dật…

---

[21] Bản Pāli trình bày liên tục phẩm này. Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm *The One Condition Repetition* I (phẩm *Một pháp trùng thuyết* I) thành 2 phần: I. *Based on Seclusion* (*Liên hệ đến viễn ly*); II. *Restraint of Passion* (*Nhiếp phục tham*).

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasampadāsutta*)[22] (*S*. V. 33)

69. ... Chính là sự thành tựu như lý tác ý.

Với các Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S*. V. 34)

70. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là làm bạn với thiện hữu.

Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*) (*S*. V. 34)

71-75. – Có một pháp, này các Tỷ-kheo, lợi ích nhiều cho Thánh đạo tám ngành được sanh khởi. Thế nào là một pháp? Chính là sự thành tựu giới hạnh… chính là sự thành tựu dục… chính là sự tự thành tựu [tâm thành tựu]… chính là sự thành tựu kiến… chính là sự thành tựu không phóng dật…

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasampadāsutta*) (*S*. V. 34)

76. ... Chính là thành tựu như lý tác ý.

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *Systematic*, nghĩa là *Như lý*.

Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, được chờ đợi là Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM MỘT PHÁP LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (*DUTIYAEKADHAMMAPEYYĀLAVAGGA*)

Tất cả đều nhân duyên ở Sāvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY[23]

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S.* V. 35)

77. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn. Này các Tỷ-kheo, pháp ấy tức là làm bạn với thiện hữu.

Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*) (*S.* V. 36)

78-82. – Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn, này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu

---

[23] Bản Pāli trình bày liên tục phẩm này. Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm *The One Condition Repetition* II (*Phẩm Một pháp trùng thuyết* II) thành 2 phần: I. *Based on Seclusion* (*Liên hệ đến viễn ly*); II. *Restraint of Passion* (*Nhiếp phục tham*).

giới hạnh… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu dục… này các Tỷ-kheo, như sự tự thành tựu… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu kiến… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu không phóng dật…

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasampadāsutta*) (*S*. V. 36)

83. Này các Tỷ-kheo... như sự thành tựu như lý tác ý.

Với Tỷ-kheo thành tựu như ý tác ý, này các Tỷ-kheo, thời được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*Kalyāṇamittasutta*) (*S*. V. 37)

84. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn, này các Tỷ-kheo, như làm bạn với thiện hữu.

Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

II-VI. NHÓM 5 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THÀNH TỰU GIỚI HẠNH (*Sīlasampadādisuttapañcaka*) (*S*. V. 37)

85-89. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, Thánh đạo tám ngành chưa khởi lên được sanh khởi, hay Thánh đạo tám ngành đã khởi lên được đi đến tu tập sung mãn, này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu giới hạnh… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu dục… này các Tỷ-kheo, như sự tự thành tựu… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu kiến… này các Tỷ-kheo, như sự thành tựu không phóng dật…

VII. KINH THÀNH TỰU NHƯ LÝ TÁC Ý
(***Yonisomanasikārasampadāsutta***) (*S*. V. 37)

90. Này các Tỷ-kheo... như sự thành tựu như lý tác ý.

Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT
(*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

Tất cả đều nhân duyên ở Sāvatthi.

I. LIÊN HỆ ĐẾN VIỄN LY[24]

I. KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT
(***Paṭhamapācīnaninnasutta***) (*S*. V. 38)

91. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā (sông Hằng) thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

---

[24] Bản tiếng Anh của PTS phân chia phẩm *Gaṅgā Repetition* (*Sông Hằng trùng thuyết*) thành 4 phần: I. *Based on Seclusion* (*Viễn ly*); II. *Restraint of Passion* (*Nhiếp phục tham*); III. *Plunging into the Deathless* (*Nhập vào bất tử*); IV. *Flowing to Nibbāna* (*Thiên về Niết-bàn*).

II-V. NHÓM 4 KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM (*Dutiyādipācīnaninnasuttacatukka*) (*S.* V. 39)

92-95. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Aciravatī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Sarabhū thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Mahī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như kinh trên).[25]

VI. KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ SÁU (*Chaṭṭhapācīnaninnasutta*)[26] (*S.* V. 39)

96. Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các sông lớn, như sông Gaṅgā… sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… đều thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

I. KINH HƯỚNG VỀ BIỂN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamuddaninnasutta*) (*S.* V. 39)

97. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

---

[25] Có 5 sông lớn thuộc miền Bắc Ấn Độ chảy từ Himālaya, xuôi về phương Đông để ra biển. Đó là Gaṅgā (sông Hằng), Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī.

[26] Bản tiếng Anh của PTS: *Ocean*, nghĩa là *Biển*.

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādisamuddaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 40)

98-102. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā… sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… tất cả các sông lớn như sông Hằng, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thiên về hướng biển, hướng về biển, xuôi về biển.

(Như các kinh 92-96, chỉ thay thế bằng "hướng về biển").

PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (*DUTIYAGAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

II. NHIẾP PHỤC THAM

I. KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamapācīnaninnasutta*) (*S*. V. 40)

103. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādipācīnaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 40)

104. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

105. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Aciravatī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

106. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Sarabhū thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

107. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Mahī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

108. Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī đều thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

I. KINH HƯỚNG VỀ BIỂN THỨ NHẤT
(*Paṭhamasamuddaninnasutta*) (*S*. V. 40)

109. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU
(*Dutiyādisamuddaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 40)

110. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

111. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Aciravatī thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

112. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Sarabhū thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

113. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Mahī thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên)

114. Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī đều thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục sân, với cứu cánh là nhiếp phục si... tu tập chánh định với cứu cánh là nhiếp phục tham, với cứu cánh là nhiếp phục

sân, với cứu cánh là nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

III. NHẬP VÀO BẤT TỬ

I. KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamapācīnaninnasutta*) (*S*. V. 41)

115. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử… tu tập chánh định, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.…

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādipācīnaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 41)

116. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

117. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Aciravatī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

118. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Sarabhū thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

119. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Mahī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

120. Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī đều thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

I. KINH HƯỚNG VỀ BIỂN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamuddaninnasutta*) (*S*. V. 41)

121. (Như kinh 115, chỉ thay thế bằng “hướng về biển”).

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādisamuddaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 41)

122-126. (Như các kinh 116-120, chỉ thay thế bằng "hướng về biển").

– Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī đều thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, nhập vào bất tử, hướng về bất tử, cứu cánh là bất tử… (như trên).

IV. THIÊN VỀ NIẾT-BÀN

I. KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamapācīnaninnasutta*) (*S*. V. 42)

127. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Gaṅgā thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn..

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādipācīnaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 42)

128-132. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

I. KINH HƯỚNG VỀ BIỂN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamuddaninnasutta*) (*S*. V. 42)

133. (Như kinh 127, chỉ thay thế bằng "hướng về biển").

II-VI. NHÓM 5 KINH HƯỚNG VỀ BIỂN TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU (*Dutiyādisamuddaninnasuttapañcaka*) (*S*. V. 42)

134-138. – Ví như, này các Tỷ-kheo, tất cả các con sông lớn, như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī đều thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo… (như trên).

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

V. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT LƯỢC THUYẾT (*APPAMĀDAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH NHƯ LAI (*Tathāgatasutta*) (*S*. V. 43)

I. VIỄN LY[27]

139. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Cũng như, này các Tỷ-kheo, đối với tất cả loại hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hay không có tưởng và không không có tưởng; Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thiện pháp gì, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, đều lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ.[28] Không phóng dật được gọi là tối thượng đối với tất cả pháp ấy.

Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

(Ba phần khác về "Viễn ly" cũng được thuyết tương tự).

II. NHIẾP PHỤC THAM

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh...

III. BẤT TỬ

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy bất tử làm chỗ

---

[27] Bản Pāli trình bày liên tục kinh 139. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 139, mục I. *Tathāgata* (*Như Lai*) thành 4 phần: I. *Seclusion* (*Viễn ly*); II. *Ending in Restraint of Passion* (*Nhiếp phục tham*); III. *Ending in the Deathless* (*Bất tử*); IV. *Ending in Nibbāna* (*Niết-bàn*).

[28] *Samosaraṇā*. Xem phần sau và *KS*. III. 132ff.

hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định, lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...

IV. NIẾT-BÀN

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

II. KINH DẤU CHÂN (*Padasutta*) (*S*. V. 43)

140. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào, tất cả đều hội tập (*samodhānaṃ gacchanti*) trong chân con voi, vì chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại chân, tức là về phần to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành sẽ được tu tập, Thánh đạo tám ngành sẽ được làm cho sung mãn. (Mỗi kinh được trình bày thêm bốn phần như kinh 139).

III. KINH CHÓP MÁI[29] (*S*. V. 43)

141. Ví như, này các Tỷ-kheo, các đòn tay nào của một ngôi nhà có mái nhọn, tất cả đều đi đến mái nhọn, hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn. Mái nhọn đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên).

IV. KINH RỄ HƯƠNG (*S*. V. 44)

142. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rễ hương nào, loại Chiên-đàn đen (*kāḷānusāriya*) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên).

V. KINH LÕI HƯƠNG (*S*. V. 44)

143. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại lõi hương nào, loại Chiên-đàn đỏ (*lohitacandana*) được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên).

VI. KINH HẠ SANH HOA (*S*. V. 44)

144. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hương hoa nào (*pupphagandha*), hoa huệ được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên).

VII. KINH VUA (*S*. V. 44)

145. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào (*kuṭṭarājāna*),

[29] Xem *S*. II. 262; *S*. III. 156. Bản Pāli trình bày 5 kinh từ 141-145 chung một nhóm với tên nhóm là *Kūṭādisuttapañcaka*, nghĩa là *Nhóm 5 kinh bắt đầu bằng Kinh Chóp mái*. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh, với tên riêng: (iii) *The Roof-peak* (*Chóp mái*); (iv) *Wood* (*Rễ hương*); (v) *Heart-wood* (*Lõi hương*); (vi) *Jasmine* (*Hạ Sanh hoa*); (vii) *Prince* (*Tiểu vương*).

tất cả đều tùy thuộc Chuyển Luân Vương. Vua Chuyển Luân đối với họ được gọi là tối thượng. Cũng vậy... (như trên).

VIII. KINH MẶT TRĂNG[30] (*S.* V. 44)

146. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm ánh sáng của bất cứ loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên).

IX. KINH MẶT TRỜI (*S.* V. 44)

147. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng, không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên hư không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... (như trên).

X. KINH VẢI (*S.* V. 45)

148. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có vải gì được dệt, vải dệt ở Ba-la-nại được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng Thánh đạo tám ngành được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

---

[30] Bản Pāli trình bày 3 kinh từ 146-148 chung một nhóm với tên nhóm là *Candimādisuttatatiyaka*, nghĩa là *Nhóm 3 kinh bắt đầu bằng Kinh Mặt trăng*. Bản tiếng Anh của PTS trình bày từng kinh với tên riêng: (viii) *Moon* (*Mặt trăng*); (ix) *Sun* (*Mặt trời*); (x) *Cloth* (*Vải*).

VI. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

Tất cả đều có nhân duyên ở Sāvatthi.

I. KINH SỨC LỰC (*Balasutta*)[31] (*S*. V. 45)

149. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hành động gì muốn làm cần phải có sức lực, tất cả những hành động ấy đều y cứ vào đất, đều an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh... tu tập chánh định lấy nhiếp phục tham làm cứu cánh, lấy nhiếp phục sân làm cứu cánh, lấy nhiếp phục si làm cứu cánh...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tu tập chánh định lấy bất tử làm chỗ hội nhập, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

II. KINH CÁC HẠT GIỐNG (*Bījasutta*)[32] (*S*. V. 46)

150. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những hạt giống nào, những cây mạ nào tăng trưởng, lớn mạnh, quảng đại, tất cả đều y cứ vào đất, đều an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu

[31] Xem *M*. I. 230.

[32] *SA*. III. 303 giải thích 5 loại hạt giống còn gọi là *bījagāma*, khi thành màu xanh lá mạ được gọi là *bhūtagāma*.

tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được tăng trưởng, lớn mạnh, quảng đại trong các pháp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến tăng trưởng, lớn mạnh và quảng đại trong các pháp.

III. KINH CON RẮN (*Nāgasutta*) (*S*. V. 47)

151. Y cứ vào vua Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở đấy, khi chúng tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ;[33] sau khi xuống các hồ nhỏ, chúng đi xuống các hồ lớn; sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ; sau khi đi xuống các sông nhỏ, chúng đi xuống các sông lớn; sau khi đi xuống các sông lớn, chúng đi ra biển, ra đại dương. Tại đấy, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến sự to lớn, sự quảng đại trong các thiện pháp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú trên giới, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đạt đến sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp.[34]

IV. KINH CÂY (*Rukkhasutta*) (*S*. V. 47)

152. – Ví như, này các Tỷ-kheo, có cây thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông, khi bị chặt từ gốc, cây ấy sẽ rơi về hướng nào?

– Bạch Thế Tôn, về phía nó thiên về, về phía nó hướng về, về phía nó xuôi về.

---

[33] Xem *S*. II. 30.

[34] *SA*. III. 136 giải thích rằng: "Tuyết Sơn tượng trưng cho bốn thanh tịnh hoàn toàn của giới luật. Các loài rắn tượng trưng cho các vị Hữu học nhiệt tình. Các hồ lớn, hồ nhỏ... tượng trưng cho Thánh đạo. Biển, đại dương tượng trưng cho Niết-bàn. Sự lớn lên và trưởng thành tượng trưng cho Thắng trí."

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

V. KINH CÁI GHÈ (*Kumbhasutta*) (*S*. V. 48)

153. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè, nếu bị nghiêng đổ, nước đã bị đổ ra không thể đổ vào lại được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp đã được đổ ra, không thể đổ vào lại được. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp đã được đổ ra, không thể đổ vào lại được?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp đã được đổ ra, không có thể đổ vào lại được.

VI. KINH RÂU LÚA MÌ (*Sūkasutta*) (*S*. V. 48)

154. Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu lúa mì, hay sợi râu lúa mạch được đặt hướng chơn chánh, khi bị tay chân đè vào, có thể đâm thủng tay chân, hay có thể làm đổ máu. Sự tình này có xảy ra. Vì sao? Vì sợi râu được đặt hướng chơn chánh.

Cũng vậy, Tỷ-kheo nhờ đặt hướng chơn chánh, tu tập con đường chơn chánh, thời vô minh được cắt đoạn, minh sẽ được khởi lên, Niết-bàn sẽ được chứng đắc. Sự kiện như vậy có xảy ra. Vì sao? Vì tri kiến được đặt hướng một cách chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo nhờ chơn chánh đặt hướng tri kiến, nhờ chơn chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh đặt hướng tri kiến, chơn

chánh đặt hướng con đường tu tập nên đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, chứng ngộ được Niết-bàn.

VII. KINH HƯ KHÔNG (*Ākāsasutta*)[35] (*S*. V. 49)

155. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên không trung, có nhiều loại gió thổi, gió từ phương Đông thổi, gió từ phương Tây thổi, gió từ phương Bắc thổi, gió từ phương Nam thổi, gió có bụi thổi, gió không bụi thổi, gió lạnh thổi, gió nóng thổi, gió nhỏ thổi, gió thật lớn thổi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thời bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, bốn niệm xứ được tu tập đi đến viên mãn, bốn chánh cần... bốn như ý túc... năm căn... năm lực... bảy giác chi được tu tập đi đến viên mãn.

VIII. KINH MÂY MƯA THỨ NHẤT (*Paṭhamameghasutta*) (*S*. V. 50)

156. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào cuối tháng mùa hạ, bụi mù bay lên, rồi có đám mây, mưa lớn trái mùa thình lình làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh (*uppannuppanna*) lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

IX. KINH MÂY MƯA THỨ HAI (*Dutiyameghasutta*) (*S*. V. 50)

157. Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngọn gió lớn thỉnh thoảng làm cho đám mây, mưa lớn khởi lên bị tiêu tan, tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với

[35] Xem *S*. IV. 218.

các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

X. KINH CHIẾC THUYỀN (*Nāvāsutta*) (*S.* V. 51)

158. Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, đầy đủ cột buồm và dây buồm (*vettabandhanabandhāya*), và bị mắc cạn trên bờ, trong sáu tháng bị nước làm cho hao mòn.[36] Còn trong mùa khô, các dây buồm bị gió và mặt trời làm cho hư hại; rồi trong mùa mưa, bị thấm ướt (*abhippavuṭṭha*) bởi cơn mưa giông, rất dễ (*appakasirena*) bị yếu, hư và mục nát. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, rất dễ làm cho các kiết sử yếu mòn và mục nát.

XI. KINH CÁC KHÁCH (*Āgantukasutta*) (*S.* V. 51)

159. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một nhà khách, ở đấy có người từ phương Đông tới ở, có người từ phương Tây tới ở, có người từ phương Bắc tới ở, có người từ phương Nam tới ở, có người Sát-đế-ly tới ở, có người Bà-la-môn tới ở, có người Phệ-xá tới ở, có người Thủ-đà tới ở. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, họ nhờ thắng trí liễu tri các pháp ấy; với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thắng trí; với các pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ các pháp ấy nhờ thắng trí; với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí? Cần phải được trả lời là năm thủ uẩn. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí.

---

[36] *Pariyenāya* = *Pariyādāya*, nghĩa đen là xoay vòng. Xem *S.* V. 51; *A.* IV. 127. Trong *SA.* II. 331, viết *mahāsamude pariyādānaṃ*, nghĩa là bị nước biển làm hao mòn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí? Vô minh, hữu và ái (*bhavataṇhā*), những pháp này cần phải đoạn tận nhờ thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí? Minh và giải thoát, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, những pháp nào cần phải tu tập nhờ thắng trí? Chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải tu tập nhờ thắng trí.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri, họ liễu tri được các pháp ấy nhờ thắng trí; đối với các pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, họ đoạn tận các pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, họ chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, họ tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành; đối với các pháp cần phải liễu tri nhờ thắng trí, vị ấy liễu tri những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải đoạn tận nhờ thắng trí, vị ấy đoạn tận những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp ấy nhờ thắng trí; đối với những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí, vị ấy tu tập những pháp ấy nhờ thắng trí.

XII. KINH CON SÔNG (*Nadīsutta*) (*S.* V. 53)

160. – Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Rồi có một quần chúng lớn đến cầm cuốc và giỏ nói rằng: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, quần chúng lớn ấy có thể làm cho sông Hằng thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây không?

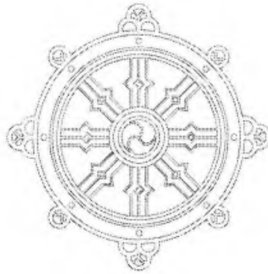
– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Vì sao? Vì rằng sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông, không dễ gì có thể làm sông Hằng thiên về hướng Tây, hướng về hướng Tây, xuôi về hướng Tây. Quần chúng lớn ấy chỉ phải khổ nhọc, phiền não mà thôi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, thời các vua, đại thần của vua, bằng hữu, đồng nghiệp, thân thích hay quyến thuộc cùng một huyết thống, đem tài sản đến mời mọc: "Hãy đến, này bạn! Sao để những cà-sa này làm phiền não bạn? Sao lại bộ hành với đầu trọc và y bát? Hãy hoàn tục, hưởng các tài sản và làm các công

đức." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành, từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy đã lâu ngày thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, không thể nào có thể trở lại hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Và thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành.



VII. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I. KINH TẦM CẦU (*Esanāsutta*)[37] (*S*. V. 54)

Tất cả đều có nhân duyên ở Sāvatthi.

I. THẮNG TRI (*Abhiññā*)

161. Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu về dục, tầm cầu về hữu, tầm cầu về Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tầm cầu. Chính do thắng tri ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính do thắng tri ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập.

Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si.

Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu... tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử.

Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu... tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, chính do thắng tri ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập.

II. LIỄU TRI (*Pariññā*)

– Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu về dục, tầm cầu về hữu, tầm cầu về Phạm hạnh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tầm cầu. Chính vì liễu tri ba tầm cầu này... mà Thánh đạo tám ngành được tu tập.

III. ĐOẠN DIỆT (*Parikkhaya*)

– Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn diệt ba tầm cầu này... mà Thánh đạo tám ngành được tu tập.

IV. ĐOẠN TẬN (*Pahāna*)

– Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu

---

[37] Bản Pāḷi trình bày liên tục kinh 161. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 161, mục I. *Longing* (*Tầm cầu*), thành 4 phần: I. *Full Comprehension* (*Thắng tri*); II. *Realization* (*Liễu tri*); III. *Wearing out* (*Đoạn diệt*); IV. *Abandoning* (*Đoạn tận*).

hữu, tầm cầu Phạm hạnh. Chính vì mục đích đoạn tận ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... Này các Tỷ-kheo, chính vì mục đích đoạn tận ba tầm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập.

II. KINH KIÊU MẠN (*Vidhāsutta*)[38] (*S*. V. 56)

162. Này các Tỷ-kheo, có ba kiêu mạn. Thế nào là ba? Kiêu mạn: "Tôi hơn", kiêu mạn: "Tôi bằng", kiêu mạn: "Tôi thua." Này các Tỷ-kheo, đó là ba kiêu mạn này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo tám ngành được tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... Này các Tỷ-kheo, chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

III. KINH LẬU HOẶC (*Āsavasutta*) (*S*. V. 56)

163. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba lậu hoặc này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba lậu hoặc này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập...

IV. KINH HỮU (*Bhavasutta*) (*S*. V. 56)

164. Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này. Thế nào là ba? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba hữu này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba hữu này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

V. KINH KHỔ TÁNH (*Dukkhatāsutta*) (*S*. V. 56)

165. Này các Tỷ-kheo, có ba khổ tánh này. Thế nào là ba? Khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khổ tánh. Này các Tỷ-kheo, đó là ba khổ tánh này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khổ tánh này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

VI. KINH HOANG VU (*Khilasutta*)[39] (*S*. V. 57)

166. Này các Tỷ-kheo, có ba hoang vu này. Thế nào là ba? Tham hoang vu, sân hoang vu, si hoang vu. Này các Tỷ-kheo, đó là ba hoang vu này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba hoang vu này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

---

[38] *Vidhā*. Các tà kiến và tranh luận do mạn gây ra. Xem chú thích trong *KS*. III. 42; *Vbh*. 367; *BPE*. 298.

[39] *Khila*: Đất hoang. Xem *Vbh*. 377 về 5 *cetto khilā*: Hoài nghi, không tin Đạo sư, Pháp, Tăng và học pháp. Không nên nhầm lẫn *khila* với *khīla*, có nghĩa cái chốt, cái cọc, thỏi.

VII. KINH CẤU NHIỄM (*Malasutta*) (*S*. V. 57)

167. Này các Tỷ-kheo, có ba cấu nhiễm này. Thế nào là ba? Tham cấu nhiễm, sân cấu nhiễm, si cấu nhiễm. Này các Tỷ-kheo, đó là ba cấu nhiễm này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba cấu nhiễm này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

VIII. KINH DAO ĐỘNG (*Nīghasutta*) (*S*. V. 57)

168. Này các Tỷ-kheo, có ba dao động này. Thế nào là ba? Tham dao động, sân dao động, si dao động. Này các Tỷ-kheo, đó là ba dao động này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba dao động này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

IX. KINH THỌ (*Vedanāsutta*) (*S*. V. 57)

169. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đó là ba thọ này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba thọ này... mà Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

X. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*) (*S*. V. 58)

170. Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục khát ái, hữu khát ái, phi hữu khát ái. Này các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

XI. KINH KHÁT ÁI (*Tasināsutta*)[40] (*S*. V. 58)

171. Có ba khát ái, này các Tỷ-kheo... Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... tu tập chánh định với mục đích là thể nhập bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử... tu tập chánh định thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn... Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

---

[40] *Tasiṇā* hay *Taṇhā* đều chỉ cho khát ái.

VIII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

Tất cả đều có nhân duyên ở Sāvatthi.

I. KINH BỘC LƯU (*Oghasutta*) (*S*. V. 59)

172. Này các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu,[41] vô minh bộc lưu. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bộc lưu này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn bộc lưu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

(Như đoạn kinh về "Tầm cầu").

II. KINH ÁCH PHƯỢC (*Yogasutta*) (*S*. V. 59)

173. Này các Tỷ-kheo, có bốn ách phược này. Thế nào là bốn? Dục ách phược, hữu ách phược, kiến ách phược, vô minh ách phược. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn ách phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn ách phược này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

III. KINH CHẤP THỦ (*Upādānasutta*) (*S*. V. 59)

174. Này các Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ này. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn chấp thủ này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn chấp thủ này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

IV. KINH HỆ PHƯỢC (*Ganthasutta*) (*S*. V. 59)

175. Này các Tỷ-kheo, có bốn hệ phược này. Thế nào là bốn? Tham thân hệ phược, sân thân hệ phược, giới cấm thủ thân hệ phược, chấp đây là sự thật thân hệ phược. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn hệ phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn hệ phược này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

V. KINH TÙY MIÊN (*Anusayasutta*) (*S*. V. 60)

176. Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này. Thế nào là bảy? Dục tham tùy miên (*kāmarāgānusaya*), hận tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên (*bhavarāgānusaya*), vô minh tùy miên. Này các Tỷ-kheo, đó là bảy tùy miên này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt,

[41] *SA*. III. 137: *Diṭṭhoghoti dvāsaṭṭhi diṭṭhiyo*, tức 62 tà kiến.

đoạn tận bảy tùy miên này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

VI. KINH DỤC CÔNG ĐỨC (*Kāmaguṇasutta*) (*S*. V. 60)

177. Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đó là năm dục công đức này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm dục công đức này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này phải được tu tập.

VII. KINH TRIỀN CÁI (*Nīvaraṇasutta*) (*S*. V. 60)

178. Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Dục tham triền cái (*kāmacchandanīvaraṇa*), sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này các Tỷ-kheo, đó là năm triền cái này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

VIII. KINH THỦ UẨN (*Upādānakkhandhasutta*) (*S*. V. 60)

179. Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đó là năm thủ uẩn này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thủ uẩn này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

IX. KINH HẠ PHẦN KIẾT SỬ (*Orambhāgiyasutta*) (*S*. V. 61)

180. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Này các Tỷ-kheo, đó là năm hạ phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm hạ phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyasutta*) (*S*. V. 61)

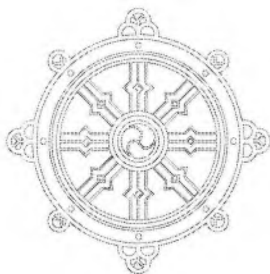
181. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con sông Hằng...

Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... thể nhập vào bất tử, hướng đến bất tử, với cứu cánh là bất tử... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.



46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI
(*BOJJHAṄGASAṂYUTTA*)

I. PHẨM NÚI (*PABBATAVAGGA*)

I. KINH TUYẾT SƠN (*Himavantasutta*) (*S.* V. 63)

182. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

–Ví như, nương tựa vào (*nissāya*) vua Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở đấy, khi chúng tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ. Sau khi xuống các hồ nhỏ, chúng đi xuống các hồ lớn. Sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ. Sau khi đi xuống các sông nhỏ, chúng đi xuống các sông lớn. Sau khi đi xuống các sông lớn, chúng đi ra biển, ra đại dương. Tại đấy, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp.

II. KINH THÂN (*Kāyasutta*) (*S.* V. 64)

183. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với dục tham (*kāmacchanda*) chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tịnh tướng (*subhanimitta*). Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời tịnh tướng này là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với sân chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có đối ngại tướng (*paṭighanimitta*). Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đối ngại tướng này là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

Này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với hôn trầm thụy miên chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có sự không hân hoan, biếng nhác (*tandi*), uể oải (*vijambhitā*), ăn quá no, tâm rụt rè.[1] Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạo hối chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tâm không được tịnh chỉ. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với nghi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với nghi đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính các pháp này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay đối với nghi hoặc đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với niệm giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn?

---

[1] *Arati tandi vijambhitā bhattasammado cetaso ca līnattaṃ*. Xem *SA*. I. 36; *JA*. VI. 57; *Vibh*. 272, 352, 478.

Có các pháp, này các Tỷ-kheo, làm trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh; hay đối với niệm giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạch pháp giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các thiện pháp và bất thiện pháp, có các pháp đáng chỉ trích và không đáng chỉ trích, có các pháp liệt và thắng, có các pháp đen và trắng (*kaṇhasukkasappaṭibhāgā*).[2] Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với tinh tấn giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới (*ārambhadhātu*), tinh cần giới (*nikkamadhātu*), cần dõng giới (*parakkamadhātu*). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với hỷ giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với khinh an giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với định giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng (*samathanimittaṃ*), bất loạn tướng (*abyagganimittaṃ*). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với xả giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này

[2] Xem *D.* II. 215.

các Tỷ-kheo, có các pháp làm trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú.

III. KINH GIỚI (*Sīlasutta*) (*S*. V. 67)

184. Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào Cụ túc giới, Cụ túc định, Cụ túc tuệ, Cụ túc giải thoát, Cụ túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng chỉ thấy các Tỷ-kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích.

Chỉ nghe các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ yết kiến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ thân cận các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia,[3] này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.

Vì sao? Này các Tỷ-kheo, khi nghe pháp từ các Tỷ-kheo như vậy, vị nào sống viễn ly (*vūpakaṭṭho*), được hai sự viễn ly: Viễn ly về thân và viễn ly về tâm. Vị sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niệm (*anussarati*) pháp ấy, tùy tầm pháp ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống viễn ly như vậy, tùy niệm, tùy tầm pháp ấy; trong lúc ấy, niệm giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, niệm giác chi đi đến viên mãn. Vị ấy trú với chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát[4] và thành tựu quán sát pháp ấy.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động (*asallīnaṃ*) bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; trong khi ấy, nhờ tu

---

[3] *Anupabbajja. SA*. III. 143 đề cập đến các Trưởng lão Mahākassapa, Candagutta, Sūriyagutta, Assagutta, Yonakadhammarakkhita, Tissa và Mahinda.

[4] *SA*. III. 143: *Pavicinatītiādi sabbaṃ tattha ñāṇacāravaseneva vuttaṃ* ("quyết trạch", v. v… tất cả trong trường hợp này được cho là nhờ vào "hành tuệ").

tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất (*pīti nirāmisā*) khởi lên.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn [sự vật] (*sādhukaṃ ajjhupekkhitā*).

Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn [sự vật] như vậy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại, lập tức[5] thành tựu được chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí.

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn (*Antarāparinibbāyī*).[6]

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn (*Upahaccaparinibbāyī*).[7]

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chứng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn (*Asaṅkhāraparinibbāyī*).[8]

---

[5] *Paṭikacca*. Bản Tích Lan và PTS viết *Paṭigacca*. Xem *D*. II. 118; *Miln*. 48, 421; *Vin*. IV. 44.

[6] Vị này là bậc Bất Lai, sống đời sống còn lại ở Phạm thiên giới.

[7] *Chú giải* giải thích vị này sống 500 kiếp nữa rồi chứng quả A-la-hán. Xem *PC*. 158.

[8] *Asaṅkhāra*. Vô hành, tức những hành động không có kết quả của nghiệp. Xem *PugA*.; *JPTS*. 1914, p.199; *Expos*. 207.

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn (*Sasaṅkhāraparinibbāyī*).

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc Thượng lưu (*Uddhaṃsota*) đạt được Sắc Cứu Cánh thiên (Akaniṭṭhagāmī).

Này các Tỷ-kheo, do tu tập bảy giác chi như vậy, do làm cho sung mãn như vậy, nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này.

IV. KINH Y PHỤC (*Vatthasutta*)[9] (*S.* V. 70)

185. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, có bảy giác chi này. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này chư Hiền, đó là bảy giác chi này.

Đối với bảy giác chi này, này chư Hiền, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi chiều.

Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền, ta rõ biết được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi ấy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi ấy từ bỏ ta vì nhân duyên này.

... (như trên, với các giác chi khác).

Nếu là xả giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền, ta rõ biết được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an

---

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Practice*, nghĩa là *Tu tập*.

trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi ấy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi ấy từ bỏ ta vì nhân duyên này.

Ví như, này chư Hiền, hòm áo của vua hay vị đại thần của vua đầy những loại áo có màu sắc sai biệt. Nếu vị ấy muốn mặc loại áo nào vào buổi sáng, vị ấy mặc áo loại ấy vào buổi sáng. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi trưa, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi trưa. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi chiều, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi chiều.

Cũng vậy, này chư Hiền, đối với bảy giác chi này, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ấy ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi ấy ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, ta an trú giác chi ấy vào buổi chiều.[10]

Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền, ta rõ biết... (như trên).

Nếu là xả giác chi... (như trên).

V. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S*. V. 72)

186. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Giác chi, giác chi", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi?

– Này Tỷ-kheo, chúng đưa đến giác ngộ, do vậy chúng được gọi là giác chi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Do vị ấy tu tập bảy giác chi này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Chúng đưa đến giác ngộ, này các Tỷ-kheo, do vậy chúng được gọi là giác chi.

VI. KINH KUṆḌALIYA (*Kuṇḍaliyasutta*)[11] (*S*. V. 73)

187. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāketa,[12] tại rừng Añjana, Lộc Uyển.

Rồi du sĩ Kuṇḍaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Kuṇḍaliya bạch Thế Tôn:

---

[10] Xem *M*. I. 215: Đoạn kinh nêu rõ vị Tỷ-kheo làm chủ tâm mình, không để ý sai khiến mình. Xem *Miln*. 254.

[11] Người đeo bông tai.

[12] Tại Oudh, địa danh này, một thời là kinh đô của Kosala. Xem *S*. V. 219; *KS*. V. 194 (kinh 513 ở sau); *KS*. I. 77 (chú thích); *BI*. 39, 103.

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi sống gần khu vườn, giao du với hội chúng. Sau khi ăn bữa sáng xong, thưa Tôn giả Gotama như sau là sở hành (*ācāra*) của tôi. Tôi bộ hành, tôi du hành, từ khóm vườn này qua khóm vườn khác, từ khu vườn này qua khu vườn khác. Tại đấy, tôi thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về lợi ích thoát ly các tranh luận và lợi ích cật vấn. Còn Tôn giả Gotama sống có lợi ích gì?

– Này Kuṇḍaliya, Như Lai có quả lợi ích của Minh và Giải thoát.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn?

– Này Kuṇḍaliya, bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn?

– Này Kuṇḍaliya, bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn?

– Này Kuṇḍaliya, ba thiện hành (*sucaritāni*) được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn?

– Này Kuṇḍaliya, hộ trì các căn được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn. Nhưng này Kuṇḍaliya, hộ trì các căn được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho ba thiện hành được viên mãn?

Ở đây, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý, không có tham trước, không có hoan hỷ, không để tham dục (*rāga*) khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và khi mắt thấy sắc không khả ý, không có tuyệt vọng (*maṅku*), tâm không có dao động (*appatiṭṭhitacitta*), ý không có chán nản (*adīnamānasa*), tâm không có tức tối (*abyāpannacetasa*). Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

Lại nữa, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Lại nữa, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo khi ý biết pháp khả ý, không tham trước, không có hoan hỷ, không để tham dục khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và Tỷ-kheo khi ý biết pháp không khả ý, không có tuyệt vọng, tâm không có dao động, ý không có chán nản, tâm không có tức tối. Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

Này Kuṇḍaliya, khi nào Tỷ-kheo, mắt thấy sắc, đối với sắc khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phần được khéo an trú, khéo giải thoát... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, đối với các pháp khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phần được khéo an trú, khéo giải thoát. Này Kuṇḍaliya, hộ trì các căn được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho ba thiện hành được viên mãn.

Và này Kuṇḍaliya, ba thiện hành được tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn? Ở đây, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo đoạn tận thân ác hành, tu tập thân thiện hành; đoạn tận khẩu ác hành, tu tập khẩu thiện hành; đoạn tận ý ác hành, tu tập ý thiện hành. Này Kuṇḍaliya, ba thiện hành được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn.

Và này Kuṇḍaliya, bốn niệm xứ được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Ở đây, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Kuṇḍaliya, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bảy giác chi được viên mãn.

Và này Kuṇḍaliya, bảy giác chi được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn? Ở đây, này Kuṇḍaliya, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này Kuṇḍaliya, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn.

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Kuṇḍaliya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... từ nay cho đến mạng chung, con xin quy ngưỡng.

VII. KINH NÓC NHÀ (*Kūṭāgārasutta*) (*S.* V. 75)

188. Ví như, này các Tỷ-kheo, các cây đà, cây kèo của ngôi nhà có nóc nhọn; tất cả cây đà, cây kèo ấy đều thiên về nóc nhọn, hướng về nóc nhọn, xuôi về nóc nhọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi như thế nào, làm cho sung mãn bảy giác chi như thế nào, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập

khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

VIII. KINH UPAVĀNA (*Upavānasutta*) (*S*. V. 76)

189. Một thời, Tôn giả Upavāna và Tôn giả Sāriputta sống ở Kosambī, tại vườn Ghosita.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Upavāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Upavāna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Upavāna.

– Thưa Hiền giả Upavāna, Tỷ-kheo có thể biết được chăng, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo bắt đầu trong ta, đưa đến lạc trú. Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo chỉ bắt đầu niệm giác chi, biết được: "Tâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng (*aṭṭhiṃkatvā*), ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất (*līna*)"... Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo chỉ bắt đầu xả giác chi, biết được: "Tâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng, ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất." Cũng vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú.

IX. KINH SANH THỨ NHẤT (*Paṭhamauppannasutta*) (*S*. V. 77)

190. Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nào là bảy?

Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

X. KINH SANH THỨ HAI (*Dutiyauppannasutta*) (*S*. V. 77)

191. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhưng không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là bảy?

Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhưng không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ.

II. PHẨM BỆNH (*GILĀNAVAGGA*)

I. KINH SANH LOẠI (*Pāṇasutta*) (*S*. V. 78)

192. Ví như, này các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình (*pāṇa*) theo bốn cử chỉ, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm. Tất cả những sanh loại ấy y cứ vào đất, an trú vào đất mà thực hiện bốn cử chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

II. KINH VÍ DỤ MẶT TRỜI THỨ NHẤT (*Paṭhamasūriyūpamasutta*) (*S*. V. 78)

193. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện hữu. Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng, bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

III. KINH VÍ DỤ MẶT TRỜI THỨ HAI (*Dutiyasūriyūpamasutta*) (*S*. V. 79)

194. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là như lý tác ý. Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng, bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

IV. KINH BỆNH THỨ NHẤT (*Paṭhamagilānasutta*) (*S*. V. 79)

195. Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākassapa trú ở hang Pipphalī, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahākassapa; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahākassapa:

– Này Kassapa, ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng?

– Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

– Này Kassapa, bảy giác chi này do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Xả giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Bảy giác chi này, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

– Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi.

Thế Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Mahākassapa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và Tôn giả Mahākassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahākassapa được đoạn tận như vậy.

V. KINH BỆNH THỨ HAI (*Dutiyagilānasutta*) (*S*. V. 80)

196. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là trường hợp của "Tôn giả Mahāmoggallāna").

VI. KINH BỆNH THỨ BA (*Tatiyagilānasutta*) (*S*. V. 81)

197. Một thời, Thế Tôn ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

Rồi Tôn giả Mahācunda[13] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Mahācunda đang ngồi một bên:

– Này Cunda, hãy thuyết về giác chi.

---

[13] Em trai của Tôn giả Sāriputta. Xem *Pss. Breth.* 119; *KS.* IV. 30.

– Bạch Thế Tôn, có bảy giác chi này do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Bạch Thế Tôn, niệm giác chi do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Bạch Thế Tôn, xả giác chi do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, bảy giác chi này do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

– Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy, này Cunda, chúng là giác chi.

Tôn giả Mahācunda thuyết như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Và Thế Tôn thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Thế Tôn được đoạn tận như vậy.[14]

VII. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (*Pāraṅgamasutta*)[15] (*S*. V. 81)

198. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ít thay là những người,
Qua được bờ bên kia.
Phần lớn quần chúng khác,
Chạy qua lại bờ này.
Những ai khéo thuyết giảng,
Chánh pháp khéo tuyên thuyết,
Họ đến bờ bên kia,
Khéo vượt cảnh Ma giới.
Đoạn tận các hắc pháp,
Bậc trí tu bạch pháp,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Trong độc cư an lạc.
Ở đây muốn hưởng lạc,
Hãy bỏ mọi dục vọng,
Bậc trí tự thanh lọc,
Tự tâm khởi phiền não.
Những ai khéo tu tập,

[14] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.727. 0195b29); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.6. 0731a05).
[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Crossing over* (or *No more*), nghĩa là *Vượt qua* (hay *Không còn trở lại nữa*).

Chánh tâm trong giác chi,
Từ bỏ các chấp trước,
Hoan hỷ, không chấp thủ,
Lậu hoặc tận, chói sáng,
Đạt tịch tịnh ở đời.

VIII. KINH THỐI THẤT (*Viraddhasutta*)[16] (*S*. V. 82)

199. Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất bảy giác chi thì cũng thối thất Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất hay tấn tu bảy giác chi thì cũng thối thất hay tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ.

IX. KINH THÁNH (*Ariyasutta*) (*S*. V. 82)

200. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, thì sẽ thành những Thánh dẫn độ,[17] dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, thì sẽ thành những Thánh dẫn độ, dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

X. KINH NHÀM CHÁN (*Nibbidāsutta*) (*S*. V. 82)

201. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

---

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *Neglected and Undertaken*, nghĩa là *Thối thất và Tấn tu*. *Viraddha*: Thối thất. *Āraddhā*: Tấn tu.

[17] *Niyyānika*: Đưa đến giải thoát. Xem *S*. V. 225 (kinh 815 ở sau).

III. PHẨM UDĀYI (*UDĀYIVAGGA*)

I. KINH GIÁC NGỘ (*Bodhāyasutta*) (*S*. V. 83)

202. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Giác chi, giác chi", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi?

– Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên được gọi là giác chi.

Ở đây, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, cho nên được gọi là giác chi.

II. KINH THUYẾT VỀ GIÁC CHI (*Bojjhaṅgadesanāsutta*)[18] (*S*. V. 83)

203. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy giác chi. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này.

III. KINH TRÚ XỨ (*Ṭhāniyasutta*)[19] (*S*. V. 84)

204. Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho dục và tham (*kāmarāga*), này các Tỷ-kheo, nên dục tham (*kāmacchanda*) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho sân, này các Tỷ-kheo, nên sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, nên hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho trạo hối, này các Tỷ-kheo, nên trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, nên nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

---

[18] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.728. 0196a12).
[19] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.710. 0190b09).

Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, nên niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại... Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho xả giác chi, này các Tỷ-kheo, nên xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

IV. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (*Ayonisomanasikārasutta*)[20] (*S*. V. 84)

205. Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, dục tham (*kāmacchanda*) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

... hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

... nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

... và niệm giác chi chưa sanh không sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh bị đoạn diệt... xả giác chi chưa sanh không sanh khởi; và xả giác chi đã sanh bị đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, dục tham chưa sanh không thể sanh khởi; và dục tham đã sanh bị đoạn tận.

... sân chưa sanh không thể sanh khởi; và sân đã sanh bị đoạn tận.

... hôn trầm thụy miên chưa sanh không thể sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh bị đoạn tận.

... trạo hối chưa sanh không thể sanh khởi; và trạo hối đã sanh bị đoạn tận.

... nghi hoặc chưa sanh không thể sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh bị đoạn tận.

Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

V. KINH KHÔNG TỔN GIẢM (*Aparihāniyasutta*) (*S*. V. 85)

206. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy pháp không tổn giảm. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không tổn giảm? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ

---

[20] Bản tiếng Anh của PTS: *Unsystematic* dịch ý là *Phi như lý*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.704. 0189b10).

giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là bảy pháp không tổn giảm.

VI. KINH ĐOẠN TẬN KHÁT ÁI (*Taṇhakkhayasutta*)[21] (*S*. V. 86)

207. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn tận khát ái, hãy tu tập con đường ấy, đạo lộ ấy.

Và con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn tận khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

– Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn, bảy giác chi đưa đến đoạn tận khát ái?

– Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận.

Ở đây, Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi...

Ở đây, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận.

Như vậy, này Udāyi, do khát ái đoạn tận nên nghiệp đoạn tận. Do nghiệp đoạn tận nên khổ đoạn tận.

VII. KINH ĐOẠN DIỆT KHÁT ÁI (*Taṇhānirodhasutta*)[22] (*S*. V. 87)

208. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn diệt khát ái, hãy tu tập con đường ấy, đạo lộ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, con đường nào, đạo lộ nào đưa đến đoạn diệt khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly,

---

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *Destruction*, nghĩa là *Đoạn tận*.

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *Cessation*, nghĩa là *Đoạn diệt*.

liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái.

VIII. KINH THỂ NHẬP (*Nibbedhabhāgiyasutta*) (*S.* V. 87)

209. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường thể nhập phần. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường thể nhập phần? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

– Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn, bảy giác chi đưa đến thể nhập?

– Ở đây, này Udāyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập niệm giác chi, đâm thủng được (*nibbijjhati*), phá vỡ được (*padāleti*) tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ... Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập xả giác chi, đâm thủng được, phá vỡ được tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ.

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này Udāyi, bảy giác chi đưa đến thể nhập.

IX. KINH MỘT PHÁP (*Ekadhammasutta*) (*S.* V. 88)

210. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử. Đó chính là bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi.

Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử? Mắt, này các Tỷ-kheo, là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước (*ajjhosāna*), sai sử, trói buộc (*saṃyojanavinibandha*)... Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước, sai sử, trói buộc.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp có khả năng sanh kiết sử.

X. KINH UDĀYI (*Udāyisutta*) (*S*. V. 89)

211. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa những người Sumbha, tại một thị trấn của những người Sumbha tên là Setaka.

Rồi Tôn giả Udāyi đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

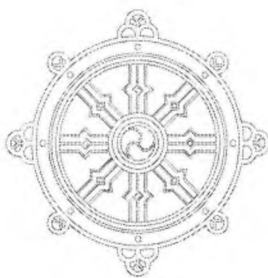
– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xúc động nhiều thay, bạch Thế Tôn, là lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, trước kia con còn là người tại gia, con không có nhiều xúc động (*bahukata*) đối với Pháp, không có nhiều xúc động đối với Tăng. Nhưng, bạch Thế Tôn, khi con cảm thấy (*sampassamāno*) lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn, thời con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và Thế Tôn thuyết pháp cho con: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diệt... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thức đoạn diệt."

Rồi bạch Thế Tôn, con đi đến chỗ nhà trống, và trong khi tùy quán (*samparivattento*) theo sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, con như thật thắng tri: "Đây là khổ." Con như thật thắng tri: "Đây là khổ tập khởi." Con như thật thắng tri: "Đây là khổ diệt." Con như thật thắng tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Pháp, bạch Thế Tôn, được con hoàn toàn chứng tri (*abhisamito*). Con đường được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy (*tathattāya*). Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Bạch Thế Tôn, con chứng được niệm giác chi. Niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết được rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa."... Con chứng được, bạch Thế Tôn, xả giác chi. Xả này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Bạch Thế Tôn, con đường này được con chứng đắc, con đường này được tu tập,

được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

– Lành thay, lành thay, này Udāyi! Con đường này, này Udāyi, ông chứng được, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ dắt dẫn ông với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, ông sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."



IV. PHẨM TRIỀN CÁI (*NĪVARAṆAVAGGA*)

I. KINH THIỆN THỨ NHẤT (*Paṭhamakusalasutta*) (*S*. V. 91)

212. Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện,[23] nhưng thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ; không phóng dật được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy.

Với Tỷ-kheo không phóng dật này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

II. KINH THIỆN THỨ HAI (*Dutiyakusalasutta*) (*S*. V. 91)

213. Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện, nhưng thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy như lý tác ý làm căn bản, lấy như lý tác ý làm chỗ quy tụ; như lý tác ý được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy.

Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

III. KINH CẤU UẾ (*Upakkilesasutta*)[24] (*S*. V. 92)

214. Này các Tỷ-kheo, có năm cấu uế[25] này đối với vàng. Do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có

---

[23] Các pháp thiện và bất thiện. Xem *M*. I. 489.

[24] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Corruptions*, nghĩa là *Các cấu uế*.

[25] *Upakkilesā*, ở đây có nghĩa là các kim khí khác xen lẫn với vàng như hợp kim. Xem *BPE*. 251, 281.

chói sáng, dễ bị bể vụn (*pabhaṅgu*), và không chơn chánh chịu sử dụng. Thế nào là năm?

Sắt (*ayo*), này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm... chịu sử dụng.

Đồng (*lohaṃ*),[26] này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm... chịu sử dụng.

Thiếc (*tipu*), này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm...

Chì (*sīsaṃ*), này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm...

Bạc (*sajjhu*), này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụng.

Chính cấu uế của vàng, này các Tỷ-kheo, do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm cấu uế này của tâm, chính những cấu uế ấy khiến tâm bị uế nhiễm,[27] không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm?

Dục tham (*kāmacchanda*), này các Tỷ-kheo, là cấu uế của tâm. Do cấu uế ấy, tâm bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

... (Tương tự với "sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi").

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm cấu uế của tâm. Chính do những cấu uế ấy, tâm không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

IV. KINH KHÔNG CẤU UẾ (*Anupakkilesasutta*)[28] (*S*. V. 93)

215. Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy?

Có niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... xả giác chi, không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

---

[26] Kim loại đỏ. Sắt được gọi là kim loại đen.

[27] Chữ *khila* có nghĩa là cái vỏ cứng của bản ngã cần phải đập bể ra. Xem *S*. V. 57.

[28] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.707. 0189c14).

Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

V. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (*Ayonisomanasikārasutta*)[29] (*S*. V. 93)

216. Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, dục tham (*kāmacchanda*) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

Do phi như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý, nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

VI. KINH NHƯ LÝ TÁC Ý (*Yonisomanasikārasutta*) (*S*. V. 94)

217. Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

VII. KINH GIÁC NGỘ (*Buddhisutta*)[30] (*S*. V. 94)

218. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến giác ngộ, đưa đến tăng trưởng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến giác ngộ, đưa đến tăng trưởng.

VIII. KINH CHƯỚNG NGẠI, TRIỀN CÁI (*Āvaraṇanīvaraṇasutta*)[31] (*S*. V. 94)

219. Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm?

Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là

---

[29] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS: *Systematic*, dịch ý là *Như lý*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.704. 0189b10).

[30] Bản tiếng Anh của PTS: *Increase* (or *Not Decrease*), nghĩa là *Tăng trưởng* (hay *Không giảm thiểu*) Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.709. 0190b01).

[31] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.707. 0189c14).

chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Năm chướng ngại, triền cái này, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm và làm yếu ớt trí tuệ.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy?

Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng (*aṭṭhiṃ katvā*) tác ý, tập trung tất cả tâm ý,[32] lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền cái không có hiện hữu trong vị ấy. Và bảy giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

Năm triền cái nào, trong khi ấy, không có hiện hữu? Dục tham triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Sân triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Hôn trầm thụy miên triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Trạo hối triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Nghi hoặc triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Năm triền cái này, trong khi ấy, không có hiện hữu trong vị ấy.

Bảy giác chi nào, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn? Niệm giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... Xả giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

Trong khi, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng tác ý, tập trung tất cả tâm ý, lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền cái không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi này, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

IX. KINH CÂY (*Rukkhasutta*)[33] (*S.* V. 96)

220. Có những cây lớn, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm (*ajjhārūḷhā*) các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

Và này các Tỷ-kheo, những cây lớn nào sanh từ hạt giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống? Ví như cây Bồ-đề (Assattha), cây Bàng (Nigrodha),

---

[32] *Sabbaṃ cetaso samannāharitvā.*

[33] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.708. 0190a08).

cây Sanh (Pilakka), cây Sung (Udumbara), cây Bách Hướng (Kacchaka), cây Kapitthana;[34] những cây lớn này, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có thiện nam tử đoạn trừ các dục vọng, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng bị những dục vọng ấy, hay bị những dục vọng tệ hại hơn làm cho người ấy bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống.

Năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham (*kāmacchanda*), này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, năm chướng ngại, triền cái này bao trùm tâm và làm cho yếu ớt trí tuệ.

Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

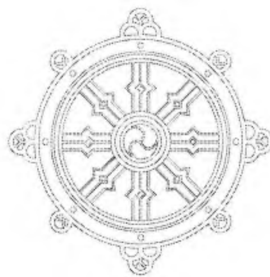
X. KINH TRIỀN CÁI (*Nīvaraṇasutta*)[35] (*S*. V. 97)

221. Năm triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại,[36] không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Sân triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Hôn trầm thụy miên triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Trạo hối triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si

[34] Kapitthana. *DA*. I. 81 cũng viết Kapitthana; *Vism*. 183 viết Kapitthako; E. Wood-apple, nghĩa là cây quách.
[35] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.706. 0189c02).
[36] Xem *M*. I. 115; *It*. 81.

ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Nghi hoặc triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Trạch pháp giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Tinh tấn giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Hỷ giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Khinh an giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Định giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.



V. PHẨM CHUYỂN LUÂN (*CAKKAVATTIVAGGA*)

I. KINH KIÊU MẠN (*Vidhāsutta*)[37] (*S*. V. 98)

222. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong tương lai, sẽ đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời hiện tại, đoạn tận ba kiêu mạn này; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này.

Thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời vị lai đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời hiện tại, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này.

II. KINH CHUYỂN LUÂN (*Cakkavattisutta*)[38] (*S*. V. 99)

223. Cùng với sự xuất hiện của Vua Chuyển Luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu. Thế nào là bảy?

Sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Cùng với sự xuất hiện của Vua Chuyển Luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu này.

Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu. Thế nào là bảy?

Niệm giác chi báu, trạch pháp giác chi báu, tinh tấn giác chi báu, hỷ giác chi báu, khinh an giác chi báu, định giác chi báu, xả giác chi báu xuất hiện.

[37] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.730. 0196a23).

[38] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.721-722. 0194a05-23); *Thất bảo kinh* 七寶經 (*T*.01. 0026.58. 0493a10); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.39.7. 0731b14).

Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu này.

III. KINH MĀRA (*Mārasutta*) (*S*. V. 99)

224. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường đưa đến chinh phục Ma quân. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến chinh phục Ma quân? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đưa đến chinh phục Ma quân.

IV. KINH LIỆT TUỆ (*Duppaññasutta*) (*S*. V. 99)

225. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Kẻ liệt tuệ ngu đần,[39] kẻ liệt tuệ ngu đần", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là liệt tuệ ngu đần?

– Do bảy giác chi không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Tỷ-kheo, nên được gọi là liệt tuệ ngu đần. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Này các Tỷ-kheo, chính do bảy giác chi này không được tu tập, không được làm cho sung mãn, được gọi là liệt tuệ ngu đần.

V. KINH CÓ TRÍ TUỆ (*Paññavantasutta*) (*S*. V. 100)

226. – "Có trí tuệ không ngu đần, có trí tuệ không ngu đần", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là có trí tuệ không ngu đần?

– Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. Thế nào là bảy giác chi này? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần.

VI. KINH BẦN CÙNG (*Daliddasutta*) (*S*. V. 100)

227. – "Bần cùng, bần cùng", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bần cùng?

– Do không tu tập, do không làm cho sung mãn bảy giác chi, nên được gọi là bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

---

[39] *Eḷamūga*: Ngu ngốc. *M*. I. 20, 527 dùng thuật ngữ này theo nghĩa vừa nói vừa chảy nước miếng. *DA*. I. 282 dùng theo nghĩa nói phều phào khó nghe.

Do không tu tập, không làm cho sung mãn bảy giác chi này, này Tỷ-kheo, được gọi là bần cùng.

VII. KINH KHÔNG BẦN CÙNG (*Adaliddasutta*) (*S*. V. 100)

228. – "Không bần cùng, không bần cùng", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là không bần cùng?

– Do tu tập, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này Tỷ-kheo, được gọi là không bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Chính do tu tập, làm cho sung mãn bảy giác chi này, được gọi là không bần cùng.

VIII. KINH MẶT TRỜI (*Ādiccasutta*) (*S*. V. 101)

229. Cái này là điềm đi trước, này các Tỷ-kheo, cái này là tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, cái này là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện hữu (*kalyāṇamitta*).

Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

IX. KINH NỘI CHI PHẦN (*Ajjhattikaṅgasutta*)[40] (*S*. V. 101)

230. Sau khi làm thành nội chi phần, này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, chi phần ấy tức là như lý tác ý.

Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

---

[40] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Factor*, nghĩa là *Chi phần*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.717. 0193a26).

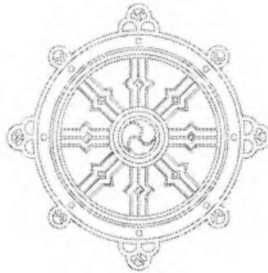
X. KINH NGOẠI CHI PHẦN (*Bāhiraṅgasutta*) (*S*. V. 102)

231. Sau khi làm thành ngoại chi phần, này các Tỷ-kheo, Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, chi phần ấy tức làm bạn với thiện hữu.

Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.



VI. PHẨM TỔNG NHIẾP GIÁC CHI (*SĀKACCHAVAGGA*)

I. KINH ĐỒ ĂN (*Āhārasutta*)[41] (*S.* V. 102)

232. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của năm triền cái và bảy giác chi. Hãy lắng nghe.

I. MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI

– Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho dục tham (*kāmacchanda*) chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tịnh tướng, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có chướng ngại tướng (*paṭighanimittaṃ*), này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm uể oải. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tâm chưa được tịnh chỉ, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có các pháp

[41] Bản Pāli trình bày liên tục kinh 232. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 232 này thành 4 phần: I. *The Food of the Hindrances* (Món ăn cho các triền cái); II. *The Food of the Limbs of Wisdom* (Món ăn cho các giác chi); III. *No Food for the Hindrances* (Không phải món ăn cho các triền cái); IV. *No Food for the Limbs of Wisdom* (Không phải món ăn cho các giác chi). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.715. 0192a25).

trú xứ của nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

II. MÓN ĂN CHO CÁC GIÁC CHI

– Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có những pháp thiện và bất thiện, này các Tỷ-kheo, có những pháp có tội và không có tội, có những pháp liệt và thắng, có những pháp dự phần đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có phát cần giới,[42] này các Tỷ-kheo, tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây, nếu như lý tác ý

---

[42] *Ārambhadhātu*. *Expos*. I. 192 giải thích khi mới bắt đầu cố gắng. *MA*. I. 284 viết *nikkamadhātu*, giải thích cũng như vậy, nhưng mạnh hơn nhờ không biếng nhác. *Parakkamadhātu*, cũng vậy, và mạnh hơn vì càng gần đến đích.

được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

III. KHÔNG PHẢI MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI

– Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có bất tịnh tướng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có từ tâm giải thoát. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới, tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tâm tịnh chỉ. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có pháp thiện và bất thiện, có pháp có tội và không có tội, có pháp liệt và thắng, có pháp dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

IV. KHÔNG PHẢI LÀ MÓN ĂN CHO CÁC GIÁC CHI

– Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây, nếu

phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp thiện và bất thiện, có tội và không có tội, liệt và thắng, dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho Trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới, tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

II. KINH PHÁP MÔN (*Pariyāyasutta*)[43] (*S*. V. 108)

233. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, mang y bát đi vào Sāvatthi để khất thực.

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi vào Sāvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo."

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này chư Hiền, Sa-môn Gotama có thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi." Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: "Hãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi."

Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù (*visesaṃ*), cái gì là thù thắng (*adhippayāso*), cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?

Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế Tôn."

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi vào Sāvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, rồi chúng con suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi vào Sāvatthi khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Rồi, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Rồi bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Này chư Hiền, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau... tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?"

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con không tán thán, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chúng con ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được hiểu lời nói này từ Thế Tôn."

– Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời với các du sĩ ngoại

[43] Bản Pāli trình bày liên tục kinh 233. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 233 này thành 2 phần: I. *The Five Are Ten* (Năm trở thành mười); II. *The Seven Are Fourteen* (Bảy trở thành mười bốn). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.711-712. 0190b22-0191a12).

đạo như sau: "Này chư Hiền, có pháp môn nào, do pháp môn ấy, năm triền cái được trở thành mười, bảy giác chi được trở thành mười bốn?" Được đáp như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

I. NĂM TRỞ THÀNH MƯỜI

– Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, năm triền cái trở thành mười?

Cái gì thuộc nội dục tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại dục tham, cái ấy là triền cái. Gọi là dục tham triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì thuộc về nội sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại sân, cái ấy là triền cái. Gọi là sân triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì thuộc về nội hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại hôn trầm thụy miên, cái ấy là triền cái. Gọi là hôn trầm thụy miên là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì thuộc nội trạo hối, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại trạo hối, cái ấy là triền cái. Gọi là trạo hối triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì thuộc về nội nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại nghi hoặc, cái ấy là triền cái. Gọi là nghi hoặc triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này, năm triền cái trở thành mười.

II. BẢY TRỞ THÀNH MƯỜI BỐN

– Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, bảy giác chi trở thành mười bốn?

Cái gì là niệm đối với nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là niệm giác chi. Cái gì là niệm đối với ngoại pháp, cái ấy là niệm giác chi. Gọi là niệm giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát với trí tuệ đối với các nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là trạch pháp giác chi. Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát đối với các ngoại pháp, cái ấy là trạch pháp giác chi. Gọi là trạch pháp giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là thân tinh tấn,[44] này các Tỷ-kheo, cái ấy là tinh tấn giác chi. Cái gì là tâm tinh tấn,[45] cái ấy là tinh tấn giác chi. Gọi là tinh tấn giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là hỷ có tầm có tứ, này các Tỷ-kheo, cái ấy là hỷ giác chi. Cái gì là hỷ không tầm không tứ, cái ấy là hỷ giác chi. Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là thân khinh an, này các Tỷ-kheo, cái ấy là khinh an giác chi. Cái gì là tâm khinh an, cái ấy là khinh an giác chi. Gọi là khinh an giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là định có tầm có tứ, này các Tỷ-kheo, cái ấy là định giác chi. Cái gì là định không tầm không tứ, cái ấy là định giác chi. Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Cái gì là xả đối với các nội pháp, này các Tỷ-kheo, cái ấy là xả giác chi. Cái gì là xả đối với các ngoại pháp, cái ấy là xả giác chi. Gọi là xả giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này, bảy giác chi trở thành mười bốn.

III. KINH LỬA (*Aggisutta*)[46] (*S*. V. 112)

234. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực.

(Như kinh trên)...

– Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo cần được trả lời như sau: "Này chư Hiền, khi tâm thụ động,[47] trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời?

Lại nữa, này chư Hiền, trong khi tâm dao động (*uddhaṭa*), trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời?"

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người

---

[44] *Kāyikaṃ vīriyaṃ. SA*. III. 171: Thân tinh tấn là chỉ cho việc tinh tấn đi kinh hành qua lại. Thân khinh an chỉ cho thọ, tưởng, hành được nhẹ dần.

[45] *Cetasikaṃ vīriyaṃ. SA*. III. 171: Tâm tinh tấn là chỉ cho tâm nguyện ta sẽ không rời bỏ ngồi thiền cho đến khi đoạn trừ được các lậu hoặc, không chấp thủ.

[46] Bản Pāli trình bày liên tục kinh 234. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 234 này thành 4 phần: I. *Wrong Season* (*Không phải thời*); II. *Season* (*Phải thời*); III. *Wrong Season* (*Không phải thời*); IV. *Season* (*Phải thời*). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.747. 0198a12).

[47] *Līna*: Dính vào, bám víu vào. Đây có nghĩa là thụ động. Xem *S*. V. 263.

có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

I. KHÔNG PHẢI THỜI

– Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ; người ấy ném vào đấy cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt, để ngọn lửa ấy giữa mưa, gió và rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa nhỏ ấy không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

II. PHẢI THỜI

– Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô, củi khô, dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa ấy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

III. KHÔNG PHẢI THỜI

– Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô và củi khô, dùng miệng thổi, không rắc bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, không

phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy.

IV. PHẢI THỜI

– Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt, ném vào phân bò ướt, ném vào củi ướt, để giữa gió và mưa và rắc bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này.

Nhưng đối với niệm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp.

IV. KINH CÂU HỮU VỚI TỪ (*Mettāsahagatasutta*)[48] (*S.* V. 115)

235. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân Koliya tên là Haliddavasana.

Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Haliddavasana để khất thực.

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: “Thật là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo.”

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, họ liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này chư Hiền, Sa-môn Gotama có thuyết pháp như sau cho các đệ tử: “Hãy đến, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy,

[48] Bản tiếng Anh của PTS: *Goodwill*, nghĩa là *Lòng từ*. Tham khảo: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.743. 0197b20).

cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân."

Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp cho các đệ tử như sau: "Hãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả... không hận, không sân."

Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù, cái gì là thù thắng, cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi, tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?

Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế Tôn."

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi đi khất thực ở Haliddavasana; sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Haliddavasana để khất thực. Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo... (như trên). Rồi chúng con, bạch Thế Tôn, không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chúng con ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn."

– Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Nhưng này chư Hiền, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, hỷ tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, xả tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?" Khi được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với từ... tu tập xả giác chi câu hữu với từ, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác, hay đạt đến giải thoát được gọi là thanh tịnh, vị ấy an trú. Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát là thanh tịnh tối thượng, Ta tuyên bố như vậy. Ở đây là trí tuệ đối với Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

Và này các Tỷ-kheo, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với bi... tu tập xả giác chi câu hữu với bi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các tưởng đối ngại, không tác ý các tưởng sai biệt, vị ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng từ tâm giải thoát lấy Không vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

Và này các Tỷ-kheo, tu tập hỷ tâm giải thoát như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với hỷ... tu tập xả giác chi câu hữu với hỷ, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác... Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy nghĩ rằng: "Thức là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ tâm giải thoát lấy Thức vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.

Và này các Tỷ-kheo, tu tập xả tâm giải thoát như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với xả... tu tập xả giác chi câu hữu với xả, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn với ý nghĩ: "Không có vật gì", vị ấy chứng đạt và trú Vô sở hữu xứ. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát lấy Vô sở hữu xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.[49]

V. KINH SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*) (*S.* V. 121)

236. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, vị ấy liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Saṅgārava thưa với Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (*mantā*) mà tôi học thuộc lòng lâu ngày (*sajjhāyakatā*) lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật mà tôi không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật được học thuộc lòng?

– Này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị dục tham (*kāmarāga*) xâm chiếm, bị dục tham chi phối và không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm gôm lắc,[50] hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, không thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham

---

[49] Còn hai giai đoạn nữa mới chứng Niết-bàn.

[50] Lākhā còn gọi là chất gôm-lắc là một hợp chất từ loài bọ, đó là con rệp son cánh kiến đỏ (lacca). Thành phần hóa học của hợp chất này gồm có 75% chất nhựa, và 25% chất sáp, chất màu và tạp chất khác (mảnh gỗ, xác rệp son), độ ẩm. Hợp chất này được gọi bằng nhiều tên: Tử giao, tử ngạch, tử thảo nhung,… (tiếng Trung Hoa), tên khoa học là Lacca-Stick-Lac. Trong y học, kỹ nghệ, đời sống sinh hoạt thường ngày, hợp chất này được sử dụng rất phổ biến.

chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi hôn trầm thụy miên đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật rõ biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy sự lợi ích của mình;

trong khi ấy, không như thật biết và thấy sự lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy sự lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động, khuấy đục, khuấy bùn, đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

– Này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không trộn lẫn với thuốc gôm lắc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không được lửa đun sôi, không sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm, không bị sân chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị gió thổi, không bị dao

động, không bị chấn động, không bị nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trừng tịnh, trong sáng, không bị khuấy động, đặt giữa ánh sáng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày lại có thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Có bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không chướng ngại, không triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH ABHAYA (*Abhayasutta*)[51] (*S.* V. 126)

237. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thứu.

Rồi Hoàng tử Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Hoàng tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Pūraṇa Kassapa nói như sau: "Không có nhân, không có

[51] Tham khảo: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.711-712. 0190b22-0191a12).

duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy không có nhân, không có duyên." Ở đây, Thế Tôn đã nói như thế nào?

– Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên.

– Do nhân nào, do duyên nào, bạch Thế Tôn, để không biết, để không thấy? Như thế nào, không biết, không thấy có nhân, có duyên?

– Này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối...

Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối...

Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối...

Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

– Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

– Này Hoàng tử, được gọi là các triền cái.

– Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thế Tôn, cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục.

– Nhưng, bạch Thế Tôn, do nhân nào, do duyên nào để biết, để thấy? Như thế nào biết và thấy có nhân, có duyên?

– Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để biết, để thấy. Như vậy, biết và thấy có nhân, có duyên.

Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo...

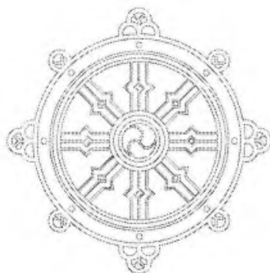
Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập xả giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên để biết, để thấy. Như vậy, biết và thấy có nhân, có duyên.

– Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

– Này Hoàng tử, được gọi là các giác chi.

– Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi.

Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.



VII. PHẨM HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA (*ĀNĀPĀNAVAGGA*)

I. KINH LỢI ÍCH LỚN CỦA CỐT TƯỞNG
(*Aṭṭhikamahapphalasutta*) (*S*. V. 129)

238. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Tu tập cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Này các Tỷ-kheo, cốt tưởng được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào đưa đến quả lớn, đưa đến lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Này các Tỷ-kheo, cốt tưởng được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn.

KINH MỘT QUẢ NÀO ĐÓ (*Aññataraphalasutta*)[52]

– Tu tập, làm cho sung mãn cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

Tu tập cốt tưởng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Tu tập cốt tưởng như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

KINH NGHĨA LỢI LỚN (*Mahatthasutta*)

– Cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn.

---

[52] Bản tiếng Anh của PTS: *Realization* or *No Return*, nghĩa là *Trí* hay *Bất hoàn*.

Cốt tưởng, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghĩa lợi lớn?... (như kinh trên).

KINH AN ỔN LỚN KHỎI KHỔ ÁCH (*Yogakkhemasutta*)
(Như kinh trên, chỉ khác là "đưa đến an ổn lớn khỏi khổ ách").

KINH HỨNG KHỞI LỚN (*Saṃvegasutta*) (*S.* V. 130)
(Như kinh trên, chỉ khác là "đưa đến hứng khởi lớn").

KINH LẠC TRÚ (*Phāsuvihārasutta*) (*S.* V. 131)
(Như kinh trên, chỉ khác là "đưa đến lạc trú").

II. KINH CÔN TRÙNG ĂN (*Puḷavakasutta*) (*S.* V. 131)

239. Tu tập tưởng xác bị côn trùng ăn, này các Tỷ-kheo...

III. KINH XANH BẦM (*Vinīlakasutta*) (*S.* V. 131)

240. Tu tập tưởng xác bị xanh bầm, này các Tỷ-kheo...

IV. KINH BỊ NỨT NẺ (*Vicchiddakasutta*) (*S.* V. 131)

241. Tu tập tưởng xác bị nứt nẻ, này các Tỷ-kheo...

V. KINH SƯNG PHỒNG LÊN (*Uddhumātakasutta*) (*S.* V. 131)

242. Tu tập tưởng xác bị trương phồng lên, này các Tỷ-kheo...

VI. KINH TỪ (*Mettāsutta*)[53] (*S.* V. 131)

243. Tu tập từ tâm, này các Tỷ-kheo...

VII. KINH BI (*Karuṇāsutta*) (*S.* V. 131)

244. Tu tập bi tâm, này các Tỷ-kheo...

VIII. KINH HỶ (*Muditāsutta*) (*S.* V. 131)

245. Tu tập hỷ tâm, này các Tỷ-kheo...

IX. KINH XẢ (*Upekkhāsutta*) (*S.* V. 131)

246. Tu tập xả tâm, này các Tỷ-kheo...

X. KINH HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA (*Ānāpānasutta*) (*S.* V. 131)

247. Tu tập hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo...

[53] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.744. 0197c15); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.747. 0198a12).

VIII. PHẨM ĐOẠN DIỆT (*NIRODHAVAGGA*)

I. KINH BẤT TỊNH (*Asubhasutta*)[54] (*S.* V. 132)

248. Tu tập tưởng bất tịnh, này các Tỷ-kheo...

II. KINH CHẾT (*Maraṇasutta*)[55] (*S.* V. 132)

249. Tu tập tưởng chết, này các Tỷ-kheo...

III. KINH GHÊ TỞM (*Āhārepaṭikūlasutta*)[56] (*S.* V. 132)

250. Tu tập tưởng ghê tởm đối với đồ ăn, này các Tỷ-kheo...

IV. KINH BẤT KHẢ LẠC (*Anabhiratisutta*)[57] (*S.* V. 132)

251. Tu tập tưởng bất khả lạc đối với toàn thế giới, này các Tỷ-kheo...

V. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*)[58] (*S.* V. 132)

252. Tu tập tưởng vô thường, này các Tỷ-kheo...

VI. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*)[59] (*S.* V. 132)

253. Tu tập khổ tưởng, này các Tỷ-kheo...

VII. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*) (*S.* V. 132)

254. Tu tập tưởng vô ngã, này các Tỷ-kheo...

VIII. KINH ĐOẠN TẬN (*Pahānasutta*) (*S.* V. 132)

255. Tu tập tưởng đoạn tận, này các Tỷ-kheo...

IX. KINH LY THAM (*Virāgasutta*) (*S.* V. 132)

256. Tu tập tưởng ly tham, này các Tỷ-kheo...

X. KINH ĐOẠN DIỆT (*Nirodhasutta*)[60] (*S.* V. 133)

I. QUẢ LỚN, LỢI ÍCH LỚN

---

[54] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.741. 0197a29); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.747. 0198a12).
[55] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.742. 0197b08); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.747. 0198a12).
[56] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.747. 0198a12).
[57] Bản tiếng Anh của PTS: *Distaste* (or *All the World*), nghĩa là *Không ưa thích* (hay *Toàn thế giới*).
[58] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.747. 0198a12).
[59] Như chú thích trên.
[60] Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 257 thành 6 phần: I. *Great the Fruit and Great the Profit* (*Quả lớn, lợi ích lớn*); II. *Realization* or *No Return* (*Trí* hay *bất hoàn*); III. *Great Benefit* (*Nghĩa lợi lớn*); IV. *Great Peace from Bondage* (*An ổn lớn khỏi khổ ách*); V. *A Great Thrill* (*Hứng khởi lớn*); VI. *Great Pleasantness of Living* (*Lạc trú*).

257. Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Và này các Tỷ-kheo, tu tập tưởng đoạn diệt như thế nào... ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt...

Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn.

II. TRÍ HAY BẤT HOÀN

Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn tưởng đoạn diệt như thế nào, này các Tỷ-kheo...?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt...

Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo...

III-VI. NGHĨA LỢI LỚN, AN ỔN LỚN KHỎI KHỔ ÁCH, HỨNG KHỞI LỚN, LẠC TRÚ LỚN

Tưởng đoạn diệt được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đến lạc trú lớn.

Tu tập đoạn diệt tưởng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đến lạc trú lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... tu tập xả giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ...

Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đến lạc trú lớn.

IX. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, V.V... (*Gaṅgānadīādisutta*)[61] (*S*. V. 135)

258-269. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… các sông lớn như sông Hằng, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông...

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng… sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… các sông lớn như sông Hằng, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển…

X. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. KINH NHƯ LAI, V.V... (*Tathāgatādisutta*) (*S*. V. 135)

270-279. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối với các loài hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân...

(Như kinh 139-148, tức các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", như *Tương ưng Giác chi*).

[61] Bản tiếng Anh của PTS: *Eastward*, nghĩa là *Hướng về phương Đông*.

XI. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. KINH SỨC LỰC, V.V... (*Balādisutta*) (*S.* V. 135)

280-291. Này các Tỷ-kheo, ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh...

(Như kinh 149-160, tức các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông", như *Tương ưng Giác chi*).

XII. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. KINH TẦM CẦU, V.V... (*Esanādisutta*) (*S.* V. 136)

292-301. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh...

(Như kinh 161-170, tức các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái", như *Tương ưng Giác chi*).

XIII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-IX. KINH BỘC LƯU, V.V... (*Oghādisutta*) (*S.* V. 136)

302-310. Có bốn bộc lưu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu...

(Tương tự với các kinh: "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử").

X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyasutta*) (*S.* V. 136)

311. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

XIV. PHẨM SÔNG HẰNG TÁI LƯỢC THUYẾT (*PUNAGAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, V.V... (*Punagaṅgānadīādisutta*) (*S.* V. 137)

312. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân, với mục đích nhiếp phục si. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

313-317. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… các sông lớn như sông Hằng, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông…

318-323. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng… sông Yamunā… sông Aciravatī… sông Sarabhū… sông Mahī… các sông lớn như sông Hằng, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển…

(Như kinh 312)...

XV. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*PUNAAPPAMĀDAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. KINH NHƯ LAI, V.V... (*Tathāgatādisutta*) (*S.* V. 138)

324-333. Gồm các kinh: “Như Lai”, “Dấu chân”, “Chóp mái”, “Rễ hương”, “Lõi hương”, “Hạ Sanh hoa”, “Vua”, “Mặt trăng”, “Mặt trời”, “Vải” (như *Tương ưng Giác chi*, Nhiếp phục tham…)

XVI. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*PUNABALAKARAṆĪYAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SỨC LỰC, V.V... (*Punabalādisutta*) (*S*. V. 138)

334-345. Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông" (như *Tương ưng Giác chi,* Nhiếp phục tham…)

XVII. PHẨM TẦM CẦU (*PUNAESANĀVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XI. KINH TẦM CẦU, V.V... (*Punaesanādisutta*) (*S*. V. 139)

346-356. Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", và 2 kinh "Khát ái" (như *Tương ưng Giác chi*, Nhiếp phục tham…)

XVIII. PHẨM BỘC LƯU (*PUNAOGHAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-IX. KINH BỘC LƯU, V.V... (*Punaoghādisutta*) (*S*. V. 139)

357-365. Này các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu...

(Tương tự với các kinh: "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử").

X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyasutta*) (*S*. V. 139)

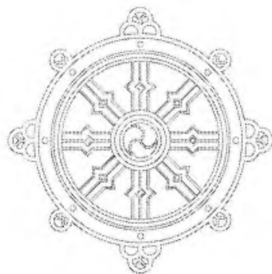
366. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, nhập vào bất tử,

lấy bất tử làm tối thượng, lấy bất tử làm cứu cánh, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi này cần phải tu tập.



47. TƯƠNG ƯNG NIỆM XỨ
(*SATIPAṬṬHĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM AMBAPĀLI (*AMBAPĀLIVAGGA*)

I. KINH AMBAPĀLI (*Ambapālisutta*)[1] (*S*. V. 141)

367. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có con đường độc nhất,[2] này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm... trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Con đường ấy tức là bốn niệm xứ.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói.

II. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*)[3] (*S*. V. 142)

368. Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các

---

[1] Xem *D*. II. 94. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.622. 0174a02).

[2] *SA*. III. 177: *Ekāyano* = *Ekamaggo*. Xem *D*. III. 221; *M*. I. 55, 74.

[3] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.607. 0171a09) .

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn tới, khi nhìn lui đều tỉnh giác; khi co cánh tay, duỗi cánh tay đều tỉnh giác; khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát đều tỉnh giác; khi ăn uống, nhai nếm đều tỉnh giác; khi đi tiểu tiện, đại tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

III. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*)[4] (*S.* V. 142)

369. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và như vậy, có thể có những người ngu si thẩm tra con; sau khi con nói pháp cho họ, họ nghĩ rằng đi theo con sẽ có lợi ích cho họ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Chắc chắn con có thể hiểu lời Thế Tôn thuyết. Chắc chắn con có thể trở thành người thừa tự lời Thế Tôn dạy.

– Vậy này Tỷ-kheo, ông phải gột sạch cơ bản về các thiện pháp. Và thế nào là cơ bản về các thiện pháp? Chính là giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực. Này Tỷ-kheo, khi nào ông được giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực, này Tỷ-kheo, ông hãy y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ theo ba cách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán thân trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Hay ông hãy trú, quán thọ trên các nội thọ... Hay ông hãy trú, quán tâm trên các nội tâm... Hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hay ông hãy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

---

[4] Tham chiếu: *Uất-già-chi-la kinh* 郁伽支羅經 (*T*.01. 0026.76. 0543c01).

Này Tỷ-kheo, khi nào ông y cứ trên giới, an trú trên giới và tu tập bốn niệm xứ theo ba cách như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải là tổn giảm.

Rồi Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH SĀLĀ (*Sālasutta*)[5] (*S.* V. 144)

370. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên là Sālā.

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

Thế Tôn nói như sau:

– Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ (*samādapetabbā*), cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

"Hãy đến, này chư Hiền, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với thân. Hãy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để có chánh trí như thật đối với các thọ. Hãy trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với tâm. Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, để có chánh trí như thật đối với các pháp."

Này các Tỷ-kheo, có những Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về thọ. Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... để liễu tri về tâm. Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm để liễu tri về các pháp.

[5] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.621. 0173c12).

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; các vị ấy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, ly hệ phược đối với thân. Các vị ấy trú, quán thọ trên các thọ... Các vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Các vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chuyên chú, với tâm thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, ly hệ phược đối với các pháp.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào mới tu, xuất gia chẳng bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này; những vị ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khích lệ, cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập bốn niệm xứ này.

V. KINH ĐỐNG BẤT THIỆN (*Akusalarāsisutta*)[6] (*S*. V. 145)

371. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ở đấy, Thế Tôn nói như sau:

– Đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái. Thế nào là năm?

Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi hoặc triền cái. Đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái.

Đống thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đống thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đống thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ.

VI. KINH CON CHIM ƯNG (*Sakuṇagghisutta*)[7] (*S*. V. 146)

372. – Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một con chim ưng mái thình lình vồ xuống và chụp lấy một con chim cút.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng mái bắt, than khóc như sau:

– Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác.

---

[6] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.611. 0171b24); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.725. 0195b01).

[7] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.617. 0172c24).

Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau.

– Này chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?

– Là vạt đất được lưỡi cày xới lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái không có siết mạnh sức mạnh của mình (*apatthaddhā*), không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

– Hãy đi, này chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả ngươi.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

– Này, hãy đến ta, chim ưng! Này, hãy đến ta, này chim ưng!

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Này các Tỷ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Này các Tỷ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức. Thế nào là năm?

Có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Có các tiếng do tai nhận thức... Có các hương do mũi nhận thức... Có các vị do lưỡi nhận thức... Có các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác.

Này các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ mình? Chính là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

VII. KINH CON VƯỢN (*Makkaṭasutta*)[8] (*S.* V. 148)

373. Này các Tỷ-kheo, tại vua Tuyết sơn có khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy không có các loài vượn, loài người qua lại.

Này các Tỷ-kheo, tại vua Tuyết sơn có những khoảnh đất gồ ghề, không bằng phẳng, chỗ ấy chỉ có loài vượn qua lại, không có loài người.

Tại vua Tuyết sơn, có những khoảnh đất bằng phẳng, khả ái. Tại chỗ ấy có các loài vượn và loài người qua lại. Tại đấy, này các Tỷ-kheo, những người thợ săn đặt các bẫy nhựa (*lepa*) trên những con đường có vượn qua lại để bắt các con vượn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, những con vượn nào tánh không ngu si, không tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy liền tránh xa; còn con vượn nào tánh ngu si, tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy, thò tay nắm lấy và bị dính vào đấy. "Ta sẽ gỡ bàn tay ra", nó thò bàn tay thứ hai nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ hai tay ra", nó giơ chân nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ hai bàn tay và bàn chân ra", nó giơ bàn chân thứ hai nắm lấy và bị dính ở đấy. "Ta sẽ gỡ cả hai tay và hai chân", nó dùng miệng ngậm lấy và bị mắc dính ở đấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, con vượn bị bắt năm chỗ, liền rên la nằm xuống, rơi vào bất hạnh, rơi vào khổ não, bị người thợ săn muốn làm gì thì làm. Này các Tỷ-kheo, người thợ săn đâm chết nó, nướng nó trên đống than củi, và ra đi theo sở thích của mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là người đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác, Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không phải chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác? Tức là năm dục công đức. Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây không phải là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, là chỗ cảnh giới của người khác.

Này các Tỷ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến chỗ cảnh giới của cha mẹ mình, Ác ma không nắm được cơ hội, Ác ma không nắm được đối tượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành xứ của Tỷ-kheo, là cảnh giới của cha mẹ mình? Tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

---

[8] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.620. 0173b20).

VIII. KINH NGƯỜI ĐẦU BẾP (*Sūdasutta*)[9] (*S.* V. 149)

374. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo, được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, đắng, cay, ngọt, vị kiềm (*khārikehi*), không phải vị kiềm (*akhārikehi*), vị mặn, không phải vị mặn.

Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình (*bhattu*): "Hôm nay, chủ ta thích món súp này", hay: "Món súp này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp này." "Hôm nay, chủ ta thích món súp chua này", hay: "Món súp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp chua này, chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp chua này." "Hôm nay, chủ ta thích món súp đắng này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp cay này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp ngọt này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp mặn này",... hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp không mặn này", hay: "Món súp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Chủ ta tán thán món súp không mặn này."

Và này các Tỷ-kheo, người đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không nhận được đồ mặc, không nhận được lương bổng, không nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, kẻ đầu bếp ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; dầu vị ấy trú, quán thân trên thân, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não[10] không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; dầu vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhưng tâm không định tĩnh, các phiền não không được đoạn tận, vị ấy không học được tướng ấy.[11]

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không được lạc trú ngay trong hiện tại, không được tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không khéo léo ấy, không học được tướng tâm của mình.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo,

[9] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.616. 0172b23).
[10] *SA.* III. 202: Năm triền cái.
[11] *SA.* III. 202: Vị ấy không ghi nhận được sự tiến triển hay các giai đoạn thực tập đề mục thiền tập (*kammaṭṭhāna*) của mình.

được giao lo liệu các thứ súp sai khác cho vua hay cho các đại thần của vua, như súp chua, đắng, cay, ngọt, vị kiềm, không phải vị kiềm, vị mặn, không phải vị mặn. Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình: "Hôm nay, chủ ta thích món súp này", hay: "Món súp này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp này chủ ta tán thán." Hay: "Hôm nay, chủ ta thích món súp chua này", hay: "Món súp chua này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp chua này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp chua này chủ ta tán thán." "Hôm nay, chủ ta thích món súp đắng này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp cay này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp ngọt này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị kiềm này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp không phải vị kiềm này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp vị mặn này",... "Hôm nay, chủ ta thích món súp không mặn này", hay: "Món súp không mặn này chủ ta lấy ăn", hay: "Món súp không mặn này chủ ta dùng nhiều", hay: "Món súp không mặn này chủ ta tán thán."

Này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy, nhận được đồ mặc, nhận được lương bổng, nhận được tiền thưởng. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người đầu bếp có trí, thông minh, khéo léo ấy, nắm được sở thích về việc ăn uống của người chủ mình.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận, vị ấy học được tướng ấy... quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được định tĩnh, các phiền não được đoạn tận, vị ấy học được tướng ấy.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, ngay trong hiện tại chứng được lạc trú, chứng được chánh niệm tỉnh giác. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí, thông minh, khéo léo ấy, học được tướng tâm của mình.

IX. KINH BỆNH (*Gilānasutta*)[12] (*S*. V. 152)

375. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại làng Beluva. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy an cư vào mùa mưa xung quanh Vesāli, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết (*sandiṭṭha*), có người thân thiết (*sambhatta*). Ở đây, Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Beluva này.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, an cư mùa mưa xung quanh Vesāli, tại

[12] Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07).

chỗ có bạn bè, có người quen biết, có người thân thiết. Còn Thế Tôn thời an cư mùa mưa tại làng Beluva.

Trong khi Thế Tôn an cư mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, những cảm thọ khốc liệt gần như chết tiếp diễn. Ở đây, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, không có than vãn.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thật không tương xứng đối với Ta, nếu Ta không báo trước các vị ủng hộ Ta và không từ giã chúng Tỷ-kheo mà nhập Niết-bàn. Vậy Ta hãy tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh này, lưu giữ mạng hành (*jīvitasaṅkhāra*) và sống." Rồi Thế Tôn với sức tinh tấn nhiếp phục trọng bệnh ấy, lưu giữ mạng hành và sống.

Rồi Thế Tôn thoát khỏi cơn bệnh; thoát khỏi cơn bệnh không bao lâu, Ngài đi ra khỏi nhà bệnh, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, trong bóng mát, sau lưng ngôi nhà.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn chịu đựng! Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thế Tôn bị bệnh. Nhưng bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài không có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

– Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở nơi Ta. Này Ānanda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì rằng, này Ānanda, đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay. Này Ānanda, những ai nghĩ rằng Ta sẽ là vị dẫn đầu chúng Tỷ-kheo, hay chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ānanda, Như Lai không có nghĩ rằng: "Ta sẽ là vị dẫn đầu chúng Tỷ-kheo", hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta", thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?

Này Ānanda, Ta nay đã già, bậc Trưởng thượng, bậc Trưởng lão, đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến tám mươi tuổi. Này Ānanda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chằng chịt.

Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy, thân Như Lai được thoải mái. Vậy này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

Này Ānanda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Ānanda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

Này Ānanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác; những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng[13] trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

X. KINH TRÚ XỨ TỶ-KHEO-NI (*Bhikkhunupassayasutta*)[14] (*S*. V. 154)

376. Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

– Ở đây, bạch Thượng tọa Ānanda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết (*sampajānantīti*) quảng đại, trước sau thù thắng.[15]

– Như vậy là phải, này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

Rồi Tôn giả Ānanda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ānanda sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ānanda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng." Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải,

---

[13] *Tamatagge*. *SA*. III. 204 viết *tamaagge*, trạng thái cao vượt, chỉ cho quả vị A-la-hán.
[14] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.615. 0172a26).
[15] Tiếp tục tiến triển dần, càng trở nên thù thắng.

này các đại tỷ! Như vậy là phải, này các đại tỷ! Này các đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng."

– Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda! Này Ānanda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo sống, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (*kāyārammaṇo*) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (*kāyasmiṃ pariḷāho*), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại (*bahiddhā vā cittaṃ vikkhipati*); do vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (*pasādanīye nimitte*).[16] Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan (*pāmojjaṃ*: thắng hỷ) sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có tâm khinh an, lạc thọ sanh. Người có tâm lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín]." Vị ấy rút lui, không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc."

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo sống, quán thọ trên các thọ... sống, quán tâm trên tâm...

Vị ấy sống, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có tâm hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui [khỏi đối tượng tướng tịnh tín]." Vị ấy rút lui,[17] không tầm không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc."

Như vậy, này Ānanda, là sự tu tập về hướng tâm.

Và này Ānanda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm?

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (*pacchāpure*), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm." Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không

[16] *SA*. III. 205: Như đức Phật.

[17] *Paṭisaṃharāmi*. *SA*. III. 205 giải thích không chú tâm trên tịnh tướng mà chú tâm vào đối tượng chính ban đầu (*mūlakammatthāna*).

hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau,[18] nhưng được giải thoát, không có hướng tâm." Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

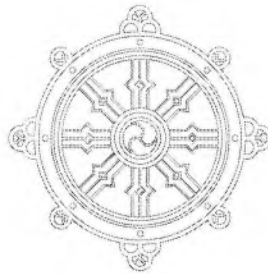
Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại." Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc."

Như vậy, này Ānanda, là tu tập không có hướng tâm.

Như vậy, này Ānanda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm, Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, này Ānanda, một bậc Đạo sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Ānanda, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà trống. Hãy tu thiền, này Ānanda! Chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau! Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



---

[18] *Pure*: Ban đầu, chỉ cho việc chuyên tâm thực tập. *Pacchā*: Về sau, chỉ cho quả vị A-la-hán.

II. PHẨM NĀḶANDĀ
(*NĀḶANDAVAGGA*)

I. KINH ĐẠI NHÂN (*Mahāpurisasutta*)[19] (*S*. V. 158)

377. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– "Đại nhân, Đại nhân", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Đại nhân?

– Với tâm giải thoát, này Sāriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân. Và này Sāriputta, thế nào là tâm giải thoát?

Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán thân trên thân, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, tâm được ly tham, được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Như vậy, này Sāriputta, là tâm giải thoát. Với tâm giải thoát, này Sāriputta, Ta gọi là Đại nhân. Không có tâm giải thoát, Ta không gọi là Đại nhân.

II. KINH NĀḶANDĀ (*Nāḷandasutta*)[20] (*S*. V. 159)

378. Một thời, Thế Tôn trú ở Nāḷandā,[21] tại rừng Pāvārikamba.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Như vậy, bạch Thế Tôn, là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác.

– Thật là đại ngôn (*uḷāra*), này Sāriputta, là lời tuyên bố như con Ngưu vương này của ông, lời tuyên bố một chiều, tiếng rống của con sư tử: "Như vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có,

---

[19] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.614. 0172a08).
[20] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.498. 0130c07); *Tự hoan hỷ kinh* 自歡喜經 (*T*.01. 0001.18. 0076b24).
[21] Xem *D*. II. 81.

không thể hiện có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác."

Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy đã có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy đã giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả các vị Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy sẽ giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, đối với các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, ông có thể biết rõ tâm niệm với tâm của ông rằng: "Các bậc Thế Tôn ấy hiện có giới đức như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có pháp như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có tuệ như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có hạnh trú như vậy. Các bậc Thế Tôn ấy hiện có giải thoát như vậy" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Và này Sāriputta, ở đây, ông không có chánh trí với tâm của ông biết được tâm của các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại; thời này Sāriputta, do ý nghĩa gì ông lại thốt ra lời đại ngôn, lời tuyên bố như con Ngưu vương, lời tuyên bố một chiều, rống tiếng rống con sư tử của ông rằng: "Như vậy là lòng tịnh tín của con đối với Thế Tôn. Không thể đã có, không thể sẽ có, không thể hiện có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, có thể vĩ đại hơn, thắng trí hơn Thế Tôn về Chánh giác"?

– Bạch Thế Tôn, con không có chánh trí với tâm của con biết được tâm các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng bạch Thế Tôn, con biết được pháp truyền thống (*dhammanvaya*).[22]

Ví như, bạch Thế Tôn, tại một thành ở biên giới[23] với những hào lũy kiên cố, vững chắc, với những thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đấy, có một người gác cửa sáng suốt, thông minh, có trí, không cho vào những người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Trong khi người ấy đi tuần đến con đường xung quanh thành trì ấy để xem, không thấy có một khe hở ở tường nào, hay lỗ hổng ở tường nào, cho đến một con mèo có thể lọt qua được. Và người ấy suy nghĩ rằng: "Có những sinh loại thô lớn nào đi vào

---

[22] *Dhammanvayo vidito. SA*. III. 210: Trí do suy luận mà đạt được (*anumānañāṇaṃ*).

[23] Xem *D*. II. 83.

hay đi ra ngôi thành này, tất cả phải đi vào hay đi ra cửa này." Như vậy, bạch Thế Tôn, là pháp truyền thống mà con được biết.

Bạch Thế Tôn, phàm có những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong thời quá khứ, tất cả bậc Thế Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn, phàm có những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong thời vị lai, tất cả các bậc Thế Tôn ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, các pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, sẽ chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, sau khi khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, sau khi như thật tu tập bảy giác chi, chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Ông hãy luôn luôn thuyết pháp thoại này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Này Sāriputta, nếu có những người ngu si nào còn có những nghi ngờ, hay những do dự đối với Như Lai, sau khi nghe pháp thoại này, sự nghi ngờ, do dự ấy của họ đối với Như Lai sẽ trừ diệt.

III. KINH CUNDA (*Cundasutta*)[24] (*S*. V. 161)

379. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn của ông Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta trú ở Magadha, tại làng Nāla, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Và Sa-di Cunda là thị giả của Tôn giả Sāriputta.

Tôn giả nhập Niết-bàn vì bệnh ấy.

Rồi Sa-di Cunda cầm lấy y bát của Tôn giả Sāriputta đi đến Sāvatthi, Thắng Lâm, tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Cunda nói với Tôn giả Ānanda:

– Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung. Đây là y bát của vị ấy.[25]

– Này Hiền giả Cunda, đây là lý do[26] để đến yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy báo tin này cho Thế Tôn.

– Thưa vâng, Thượng tọa.

Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ānanda.

---

[24] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.638. 0176b28); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.9. 0639a12).

[25] *SA*. III. 221 viết *idaṃ dhātuparissāvana*, tức là cái đãy có đựng Xá-lợi của Tôn giả Sāriputta.

[26] *SA*. III. 221: *Kathāpābhataṃ* = *Kathāmūlaṃ*, nghĩa là chủ đề cuộc nói chuyện.

Rồi Tôn giả Ānanda và Sa-di Cunda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda này thưa như sau: "Bạch Thượng tọa, Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung. Đây là y và bát của vị ấy." Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy [bàng hoàng] (*madhurakajāto*). Các phương hướng không hiện ra rõ ràng đối với con. Pháp sẽ không được giảng cho con, khi con nghe tin Tôn giả Sāriputta đã mệnh chung.

– Này Ānanda, Sāriputta có đem theo giới uẩn khi mệnh chung; có đem theo định uẩn khi mệnh chung; có đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung; có đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung không?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta không đem theo giới uẩn khi mệnh chung, không đem theo định uẩn khi mệnh chung, không đem theo tuệ uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát uẩn khi mệnh chung, không đem theo giải thoát tri kiến uẩn khi mệnh chung. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta là vị giáo giới cho con, là vị đã vượt qua [bộc lưu],[27] là bậc Giáo thọ; là vị khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ; là vị thuyết pháp không biết mệt mỏi; là vị hộ trì cho các đồng Phạm hạnh. Chúng con đều ức niệm rằng, Tôn giả Sāriputta là tinh ba của pháp (*dhammojaṃ*), là tài sản của pháp (*dhammabhogaṃ*), là hộ trì của pháp.

– Này Ānanda, có phải trước đây Ta đã từng tuyên bố với ông rằng mọi pháp khả ái, khả ý đều có tánh chất khác biệt, có tánh chất ly tán, có tánh chất đổi khác? Làm sao, này Ānanda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Ānanda, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, một cành cây lớn bị gãy đổ. Cũng vậy, này Ānanda, từ nơi chúng Tỷ-kheo đứng thẳng, có lõi cây, Sāriputta bị mệnh chung. Làm sao, này Ānanda, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong rằng cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Do vậy, này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán

---

[27] *UdA*. 23: *Otiṇṇavatthukaṃ puggalaṃ*, nghĩa là người đến được chỗ đất cứng chắc.

tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

Này Ānanda, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác; những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

IV. KINH UKKACELA (*Ukkacelasutta*)[28] (*S*. V. 163)

380. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Vajjī, tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng, với đại chúng Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Moggallāna mệnh chung không bao lâu.[29]

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng này của Ta được xem hình như trống không. Nay Sāriputta và Moggallāna đã mệnh chung, này các Tỷ-kheo, chúng của Ta thành trống không. Phương hướng nào Sāriputta và Moggallāna trú, phương hướng ấy không còn có ước vọng gì (*anapekkho*).

Này các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn ấy đã có một cặp đệ tử tối thắng như Ta có Sāriputta và Moggallāna. Này các Tỷ-kheo, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nào trong đời vị lai, những bậc Thế Tôn ấy sẽ có một cặp đệ tử tối thắng như Ta có Sāriputta và Moggallāna.

Thật là vi diệu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Thật hy hữu thay về các đệ tử, này các Tỷ-kheo! Họ thực hành những lời dạy của đức Bổn sư. Họ làm trách nhiệm giáo giới. Họ được bốn chúng ái kính, khả ý, khả kính, quý mến. Thật vi diệu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Thật hy hữu thay, này các Tỷ-kheo, về Như Lai! Trong khi cặp đệ tử như vậy mệnh chung, Như Lai không có sầu buồn, hay không có than khóc. Làm sao, này Ānanda, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ một cây lớn mọc thẳng, có lõi cây, những cành cây lớn hơn bị gãy đổ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, từ nơi đại chúng Tỷ-kheo

[28] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.639. 0177a15).

[29] *SA*. III. 225 viết Tôn giả Sāriputta viên tịch vào ngày rằm tháng Kattikā (tháng 10-11 dương lịch). Tôn giả Moggallāna viên tịch sau đó 14 ngày.

đứng thẳng, có lõi cây, Sāriputta và Moggallāna bị mệnh chung. Làm sao, này các Tỷ-kheo, ở đây, lời ước nguyện này có thể thành tựu được: "Mong sao cái gì được sanh, được thành, là pháp hữu vi, là pháp bị diệt hoại, lại có thể không bị diệt hoại"? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình... (như kinh trên).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... không nương tựa một ai khác.

Này các Tỷ-kheo, những ai hiện nay, hay sau khi Ta diệt độ... nếu những vị ấy thiết tha học hỏi.

V. KINH BĀHIYA (*Bāhiyasutta*)[30] (*S*. V. 165)

381. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Bāhiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tôn giả Bāhiya bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con! Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Như vậy, này Bāhiya, hãy làm cho thanh tịnh các pháp căn bản[31] trong các thiện pháp. Thế nào là các pháp căn bản trong các thiện pháp? Giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực.

Và này Bāhiya, khi nào ông có giới khéo thanh tịnh và tri kiến chánh trực; rồi này Bāhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Bāhiya, ông hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Khi nào, này Bāhiya, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ này. Do vậy, này Bāhiya, ban đêm hay ban ngày, chờ đợi là các thiện pháp tăng trưởng, không phải tổn giảm.

Rồi Tôn giả Bāhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Bāhiya sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

---

[30] Còn được viết là Bāhika. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.625. 0175a17).

[31] Xem *S.* V. 143; *Pss. Breth.* 35.

Rồi Tôn giả Bāhiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VI. KINH UTTIYA (*Uttiyasutta*)[32] (*S*. V. 166)

382. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

... Do vậy, này Uttiya, ông sẽ vượt khỏi giới vức của tử ma...

Rồi Tôn giả Uttiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH BẬC THÁNH (*Ariyasutta*)[33] (*S*. V. 166)

383. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, là những Thánh dẫn đạo, dắt dẫn những ai thực hành theo, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

VIII. KINH PHẠM THIÊN (*Brahmasutta*)[34] (*S*. V. 167)

384. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, tại cây bàng Ajapāla sau khi mới giác ngộ.

Trong khi Thế Tôn độc cư thiền tịnh, tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên: "Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ đau, chứng đạt chánh lý (*ñāya*), chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ." Thế nào là bốn?

– Này Tỷ-kheo, hãy trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thế Tôn, ví như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

---

[32] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.624. 0174c21).
[33] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.634. 0176a02).
[34] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1188. 0322a07).

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói như vậy xong, lại nói thêm:

Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc lân mẫn chúng sanh,
Biết được con đường ấy.
Chính với con đường này,
Trước đã từng vượt qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Nay vượt khỏi bộc lưu.

IX. KINH SEDAKA (*Sedakasutta*)[35] (*S*. V. 168)

385. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sumbha, tại Sedaka, một thị trấn của dân chúng Sumbha.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo:

– Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người nhào lộn với cây tre, sau khi dựng lên một cây tre, liền bảo người đệ tử tên là Medakathālikā:[36]

– Này Medakathālikā, hãy đến, leo lên cây tre và đứng trên vai ta.

– Thưa thầy, vâng.

Này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā vâng đáp người nhào lộn trên cây tre, leo lên cây tre và đứng trên vai của thầy.

Rồi này các Tỷ-kheo, người nhào lộn trên cây tre nói với đệ tử Medakathālikā: "Này Medakathālikā, ông hộ trì cho ta và ta sẽ hộ trì cho ông. Như vậy, chúng ta nhờ che chở cho nhau, nhờ hộ trì cho nhau, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi tức và leo xuống cây tre một cách an toàn."

Khi được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, đệ tử Medakathālikā nói với người nhào lộn trên cây tre: "Thưa thầy, không nên như vậy. Thưa thầy, nên như vầy: Thầy nên hộ trì tự ngã thầy và con sẽ hộ trì tự ngã con. Như vậy, chúng ta tự che

---

[35] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.619. 0173b05).

[36] Nghĩa đen là chảo kho đồ ăn.

chở cho mình, tự hộ trì cho mình, trình bày các tiết mục, thâu hoạch được lợi ích, và leo xuống cây tre một cách an toàn. Đây là chánh lý (*ñāya*) cần phải làm."

Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, như đệ tử Medakathālikā đã nói với thầy của ông ấy: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "Chúng ta sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (*āsevanāya*), do sự tu tập (*bhāvanāya*), do sự làm cho sung mãn.[37] Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mẫn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

Này các Tỷ-kheo: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo: "Tôi sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

X. KINH CÔ GÁI HOA HẬU CỦA QUỐC ĐỘ
(*Janapadakalyāṇīsutta*)[38] (*S*. V. 169)

386. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

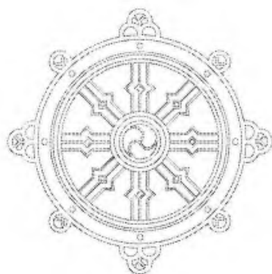
– Ví như một số đông quần chúng, này các Tỷ-kheo, tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!" Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa cho họ xem; với tất cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ nghe. Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát." Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, đầu ông bị rơi xuống." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

[37] *SA*. III. 227: Đời sống tu tập nghiêm túc, tinh tấn đã đưa vị ấy thành tựu quả vị A-la-hán, khiến mọi người tôn kính, noi gương tu tập theo và nhờ vậy cũng được sinh vào các cõi trời.
[38] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.623. 0174b15).

– Ví dụ này, này các Tỷ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỷ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.



III. PHẨM GIỚI TRÚ
(*SĪLAṬṬHITIVAGGA*)

I. KINH GIỚI (*Sīlasutta*)[39] (*S*. V. 171)

387. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa.

Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến?

– Lành thay, lành thay! Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là trí tuệ (*ummaggo*) của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, hiền thiện là biện tài (*paṭibhānaṃ*) của Hiền giả, chí thiện là câu hỏi của Hiền giả. Này Hiền giả Bhadda, có phải như vầy là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ānanda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này vì mục đích gì được Thế Tôn nói đến" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Hiền giả Bhadda, những thiện giới này được Thế Tôn nói đến, những thiện giới này chính do tu tập bốn niệm xứ đưa lại, như Thế Tôn đã nói.

II. KINH TỒN TẠI LÂU DÀI (*Ciraṭṭhitisutta*)[40] (*S*. V. 172)

388. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Bhadda nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

[39] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.628. 0175b12).

[40] Bản tiếng Anh của PTS: *Permanence*, nghĩa là *Thường trú*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.621. 0173c12).

– Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

– Lành thay, lành thay, này Hiền giả Bhadda! Hiền thiện thay, này Hiền giả Bhadda, là trí tuệ của Hiền giả! Hiền thiện là biện tài của Hiền giả! Chí thiện là câu hỏi của Hiền giả! Có phải như vầy, này Hiền giả Bhadda, là câu hỏi của Hiền giả: "Này Hiền giả Ānanda, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài" chăng?

– Thưa vâng, Hiền giả.

– Do bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thưa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do không tu tập, không làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

III. KINH TỔN GIẢM (*Parihānasutta*)[41] (*S*. V. 173)

389. Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Bhadda trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa.

Rồi Tôn giả Bhadda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu... nói với Tôn giả Ānanda:

– Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khiến cho Diệu pháp bị tổn giảm? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả Ānanda, khiến cho Diệu pháp không bị tổn giảm?

(Như kinh trên, chỉ thay đổi câu hỏi và câu trả lời).

IV. KINH THANH TỊNH (*Suddhasutta*)[42] (*S*. V. 173)

390. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

---

[41] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.629. 0175b24).

[42] Xem *S*. I. 165; *KS*. III. 126. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.606. 0171a03).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này.

V. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (*Aññatarabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 174)

391. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Cấp Cô Độc.

Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

(Như kinh 388, với những thay đổi cần thiết)...

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH MỘT PHẦN (*Padesasutta*)[43] (*S*. V. 174)

392. Một thời, Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Mahāmoggallāna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sāketa, tại rừng Kaṇṭakī.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– "Hữu học, hữu học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Hữu học?

– Do tu tập một phần bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc Hữu học. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc Hữu học.

VII. KINH TOÀN DIỆN (*Samattasutta*) (*S*. V. 175)

393. Nhân duyên như kinh trên.

---

[43] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.627. 0175a28).

– "Vô học, vô học", thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc Vô học?

– Do tu tập hoàn toàn bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc Vô học. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên, chỉ khác đoạn sau: "Do tu tập một cách hoàn toàn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, là bậc Vô học").

VIII. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*)[44] (*S*. V. 175)

394. Nhân duyên như kinh trên.

– Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp nào, thưa Hiền giả Anuruddha, đạt được đại thắng trí?

Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên, chỉ khác đoạn cuối: "Chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa Hiền giả, tôi đạt được đại thắng trí")…

Và thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được ngàn thế giới.

IX. KINH SIRIVAḌḌHA (*Sirivaḍḍhasutta*)[45] (*S*. V. 176)

395. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha bảo một người:

– Hãy đến, này bạn, hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda và thưa: "Thưa Tôn giả, gia chủ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa như vầy: 'Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha vì lòng từ mẫn!'"

– Thưa vâng, gia chủ.

Người ấy vâng đáp gia chủ Sirivaḍḍha, đi đến Tôn giả Ānanda. Sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, gia chủ Sirivaḍḍha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha vì lòng từ mẫn."

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Ānanda đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaḍḍha;

---

[44] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.537-538. 0139c16-0140a07).

[45] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1036. 0270b20).

sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda nói với gia chủ Sirivaḍḍha:

– Này gia chủ, gia chủ có thể kham nhẫn được chăng? Gia chủ có thể chịu đựng được chăng? Có phải các khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

– Thưa Tôn giả, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Các khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu.

– Vậy này gia chủ, hãy tự học tập như sau: "Tôi sẽ trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tôi sẽ trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tôi sẽ trú, quán tâm trên tâm... Tôi sẽ trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời." Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập.

– Thưa Tôn giả, bốn niệm xứ này được Thế Tôn thuyết giảng, những pháp ấy có ở trong con, và con hiện thực hành những pháp ấy. Thưa Tôn giả, con trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Con trú, quán thọ trên các cảm thọ... Con trú, quán tâm trên tâm... Con trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào mà không được đoạn tận ở nơi con.

– Lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay cho ông, này gia chủ! Này gia chủ, gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.

X. KINH MĀNADINNA (*Mānadinnasutta*)[46] (*S*. V. 178)

396. Nhân duyên như kinh trên.

Lúc bấy giờ, gia chủ Mānadinna bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

Rồi gia chủ Mānadinna gọi một người và bảo...

– Dầu cho con phải cảm giác những khổ thọ như vậy, con vẫn trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con không thấy có một pháp nào chưa được đoạn tận nơi con.

– Thật lợi đắc thay, này gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay, này gia chủ! Này gia chủ, gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.[47]

---

[46] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1038. 0270c15).

[47] Đây là chỗ duy nhất trong kinh tạng nói đến một gia chủ chứng được quả Bất lai (thường chỉ nói sau khi mệnh chung mới được chứng quả Bất lai). Xem *D*. II. 92.

IV. PHẨM CHƯA TỪNG ĐƯỢC NGHE (*ANANUSSUTAVAGGA*)

I. KINH CHƯA TỪNG ĐƯỢC NGHE (*Ananussutasutta*) (*S*. V. 178)

397. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– "Quán thân trên thân", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán thân trên thân cần phải tu tập này... Quán thân trên thân đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

"Quán thọ trên các cảm thọ",...

"Quán tâm trên tâm",...

"Quán pháp trên các pháp", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh. Quán pháp trên các pháp cần phải tu tập này... Quán pháp trên các pháp đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, quang sanh.

II. KINH LY THAM (*Virāgasutta*)[48] (*S*. V. 179)

398. Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu tu tập, nếu làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

III. KINH THỐI THẤT (*Viraddhasutta*)[49] (*S*. V. 179)

399. Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ bị thối thất,[50] đối với những người ấy, cũng bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

---

[48] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.636. 0176a20).
[49] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.608. 0171a15).
[50] Xem *S*. V. 23.

Với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, đối với những người ấy, cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này bị thối thất, thời cũng thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Đối với những ai, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này được thực hành, thời cũng được thực hành là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

IV. KINH TU TẬP (*Bhāvitasutta*) (*S*. V. 180)

400. Bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua đến bờ bên kia.

V. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*) (*S*. V. 180)

401. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ ràng các cảm thọ khởi lên, biết rõ ràng các cảm thọ an trú, biết rõ ràng các cảm thọ đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tầm khởi lên, biết rõ ràng các tầm an trú, biết rõ ràng các tầm đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tưởng khởi lên, biết rõ ràng các tưởng an trú, biết rõ ràng các tưởng đi đến tiêu mất. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

VI. KINH CHÁNH TRÍ (*Aññāsutta*) (*S*. V. 181)

402. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn niệm xứ.

Do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay trong hiện tại, chứng được Chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

VII. KINH ƯỚC MUỐN (*Chandasutta*) (*S*. V. 182)

403. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, ước muốn đối với thân được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Do vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ, ước muốn đối với thọ được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Do vị ấy trú, quán tâm trên tâm, ước muốn đối với tâm được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp... Do vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, ước muốn đối với các pháp được đoạn diệt. Do ước muốn được đoạn diệt nên chứng ngộ được bất tử.

VIII. KINH LIỄU TRI (*Pariññātasutta*) (*S*. V. 182)

404. Này các Tỷ-kheo, có bốn niệm xứ này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do vị ấy trú, quán thân trên thân, thân được liễu tri. Do liễu tri thân nên chứng ngộ được bất tử... (Cũng vậy, đối với "thọ", đối với "tâm", đối với "pháp").

IX. KINH TU TẬP (*Bhāvanāsutta*)[51] (*S*. V. 182)

405. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập bốn niệm xứ này.

X. KINH PHÂN BIỆT (*Vibhangasutta*) (*S*. V. 183)

406. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về niệm xứ, tu tập bốn niệm xứ và đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm xứ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo

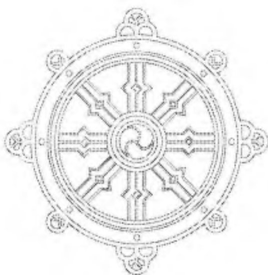
[51] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.610. 0171b14).

trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên thân; trú, quán tánh đoạn diệt trên thân; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các cảm thọ; trú, quán tánh đoạn diệt trên các cảm thọ; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các cảm thọ... trú, quán tánh tập khởi trên tâm... trú, quán tánh tập khởi trên các pháp; trú, quán tánh đoạn diệt trên các pháp; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tu tập bốn niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo lộ đưa đến sự tu tập bốn niệm xứ? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ.



V. PHẨM BẤT TỬ (*AMATAVAGGA*)

I. KINH BẤT TỬ (*Amatasutta*)[52] (*S*. V. 184)

407. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, hãy trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Nhưng các ông chớ có bỏ mất bất tử.

II. KINH TẬP KHỞI (*Samudayasutta*)[53] (*S*. V. 184)

408. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự tập khởi và sự chấm dứt bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tập khởi của thân? Sự tập khởi của món ăn là sự tập khởi của thân. Sự đoạn diệt các món ăn là sự đoạn diệt của thân.

Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Sự đoạn diệt của xúc là sự chấm dứt của thọ.

Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của tâm. Sự đoạn diệt của danh sắc là sự chấm dứt của tâm.

Sự tập khởi của tác ý là sự tập khởi của các pháp. Sự đoạn diệt của tác ý là sự chấm dứt của các pháp.

III. KINH CON ĐƯỜNG (*Maggasutta*)[54] (*S*. V. 185)

409. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla khi vừa mới được giác ngộ.

Này các Tỷ-kheo, trong khi độc cư thiền tịnh, tâm niệm, tư tưởng như sau khởi lên nơi Ta: "Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh,

---

[52] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.608. 0171a15).

[53] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.609. 0171a26).

[54] Xem *S*. V. 167; *KS*. V. 147 (kinh 384 ở trước). Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1189. 0322a28); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.102. 0410b10).

vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... hãy trú, quán thọ trên các thọ... hãy trú, quán tâm trên tâm... hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ.

Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm niệm suy tư của Ta, ví như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta.

Rồi, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Ta và thưa với Ta: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là bốn niệm xứ."

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy, nói vậy xong, lại nói thêm như sau:

Thấy con đường độc nhất,
Đưa đến đoạn tận sanh,
Bậc Đại Từ lân mẫn,
Rõ biết chính con đường.
Chính với con đường này,
Trước đã vượt được qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Và hiện vượt bộc lưu.

IV. KINH CHÁNH NIỆM (*Satisutta*) (*S.* V. 186)

410. Này các Tỷ-kheo, hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú chánh niệm. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

V. KINH ĐỐNG THIỆN (*Kusalarāsisutta*)[55] (*S.* V. 186)

411. Nói đến "đống thiện", này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bốn niệm xứ.

Toàn bộ đống thiện, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nói đến "đống thiện", này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh phải nói là bốn niệm xứ này. Toàn bộ đống thiện này, này các Tỷ-kheo, chính là bốn niệm xứ.

VI. KINH SỰ HỘ TRÌ CỦA GIỚI BỔN (*Pātimokkhasaṃvarasutta*)[56] (*S.* V. 187)

412. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy làm cho thanh tịnh căn bản trong các thiện pháp. Thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

Ở đây, này Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh (*ācāragocarasampanna*), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới. Này Tỷ-kheo, sau khi sống, hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới rồi, này Tỷ-kheo, y cứ trên giới, an trú trên giới, hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Khi nào, này Tỷ-kheo, ông y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ; khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm.

Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết...

Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình...

Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

---

[55] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.611. 0171b24); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.725. 0195b01); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.767. 0200b23). *Kusalarāsi*: Tích thiện, tích lũy thiện. *Kusala* (thiện) + *rāsi* (tích lũy, tích tụ).

[56] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.637. 0176b20).

VII. KINH ÁC HÀNH (*Duccaritasutta*)[57] (*S*. V. 188)

413. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy, này Tỷ-kheo, ông hãy làm cho thanh tịnh những căn bản trong các thiện pháp. Và thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn tận thân ác hành, hãy tu tập thân thiện hành. Sau khi đoạn tận khẩu ác hành, hãy tu tập khẩu thiện hành. Sau khi đoạn tận ý ác hành, hãy tu tập ý thiện hành. Rồi này Tỷ-kheo, y cứ vào giới, an trú vào giới, ông hãy tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Tỷ-kheo, ông hãy trú, quán thân trên thân... Ông hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Ông hãy trú, quán tâm trên tâm... Ông hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này Tỷ-kheo, sau khi y cứ trên giới, an trú trên giới, ông tu tập bốn niệm xứ này như vậy; thời này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm.

... (Như kinh trên).

Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

VIII. KINH THÂN HỮU (*Mittasutta*) (*S*. V. 189)

414. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay huyết thống; này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con huyết thống; này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ.

IX. KINH CÁC CẢM THỌ (*Vedanāsutta*) (*S*. V. 189)

415. Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, đây là ba thọ.

Vì muốn liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

---

[57] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.615. 0172a26).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Chính để liễu tri ba thọ này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

X. KINH CÁC LẬU HOẶC (*Āsavasutta*) (S. V. 189)

416. Có ba lậu hoặc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, đây là ba lậu hoặc.

Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Chính để đoạn tận ba lậu hoặc này, này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ này cần phải được tu tập.

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SÔNG HẰNG (*Gaṅgānadīādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 190)

417-428. Ví như sông Hằng, này các Tỷ-kheo, thiên về phương Đông, hướng về phương Đông... Cũng vậy, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ... xuôi về Niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo... Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn.

(Tóm tắt các đề kinh).

(Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển. Hai lần sáu thành mười hai và mục này được gọi như vậy. Các kinh được thuyết rộng về bốn niệm xứ như các kinh trước).

VII. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. KINH 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NHƯ LAI (*Tathāgatādisuttadasaka*) (*S.* V. 191)

429-438. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối với các loài hữu tình không chân, hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân...

(Như các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh, được thuyết rộng theo bốn niệm xứ).

VIII. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SỨC LỰC (*Balādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 191)

439-450. Này các Tỷ-kheo, ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh...

(Như các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IX. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TẦM CẦU (*Esanādisuttadasaka*) (*S.* V. 192)

451-460. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục, tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh...

(Như các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

X. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyādisuttadasaka*) (*S.* V. 192)

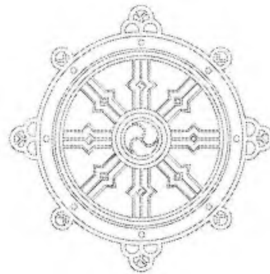
461-470. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn niệm xứ này phải tu tập.

(Tương tự cho các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử").



48. TƯƠNG ƯNG CĂN
(*INDRIYASAṂYUTTA*)

I. PHẨM THANH TỊNH (*SUDDHIKAVAGGA*)

I. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*)[1] (*S*. V. 193)

471. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

II. KINH DỰ LƯU THỨ NHẤT (*Paṭhamasotāpannasutta*)[2] (*S*. V. 193)

472. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

III. KINH DỰ LƯU THỨ HAI (*Dutiyasotāpannasutta*) (*S*. V. 193)

473. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là vị Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

IV. KINH A-LA-HÁN THỨ NHẤT (*Paṭhamaarahantasutta*)[3] (*S*. V. 194)

474. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy[4] được gọi là vị A-la-hán, lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt

---

[1] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.643. 0182c26).
[2] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.644. 0182b02).
[3] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.645. 0182b10).
[4] Kinh này và kinh kế tiếp giống nhau, chỉ khác là kinh này chỉ cho vị Thánh đệ tử, còn kinh sau chỉ cho một vị Tỷ-kheo.

gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

V. KINH A-LA-HÁN THỨ HAI (*Dutiyaarahantasutta*) (*S*. V. 194)

475. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*)[5] (*S*. V. 194)

476. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 195)

477. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết tín căn,[6] không như thật rõ biết tín căn tập khởi, không như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; không như thật rõ biết tấn căn... không như thật rõ biết niệm căn... không như thật rõ biết định căn... không như thật rõ biết tuệ căn, không như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, không như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn

---

[5] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099. 650-651. 0182c28-0183a12).

[6] *Saddhindriya*: Tín căn (xem đoạn kinh 479). *Saddhā*: Tín, tin, gồm có tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới viên mãn. Ba niềm tin đầu được xem là thuộc về tín căn. Xem *KS*. II. 48; *Expos*. I. 191.

ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết tín căn, như thật rõ biết tín căn tập khởi, như thật rõ biết tín căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tín căn đoạn diệt; như thật rõ biết tấn căn... như thật rõ biết niệm căn... như thật rõ biết định căn... như thật rõ biết tuệ căn, như thật rõ biết tuệ căn tập khởi, như thật rõ biết tuệ căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến tuệ căn đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với chánh trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay của Bà-la-môn hạnh.

VIII. KINH CẦN PHẢI QUÁN (*Daṭṭhabbasutta*)[7] (*S*. V. 196)

478. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tín căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tín căn trong bốn Dự lưu phần.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tấn căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tấn căn trong bốn chánh cần.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán niệm căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán niệm căn trong bốn niệm xứ.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán định căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán định căn trong bốn thiền.

Và này các Tỷ-kheo, cần phải quán tuệ căn ở chỗ nào? Ở đây, cần phải quán tuệ căn trong Bốn Thánh đế.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

IX. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (*Paṭhamavibhaṅgasutta*)[8] (*S*. V. 196)

479. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện

[7] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.646. 0182b16); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.675. 0185c09).
[8] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.647. 0182b23).

pháp với nỗ lực kiên trì (*daḷhaparakkamo*), tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng (*anikkhittadhuro*) làm các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ[9] tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, các lời nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sau khi từ bỏ pháp sở duyên (*vossaggārammaṇaṃ*), được định, được nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

X. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (*Dutiyavibhaṅgasutta*)[10] (*S*. V. 197)

480. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là tín căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy đối với các pháp bất thiện chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho không sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho đoạn tận; đối với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi; đối với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú, không có mê ám, được tăng trưởng, quảng đại, được tu tập, được làm cho viên mãn.[11] Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán

---

[9] *SA*. III. 234: *Satinepakkenāti ettha nipakassa bhāvo nepakkaṃ, paññāyetaṃ nāmaṃ* ("Niệm tuệ" trong trường hợp này nghĩa là sự phân biệt, trạng thái sáng suốt). Xem *S*. V. 225; *Vism*. 3.

[10] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.655. 0183b25); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.658. 0183b27).

[11] Xem *D*. III. 221.

thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

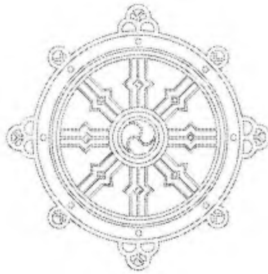
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... an trú Thiền thứ hai... an trú Thiền thứ ba... từ bỏ lạc từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ, như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.



II. PHẨM CÓ PHẦN YẾU HƠN (*MUDUTARAVAGGA*)

I. KINH CHỨNG ĐẮC (*Paṭilābhasutta*) (*S*. V. 199)

481. Này các Tỷ-kheo, có năm căn. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn căn?

Này các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn chánh cần, thâu nhận tinh tấn; này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm căn? Này các Tỷ-kheo, khi tu tập bốn niệm xứ, thâu nhận niệm; này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], với trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn.

II. KINH TÓM TẮT THỨ NHẤT (*Paṭhamasaṃkhittasutta*)[12] (*S*. V. 200)

482. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện (*samattā*), này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Bất Hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành.[13]

---

[12] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.648. 0182c14).

[13] *Saddhānusārī*: Vị ấy học tập, đặt ra nhiều nghi vấn và rồi mới bước vào thực tập. *Dhammānusārī*: Sau khi nghe được nghe một hoặc hai lần về Thánh đế, vị ấy chứng quả Nhập lưu. Xem *SA*. III. 235; *PC*. 149.

III. KINH TÓM TẮT THỨ HAI (*Dutiyasaṃkhittasutta*)[14] (*S*. V. 200)

483. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có sự sai biệt về căn mà có sự sai biệt về quả, do có sự sai biệt về quả mà có sự sai biệt về [hạng] người.[15]

IV. KINH TÓM TẮT THỨ BA (*Tatiyasaṃkhittasutta*) (*S*. V. 201)

484. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm?

Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn. Ai làm từng phần, được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả.

V. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ NHẤT (*Paṭhamavitthārasutta*) (*S*. V. 201)

485. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn (*Antarāparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn (*Upahaccaparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn (*Asaṅkhāraparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn (*Sasaṅkhāraparinibbāyī*). Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đạt đến Sắc Cứu Cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

VI. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ HAI (*Dutiyavitthārasutta*) (*S*. V. 201)

486. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là do sự sai khác về căn mà có sự sai khác về quả, do sự sai khác về quả mà có sự sai khác về [hạng] người.

VII. KINH QUẢNG THUYẾT THỨ BA (*Tatiyavitthārasutta*) (*S*. V. 202)

487. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

---

[14] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.648. 0182c14).

[15] *Iti kho, bhikkhave, indriyavemattatā phalavemattatā hoti, phalavemattatā puggalavemattatā ti.*

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn... Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ai làm viên mãn, được quả viên mãn; ai làm từng phần, được quả từng phần. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng năm căn không phải không sinh quả.

VIII. KINH THỰC HÀNH (*Paṭipannasutta*)[16] (*S*. V. 202)

488. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la-hán hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Bất Lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai (A-na-hàm hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai (Nhất lai hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Dự Lưu. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lưu (Dự lưu hướng).

Đối với ai, này các Tỷ-kheo, năm căn này toàn bộ và toàn diện không có, thời Ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu.

IX. KINH ĐẦY ĐỦ (*Sampannasutta*)[17] (*S*. V. 202)

489. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Căn đầy đủ, căn đầy đủ", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là căn đầy đủ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập Tuệ căn, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ.

Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có căn đầy đủ.

X. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*)[18] (*S*. V. 203)

490. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

---

[16] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.652. 0183a24).

[17] *Indriyasampanna*: Căn đầy đủ. Bản tiếng Anh của PTS: *Tranquil*, nghĩa là *Tịch tịnh*.

[18] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.649. 0182c21).

III. PHẨM SÁU CĂN
(*CHAḶINDRIYAVAGGA*)

I. KINH TÁI SANH (*Punabbhavasutta*)[19] (*S.* V. 203)

491. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

II. KINH MẠNG CĂN (*Jīvitindriyasutta*)[20] (*S.* V. 204)

492. Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Nữ căn, nam căn, mạng căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

III. KINH DĨ TRI CĂN (*Aññindriyasutta*)[21] (*S.* V. 204)

493. Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.[22]

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

IV. KINH BẬC NHẤT CHỦNG (*Ekabījīsutta*)[23] (S. V. 204)

494. Có năm căn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

---

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *No More Becoming* (or *The Knower*), nghĩa là *Không còn tái sanh* (hay *Người có trí*). Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.650. 0182c28).

[20] Bản tiếng Anh của PTS: *Vitality*, nghĩa là *Mạng*.

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *The Method*, nghĩa là *Chánh lý*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.642. 0182a14).

[22] Xem *Vism.* 491.

[23] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.653. 0183b04).

Với sự toàn diện, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Vô hành Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Thượng lưu đạt tới Sắc Cứu Cánh thiên. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất Chủng.[24] Yếu nhẹ hơn là bậc Gia Gia (*kolaṃkolo*).[25] Yếu nhẹ hơn là bậc phải tái sanh lại nhiều nhất là bảy lần. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn là bậc Tùy tín hành.

V. KINH THANH TỊNH (*Suddhakasutta*) (*S*. V. 205)

495. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là sáu căn.

VI. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (*S*. V. 205)

496. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn căn này; khi ấy, vị Thánh đệ tử được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết định đạt tới Chánh đẳng giác.

VII. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*)[26] (*S*. V. 205)

497. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này, được giải thoát, không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã gặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn diệt, chánh trí, giải thoát.

VIII. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC (*Sambuddhasutta*) (*S*. V. 205)

498. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; cho đến khi ấy, này các

---

[24] *Chú giải* giải thích rằng bậc Dự Lưu sanh lại làm người một lần nữa, tiếp tục nỗ lực tu tập thành tựu quả vị A-la-hán.

[25] Từ gia đình này đến gia đình khác.

[26] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Arahant* (or *Enlightened*), nghĩa là bậc *A-la-hán* (hay *bậc Giác Ngộ*).

Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT

(*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S.* V. 206)

499. Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? Nhãn căn... ý căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

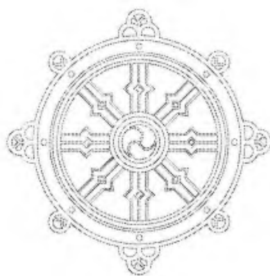
X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI

(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S.* V. 206)

500. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết nhãn căn, không như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, không như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn, không như thật rõ biết ý căn tập khởi, không như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết nhãn căn, như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn, như thật rõ biết ý căn tập khởi, như

thật rõ biết ý căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.



IV. PHẨM LẠC CĂN
(*SUKHINDRIYAVAGGA*)

I. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*) (*S*. V. 207)

501. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

II. KINH BẬC DỰ LƯU (*Sotāpannasutta*) (*S*. V. 207)

502. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết định đạt đến Chánh đẳng giác.

III. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (*S*. V. 208)

503. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

IV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 208)

504. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn

này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (***Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta***) (*S.* V. 208)

505. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết lạc căn, không rõ biết lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... không rõ biết xả căn, không rõ biết xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay không được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay được chấp nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn; và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

VI. KINH PHÂN TÍCH THỨ NHẤT (***Paṭhamavibhaṅgasutta***) (*S.* V. 209)

506. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về thân, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về thân, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hỷ căn (*somanassa*)? Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về tâm, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ưu căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về tâm, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả căn? Này các Tỷ-kheo, cái gì không thích

thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về tâm được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

VII. KINH PHÂN TÍCH THỨ HAI (*Dutiyavibhaṅgasutta*) (*S*. V. 209)

507. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc lạc căn và cái gì thuộc hỷ căn, cần phải xem là lạc thọ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, cái gì thuộc về khổ căn, và cái gì thuộc ưu căn, cần phải xem là khổ thọ. Ở đây, cái gì thuộc xả căn, cần phải xem là bất khổ bất lạc thọ.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

VIII. KINH PHÂN TÍCH THỨ BA (*Tatiyavibhaṅgasutta*) (*S*. V. 210)

508. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn... xả căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (như kinh trên).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các căn này, trước năm sau trở thành ba, trước ba sau trở thành năm, tùy theo pháp môn.

IX. KINH VÍ DỤ THANH CỦI (*Kaṭṭhopamasutta*)[27] (*S*. V. 211)

509. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác lạc thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng[28] được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn. Khi cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác khổ thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là khổ ấy, khổ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là khổ, người ấy rõ biết khổ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn. Khi cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác hỷ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là hỷ ấy, hỷ căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là hỷ, người ấy rõ biết hỷ căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn. Khi cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác ưu thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là ưu ấy, ưu căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là ưu, người ấy rõ biết ưu căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

---

[27] *Kaṭṭhopama* (*kaṭṭha* + *upama*) nghĩa là ví dụ về thanh củi, mảnh cây. Bản tiếng Anh của PTS: *The Fire-stick,* nghĩa là *Cây quay ra lửa. Araṇi*. Xem *KS*. II. 67; IV. 145.

[28] *Tajjaṃ* = *Sarūpaṃ*. Xem chú thích trong *BPE*. 6.

Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác xả thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sự xúc chạm và sự cọ xát hai thanh củi, sức nóng sanh khởi, lửa được hiện hữu. Khi hai thanh củi ấy được tách rời, được ly khai, sức nóng thích ứng ấy được đoạn diệt, được tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác lạc thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ. Do duyên xúc được cảm thọ là khổ, khởi lên khổ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là hỷ, khởi lên hỷ căn... Do duyên xúc được cảm thọ là ưu, khởi lên ưu căn... Do duyên xúc được cảm thọ là xả, khởi lên xả căn. Khi cảm thọ là xả, người ấy rõ biết: "Tôi cảm giác xả thọ." Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là xả ấy, xả căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng được cảm thọ là xả, người ấy rõ biết xả căn ấy diệt, được tịnh chỉ.

X. KINH KHÔNG THUẬN THỨ (*Uppaṭipāṭikasutta*) (*S*. V. 213)

510. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Khổ căn, ưu căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên khổ căn, vị ấy rõ biết như vầy: "Khổ căn này khởi lên nơi ta." Và khổ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và khổ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết khổ căn; rõ biết khổ căn tập khởi; rõ biết khổ căn đoạn diệt; từ chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết khổ căn ấy. Và tại chỗ nào, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Ở đây, khổ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của khổ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên ưu căn, vị ấy rõ biết như vầy: "Trong ta khởi lên ưu căn này." Và ưu căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và ưu căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết ưu căn; rõ biết ưu căn tập khởi; rõ biết ưu căn đoạn diệt; từ chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết ưu căn ấy. Và tại chỗ nào, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và ở

đây, ưu căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của ưu căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên lạc căn, vị ấy rõ biết như vầy: "Lạc căn này khởi lên nơi ta." Và lạc căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và lạc căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Và vị ấy rõ biết lạc căn; rõ biết lạc căn tập khởi; rõ biết lạc căn đoạn diệt; từ chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết lạc căn ấy. Và tại chỗ nào, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Ở đây, lạc căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của lạc căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên hỷ căn, vị ấy rõ biết như sau: "Hỷ căn này khởi lên nơi ta." Và hỷ căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và hỷ căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết hỷ căn; rõ biết hỷ căn tập khởi; rõ biết hỷ căn đoạn diệt; từ chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết hỷ căn ấy. Và tại chỗ nào, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Ở đây, hỷ căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của hỷ căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, khởi lên xả căn, vị ấy rõ biết như sau: "Xả căn này khởi lên nơi ta." Và xả căn ấy có tướng, có nhân, có hành, có duyên. Và xả căn ấy không tướng, không nhân, không hành, không duyên có thể khởi lên; sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy rõ biết xả căn; rõ biết xả căn tập khởi; rõ biết xả căn đoạn diệt; từ chỗ nào, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn, vị ấy rõ biết xả căn ấy. Và tại chỗ nào, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Ở đây, xả căn khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là Tỷ-kheo biết rõ sự đoạn diệt của xả căn, tập trung tâm để đạt tới điều kiện ấy.

V. PHẨM GIÀ (*JARĀVAGGA*)

I. KINH PHÁP GIÀ (*Jarādhammasutta*)[29] (*S*. V. 216)

511. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Pubbārāma, trong lâu đài của mẹ Migāra.[30]

Lúc bấy giờ, Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương Tây.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, với tay xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng:

– Thật kinh hoàng thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ dị thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, màu da Thế Tôn nay không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời (*sithilāni*), nhăn nheo, thân được thấy còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

– Sự thể là vậy, này Ānanda, tánh già nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong sức khỏe; tánh chết ở trong sự sống. Như vậy, màu da không còn thanh tịnh, trong sáng, tay chân rã rời, nhăn nheo, thân còm về phía trước, và các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Bất hạnh thay tuổi già!
Đáng sợ thay cuộc sống!
Tuổi già làm phai nhạt,
Sắc diện của màu da.[31]
Hình bóng trước khả ý,
Nay già đã phá tan.
Ai sống được trăm tuổi,
Cuối cùng cũng phải chết.
Không bỏ sót một ai,
Tất cả bị phá sập.

II. KINH BÀ-LA-MÔN UṆṆĀBHA (*Uṇṇābhabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 217)

512. Nhân duyên ở Sāvatthi.

---

[29] Bản tiếng Anh của PTS: *Old Age*, được dịch là *Già*.

[30] *Migāramātupāsāda*: Tên của một tinh xá do tín nữ Visākhā tạo dựng và hỷ cúng cho đức Phật cùng Tăng đoàn. *S*. I. 77 và III. 100.

[31] *Bimba* (hay *vimba*) = *Attabhāva*. Xem *SA*. III. 245; *Dh*. v. 147.

Rồi Bà-la-môn Uṇṇābha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Uṇṇābha thưa Thế Tôn:

– Có năm căn này, thưa Tôn giả Gotama, đối cảnh khác nhau (*nānāvisayāni*), hành cảnh khác nhau (*nānāgocarāni*), chúng không dung nạp (*paccanubhonti*) hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn. Thưa Tôn giả Gotama, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, thời cái gì làm chỗ quy tựa cho chúng? Và cái gì dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng?

– Này Bà-la-môn, có năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau. Thế nào là năm? Nhãn căn... thân căn. Này Bà-la-môn, năm căn này, đối cảnh khác nhau, hành cảnh khác nhau, chúng không dung nạp hành cảnh đối cảnh của nhau, ý làm chỗ quy tựa cho chúng, ý dung nạp hành cảnh đối cảnh của chúng.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho ý?

– Này Bà-la-môn, niệm là chỗ quy tựa cho ý.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho niệm?

– Này Bà-la-môn, giải thoát là chỗ quy tựa cho niệm.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì làm chỗ quy tựa cho giải thoát?

– Này Bà-la-môn, Niết-bàn là chỗ quy tựa cho giải thoát.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cái gì là chỗ quy tựa cho Niết-bàn?

– Này Bà-la-môn, câu hỏi đi quá xa (*ajjhaparaṃ*) không thể nắm được chỗ tận cùng của câu hỏi. Này Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống để thể nhập Niết-bàn, Phạm hạnh lấy Niết-bàn làm mục đích, lấy Niết-bàn làm cứu cánh.

Rồi Bà-la-môn Uṇṇābha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Sau khi Bà-la-môn Uṇṇābha ra đi không bao lâu, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái nhà có nóc nhọn, hay một giảng đường có nóc nhọn với cửa sổ hướng về phía Đông, khi mặt trời mọc và các tia nắng chiếu vào ngang qua cửa sổ, chúng dựa vào chỗ nào?[32]

– Chúng dựa trên bức tường phía Tây, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin của Bà-la-môn Uṇṇābha hướng về, căn cứ, được an trú trên Như Lai. Lòng tin ấy kiên cố, không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chiếm đoạt. Nếu trong lúc này, này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Uṇṇābha bị mệnh chung, không có một kiết sử nào có thể cột để kéo Bà-la-môn Uṇṇābha trở lui về đời này.[33]

[32] Xem *KS*. II. 71.
[33] Vị ấy chứng quả A-na-hàm. Tham khảo: *S*. V. 178; *KS*. V. 156 (kinh 396 ở trước).

III. KINH SĀKETA (*Sāketasutta*) (*S*. V. 219)

513. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāketa, tại rừng Añjana, Lộc Uyển.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, có pháp môn nào, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Này các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn. Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, năm căn tức là năm lực, và năm lực trở thành năm căn?

Cái gì là tín căn, này các Tỷ-kheo, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn. Cái gì là tấn căn, cái ấy là tấn lực. Cái gì là tấn lực, cái ấy là tấn căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn…

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, và giữa con sông có hòn đảo. Này các Tỷ-kheo, có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một. Nhưng này các Tỷ-kheo, lại có pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là hai.

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, được tính là một? Này các Tỳ-kheo, nước cuối phía Đông và nước cuối phía Tây của hòn đảo ấy được tính là một dòng. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là một.

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y theo pháp môn ấy, dòng con sông ấy được tính là hai? Này các Tỷ-kheo, nước cuối phía Bắc và nước cuối phía Nam của hòn đảo ấy được tính là hai dòng. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn, y theo pháp môn ấy, dòng sông ấy được tính là hai.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì là tín căn, cái ấy là tín lực. Cái gì là tín lực, cái ấy là tín căn... Cái gì là tuệ căn, cái ấy là tuệ lực. Cái gì là tuệ lực, cái ấy là tuệ căn.

Này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn năm căn này, Tỷ-kheo đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

IV. KINH NGÔI NHÀ PHÍA ĐÔNG (*Pubbakoṭṭhakasutta*) (*S*. V. 220)

514. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Pubbakoṭṭhaka.[34] Tại đấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

---

[34] Xem *A*. III. 345; *GS*. III. 243. Có lẽ đây là kinh duy nhất đề cập việc đức Phật và Tôn giả Ānanda đi đến chỗ tắm. Gần cổng thành, có nhiều chỗ tắm công cộng. *Koṭṭhaka* là căn phòng hay nhà kho (gần cổng thành).

– Ông có tin không, này Sāriputta, tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...? Ông có tin không, này Sāriputta, tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con không đi với lòng tin nơi Thế Tôn, rằng tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Với những ai, bạch Thế Tôn, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." Còn với những ai, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." Còn con, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; con ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh."

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Với những ai, này Sāriputta, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; ở đây, họ cần đi với lòng tin nơi kẻ khác [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh." Và còn với những ai, này Sāriputta, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân [tin rằng]: "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh."

V. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ NHẤT
(*Paṭhamapubbārāmasutta*) (*S.* V. 222)

515. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Đông Viên, ở lâu đài của mẹ Migāra. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn, này các Tỷ-kheo, khiến cho

Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Một căn ấy là căn gì? Là tuệ căn.

Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên (*tadanvayaṃ*) tín được an trú, tất nhiên tinh tấn được an trú, tất nhiên niệm được an trú, tất nhiên định được an trú.

Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ HAI
(*Dutiyapubbārāmasutta*) (*S.* V. 222)

516. Nhân duyên như kinh trên.

– Bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Hai căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Thế nào là hai?

Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh trí tuệ, cái ấy là tuệ căn. Cái gì trong vị ấy, này các Tỷ-kheo, là Thánh giải thoát, cái ấy là định căn.

Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VII. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ BA
(*Tatiyapubbārāmasutta*) (*S.* V. 223)

517. Nhân duyên như kinh trên.

– Có bao nhiêu căn được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

... (Như kinh trên, chỉ khác là kinh này nói đến "bốn căn" tức "tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn").

VIII. KINH NGÔI VƯỜN PHÍA ĐÔNG THỨ TƯ
(*Catutthapubbārāmasutta*) (*S*. IV. 223)

518. Nhân duyên như kinh trên.

(Như kinh trên, chỉ khác là đây là "năm căn" tức "tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn").

IX. KINH PIṆḌOLA BHĀRADVĀJA
(*Piṇḍolabhāradvājasutta*)[35] (*S*. IV. 224)

519. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja tuyên bố với chánh trí như sau: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí như sau: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Do thấy lý do gì, bạch Thế Tôn, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja lại tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa"?

– Do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Ba căn ấy là gì? Niệm căn, định căn, tuệ căn.

Chính do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và này các Tỷ-kheo, ba căn này, chúng đi đến tận cùng ở đâu? Tận cùng đi đến đoạn diệt. Đi đến đoạn diệt cái gì? Sanh già và chết. Vì thấy sanh già và chết đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, nên Tỷ-kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

X. KINH ĀPAṆA (*Āpaṇasutta*)[36] (*S*. V. 225)

520. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Aṅga, tại thị trấn của dân chúng Aṅga tên là Āpaṇa. Tại đấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, có vị Thánh đệ tử nào đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin

---

[35] Bản tiếng Anh của PTS: *Scrap-hunter*, nghĩa là *Người tìm lượm phế liệu*.

[36] Bản tiếng Anh của PTS: *Faithful* (or *Market*), nghĩa là *Tín* (hay *Ngôi chợ*).

tưởng ở Như Lai; vị ấy có thể có phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai?

– Vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có thể phân vân hay nghi ngờ đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, được chờ đợi rằng: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, tinh tấn, không có quăng bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

Sự tinh tấn của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tấn căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần tinh tấn, bạch Thế Tôn, được chờ đợi rằng: Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm những điều làm đã lâu, nói đã lâu ngày.

Sự niệm của vị ấy, bạch Thế Tôn, là niệm căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, tinh cần tinh tấn, với niệm được an trú, bạch Thế Tôn, được chờ đợi rằng: Sau khi từ bỏ pháp sở duyên, vị ấy sẽ được định, được nhất tâm.

Định của vị ấy, bạch Thế Tôn, là định căn của vị ấy. Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, an trú chánh niệm, với tâm thiền định, bạch Thế Tôn, được chờ đợi như sau: Vị ấy rõ biết rằng vô thỉ là luân hồi, khởi điểm đầu tiên không thể chỉ rõ. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi. Sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn khối u ám ấy, là tịch tịnh của vị này, là thù thắng của vị này, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận tham ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn.

Trí tuệ của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tuệ căn của vị ấy. Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tinh tấn như vậy; ức niệm, ức niệm như vậy; định tĩnh, định tĩnh như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những pháp này mà trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ấy. Nay với trí tuệ, ta thể nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng."

Lòng tin của vị ấy, bạch Thế Tôn, là tín căn của vị ấy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Vị Thánh đệ tử nào, này Sāriputta, đi đến nhất tâm và hoàn toàn tin tưởng ở Như Lai; vị ấy không có phân vân, không có nghi ngờ gì đối với Như Lai, hay đối với lời dạy của Như Lai. Vị Thánh đệ tử nào có lòng tin, này Sāriputta, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ trú tinh cần tinh tấn, để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không quăng bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Sự tinh tấn của vị ấy, này Sāriputta, là tấn căn của vị ấy.

Với vị Thánh đệ tử có lòng tin và tinh cần, tinh tấn, này Sāriputta... Vị Thánh đệ tử có lòng tin ấy, tinh cần tinh tấn như vậy; rõ biết, rõ biết như vậy; lòng thâm tín như sau sanh khởi: "Những pháp này trước kia ta từng được nghe, nay ta trú, tự thân chứng đạt những pháp ấy. Nay với trí tuệ, ta thể nhập chúng, ta thấy chúng rõ ràng."

Lòng tin của vị ấy, này Sāriputta, tức là tín căn của vị ấy.

VI. PHẨM HANG LỢN
(*SŪKARAKHATAVAGGA*)

I. KINH SĀLĀ (*Sālasutta*) (*S*. V. 227)

521. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một làng Bà-la-môn tên Sālā.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ?

Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tấn căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Niệm căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Định căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ. Tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về dõng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

II. KINH MALLIKA (*Mallikasutta*)[37] (*S*. V. 228)

522. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallā, tại một thị trấn của dân chúng Mallā tên là Uruvelakappa.

Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

– Cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đẳng trú (*saṇṭhiti*); cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú (*avaṭṭhiti*). Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái

[37] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.655. 0183b25).

nhọn chưa được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được đẳng trú; cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được an trú. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái nhọn được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà được đẳng trú; cho đến khi ấy, các kèo nhà được an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Thánh trí chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú. Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đẳng trú; cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn.

Với vị Thánh đệ tử có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tất nhiên lòng tin được đẳng trú, tất nhiên tinh tấn được đẳng trú, tất nhiên niệm được đẳng trú, tất nhiên định được đẳng trú.

III. KINH HỮU HỌC (*Sekhasutta*) (*S.* V. 229)

523. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Có pháp môn nào, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học", Tỷ-kheo Vô học (*Asekha*) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc Vô học"?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Có pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học", Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc Vô học."

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học." Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt." Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy,[38] như Thế Tôn hay không?" Và vị ấy rõ biết như sau: "Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn." Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy

---

[38] Xem *D.* I. 190.

không có thể trú với tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo... rõ biết: "Tôi là bậc Hữu học."

Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc Vô học." Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vô học rõ biết năm căn: Tín căn... tuệ căn, với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc Vô học."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vô học rõ biết sáu căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào." Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo Vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc Vô học."

IV. KINH DẤU CHÂN (*Padasutta*) (*S.* V. 230)

524. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các bàn chân nào của loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu (*jaṅgalānaṃ*), tất cả bàn chân ấy đều nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong tất cả bàn chân nào (*padāni*) đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng về phương diện giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, những bàn chân nào đưa đến giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là bàn chân đưa đến giác ngộ. Tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn là bàn chân đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong bất cứ bàn chân nào của những loài hữu tình bộ hành trong rừng sâu, tất cả bàn chân đều nằm gọn trong bàn chân con voi. Bàn chân con voi được xem là tối thượng trong các loại bàn chân, tức là về to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có bàn chân nào đưa đến giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng trong tất cả bàn chân, tức là về giác ngộ.

V. KINH LÕI CÂY (*Sārasutta*) (*S.* V. 231)

525. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương nào, cây Chiên-đàn đỏ được xem là tối thượng trong tất cả lõi hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn là pháp tối thượng trong tất cả pháp ấy, tức là về phần giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp ấy đưa đến giác ngộ... tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, pháp ấy đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những lõi hương nào, cây Chiên-đàn đỏ

được xem là tối thượng trong các lõi hương. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tuệ căn được xem là tối thượng trong các pháp ấy, tức là về giác ngộ.

VI. KINH Y CHỈ, AN TRÚ (*Patiṭṭhitasutta*) (*S.* V. 232)

526. Tỷ-kheo y chỉ một pháp, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập, được khéo tu tập. Một pháp ấy là gì? Là không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không phóng dật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu. Do vị ấy hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu, nên tín căn được tu tập đi đến viên mãn... tấn căn… niệm căn… định căn… tuệ căn được tu tập đi đến viên mãn.

Tỷ-kheo y chỉ một pháp như vậy, này các Tỷ-kheo, năm căn được tu tập đi đến viên mãn.

VII. KINH PHẠM THIÊN SAHAMPATI (*Sahampatibrahmasutta*) (*S.* V. 232)

527. Một thời, Thế Tôn trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla, khi vừa mới giác ngộ.

Rồi Thế Tôn trong khi độc cư thiền tịnh, tâm tư suy tưởng sau đây được khởi lên: “Năm căn được tu tập, được làm sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Tấn căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.”

Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm tư suy tưởng của Thế Tôn, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Thưa vậy là phải, bạch Thế Tôn. Thưa vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Năm căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con sống Phạm hạnh trong thời Ngài Kassapa

Chánh Đẳng Chánh Giác. Tại đấy mọi người biết con là: "Tỷ-kheo Sahaka, Tỷ-kheo Sahaka." Và con, bạch Thế Tôn, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn năm căn này, sau khi từ bỏ dục tham đối với các dục, sau khi thân hoại mạng chung, con được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Tại đấy, họ gọi con là: "Phạm thiên Sahampati, Phạm thiên Sahampati."

Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Con biết như sau, con thấy như sau: "Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh."

VIII. KINH HANG LỢN (*Sūkarakhatasutta*)[39] (*S*. V. 233)

528. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), trong hang Con Lợn.

Tại đấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

– Do thấy lý do gì, này Sāriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai?

– Vì thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Do thấy vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, nên Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

Thế nào là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay lời giảng dạy của Như Lai?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc tu tập tín căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ... tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, đưa đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Đây là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, bạch Thế Tôn, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Cái này là vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này Sāriputta, do thấy vậy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai.

Và này Sāriputta, thế nào là sự tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai hay đối với lời giảng dạy của Như Lai?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc sống tôn trọng, cung kính bậc Đạo sư; sống tôn trọng, cung kính Pháp; sống tôn trọng, cung kính chúng Tăng; sống tôn trọng, cung kính học giới; sống tôn trọng, cung kính thiền định. Đây là sự tối thượng tôn kính, bạch Thế Tôn, mà Tỷ-kheo đã đoạn

[39] Bản tiếng Anh của PTS: *Boar's Cave*, nghĩa là hang con lợn lòi đực.

tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay lời giảng dạy của Như Lai.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Cái này là tối thượng tôn kính mà Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc bày tỏ sự tối thượng tôn kính đối với Như Lai, hay đối với lời giảng dạy của Như Lai.

IX. KINH SANH THỨ NHẤT (*Paṭhamauppādasutta*) (*S.* V. 235)

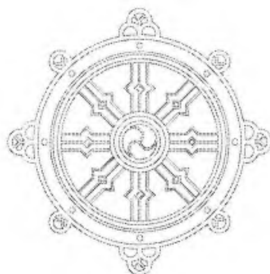
529. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, nếu chưa sanh khởi, sẽ được sanh khởi, nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

X. KINH SANH THỨ HAI (*Dutiyauppādasutta*) (*S.* V. 235)

530. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là “không thể không có sự hiện hữu giới luật của bậc Thiện Thệ”).



VII. PHẨM GIÁC PHẦN (*BODHIPAKKHIYAVAGGA*)

I. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*S*. V. 236)

531. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử.

II. KINH TÙY MIÊN (*Anusayasutta*) (*S*. V. 236)

532. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự nhổ sạch các tùy miên. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự nhổ sạch các tùy miên.

III. KINH LIỄU TRI (*Pariññāsutta*)[40] (*S*. V. 236)

533. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài.

IV. KINH ĐOẠN DIỆT CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (*S*. V. 236)

534. Có năm căn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

– Có năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử, đưa đến nhổ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Năm căn này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử, đưa đến nhổ sạch các tùy miên, đưa đến liễu tri đường luân hồi dài, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

[40] Bản tiếng Anh của PTS: *Comprehension* (or *The Way out*), nghĩa là *Liễu tri* (hay *Con đường ra khỏi*).

V. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (*Paṭhamaphalasutta*)[41] (*S*. V. 236)

535. Có năm căn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi như sau: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư tàn, được quả Bất lai.

VI. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (*Dutiyaphalasutta*)[42] (*S*. V. 237)

536. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn... tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, có năm căn này.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, khi lâm chung không thành tựu được chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn chứng được Vô hành Bát-niết-bàn, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn, chứng được Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên.

Do tu tập, làm cho sung mãn năm căn này, này các Tỷ-kheo, bảy quả này, bảy lợi ích này được chờ đợi.

VII. KINH CÂY THỨ NHẤT (*Paṭhamarukkhasutta*) (*S*. V. 237)

537. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả cây sống ở Jambudīpa (Diêm-phù-đề), cây Jambu (Diêm-phù) được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Tấn căn... Niệm căn... Định căn... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, những cây sống trên cõi Diêm-phù-đề, cây Jambu được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

VIII. KINH CÂY THỨ HAI (*Dutiyarukkhasutta*) (*S*. V. 238)

538. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pāricchattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các

---

[41] Bản tiếng Anh của PTS: *Two Fruits*, nghĩa là *Hai quả vị*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.734. 0196b29); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.738. 0197a10).

[42] Bản tiếng Anh của PTS: *Seven Advantages*, nghĩa là *Bảy lợi ích*.

Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp thuộc phần giác ngộ? Tín căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ... Tuệ căn, này các Tỷ-kheo, là pháp thuộc phần giác ngộ, vì pháp ấy đưa đến giác ngộ. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những cây gì của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, cây Pārichattaka được xem là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

IX. KINH CÂY THỨ BA (*Tatiyarukkhasutta*) (*S*. V. 238)

539. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "những cây của các loài a-tu-la và cây Cittapāṭali được xem là tối thượng", với những thay đổi cần thiết).

X. KINH CÂY THỨ TƯ (*Catuttharukkhasutta*) (*S*. V. 238)

540. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "những cây của các Supaṇṇa (Kim Sí điểu) và cây Kūṭasimbalī được xem là tối thượng", với những thay đổi cần thiết).

VIII. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 239)

541-552. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn căn... niệm căn... định căn... tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

IX. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (*S*. V. 240)

553-562. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

X. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (*S*. V. 240)

563-574. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông", được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

XI. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (*S*. V. 240)

575-586. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", và 2 kinh "Khát ái", được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).

XII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S*. V. 241)

587-596. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận các thượng phần kiết sử này, năm căn cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập tuệ căn liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử", thuyết rộng như *Tương ưng Đạo,* phẩm Bộc lưu).

XIII. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 241)

597-608. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm căn, làm cho sung mãn năm căn, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

XIV. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (*S*. V. 242)

609-618. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh).

XV. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (*S*. V. 242)

619-630. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

XVI. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGĀ*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (*S*. V. 242)

631-640. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

XVII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

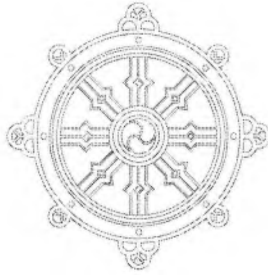
I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S*. V. 242)

641-650. Có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết

sử. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si... tấn căn… niệm căn… định căn… tu tập tuệ căn với cứu cánh nhiếp phục tham, với cứu cánh nhiếp phục sân, với cứu cánh nhiếp phục si. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, để liễu tri, để đoạn diệt, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm căn này cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử." Phẩm Bộc lưu được thuyết rộng như *Tương ưng Đạo*).



49. TƯƠNG ƯNG CHÁNH CẦN
(*SAMMAPPADHĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT
(*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 244)

651-662. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Tại đấy, Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn chánh cần này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn chánh cần.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần tu tập làm cho sung mãn như thế nào, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng; đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần... cố gắng; đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi... cố gắng; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Thuyết rộng như *Tương ưng Chánh cần*).

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. (*S*. V. 245)

663-672. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh, được thuyết rộng như *Tương ưng Chánh cần*).

III. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*Balakaraṇīyādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 246)

673-684. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những việc làm cần dùng đến sức mạnh mà làm tất cả công việc ấy, được làm y cứ vào đất, an trú vào đất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

(Gồm các kinh: "Sức lực", "Hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông", được thuyết rộng như *Tương ưng Chánh cần*).

IV. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TẦM CẦU (*Esanādisuttadasaka*) (*S*. V. 246)

685-694. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tầm cầu.

Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này, này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.

(Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái", được thuyết rộng như *Tương ưng Chánh cần*).

V. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S*. V. 247)

695-704. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử.

Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử, bốn chánh cần này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

Chính để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.

(Gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử", được thuyết rộng như *Tương ưng Chánh cần*).

50. TƯƠNG ƯNG LỰC
(*BALASAṂYUTTA*)

I. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT
(*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SỨC LỰC
(*Balādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 249)

705-716. Có năm lực, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu thiên về phương Đông, sáu thiên về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (*S*. V. 250)

717-726. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", gồm tất cả là mười kinh).

III. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (*S*. V. 250)

727-738. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IV. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (*S*. V. 250)

739-748. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

V. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S*. V. 251)

749-758. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực này cần phải tu tập.

(Gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử").

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 251)

759-770. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân, với mục đích nhiếp phục si... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu thiên về phương Đông và sáu thiên về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

VII. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (*S.* V. 252)

771-780. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh).

VIII. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (*S.* V. 252)

781-792. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IX. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (*S.* V. 252)

793-802. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khái ái").

X. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S.* V. 253)

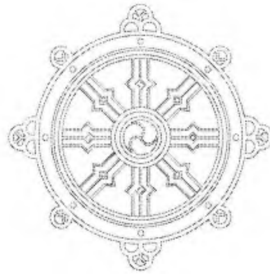
803-812. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là

năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực... tu tập tuệ lực với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân, với mục đích nhiếp phục si.

Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần được tu tập.

(Gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Thượng phần kiết sử", "Hạ phần kiết sử").



51. TƯƠNG ƯNG NHƯ Ý TÚC
(*IDDHIPĀDASAṂYUTTA*)

I. PHẨM CĀPĀLA (*CĀPĀLAVAGGA*)

I. KINH TỪ BỜ BÊN NÀY (*Apārasutta*)[1] (*S*. V. 254)

813. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành; tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này đến bờ bên kia.

II. KINH THỐI THẤT (*Viraddhasutta*) (*S*. V. 254)

814. Với những ai bốn như ý túc bị thối thất, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Với những ai bốn như ý túc được thực hiện, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Với những ai bốn như ý túc này bị thối thất, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, bị thối thất là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Với những ai bốn như ý túc này được thực hiện, này các Tỷ-kheo, với những người ấy, được thực hiện là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

III. KINH VỊ THÁNH (*Ariyasutta*) (*S*. V. 255)

815. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những vị Thánh lãnh đạo, dắt dẫn những ai thực hiện, đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh

[1] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.7. 0658a05).

cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Có bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, trở thành những vị Thánh lãnh đạo, dắt dẫn những ai thực hiện, đi đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

IV. KINH YỂM LY (*Nibbidāsutta*) (*S.* V. 255)

816. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

V. KINH MỘT PHẦN NHƯ Ý TÚC (*Iddhipadesasutta*)[2] (*S.* V. 255)

817. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đã làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy sẽ làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đang làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện một phần như ý túc... sẽ thực hiện... đang thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

VI. KINH TOÀN DIỆN (*Samattasutta*) (*S.* V. 256)

818. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những vị Sa-môn

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Partial*, nghĩa là *Một phần*.

hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, đang thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện toàn diện như ý túc... sẽ thực hiện toàn diện như ý túc... đang thực hiện toàn diện như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

VII. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S*. V. 257)

819. Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả các vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ-kheo nào trong thời tương lai, này các Tỷ-kheo, đã đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, sẽ tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Những Tỷ-kheo nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Những Tỷ-kheo nào trong thời quá khứ, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, đã chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát... sẽ chứng đạt... đang chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này.

VIII. KINH BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC (*Buddhasutta*)[3] (*S*. V. 257)

820. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc.

Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

---

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Ariyan*, nghĩa là *Bậc A-la-hán*.

IX. KINH TRÍ (*Ñāṇasutta*) (*S*. V. 258)

821. Với suy tư: "Đây là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Với suy tư: "Như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này cần phải được tu tập", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên. Với suy tư: "Như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành này đã được tu tập", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, ở nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

... tinh tấn định…

... tâm định…

... tư duy định…

X. KINH ĐỀN THỜ (*Cetiyasutta*)[4] (*S*. V. 258)

822. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vesāli để khất thực. Sau khi vào Vesāli để khất thực, sau bữa ăn, trên con đường trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ānanda:

– Hãy cầm tọa cụ, này Ānanda, Ta sẽ đi đến đền thờ Cāpāla để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn đi đến đền thờ Cāpāla; sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ānanda đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesāli! Khả ái thay đền thờ Udena! Khả ái thay đền thờ Gotamaka! Khả ái thay đền thờ Sattamba! Khả ái thay đền thờ Bahuputta! Khả ái thay đền thờ Sārandada! Khả ái thay đền thờ Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu tập bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu tập bốn như ý túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp,

---

[4] *Cetiya*. Xem *D*. II. 102, 118. Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0001.02. 0011a07).

vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời và loài người", vì tâm Tôn giả đã bị Ác ma ám ảnh.

Lần thứ hai, Thế Tôn...

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesāli! Khả ái thay đền thờ Udena!... có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Tuy vậy, Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu... vì tâm của Tôn giả đã bị Ác ma ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là phải thời.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến ngồi tại một gốc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ānanda đi ra không bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong, liền thưa với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu."

Bạch Thế Tôn, nhưng nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ đã có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Như vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật...

"... khi nào những nam cư sĩ của Ta... khi nào nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày,

xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu."

Bạch Thế Tôn, nhưng nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử có học, có kỷ luật, tự chủ, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, đa văn, trì pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống thuận Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, họ đã có thể dùng Chánh pháp cật vấn và khéo hàng phục, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Như vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ, khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người." Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

– Này Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại chỗ Cāpāla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy; lúc bấy giờ, Ngài nói lên bài kệ cảm khái như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Đạo sĩ từ bỏ không kéo dài,
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định,
Như thoát áo giáp đang mang mặc.

II. PHẨM LẦU RUNG CHUYỂN (*PĀSĀDAKAMPANAVAGGA*)

I. KINH TRƯỚC (*Pubbasutta*)[5] (*S.* V. 263)

823. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Trước khi Ta giác ngộ, này các Tỷ-kheo, chưa chứng Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì tu tập như ý túc?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với ý nghĩ: "Như vậy, ý muốn (dục) của ta sẽ không quá thụ động và không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng (*pacchāpuresaññī*); trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó (*apariyonaddhena*), với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Có người tu tập như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, với ý nghĩ: "Như vậy, tinh tấn của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Có người tu tập như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành với ý nghĩ: "Như vậy, tâm của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Có người tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành với ý nghĩ: "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Formerly* (or *Condition*), nghĩa là *Trước* (hay *Duyên*).

sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi như đi ngang qua hư không; trồi lên, độn thổ, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy lực như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, hoặc xa hoặc gần.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo với tâm của mình rõ biết tâm của các chúng sanh, của những người khác. Với tâm có tham, vị ấy rõ biết là tâm có tham; với tâm không có tham, rõ biết là tâm không có tham; với tâm có sân, rõ biết là tâm có sân; với tâm không có sân, rõ biết là tâm không có sân; với tâm có si, rõ biết là tâm có si; với tâm không có si, rõ biết là tâm không có si; với tâm co rút, rõ biết là tâm co rút; với tâm tán loạn, rõ biết là tâm tán loạn; với tâm đại hành, rõ biết là tâm đại hành; với tâm không đại hành, rõ biết là tâm không đại hành; với tâm hữu hạn, rõ biết là tâm hữu hạn; với tâm vô thượng, rõ biết là tâm vô thượng; với tâm thiền định, rõ biết là tâm thiền định; với tâm không thiền định, rõ biết là tâm không thiền định; với tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh: Vị ấy rõ biết chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các vị này làm những ác

hạnh về thân, ngữ hay ý; phỉ báng các bậc Thánh; theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý; không phỉ báng các bậc Thánh; theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng: "Chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ."

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.[6]

II. KINH QUẢ LỚN (*Mahāpphalasutta*) (*S*. V. 267)

824. Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn. Bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với ý nghĩ: "Như vậy, ý muốn của ta sẽ không quá thụ động, và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

... tinh tấn định... tâm định... tư duy định...

Bốn như ý túc được tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn.

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên...

Tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

III. KINH DỤC ĐỊNH (*Chandasamādhisutta*)[7] (*S*. V. 268)

825. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nương tựa[8] dục được định, được nhất tâm, đây gọi là dục định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi

---

[6] *S*. II. 121ff nêu rõ rằng có thể chứng chánh trí (*aññā*) mà không cần chứng các thần thông (*abhiññā*).
[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Desire*, nghĩa là *Sự mong muốn*.
[8] *Nissāya*. Xem *Vbh*. 216; *Vism*. II. 385.

lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn đoạn diệt, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp chưa sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Những [pháp] này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là dục, đây là dục định, và những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành.

Nếu Tỷ-kheo nương tựa tinh tấn, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đây gọi là tinh tấn định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các pháp này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là tinh tấn, đây là tinh tấn định, những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành.

Nếu Tỷ-kheo nương tựa tâm, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đây gọi là tâm định. Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh... Đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các [pháp] này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là tâm, đây là tâm định, những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tâm định tinh cần hành.

Nếu Tỷ-kheo nương tựa tư duy, này các Tỷ-kheo, được định, được nhất tâm, đây gọi là tư duy định. Đối với ác, bất thiện pháp chưa sanh... đối với các thiện pháp đã sanh, vị ấy khởi lên ý muốn làm cho an trú, không vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Các [pháp] này được gọi là tinh cần hành.

Như vậy, đây là tư duy, đây là tư duy định, những pháp này là tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

IV. KINH MOGGALLĀNA (*Moggallānasutta*) (*S.* V. 269)

826. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra.

Lúc bấy giờ, một số Tỷ-kheo trú ở dưới lầu của mẹ Migāra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lắm miệng, tạp thoại, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm mê loạn, các căn không chế ngự (*pākatindriyā*).

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Moggallāna, những đồng Phạm hạnh ấy trú dưới lầu của mẹ Migāra,

trạo cử,[9] kiêu mạn, dao động, lắm miệng, tạp thoại, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm mê loạn, các căn không chế ngự. Hãy đi, này Moggallāna, và làm cho họ hoảng hốt (*saṃvejeti*).

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahāmoggallāna vâng đáp Thế Tôn, thực hiện thần thông, với ngón chân lớn, làm cho rung động, rung chuyển, làm cho chấn động lâu đài của mẹ Migāra.

Rồi các Tỷ-kheo ấy hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, họ đứng về một bên và [la lớn]: "Thật là vi diệu, chư Tôn giả! Thật là hy hữu, chư Tôn giả! Lâu đài của mẹ Migāra này được che chở khỏi gió, được khéo đào những nền móng thâm sâu, không có lung lay, không có chuyển động. Tuy vậy, nó rung động, rung chuyển, chấn động."

Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói với họ:

– Này các Tỷ-kheo, tại sao các ông lại hốt hoảng, lông tóc dựng ngược, và đứng về một bên như vậy?

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Lâu đài của mẹ Migāra được che chở khỏi gió, được khéo đào thành những nền móng thâm sâu, không có lung lay, không có chuyển động. Tuy vậy, nó rung động, rung chuyển, chấn động.

– Này các Tỷ-kheo, chính do Tỷ-kheo Moggallāna muốn làm cho các ông hoảng hốt, với ngón chân lớn, đã làm cho lâu đài của mẹ Migāra bị rung chuyển, rung động, bị chấn động. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggallāna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo... sau khi nghe pháp, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy hãy nghe, này các Tỷ-kheo. Chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggallāna đã có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggallāna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... Tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành với ý nghĩ: "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng; trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy; dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy; ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

---

[9] Xem *KS*. I. 84; *M*. I. 32; *PugA*. 217.

Này các Tỷ-kheo, chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.

Và này các Tỷ-kheo, cũng chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna thực hiện nhiều loại thần thông... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Và chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

(Sáu thần thông được thuyết rộng ra như vậy).

V. KINH BÀ-LA-MÔN UṆṆĀBHA (*Uṇṇābhabrāhmaṇasutta*)[10] (*S*. V. 271)

827. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita.

Rồi Bà-la-môn Uṇṇābha đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Bà-la-môn Uṇṇābha thưa với Tôn giả Ānanda:

– Do mục đích gì, thưa Tôn giả Ānanda, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?

– Với mục đích đoạn tận lòng dục,[11] này Bà-la-môn, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama.

– Có con đường gì, thưa Tôn giả Ānanda, có đạo lộ gì đưa đến đoạn tận lòng dục?

– Có con đường này, này Bà-la-môn, có đạo lộ này đưa đến đoạn tận lòng dục.

– Con đường ấy là gì, thưa Tôn giả Ānanda? Đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận lòng dục?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Đây là con đường, này Bà-la-môn, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận lòng dục.

– Sự thể là vậy, thưa Tôn giả Ānanda, thời một công việc có chấm dứt (*santaka*), không phải là một công việc không có chấm dứt. Lấy dục mà trừ dục, sự kiện như vậy không xảy ra.

– Này Bà-la-môn, về vấn đề này, tôi sẽ hỏi ông. Nếu ông kham nhẫn, xin hãy trả lời.[12]

---

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *The Brahmin*, nghĩa là *Bà-la-môn*.

[11] *SA*. III. 258: *Chandappahānatthanti taṇhāchandassa pahānatthaṃ* ("Mục đích đoạn tận lòng dục" nghĩa là mục đích đoạn tận lòng tham ái). Trong kinh này, *chanda* có nghĩa là *taṇhā* (tham ái).

[12] *Yathā te khameyya tathā taṃ byākareyyāsi.*

Này Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Có phải trước có lòng dục (ý muốn) nơi ông, thúc đẩy ông: "Ta sẽ đi đến khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, lòng dục ấy được tịnh chỉ?

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Có phải trước có tinh tấn nơi ông, thúc đẩy ông: "Ta sẽ đi đến khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, tinh tấn ấy được tịnh chỉ?

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Có phải trước có tâm nơi ông, thúc đẩy ông: "Ta sẽ đi đến khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, tâm ấy được tịnh chỉ?

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Có phải trước có tư duy nơi ông, thúc đẩy ông: "Ta sẽ đi đến khu vườn", sau khi ông đến khu vườn, tư duy ấy được tịnh chỉ?

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Cũng vậy này Bà-la-môn, khi Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn, chánh trí, giải thoát. Lòng dục mà vị ấy có trước để chứng được A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, lòng dục ấy được tịnh chỉ. Sự tinh tấn mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tinh tấn ấy được tịnh chỉ. Tâm mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tâm ấy được tịnh chỉ. Tư duy mà vị ấy có trước để chứng đạt A-la-hán, thì khi chứng được A-la-hán rồi, tư duy ấy được tịnh chỉ.

Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự thể là vậy, thời một công việc có chấm dứt hay không phải là một công việc không chấm dứt?

– Thực vậy, thưa Tôn giả Ānanda, sự thể là vậy, một công việc có chấm dứt, không phải là một công việc không chấm dứt.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT
(*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*)[13] (*S.* V. 273)

828. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

---

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Recluses and Brahmins* (a) (or *Mighty Magic Power*), nghĩa là *Sa-môn, Bà-la-môn* (a) (hay *Đại thần thông*).

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, có thần lực lớn, có uy lực lớn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

VII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI
(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*)[14] (*S*. V. 274)

829. Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua tường, qua thành lũy, qua núi như đi ngang hư không; trồi lên, độn thổ, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại thần lực, đại uy lực như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị này đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, sẽ thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... bay đến cõi Phạm thiên; tất cả những vị này đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Phàm những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, đã thực hiện nhiều loại thần thông... sẽ thực hiện nhiều loại thần thông... đang thực hiện

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Recluses and Brahmins* (b) (or *Manifold Forms*), nghĩa là *Sa-môn, Bà-la-môn* (b) (hay *Nhiều hình dạng*).

nhiều loại thần thông... tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này.

VIII. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S*. V. 275)

830. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

IX. KINH THUYẾT VỀ THẦN THÔNG (*Iddhādidesanāsutta*)[15] (*S*. V. 276)

831. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về như ý (*iddhi*), về như ý túc, về tu tập như ý túc, và về con đường đưa đến tu tập như ý túc. Hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ý? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là như ý túc? Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến chứng được như ý, chứng đắc như ý. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là như ý túc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tu tập như ý túc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tu tập như ý túc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự tu tập như ý túc.

X. KINH PHÂN TÍCH (*Vibhaṅgasutta*) (*S*. V. 276)

832. Có bốn như ý túc, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Như vậy, dục của ta sẽ không có quá thụ động, sẽ không có quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng... Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Teaching* (or *Cultivation*), nghĩa là *Giáo giới* (hay *Tu tập*).

gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động... Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục quá thụ động? Dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với biếng nhác, tương ưng với biếng nhác, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục quá thụ động.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục quá hăng say? Dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với trạo cử, tương ưng với dao động, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục quá hăng say.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục bị co rút phía trong? Dục nào, này các Tỷ-kheo, đi đôi với hôn trầm thụy miên, tương ưng với hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục bị co rút phía trong.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là dục bị phân tán phía ngoài? Dục nào, này các Tỷ-kheo, hướng về phía ngoài, duyên năm dục công đức, bị phân tán, bị phân ly, này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục bị phân tán phía ngoài.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tưởng trước sau của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán thân này, từ bàn chân trở lên,[16] từ đầu tóc trở xuống, bao bọc bởi da, đều đầy những vật bất tịnh; thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trú dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng gì, thời ban đêm vị ấy tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng ấy (*yehi ākārehi yehi liṅgehi yehi nimittehi*). Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trú ban ngày thế nào thời ban đêm như vậy, ban đêm thế nào thời ban ngày như vậy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, quang tưởng (*ālokasaññā*) của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy, tưởng ban ngày được khéo an

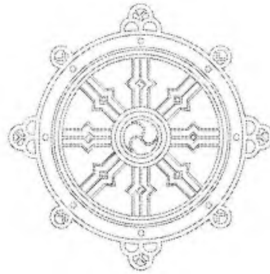
[16] Xem *S.* IV. 111; *M.* I. 57.

trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

(Như kinh trên, chỉ khác là ở trước nói đến "dục định", ở đây nói đến "tinh tấn định, tâm định và tư duy định").

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn. Này các Tỷ-kheo, tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên...

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn bốn như ý túc như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.



III. PHẨM VIÊN BI SẮT (*AYOGUḶAVAGGA*)

I. KINH CON ĐƯỜNG (*Maggasutta*) (*S*. V. 281)

833. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Ngày xưa, trước khi Ta giác ngộ, này các Tỷ-kheo, chưa chứng đạt Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Con đường gì, đạo lộ gì để tu tập như ý túc?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Như vậy, dục của ta sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say... với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm."

... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, nghĩ rằng: "Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, vị ấy trú với tưởng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào thời sau như vậy, sau thế nào thời trước như vậy. Dưới thế nào thời trên như vậy, trên thế nào thời dưới như vậy. Ngày thế nào thời đêm như vậy, đêm thế nào thời ngày như vậy." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

"Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên...

"Bốn như ý túc được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

... (Sáu thắng trí được thuyết rộng).

II. KINH HÒN SẮT (*Ayoguḷasutta*) (*S*. V. 282)

834. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra?

– Ta có biết, này Ānanda, làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại tác thành này?

– Ta có biết, này Ānanda, làm thế nào với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại tác thành này.

– Thế Tôn có thể hóa thân (*opapātī*) với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do ý làm ra. Thế Tôn có thể rõ biết được với như ý lực, đi đến Phạm thiên giới với thân do bốn đại hợp thành. Như vậy, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là vi diệu, thật là hy hữu!

– Thật vậy, này Ānanda, Như Lai thật là vi diệu, này Ānanda, vì Như Lai đầy đủ vi diệu pháp! Như Lai thật hy hữu, này Ānanda, vì Như Lai đầy đủ hy hữu pháp!

Khi nào, này Ānanda, Như Lai định thân trên tâm và định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ānanda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, càng nhu nhuyến hơn, càng kham nhẫn hơn, càng chói sáng hơn.

Ví như một hòn sắt [hâm nóng] cả ngày, trở thành nhẹ nhàng hơn, nhu nhuyến hơn, kham nhẫn hơn, chói sáng hơn. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ānanda, thân của Như Lai lại càng khinh an hơn, nhu nhuyến hơn, càng kham nhẫn hơn, càng chói sáng hơn.

Trong khi, này Ānanda, Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ānanda, thân của Như Lai không mệt nhọc, từ đất bay bổng lên hư không, và thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hóa thành nhiều thân, nhiều thân hóa thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

Ví như, này Ānanda, hoa bông gòn hay hoa cỏ bông dại được gió thổi nhẹ, không mệt nhọc, từ đất bay bổng lên hư không. Cũng vậy, này Ānanda, trong khi Như Lai định thân trên tâm hay định tâm trên thân, trong khi nhập vào và an trú lạc tưởng, khinh an tưởng trong thân; trong khi ấy, này Ānanda, thân của Như Lai không có gì mệt nhọc, có thể từ đất bay bổng lên hư không, và thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

III. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*) (*S.* V. 284)

835. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc.

Nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

IV. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*) (*S*. V. 284)

836. (Như kinh trên).

V. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (*Paṭhamaphalasutta*) (*S*. V. 285)

837. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?...

Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là một trong hai quả: Ngay hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bất lai.

VI. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (*Dutiyaphalasutta*) (*S*. V. 285)

838. Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?...

Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

Ngay trong hiện tại, lập tức thành tựu chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi mạng chung, thành tựu chánh trí; nếu khi mạng chung, không thành tựu chánh trí, thì sau khi diệt năm hạ phần kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tổn hại Bát-niết-bàn, được Vô hành Bát-niết-bàn, được Hữu hành Bát-niết-bàn, được chứng Thượng lưu sanh Sắc Cứu Cánh thiên.

Tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích.

VII. KINH ĀNANDA THỨ NHẤT (*Paṭhamaānandasutta*) (*S*. V. 286)

839. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là sự tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

(Như trên)…

VIII. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*) (*S*. V. 286)

840. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

(Như kinh 831 chương II ở trên).

IX. KINH TỶ-KHEO THỨ NHẤT (*Paṭhamabhikkhusutta*) (*S*. V. 287)

841. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào là như ý? Thế nào là như ý túc? Thế nào là tu tập như ý túc? Thế nào là con đường đưa đến tu tập như ý túc?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập nhiều loại thần thông: Một thân trở thành nhiều thân... cho đến Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến như ý túc.

X. KINH TỶ-KHEO THỨ HAI (*Dutiyabhikkhusutta*) (*S*. V. 287)

842. (Như kinh 840, chỉ khác là ở đây Thế Tôn nói với "nhiều Tỷ-kheo").

XI. KINH MOGGALLĀNA (*Moggallānasutta*) (*S*. V. 288)

843. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggallāna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm bậc chỉ đạo...

– Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggallāna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggallāna tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành nghĩ rằng: "Như vậy, dục của ta không quá thụ động... với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành nghĩ rằng: "Tư duy của ta sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài..." Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.

Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna thực hiện nhiều loại thần thông: Như một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggallāna đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

XII. KINH NHƯ LAI (*Tathāgatasutta*) (*S*. V. 289)

844. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

(Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "Như Lai").

IV. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SÔNG HẰNG (*Gaṅgānadīādisuttadvādasaka*) (*S*. V. 290-91)

845-856. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn bốn như ý túc, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn bốn như ý túc, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn như ý túc, làm cho sung mãn bốn như ý túc, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

V. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. (*S*. V. 291)

857-866. (Phẩm này gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh).

VI. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. (*S*. V. 291)

867-878. (Phẩm này gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

VII. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. (*S*. V. 291)

879-888. (Phẩm này gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

VIII. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S*. V. 292)

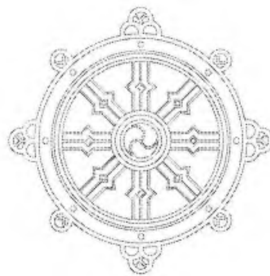
889-898. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn như ý túc cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... tinh tấn định... tâm định... tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Này các Tỷ-kheo, với mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn như ý túc cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử").



52. TƯƠNG ƯNG ANURUDDHA
(*ANURUDDHASAṂYUTTA*)

I. PHẨM ĐỘC CƯ (*RAHOGATAVAGGA*)

I. KINH ĐỘC CƯ THỨ NHẤT (*Paṭhamarahogatasutta*) (*S.* V. 294)

899. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền tịnh, tâm tưởng suy tư sau đây được khởi lên: "Những ai thối thất bốn niệm xứ, cũng thối thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ thì cũng thực hiện được Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau."

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Anuruddha. Như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Anuruddha:

– Cho đến như thế nào, này Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên nội thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm",

vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai, không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn...

... trên nội tâm...

... trên ngoại tâm...

... trên nội ngoại tâm...

Nếu vị ấy muốn...

... trên nội pháp...

... trên ngoại pháp...

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại pháp. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ.

II. KINH ĐỘC CƯ THỨ HAI (*Dutiyarahogatasutta*) (*S.* V. 296)

900. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền định, tâm tưởng, suy tư sau đây được khởi lên: "Những ai thối thất bốn niệm xứ, cũng thối thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ cũng thành tựu đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau."

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna với tâm của mình biết tâm tư suy tưởng của Tôn giả Anuruddha. Như một nhà lực sĩ... hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Anuruddha:

– Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

– Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán thọ trên các nội thọ...

Vị ấy trú, quán tâm trên nội tâm...

Vị ấy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thành tựu bốn niệm xứ.

III. KINH SUTANU (*Sutanusutta*) (*S.* V. 297)

901. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, trên bờ sông Sutanu.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Tôn giả Anuruddha tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí?

– Thưa các Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn? Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi đạt được đại thắng trí.

Và thưa chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng tri liệt pháp là liệt pháp, trung pháp là trung pháp, thắng pháp là thắng pháp.

IV. KINH KAṆḌAKĪ THỨ NHẤT (*Paṭhamakaṇḍakīsutta*) (*S.* V. 298)

902. Một thời, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāketa, tại rừng Kaṇḍakī.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna, vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi đạt bốn niệm xứ, phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy.

V. KINH KAṆḌAKĪ THỨ HAI (*Dutiyakaṇḍakīsutta*) (*S*. V. 299)

903. Nhân duyên ở Sāketa.

Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ, phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy.

VI. KINH KAṆḌAKĪ THỨ BA (*Tatiyakaṇḍakīsutta*) (*S*. V. 299)

904. Nhân duyên tại Sāketa.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

– Tôn giả Anuruddha do tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí?

– Thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi đạt được đại thắng trí.

Thưa Hiền giả, do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được một ngàn thế giới.

VII. KINH ÁI TẬN (*Taṇhakkhayasutta*) (*S*. V. 300)

905. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Tại đây, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền.

– Thưa Tôn giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Anuruddha. Tôn giả Anuruddha nói như sau:

– Bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trên các cảm thọ… trên tâm… trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái.

VIII. KINH TẠI NHÀ BẰNG CÂY SALAḶA (*Salaḷāgārasutta*) (*S.* V. 300)

906. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, tại nhà làm bằng cây Salaḷa.

Tại đây, Tôn giả Anuruddha gọi các Tỷ-kheo... nói như sau:

– Ví như, này chư Hiền, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Rồi một số đông quần chúng đến, cầm cuốc, thúng và nói: "Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây." Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ thế nào, số đông quần chúng này có thể làm cho sông Hằng thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây không?

– Thưa không, Hiền giả.[1] Vì sao? Thưa Hiền giả, vì sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, không dễ gì khiến cho thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây được. Và quần chúng ấy chỉ mệt nhọc và tổn não mà thôi.

– Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ. Dầu cho vua chúa, hay đại thần, hay thân hữu, hay bạn bè, hay bà con huyết thống có thể đến dâng các tài vật và mời: "Hãy đến, này người kia, sao để các áo vàng này hành hạ ông? Sao lại đi loanh quanh với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng các tài vật và làm các phước đức!" Tỷ-kheo ấy, thưa chư Hiền, được tu tập bốn niệm xứ, được làm cho sung mãn bốn niệm xứ, có thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì này chư Hiền, tâm người ấy đã lâu ngày thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, lại trở lại hoàn tục, sự kiện như vậy không xảy ra.

Và này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ.

[1] Xem *S.* IV. 191.

IX. KINH TẠI RỪNG AMBAPĀLI (*Ambapālivanasutta*) (*S*. V. 301)

907. Một thời, Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Sāriputta trú ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiền tịnh đứng dậy...

Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Hiền giả Anuruddha, các căn của Hiền giả trong sáng, thanh tịnh, sắc mặt được sáng suốt. Tôn giả Anuruddha nay trú nhiều sự an trú gì?

– Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ.

Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt tới, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí, giải thoát; vị ấy an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ này.

– Thật lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Thật khéo lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Chúng tôi được đối mặt với Tôn giả Anuruddha, đã được nghe tiếng nói như Ngưu vương.

X. KINH BỊ TRỌNG BỆNH (*Bāḷhagilānasutta*) (S. V. 302)

908. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, tại rừng Andha, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha và nói với Tôn giả Anuruddha:

– Tôn giả Anuruddha an trú với sự an trú gì khiến cho khổ thọ về thân khởi lên lại không có ảnh hưởng gì đến tâm?

– Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng gì đến tâm. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng đến tâm.

II. PHẨM THỨ HAI
(*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH MỘT NGÀN KAPPA (*Kappasahassasutta*)[2] (*S*. V. 303)

909. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi nhiều Tỳ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm... nói với Tôn giả Anuruddha:

– Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp gì Tôn giả Anuruddha đạt được đại thắng trí?

– Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, tôi đạt được đại thắng trí. Và cũng do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, nên tôi nhớ được ngàn kiếp.

II. KINH NHIỀU LOẠI THẦN THÔNG (*Iddhividhasutta*) (*S*. V. 303)

910. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên giới.

III. KINH THIÊN NHĨ THÔNG (*Dibbasotasutta*) (*S*. V. 304)

911. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai thứ tiếng chư thiên và loài người, hoặc xa hoặc gần.

IV. KINH BIẾT ĐƯỢC TÂM (*Cetopariyasutta*) (*S*. V. 304)

912. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi với tâm của mình biết được tâm của nhiều loại hữu tình khác, nhiều loại người khác. Với tâm có tham, tôi rõ biết là tâm có tham... với tâm chưa giải thoát, rõ biết là tâm chưa giải thoát.

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Thousandfold*, nghĩa là *Một ngàn*.

V. KINH XỨ (*Ṭhānasutta*)[3] (*S*. V. 304)

913. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thực rõ biết xứ là xứ,[4] phi xứ là phi xứ.

VI. KINH TIẾP NHẬN QUẢ DỊ THỤC CỦA NGHIỆP (*Kammasamādānasutta*) (*S*. V. 304)

914. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết quả dị thục các nghiệp báo quá khứ, vị lai, hiện tại tùy thuộc sở do (*ṭhānaso*) và tùy thuộc về nhân (*hetuso*).

VII. KINH ĐẠO LỘ (*Sabbatthagāminisutta*)[5] (*S*. V. 304)

915. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả cảnh giới.

VIII. KINH THẾ GIỚI SAI BIỆT (*Nānādhātusutta*)[6] (*S*. V. 304)

916. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại sai biệt.

IX. KINH THẮNG GIẢI SAI BIỆT (*Nānādhimuttisutta*) (*S*. V. 305)

917. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết chỉ hướng sai biệt của các loại hữu tình.

X. KINH CÁC CĂN THƯỢNG HẠ (*Indriyaparopariyattasutta*)[7] (*S*. V. 305)

918. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết các căn thượng hạ của các loại hữu tình và các loại người.

XI. KINH THIỀN (*Jhānādisutta*) (*S*. V. 305)

919. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định.

XII. KINH TÚC MẠNG MINH (*Pubbenivāsasutta*)[8] (*S*. V. 305)

920. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi nhớ được nhiều đời quá khứ, như một đời, hai đời... nhiều đời sống quá khứ cùng các nét đại cương và các chi tiết.

XIII. KINH THIÊN NHÃN MINH (*Dibbacakkhusutta*) (*S*. V. 306)

921. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được

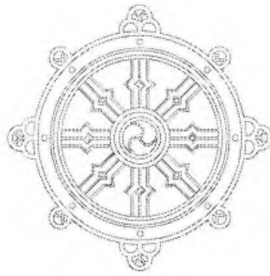
---

[3] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Causal Occasion*, nghĩa là *Duyên hệ*.
[4] *SA*. III. 263 giải thích rằng đối với trí này, các đệ tử chỉ đạt được một phần, còn chư Phật thành tựu một cách viên mãn.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Practice*, nghĩa là *Tu tập*.
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *The World*, nghĩa là *Thế giới*.
[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Faculty*, nghĩa là *Căn*.
[8] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (921, 922) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Knowledge*, nghĩa là *Minh*.

Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh... Nhờ Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân như vậy, tôi biết rõ chúng sanh đều đi theo hạnh nghiệp của họ.

XIV. KINH LẬU TẬN MINH (*Āsavakkhayasutta*) (*S.* V. 306)

922. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tôi chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.



53. TƯƠNG ƯNG THIỀN
(*JHĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT
(*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THIỀN (*Jhānādisuttadvādasaka*)[1] (*S*. V. 307)

923-934. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn tầng thiền này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiền.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo tu tập bốn thiền làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bốn thiền, làm cho sung mãn bốn thiền, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các bài kinh: "Sáu hướng về phương Đông và sáu hướng về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Foremost in Purity*, nghĩa là *Thanh tịnh nhất*.

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

I-X. (*S.* V. 308)

935-944. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh).

III. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

I-XII. (*S.* V. 308)

945-956. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IV. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

I-X. (*S.* V. 309)

957-966. (Phẩm này gồm các bài kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

V. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

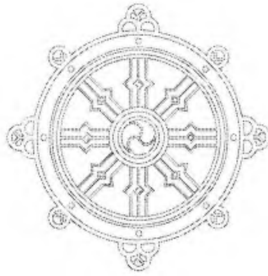
I-X. KINH BỘC LƯU, V.V... (*Oghādisutta*) (*S.* V. 309)

967-976. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bốn thiền cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.

Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Bốn thiền cần phải tu tập.

(Phẩm này gồm các bài kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử").



54. TƯƠNG ƯNG HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA
(*ĀNĀPĀNASAṂYUTTA*)

I. PHẨM MỘT PHÁP
(*EKADHAMMAVAGGA*)

I. KINH MỘT PHÁP (*Ekadhammasutta*) (*S.* V. 311)

977. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Ở đây... nói như sau:

– Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Thế nào là một pháp? Niệm hơi thở vô, hơi thở ra. Và này các Tỷ-kheo, niệm hơi thở vô, hơi thở ra,[1] tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm thở vô, chánh niệm thở ra.

Thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài." Thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài." Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn." Thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn."

"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác[2] toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan,[3] tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở

---

[1] Xem *D.* II. 291; *M.* I. 56; *Vism.* I. 267ff.

[2] *Paṭisaṃvedī.* Vị ấy theo dõi hơi thở đi vào mũi, ngang qua toàn thân và ra khỏi thân.

[3] Theo *Vism.* giải thoát khỏi các triền cái nhờ Thiền thứ nhất, khỏi tầm và tứ nhờ Thiền thứ hai, khỏi hỷ nhờ Thiền thứ ba, khỏi khổ và lạc nhờ Thiền thứ tư.

ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

II. KINH GIÁC CHI (*Bojjhaṅgasutta*) (*S*. V. 312)

978. Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi câu hữu với niệm hơi thở vô, hơi thở ra, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

III. KINH THANH TỊNH (*Suddhikasutta*) (*S*. V. 313)

979. Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra.

(Như kinh 977)…

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, thời có lợi ích lớn.

IV. KINH QUẢ VỊ THỨ NHẤT (*Paṭhamaphalasutta*) (*S*. V. 313)

980. Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, được chờ đợi một trong hai quả sau: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí; nếu có dư y, chứng quả Bất lai.

V. KINH QUẢ VỊ THỨ HAI (*Dutiyaphalasutta*) (*S*. V. 314)

981. Niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

Ngay trong hiện tại, lập tức[4] thành tựu chánh trí. Nếu ngay trong hiện tại không lập tức thành tựu chánh trí, thời khi mệnh chung thành tựu chánh trí. Nếu khi mệnh chung không thành tựu chánh trí, thời sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được Trung gian Bát-niết-bàn, được Tổn hại Bát-niết-bàn, được Vô hành Bát-niết-bàn, được Hữu hành Bát-niết-bàn, được Thượng lưu đạt đến Sắc Cứu Cánh thiên.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời được chờ đợi bảy quả, bảy lợi ích này.

VI. KINH ARIṬṬHA (*Ariṭṭhasutta*)[5] (*S*. V. 314)

982. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Tại đấy, Thế Tôn... nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ariṭṭha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

– Này Ariṭṭha, ông tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, đối với các dục (*kāma*) quá khứ, con đoạn trừ dục tham (*kāmacchanda*). Đối với dục tương lai, con từ bỏ dục tham. Đối ngại tưởng

---

[4] Xem *S*. V. 204.

[5] Xem *M*. I. 130; *A*. III. 451; *Vin*. II. 377.

(*paṭighasaññā*) đối với nội ngoại pháp, được khéo nhiếp phục[6] nơi con. Chánh niệm, con thở vô. Chánh niệm, con thở ra. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.[7]

– Đây cũng là niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ariṭṭha, nhưng Ta tuyên bố là không phải. Này Ariṭṭha, Ta sẽ nói cho ông như thế nào là niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, được làm cho viên mãn. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ariṭṭha vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Ariṭṭha, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, được làm cho viên mãn như thế nào?

Ở đây, này Ariṭṭha, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Như vậy, này Ariṭṭha, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, được làm cho sung mãn.

VII. KINH MAHĀKAPPINA (*Mahākappinasutta*) (*S*. V. 315)

983. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākappina đang ngồi kiết-già, không xa Thế Tôn bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Mahākappina ngồi kiết-già, không xa bao nhiêu, thân thẳng, để niệm trước mặt. Thấy vậy, Ngài liền gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Tỷ-kheo ấy, thân có rung động hay có dao động không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con thấy vị Tôn giả ấy ngồi giữa Tăng chúng hay ngồi một mình, độc cư; chúng con không thấy vị Tôn giả ấy thân bị rung động hay dao động.

– Đối với một vị có thiền định như vậy, này các Tỷ-kheo, nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn nên thân vị ấy không rung động hay dao động, nên tâm vị ấy không rung động hay dao động. Đối với vị Tỷ-kheo ấy, được định như vậy, không có khó khăn, không có gian nan, không có mệt nhọc.

Và này các Tỷ-kheo, vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định nào mà thân không rung động, không dao động, hay tâm không rung động, không dao động? Này các Tỷ-kheo, do vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra nên thân không rung động, không dao động, hoặc tâm không rung động hay không dao động.

[6] Trong trường hợp này, *Chú giải* viết rằng vị ấy tuyên bố con đường đưa đến quả vị Bất hoàn.
[7] Trong trường hợp này, vị ấy tuyên bố trí tuệ đưa đến quả vị A-la-hán.

Và này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào mà thân không rung động hay không dao động, hoặc tâm không rung động hay không dao động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Nhờ tu tập như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, nhờ làm cho sung mãn như vậy nên thân không bị rung động hay không dao động, hoặc tâm không rung động hay không dao động.

VIII. KINH NGỌN ĐÈN TRÍ TUỆ (*Padīpopamasutta*) (*S.* V. 316)

984. Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Này các Tỷ-kheo, Ta trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta trú nhiều với trú này. Này các Tỷ-kheo, do Ta trú nhiều với trú này, thân Ta và con mắt không có mệt nhọc; và tâm Ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng thân và mắt khỏi bị mệt mỏi, và mong rằng tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ", thời định niệm hơi thở vô và hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng các niệm, các tư duy của ta được đoạn tận", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với các pháp ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Tôi sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm và ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Tôi sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với các pháp ghê tởm và không ghê tởm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng sau khi từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, tôi sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ly dục, ly bất thiện pháp, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ ba", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Mong rằng đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: 'Hư không là vô biên', chứng đạt và an trú Không vô biên xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: 'Thức là vô biên', tôi có thể chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: 'Không có vật gì', tôi sẽ chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ước muốn rằng: "Vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, tôi sẽ chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định", thời định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này cần phải được khéo tác ý.

Trong khi tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra như vậy, này các Tỷ-kheo,

trong khi làm cho sung mãn như vậy, vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy"; vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy." Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy"; vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy." Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy rõ biết: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy rõ biết: "Không có chấp trước thọ ấy"; vị ấy rõ biết: "Không có hoan duyệt thọ ấy."

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm thọ không bị trói buộc. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng." Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "Ở đây, tất cả mọi cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh."[8]

Ví như, này các Tỷ-kheo, do duyên dầu, duyên tim, một cây đèn dầu được cháy sáng. Nếu dầu và tim của ngọn đèn ấy đi đến tiêu diệt, nhiên liệu không được mang đến, thời ngọn đèn sẽ tắt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của thân." Khi Tỷ-kheo cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy rõ biết: "Tôi cảm giác một cảm thọ tận cùng sức chịu đựng của sinh mạng." Khi thân hoại mạng chung, vị ấy rõ biết: "Ở đây, tất cả những gì được cảm thọ đều không có gì được hân hoan, và sẽ trở thành mát lạnh."

IX. KINH VESĀLI (*Vesālīsutta*) (*S*. V. 320)

985. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Vesāli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn dùng nhiều phương tiện giảng về bất tịnh,[9] tán thán về bất tịnh, tán thán sự tu tập về bất tịnh.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Ta muốn sống thiền tịnh một mình trong nửa tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, không cho một ai đến thăm Thế Tôn, trừ một người đem đồ ăn.

Rồi các Tỷ-kheo ấy được nghe Thế Tôn dùng nhiều pháp môn nói về bất

---

[8] Xem *S*. II. 83.

[9] Xem *Vin*. III; *VinA*. III. 393; *Vism*. I. 241ff.

tịnh, nói lời tán thán về bất tịnh, nói lời tán thán sự tu tập về bất tịnh nên sống chuyên chú tu tập về bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt.[10] Họ tủi hổ với thân này, tàm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao.

Rồi Thế Tôn sau nửa tháng, từ thiền tịnh đứng dậy và bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, vì sao chúng Tỷ-kheo giảm thiểu như vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn dùng nhiều pháp môn thuyết cho các Tỷ-kheo về bất tịnh, tán thán về bất tịnh, tán thán sự tu tập về bất tịnh, nên các vị ấy sống chuyên chú tu tập về bất tịnh dưới nhiều hình thức sai biệt. Họ tủi hổ với thân này, tàm quý và nhàm chán, tầm cầu đem lại con dao. Mười Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao... Hai mươi... Ba mươi Tỷ-kheo trong một ngày đem lại con dao. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết cho pháp môn khác, nhờ vậy, chúng Tỷ-kheo được an trú vào chánh trí.

– Vậy này Ānanda, hãy tập hợp tại giảng đường tất cả các Tỷ-kheo trú xung quanh Vesāli.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn và mời tất cả Tỷ-kheo trú xung quanh Vesāli tập hợp tại giảng đường, rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tập hợp. Nay Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là phải thời.

Rồi Thế Tôn đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra này được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất (*asecanaka*), lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức (*thānaso*).

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong cuối mùa hạ, bụi nhớp bay lên và một đám mưa lớn trái mùa lập tức làm chúng biến mất, tịnh chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh biến mất, tịnh chỉ lập tức.

Và này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, làm cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay

---

[10] Xem *S.* V. 12.

đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này các Tỷ-kheo, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy là tịch tịnh, thù diệu, thuần nhất, lạc trú, và các ác, bất thiện pháp đã sanh được biến mất và tịnh chỉ lập tức.

X. KINH KIMBILA (*Kimilasutta*)[11] (*S.* V. 322)

986. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilā, tại Veḷuvana.

Ở đấy, Thế Tôn gọi Tôn giả Kimbila:

– Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được quả lớn, được lợi ích lớn?

Khi được nói vậy, Tôn giả Kimbila im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn...

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Kimbila:

– Tu tập như thế nào, này Kimbila, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời được quả lớn, được lợi ích lớn?

Lần thứ ba, Tôn giả Kimbila im lặng.

Được nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn. Nay đã đến thời, bạch Thiện Thệ. Mong Thế Tôn giảng dạy pháp tu tập định niệm hơi thở vô, hơi thở ra! Sau khi nghe Thế Tôn dạy, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ānanda, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập như vậy, này Ānanda, làm cho sung mãn như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Lúc nào, này Ānanda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài." Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài." Hay khi Tỷ-kheo thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn." Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này Ānanda, sống quán thân

[11] Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila.

trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thân, tức là hơi thở vô, hơi thở ra. Do vậy, này Ānanda, quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thọ, tức là hơi thở vô, hơi thở ra, được khéo tác ý. Do vậy, này Ānanda, quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ānanda, Ta tuyên bố rằng sự tu tập chánh niệm hơi thở vô, hơi thở ra không phải cho người thất niệm và không tỉnh giác. Do vậy, này Ānanda, quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trong khi ấy, trú nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi quán pháp trên các pháp, này Ānanda, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời, đoạn tận các tham ưu; sau khi thấy với trí tuệ, vị ấy khéo trú xả. Do vậy, này Ānanda, quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Ví như, này Ānanda, một đống rác bụi lớn ở ngã tư đường, nếu từ phương Đông, một cái xe đi đến và làm cho đống rác bụi ấy giảm bớt đi; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, một cái xe đi đến và làm cho đống rác bụi ấy giảm bớt đi. Cũng vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo trong khi trú, quán thân trên thân, làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp; khi trú, quán thọ trên các cảm thọ... khi trú, quán tâm trên tâm... khi trú, quán pháp trên các pháp... làm cho giảm bớt đi các ác, bất thiện pháp.

II. PHẨM THỨ HAI (*DUTIYAVAGGA*)

I. KINH ICCHĀNAṄGALA (*Icchānaṅgalasutta*) (*S*. V. 325)

987. Một thời, Thế Tôn trú ở Icchānaṅgala, tại khóm rừng ở Icchānaṅgala.

Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ta muốn sống độc cư thiền tịnh trong ba tháng, không gặp một ai, trừ người đem đồ ăn cho Ta.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Như vậy, không một ai đến viếng Thế Tôn, trừ một người đem đồ ăn lại.

Rồi Thế Tôn, sau khi ba tháng ấy đã mãn, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi các ông: "Với sự an trú nào, này chư Hiền, Sa-môn Gotama an trú nhiều trong mùa mưa?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Với định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này chư Hiền, Thế Tôn an trú nhiều trong các mùa mưa."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh niệm Ta thở vô, chánh niệm Ta thở ra.

Hay thở vô dài, Ta rõ biết: "Ta thở vô dài." Hay thở ra dài, Ta rõ biết: "Ta thở ra dài." Hay thở vô ngắn, Ta rõ biết: "Ta thở vô ngắn." Hay thở ra ngắn, Ta rõ biết: "Ta thở ra ngắn."... "Quán từ bỏ, Ta thở vô", Ta rõ biết như vậy. "Quán từ bỏ, Ta thở ra", Ta rõ biết như vậy.

Này các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; những vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Và này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, ngay trong hiện tại, đưa đến lạc trú, chánh niệm tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây

là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

II. KINH NGHI NGỜ (*Kaṅkheyyasutta*) (*S.* V. 327)

988. Một thời, Tôn giả Lomasavaṅgīsa trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn Nigrodha.

Lúc bấy giờ, Thích tử Mahānāma đi đến Tôn giả Lomasavaṅgīsa; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Lomasavaṅgīsa rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Thích tử Mahānāma thưa với Tôn giả Lomasavaṅgīsa:

– Thưa Tôn giả, Hữu học trú với Như Lai trú là một, hay Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác?

– Này Hiền giả Mahānāma, Hữu học trú không phải là một với Như Lai trú. Này Hiền giả Mahānāma, Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

Này Hiền giả Mahānāma, những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái, các vị ấy trú. Thế nào là năm? Đoạn tận dục tham triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận sân triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận hôn trầm thụy miên triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận trạo hối triền cái, các vị ấy trú. Đoạn tận nghi hoặc triền cái, các vị ấy trú. Này Hiền giả Mahānāma, những Tỷ-kheo nào là bậc Hữu học, trú với tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái này, những vị ấy trú.

Và này Hiền giả Mahānāma, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy đoạn tận năm triền cái, chặt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể khởi lên. Thế nào là năm? Dục tham triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sa-la, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên; sân triền cái được đoạn tận... hôn trầm thụy miên triền cái được đoạn tận... trạo hối triền cái được đoạn tận... nghi hoặc triền cái được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sa-la, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể khởi lên. Này Hiền giả Mahānāma, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, đã tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy đã đoạn tận năm triền cái này, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sa-la, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể khởi lên.

Như vậy, với pháp môn này, này Hiền giả Mahānāma, Hiền giả cần phải hiểu rằng Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

Một thời, thưa Hiền giả Mahānāma, Thế Tôn trú ở Icchānaṅgala, tại khu rừng Icchānaṅgala.

Rồi này Mahānāma, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: (Như trên)…

Rồi Thế Tôn... (như trên)…

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta... (như trên)…

Thở vô dài... (như trên)…

Ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú... (như trên)…

Những ai là những Tỷ-kheo Hữu học... (như trên)…

Ai muốn nói một cách chơn chánh... (như trên)…

Với pháp môn này, này Hiền giả Mahānāma, cần phải hiểu rằng Hữu học trú là khác, Như Lai trú là khác.

III. KINH ĀNANDA THỨ NHẤT (*Paṭhamaānandasutta*) (*S*. V. 328)

989. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có một pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?

– Này Ānanda, có một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp. Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp. Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp.

– Một pháp ấy là gì, bạch Thế Tôn, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?

– Này Ānanda, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy giác chi. Bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn Minh và Giải thoát.[12]

Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, làm cho viên mãn bốn niệm xứ?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Lúc nào, này Ānanda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài... Này Ānanda, sống quán thân trên thân, Tỷ-kheo trong khi ấy trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao? (như kinh 986).

[12] Xem *M*. III. 82; *Vism*. 291.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời (như kinh 986).

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời (như kinh 986).

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo: "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập... nhiếp phục tham ưu ở đời (như kinh 986).

Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ānanda, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, làm viên mãn bốn niệm xứ.

Tu tập như thế nào, này Ānanda, làm cho sung mãn như thế nào, bốn niệm xứ làm cho viên mãn bảy giác chi?[13]

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, niệm được an trú; khi ấy, này Ānanda, Tỷ-kheo có niệm, không phải thất niệm. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú niệm, không phải thất niệm, thời niệm giác chi, đối với Tỷ-kheo ấy được thành tựu. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.

Vị ấy trú chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán pháp ấy. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát ấy; khi ấy, này Ānanda, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn.

Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi nơi vị ấy. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn.

Với vị có tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn.

Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi, khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn.

Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; khi ấy, này các Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi, Tỷ-kheo tu tập định giác chi, khi ấy, nhờ tu tập định giác chi đi đến viên mãn.

---

[13] Đoạn này lặp lại *S.* V. 68.

Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn sự vật. Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn sự vật như vậy, khi ấy, này Ānanda, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi, khi ấy, xả giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

Trong khi, này Ānanda, Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp... (như trên).

Tu tập như vậy, này Ānanda, làm cho sung mãn như vậy, bốn niệm xứ làm viên mãn bảy giác chi.

Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bảy giác chi làm viên mãn Minh và Giải thoát?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, bảy giác chi làm viên mãn Minh và Giải thoát.

IV. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*) (*S*. V. 333)

990. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

(Rồi Thế Tôn hỏi câu hỏi giống như trước và Ānanda trả lời).

"Đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản."

(Rồi Thế Tôn lặp lại toàn bộ như kinh trên).

V. KINH TỶ-KHEO THỨ NHẤT (*Paṭhamabhikkhusutta*) (*S*. V. 334)

991. (Ở đây, các Tỷ-kheo hỏi cùng một câu hỏi ấy và được Thế Tôn trả lời toàn bộ giống như kinh trên).

VI. KINH TỶ-KHEO THỨ HAI (*Dutiyabhikkhusutta*) (*S*. V. 335)

992. (Ở đây, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo cùng một câu hỏi, các Tỷ-kheo trả lời "các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản."... rồi Thế Tôn trả lời toàn bộ giống như kinh trên).

VII. KINH ĐOẠN TẬN KIẾT SỬ (*Saṃyojanappahānasutta*)[14] (*S*. V. 340)

993. Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các kiết sử.

VIII. KINH NHỔ SẠCH TÙY MIÊN (*Anusayasamugghātasutta*)[15] (*S*. V. 340)

994. (Như trên)... đưa đến nhổ sạch các tùy miên.

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Fetter*, nghĩa là *Kiết sử*.

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Tendency*, nghĩa là *Tùy miên*.

IX. KINH LIỄU TRI CON ĐƯỜNG DÀI
(***Addhānapariññāsutta***)[16] (*S*. V. 340)

995. (Như trên)... đưa đến liễu tri con đường (ba kinh trên được giải thích như kinh kế tiếp).

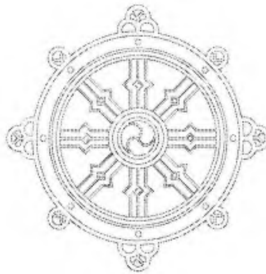
X. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (*S*. V. 340)

996. (Như trên)... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

– Này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra đưa đến đoạn tận các kiết sử... đưa đến nhổ sạch các tùy miên... đưa đến liễu tri con đường... đưa đến đoạn tận các lậu hoặc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, định niệm hơi thở vô, hơi thở ra đưa đến đoạn tận các kiết sử... nhổ sạch các tùy miên... liễu tri con đường... đoạn tận các lậu hoặc.



---

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *The Way*, nghĩa là *Con đường*.

55. TƯƠNG ƯNG DỰ LƯU
(*SOTĀPATTISAṂYUTTA*)

I. PHẨM VEḶUDVĀRA
(*VEḶUDVĀRAVAGGA*)

I. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (*Cakkavattirājasutta*) (*S*. V. 342)

997. Nhân duyên tại Sāvatthi.

Ở đấy... nói như sau:

– Dầu cho, này các Tỷ-kheo, một vị Chuyển Luân Vương làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này và cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba; tại đấy, vị ấy trú trong vườn Nandana,[1] được chúng thiên nữ đoanh vây, được đầy đủ, được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đầy đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, dầu sống bằng các miếng ăn khất thực, đắp với y nhiều mảnh;[2] vị ấy đầy đủ bốn pháp. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi

---

[1] Xem chú thích trong *KS*. I. 9. Đây là ngôi vườn trên cõi Tam Thập Tam thiên. Khi một vị thiên sắp mệnh chung, vị ấy đến ngôi vườn này, sau đó thân thể tan hoại như tuyết tan, như làn gió thổi tắt ngọn đèn và rồi chuyển sanh.

[2] *Nantakāni*. *Chú giải* giải thích tấm vải dài 13 gang tay, gọi như vậy vì được chia thành 10 mảnh.

tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời."

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định.

Vị ấy thành tựu bốn pháp này.

Và này các Tỷ-kheo, có sự lợi đắc của bốn châu và sự lợi đắc của bốn pháp. Sự lợi đắc bốn châu không đáng giá một phần mười sáu lợi đắc bốn pháp.

II. KINH THỂ NHẬP PHẠM HẠNH (*Brahmacariyogadhasutta*)[3] (*S*. V. 343)

998. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không có thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời."

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Ai có tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Đến thời chúng chín muồi,
Nhập Phạm hạnh được lạc.

III. KINH CƯ SĨ DĪGHĀVU (*Dīghāvuupāsakasutta*) (*S*. V. 344)

999. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

---

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Steeped in*, nghĩa là *Thể nhập*.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ Dīghāvu thưa với cha là Jotika:

– Hãy đi, thưa cha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Cư sĩ Dīghāvu, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn." Rồi cha hãy thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến nhà cư sĩ Dīghāvu vì lòng từ mẫn!"

– Được, này con.

Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dīghāvu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, gia chủ Jotika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến trú xứ của cư sĩ Dīghāvu vì lòng từ mẫn!"

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của cư sĩ Dīghāvu; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống rồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Dīghāvu:

– Này Dīghāvu, ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng?

– Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiểu, chúng tăng trưởng, chúng có dấu hiệu tăng trưởng, không có dấu hiệu giảm thiểu.

– Do vậy, này Dīghāvu, ông hãy học tập như sau: "Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: 'Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp... Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng... Ta sẽ thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.'" Như vậy, này Dīghāvu, ông cần phải học tập.

– Bạch Thế Tôn, đối với bốn Dự lưu phần do Thế Tôn thuyết giảng, tất cả các pháp ấy đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Con thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp... Con thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng... Con sẽ thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định."

– Do vậy, này Dīghāvu, sau khi ông đã an trú trong bốn Dự lưu phần này, ông hãy tu tập thêm sáu minh phần pháp (*cha vijjābhāgiye dhamme*).

Ở đây, này Dīghāvu, ông hãy trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khổ, quán tưởng đoạn tận,

quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt. Như vậy, này Dīghāvu, ông cần phải học tập.

– Bạch Thế Tôn, đối với sáu minh phần pháp được Thế Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tưởng trong vô thường, quán vô ngã tưởng trong khổ, quán tưởng đoạn tận, quán tưởng ly tham, quán tưởng đoạn diệt.

Nhưng, bạch Thế Tôn, con có ý nghĩ sau đây: "Ta không có muốn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết, phải rơi vào khốn khổ (*vighāta*)."

– Này Dīghāvu, chớ có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dīghāvu! Những gì Thế Tôn đang nói cho ông, ông hãy khéo tác ý.

Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dīghāvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Cư sĩ Dīghāvu, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người cư sĩ tên là Dīghāvu, sau khi được nghe Thế Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào?

– Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dīghāvu! Cư sĩ Dīghāvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về pháp.

Cư sĩ Dīghāvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập diệt ở tại đấy, không còn trở lui thế giới này nữa.

IV. KINH SĀRIPUTTA THỨ NHẤT (*Paṭhamasāriputtasutta*) (*S*. V. 346)

1000. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp, chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ?

– Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp nên chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Hiền giả, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này nên các chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

V. KINH SĀRIPUTTA THỨ HAI (*Dutiyasāriputtasutta*) (*S*. V. 347)

1001. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– "Dự lưu phần, Dự lưu phần", này Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Sāriputta, thế nào là Dự lưu phần?

– Thân cận bậc Chân nhân, bạch Thế Tôn, là Dự lưu phần. Nghe Diệu pháp là Dự lưu phần. Như lý tác ý là Dự lưu phần. Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

– Lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta! Thân cận bậc Chân nhân là Dự lưu phần... Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

– "Dòng sông, dòng sông", này Sāriputta, được nói đến như vậy. Này Sāriputta, thế nào là dòng sông?

– Bạch Thế Tôn, đây là dòng sông Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Này Sāriputta, đây là dòng sông Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

– "Dự lưu, Dự lưu", này Sāriputta, được gọi là như vậy. Này Sāriputta, thế nào là Dự lưu?

– Bạch Thế Tôn, ai thành tựu Thánh đạo tám ngành này, người ấy gọi là Dự Lưu, vị Tôn giả với tên như vậy, với họ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Này Sāriputta, ai thành tựu Thánh đạo tám ngành này, người ấy được gọi là bậc Dự Lưu, vị Tôn giả với tên như thế này, với họ như thế này.

VI. KINH CÁC NGƯỜI THỢ MỘC (*Thapatisutta*) (*S*. V. 348)

1002. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ ra đi du hành."

Lúc bấy giờ, Isidatta và Purāṇa, hai người thợ mộc, trú ở Sādhuka vì một vài công việc phải làm. Hai người thợ mộc Isidatta và Purāṇa nghe rằng nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ ra đi du hành.

Rồi hai thợ mộc Isidatta và Purāṇa đặt một người đứng ở giữa đường và dặn:

– Này ông, khi nào ông thấy Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đi đến, hãy báo tin cho chúng tôi biết.

Sau khi đứng hai, ba ngày, người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến; thấy vậy, liền đi đến hai người thợ mộc Isidatta và Purāṇa và nói với họ:

– Thưa quý vị, bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đã đến. Nay là thời quý vị nghĩ phải làm gì.

Rồi hai người thợ mộc Isidatta và Purāṇa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đi theo sau lưng Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn đi xuống đường, đến một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Isidatta và Purāṇa đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, hai người thợ mộc Isidatta và Purāṇa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi Sāvatthi để du hành giữa dân chúng Kosala", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi Sāvatthi, và đang du hành giữa dân chúng Kosala", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta."

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala để du hành giữa dân chúng Mallā", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi dân chúng Kosala, và đang du hành giữa dân chúng Mallā", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta."

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Mallā để du hành giữa dân chúng Vajjī", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Mallā, và đang du hành giữa dân chúng Vajjī", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta."

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Vajjī để du hành giữa dân chúng Kāsi", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi dân chúng Vajjī, và đang du hành giữa dân chúng Kāsi", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta."

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kāsi để du hành giữa dân chúng Magadha", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi dân chúng Kāsi, và đang du hành giữa dân chúng Magadha", khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở xa chúng ta."

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: "Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Magadha để du hành giữa dân chúng Kāsi", khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ ở gần chúng ta." Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: "Thế Tôn đã đi khỏi dân chúng Magadha, và đang du hành giữa dân chúng Kāsi", khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, nghĩ rằng: "Thế Tôn đã ở gần chúng ta."

... “khỏi dân chúng Kāsi để du hành giữa dân chúng Vajjī”,

... “khỏi dân chúng Vajjī để du hành giữa dân chúng Mallā”,

... “khỏi dân chúng Mallā để du hành giữa dân chúng Kosala”.

Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala, để du hành giữa dân chúng Sāvatthi”, khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở gần chúng ta.” Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika”, khi ấy vô lượng là sự vui vẻ của chúng con, vô lượng là sự hoan hỷ của chúng con, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở gần chúng ta.”

– Do vậy, này các người thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người thợ mộc, để các ông không có phóng dật.

– Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây chúng con có đàn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn.

– Thế nào là sự đàn áp khác, này các người thợ mộc, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, khi Vua Pasenadi nước Kosala muốn đi ra viếng thăm khu vườn, thời các con voi của Vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con chuẩn bị và trang sức, và các cung phi khả ái, khả ý của Vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con đặt một người ngồi trước, một người ngồi sau. Bạch Thế Tôn, mùi hương của các cung phi ấy thật là thơm ngọt như một hộp nước hoa vừa được mở ra, các cung phi của vua được ướp với mùi thơm như vậy. Lại nữa, bạch Thế Tôn, thân xúc các cung phi này thật là mềm dịu như một túm bông hoa hồng, vì họ được nuôi dưỡng rất an lạc. Bạch Thế Tôn, trong lúc ấy, chúng con cần phải hộ trì cho voi, cần phải hộ trì cho các cung phi, cần phải hộ trì cho tự ngã nữa.

Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không rõ biết sự khởi lên ái tâm đối với các cung phi ấy. Đây, bạch Thế Tôn, là đàn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn!

– Do vậy, này các người thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người thợ mộc, để các người không có phóng dật!

Này các người thợ mộc, thành tựu bốn pháp, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các người thợ mộc, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn.”... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy sống ở gia đình với tâm gột sạch cấu uế, xan tham. Vị ấy thường bố thí, bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, thích được nhờ cậy, thích thú chia sẻ vật được bố thí. Thành tựu bốn pháp này, này các người thợ mộc, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Này các người thợ mộc, các ông thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn."... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Trong gia đình các người, phàm có vật được bố thí nào, tất cả đều được chia sẻ hoàn toàn và vô tư cho những vị có trì giới và các thiện nhân.

Các ông nghĩ thế nào, này các người thợ mộc, có bao nhiêu người ở tại Kosala có thể ngang bằng các ông về phần chia vật bố thí?

– Thật lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn! Thật khéo lợi đắc cho chúng con, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn biết chúng con như vậy!

VII. KINH NHỮNG NGƯỜI Ở VEḶUDVĀRA
(*Veḷudvāreyyasutta*) (*S*. V. 352)

1003. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Veḷudvāra (Cổng Trúc).

Các Bà-la-môn gia chủ ở Veḷudvāra được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, đã xuất gia từ gia tộc họ Thích, đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến Veḷudvāra." Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Sau khi chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt lành thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!"

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Veḷudvāra đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một số đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Bà-la-môn gia chủ ở Veḷudvāra bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có ước vọng như thế này, có ước muốn như thế này, có chú tâm (*adhippāyā*) như thế này: "Mong rằng chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con! Mong chúng tôi được sử dụng các hương Chiên-đàn từ Kāsi! Mong rằng chúng tôi được trang sức bằng vòng hoa và phấn sáp! Mong rằng chúng tôi được sử dụng vàng và bạc! Sau khi thân hoại mạng chung, mong rằng chúng tôi được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này!" Mong rằng Tôn giả Gotama hãy thuyết pháp cho chúng tôi, những người có ước vọng như vậy, có ước muốn như vậy, có chú tâm như vậy. Hãy thuyết pháp như

thế nào để chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con, để chúng tôi được sử dụng các hương Chiên-đàn từ Kāsi... để chúng tôi, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Vậy này các gia chủ, Ta sẽ thuyết cho các ông một pháp môn đưa đến lợi ích [tự lợi] cho tự ngã. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn ở Veḷudvāra vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các gia chủ, thế nào là pháp môn đưa đến lợi ích cho tự ngã?

Ở đây, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh (*tikoṭiparisuddho*).

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nếu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Nếu có ai làm tổn hại lợi ích của ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng làm tổn hại lợi ích của người khác với lời nói

láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai chia rẽ bạn bè với ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè với người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói lời hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói lời hai lưỡi. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng

đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời."

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ố, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định.

Này các gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp này và bốn lời nguyện xứ này, nếu vị ấy muốn, vị ấy có thể tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không có bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

Được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Veḷudvāra bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

VIII. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẰNG GẠCH THỨ NHẤT
(***Paṭhamagiñjakāvasathasutta***) (*S*. V. 356)

1004. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Ñātika, trong ngôi giảng đường bằng gạch.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sāḷha đã mạng chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Nandā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Sujātā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào?

– Tỷ-kheo Sāḷha, này Ānanda, đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Tỷ-kheo-ni Nandā, này Ānanda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Sudatta, này Ānanda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Nữ cư sĩ Sujātā, này Ānanda, mạng chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Này Ānanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời này Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ānanda, vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn "Pháp kính" (Gương Chánh pháp) để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu pháp môn này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

Này Ānanda, pháp môn "Pháp kính" ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ"?

Ở đây, này Ānanda, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn."... với Pháp... với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Đây là pháp môn "Pháp kính", này Ānanda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi ngạ quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

(Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên).

IX. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẰNG GẠCH THỨ HAI
(*Dutiyagiñjakāvasathasutta*) (*S.* V. 358)

1005. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokā đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Asokā đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokā đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokā đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

– Này Ānanda, Tỷ-kheo Asokā đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát... (như kinh trên, thay với "Tỷ-kheo-ni Asokā, nam cư sĩ Asokā và nữ cư sĩ Asokā").

Này Ānanda, đây là pháp môn "Pháp kính", thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

X. KINH GIẢNG ĐƯỜNG BẰNG GẠCH THỨ BA
(*Tatiyagiñjakāvasathasutta*) (*S.* V. 358)

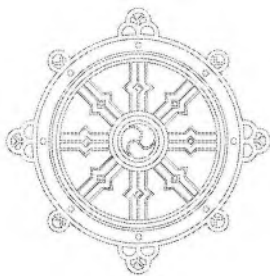
1006. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Cư sĩ ở Ñātika tên Kakkaṭa đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Ñātika tên Kāḷibha, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Ñātika tên Nikata... Cư sĩ Kaṭissaha... Cư sĩ Tuṭṭha... Cư sĩ Santuṭṭha... Cư sĩ Bhadda... Cư sĩ Subhadda ở Ñātika, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

– Cư sĩ Kakkaṭa, này Ānanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Kāḷibha, này Ānanda... Cư sĩ Nikata, này Ānanda... Cư sĩ Kaṭissaha, này Ānanda... Cư sĩ Tuṭṭha, này Ānanda... Cư sĩ Santuṭṭha, này Ānanda... Cư sĩ Bhadda, này Ānanda... Cư sĩ Subhadda, này Ānanda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú.

Hơn năm mươi cư sĩ ở Ñātika, này Ānanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Ñātika, này Ānanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sākata, này Ānanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Này Ānanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung, ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai... (xem kinh trên)… quyết chắc chứng quả giác ngộ.



II. PHẨM VƯỜN VUA
(*RĀJAKĀRĀMAVAGGA*)[4]

I. KINH CHÚNG MỘT NGÀN TỶ-KHEO-NI
(*Sahassabhikkhunisaṅghasutta*)[5] (*S.* V. 360)

1007. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại khu vườn Rājaka.

Rồi một chúng gồm một ngàn Tỷ-kheo-ni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni đang đứng một bên:

– Này các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn pháp là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn."

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp... đối với Tăng...

Vị ấy thành tựu các giới được bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo-ni, bậc Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

II. KINH CÁC BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇasutta*) (*S.* V. 361)

1008. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn trình bày một đạo lộ hướng thượng (*udayagāminiṃ*). Họ khuyến khích các đệ tử như sau: "Hãy đến, này các ông! Sáng sớm dậy, hãy đi hướng mặt về phía Đông. Chớ có tránh những lỗ hổng, lỗ trũng, khúc cây, chỗ có gai, hố nước nhớp; chớ có tránh đường mương. Nếu có rơi vào các chỗ ấy và đi đến chết, như vậy, này các ông, sau khi thân hoại mạng chung, các ông sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này."

Nhưng này các Tỷ-kheo, con đường ấy của các Bà-la-môn là con đường của kẻ ngu, con đường của kẻ si, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, nay Ta trình bày một đạo lộ hướng thượng trong Luật của bậc Thánh và con đường ấy nhất hướng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, đạo lộ hướng thượng ấy là gì, đạo lộ đưa đến nhất hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Thousandfold* (or *Royal Park*), nghĩa là *Một ngàn* (hay *Vườn vua*).

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Thousand*, nghĩa là *Một ngàn*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Đây là đạo lộ đưa đến hướng thượng, này các Tỷ-kheo... nhất hướng yểm ly... đưa đến Niết-bàn.

III. KINH TÔN GIẢ ĀNANDA (*Ānandattherasutta*) (*S.* V. 362)

1009. Một thời, Tôn giả Ānanda và Tôn giả Sāriputta trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Ānanda:

– Do đoạn tận những pháp nào, này Hiền giả Ānanda, do nhân thành tựu những pháp nào, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

– Do đoạn tận bốn pháp, thưa Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có lòng tịnh tín đối với đức Phật. Và vị đa văn Thánh đệ tử, thưa Hiền giả, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn."

Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu lòng tịnh tín đối với Pháp, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có lòng tịnh tín đối với Pháp. Và vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí mới giác hiểu."

Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu lòng tịnh tín đối với chúng Tăng... Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... vô thượng phước điền ở đời."

Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, thành tựu ác giới... Như vậy là không có lòng tịnh tín bất động... Như vậy là lòng tịnh tín bất động đối với các giới: "Các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định."

Do đoạn tận bốn pháp này, này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

IV. KINH ÁC THÚ (*Duggatibhayasutta*)[6] (*S*. V. 364)

1010. Do thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng...

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú.

V. KINH NỖI SỢ HÃI NƠI ÁC THÚ (*Duggativinipātabhayasutta*) (*S*. V. 364)

1011. Do thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

... (Như kinh trên).

Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sự sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ.

VI. KINH THÂN HỮU THỨ NHẤT (*Paṭhamamittāmaccasutta*) (*S*. V. 364)

1012. Tất cả những ai, này các Tỷ-kheo, các ông có lòng từ mẫn, và những ai mà các ông nghĩ cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; tất cả những vị ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khuyến khích, cần phải được áp đặt, phải được an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bốn?

Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú vào lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn."... đối với Pháp... đối với Tăng... đối với các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Những ai mà các ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông nghĩ là cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được khuyến khích, cần phải được áp đặt, cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần này.

VII. KINH THÂN HỮU THỨ HAI (*Dutiyamittāmaccasutta*) (*S*. V. 365)

1013. Những ai, này các Tỷ-kheo, các ông có lòng từ mẫn, những ai mà các ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được các ông khuyến khích,

---

[6] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Woeful Way*, nghĩa là *Con đường ác*.

cần phải được áp đặt, cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần. Thế nào là bốn?

Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng: Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đổi khác, nhưng nhất định không có thay đổi trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật. Ở đây, sự đổi khác có nghĩa là: Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng...

Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú vào các giới được các bậc Thánh ái kính. Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng: Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đổi khác, nhưng nhất định không có sự đổi khác trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính. Ở đây, sự đổi khác có nghĩa là: Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sẽ sanh vào địa ngục, hay các loài bàng sanh, hay hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

Những ai mà các ông có lòng từ mẫn, này các Tỷ-kheo... an trú trong bốn Dự lưu phần.

VIII. KINH CHƯ THIÊN THĂM VIẾNG THỨ NHẤT
(*Paṭhamadevacārikasutta*) (*S*. V. 366)

1014. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như nhà lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Jetavana và hiện ra ở cõi trời Ba Mươi Ba.

Rồi một số đông chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna nói với chư thiên đang đứng một bên:

– Lành thay, chư Hiền, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn." Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, như vậy ở đây, một số chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Lành thay, chư Hiền, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng...

Lành thay, chư Hiền, là sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, chư Hiền, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Lành thay, Tôn giả Moggallāna, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai... Phật, Thế Tôn." Do nhân thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, thưa Tôn giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Lành thay, Tôn giả Moggallāna, là sự thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Do nhân thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, thưa Tôn giả Moggallāna, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

IX. KINH CHƯ THIÊN THĂM VIẾNG THỨ HAI

(*Dutiyadevacārikasutta*) (*S*. V. 367)

1015. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Một thời, Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn của ông Anāthapiṇḍika.

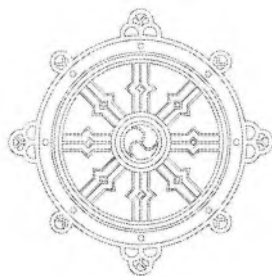
Rồi Tôn giả Moggallāna, như người lực sĩ... (như trên).

(Như trên)... một số chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

X. KINH CHƯ THIÊN THĂM VIẾNG THỨ BA

(*Tatiyadevacārikasutta*) (*S*. V. 367)

1016. (Như kinh trên, chỉ khác đây là "Thế Tôn", không phải "Tôn giả Mahāmoggallāna").



III. PHẨM SARAṆĀNI
(*SARAṆĀNIVAGGA*)

I. KINH MAHĀNĀMA THỨ NHẤT (*Paṭhamamahānāmasutta*) (*S*. V. 369)

1017. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha.

Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

– Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"

– Chớ có sợ, này Mahānāma! Chớ có sợ, này Mahānāma! Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông! Này Mahānāma, với ai đã lâu ngày, tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay dã can ăn, hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thăng, đi đến thù thắng.

Ví như, này Mahānāma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ,[7] hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trồi lên trên. Cũng vậy, này Mahānāma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm được

[7] Xem ví dụ tương tự trong *KS*. IV. 313.

tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, dã can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thăng, đi đến thù thắng.

Này Mahānāma, đã lâu ngày tâm ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn, được tu tập trọn vẹn về thí xả, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ. Chớ có sợ, này Mahānāma! Chớ có sợ, này Mahānāma! Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông!

II. KINH MAHĀNĀMA THỨ HAI (*Dutiyamahānāmasutta*) (*S*. V. 371)

1018. Như vầy tôi nghe...

Rồi Mahānāma...

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Kapilavatthu...

– Chớ có sợ hãi, này Mahānāma! Chớ có sợ hãi, này Mahānāma! Không ác sẽ là cái chết của ông! Không ác sẽ là mệnh chung của ông! Do thành tựu bốn pháp, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Ví như, này Mahānāma, một cây thiên về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngả về phía nào?

– Bạch Thế Tôn, về phía nào nó thiên, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.

– Cũng vậy, này Mahānāma, do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

III. KINH HỌ THÍCH GODHA (*Godhasakkasutta*)[8] (*S*. V. 371)

1019. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

Rồi họ Thích Mahānāma đi đến họ Thích Godha; sau khi đến, nói với họ Thích Godha:

– Này Godha, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

– Này Mahānāma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

[8] Bản tiếng Anh của PTS viết: *Godha* (or *Mahānāma*), nghĩa là *Tôn giả* Godha (hay Mahānāma).

Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với Tăng... là vô thượng phước điền ở đời. Này Mahānāma, do thành tựu ba pháp này, tôi được biết một người là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Nhưng này Mahānāma, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bao nhiêu pháp thời không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

– Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godha, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

– Hãy chờ một lát, này Mahānāma! Hãy chờ một lát, này Mahānāma! Thế Tôn biết rõ việc này, thành tựu hay không thành tựu những pháp này.

– Này Godha, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn và sau khi đến, hãy hỏi về ý nghĩa này.

Rồi họ Thích Mahānāma và họ Thích Godha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến họ Thích Godha; sau khi đến, nói với họ Thích Godha:

"Này Godha, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godha nói với con:

"Này Mahānāma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp... giác ngộ. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Này Mahānāma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu ba pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Còn này Mahānāma theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với họ Thích Godha:

"Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godha, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc

Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Này Godha, theo như tôi biết, một người là bậc Dự Lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ."

Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godha nói với con:

"Hãy chờ một lát, này Mahānāma! Hãy chờ một lát, này Mahānāma! Thế Tôn sẽ biết rõ việc này, là thành tựu hay không thành tựu những pháp này."

Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu nói vấn đề pháp sự khởi lên (*dhammo samuppādo*), và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo; bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là lòng tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo và chúng Tỷ-kheo-ni; bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni và nam cư sĩ; bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ; bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chúng Thiên giới, chúng Ma giới, chúng Phạm thiên giới, chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên và loài người; bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là lòng tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

– Họ Thích Mahānāma đã nói như vậy, này Godha, ông có nói gì không?

– Họ Thích Mahānāma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói: "Thiện", trừ lời nói: "Tốt".

IV. KINH HỌ THÍCH SARAKĀNI THỨ NHẤT
(*Paṭhamasaraṇānisakkasutta*) (*S.* V. 375)

1020. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, họ Thích Sarakāni mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Tại đấy, một số đông họ Thích tụ họp lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là kỳ lạ! Thật là hy hữu! Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự Lưu, vì rằng họ Thích Sarakāni đã mệnh chung, được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Họ Thích Sarakāni đã phạm giới và uống rượu."

Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, họ Thích Sarakāni đã mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự Lưu... chứng quả giác ngộ. Ở đây, bạch Thế Tôn, một số

đông họ Thích khi tụ tập lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là kỳ lạ! Thật là hy hữu!... Họ Thích Sarakāni đã phạm giới và uống rượu."

– Này Mahānāma, một cư sĩ lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm sao có thể đi đến đọa xứ được?

Này Mahānāma, nếu nói một cách chơn chánh: Người cư sĩ nào đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; nói một cách chơn chánh phải nói là họ Thích Sarakāni. Này Mahānāma, họ Thích Sarakāni đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm sao có thể đi đến đọa xứ?

Ở đây, này Mahānāma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng… có trí tuệ hoan hỷ (*hāsapañño*), có trí tuệ tốc hành[9] và thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật. "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành nhưng không thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ trở lui đời này một lần nữa, đoạn tận khổ đau. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với

---

[9] Về hai loại trí, *hāsapañña* và *javanapañña*, xem *S*. V. 412; *KS*. I. 88; *M*. III. 25; *JA*. IV. 136.

đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn và những pháp này do Như Lai tuyên bố được thiểu phần kham nhẫn, quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahānāma, không đi đến địa ngục, không đi đến loài bàng sanh, không đi đến cõi ngạ quỷ, không đi đến ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, chỉ có lòng ái mộ ở Như Lai. Người này, này Mahānāma, không có đi đến địa ngục, không có đi đến loài bàng sanh, không có đi đến cõi ngạ quỷ, không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nếu những cây Sa-la lớn này, này Mahānāma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ, huống nữa là họ Thích Sarakāni. Này Mahānāma, họ Thích Sarakāni, khi mệnh chung, đã chấp nhận học giới.

V. KINH HỌ THÍCH SARAKĀNI THỨ HAI

(***Dutiyasaraṇānisakkasutta***) (*S*. V. 378)

1021. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

(Như kinh trên)…

– Nhưng ở đây, này Mahānāma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành, thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn, chứng được Thượng lưu sanh ở Sắc Cứu Cánh thiên. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui cõi đời này. Này Mahānāma, người này được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vị này sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết

chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người không có lòng nhất hướng sùng tín đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; và những pháp do Như Lai tuyên bố được thiểu phần kham nhẫn, quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahānāma, không có đi đến địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ở đây, này Mahānāma, có người không có lòng nhất hướng sùng tín đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng... không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, lòng ái mộ đối với Như Lai. Người này, này Mahānāma, không có đi đến địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ví như, này Mahānāma, có đám ruộng xấu, đám đất xấu, các gốc cây chưa được phá hủy, các hột giống bị bể nát, bị hư thối, bị gió nắng làm cho hư hại, không thể nảy nầm, không khéo cấy trồng, và trời không mưa lớn thích hợp; thời các hột giống ấy có thể lớn, tăng trưởng, lớn mạnh không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Mahānāma, ở đây, pháp giảng kém, trình bày kém, không đưa đến xuất ly, không đưa đến an tịnh, không được một vị Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Ta nói rằng pháp này như ở đám ruộng xấu. Vị đệ tử ấy sống trong pháp ấy, thực hiện pháp và tùy pháp, chơn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng, người này giống như hột giống xấu.

Ví như, này Mahānāma, một đám ruộng tốt, đất tốt, các gốc khéo phá hủy, các hột giống không bị bể nát, không bị hư thối, gió nắng không làm hư hại, có thể nảy mầm, khéo cấy, khéo trồng và trời mưa lớn thích hợp. Như vậy, các hột giống ấy có lớn lên, có tăng trưởng, có lớn mạnh không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Mahānāma, ở đây, pháp được khéo giảng, khéo trình bày, đưa đến xuất ly, đưa đến an tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, Ta nói pháp này như đám ruộng tốt. Vị đệ tử sống trong pháp ấy, thực hành theo pháp và tùy pháp, chơn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng người này như hột giống tốt, huống nữa là họ Thích Sarakāni. Này Mahānāma, họ Thích Sarakāni, khi mạng chung, đã làm viên mãn học giới.

VI. KINH ANĀTHAPIṆḌIKA THỨ NHẤT
(*Paṭhamaanāthapiṇḍikasutta*)[10] (*S*. V. 380)

1022. Nhân duyên ở Sāvatthi.

[10] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Immoral* (or *Anāthapiṇḍika*), nghĩa là *Ác thú* (hay *Anāthapiṇḍika*).

Lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika đang bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika bảo một người:

– Hãy đến, này bạn. Hãy đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Sāriputta và thưa: "Gia chủ Anāthapiṇḍika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Sāriputta" và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sāriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika vì lòng từ mẫn!"

– Thưa vâng, gia chủ.

Người ấy vâng đáp gia chủ Anāthapiṇḍika, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Gia chủ Anāthapiṇḍika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Sāriputta, gia chủ thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sāriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika vì lòng từ mẫn!"

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát với Tôn giả Ānanda là Sa-môn tùy tùng, đi đến trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Tôn giả Sāriputta nói với gia chủ Anāthapiṇḍika:

– Này gia chủ, gia chủ có kham nhẫn nổi không? Gia chủ có chịu đựng nổi không? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

– Thưa Tôn giả, con không thể kham nhẫn. Con không thể chịu đựng. Kịch liệt là khổ thọ nơi con. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có dấu hiệu chúng tăng trưởng, không giảm thiểu.

– Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với Phật nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng gia chủ không có lòng bất tín đối với Phật, trái lại, gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Nếu gia chủ tự thấy lòng tịnh tín bất động của gia chủ đối với đức Phật, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với Pháp nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng gia chủ không có lòng bất tín đối với Pháp, trái lại, gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... tự mình giác hiểu." Nếu gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng gia chủ không có lòng bất tín đối với chúng Tăng, trái lại,

gia chủ thành tựu lòng tịnh tín đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời." Nếu gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu ác giới, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào... địa ngục. Nhưng gia chủ không có ác giới như vậy, trái lại, gia chủ có giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Nếu gia chủ tự mình thấy có giới được các bậc Thánh ái kính ấy, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu tà kiến nên sau khi thân hoại... địa ngục. Nhưng gia chủ không có tà kiến như vậy, trái lại, gia chủ có chánh kiến. Nếu gia chủ tự mình thấy chánh kiến của gia chủ, thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này gia chủ, thành tựu tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng gia chủ không có tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát như vậy; trái lại, gia chủ có chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát. Nếu gia chủ tự mình thấy chánh tư duy... chánh ngữ...chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát của gia chủ; thời lập tức các cảm thọ của gia chủ được an tịnh.

Rồi các cảm thọ của gia chủ Anāthapiṇḍika lập tức được an tịnh.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika mời Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Ānanda [dùng bữa ăn] từ nơi nồi nấu cơm của mình.

Sau khi Tôn giả Sāriputta ăn xong, tay đã rời khỏi bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên.

Tôn giả Sāriputta tán thán gia chủ Anāthapiṇḍika với những lời kệ này:[11]

Ai tin tưởng Như Lai,
Bất động khéo an lập.
Ai có giới thiện lành,
Được bậc Thánh ái kính.
Ai tin tưởng chúng Tăng,
Sở kiến được chánh trực.
Người ấy gọi: "Không nghèo",
Đời sống không uổng phí.
Do vậy bậc Hiền minh,
Cần tu tập tín giới,

[11] Các bài kệ này có viết trong *S.* I. 232; V. 405; *A.* II. 57; III. 54.

Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.

Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi nói lời hoan hỷ tán thán với các lời kệ này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, ông đi đâu để nghỉ trưa?

– Bạch Thế Tôn, gia chủ Anāthapiṇḍika đã được Tôn giả Sāriputta giáo giới với lời giáo giới như thế này, thế này...

– Hiền minh, này Ānanda, là Sāriputta! Đại tuệ, này Ānanda, là Sāriputta! Vị ấy có thể chia chẻ bốn Dự lưu phần thành mười tướng.

VII. KINH ANĀTHAPIṆḌIKA THỨ HAI
(*Dutiyaanāthapiṇḍikasutta*) (*S.* V. 385)

1023. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

(Như kinh trên, chỉ khác đây là "Tôn giả Ānanda" chứ không phải "Tôn giả Sāriputta", và "Tôn giả Ānanda đi chỉ có một mình", cho đến "có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu").

– Này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu bốn pháp nên run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bất tín đối với Phật. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Phật; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bất tín đối với Pháp. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Pháp; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với chúng Tăng; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Lại nữa, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu thành tựu ác giới. Khi vị ấy tự thấy sự thành tựu ác giới của mình; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau. Do thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, kẻ vô văn phàm phu run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

Do thành tựu bốn pháp, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không có sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Phật, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

Lại nữa, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác

hiểu." Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Pháp, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

Lại nữa, này gia chủ... lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời." ... về đời sau.

Lại nữa, này gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Khi tự thấy sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính của mình, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau. Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, bậc đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

– Thưa Tôn giả Ānanda, con không sợ hãi. Sao con có thể sợ hãi? Con đã thành tựu lòng tịnh tín đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thưa Tôn giả, phàm có những học giới hòa kính (*sāmīci*) tại gia do Thế Tôn thuyết giảng, con thấy không có tự mình vi phạm một giới nào.

– Lợi đắc thay cho gia chủ, này gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho gia chủ, này gia chủ! Gia chủ đã tuyên bố về Dự lưu quả rồi.

VIII. KINH TỊNH CHỈ SỢ HÃI VÀ THÙ HẬN THỨ NHẤT (*Paṭhamabhayaverūpasantasutta*)[12] (*S.* V. 387)

1024. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Khi nào vị Thánh đệ tử, này gia chủ, làm cho tịnh chỉ năm sự sợ hãi, hận thù (*pañca bhayāni*), thành tựu bốn Dự lưu phần, và nhờ trí tuệ, Thánh lý (*ñāya*) được khéo thấy, được khéo thông đạt, nếu vị ấy muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta là bậc Dự Lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ." Thế nào là năm sự sợ hãi, hận thù được tịnh chỉ?

Sự sợ hãi, hận thù, này gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người sát sanh; do duyên sát sanh, sự sợ hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, sự khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ sát sanh, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ.

... khởi lên cho người lấy của không cho...

... khởi lên cho người tà hạnh trong các dục...

... khởi lên cho người nói láo...

Sự sợ hãi, hận thù, này gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người đắm

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Guilty Dread* (or *Anāthapiṇḍika*) (c), nghĩa là *Sợ hãi tội lỗi* (hay *Anāthapiṇḍika*) (c).

say rượu men rượu nấu; do duyên đắm say rượu men rượu nấu, sự sợ hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, sự khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ.

Năm sự sợ hãi, hận thù này được tịnh chỉ.

Với bốn Dự lưu phần nào, vị ấy được thành tựu?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Bốn Dự lưu phần này được thành tựu.

Thánh lý nào được vị ấy khéo thấy với trí tuệ, khéo thông đạt?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo như lý tác ý lý duyên khởi: Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn, nên hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt... nên lão tử diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này vậy.

Đây là Thánh lý với trí tuệ được khéo thấy, khéo thông đạt.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này gia chủ, được tịnh chỉ năm sự sợ hãi, hận thù này, được thành tựu bốn Dự lưu phần này, và Thánh lý nhờ trí tuệ được khéo thấy, khéo thông đạt, thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

IX. KINH TỊNH CHỈ SỢ HÃI VÀ THÙ HẬN THỨ HAI
(*Dutiyabhayaverūpasantasutta*)[13] (*S*. V. 389)

1025. Nhân duyên ở Sāvatthi.

(Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "Một số đông Tỷ-kheo đi đến đức Phật" và đức Phật thuyết cho các vị ấy).

X. KINH NANDAKA - ĐẠI THẦN NGƯỜI LICCHAVI
(*Nandakalicchavisutta*) (*S*. V. 389)

1026. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, chỗ ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi đại thần người Licchavi tên là Nandaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến,

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Fear* (or *the Monk*), nghĩa là *Sợ hãi* (hay *Vị Tỷ-kheo*).

đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Nandaka, vị đại thần người Licchavi đang ngồi một bên:

– Này Nandaka, thành tựu bốn pháp, một vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu... chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Nandaka, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh... đưa đến thiền định. Thành tựu bốn pháp này, này Nandaka, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

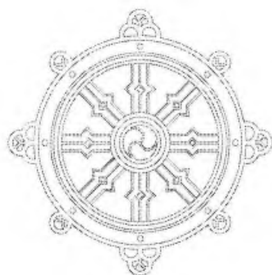
Thành tựu bốn pháp này, này Nadaka, vị Thánh đệ tử liên hệ đến tuổi thọ chư thiên và loài người, liên hệ đến dung sắc, liên hệ đến an lạc, liên hệ đến thanh danh, liên hệ đến lực tăng thượng (*ādhipateyyena*) chư thiên và loài người.

Điểm này, này Nandaka, Ta biết chứ không phải nhờ nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào rồi Ta tuyên bố. Chính do tự Ta biết, tự Ta thấy, tự Ta ý thức rồi Ta tuyên bố.

Khi được nghe nói vậy, một người thưa với Nandaka, vị đại thần người Licchavi:

– Thưa Đại quan, nay đã đến giờ tắm.

– Thôi, nay đã vừa rồi, này bạn, đó chỉ là sự tắm rửa bề ngoài. Tắm rửa bên trong này là vừa đủ cho ta, tức là lòng tịnh tín đối với Thế Tôn.



IV. PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN (*PUÑÑĀBHISANDAVAGGA*)

I. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ NHẤT
(*Paṭhamapuññābhisandasutta*) (*S*. V. 391)

1027. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí tự mình giác hiểu." Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ hai.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... là phước điền vô thượng ở đời." Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ ba.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

II. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ HAI
(*Dutiyapuññābhisandasutta*) (*S*. V. 391)

1028. (Như kinh trên).

– Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử trú ở gia đình với tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

III. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ BA
(*Tatiyapuññābhisandasutta*) (*S*. V. 392)

1029. (Như kinh trên).

– Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

IV. KINH CON ĐƯỜNG CỦA CHƯ THIÊN THỨ NHẤT
(*Paṭhamadevapadasutta*) (*S*. V. 392)

1030. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn thiên đạo này của chư thiên, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật... Đây là thiên đạo thứ nhất của chư thiên, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch.

(Như trên đối với "Pháp", với "chúng Tăng", với "các giới"... Đây là thiên đạo thứ tư của chư thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch).

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiên đạo của chư thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch.

V. KINH CON ĐƯỜNG CỦA CHƯ THIÊN THỨ HAI
(*Dutiyadevapadasutta*) (*S*. V. 393)

1031. Có bốn thiên đạo của chư thiên, này các Tỷ-kheo, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên? Nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy, ta sống thành tựu pháp của thiên đạo." Đây là thiên đạo thứ nhất của chư thiên khiến các chúng sanh... được thuần bạch.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Vị ấy suy tư như sau: "Thế nào là thiên đạo của chư thiên?" Vị ấy rõ biết như sau: "Ta nghe các chư thiên nói rằng không sân hận là tối thượng. Ta không làm hại một ai, các chúng sanh di động hay các chúng sanh không di động. Thật vậy, ta sống thành tựu pháp của thiên đạo." Đây là thiên đạo thứ tư của chư thiên, khiến các chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, khiến các chúng sanh chưa thuần bạch được thuần bạch.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn thiên đạo của chư thiên, khiến chúng sanh... được thuần bạch.

VI. KINH ĐI ĐẾN HỘI CHÚNG CHƯ THIÊN (*Devasabhāgasutta*)[14] (*S*. V. 394)

1032. Chư thiên, này các Tỷ-kheo, hoan hỷ nói chuyện với ai thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Chư thiên nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh ở đây. Chư thiên ấy suy nghĩ: "Như chúng ta thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, mệnh chung chỗ kia, được sanh chỗ này." Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu lòng tịnh tín bất động như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần chư thiên."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng...

Vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Chư thiên nào thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được tái sanh chỗ kia. Họ suy nghĩ như sau: "Chúng ta thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính. Do vậy, chúng ta mệnh chung tại chỗ kia, sanh tại chỗ này." Vị Thánh đệ tử cũng thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính như vậy. Họ nói với vị ấy: "Hãy đến đây, đến gần chư thiên."

Những ai thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, chư thiên hoan hỷ nói chuyện với họ.

VII. KINH MAHĀNĀMA (*Mahānāmasutta*) (*S*. V. 395)

1033. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây Bàng.

Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?

– Ai quy y Phật, này Mahānāma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

– Này Mahānāma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?

– Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Joined the Company*, nghĩa là *Đi đến hội chúng*.

Như Lai: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?

– Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

– Ở đây, này Mahānāma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

VIII. KINH MƯA (*Vassasutta*) (*S*. V. 396)

1034. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi trên đầu núi có cơn mưa to lớn, nước mưa ấy chảy theo hướng xuôi của nó, tràn đầy các hang núi, khe núi; sau khi tràn đầy các hang núi, khe núi, nó tràn đầy hồ nhỏ; sau khi tràn đầy hồ nhỏ, nó tràn đầy hồ lớn; sau khi tràn đầy hồ lớn, nó tràn đầy sông nhỏ; sau khi tràn đầy sông nhỏ, nó tràn đầy sông lớn; sau khi tràn đầy sông lớn, nó tràn đầy biển, đại dương.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử, lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng và các giới được các bậc Thánh ái kính; những pháp này trôi chảy đến bờ bên kia, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

IX. KINH KĀḶIGODHĀ (*Kāḷigodhasutta*) (*S*. V. 396)

1035. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn cây Bàng.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà của Thích nữ Kāḷigodhā; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi Thích nữ Kāḷigodhā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Thích nữ Kāḷigodhā đang ngồi một bên:

– Thành tựu bốn pháp này, này Godhā, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Godhā, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Này Godhā, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

– Bốn Dự lưu phần được Thế Tôn thuyết giảng, bạch Thế Tôn, chúng đều có trong con. Con thực hiện những pháp này. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng

tịnh tín bất động đối với Phật, Thế Tôn... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Phàm những vật gì được đem bố thí trong gia đình, tất cả đều được phân phát cho những người có giới và những người làm thiện.

– Lợi đắc thay cho ngươi, này Godhā! Thật khéo lợi đắc thay cho ngươi, này Godhā! Này Godhā, người đã tuyên bố về Dự lưu quả.

X. KINH HỌ THÍCH NANDIYA (*Nandiyasakkasutta*) (*S.* V. 397)

1036. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây Bàng.

Rồi họ Thích Nandiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Nandiya bạch Thế Tôn:

– Với vị Thánh đệ tử nào, bạch Thế Tôn, toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự lưu phần này; vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, có thể được gọi là trú phóng dật không?

– Này Nandiya, với ai toàn diện, toàn bộ không có bốn Dự lưu phần này; người ấy, Ta tuyên bố là người đứng ngoài, trong hàng ngũ kẻ phàm phu.

Tuy vậy, này Nandiya, Ta sẽ nói cho ông như thế nào là một Thánh đệ tử trú phóng dật và trú không phóng dật. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Họ Thích Nandiya vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

– Này Nandiya, thế nào là vị Thánh đệ tử trú phóng dật?

Ở đây, này Nandiya, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.” Vị ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

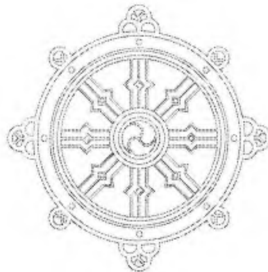
Lại nữa, này Nandiya, vị Thánh đệ tử... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Vị này thỏa mãn với những giới được các bậc Thánh ái kính, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống thiền tịnh. Do vị ấy trú phóng dật như vậy nên không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không có khinh an nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

Này Nandiya, thế nào là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật?

Ở đây, này Nandiya, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.” Vị này không thỏa

mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, cố gắng hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan nên hỷ sanh. Do ý có hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra nên vị ấy được gọi là trú không phóng dật.

Lại nữa, này Nandiya, vị Thánh đệ tử đối với Pháp... đối với chúng Tăng... vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Vị ấy không thỏa mãn với các giới được các bậc Thánh ái kính, cố gắng tinh tấn hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật như vậy nên hân hoan sanh. Vị ấy có hân hoan nên hỷ sanh. Do ý có hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra nên vị ấy được gọi là trú không phóng dật. Như vậy, này Nandiya, là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật.



V. PHẨM PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN CÓ KỆ (*SAGĀTHAKAPUÑÑĀBHISANDAVAGGA*)

I. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ NHẤT (*Paṭhamaabhisandasutta*) (*S.* V. 399)

1037. Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

Với vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được số lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc." Chúng chỉ có thể được gọi là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ đếm được số lượng nước trong biển lớn là có bao nhiêu thùng, hay có bao nhiêu trăm thùng, hay có bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể được gọi là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, thật không dễ gì đếm được số lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc." Chúng chỉ có thể được gọi là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

Thế Tôn nói như vầy:

Là đại dương, đại hải,
Nước mênh mông rộng lớn,
Đầy dẫy những hãi hùng,
Chứa vô lượng trân châu,
Phục vụ trăm ngàn người,
Các con sông [lớn, nhỏ],
Chúng tuôn chảy ồ ạt,

Chúng đổ về bể khơi.
Cũng vậy là những người,
Thí đồ ăn, uống, vải,
Bố thí giường, chỗ ngồi,
Mền, nệm, các đồ nằm,
Vô lượng nguồn phước đức,
Từ kẻ trí tuôn chảy,
Như sông hồ đầy nước,
Chảy tuôn ra bể cả.

II. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ HAI
(*Dutiyaabhisandasutta*) (*S*. V. 401)

1038. Này các Tỷ-kheo, có bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... trú ở gia đình, với tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

(Như kinh trên)…

Ví như, tại chỗ mà các con sông lớn này gặp nhau, nhập vào một dòng với nhau, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, thật không dễ gì đếm được số lượng nước tại chỗ ấy là có bao nhiêu thùng, bao nhiêu trăm thùng, bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập... đại uẩn phước đức.

Thế Tôn nói như vầy:

(Như hai bài kệ kinh trên)…

III. KINH PHƯỚC ĐỨC SUNG MÃN THỨ BA
(*Tatiyaabhisandasutta*) (*S*. V. 401)

1039. (Như kinh trên)…

(Đoạn đầu như kinh trên đối với "Phật, Pháp, Tăng")… có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [các pháp], trí tuệ các bậc Thánh thể nhập [các pháp], đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

(Như kinh trên)…

Thế Tôn thuyết như vầy:

Ai ước muốn phước đức,
Vững trú trên điều thiện,

Tu tập theo con đường,
Đưa đến đạt bất tử,
Chứng được lõi của pháp,
Thích thú đoạn [lậu hoặc],
Vị ấy không run sợ,
Khi nghĩ đến thần chết.

IV. KINH RẤT GIÀU THỨ NHẤT (*Paṭhamamahaddhanasutta*) (*S*. V. 402)

1040. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn,[15] có danh xưng lớn. Thế nào là bốn?

(Như các kinh trên, nói về lòng tịnh tín bất động đối với "Ba ngôi báu và các giới")…

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn.

V. KINH RẤT GIÀU THỨ HAI (*Dutiyamahaddhanasutta*) (*S*. V. 402)

1041. (Như kinh trên)…

VI. KINH THANH TỊNH (*Suddhakasutta*)[16] (*S*. V. 403)

1042. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

(Như các kinh trên, nói về lòng tịnh tín đối với "Ba ngôi báu và các giới").

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

VII. KINH NANDIYA (*Nandiyasutta*) (*S*. V. 403)

1043. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

Thế Tôn nói với họ Thích Nandiya đang ngồi một bên: "Thành tựu bốn pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu... giác ngộ. Thế nào là bốn?"

(Như kinh trên, nói về lòng tịnh tín đối với "Ba ngôi báu và các giới")…

(Như kinh trên)…

VIII. KINH BHADDIYA (*Bhaddiyasutta*) (*S*. V. 403)

1044. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

(Như kinh trên, chỉ khác đây là "họ Thích Bhaddiya").

IX. KINH MAHĀNĀMA (*Mahānāmasutta*) (*S*. V. 404)

1045. Nhân duyên ở Kapilavatthu.

(Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "họ Thích Mahānāma").

---

[15] *Chú giải* viết tài sản của bậc Thánh có tín, giới, tàm quý, văn thí và tuệ.

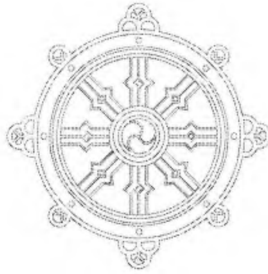
[16] Bản tiếng Anh của PTS: *Monks* (or *Puritan*), nghĩa là *Tỷ-kheo* (hay *Thanh tịnh*).

X. KINH PHẦN (*Aṅgasutta*) (*S*. V. 404)

1046. Có bốn Dự lưu phần, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Thân cận bậc Chân nhân, lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp và tùy pháp.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn Dự lưu phần.



VI. PHẨM TRÍ TUỆ
(*SAPPAÑÑAVAGGA*)

I. KINH CÓ KỆ (*Sagāthakasutta*) (*S*. V. 404)

1047. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

(Như các kinh trên, "lòng tịnh tín Ba ngôi báu và thành tựu các giới")… Này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử là bậc Dự Lưu... giác ngộ.

Thế Tôn nói như vầy:

Với ai tin Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Với ai giới thiện lành,
Bậc Thánh kính, tán thán.
Với ai tịnh tín Tăng,
Với tri kiến chánh trực,
Được nói: Không phải nghèo,
Sống vậy không vô ích.
Do vậy bậc Hiền minh,
Cần tu tập tín giới,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.

II. KINH AN CƯ MÙA MƯA (*Vassaṃvutthasutta*) (*S*. V. 405)

1048. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa ở Sāvatthi xong, đi đến Kapilavatthu vì một vài công việc.

Các họ Thích ở Kapilavatthu được nghe một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa xong ở Sāvatthi, đã đến Kapilavatthu.

Rồi các họ Thích ở Kapilavatthu đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Các họ Thích ở Kapilavatthu thưa với Tỷ-kheo ấy:

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

– Này chư Hiền, Thế Tôn có sức khỏe, có khỏe mạnh.

– Thưa Tôn giả, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Moggallāna có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

– Này chư Hiền, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Moggallāna có sức khỏe, có khỏe mạnh.

– Thưa Tôn giả, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

– Này chư Hiền, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe, có khỏe mạnh.

– Thưa Tôn giả, trong dịp an cư này, Tôn giả có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ gì từ Thế Tôn?

– Này chư Hiền, tôi có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; còn nhiều hơn là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa."

Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa; còn nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau."

Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất Lai, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau; còn nhiều hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự Lưu, không còn phải thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ."

III. KINH DHAMMADINNA (*Dhammadinnasutta*) (*S*. V. 406)

1049. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, ở Vườn Nai.

Rồi cư sĩ Dhammadinna[17] với năm trăm cư sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, cư sĩ Dhammadinna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giảng dạy cho chúng con! Thế Tôn hãy giáo giới cho chúng con! Nhờ vậy chúng con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Nếu vậy, này Dhammadinna, các ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, nghĩa lý thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, cần phải thường thường được tìm đến và an trú [học hỏi]. Như vậy, này Dhammadinna, các ông cần phải học tập.

[17] *Chú giải* viết ông là một trong bảy vị cư sĩ có số đồ chúng lên đến 500 vị. Sáu vị còn lại là cư sĩ Ugga, Citta, Hatthaka Āḷavaka, Cūḷa, Anāthapiṇḍika và nữ cư sĩ Visākhā.

– Bạch Thế Tôn, thật không dễ gì cho chúng con, phải sống trong những ngôi nhà đầy những trẻ con, sử dụng hương Chiên-đàn từ Kāsi, đeo các vòng hoa, hương và phấn sáp, thọ dụng vàng và bạc, đối với các kinh điển do Thế Tôn thuyết giảng thâm sâu, nghĩa lý thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa không, có thể thường thường tìm đến những kinh điển ấy và học hỏi. Bạch Thế Tôn, chúng con là những người an trú trên năm học pháp, Thế Tôn hãy giảng cho chúng con các pháp khác!

– Do vậy, này Dhammadinna, các ông hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn.'... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định." Như vậy, này Dhammadinna, các ông cần phải học tập.

– Bạch Thế Tôn, bốn Dự lưu phần này được Thế Tôn thuyết giảng, các pháp ấy có mặt ở nơi chúng con. Chúng con thực hiện các pháp ấy.

Bạch Thế Tôn, chúng con thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." ... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... chúng con thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

– Lợi đắc thay cho ông, này Dhammadinna! Thật khéo lợi đắc thay cho ông, này Dhammadinna! Này Dhammadinna, ông đã tuyên bố về Dự lưu quả.

IV. KINH BỊ BỆNH (*Gilānasutta*) (*S*. V. 408)

1050. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng họ Thích, tại Kapilavatthu, khu vườn cây Bàng.

Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành."

Họ Thích Mahānāma được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn và họ nghĩ rằng: 'Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành.'" Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con được nghe nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn và họ nghĩ rằng: "Sau khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ đi du hành." Chúng con chưa được tự thân nghe từ Thế Tôn, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn điều này. Bạch Thế Tôn, một cư sĩ có trí[18] bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải được một cư sĩ có trí giáo giới như thế nào?

– Này Mahānāma, một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cần phải an ủi với bốn pháp (*Assāsaniyehi dhammehi*) như sau: Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn." Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của Tôn giả đối với Pháp... Tôn giả hãy yên tâm, với lòng tịnh tín bất động của của Tôn

---

[18] *SA*. III. 291: *Sappañña* = *Sotāpanna*, tức bậc *Dự Lưu*.

giả đối với chúng Tăng... Tôn giả hãy yên tâm, với các giới của Tôn giả được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Một cư sĩ có trí bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, này Mahānāma, phải được một cư sĩ có trí giáo giới với bốn pháp an ủi này. Cần phải nói như vậy.

Tôn giả ấy có lòng thương nhớ cha mẹ. Nếu vị ấy nói: "Tôi còn có lòng thương nhớ cha mẹ", thời nên nói với vị ấy như sau: "Thưa Tôn giả, Tôn giả thế nào cũng phải chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ cha mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ cha mẹ, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với cha mẹ của Tôn giả."

Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với cha mẹ, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con hay không?" Nếu vị ấy nói: "Tôi có lòng thương nhớ vợ con", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả thế nào cũng chết. Dầu Tôn giả có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Dầu Tôn giả không có lòng thương nhớ vợ con, Tôn giả cũng sẽ chết. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ lòng thương nhớ đối với vợ con của Tôn giả."

Nếu vị ấy nói như sau: "Lòng thương nhớ của tôi đối với vợ con, lòng thương nhớ ấy đã được đoạn tận", vị ấy cần phải được nói như sau: "Tôn giả có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài người không?" Nếu vị ấy nói như sau: "Tôi có lòng thương tiếc năm dục công đức của loài người", vị ấy cần phải được nói như sau: "Các thiên dục đối với nhân dục còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn. Vậy tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi các nhân dục và hướng tâm đến Tứ Đại Thiên Vương thiên."

Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ nhân dục và hướng đến Tứ Đại Thiên Vương thiên", vị ấy cần phải được nói như sau: "Chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn Tứ Đại Thiên Vương thiên. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Tứ Đại Thiên Vương thiên và hướng tâm đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba."

Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Tứ Đại Thiên Vương thiên và hướng đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba", vị ấy cần được nói như sau: "Chư thiên Dạ-ma... chư thiên Đâu-suất... chư thiên ở Hóa Lạc... chư thiên Tha Hóa Tự Tại còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba."

... "Chư thiên ở Phạm thế còn hấp dẫn hơn, còn thù diệu hơn chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại. Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi chư thiên Tha Hóa Tự Tại và hướng tâm đến Phạm thế, Phạm thiên giới."

Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên và hướng tâm về chư thiên ở Phạm thế", thời vị ấy cần phải được nói như sau: "Này Tôn giả, Phạm thiên giới là vô thường, không thường hằng, bị thân kiến giới hạn.[19] Tốt hơn là Tôn giả hãy từ bỏ tâm khỏi Phạm thế và hướng tâm đến đoạn diệt thân kiến."

---

[19] *Sakkāyapariyāpanna:* Liên quan đến thân hay tự ngã. Xem *S.* III. 85; *KS.* III. 71.

Nếu vị ấy nói như sau: "Tâm tôi đã từ bỏ Phạm thế và hướng đến đoạn diệt thân kiến"; vị cư sĩ nói như vậy, này Mahānāma, và với Tỷ-kheo có tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, Ta nói rằng không có gì sai biệt, tức là về phương diện giải thoát.

V. KINH QUẢ VỊ THẤT LAI (*Sotāpattiphalasutta*)[20] (*S*. V. 410)

1051. Có bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là bốn?

Thân cận với bậc Chân nhân, lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp và tùy pháp.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Dự lưu.

VI. KINH QUẢ VỊ NHẤT LAI (*Sakadāgāmiphalasutta*) (*S*. V. 411)

1052. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến chứng ngộ quả Nhất lai").

VII. KINH QUẢ VỊ BẤT LAI (*Anāgāmiphalasutta*) (*S*. V. 411)

1053. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến chứng ngộ quả Bất lai").

VIII. KINH QUẢ VỊ A-LA-HÁN (*Arahattaphalasutta*) (*S*. V. 411)

1054. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến chứng ngộ quả A-la-hán").

IX. KINH LỢI ĐẮC TRÍ TUỆ (*Paññāpaṭilābhasutta*)[21] (*S*. V. 411)

1055. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến lợi đắc trí tuệ").

X. KINH TĂNG TRƯỞNG TRÍ TUỆ (*Paññāvuddhisutta*)[22] (*S*. V. 411)

1056. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến tăng trưởng trí tuệ").

XI. KINH QUẢNG ĐẠI TRÍ TUỆ (*Paññāvepullasutta*)[23] (*S*. V. 411)

1057. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến quảng đại trí tuệ").

---

[20] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (1052, 1053, 1054) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Four Fruits*, nghĩa là *Bốn quả vị*.

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *Acquiring*, nghĩa là *Lợi đắc*.

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *Growth*, nghĩa là *Tăng trưởng*.

[23] Bản tiếng Anh của PTS: *Increase*, nghĩa là *Quảng đại*.

VII. PHẨM ĐẠI TRÍ TUỆ
(*MAHĀPAÑÑAVAGGA*)

I. KINH ĐẠI TRÍ TUỆ (*Mahāpaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1058. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến đại trí tuệ").

II. KINH TRÍ TUỆ RỘNG LỚN (*Puthupaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1059. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ rộng lớn").

III. KINH TRÍ TUỆ TĂNG TRƯỞNG (*Vipulapaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1060. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến tăng trưởng trí tuệ").

IV. KINH TRÍ TUỆ THÂM SÂU (*Gambhīrapaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1061. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ thâm sâu").

V. KINH TRÍ TUỆ VÔ SONG (*Appamattapaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1062. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ không có ngang bằng").

VI. KINH TRÍ TUỆ SUNG MÃN (*Bhūripaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1063. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ sung mãn").

VII. KINH NHIỀU TRÍ TUỆ (*Paññābāhullasutta*) (*S*. V. 412)

1064. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ sung túc").

VIII. KINH TRÍ TUỆ NHANH LẸ (*Sīghapaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1065. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ nhanh lẹ").

IX. KINH TRÍ TUỆ KHINH AN (*Lahupaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1066. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ khinh an").

X. KINH TRÍ TUỆ HOAN HỶ (*Hāsapaññāsutta*) (*S*. V. 412)

1067. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ hoan hỷ").

XI. KINH TRÍ TUỆ TỐC HÀNH (*Javanapaññāsutta*) (*S*. V. 413)

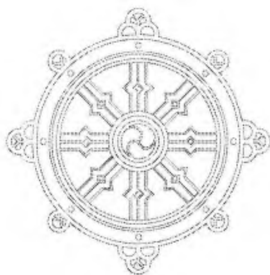
1068. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ tốc hành").

XII. KINH TRÍ TUỆ SẮC BÉN (*Tikkhapaññāsutta*) (*S*. V. 413)

1069. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ sắc bén").

XIII. KINH TRÍ TUỆ THỂ NHẬP (*Nibbedhikapaññāsutta*) (*S*. V. 413)

1070. (Như kinh trên, chỉ khác ở đây là "đưa đến trí tuệ thể nhập"). Thế nào là bốn?... (như trên)...



56. TƯƠNG ƯNG SỰ THẬT
(*SACCASAṂYUTTA*)

I. PHẨM ĐỊNH (*SAMĀDHIVAGGA*)

I. KINH ĐỊNH (*Samādhisutta*) (*S*. V. 414)

1071. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết (*pajānāti*). Và như thật rõ biết gì?

Như thật rõ biết: "Đây là khổ." Như thật rõ biết: "Đây là khổ tập." Như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt." Như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

II. KINH THIỀN TỊNH (*Paṭisallānasutta*) (*S*. V. 414)

1072. Này các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Như thật rõ biết gì?

(Như kinh trên)...

Này các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

III. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ NHẤT (*Paṭhamakulaputtasutta*) (*S*. V. 415)

1073. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, sẽ chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy sẽ làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... sẽ chơn chánh xuất gia... chơn chánh xuất gia... tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

IV. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ HAI (*Dutiyakulaputtasutta*) (*S*. V. 415)

1074. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời vị lai... sẽ như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại... như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đã như thật chứng ngộ... sẽ như thật chứng ngộ... như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 416)

1075. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác... sẽ như thật chánh đẳng giác... như thật chánh

đẳng giác; tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI
(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (*S*. V. 417)

1076. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ tuyên bố như thật chánh đẳng giác... tất cả những vị ấy sẽ tuyên bố như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... tuyên bố như thật chánh đẳng giác... tất cả những vị ấy tuyên bố như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đẳng giác... sẽ tuyên bố... hiện tuyên bố như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy đã tuyên bố... sẽ tuyên bố... hiện tuyên bố như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VII. KINH CÁC TẦM (*Vitakkasutta*) (*S*. V. 417)

1077. Này các Tỷ-kheo, chớ có suy tầm các tầm ác, bất thiện như dục tầm, sân tầm, hại tầm. Vì sao?

Các tầm ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Khi các ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tầm: "Đây là khổ." ... hãy suy tầm: "Đây là khổ tập." ... hãy suy tầm: "Đây là khổ diệt." ... hãy suy tầm: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì sao?

Các suy tầm ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VIII. KINH SUY TƯ (*Cintasutta*) (*S.* V. 418)

1078. Này các Tỷ-kheo, chớ có suy tư ác, bất thiện tầm: "Thế giới là thường hằng", hay: "Thế giới là vô thường", hay: "Thế giới là hữu biên", hay: "Thế giới là vô biên", hay: "Sinh mạng này, thân thể này là một", hay: "Sinh mạng này, thân thể này là khác", hay: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Vì sao?

(Như kinh trên)…

Và có suy tư, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: "Đây là khổ." ... hãy suy tư: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì sao?

Các suy tư ấy... (như kinh trên).

IX. KINH NÓI LỜI TRANH LUẬN (*Viggāhikakathāsutta*) (*S.* V. 419)

1079. Này các Tỷ-kheo, chớ có nói lời tranh luận nhau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Tôi biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh, tôi theo chánh hạnh. Điều đáng nói trước, ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, ông lại nói trước. Lời nói tôi tương ưng. Lời nói ông không tương ưng. Điều ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của ông đã bị thách đố. Hãy đi giải tỏa quan điểm của ông! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu ông có thể làm được!" Vì sao?

Những câu chuyện ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, nếu có nói, thời hãy nói: "Đây là khổ." ... hãy nói: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì sao?

Các lời nói ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, làm căn bản cho Phạm hạnh... một cố gắng cần phải làm...

X. KINH NÓI LỜI VÔ ÍCH (*Tiracchānakathāsutta*)[1] (*S.* V. 419)

1080. Này các Tỷ-kheo, chớ có nói những câu chuyện vô ích như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Vì sao?

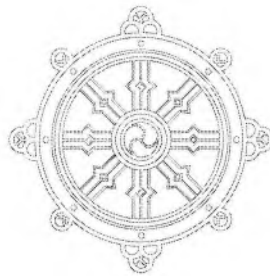
---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Talk*, nghĩa là *Nói*.

Những câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Có nói chuyện, này các Tỷ-kheo, các ông hãy nói chuyện: "Đây là khổ." ... hãy nói chuyện: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì sao?

Các câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."



II. PHẨM CHUYỂN PHÁP LUÂN (*DHAMMACAKKAPPAVATTANAVAGGA*)

I. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (*Dhammacakkappavattanasutta*) (*S.* V. 420)

1081. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

– Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

Một là đắm say trong các dục (*kāma*), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; oán gặp nhau là khổ; ái biệt ly là khổ; cầu không được là khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong Bốn Thánh đế này với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta không chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác.

Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong Bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta mới chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Koṇḍañña khởi lên Pháp nhãn thanh tịnh không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt."

Và khi pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời."

Sau khi được nghe tiếng chư thiên ở cõi đất, Tứ Đại Thiên Vương thiên lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời."

Sau khi được nghe tiếng của chư thiên ở Tứ Đại Thiên Vương, thời chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... chư thiên Dạ-ma (Yāmā)... chư thiên Đâu-suất (Tusitā)... chư thiên ở Hóa Lạc... chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại... chư thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời."

Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư thiên.

Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña! Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!"

Như vậy, Tôn giả Koṇḍañña được tên là Aññā Koṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như).

II. KINH NHƯ LAI (*Tathāgatasutta*) (*S*. V. 424)

1082. Thánh đế về Khổ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ đã được liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Thánh đế về Khổ tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Thánh đế về Khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.

Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

III. KINH UẨN (*Khandhasutta*) (*S*. V. 425)

1083. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế

về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải được nói là năm thủ uẩn. Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là các Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

IV. KINH NỘI XỨ (*Ajjhattikāyatanasutta*)[2] (*S.* V. 426)

1084. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này... Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải trả lời là sáu nội xứ. Thế nào là sáu? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

(Như kinh trên)…

V. KINH THỌ TRÌ THỨ NHẤT (*Paṭhamadhāraṇasutta*) (*S.* V. 426)

1085. Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì Bốn Thánh đế do Ta đã thuyết giảng cho các ông.

Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng.

– Này Tỷ-kheo, như thế nào, ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng?

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ diệt là Thánh đế thứ ba do Thế Tôn thuyết

[2] Bản tiếng Anh của PTS: *Sphere of Sense*, nghĩa là *Xứ* (*cảnh giới của căn*).

giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng.

Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Này Tỷ-kheo, Khổ là Thánh đế thứ nhất do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì... Này Tỷ-kheo, Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VI. KINH THỌ TRÌ THỨ HAI (*Dutiyadhāraṇasutta*) (*S.* V. 427)

1086. (Như kinh trên)…

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ ấy là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất"; sự kiện như vậy không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai... Khổ diệt là Thánh đế thứ ba... không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Con đường đưa đến khổ diệt này, được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con đường đưa đến khổ diệt ấy là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư"; sự kiện này không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, như vậy con thọ trì Bốn Thánh đế do Thế Tôn thuyết giảng.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Khổ, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ nhất, do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Khổ này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ này là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất"; sự kiện như vậy không xảy ra... Khổ diệt Thánh đế... Con đường đưa đến khổ diệt, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Con đường đưa đến khổ diệt này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con đường đưa đến khổ diệt này là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư"; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VII. KINH VÔ MINH (*Avijjāsutta*) (*S*. V. 429)

1087. Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (*avijjāgato*)?

– Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VIII. KINH MINH (*Vijjāsutta*) (*S*. V. 429)

1088. (Như kinh trên)...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

– Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

IX. KINH THI THIẾT (*Saṅkāsanasutta*) (*S*. V. 430)

1089. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ (*vaṇṇā*), vô lượng văn (*byañjanā*), vô lượng thi thiết (*saṅkāsanā*). Đây là Thánh đế về Khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Khổ tập.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Khổ diệt.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

X. KINH NHƯ THẬT (*Tathasutta*) (*S.* V. 430)

1090. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật (*avitathāni*), không khác như thật (*anaññathāni*). Thế nào là bốn?

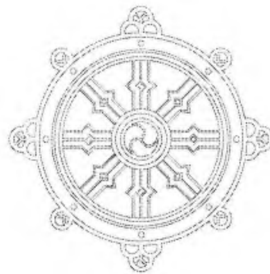
Đây là khổ, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là khổ tập, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."



III. PHẨM KOṬIGĀMA
(*KOṬIGĀMAVAGGA*)

I. KINH TẠI KOṬIGĀMA THỨ NHẤT (*Paṭhamakoṭigāmasutta*)[3] (*S*. V. 431)

1091. Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Vajjī, tại Koṭigāma. Tại đấy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt Bốn Thánh đế mà Ta và các ông lâu ngày phải giong ruổi, lưu chuyển như thế này. Thế nào là bốn?

Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các ông lâu ngày phải giong ruổi, lưu chuyển như thế này... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các ông lâu ngày phải giong ruổi, lưu chuyển như thế này.

Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sanh (*bhavanetti*); nay không còn tái sanh nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,
Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.

Khi chúng được thấy rõ,
Mầm tái sanh nhổ sạch,[4]
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

II. KINH TẠI KOṬIGĀMA THỨ HAI (*Dutiyakoṭigāmasutta*) (*S*. V. 431)

1092. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là khổ", không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", không như thật

---

[3] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Knowledge*, nghĩa là *Minh*.
[4] Xem *D*. II. 91; *Vin*. I. 231.

rõ biết: "Đây là khổ diệt", không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Những ai không rõ biết,
Khổ và khổ tập khởi,
Không rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Không biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Những vị ấy không có
Tâm và Tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào rõ biết,
Khổ và khổ tập khởi,
Và rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Rõ biết con đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,
Và các Tuệ giải thoát,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

III. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC
(*Sammāsambuddhasutta*) (*S*. V. 433)

1093. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Có Bốn Thánh đế, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, do như thật chánh giác Bốn Thánh đế này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

IV. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (*S*. V. 433)

1094. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy sẽ như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời quá khứ đã như thật chánh đẳng chánh giác... sẽ như thật chánh đẳng chánh giác, hiện như thật chánh đẳng chánh giác; tất cả những vị ấy... hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

V. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (*S*. V. 434)

1095. Với người biết, với người thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố các lậu hoặc được đoạn tận, không phải với người không biết, với người không thấy. Và do biết gì, do thấy gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

Do biết, do thấy: "Đây là khổ", này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do biết, do thấy: "Đây là khổ tập." ... "Đây là khổ diệt." ... Do biết, do thấy: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", các lậu hoặc được đoạn tận.

Do biết vậy, do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VI. KINH THÂN HỮU (*Mittasutta*) (*S*. V. 434)

1096. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ cần nghe theo như bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay huyết thống, thì này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ những người ấy, huấn

luyện, an trú những người ấy trong sự chứng ngộ như thật Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn... như thật Bốn Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VII. KINH NHƯ THẬT (*Tathasutta*) (*S*. V. 435)

1097. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, chúng được gọi là Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

VIII. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*) (*S*. V. 435)

1098. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, trong các thế giới, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Như Lai là bậc Thánh, do vậy được gọi là Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

IX. KINH LIỄU TRI (*Pariññeyyasutta*) (*S*. V. 436)

1099. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Trong Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, có Thánh đế cần phải liễu tri, có Thánh đế cần phải đoạn tận, có Thánh đế cần phải chứng ngộ, có Thánh đế cần phải tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế cần phải liễu tri?

Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, cần phải liễu tri. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

X. KINH GAVAMPATI (*Gavampatisutta*) (*S*. V. 436)

1100. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Ceti,[5] tại Sahañcanika.

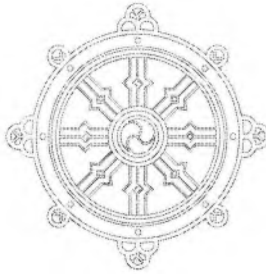
---

[5] Còn gọi là Ceta, Cetiya. Trong *BI.* 28f, Ceti có thể là nước Nepal ngày nay.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa ăn xong, sau khi đi trở về, ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai thấy khổ, người ấy cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt."

Được nghe nói vậy, Tôn giả Gavampati[6] nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa:

– Tôi có tự thân nghe từ Thế Tôn, thưa chư Hiền, tự thân lãnh thọ như sau: "Này các Tỷ-kheo, ai thấy khổ, người ấy cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy khổ tập, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy khổ diệt, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ tập, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy con đường đưa đến khổ diệt, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt."



[6] Con trai của một thương gia thành Ba-la-nại được Thế Tôn cho xuất gia khi Tăng đoàn mới thành lập.

IV. PHẨM RỪNG SĪSAPĀ (*SĪSAPĀVANAVAGGA*)[7]

I. KINH RỪNG SĪSAPĀ (*Sīsapāvanasutta*) (*S*. V. 437)

1101. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại rừng Sīsapā.

Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Sīsapā, rồi bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Sīsapā mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Sīsapā?

– Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Sīsapā mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Sīsapā.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là khổ", này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", là điều Ta nói.

Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

II. KINH LÁ CÂY KEO (*Khadirapattasutta*)[8] (*S*. V. 438)

1102. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ tập, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ diệt, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

---

[7] Bản Tích Lan và PTS viết Siṃsapā.

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *The Acacia Tree*, nghĩa là *Cây keo*.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nói như sau: "Với những lá cây keo, hay lá cây Palāsa hay lá cây Kha-lê-lặc (Āmalaka), tôi sẽ làm giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt"; sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... không như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này có xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau: "Với những lá sen hay lá Palāsa hay lá Māluva (một loại cây leo), tôi sẽ làm các giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt"; sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: "Sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau"; sự kiện này có xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

III. KINH CÂY GẬY (*Daṇḍasutta*)[9] (*S.* V. 439)

1103. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được quăng lên hư không, khi thì rơi xuống đầu gốc, khi thì rơi xuống chặng giữa, khi thì rơi xuống đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, giong ruổi, luân chuyển, khi thì đi từ thế giới này đến thế giới kia, khi thì đi từ thế giới kia đến thế giới này. Vì sao? Vì rằng không thấy Bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, Bốn Thánh đế ấy là gì? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

IV. KINH KHĂN ĐẦU (*Celasutta*) (*S.* V. 440)

1104. – Này các Tỷ-kheo, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, thời phải làm gì?

– Bạch Thế Tôn, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, để dập tắt khăn đầu hay đầu bị lửa cháy cần phải có ước muốn tăng thượng (*chando*), tinh tấn (*vāyāmo*), cố gắng (*ussāho*), nỗ lực (*ussoḷhī*), không có thối thất (*appaṭivānī*), chánh niệm và tỉnh giác.

– Bỏ qua đầu và khăn bị cháy, này các Tỷ-kheo, không có tác ý để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế, chưa được chứng ngộ, cần phải có ước muốn tăng thượng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, không thối thất, chánh niệm và tỉnh giác.

---

[9] Xem *S.* II. 185.

Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

V. KINH MỘT TRĂM CÂY THƯƠNG (*Sattisatasutta*)[10] (*S*. V. 440)

1105. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người tuổi thọ đến một trăm năm, mạng sống đến một trăm năm. Có người đến nói với người ấy: "Này ông, vào buổi sáng, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi trưa, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi chiều, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Này ông, như vậy mỗi ngày ông bị đâm ba trăm cây thương, với tuổi thọ đến một trăm năm, với mạng sống đến một trăm năm. Sau một trăm năm, ông sẽ được giác ngộ Bốn Thánh đế trước kia chưa được giác ngộ." Này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử hiểu biết nghĩa lý (*atthavasikena*) có thể chấp nhận chăng? Vì sao?

Vô thỉ, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với [những đau khổ] do bị thương đâm, do bị kiếm chém, do bị búa chặt. Dầu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà Bốn Thánh đế được chứng ngộ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng nhờ lạc và hỷ mà Bốn Thánh đế được chứng ngộ. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

(Như kinh trên)…

VI. KINH SANH LOẠI (*Pāṇasutta*) (*S*. V. 441)

1106. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người trên cõi Diêm-phù-đề này chặt cỏ, cây, cành, lá và chất thành một đống. Chất thành một đống xong, vị ấy làm thành những cây gậy có vót nhọn (*sūlaṃ*). Sau khi làm thành những cây gậy có vót nhọn, vị ấy đâm những sanh loại lớn trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn lớn; vị ấy đâm những sanh loại bậc trung trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc trung; vị ấy đâm những sanh loại nhỏ trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc nhỏ. Này các Tỷ-kheo, các sanh loại to lớn trong biển lớn không có thể cạn sạch hết. Dầu rằng tất cả cỏ, cây, cành, lá ở cõi Diêm-phù-đề có thể đem ra dùng hết sạch. Nhưng còn nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, là những sanh loại nhỏ trong biển lớn không dễ gì đâm chúng với các gậy có vót nhọn. Vì sao?

Này các Tỷ-kheo, vì cá thể (*attabhāvassa*) của chúng rất tế nhị. Lớn vậy, này các Tỷ-kheo, là đọa xứ. Và này các Tỷ-kheo, được thoát khỏi đọa xứ lớn ấy là người nào đã thành tựu chánh kiến, như thật rõ biết: "Đây là khổ." ... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

---

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *A Hundred Years*, nghĩa là *Một trăm năm*.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VII. KINH MẶT TRỜI THỨ NHẤT (*Paṭhamasūriyasutta*) (*S*. V. 442)

1107. Này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước sự giác ngộ như thật Bốn Thánh đế, tức là chánh tri kiến...

Với Tỷ-kheo có chánh tri kiến này, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là vị ấy sẽ rõ biết: "Đây là khổ",... vị ấy sẽ rõ biết. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

VIII. KINH MẶT TRỜI THỨ HAI (*Dutiyasūriyasutta*) (*S*. V. 442)

1108. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám, có sự phân biệt đêm và ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi ấy, không có sự tuyên bố, không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự thiết lập, không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị Bốn Thánh đế.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Cho đến khi ấy, có sự tuyên bố, có sự thuyết giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị Bốn Thánh đế.

Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

IX. KINH CỘT TRỤ (*Indakhīlasutta*) (*S*. V. 443)

1109. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật

rõ biết: "Đây là khổ",... không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Họ ngước nhìn mặt (*ullokenti*) một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hột bông hay một hột bông Kappāsa bị gió nhẹ thổi lên, rơi xuống đất bằng, và gió phía Đông thổi nó qua phía Tây; gió phía Tây thổi nó qua phía Đông; gió phía Bắc thổi nó qua phía Nam; gió phía Nam thổi nó qua phía Bắc. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì hột bông Kappāsa rất nhẹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là khổ",... không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Họ ngước nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy." Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không chánh kiến Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là khổ",... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Họ không ngước nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây cột sắt hay cây cột trụ, bàn tọa được đóng sâu (*gambhīranemo*), khéo chôn sâu, bất động, không có lay chuyển; nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển... nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì bàn tọa được đóng sâu, khéo chôn sâu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là khổ",... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", họ không ngước nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác và nhận xét: "Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy." Vì sao? Vì Bốn Thánh đế được khéo thấy, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên)…

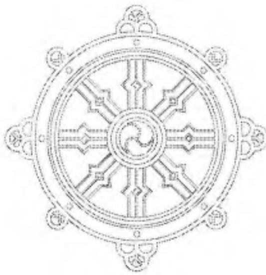
X. KINH TRANH LUẬN (*Vādatthikasutta*) (*S*. V. 445)

1110. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là khổ",... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Nếu từ phương Đông có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận", người này có thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận"; người này có thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cột đá dài đến mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay được chôn dưới đất từ bàn tọa và tám khuỷu tay ở phía trên. Nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, không thể làm cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển, nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, không thể làm cho cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì bàn tọa cột trụ được đóng sâu, khéo chôn sâu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào như thật rõ biết: "Đây là khổ."... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Nếu từ phương Đông có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận", vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: "Ta sẽ tranh luận", vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì Bốn Thánh đế đã được khéo thấy. Thế nào là bốn?

(Như kinh 1109 ở trên)...



V. PHẨM VỰC THẲM (*PAPĀTAVAGGA*)

I. KINH SUY TƯ VỀ THẾ GIỚI (*Lokacintāsutta*) (*S*. V. 446)

1111. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: "Ta sẽ suy tư về thế giới", và người ấy đi đến hồ sen Sumāgadhā; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā và suy tư về thế giới.

Này các Tỷ-kheo, người ấy ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā thấy một đoàn quân với bốn loại binh chủng (voi, ngựa, xe, bộ binh) đi vào trong một củ sen. Thấy vậy, người ấy nghĩ: "Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời."

Rồi người ấy, này Tỷ-kheo, đi vào trong thành và nói với một quần chúng lớn:

"Này quý vị, có lẽ ta phát cuồng; này quý vị, có lẽ ta điên loạn. Nay ta thấy một điều không thể có ở đời!"

"Như thế nào, này bạn, bạn phát cuồng? Như thế nào, bạn điên loạn? Bạn đã thấy gì không thể có ở đời?"

"Thưa quý vị, tôi đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: 'Tôi sẽ suy tư về thế giới.' Tôi đi đến hồ sen Sumāgadhā; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā, suy tư về thế giới. Thưa quý vị, tôi thấy trên bờ hồ Sumāgadhā một đoàn quân với bốn loại binh chủng đi vào trong một củ sen. Thấy vậy, thưa quý vị, tôi nghĩ: 'Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời!'"

"Thật vậy, này bạn, bạn đã phát cuồng. Thật vậy, bạn bị điên loạn. Bạn đã thấy một điều không thể có ở đời!"

Này các Tỷ-kheo, điều mà người ấy đã thấy là có thật, không phải không thật. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, chư thiên và loài asura (a-tu-la) dàn trận để khai chiến. Và này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư thiên thắng trận, các asura bại trận. Các asura bại trận, này các Tỷ-kheo, hoảng hốt đi vào thành asura ngang qua củ sen vì quá sợ hãi chư thiên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có suy tư về thế giới: "Thế giới là thường còn", hay: "Thế giới là vô thường", hay: "Thế giới là hữu biên", hay: "Thế giới là vô biên", hay: "Mạng sống và thân thể là một", hay: "Mạng sống và thân

thể là khác", hay: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Vì sao?

Các điều suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nếu có suy tư, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: "Đây là khổ." ... "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Vì sao?

Các suy tư như vậy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, các suy tư ấy làm căn bản cho Phạm hạnh, các suy tư ấy đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

II. KINH VỰC THẲM (*Papātasutta*) (*S*. V. 448)

1112. Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Paṭibhānakūṭa để nghỉ trưa!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng số đông Tỷ-kheo đi đến Paṭibhānakūṭa. Một Tỷ-kheo thấy một vực thẳm ở Paṭibhānakūṭa, thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật là lớn, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, thật là đáng sợ hãi, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, không biết có vực thẳm nào khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?

– Này các Tỷ-kheo, có vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: "Đây là khổ",... không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh; họ hoan hỷ với các hành đưa đến già; họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết; họ hoan hỷ với các hành đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não; họ tạo dựng các hành đưa đến sanh; họ tạo dựng các hành đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não; nên họ rơi vào vực thẳm sanh; họ rơi vào vực

thẳm già; họ rơi vào vực thẳm chết; họ rơi vào vực thẳm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ không liễu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ không liễu thoát khỏi đau khổ.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: "Đây là khổ",... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não; họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Do họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não; họ không rơi vào vực thẳm sanh; họ không rơi vào vực thẳm già; họ không rơi vào vực thẳm chết; họ không rơi vào vực thẳm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ liễu thoát khỏi sanh; khỏi già; khỏi chết; khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ liễu thoát khỏi đau khổ.

Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

III. KINH ĐẠI NHIỆT NÃO (*Mahāpariḷāhasutta*) (*S.* V. 450)

1113. – Này các Tỷ-kheo, có một địa ngục tên là Đại Nhiệt Não, tại đấy, con mắt có thấy sắc gì; chỉ thấy bất khả lạc sắc, không phải khả lạc sắc; chỉ thấy bất khả hỷ sắc, không phải khả hỷ sắc; chỉ thấy bất khả ý sắc, không phải khả ý sắc. Tai có nghe tiếng gì... Mũi có ngửi hương gì... Lưỡi có nếm vị gì... Thân có cảm xúc gì... Ý có nhận thức pháp gì; chỉ nhận thức bất khả lạc pháp, không phải khả lạc pháp; chỉ nhận thức bất khả hỷ pháp, không phải khả hỷ pháp; chỉ nhận thức bất khả ý pháp, không phải khả ý pháp.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế Tôn, thật khéo to lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế Tôn, không biết có nhiệt não nào khác nữa còn lớn hơn và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy?

– Này Tỷ-kheo, có nhiệt não khác còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy.

– Bạch Thế Tôn, nhiệt não khác ấy như thế nào còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy?

(Như kinh trên với những thay đổi cần thiết khác. Kinh trên viết: "Họ rơi vào vực thẳm sanh; vực thẳm già; vực thẳm chết; vực thẳm sầu, bi, khổ, ưu, não." Còn kinh này viết: "Họ bị đốt cháy trong nhiệt não sanh... già... chết... sầu, bi, khổ, ưu, não.")

IV. KINH NGÔI NHÀ CÓ NÓC NHỌN (*Kūṭāgārasutta*) (*S.* V. 452)

1114. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con

đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau", sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà", sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau", sự kiện này không xảy ra.

Nhưng, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau", sự kiện này có xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà", sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: "Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ đoạn tận khổ đau", sự kiện này có xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ."... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

V. KINH LÔNG ĐUÔI (*Vālasutta*)[11] (*S.* V. 453)

1115. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Vesāli để khất thực. Tôn giả Ānanda thấy một số đông thiếu niên người Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào.

Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào."

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi khất thực ở Vesāli xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesāli để khất thực. Bạch Thế Tôn, con thấy rất nhiều thiếu niên Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào. Thấy vậy, con nghĩ như sau: "Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào."

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *The Keyhole*, nghĩa là *Lỗ khóa*.

– Ông nghĩ thế nào, này Ānanda, cái gì khó làm hơn hay cái gì khó đạt đến (*durabhisambhavataraṃ*), từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào; hay bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần?

– Việc này khó làm hơn, bạch Thế Tôn, khó đạt đến hơn, tức là bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần.

– Cũng vậy, này Ānanda, đâm xuyên ngang qua một cái gì khó đâm xuyên hơn là những ai như thật đâm xuyên qua: "Đây là khổ." ... như thật đâm xuyên qua: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Do vậy, này Ānanda, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VI. KINH TỐI TĂM (*Andhakārasutta*) (*S.* V. 454)

1116. – Có một hắc ám giữa các thế giới không có trần che, tạo ra tối tăm, tạo ra hắc ám; ở đấy ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy cũng không hiện ra.

Được nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Thật là to lớn, bạch Thế Tôn, tối tăm ấy! Thật là to lớn, bạch Thế Tôn, tối tăm ấy! Bạch Thế Tôn, có một tối tăm nào khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy?

– Này Tỷ-kheo, có một tối tăm khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy.

– Bạch Thế Tôn, sự tối tăm khác ấy là gì, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy?

(Như kinh 1112, chỉ thay vào: "Họ rơi vào tối tăm sanh; tối tăm già; tối tăm chết; tối tăm sầu, bi, khổ, ưu, não").

VII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ NHẤT (*Paṭhamachiggaḷayugasutta*) (*S.* V. 455)

1117. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc gỗ có một lỗ hổng vào biển lớn. Tại đấy có con rùa mù, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hổng hay không?

– Năm khi mười họa may ra có thể được, bạch Thế Tôn, sau một thời gian dài.

– Ta tuyên bố rằng còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, là con rùa mù ấy, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hổng ấy; còn hơn kẻ ngu, khi một lần đã rơi vào đọa xứ để được làm người trở lại. Vì sao?

Vì rằng ở đấy không có pháp hành, chánh hành, thiện nghiệp, phước nghiệp. Ở đấy, này các Tỷ-kheo, chỉ có ăn thịt lẫn nhau, và chỉ có người yếu bị ăn thịt. Vì sao?

Vì không thấy được Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

VIII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ HAI
(*Dutiyachiggaḷayugasutta*) (*S*. V. 456)

1118. – Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất lớn này chỉ toàn một bãi nước và một người đến ném xuống đấy một khúc cây có một lỗ hổng. Rồi gió phương Đông thổi nó trôi về phương Tây; gió phương Tây thổi nó trôi về phương Đông; gió phương Bắc thổi nó trôi về phương Nam; gió phương Nam thổi nó trôi về phương Bắc. Tại đấy, một con rùa mù cứ mỗi trăm năm nổi lên một lần.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hổng hay không?

– Thật khó được vậy, bạch Thế Tôn, con rùa mù ấy, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hổng ấy!

– Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là được làm người! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Pháp và Luật này do Như Lai thuyết giảng chiếu sáng trên đời.

Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, các ông đã được làm người, và Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng chói sáng ở đời.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm... (xem kinh trên).

IX. KINH VUA NÚI SINERU THỨ NHẤT
(*Paṭhamasinerupabbatarājasutta*)[12] (*S*. V. 457)

1119. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay vua núi Sineru?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với vua núi Sineru.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể

[12] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: *Sineru*, tức núi Tu-di.

so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là khổ." ... đã rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

X. KINH VUA NÚI SINERU THỨ HAI
(*Dutiyasinerupabbatarājasutta*) (*S.* V. 458)

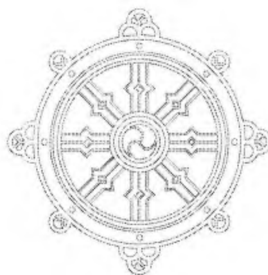
1120. – Ví như, này các Tỷ-kheo, vua núi Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, vua núi Sineru ấy đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn hay các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn tồn tại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn. Và ít hơn là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được còn lại, không thể đem ước tính, không thể đem so sánh và không thể bằng một phần nhỏ, nếu so sánh các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn lại với vua núi Sineru đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu mòn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là khổ." ... đã rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).



VI. PHẨM CHỨNG ĐẠT
(*ABHISAMAYAVAGGA*)

I. KINH ĐẦU MÓNG TAY (*Nakhasikhasutta*) (*S*. V. 459)

1121. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy ở đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này, và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy ở đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy lên đầu móng tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng đạt, cái này là nhiều hơn... (như kinh 1119).

II. KINH AO HỒ (*Pokkharaṇīsutta*) (*S*. V. 460)

1122. – Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hồ nước bề dài năm mươi do-tuần, bề rộng năm mươi do-tuần, bề sâu năm mươi do-tuần, đầy nước tràn trên bờ để con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ nước ấy, có người lấy lên một ít nước trên đầu ngọn cỏ kusa.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít nước lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa, hay là nước trong hồ nước?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong hồ nước, và ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở hồ nước với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa.

(Như kinh 1120)...

III. KINH HỢP DÒNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaṃbhejjasutta*) (*S*. V. 460)

1123. – Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, từ đấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước ở chỗ hợp dòng?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước ở chỗ hợp dòng; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không thể ước tính được,

không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

... Cũng vậy... (như kinh trên).

IV. KINH HỢP DÒNG THỨ HAI (*Dutiyasaṃbhejjasutta*) (*S*. V. 461)

1124. – Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, nước sông ấy đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

(Như kinh trên)…

V. KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ NHẤT
(*Paṭhamamahāpathavīsutta*) (*S*. V. 462)

1125. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên quả đất lớn các cục đất lớn bằng bảy hạt táo (*satta kolaṭṭhimattiyo*).

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các cục đất lớn bằng bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy, hay là quả đất này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất này; còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo đã được đặt lên như vậy. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể bằng một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn này với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo được đặt lên như vậy.

(Như kinh trên)…

VI. KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ HAI
(*Dutiyamahāpathavīsutta*) (*S*. V. 462)

1126. – Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại những cục đất lớn bằng bảy hạt táo.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể

thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại.

(Như kinh trên)…

VII. KINH BIỂN LỚN THỨ NHẤT
(*Paṭhamamahāsamuddasutta*) (*S*. V. 463)

1127. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy lên hai hay ba giọt nước từ biển lớn.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước trong biển lớn?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong biển lớn; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

(Như kinh trên)…

VIII. KINH BIỂN LỚN THỨ HAI (*Dutiyamahāsamuddasutta*) (*S*. V. 463)

1128. – Ví như, này các Tỷ-kheo, nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

(Như kinh trên)…

IX. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ NHẤT
(*Paṭhamapabbatūpamasutta*) (*S*. V. 464)

1129. – Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt trên vua Tuyết sơn các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy, hay là vua Tuyết sơn?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua Tuyết sơn; còn ít hơn là những hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh vua Tuyết sơn với các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

(Như kinh trên)…

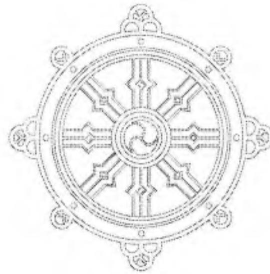
X. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ HAI (*Dutiyapabbatūpamasutta*) (*S.* V. 464)

1130. – Ví như, này các Tỷ-kheo, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại.

(Như kinh trên)...



VII. PHẨM LÚA GẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ NHẤT (*PAṬHAMAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)[13]

I. KINH NƠI KHÁC (*Aññatrasutta*) (*S*. V. 465)

1131. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy lên trên đầu móng tay, hay là quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này; còn ít hơn là một ít đất Thế Tôn lấy lên trên đầu móng tay. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là những chúng sanh được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là những chúng sanh bị tái sanh ra khỏi loài người. Vì sao?

Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

II. KINH BIÊN ĐỊA (*Paccantasutta*) (*S*. V. 466)

1132. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được tái sanh vào trung tâm các quốc độ; còn nhiều hơn là các chúng sanh bị tái sanh vào các biên địa, giữa những man di vô ý thức. Vì sao?

(Như kinh trên)…

III. KINH TRÍ TUỆ (*Paññāsutta*) (*S*. V. 466)

1133. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh thành tựu tuệ nhãn của bậc Thánh; còn nhiều hơn là các chúng sanh đi đến vô minh, si ám. Vì sao?

(Như kinh trên)…

[13] Bản tiếng Anh của PTS: *Cyclic Repetition*, nghĩa là *Bánh xe trùng thuyết*.

IV. KINH RƯỢU (*Surāmerayasutta*)[14] (*S*. V. 466)

1134. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Vì sao?

(Như kinh trên)…

V. KINH SANH Ở NƯỚC (*Odakasutta*) (*S*. V. 467)

1135. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được sanh trên đất liền (*thalajā*); còn nhiều hơn là các chúng sanh được sanh ra trong nước. Vì sao?

(Như kinh trên)…

VI. KINH HIẾU KÍNH MẸ (*Matteyyasutta*) (*S*. V. 467)

1136. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ.

(Như kinh trên)…

VII. KINH HIẾU KÍNH CHA (*Petteyyasutta*) (*S*. V. 467)

1137. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với cha.

(Như kinh trên)…

VIII. KINH SA-MÔN (*Sāmaññasutta*)[15] (*S*. V. 468)

1138. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Sa-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Sa-môn.

(Như kinh trên)…

IX. KINH BÀ-LA-MÔN (*Brahmaññasutta*)[16] (*S*. V. 468)

1139. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Bà-la-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Bà-la-môn.

(Như kinh trên)…

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Intoxicating Liquor*, nghĩa là *Rượu lên men làm say*.

[15] Bản tiếng Anh của PTS: *Reverent to Recluses*, nghĩa là *Kính trọng Sa-môn*.

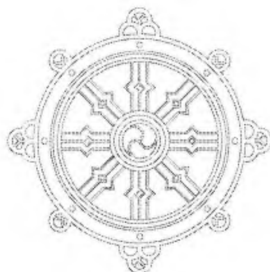
[16] Bản tiếng Anh của PTS: *Reverent to Brahmins*, nghĩa là *Kính trọng Bà-la-môn*.

X. KINH KÍNH TRỌNG CÁC BẬC LỚN TUỔI (*Pacāyikasutta*) (*S*. V. 468)

1140. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc.

(Như kinh trên)…



VIII. PHẨM LÚA GẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (*DUTIYAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)[17]

I. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātasutta*)[18] (*S*. V. 468)

1141. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ sát sanh; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ sát sanh. Vì sao?

(Như kinh trên)…

II. KINH LẤY CỦA KHÔNG CHO (*Adinnādānasutta*) (*S*. V. 468)

1142. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ lấy của không cho; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ lấy của không cho. Vì sao?

(Như kinh trên)…

III. KINH TÀ HẠNH TRONG CÁC DỤC (*Kāmesumicchācārasutta*) (*S*. V. 468)

1143. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ tà hạnh trong các dục; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ tà hạnh trong các dục. Vì sao?

(Như kinh trên)…

IV. KINH NÓI LÁO (*Musāvādasutta*) (*S*. V. 468)

1144. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói láo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói láo. Vì sao?

(Như kinh trên)…

V. KINH NÓI LỜI LY GIÁN (*Pesuññasutta*) (*S*. V. 469)

1145. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời ly gián; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời ly gián. Vì sao?

[17] Bản tiếng Anh của PTS: *Few Abstain*, nghĩa là *Ít người từ bỏ*.
[18] Bản tiếng Anh của PTS: *Life*, nghĩa là *Sự sống*.

(Như kinh trên)...

VI. KINH NÓI LỜI THÔ ÁC (*Pharusavācāsutta*) (*S*. V. 469)

1146. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời thô ác; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời thô ác. Vì sao?

(Như kinh trên)...

VII. KINH NÓI LỜI PHÙ PHIẾM (*Samphappalāpasutta*) (*S*. V. 469)

1147. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời phù phiếm; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời phù phiếm. Vì sao?

(Như kinh trên)...

VIII. KINH HỘT GIỐNG (*Bījagāmasutta*) (*S*. V. 470)

1148. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm hại các hột giống và các cây cỏ. Vì sao?

(Như kinh trên)...

IX. KINH ĂN PHI THỜI (*Vikālabhojanasutta*) (*S*. V. 470)

1149. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ ăn phi thời; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ ăn phi thời. Vì sao?

(Như kinh trên)...

X. KINH HƯƠNG LIỆU (*Gandhavilepanasutta*) (*S*. V. 470)

1150. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo. Vì sao?

(Như kinh trên)...

IX. PHẨM LÚA GẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ BA (*TATIYAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH MÚA HÁT (*Naccagītasutta*) (*S*. V. 471)

1151. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.

(Như kinh trên)…

II. KINH GIƯỜNG CAO (*Uccāsayanasutta*) (*S*. V. 471)

1152. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các giường cao, các giường lớn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các giường cao, các giường lớn.

(Như kinh trên)…

III. KINH VÀNG BẠC (*Jātarūparajatasutta*) (*S*. V. 471)

1153. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận vàng và bạc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận vàng và bạc.

(Như kinh trên)…

IV. KINH LÚA GẠO SỐNG (*Āmakadhaññasutta*) (*S*. V. 471)

1154. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các lúa gạo sống; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các lúa gạo sống.

(Như kinh trên)…

V. KINH THỊT SỐNG (*Āmakamaṃsasutta*) (*S*. V. 471)

1155. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các thịt sống; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các thịt sống.

(Như kinh trên)…

VI. KINH CON GÁI (*Kumārikasutta*) (*S*. V. 471)

1156. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận đàn bà, con gái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận đàn bà, con gái.

(Như kinh trên)…

VII. KINH NỮ TỲ (*Dāsidāsasutta*) (*S*. V. 472)

1157. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy các nô tỳ nữ, nô tỳ nam; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các nô tỳ nữ, nô tỳ nam.

(Như kinh trên)…

VIII. KINH DÊ, DÊ RỪNG (*Ajeḷakasutta*) (*S*. V. 472)

1158. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận dê và dê rừng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận dê và dê rừng.

(Như kinh trên)…

IX. KINH GÀ, HEO (*Kukkuṭasūkarasutta*) (*S*. V. 472)

1159. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận gà, heo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận gà và heo.

(Như kinh trên)…

X. KINH VOI, TRÂU, BÒ, LỪA (*Hatthigavassasutta*) (*S*. V. 472)

1160. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái.

(Như kinh trên)…

X. PHẨM CHÚNG SANH NHIỀU HƠN (*CATUTTHAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH RUỘNG ĐẤT (*Khettavatthusutta*) (*S.* V. 473)

1161. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy ruộng đất; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận lấy ruộng đất.

(Như kinh trên)…

II. KINH MUA BÁN (*Kayavikkayasutta*) (*S.* V. 473)

1162. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ mua bán; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ mua bán.

(Như kinh trên)…

III. KINH ĐƯA TIN TỨC (*Dūteyyasutta*) (*S.* V. 473)

1163. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ không phái người môi giới hay tự mình không làm môi giới; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ phái người làm môi giới, hay tự mình làm môi giới.

(Như kinh trên)…

IV. KINH CÂN LƯỜNG (*Tulākūṭasutta*) (*S.* V. 473)

1164. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường.

(Như kinh trên)…

V. KINH HỐI LỘ (*Ukkoṭanasutta*) (*S.* V. 473)

1165. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo.

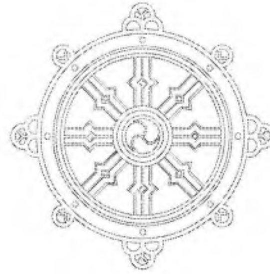
(Như kinh trên)…

VI-XI. KINH CHẶT PHÁ (*Chedanādisutta*)[19] (*S*. V. 473)

1166-1171. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."



[19] Bản tiếng Anh của PTS: *Flogging, Plundering and Violence*, nghĩa là *Sát hại, trộm cắp và cướp phá*.

XI. PHẨM NĂM SANH THÚ
(*PAÑCAGATIPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI [TÁI SINH] XUỐNG ĐỊA NGỤC
(*Manussacutinirayasutta*)[20] (*S*. V. 474)

1172. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh trong địa ngục.

(Như kinh trên)…

II. KINH NGƯỜI XUỐNG BÀNG SANH
(*Manussacutitiracchānasutta*) (*S*. V. 474)

1173. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh trong các loài bàng sanh.

(Như kinh trên)…

III. KINH NGƯỜI XUỐNG NGẠ QUỶ
(*Manussacutipettivisayasutta*) (*S*. V. 475)

1174. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

---

[20] Tên của 30 kinh trong phẩm này trong bản tiếng Anh của PTS đều dịch: *The Five Destinies*, nghĩa là *Năm sanh thú*.

IV-VI. KINH NGƯỜI LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Manussacutidevanirayādisutta*) (*S*. V. 475)

1175-1177. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào các loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

VII-IX. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Devacutinirayādisutta*) (*S*. V. 475)

1178-1180. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh giữa chư thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

X-XII. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG LÀM NGƯỜI, ĐỊA NGỤC (*Devamanussanirayādisutta*) (*S*. V. 475)

1181-1183. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XIII-XV. KINH ĐỊA NGỤC LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Nirayamanussanirayādisutta*) (*S*. V. 475)

1184-1186. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XVI-XVIII. KINH ĐỊA NGỤC LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Nirayadevanirayādisutta*) (*S*. V. 476)

1187-1189. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi

chết từ cõi địa ngục bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XIX-XXI. KINH BÀNG SANH LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Tiracchānamanussanirayādisutta*) (*S*. V. 476)

1190-1192. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XXII-XXIV. KINH BÀNG SANH LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Tiracchānadevanirayādisutta*) (*S*. V. 476)

1193-1195. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XXV-XXVII. KINH NGẠ QUỶ LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Pettimanussanirayādisutta*) (*S*. V. 476)

1196-1198. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng san sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)…

XXVIII-XXIX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Pettidevanirayādisutta*) (*S*. V. 477)

1199. (Như kinh trên)…

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh cõi địa ngục.

1200. (Như kinh trên)…

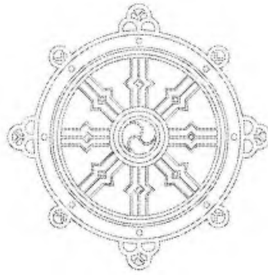
– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong các loài bàng sanh.

XXX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG NGẠ QUỶ
(*Pettidevapettivisayasutta*) (*S*. V. 477)

1201. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ." Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ tập." Một cố gắng cần phải làm rõ biết: "Đây là khổ diệt." Một cố gắng phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."



PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO VRI

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống VRI nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

* Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận, thuyết Luân hồi tịnh hóa, v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Thiền thứ hai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.5. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỳ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, …

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường

đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

4.5. Pháp số Phật học

4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, ngũ uẩn, lục căn, thất bảo, bát công đức thủy, cửu thiền, thập pháp giới.

4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: – Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích *Kinh Trạm xe* (số 24) thuộc *Kinh Trung bộ*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài Dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú

- Trang 254-256 được viết là 254-56.

- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

- *S*. I. 70. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70.
- *S*. 56.25: 1. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1.
- *Dh*. 10. Nghĩa là *Dhammapada*, trang 10.
- *Sn*. 140. Nghĩa là *Suttanipāta*, trang 140.
- *Thag*. 10. Nghĩa là *Theragāthā*, trang 10.
- *J*. I. 389. Nghĩa là *Jātaka*, tập I, trang 389.
- *DA*. I. 41-2. Nghĩa là *Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42.
- *UdA*. 217. Nghĩa là *Udāna Aṭṭhakathā*, trang 217.
- *Vin*. II. 287. Nghĩa là *Vinaya*, tập II, trang 287.
- *Vbh*. 351. Nghĩa là *Vibhaṅga*, trang 351.
- *Kvu*. 401. Nghĩa là *Kathāvatthu*, trang 401.

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả các ấn bản tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản.

- *GS*. II. 42. Nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, translated by F. L. Woodward, London: PTS, 1933, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1. Nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), London: PTS, 1915, p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên kinh theo ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*).
- *M*. 60, *Apaṇṇaka Sutta* (*Kinh Không gì chuyển hướng*).

6.4. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli được viết như sau: Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara; S. Ābhāsvara; H. 光音天; E. The Radian gods).

6.5. Chú thích theo Hán văn

6.5.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.5.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

- *Ly* 離 (*N*.15. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Nam truyền *ĐCT*, tập 15; 0006 là số hiệu của *Kinh Tương ưng bộ* tập III, nhóm 28, kinh số 1; trang 0345, cột a, dòng thứ 05.

6.5.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04; 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.5.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

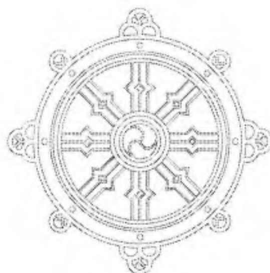
- *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của *Bất đãi phẩm*, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-a12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-a12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị thiếu, sót, nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc y theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phẩm. Nhiều chú thích vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.



PHỤ LỤC 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong các chú thích của
bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-1927).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-1927).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906. etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-1932).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Mahāvaṃsa, ed. Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Mahāvaṃsa, Extended, ed. Malalasekera, G. P. (London: PTS, 1937).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936).

Jātaka, 7 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-1896).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-1897).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-1838).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917).

Milindapañha - *Milinda Ṭikā*, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-1940).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-1907).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-1947).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-1937).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith. H. (London: PTS, 1916-1918).

Theragāthā - *Therīgāthā*, ed. by Oldenberg. H., and Pischel. R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-1959).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller. E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the *Kathāvatthu*), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the *Therīgāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethen* (A Translation of the *Theragāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the *Vinaya Piṭaka*), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs Rhys Davids C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-1930).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-1936).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. Horner, I. B. (London: PTS, 1954-1959).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the *Jātaka*), 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. B., Chalmers, R., Rouse, W. H. D., and Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: GP Putnam, 1896).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist Birth Stories,* Trübner's Oriental Series (London: Trübner and Co., 1880).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India*, Stories of the Nations (New York: GP Putnam, 1903).

Journal of the Pali Text Society (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

Geiger, Wilhelm, *Pali Literature und Sprache* (Strassburg: Karl J. Trübner, 1916).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-1938).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P, Buswell, R. E., Weeraratne. W.G. and others (Government of Ceylon, 1961-1999).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.W. and Stede, William (London: PTS, 1921-1925).

SÁCH DẪN

A

B

C

L

E

G

H

I

J

K

L

M

N

O

P

R

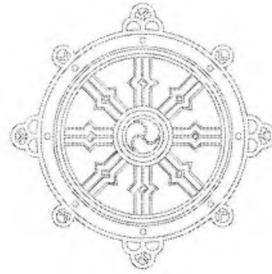
S

T

U

V

Y



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.

- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.

- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.

- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

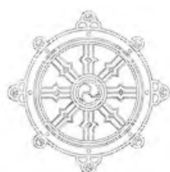
Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 03
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 03
KINH TƯƠNG ƯNG BỘ
(Saṃyutta Nikāya)
Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
ĐĐ. Nguyên Pháp, NS.TN. Huệ Trí, SC.TN. Huệ Tịnh, SC.TN. Liên Kỉnh,
Ngọc Thanh, Liên Ngọc, Ngọc Hoa, Liên Nguyệt

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

*: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại **Công ty CP In Khuyến học phía Nam** (Lô B5-8 đường D4,*
u công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB:
217-2020/CXBIPH/19 – 78/HĐ. Số QĐXB của NXB: 779/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 07/11/2020.
xong và nộp lưu chiểu năm 2020.
ã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-038-1

ISBN: 978-604-318-038-1

9786043180381